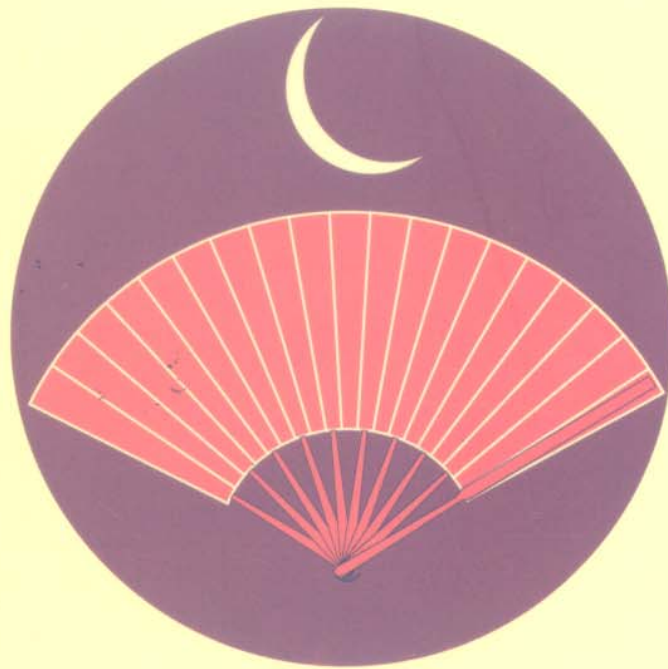


NGUYỄN HUỆ CHI
(Chủ biên)

TRUYỀN TRUYỀN KỶ VIỆT NAM

QUYỂN HAI



NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC VIỆT NAM

**TRUYỆN TRUYỀN KỲ
VIỆT NAM**

QUYỂN HAI
(TẬP III - TẬP IV)

SUPPORTED BY THE TOYOTA FOUNDATION

NGUYỄN HUỆ CHI
(CHỦ BIÊN)

TRUYỆN TRUYỀN KỶ VIỆT NAM

QUYỂN HAI
(TẬP III - TẬP IV)

(Tái bản lần thứ nhất, có bổ sung, hiệu chỉnh)

Biên soạn :

NGUYỄN HUỆ CHI
TRẦN THỊ BĂNG THANH - LẠI VĂN HÙNG
ĐẶNG THỊ HẢO - TRẦN HẢI YẾN
PHẠM NGỌC LAN - PHẠM TÚ CHÂU

NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC VIỆT NAM

**Công ty Cổ phần Dịch vụ xuất bản Giáo dục Hà Nội –
Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam giữ quyền công bố tác phẩm.**

475–2009/CXB/60–901/GD

Mã số : 8V347h9 - NĐN

* Trong phần tuyển tập *Truyện truyền kỳ Việt Nam*, Nhóm biên soạn sưu tầm, lựa chọn 262 truyện truyền kỳ và phỏng truyện kỳ trong vòng 7 thế kỷ (thế kỷ XIV - thế kỷ XX), trong đó có 216 truyện dịch từ chữ Hán và 46 truyện tiếng Việt, bắt nguồn từ 21 tập truyện chữ Hán và 14 tập truyện Quốc ngữ. Để thu thập được một khối lượng tác phẩm rộng rãi như trên, khái niệm truyện truyền kỳ vận dụng ở đây ít nhiều có xuất nhập so với tiêu chí chặt chẽ xác định cho thể loại trong phần khảo luận. Cụ thể hơn chúng tôi có đem vào bộ sách một số truyện ma quái đơn giản vốn được các tác giả thế kỷ XVIII - XIX sưu tầm hoặc phỏng tác xen lẫn với truyện truyền kỳ. Phần truyện phỏng truyện kỳ thu lượm rải rác dưới thời cận, hiện đại (thế kỷ XX), về mặt tiêu chí cũng có cách hiểu gần như vậy. Nói chung, những truyện ngắn và cá biệt một đôi truyện vừa có sự tham gia đậm nét của yếu tố kỳ ảo hoặc dùng lại mô típ truyện truyền kỳ quá khứ, đều được coi là phỏng truyện kỳ.

* Việc giải quyết các vấn đề văn bản học của phần văn bản truyện truyền kỳ chữ Hán thực tế rất phức tạp và không phải là nhiệm vụ chủ yếu của bộ tuyển tập này. Chúng tôi chỉ có thể chọn lấy một văn bản làm căn cứ chính trong khi dịch hoặc đối chiếu bản dịch, đồng thời cũng có tiến hành cả thao tác hiệu chỉnh văn bản đến một chừng mực nào đấy. Kết quả việc giám định và chọn lọc văn bản sẽ được giới thiệu một cách vắn tắt với tiểu sử tác giả trong lời dẫn đầu mỗi tập sách được chọn lọc.

* Phần dịch truyện chữ Hán do Nhóm biên soạn đảm nhiệm, hoặc chọn lại các bản dịch có uy tín đã công bố từ trước. Trường hợp chọn lại các bản dịch cũ đều có đối chiếu kỹ với nguyên gốc để chỉnh lý và nếu cần, bổ sung những chỗ dịch giả đã lược bỏ. Trong trường hợp cần thiết, những phần dịch lại

hoặc bổ sung có ký chú tên người dịch mới để bạn đọc dễ theo dõi. Chúng tôi quan niệm truyện truyền kỳ là một loại hình văn xuôi nghệ thuật mà thơ và văn biền ngẫu thường làm thành một phần trong kết cấu. Vì vậy, gặp các loại văn thơ này, trù trường hợp thật cá biệt, đều cố gắng dịch ra các thể loại thơ văn tương ứng. Do yêu cầu thống nhất của việc trình bày, các lời bình trong từng truyện nhất loạt đem xuống cuối, nhưng vẫn được quan niệm như một phần hữu cơ của từng thiên truyện.

* Việc chú giải truyện truyền kỳ là một công đoạn phức tạp tiếp theo phần tuyển chọn và dịch thuật. Có bốn loại chú giải trong phần truyện dịch từ chữ Hán : chú giải các điển cố, chú giải các nhân vật lịch sử, chú giải các địa danh có thật trong lịch sử, chú giải niên hiệu của các vương triều. Nhằm giúp bạn đọc sử dụng sách tiện lợi theo các yêu cầu khác nhau, chúng tôi xếp ba loại chú giải trước (điển cố và tên người, tên đất) xuống cuối mỗi trang, và loại chú giải sau (niên hiệu) vào hệ thống các bảng tra cứu cuối sách. Ở phần truyện tiếng Việt, do phương thức nghệ thuật đã khác với phần truyện chữ Hán, bảng tra cứu niên hiệu các triều vua được lược bỏ. Tuy bộ sách là một công trình nhất quán, nhưng vì phải phân chia thành 6 tập, mỗi tập được sử dụng tương đối độc lập, nên phần chú giải và tra cứu cũng soạn riêng cho từng tập. Một chú giải hoặc một mục từ tra cứu đã có ở tập này vẫn có khả năng lặp lại ở tập khác. Nhưng trong mỗi tập, để tránh sự trùng lặp, một chú thích đã có ở truyện trước sẽ được ký chú số chú thích và tên truyện đã chú, khi gặp lại lần sau.

TRUYỆN TRUYỀN KỶ VIỆT NAM

TẬP III

Người dịch :

TRÚC KHÊ NGÔ VĂN TRIỆN - ĐOÀN THẮNG
TÔ NAM NGUYỄN ĐÌNH DIỆM - ĐÀM DUY TẠO
BÙI VĂN NGUYÊN - PHẠM TÚ CHÂU - NGUYỄN HUỆ CHI
ĐẶNG THỊ HẢO - LẠI VĂN HÙNG
TRẦN THỊ BĂNG THANH - TRẦN HẢI YẾN

CÔNG DU TIỆP KÝ

公餘捷記

Tác giả : Vũ Phương Đề 武方提 (1698 - 1761). Tự là Thuần Phủ 純甫, người xã Mộ Trạch 慕澤, huyện Đường An 唐安, nay thuộc tỉnh Hải Dương. Đỗ Tiến sĩ khoa Bình Thâm (1736) niên hiệu Vĩnh Hựu thứ hai đời vua Lê Ý Tông. Làm quan đến chức Đông các học sĩ kiêm Tham chính Kinh Bắc (1759). Từng bị cách chức khoảng những năm 1744 - 1746 khi làm Đốc đồng Kinh Bắc, vì để trấn thành rơi vào tay giặc.

Sách Công dư tiếp ký được ông biên soạn và đề tựa vào năm Cảnh Hưng thứ mười sáu đời vua Lê Hiến Tông (1755). Về sau sách còn được Trần Quý Nha 陳季衙 người làng Diên Trì 滇池, huyện Chí Linh 至靈, Hải Dương 海陽 “tục biên”, và một người nào đó thêm vào một phần cuối, gọi là “bổ di”, và “bổ di hạ”. Hiện còn 8 bản chữ Hán chép tay, trong đó có các bản đáng chú ý : A.44 : 162 tờ, VHv. 14 : 131 tờ, VHv. 1324/1 - 2 : 147 tờ, Hv. 513 : 107 tờ. Là tập truyện có tính chất dã sử pha màu thần kỳ, ghi chép các mẩu chuyện, truyền thuyết về các sự kiện và nhân vật chủ yếu trong khoảng từ thế kỷ XV đến thế kỷ XVIII, phần Tiền biên được sắp xếp theo 12 mục lớn dưới các tiêu đề : thế gia, danh thần, danh nho, tiết nghĩa, chí khí, ác báo, tiết phụ, ca nữ, thần quái, danh phần dương trạch, danh thắng, thú loại ; phần Tục biên gồm 9 mục : danh nho, danh thần (có những truyện đã có ở Chính biên nhưng viết lược lại và có bổ sung về chi tiết), dân từ, mộng my, tạp ký, tài tử, tiên Phật, thần từ, sơn xuyên ; phần Bổ di gồm một số mẩu chuyện nhỏ, trước đó có phần ghi chép hành trạng Nguyễn Bình Khiêm (của Vũ Khâm Lân).

Dưới đây chúng tôi chọn 22 truyện, gồm 21 truyện phần Tiền biên, 1 truyện phần Tục biên, dựa trên bản dịch của Đoàn Thăng (11 truyện), Nguyễn Huệ Chi (10 truyện), và xin chọn thêm 1 truyện của Tô Nam Nguyễn Đình Diệm (Bộ Quốc gia giáo dục, Sài Gòn, xuất bản, 1961 - 1962). Vì bản dịch của Đoàn Thăng là bản dịch mộc chưa xuất bản nên trong khi tuyển chọn, Nhóm biên soạn có đối chiếu với nguyên văn để nhuận sắc ít nhiều câu chữ và bổ sung phần chú thích. Mặt khác vì các tên truyện trong nguyên bản (dựa theo bản A. 44) viết dưới hình thức biền ngẫu nên xin lược gọn cho dễ hiểu.

50. TÌM ĐẤT ĐỀN ON^(*)

Thượng thư⁽¹⁾ Nguyễn Văn Huy⁽²⁾ là người xã Vĩnh Kiều, huyện Đông Ngàn. Ông nội là Nguyễn Phúc Ngộ, bình sinh thích làm việc thiện, từng ngụ cư ở xã Đông Lâu, huyện Yên Phong, chuyên nghề nấu rượu. Cảnh nhà ông có một cây bồ đề cổ thụ bị bão quật đổ, ông bèn mua về làm củi. Khi đào đến rễ cây, thấy ở dưới có một cái huyệt chôn chừng ba đồng bạc. Ông đem số bạc ấy về cất đi, rồi sau dời nhà đi nơi khác.

Vài ba năm sau, một người khách phương Bắc tìm sang lấy bạc, nhưng dấu tích cũ không thấy đâu nữa, chỉ còn trơ một cái huyệt không. Người khách hỏi những người gần quanh, biết ông đã được số bạc ấy, bèn tìm đến nhà ông đưa ra một bản chúc văn cũ, nói rằng :

– Cũng vì món di sản của tiền nhân mà tôi phải cất công khó nhọc đến đây, không ngờ trời đã trao về ông rồi. Nay tôi định trở về nước sớm, chỉ dám mong ông giúp cho một ít lộ phí, thì tôi được đội ơn ông nhiều.

Nguyên từ khi ông được số bạc ấy đem về cất đi, vẫn không biết là bao nhiêu. Giờ đây, ông giờ xem chúc văn rồi kiểm lại thì thấy số bạc mình được so với con số đã ghi không sai chút nào. Ông bèn khoản đãi vị khách và bảo rằng :

– Số bạc này chính tôi đã lấy, nhưng tôi y số cất đi, không hề dùng đến. Đã là tài sản gốc của nhà ông thì xin hoàn lại ông tất cả.

(*) Nguyên văn : *Ngân khách tầm địa báo hiệu tâm nhân*. Đầu đề ghi ở mục lục và trong từng thiên truyện có khác nhau. Mục lục : *Vĩnh Kiều mộ tổ ký – Phụ Hiển Tích*.

(1) Nguyên chú : dưới triều Mạc.

(2) *Nguyễn Văn Huy* (1486 - ?) : người xã Vĩnh Kiều, huyện Đông Ngàn, nay là thôn Vĩnh Cầu, xã Đồng Nguyên, huyện Tiên Sơn, tỉnh Bắc Ninh, đỗ Đệ nhất giáp tiến sĩ cập đệ đệ tam danh (Thám hoa) khoa Kỷ Sửu (1529), làm quan đến Lễ Bộ Thượng thư, về trí sĩ.

Người khách từ chối nói :

– Số bạc ấy đâu là tài sản của tiền nhân tôi thật, nhưng nay ông sở hữu nó rồi thì đó là của ông. Nếu ông có lòng quyến cố, tôi chỉ xin chút ít đủ tiền ăn đường về nước thôi. Còn việc ông hoàn lại tất cả, tôi đâu dám tuân mệnh.

Ông nhất định không nghe. Người khách lại nói :

– Ông đã có lòng thành thì tôi xin bái lĩnh một nửa.

Ông đáp :

– Tôi nào phải là người không cận nhân tình mà dám coi thường chữ lợi. Chỉ vì số bạc này không phải là của tôi, chẳng qua trời sai tôi giữ lại cho ông nên tôi cất đi để đợi ông đó thôi, xin đừng nhọc lòng từ chối nữa.

Người khách không dám trái ý, bèn lĩnh bạc ra về.

Sau khi về nước, ông ta thường đem việc ấy kể cho nhiều người cùng nghe. Một thầy địa lý biết chuyện nói rằng :

– Thật hiếm có người tốt bụng như thế. Nay ta già mất rồi, giá còn trẻ thì thế nào cũng sang An Nam tìm cho nhà ấy một ngôi đất tốt để đền ơn.

Người khách khấn khoản xin thầy giúp cho. Thầy địa lý già nói :

– Ta có hai người học trò có thể sai đi được.

Người khách bèn cùng hai người đánh đường sang nước Nam.

Khi đến xã Vĩnh Kiều hỏi thăm, thì ông đã mất từ năm trước. Khách bèn mua sắm lễ phúng đem đến nhà ông cúng tế. Cúng xong ra đi, không biết đi đâu.

Hơn hai tháng sau bọn họ lại quay lại. Người khách bảo con ông rằng :

– Tôi mang nặng ơn đức của tiên công, không biết lấy gì báo đáp. Nay tôi đem được hai thầy địa lý giỏi sang tìm đất tốt để tạ ơn. Hiện đã tìm được hai ngôi : một ngôi kiểu “các núi châu về”, có thể làm được một đời đế vương. Một ngôi kiểu “bông hoa nở giữa tờ sắc cáo trục”⁽¹⁾, có thể làm được một đời Phò mã. Trong hai ngôi ấy, anh thích ngôi nào ?

(1) Nguyên văn : *Cáo trục hoa khai* 詔軸花開 ; *cáo trục* là đạo sắc ban cho các quan từ ngũ phẩm trở lên.

Con ông trả lời rằng :

– Chúng tôi là người quê mùa bủ lậu, dám đâu mong những chuyện ấy. Chỉ mong được một ngôi đất đời nào cũng sinh được người văn nho là đủ.

Hai thầy địa lý nói rằng :

– Nếu thế thì ngôi đất đã có sẵn trong làng ta rồi, việc gì phải tìm đâu nữa.

Xét ngôi đất ấy long mạch từ xã Cẩm Chương chạy tới, quanh co như hình rắn, đến làng Vĩnh Kiều là khúc đầu liền đột khởi hai gò đất nhỏ. Một gò hơi to và bằng phẳng. Một gò hơi bé và chênh lệch. Người học trò thứ nhất bảo huyệt ở gò to. Người thứ hai ngờ là không phải. Anh ta bèn đến chỗ một vũng nước sâu phía trước mặt, dầm mình xuống nước ngắm nghía hồi lâu, rồi đứng dậy nói rằng :

– Tôi đã nghiệm kỹ, đích thực huyệt ở gò bé.

Hai người tranh luận mãi mà vẫn không quyết, bèn vẽ bản đồ, sai người đem về Bắc xin sự phụ định đoạt. Thầy địa lý già xem xong bèn bảo :

– Ngôi đất này là kiểu “rắn vàng nghe hến”, tinh thần lắng ở tai. Hai gò tức là hai tai vậy. Gò lớn tất là tai điếc. Gò bé hơi chênh có tụ khí, huyệt ở đấy đấy.

Con ông theo lời, đem hài cốt ông đến táng ở mô đất ấy, ngôi phương *Cấn* trông phương *Khôn*⁽¹⁾. Quả nhiên đến đời thứ ba là Văn Huy thi đỗ Thám hoa khoa Đinh Hợi (1524) niên hiệu Minh Đức, làm quan đến Thượng thư mới về trí sĩ⁽²⁾.

Hiển Tích⁽³⁾ là con thứ của Văn Huy, lúc còn trẻ đỗ Hương tiến⁽⁴⁾ chỉ vì có tính hay uống rượu, lười nhác bỏ cả học nghiệp ; được sung chức Tù hiệu ở xứ Hải Dương. Có lần ông đến bến Nhà Bè ở sông Nhị Hà mời bạn bè đánh chén, rồi hứng chí xuống bến sông để tắm. Chợt nhìn thấy trên bè tre có một tờ giấy có chữ, bèn nhặt lên xem, thì là một bài phú cũ. Ông liền

(1) *Cấn* : phương Đông Bắc ; *Khôn* : phương Tây Nam.

(2) Lược một đoạn nói về các con Văn Huy.

(3) *Nguyễn Hiển Tích* (1524 - ?) : đỗ Đệ tam giáp đồng tiến sĩ xuất thân khoa Ất Sửu (1565), làm quan đến chức Tả thị lang, tước Nghi Khê bá.

(4) *Hương tiến* : thi Hương trúng tuyển. Cũng như đỗ Cử nhân đời Nguyễn.

học đến thuộc lòng, mỗi lần uống rượu xong thường gõ mâm ngâm nga, lâu ngày thành quen.

Khoa thi Ất Sửu (1565) vào kỳ đệ nhất, được bạn hữu giúp đỡ, nên ông đỗ kỳ ấy. Kỳ đệ nhị, ông đem một hồ rượu vào trường, uống say rồi bất giác ngủ quên. Trời đã xế chiều, thốt nhiên một cơn giông nổi lên, cát bụi mù trời. Ông đang ngủ, giật mình tỉnh dậy, ngược mắt nhìn ra, thấy mấy mảnh giấy có chữ bay đến trước mặt. Nhặt lên xem kỹ thì là một bài văn tứ lục. Ông mừng quá nói rằng : “Thực là trời cho ta”. Rồi cứ theo đấy viết ra, quả nhiên lại được đỗ. Kỳ đệ tam thì đầu đề bài phú lại đúng vào bài ông nhặt được ngày trước ở bến sông Nhị, nên cũng lại có tên. Đến kỳ đệ tứ, vì bỏ học đã lâu, chịu không thể nghĩ được một chữ nào, ông bèn lấy truyện *Lưu hầu*⁽¹⁾ cũ bằng quốc âm ra, câu nào quên mùa thì đặt lại lời mới. Mỗi khi đặt được một câu, lại mượn rượu ngâm vịnh. Quan Giám thị thấy thế bảo ông rằng :

– Trời muộn rồi, mọi người làm bài đã được quá nửa, sao quan Nghè tân khoa còn để quyển trắng, lại uống rượu say, hát xướng nhêu ngao làm vậy ?

Ông Tích đang lơ mơ đáp rằng :

– Muốn viết thì viết có khó gì.

Rồi viết luôn cả quyển truyện đem nộp. Một viên quan chấm thi vốn cũng hay Nôm, thấy lời văn thanh nhã nên gặp câu nào thích ý đều lấy bút khuyên, rồi đưa quyển ấy cho các vị khác, nói rằng :

– Quyển này Viện sơ khảo⁽²⁾ chúng ta không nên giữ riêng, hãy đem trình Viện phúc khảo⁽³⁾ để hiển cho họ một trận cười.

Viện phúc khảo xem lại, cho là chuyện đùa, rồi cả trường chấm thi cùng cười ầm lên. Tiếng cười lọt ra bên ngoài, quan Giám sát phải chạy vào hỏi, các quan chấm thi đành cứ thực trình bày.

(1) *Lưu hầu* : tức Trương Lương (? - 186 tr. CN), một danh tướng của nhà Hán, giúp Hán đánh thắng Tần và Hạng Vũ rồi bỏ đi tu tiên.

(2), (3) *Viện sơ khảo*, *Viện phúc khảo* : lệ chấm thi ngày xưa chia làm hai bộ phận ; bộ phận chấm đầu tiên gọi là Viện sơ khảo ; bộ phận chấm tiếp theo gọi là Viện phúc khảo. Sau đó, Giám khảo sẽ duyệt lại trước lúc trình lên Chánh Phó Chủ khảo.

Chấm xong, đệ những quyển đồ về triều để đức vua định đoạt. Hoàng thượng thấy lấy đồ ít quá, bèn kíp sai quan nội cung đem lệnh chỉ đến bảo lấy thêm. Khảo quan nói với quan truyền lệnh rằng :

– Chỉ có bấy nhiêu quyển là trúng cách, còn thì không tài nào lấy được nữa.

Quan truyền lệnh tuân theo nội chỉ cố ép lấy thêm. Khảo quan nói rằng :

– Chỉ còn một quyển Lưu hầu nữa thôi, ngoài ra không còn quyển nào nữa.

Quan truyền lệnh trở về tâu vua. Vua phán rằng :

– Lưu hầu không lấy thì còn lấy người nào !

Rồi truyền ngay cho khảo quan cứ lấy thêm ông. Đến khi đem quyển về trình vua, thì trót đã lấy đồ rồi, nên phải giấu việc ấy đi, không dám để lộ ra.

Sau ông Tích làm đến Binh Bộ Thị lang. Gặp lúc triều ta trung hưng, ông vâng chỉ ra trình, được lưu lại làm việc, bổ chức Thừa tuyên sứ xứ Tuyên Quang.

Xét từ khi có thi cử, những người được đỗ, tất là văn bài phải khá. Nay Hiễn Tích nhờ chữ Nôm mà được đỗ, có lẽ là một việc ngoa truyền chăng. Hoặc giả thời bấy giờ thi cử chưa có quy củ cho nên mới có chuyện lạ lùng như vậy. Nhưng điều đó cũng đủ thấy : học là ở người, còn đỗ hay hỏng là do số trời. Về sau có một viên Giám sinh vào tỉnh thí⁽¹⁾, đến kỳ đệ tứ không làm được bài, bèn viết những câu văn chữ Nôm tản mạn đem nộp. Các quan chấm thi cho là vô hạnh, định truất cả Giám sinh, sau kêu nài mãi mới được tha. Việc ấy để làm răn cho những kẻ hay học đòi người khác.

ĐOÀN THẮNG dịch

(1) *Tỉnh thí* : cũng như *cống thí*, là kỳ thi ở tỉnh, trấn, giành học vị Hương cống hoặc Cử nhân.

51. THỦ KHOA MẶT ĐẸP^(*)

Vũ Công Đạo⁽¹⁾ người Mộ Trạch, phụ thân là An Phú hầu, vốn thông minh từ nhỏ. Có lần có ông đồ già hàng xóm tên là Tả Cồn chỉ vào khóm mía ở trước sân ra cho cụ một vế đối : “*Đình tiền hữu giá giai trước tử y*” ; nghĩa : Mía ở trước sân đều mặc áo tía. Cụ đối lại rằng : “*Địa hạ sinh liên đồng trướng thanh cái*” ; nghĩa : Sen sinh dưới đất cùng giương lọng xanh. Già Cồn nghe xong hết sức tán thưởng, còn người am hiểu thì biết rằng : đó là điềm con cháu cụ sẽ đỗ đồng khoa. Quả nhiên về sau, cụ sinh ra ông và Công Lượng⁽²⁾ đều nổi tiếng anh tuấn.

Khoa thi Hội năm Bính Thân (1656), Công Lượng lên kinh ứng thí. Lúc ấy ở chợ Đông Đình trong thôn có một bà lão đang ngồi giữa đám đông, mặt bỗng dung đỏ tía, toàn thân lão đảo, nhảy phắt ra bảo rằng :

– Ta đây vốn là người tiên giáng trần. Khoa thi này được bao nhiêu Tiến sĩ ta đã biết trước. Làng Mộ Trạch các người hiện văn tinh đương vượng, đức Ngọc Hoàng đã chọn sẵn rồi nên ta xuống đây bảo cho các người biết ! Các người có muốn nghe không ?

(*) Nguyên văn : *Mạo thủ khoa, cửu trùng đặc chỉ*. Mục lục : *Thượng thư Vũ Công Đạo ký*.

(1) *Vũ Công Đạo* (1629 - 1714) : người xã Mộ Trạch, huyện Đường An, nay thuộc tỉnh Hải Dương. Đỗ Đệ tam giáp đồng tiến sĩ xuất thân khoa Kỷ Hợi (1659), làm quan đến chức Đô ngự sử, Nhập thị kinh diên. Vì trái ý chúa, bị bãi chức (1683), sau được khởi dụng làm Hữu thị lang Bộ Hình, Hữu thị lang Bộ Lại, Công Bộ Thượng thư rồi về trí sĩ. Sau khi mất được tặng chức Lễ Bộ Thượng thư, tước bá.

(2) *Vũ Công Lượng* (1624 - ?) : đỗ Đệ tam giáp đồng tiến sĩ xuất thân khoa Bính Tuất (1656), làm quan đến chức Hình khoa Đô cấp sự trung.

Người trong thôn lấy làm kỳ, bèn trải chiếu mời bà ngồi, rồi đứng vòng quanh và tranh nhau đem trâu cau ra lễ tạ, xin nghe lời phán bảo. Bà đáp :

– Khoa này có sáu Tiến sĩ thì làng Mộ Trạch chiếm được ba.

Người làng xin nói rõ họ tên, bà đáp :

– Đãng Long đỗ.

Hỏi lần thứ hai, đáp :

– Trác Lao đỗ.

Hỏi lần nữa, đáp :

– Công Lượng đỗ.

Mọi người nghe xong vẫn yên trí là câu nói quàng nên chẳng ai để ý. Nhưng đến khi treo bảng quả đúng như lời. Bấy giờ các bậc thức giả mới tin là có tiền định, mà việc yết bảng trên cửa nhà trời cũng chẳng phải là lời nói ngoa.

Lại nói trước đây một năm có thầy địa lý phương Bắc khi đi qua ngôi mộ tổ nhà Đãng Long, ghé lại xem xét hồi lâu rồi bảo mọi người rằng :

– Tôi vừa mới đến xã Nguyệt Áng huyện Thanh Trì xem ngôi mộ cũ họ Nguyễn, cho rằng khoa tới họ ấy sẽ có người đỗ đầu. Nay xem đến gò đất này thì khí mạch cũng không thua gì Nguyệt Áng, sang xuân thế nào cũng phát thủ khoa.

Bấy giờ ai cũng cho là lời nói vu vơ, chế giễu rằng :

– Thực hư của long hổ đều là chuyện hão đấy thôi. Có lý nào cùng một bảng mà lại có hai thủ khoa được chứ !

Đến khoa thi ấy, đề tài văn sách hỏi về quân đạo, thánh học, kính trời, dùng người, kỷ cương mở nước, bảo toàn công thần, pháp độ, quốc dụng, trị đạo, lễ nhạc, thưởng phạt của tướng soái, công nghiệp buổi trung hưng, thế nước,... cộng mười bốn mục. Lúc yết bảng, Đình Trự trúng Hội nguyên, Đãng Long đỗ thứ nhì. Đến khi vào vương phủ, Hoàng thượng nhìn thấy hình dáng mặt mũi Đãng Long hơn đứt Đình Trự, bèn xuống chỉ phán rằng :

– Gã này lại không đáng mặt thủ khoa hay sao ?

Rồi ra lệnh cho Long đứng ở bên phải Đình Trự. Vì thế người đời mới gọi : Đình Trự là “thủ khoa chữ”, Đãng Long là “thủ khoa mặt”, và mới tin thầy địa lý là người cao kiến.

Thời gian đó Công Đạo vẫn còn chưa đỗ đạt. Sang năm sau gặp đại tang, nhân có việc phải đi nơi khác, ông ghé vào trường thi Hương thì họ một người nên bị xếp vào hạng “có điểm khiếm khuyết”⁽¹⁾. Giữa lúc trong lòng đương phiền muộn thì bỗng một đêm ông nằm mơ thấy mình đi đến xã Vô Ngại, huyện Đường Hào. Khi đi qua một ngôi chùa, chợt nghe bên trong có tiếng hỏi vọng ra :

– Quan Nghè định đi đâu đấy ?

Ông vội rảo bước vào trước cửa tam quan, thì thấy hai người lính canh đang đứng hầu ở đấy, roi nắm trong tay. Ông hỏi :

– Trong ấy có vị quan nào thế ?

Họ đáp :

– Người mặc áo vàng ngồi chính giữa là đức Ngọc Hoàng Thượng đế, còn hai người mặc áo đỏ và xanh hai bên là Nam Tào, Bắc Đẩu đấy.

Ông tiến vào trước sân quỳ xuống tâu rằng :

– Dám hỏi hạ thần được đỗ Tiến sĩ khoa nào ?

Hỏi xong thì thấy hai người hai bên quay mặt vào vị ngồi giữa, hình như bấm vấn điều gì, rồi sau mới nghe họ phán bảo :

– Đỗ ngay khoa này !

Ông hỏi tiếp :

– Nhưng sang xuân thần còn chưa bỏ áo tang, sao có thể hy vọng đỗ được ?

Nghe có tiếng đáp :

– Gia hạn.

Ông lại hỏi :

– Thần đã mang lấy cái nghiệp “khiếm điểm” thì sao ?

Nghe tiếng đáp rằng :

– Tha cho điểm đó !

(1) Nguyên văn là *Khiếm điểm*, hiểu theo nghĩa đen là thiếu điểm. Nhưng theo truyện, ông này (và những người phạm lỗi “khiếm điểm”) về sau đều được chúa Trịnh xóa lỗi cho và cho thi Hội, chứng tỏ các vị này đều đã đỗ trong kỳ thi Hương. Vì thế chúng tôi dịch là “có điểm khiếm khuyết”, như nghĩa hai chữ “khuyết điểm” hiện đại.

Trong giấc mơ ông vui mừng khôn xiết, bèn lật đật nhồm dậy, chạy ra, chẳng ngờ trượt chân ngã xuống đất, thấy bên trong có một ông già đem chén nước lã ra đổ vào miệng, lát sau thì ông tỉnh dậy, trong miệng vẫn còn hương thơm.

Đến kỳ thi mùa xuân⁽¹⁾ năm Kỷ Hợi, trong nước gặp lúc hữu sự, nên lại phải hoãn đến mùa đông. Lại nữa, trong kỳ thi Hương trước, sĩ tử các nơi thường ngấm ngấm đội quyền vào thi giúp nên nhiều người đều bị “khiếm điểm”⁽²⁾. Vì thế Chiêu tổ⁽³⁾ mới phán rằng : “Những người đã đi thi hộ tất là người có học lực, vậy nay hãy tha hết cho họ cái lỗi ấy”. Nhờ đó việc “khiếm điểm” của ông cũng được xóa. Thế là ngay khoa ấy ông cùng bác ruột là Cầu Hối, em họ là Duy Hải, người cùng ấp là Công Triều cả bốn người đi thi và cùng đỗ một bảng. Kể từ lúc có khoa mục tới nay, chưa bao giờ có chuyện như vậy.

Ông làm quan tại triều, nghị luận cứng cỏi, không hề kiêng nể những kẻ quyền hành, từng dâng bài văn can việc chơi gà, rất được Chiêu tổ khen ngợi. Vào khoảng niên hiệu Dương Đức, ông sang sứ Bắc, khi về đến Nam Ninh thì gặp giặc giã ngăn trở, đường bộ không thông, Bắc quốc phải cấp một chiếc thuyền lớn để ông theo đường thủy về An Nam. Ông làm đến Đô ngự sử đài, nhân tâu trình về việc giữa Duy Đoán⁽⁴⁾ và hoạn quan Hán Quận công, vương không nghe, bèn đập đầu vào cột, khí phách lâm liệt chẳng khác gì người nín gậy lan can ngày trước⁽⁵⁾, được đương thời gọi là Trục Ngự sử⁽⁶⁾.

(1) Nguyên văn : *Xuân vi*, tức là trường thi mùa xuân, tức thi Hội.

(2) Câu này có hai chữ *cửu điểm* 久點, ngờ là *khiếm điểm* 欠點. Tạm chữa lại. Xem thêm Chú thích. 1, tr. 18, cùng truyện.

(3) *Chiêu tổ* : tức Khang vương Trịnh Căn, ở ngôi chúa 1682 - 1709.

(4) *Duy Đoán* : tức Vũ Duy Đoán (1621 - ?) : người xã Mộ Trạch, huyện Đường An, nay thuộc tỉnh Hải Dương, đỗ Đệ tam giáp đồng tiến sĩ xuất thân khoa Giáp Thìn (1664), làm quan đến chức Công Bộ Thượng thư, tước bá. Là người giúp chúa Trịnh Căn rất đắc lực. Về sau chúa cho ông lên công cán Cao Bằng nhưng lại đứng dưới quyền một hoạn quan là Hán Quận công, vì thế dưng luận triều đình không phục. Vũ Công Đạo là em họ ông cũng đập đầu vào cột để phản kháng.

(5) *Nín gậy lan can* : chỉ việc bẽ tôi Hán Thành Đế (32 - 6 tr. CN) là Chu Văn xin chém tên gian thần Trương Vũ, không được Hán Thành Đế chấp nhận, lại sai người kéo Chu Văn ra, Văn bám chặt lấy lan can cung điện đến nỗi lan can gãy.

(6) Nguyên chú : Công Đạo là vị Ngự sử chân chính.

Vì việc ấy ông bị bãi về, chưa bao lâu lại được triệu dụng, rồi làm đến chức Thượng thư mới về trí sĩ. Từ năm mười tám cho đến năm tám mươi sáu tuổi, năm nào ông cũng có thơ tự thuật bằng Quốc âm và Đường luật, đều xuất khẩu thành chương, được nhiều người truyền tụng⁽¹⁾. Ấy cũng bởi con đường sự nghiệp của ông từng được báo mộng ngay từ trước khi đỗ đạt rồi.

Ông là người bên ngoài có vẻ phong tình, nhưng trong tâm giữ mình rất thuần hậu. Khi còn làm Đốc đồng xứ Sơn Nam có viên thuộc hạ rình lúc phu nhân đi vắng, bèn đem một ả ca nhi tuyệt sắc vào dinh, những toan mua chút vinh sủng. Nhưng ông bảo rằng :

– Ta đây từ nhỏ đến lớn chưa hề ham hố đến cái sắc không phải của mình, nay ngươi toan lấy “vưu vật” để chực lung lạc ta đó chăng ?

Nói rồi ông cự tuyệt và bắt dẫn đi chỗ khác.

Tuy sống trong vinh hoa phú quý ông vẫn chẳng mua nàng hầu, chỉ có mỗi một phu nhân xe tơ kết tóc từ thuở hàn vi. Ông thường bảo con cháu :

– Ta dầu không theo kịp cổ nhân, nhưng cũng chưa hề phạm điều răn về hiếu sắc.

Tương đấy cũng là chỗ khó của người đời vậy⁽²⁾.

NGUYỄN HUỆ CHI dịch

(1) Nguyên chú : thấy trong tập *Lão Hội*.

(2) Lược bỏ một đoạn điểm lại nhân tài thời bấy giờ.

52. THUỘC THU LƯƠNG HỮU KHÁNH^(*)

Họ Lương ở châu Ái vốn là một họ giàu thịnh đứng đầu cả một vùng. Tiên tổ ngày trước sinh hạ được ba con trai. Cuối đời Trần trong cơn binh lửa, một chi phiêu dạt sang tỉnh Vân Nam đất Bắc, nhờ có công lớn, đời được nối tước vương. Một chi chuyển vào sinh sống ở xã Tào Sơn, huyện Ngọc Sơn, sinh hạ được Lương Thực và Lương Lâm, cũng đều nối đời đỗ đạt. Một chi vào trú ngụ tại xã Hội Trào, huyện Hoàng Hóa, sinh hạ Lương Đắc Bằng⁽¹⁾, đỗ Bằng nhãn khoa Kỷ Mùi (1499) niên hiệu Cảnh Thống nhà Lê.

Nhờ có người họ ở bên đất Bắc nên ông Đắc Bằng được nhiều sách lạ, bởi vậy ông rất tinh về cái học thuật số. Đến khi tuổi ngoài năm mươi, người vợ bé có thai được ba tháng thì ông bị đau nặng. Ông bảo vợ bé rằng :

– Nếu sau này sinh con trai, tất nó sẽ lập được sự nghiệp thần kỳ, làm cho gia thế hưng vượng. Nhưng đến lúc trưởng thành thì phải cho sang học quan Trạng Trình⁽²⁾ bên Vĩnh Lại, mới mong không dứt đoạn nghiệp nhà.

Nói xong ông tắt thở.

(*) Nguyên văn : *Tân quan phú, Lương danh thần chí quyết hướng minh*. Mục lục : *Thuộc thư Lương Hữu Khánh ký*.

(1) *Lương Đắc Bằng* (1472 - ?) : người xã Hội Triều, huyện Hoàng Hóa, về sau là thôn Hội Triều, xã Hoàng Phong, huyện Hoàng Hóa, tỉnh Thanh Hóa. Đỗ Hội nguyên, Đệ nhất giáp tiến sĩ cập đệ đệ nhị danh (Bằng nhãn) khoa Kỷ Mùi (1499). Làm quan đến chức Thượng thư Bộ Lại kiêm Đông các đại học sĩ, tước Đôn Trung bá.

(2) *Trạng Trình* : tức Nguyễn Bình Khiêm (1491 - 1585), người xã Trung Am, huyện Vĩnh Lại, về sau là thôn Trung Am, xã Lý Học, huyện Vĩnh Bảo, Hải Phòng. Đỗ Đệ nhất giáp tiến sĩ cập đệ đệ nhất danh (Trạng nguyên) khoa Ất Mùi (1535). Làm quan đến chức Thượng thư, Thái phó, tước Trình Quốc công. Năm 1542 cáo quan về trí sĩ.

Thế rồi vợ bé quả sinh con trai, trông rất khôi ngô, đặt tên là Hữu Khánh, mười tuổi đã biết làm văn. Lớn lên ăn rất khỏe, mỗi bữa ăn gấp mấy người thường, mẹ đành phải nhịn đói để cho con được no. Về sau, gia đình ngày một khánh kiệt. Trước cảnh ấy, ông thưa với mẹ rằng :

– Cha con ngày trước làm quan thanh bạch, nên ngày nay rau cháo chẳng đủ no lòng. Vậy con xin tạm biệt để tìm kế sinh nhai, khỏi phiền mẫu thân lo nghĩ.

Mẹ rầu rầu đáp :

– Ngày nay mẹ con chẳng nuôi được nhau để cho con phải đi bốn phương tìm sinh kế, thực cũng đau lòng.

Nói xong bà khóc nức nở, rồi ông từ biệt ra đi. Tới huyện bên cạnh xin vào tạm trú tại một nhà nho, giờ nghề thi phú làm kế độ thân.

Một hôm ông đến đầu bến đò sông Ngu thuộc xã Tam Kỳ gặp năm, sáu nhà sư đi làm chay trở về, đem theo một níp oản quả. Nhìn mặt biết ông đương có sắc đói, các vị sư bèn đem vài phẩm oản ra để tặng, nhưng ông từ chối rằng :

– Bần nho nhịn đói đã một ngày rồi, may sao gặp được các vị đại Bồ tát, tưởng các vị sẽ bố thí rộng rãi thế nào chứ cho bấy nhiêu thực không đủ dính mép !

Có vị sư già nghe vậy mỉm cười bảo :

– Nay hảo hán tự xưng là một nhà nho, vậy xin vịnh một bài thơ “Nho sư cùng thuyền”, hẹn khi đò sang đến bờ Nam mà thơ làm xong thì bấy nhiêu phẩm oản đem biếu tất.

Ông bèn đứng ngay trong thuyền ứng khẩu một bài Đường luật :

**Thác trung kinh sử, níp kim cương,
Ngã nhĩ kim đồng phiếm nhất hàng.
Hội xỉ cù đàm khanh sái lạc,
Vị long đài các ngã cao tường.
Di biên nhĩ thượng vưu Hàn Dũ
Vãng sự ngô do hận Thủy Hoàng.
Nhất đán tương phùng tùy tiền biệt,
Nhĩ thành Bồ quả ngã Văn Xương.**

(Một bồ kinh sử níp kim cương,
Người tớ cùng qua một chuyến giang.
Đám hội nhà chay, người dùng đỉnh,
Sân rồng hệ ngọc, tớ ghénh ngang.
Chuyện xưa người vẫn cảm Hàn Dũ⁽¹⁾
Việc trước ta còn hận Thủy Hoàng⁽²⁾.
Một sớm gặp nhau rồi tiễn biệt,
Người về châu Phật, tớ phò vương^(*))

Sư già nghe xong bài thơ tám tắc khen ngợi, rồi nghiêng giỏ tặng ông tất cả bảy nhiều phẩm oản. Ông ngồi ở chỗ mũi thuyền ăn ngay một lúc hết luôn cả sáu bảy chục phẩm, khiến cho người trong thuyền ai cũng kinh ngạc. Sư già thì cho là con người kỳ lạ, bèn mở túi tặng thêm một quan tiền nữa, và trước khi vái chào từ biệt còn hẹn ông rằng :

– Nhà thầy tài hoa như thế, nay dù còn lẫn trong đám trần ai, nhưng khi gặp cơ hội, tất nhiên sẽ tuôn mây cuội sóng. Bản tăng có điều này xin thầy nhớ kỹ cho : sau này nếu gặp cơn binh lửa, thầy nên tránh xa những cảnh Bồ đề, thì sẽ được tám gọi nhiều thiện duyên đó.

Nghe xong, ông bèn từ tạ đi ngay. Bấy giờ là lúc loạn lạc, đồng ruộng bỏ hoang, ông đi tới đâu cũng thấy làng xóm tiêu điều, không ai cung đón, có khi đến đêm ba ngày mới được một bữa, đành phải xoay nghề làm thuê, gánh mướn kiếm ăn. Một buổi sáng ông đi đến xã Vĩnh Trị, gặp một bà lão đương đi mướn người phát cỏ ruộng. Ông hỏi bà có bao nhiêu mẫu. Bà dẫn ông ra bờ ruộng bảo rằng :

– Ruộng nước quá sâu, cỏ hoang kết thành mảng chừng hơn năm mẫu.

(1) *Hàn Dũ* (768 - 824) : nhà thơ thời văn Đường, có bài biểu đả kích việc rước xương Phật, thể hiện tư tưởng bài Phật.

(2) *Thủy Hoàng* : tức Tần Thủy Hoàng (259 - 210 tr. CN), tên là Doanh Chính, vua nhà Tần, Trung Quốc, ở ngôi 246 - 210 tr. CN ; từng đốt sách Nho giáo, chôn học trò.

(*) Bản dịch xưa. Tô Nam Nguyễn Đình Diệm sưu tầm.

Ông bảo :

– Bà hãy về ngay nấu cho chừng mười suất ăn, và nhớ đem cả tiền công và gạo ra đây một thể, sau giờ Ngọ thì gánh hết ra bờ ruộng. Còn tôi, sẽ đi gọi người làm giúp bà.

Bà lão y lời bèn trở về. Ông liền vác ngay con dao lớn xuống ruộng phát lấy phát để, chưa tới giờ Ngọ mà năm mẫu ruộng đều đã sạch quang. Rồi ông lên chỗ gốc cây đánh một giấc, ngáy vang như sấm.

Giữa lúc ấy thì bà lão và đám người nhà cũng vừa gánh cơm ra tới, đánh thức ông dậy, ông ngồi lên ăn liền một lúc hết cả gánh cơm, rồi lãnh tiền công và gạo đi thẳng, khiến ai cũng ngạc nhiên, cho là dị nhân. Đến sau hỏi ra mới biết là cậu con quan Bảng nhãn thì ai cũng tấm tắc mãi không thôi.

Năm mười tám tuổi, nhớ lại lời di chúc của cha ngày trước, bèn mang tráp tìm đến cửa Trình tiên sinh để xin nhập học. Bấy giờ trong trường có đến hơn ba ngàn học trò mà Kế Khê công⁽¹⁾ bao giờ cũng chiếm giải nhất. Thế mà ông vừa đến, gặp lúc trên chiếu ra ba đầu bài, bèn làm thử thì đã áp đảo được Kế Khê công. Nguyên Trình Quốc công là học trò của cụ Bảng nhãn ngày trước, nay thấy con thầy tài hoa như vậy, nên hết sức trọng đãi.

Liên đó nhà Mạc mở khoa thi để tuyển nhân tài. Bản tâm ông không muốn ra làm quan, nhưng ngặt vì cảnh mẹ già, nhà khó, nên cũng phải miễn cưỡng đến kinh ứng thí. Đến khi vào trường, các môn kinh nghĩa, tứ lục, thơ phú suốt cả ba kỳ ông đều chiếm giải nhất, còn Kế Khê công phải đứng thứ nhì. Đến kỳ đệ tứ ông lại đứng đầu, nhưng đến khi ráp phách, thấy ông là người Thanh Hoa nên phải truất xuống thứ hai, mà cho Kế Khê công lên đứng thứ nhất. Thấy vậy ông không chịu vào thi Đình, thành ra Kế Khê công được đỗ Trạng nguyên.

Lúc ra ứng thí, ông trọ ở phố Hàng Bông. Một hôm thấy còn dành được sáu, bảy bát gạo và vài con cá biển, ông bèn đem nấu cả làm bữa sáng rồi trải chiếu xuống đất dọn cơm ra ăn, vừa cười vừa nói :

– Bữa cơm của ta hỏi có kém gì bữa ăn của đế vương ?

(1) *Kế Khê công* : tức Trạng nguyên Giáp Hải (1507 - 1585). Xem thêm truyện *Nhận ra mẹ đẻ*, số 53.

Chẳng ngờ có một viên quan nhà Mạc ở trong triều về đi qua nghe rõ câu nói, lập tức dừng xe lại coi, lấy làm lạ bèn tặng ông năm quan tiền, rồi tiến cử lên vua Mạc. Vua Mạc sai người đến dụ trăm phương ngàn kế nhưng rốt cuộc ông vẫn chẳng chịu ra làm quan. Rồi từ đấy mẹ con dắt nhau bỏ đi, nay đó mai đây, bao nỗi gian truân thực khôn xiết kể.

Bấy giờ ngọn cờ nghĩa⁽¹⁾ đã bắt đầu dựng ở phủ An Trường. Vốn biết tiếng ông, họ luôn luôn cho người tìm kiếm, song vì đường sá ngăn trở, rốt cuộc chẳng ai tìm được tới nơi. Mấy năm sau, Kế Khê công cầm quyền chính, cũng sai người đi tìm, gặp ông ở huyện Lục Ngạn miền Kinh Bắc, bèn đón về chấp lại mối tình cố cựu hết sức hoan hỷ, và để ông ở riêng một căn nhà, cung đón rất trọng hậu. Phàm mọi văn thư trong triều đều đem ra cùng ông trao đổi, nhiều lần dùng lời kín đáo khuyến khích, tỏ ý muốn ông ra làm quan. Nhưng ông biết thế nào nhà Lê cũng trung hưng, nên quyết chí tìm về chỗ sáng, chứ không chịu.

Kế Khê công biết rõ chí hướng cứng cỏi của ông, một hôm ở trong triều về, giả cách nói rằng :

– Đệ nay phụng chỉ phải làm một bài phú cổ, nhưng vì việc quan không rỗi nên muốn phiên huynh thảo giúp.

Vừa nói vừa lấy tờ giấy ở trong ống tay áo ra trao cho ông, ông thấy đầu đề là *Tân quan văn kê phú*⁽²⁾ thì đã hơi biết ý bạn muốn gì, nên ngay sau đó ngấm hẹn mẹ già theo lối bến dò Hoàng Liệt về trước, đem theo một tờ mật biểu đến phủ An Trường, hẹn đúng ngày tháng sẽ đem binh đến đón ông tại cửa biển Thần Phù. Mấy hôm sau ông bèn viết bài phú giấu xuống đầu giường, rồi lên ra đi gấp.

Đến khi Kế Khê công ở trong triều về, đến buồng học tìm ông không thấy, sai người đi hỏi hết các nơi thân bằng cũng vô âm tín. Bèn lục dưới

(1) Tức cuộc khởi nghĩa của triều thần nhà Lê ở Thanh Hóa.

(2) Bài phú *Cửa ải nhà Tân nghe tiếng gà*. Cửa ải nhà Tân là cửa Hàm Cốc. Thời Chiến quốc, Mạnh Thường Quân đi sứ nước Tân, vua Tân có ý muốn giết. Mạnh Thường Quân đang đêm trốn đi, đến cửa ải Hàm Cốc thì cửa đóng. Một gia khách của Mạnh Thường Quân giả bắt chước tiếng gà gáy làm cho gà xung quanh đều gáy vang. Quân lính giữ cửa ải theo lệ, nghe tiếng gà liền mở cửa. Nhờ đó Mạnh Thường Quân thoát được về Tề (NBS chú).

chiếu nằm tìm thấy bài phú, trong có câu rằng : “*Lưu khách phiên thành xuất khách*” ; nghĩa : Lưu khách hóa ra đuổi khách, ngạc nhiên nói :

– Thôi thế là anh ấy đã trốn đi mất rồi ! Từ đây triều đình cũng khó mà ăn ngon ngủ yên.

Bèn sai người đuổi theo nhưng cũng không kịp.

Về phần ông chạy vào đến cửa bể Thần Phù đã thấy có một ngàn binh và năm chiếc thuyền của bản triều⁽¹⁾ sai đến đón tiếp. Vừa bước chân xuống thuyền thì truy binh của nhà Mạc cũng vừa đuổi đến phía sau. Ông đứng trên thuyền hô to lên rằng :

– Xin gửi lời giã biệt Kế Khê công, sau này có dịp sẽ xin đền đáp tình nghĩa cũ !

Ông về tới dinh thự, chúa thượng rất mừng, khen ngợi rồi cất đặt lên chức Thị lang, trao cho Tham tán quân vụ, mưu mô sắp đặt chẳng chút sai lầm, được vua tín nhiệm không ai sánh bằng. Ông định ninh lời sư già khuyên nhủ ngày trước, nên mỗi khi ra trận, hề thấy quân địch đóng sát cạnh chùa, thì ông cuốn giáp không đánh, để tránh binh lửa cho cảnh từ bi. Về sau ông lập được nhiều công lớn, được xếp vào hàng danh thần trung hưng, và làm đến chức Thượng thư Bộ Binh, ngày nay dòng dõi vẫn còn thịnh vượng.

TÔ NAM NGUYỄN ĐÌNH DIỆM dịch

(1) *Bản triều* : chỉ nhà Lê.

53. NHẬN RA MẸ ĐỂ^(*)

Thân mẫu Trạng nguyên Giáp Hải⁽¹⁾ người xã Công Luận, huyện Văn Giang. Bà từng có mấy gian nhà tranh làm ngay bên đường, để hành khách qua lại có chỗ tạm trú. Một hôm, một người khách phương Bắc ghé vào ngủ trọ, sáng dậy ra đi, bỏ quên một túi bạc ở nhà bà. Hơn nửa tháng sau, người ấy hốt hải trở lại hỏi, bà liền đem tất cả số bạc ra trả. Người khách xin biểu bà một nửa. Bà đáp rằng :

– Tôi vì tiền tài làm lụy đến thân, nên mới chịu cảnh đơn chiếc thế này. Cho nên thứ gì của người thì không dám tơ tưởng ; chỉ cốt giữ túi bạc này để trao lại cho ông mà thôi.

Rồi bà nhất định từ chối không nhận. Người khách rất lấy làm cảm kích, bảo bà rằng :

– Phần mộ tiên nhân nằm ở đâu. Tôi xin tìm một ngôi đất tốt để đền ơn.

Bà đáp rằng :

– Tôi đây chỉ một thân một mình, không còn anh em nào cả, mà tuổi nay cũng đã ngoại tứ tuần. Nếu có được ngôi đất tốt, phỏng biết đến bao giờ mới phát ?

Người khách nói :

– Nếu tìm được chỗ đích đáng, thì dẫu là đàn bà con gái cũng vẫn phát được.

(*) Nguyên văn : *Đồng khí tương cầu, Giáp Trạng nguyên vãng Văn Giang nhận mẫu.*
Mục lục : *Dĩnh Kế Trạng nguyên ký.*

(1) Nguyên chú : sau đổi là Trưng. *Giáp Hải* (1507 - 1586) : các sách đều ghi người xã Dĩnh Kế, huyện Phượng Nhãn, nay thuộc tỉnh Bắc Giang. Đỗ Đệ nhất giáp tiến sĩ cập đệ đệ nhất danh (Trạng nguyên) khoa Mậu Tuất (1538). Làm quan đến chức Lại Bộ Thượng thư kiêm Đông các, Nhập thị kinh diên, Thái bảo, tước Sách Quận công, về trí sĩ.

Bà bèn dẫn khách đến phần mộ bố mình.

Người khách liền đi tìm đất, rồi đem hài cốt thân phụ bà táng vào đó. Táng xong, dặn rằng :

– Sau này có gặp người nào khốn khổ thì phải hết lòng cứu giúp, sẽ có điều lành báo đáp đấy.

Sau chừng nửa năm, một đêm, mưa to gió lớn, một người ở xã Bát Tràng nhà nghèo vẫn đi làm thuê, áo quần ướt lướt thướt, người cảm lạnh gần như không nói được, đến gõ cửa nhà bà xin tá túc. Bà hỏi từ đâu đến, anh ta kể lại duyên do. Bà bèn đốt lửa cho anh sưởi, rồi lại mang cơm ra cho ăn. Đến lúc đi ngủ, thấy anh rét cứng, trong nhà có một chiếc chiếu, bà bèn đem ra cho đắp. Nhưng bà cũng rét không chịu nổi, đành phải cùng nằm ghé bên anh để đắp chung manh chiếu. Rồi vì lửa gần rơm, cảm lòng không đậu, hai người liền giao hoan. Ai ngờ người đàn ông nhiễm lạnh bị ngộ phòng, chỉ chốc lát đã tắt thở. Bà quá kinh hãi, sợ người phát giác, đang giữa đêm phải kéo xác anh ta ra bãi tha ma ở phía sau nhà bới đất lấp đi, không biết rằng chính mình đã thụ thai.

Cách vài tháng sau, người khách hồi trước lại ghé đến, hỏi bà :

– Từ khi dời phần mộ thân phụ táng vào huyệt mới, bà đã cứu giúp được người nào chưa ?

Bà không giấu giếm gì cả, cứ tình thực nói hết với khách. Khách hỏi :

– Chôn ở chỗ nào, hãy cùng tôi ra đấy xem xem.

Bà bèn dẫn ông ta đến nơi chôn người độ trước. Người khách quan sát một lúc lâu, rồi nói :

– Chỗ này là huyệt tốt, trời táng, nếu quả đã có mang, tất sinh ra Trạng nguyên, Tể tướng chứ chẳng chơi.

Đến ngày ở cữ, bà sinh được một con trai, phong tư dị thường. Năm lên bốn, năm tuổi, chú bé ra chơi ở bờ sông thì bị một người ở xã Dĩnh Kế, huyện Phượng Nhãn đi thuyền qua đấy nhìn thấy, bèn bế trộm mang đi mất. Bà tìm kiếm không thấy, ngờ rằng con đã rơi xuống nước mất rồi, không còn làm thế nào được nữa.

Người đàn ông Dĩnh Kế từ khi bắt được Giáp Hải về, hết lòng yêu quý, cho đón thầy về dạy cậu bé học. Nhờ thiên tư dĩnh ngộ lạ thường nên cậu

được gọi là thần đồng...⁽¹⁾. Lớn lên học rộng tài cao, văn chương lừng lẫy. Năm hai mươi ba tuổi, đỗ Trạng nguyên khoa Mậu Tuất (1538) niên hiệu Đại Chính. Ngày vinh quy, người làng Dĩnh Kế phải cung đón vất vả thái quá. Những người biết chuyện kháo nhau rằng :

– Chẳng biết người ở đâu, tự nhiên đến đây làm khổ dân làng mình.

Ông nghe được những lời ấy, cũng chẳng hiểu đầu đuôi ra sao.

Một hôm, ông đi thăm phần mộ cũ của tổ tiên. Xem xét địa hình không có một kiểu đất nào đỗ Trạng được cả. Ông hết sức nghi ngờ, bèn hỏi những người thân cận. Có người đem chuyện thực thổ lộ cho biết. Ông càng tăng thêm phần thương cảm, liền thân hành đến làng Công Luận để dò xét.

Khi sang đến nơi, thấy một bà già tuổi ngoài sáu mươi, ở bên cạnh đường, vẻ rất cùng quẫn. Ông cho người hỏi bà lão :

– Bà người ở đâu ? Có chồng con không ? Sao lại cơ cực đến mức này ?

Bà rầu rĩ đáp :

– Tôi vốn người làng đây. Thuở trước sinh được một đứa con trai. Lên bốn, năm tuổi nó chơi cùng bọn trẻ rồi không biết lạc đi chốn nào. Tôi vò võ chiếc thân, lủi thủi không nơi nương tựa, nay thêm một ngày là khốn quẫn một ngày, không còn kế gì để sinh sống nữa.

Ông nghe bà nói, bụng nghĩ chắc là mẹ đẻ, bèn cho người bảo bà rằng :

– Bà già nua tuổi tác lại không có người trông nom chăm sóc, nay tôi muốn đem bà về nuôi, bà tính thế nào ?

Bà nói :

– Như được đại nhân rủ lòng thương, thì thực là cái tử hoàn sinh mà cho tôi cái ơn cốt nhục vậy.

Ông bèn đem bà về nhà, sai người lo cơm cháo chu tất.

Chán ông vốn có một nốt ruồi đỏ, ngày thường vẫn để lộ ra ngoài. Bà trông thấy, lần nào cũng chăm chú nhìn không chớp mắt. Đám người hầu thấy thế quở trách bà rằng :

– Thân thể của quý ông đây, sao mụ lại nhìn chăm chăm như vậy ?

(1) Nguyên chú : thiếu một đoạn.

Bà đáp :

– Ngày trước già sinh được một đứa con trai, ở chân cũng có một nốt ruồi bằng ấy, nay thấy chân tôn ông cũng giống hệt nên trong lòng cảm động cứ muốn nhìn mãi, xin đừng bắt tội.

Người hầu đem lời bà mách lại với ông. Ông liền cho gọi bà đến hỏi thật cặn kẽ. Bà đem hết tình đầu kể lại với ông. Nghe đoạn ông rầu rầu than rằng :

– Ta một đời khuây lãng, không biết mẹ là ai. Nay bỗng dưng được gặp nhau đây, thực chẳng cái gì là không do trời. Nếu không phải là “đồng khí tương cầu”, làm sao được thế ?

Từ đó, ông sớm hôm phụng dưỡng mẹ.

Sau ông được cử làm Đề điều khoa thi Hương ở xứ Sơn Nam. Hôm vào trường, ông ra đầu bài hiểm hóc. Thí sinh cả trường huyên náo, suýt nữa xảy ra bất trắc. Ông phải dùng lời mềm mỏng an ủi họ và thay đầu bài khác, chốc lát mới lấy lại được yên tĩnh. Viên Giám sát tìm ra kẻ thủ xướng việc này, bèn bắt đem nộp. Ông sai đem ra ngoài cửa trường thi xử theo phép nước. Anh học trò kêu van là con nhà độc đinh, xin nộp một nghìn quan tiền để chuộc mạng. Ông không chịu, sai đem chém lập tức. Thế rồi con trưởng của ông là Giáp Phong, đỗ Tiến sĩ niên hiệu Thuận Phúc, đang làm quan Hàn lâm bỗng lãn ra chết, tuổi mới ngoài ba mươi. Kế đấy, bốn con trai và hai con gái của ông cũng theo nhau chết nốt. Ông đau đớn khôn xiết, tìm khắp các thầy phù thủy để trấn áp tà ma, nhưng không một phép nào linh nghiệm. Ông cho rằng đạo pháp mờ tối, bèn tâu xin cấm chỉ hết thầy.

Chưa được bao lâu có một đạo nhân áo rách giày tã, từ đâu đến tự xưng có phép thuật cao cường, xin ông cho thử một phen. Ông bằng lòng, bảo người ấy đánh đồng thiếp cho mình. Đạo nhân bèn bảo ông ngồi yên nhắm mắt, rồi thư phù và niệm thần chú. Một lát, mắt ông tối sầm, nằm vật xuống, thấy một sứ giả dẫn đến một nơi nhà cửa tường thành uy nghiêm, sâu hút, bên trong đặt ba tòa ghế chéo, bên cạnh là một chiếc giường gỗ và một cái cùm son. Ông hỏi đám lính canh cửa đây là cung phủ gì ? Lính canh nói đây là chỗ Diêm Vương xử kiện, và cái cùm đỏ để ở bên cạnh là để đợi Trạng nguyên Đinh Kế. Nghe nói thế ông lật đật bước ra ngay. Sứ giả lại dẫn ông đến một nơi lầu gác rõ ràng, phong cảnh thích mắt,

bên trong Giáp Phong đang đánh cờ với một viên quan. Thấy ông đến, Phong đưa mắt nhìn hồi lâu mà chẳng nói gì. Viên quan hỏi Phong rằng :

– Ông có quen biết người ấy sao ? Sao như có ý lưu luyến vậy ?

Phong thông thả đáp :

– Trước kia, tôi thác sinh xuống trần, từng ở trọ nhà ông ấy hơn ba mươi năm. Vì ông ấy bức giết một người không đáng tội, mắc phải ác báo, nên tôi không lưu lại. Nay thấy ông ấy đến, cũng chưa thể quên tình nghĩa được.

Ông nghe Phong nói vậy, không đoái hoài gì nữa mà bỏ đi liền. Sứ giả dẫn ông về nhà thì ông chết đã một ngày rồi. Tỉnh lại, ông mới biết món nợ oan gia và thuyết báo ứng của nhà Phật không phải là lời đồn suông. Ông bèn cho tìm thân thích của người học trò bị giết ngày trước, gọi đến chu cấp cho tiền bạc, bảo họ làm lễ sám hối giải oan cho anh. Từ đó nhà ông không xảy ra tai ương gì nữa.

Ông năm lần giữ chức Thượng thư, ba lần cầm ấn Tể tướng, tuổi chưa đến sáu mươi, một đêm nằm mơ thấy soạn bài biểu xin về trí sĩ. Tỉnh dậy còn nhớ được hai câu : “*Ư kính ư trung, duy cầu thần đạo sở chỉ chi địa ; Nhi tác nhi tức, nguyện an đế lực hà hữu chi thiên*”, dịch nghĩa : Phải kính phải trung, đạo bề tôi mong tròn ủy thác ; Lúc làm lúc nghỉ, yên ngôi chúa cam phận dân lành.

Mười một năm sau, ông về hưu với chức Lại Bộ Thượng thư coi công việc các bộ, phong tước Thái bảo Sách quốc công, đúng như trong mộng⁽¹⁾.

NGUYỄN HUỆ CHI dịch

(1) Lược bỏ một đoạn cuối ghi chép thơ văn để tặng lúc về hưu và lúc mất.

54. DÓNG NGỰA THI THƠ^(*)

Phạm Trấn⁽¹⁾ người xã Lam Kiều⁽²⁾, huyện Gia Phúc, Đỗ Uông⁽³⁾ người xã Đoàn Lâm. Hai làng lân cận nhau.

Tương truyền làng của Uông có một nữ yêu tinh, thường hay hưng yêu tác quái, biến ảo trăm đường, dân làng cầu đảo nhiều phen ứng nghiệm. Uông thuở thiếu thời ngồi đọc sách trước cửa sổ, đang đêm từng thấy một cánh tay từ ngoài thò vào. Biết là yêu, ông bèn đến hỏi một vị Pháp sư già trong huyện. Pháp sư bảo :

– Hãy lấy chỉ ngũ sắc mà buộc lại, thì yêu tự nhiên sẽ phải hết.

Đêm hôm sau, yêu tinh lại đến. Uông vội lấy chỉ ngũ sắc buộc tay yêu vào cửa sổ, quả nhiên yêu không rút tay ra được. Trời sắp sáng, yêu đứng ngoài cửa sổ van nài rằng :

– Ông rồi sẽ được đại quý. Tôi chỉ đùa bốn thôi, sao nỡ xử tệ với nhau thế ?

Uông hỏi :

– Như tài của ta, có đỗ được Trạng nguyên không ?

(*) Nguyên văn : *Liên hí lưỡng khôi tranh tố đạo ; Ước thi tiên tuyện nhượng huynh hành.*
Mục lục : Phạm Trấn, Đỗ Uông ký.

(1) Phạm Trấn (1523 - ?) : người xã Lam Kiều, huyện Gia Phúc, nay thuộc tỉnh Hải Dương. Đỗ Đệ nhất giáp tiến sĩ cập đệ đệ nhất danh (Trạng nguyên) khoa Bính Thìn (1556). Làm quan đến chức Thừa chính sứ.

(2) Nguyên chú : có sách chép là xã Quang Bị.

(3) Đỗ Uông (1523 - 1600) : người xã Đoàn Lâm, huyện Gia Phúc, nay thuộc tỉnh Hải Dương. Đỗ Đệ nhất giáp tiến sĩ cập đệ đệ nhị danh (Bảng nhãn) khoa Bính Thìn (1556), làm quan đến Lại Bộ Thượng thư, Đông các Đại học sĩ, tước Phúc quận công.

Yêu tinh đáp :

– Trạng nguyên đã có họ Phạm. Ông đồ thứ hai.

Ông nói :

– Mày có vật gì thật linh hãy đưa cho ta xem thì ta tha cho.

Lập tức nghe có tiếng khạc, liền thấy một vật như hình viên ngọc đã nằm lọt giữa lòng bàn tay yêu tinh, sáng chói cả mắt. Uông liền chụp ngay vật ấy nuốt chửng, rồi cời chỉ ngũ sắc ra. Từ đó, trong làng tỉnh không còn thấy ma quái, mà việc học tập của ông ngày càng tinh thông, văn từ viết ra đều được mọi người khen là nhả ngọc phun châu. Ở nơi trường ốc, tiếng tăm ông vang dội, Phạm Trấn vẫn không sánh kịp.

Khoa thi Hội năm Bính Thìn (1556), niên hiệu Quang Bảo thứ ba, hai ông đều ba mươi tư tuổi, là bạn đồng niên cùng đỗ một bảng. Đến ngày vào thi Đình, Đỗ Uông thấy đầu bài ra đều là những gì mình đã thuộc lòng, tự nghĩ thủ khoa phen này tất về tay mình, không còn nghi ngờ gì nữa.

Bấy giờ Phạm Trấn ở trong lều, thấp thoáng thấy bên cạnh có hai người, một xưng là Đông Phương Sóc⁽¹⁾, một xưng là Hàn Kỳ⁽²⁾ cùng đọc hộ vào tai ông, sang sảng không ngừng. Trấn cứ thế viết theo mà không sao kịp. Liền nghe Đông Phương Sóc bảo với Hàn Kỳ rằng : “Phải làm cho Đỗ Uông lâm bệnh để kìm bớt sức hấn lại”. Chốc lát bỗng thấy Uông ôm bụng rên rĩ, không viết được nữa. Mỗi khi Trấn đã viết hơn ông một đoạn rồi, bệnh Uông mới thuyên giảm. Bởi thế, Uông tuy thuộc nhiều, vẫn không đủ thì giờ và sức lực để làm bài.

Đến khi truyền lô, Trấn đỗ Trạng nguyên, Uông trúng Bảng nhãn. Trấn mừng bảo mọi người rằng :

– Chuyển này ta áp đảo được Uông rồi.

Còn Uông thì càng thêm hận Trấn.

Ngày vinh quy, hai người giống ngựa cùng đi, cả Uông và Trấn đều tranh đi trước, không ai chịu nhường một bước.

(1) Đông Phương Sóc (154 - 93 tr. CN) : người đời Hán, giỏi văn từ và khôi hài.

(2) Hàn Kỳ (1008 - 1075) : Tiến sĩ đời Tống. Chỗ này Nguyên chú ghi : có bản chép một người xưng là Phú Bật, một người xưng là Phạm Trọng Yêm (đều là người đời Tống).

Khi về đến chợ Bông Khê xã Hoạch Trạch, những người ở quanh cầu vẫn nghe đồn về danh tiếng lòng lầy của Uông và Trấn, nay thấy hai ông cùng vinh quy một ngày thì xin đề cho một bài thơ vinh cầu. Hai ông hẹn nhau rằng :

– Câu này có hơn mười gian nhà⁽¹⁾. Đì hết bảy gian phải làm xong thơ, mà mỗi câu thơ phải có tên một loài chim. Ai làm xong trước thì được đi trước, người kia không được tranh đường.

Trấn giữ đúng hẹn, lập tức làm xong tám câu thơ, ngồi trên mình ngựa đọc luôn. Mọi người đều kinh phục. Uông nói :

– Bài thơ ấy ngày thường hẳn y đã thuộc, chứ đâu phải làm thời mà làm được. Ta việc gì phải nhường.

Rồi lại vẫn giống ngựa đi ngang hàng với Trấn.

Đến xã Minh Luân có người trong xã vừa cất nóc một ngôi nhà mới, đón đường nói với hai ông rằng :

– Kè hèn mọn này vừa dựng được ngôi nhà mới, may gặp quý ngài đi qua, xin ban cho mấy vần châu ngọc, ngõ hầu tẻ xá được rạng rỡ lây.

Trấn ứng khẩu đọc luôn :

**Niên niên tăng phú quý,
Nhật nhật hưởng vinh hoa.
Tích nhân hữu thử ngữ,
Kim nhật hạ tân gia.**

*(Năm năm tăng phú quý,
Ngày ngày hưởng vinh hoa.
Người xưa có câu ấy,
Nay mừng mới làm nhà)^(*)*

Uông nghe đoạn dùng dĩnh nói rằng :

– Những lời tán tụng đó, chỉ nửa câu cũng đủ rồi, chẳng cần phải dài dòng đến thế. Thế mà ông Trấn cũng “buột miệng thành thơ” kia đấy !

(1) Cầu ngày xưa trên có lợp mái, gọi là “thượng gia hạ kiều”.

(*) Bản dịch của Tô Nam Nguyễn Đình Diệm.

Khi đến chiếc cầu bắc qua con khe ở xã Đoàn Lâm, tục gọi là cầu Cốc, trong cầu có cô gái tên gọi cô Loan⁽¹⁾, hai ông bèn bảo đùa nhau làm một bài thơ Đường luật Nôm, lấy đầu đề là : “Cô Loan bán hàng cầu Cốc”⁽²⁾, hện mỗi câu phải ghép hai giống chim, hể sang hết cầu thì thơ cũng phải xong, ai xong trước được đi trước, không được tranh đường nữa. Lần này Trấn cũng y lời hện, nghĩ xong ngay tám câu thơ Nôm, ngồi trên mình ngựa khẩu chiếm luôn :

*Quai vạc đôi bên cánh **phượng** phong,
Giở giang bán chác tựa đồ **công**.
Xanh le mở khép nem **hồng** mới,
Bạc ác phô phang rượu **vịt** nông.
Miệng uốn lưỡi **oanh** chào chủ **khách**,
Trầu tằm môi sê thết quan **công**⁽³⁾.
Yến oanh đón rước vừa ban tối,
Ông **mó** hà, hà lại gác ông⁽⁴⁾.*

Uông nghe xong kinh ngạc nói :

– Quả thực xuất khẩu thành chương. Nếu không có quý thần ngầm giúp thì làm sao nổi.

Từ đây Uông mới chịu nhường cho Trấn đi trước.

Về sau Đỗ Uông ngầm đến Lam Kiều xem ngôi mộ tổ của nhà Phạm Trấn, thấy có hai mộ đất ở sát hai bên, tục gọi là “thần đồng phủ hộ bên tai”. Uông bèn chỉ vào hai đồng đất mà bảo :

(1) Đây là cô gái bán hàng trên cầu, vì cầu xưa có lợp mái nên thường cũng là nơi bán quà bánh cho người qua lại.

(2) Mấy chữ : “*Cô Loan*”, “*cô Loan bán hàng cầu Cốc*” trong nguyên bản đều bằng chữ Nôm.

(3) Nguyên chú : hai câu luận mất. Chú thêm : Chúng tôi dựa vào một bản khác do Nguyễn Văn Hoài phát hiện có hai câu luận (A. 44) để bổ sung vào đây.

(4) Bài thơ này đúng như quy định, câu nào cũng có tên hai loài chim, duy câu cuối vừa dùng tên chim là *mó* và *các* (*các* là chim bồ các, còn *mó* chưa rõ là chim gì), vừa là hai động từ *mó* và *gác* là động tác suồng sã của người nhiều hơn của chim muông, có ngầm ý đùa nghịch cô bán hàng. Cả bài thơ đều mang ý nghĩa hai mặt.

– Thì ra trước đây y thắng nổi ta mấy phen là nhờ sự trợ lực của hai lão thân đồng này.

Nói xong bèn lấy gót chân đạp vào hai mô đất ấy. Từ đó, Trấn bị điếc, thầy thuốc chữa mãi không khỏi. Có người đem việc Uông đạp vào mô đất mách Trấn, Trấn liền tố cáo với triều đình. Quan coi về chiêm bốc bèn bảo Uông làm lễ tạ mộ tổ của Trấn, nhờ thế Trấn mới dần dần khỏi điếc.

Khoa thi Đông các sau đó, đầu bài là *Văn vũ tịnh dụng thi* dùng thể ngũ ngôn hạn mười lăm vần. Bài thơ của Trấn có câu :

**Xung Cao, Phong tự khởi,
Diệt Hạng, đình năng giang.**

*(Khen Cao⁽¹⁾ dấy nghiệp ấp Phong,
Hạng Vương⁽²⁾ nhắc vạc, chạy không khỏi trời).*

Kỳ thi này Trấn lại đỗ thứ Nhất, Uông vẫn đứng thứ nhì.

Khi Trấn còn hàn vi, một hôm ngồi uống rượu với Uông. Lúc đã hơi chén choáng, hai người đùa nhau mỗi người làm một bài tán rượu. Uông xướng trước rằng :

**Hữu hoàng dụng hoàng,
Vô hoàng dụng hỏa.
Dụng tác hàm nghi,
Thi vô bất khả.**

*(Có vàng dùng vàng,
Không vàng dùng hỏa.
Dùng thì đều nên,
Thi thối được cả).*

(1) *Cao* : tức Hán Cao Tổ (256 hoặc 247 - 195 tr. CN), vua đầu nhà Hán, ở ngôi 206 - 195 tr. CN, tên là Lưu Bang, người đất Bái, ấp Phong, vào lúc Tần diệt cùng với Hạng Vũ dấy binh diệt Tần. Vũ vào thành trước phong ông làm Hán Vương, về sau ông tìm cách diệt được Hạng Vũ, thống nhất thiên hạ, lập ra nhà Hán.

(2) *Hạng Vương* : tức Hạng Tịch (232 - 202 tr. CN), tự là Vũ, người có kỳ tài, sức khỏe có thể nhắc nổi vạc, cùng chú là Lương dấy binh diệt Tần, chú chết, tự mình cầm quân đánh bại Tần, tự xưng là Tây Sở Bá Vương. Về sau bị Lưu Bang vây hãm, đại bại, bị khốn ở Cai Hạ.

Trần đáp lại rằng :

**Tửu hoàng tác ẩm,
Tửu hỏa tác tuyết.
Hữu vị thử ngôn,
Thiên địa nhật nguyệt.**

*(Rượu vàng thì uống,
Rượu hỏa thì thôi.
Nếu trái lời ấy,
Nhật nguyệt chứng soi).*

Kẻ thức giả dựa vào đấy mà biết sự lập chí của họ khác nhau.

Về sau nhà Mạc mất, triều ta trung hưng. Ông ra đầu thú, rồi làm đến Hộ Bộ Thượng thư, được phong làm phúc thần. Còn Trần thì về ở nhà, không ra làm quan, nên chung quy chỉ làm đến Thừa chính sứ của triều Mạc.

NGUYỄN HUỆ CHI dịch

55. TIẾN SĨ ĂN KHỎE^(*)

Lê Như Hồ⁽¹⁾ người xã Tiên Châu, huyện Tiên Lữ, sinh ra đã rất trác việt. Lớn lên, thân thể to lớn hơn người, cao năm thước năm tấc, lưng rộng một thước năm tấc. Nhà nghèo, nhưng rất chăm học lại ăn khỏe. Bố mẹ thường thổi nồi bảy cơm cho ăn, mà bữa nào ăn cũng hết veo. Học được nửa năm, vì cảnh nhà không đủ ăn, ông phải đến gửi rể ở một nhà phú ông thuộc xã Thiện Phấn. Mỗi bữa bố vợ cho ăn một nồi năm cơm, ông chỉ thềm được nằm, bỏ không học nữa. Bố vợ nghi hoặc, bèn đến hỏi bố đẻ rằng :

– Trước thấy ngài nói có cậu rể quý vốn là người hiếu học, thế mà nay lại lười biếng, bỏ bê việc học, chẳng hiểu vì duyên cớ gì ?

Bố đẻ hỏi lại :

– Chẳng hay từ khi cháu được đến nương nhờ nhà ngài, mỗi bữa ngài cho nó ăn thế nào ?

Bố vợ nói mỗi bữa một nồi năm cơm. Bố đẻ đáp :

– Nhà tôi tuy thức dùng trong nhà không đủ, nhưng mỗi bữa vẫn cố cho chàng bé một nồi bảy cơm. Nay cháu chỉ được ăn nồi năm, nó không chịu học là phải.

Bố vợ thấy nói như thế, bèn trở về cho ông ăn tăng lên⁽²⁾. Từ đó ông mới cầm lấy sách học một vài tiếng. Mẹ vợ có ý không bằng lòng, bảo chồng rằng :

(*) Nguyên văn : *Đồng niên song tiến thoại gia tư ; Kỳ nhật nhất lâm cung nhất đồn*. Mục lục : *Thượng thư Lê Như Hồ ký*.

(1) Nguyên chú : [làm quan] triều Mạc. Chú thêm : đỗ Đệ tam giáp đồng tiến sĩ xuất thân khoa Tân Sửu (1541), làm quan đến chức Thượng thư, hàm Thiếu bảo, tước Tuấn Quận công, về trí sĩ.

(2) Nguyên chú : cùng với Trạng ăn họ Lê, xa xa về trước có Lương Thượng thư cũng so sánh được. Xem truyện *Thượng thư Lương Hữu Khánh*, số 52, cùng tập.

– Nhà mình khéo chọn được con rể, thật chỉ được cái nét ăn là giỏi. Nay tuy miễn cưỡng đọc sách, nhưng chung quy chẳng biết có nên cơm cháo gì không.

Bố vợ giải thích rằng :

– Nó có sức ăn hơn người, tất có sức khỏe hơn người.

Bà mẹ vợ nói :

– Nếu vậy, nhà ta có một thửa ruộng cò đã rậm, thứ sai nó đi phát cỏ xem sao.

Nghe mẹ vợ nói thế, tình mơ hôm sau ông cầm một con dao lớn ra gốc cây đa ở đầu làng giả vờ nằm ngủ. Khi mẹ vợ đi chợ về qua nhìn thấy cảnh ấy thì giận sôi lên, tức tốc về bảo chồng :

– Từ nay còn làm cơm cho nó ăn nữa thôi ? Nó thác có là đi cắt cỏ, thế mà từ lúc mặt trời mọc đến lúc chợ đã vãn, vẫn nằm khoanh một chỗ mà đánh giấc.

Nói rồi bà cầm lấy tay chồng dắt ông ra đẩy để xem. Chẳng ngờ từ sau khi mẹ vợ về, ông lập tức trở dậy, xuống ruộng phát cỏ. Chỉ trong nháy mắt mấy mẫu ruộng cò đều quang đãng. Cá chạy không kịp, chết nổi đầy mặt nước, vớt được không biết bao nhiêu mà kể. Ông bà đến thấy thế bèn tặc tặc mãi không thôi.

Đến khi lúa chín, mẹ vợ sai ông đi gọi thợ gặt. Ông đi một lát trở về báo tin :

– Tôi đã gọi rồi mà chẳng một ai chịu đến làm cả.

Bấy giờ trong nhà đã thối một nồi hai mươi cơm để đợi thợ đến ăn. Ông khuôn cả nồi ra chén bằng sạch. Mẹ vợ lạ quá, bảo :

– Ăn thế chẳng sợ vỡ bụng hay sao ?

Ông đáp :

– Mẹ chẳng nên lo ngại, việc gặt hái hôm nay, một mình con xin gánh tất.

Rồi ông dẫn lấy hai đoạn tre lớn làm hai cái đòn xóc và đem nhiều bó dây thừng tước ra đồng. Chỉ trong hơn nửa ngày, ông gặt được hai mẫu lúa, bó làm bốn gánh gánh về. Từ đó, mẹ vợ thực tình yêu mến, cho ông ăn no để học. Trong khi học tập, mỗi lần ông viết được trang nào, đọc xong lại đốt ngay.

Bên cạnh huyện có một lò vật. Ông bèn đến ghi tên. Nhưng đồ lực sĩ nào cũng không dám vật với ông. Vì ông có sức khỏe như vậy, nên lấy tên là Như Hổ.

Năm ông gần ba mươi tuổi thì văn chương đã lừng tiếng. Khoa Tân Sửu (1541), niên hiệu Quảng Hòa thứ tư, thi một lần đỗ ngay Tiến sĩ.

Bấy giờ có người bạn đồng niên⁽¹⁾ là Nguyễn Thanh⁽²⁾ người xã Bọt Thái, huyện Hoàng Hóa từng có lần cùng ông nói chuyện về sinh kế gia đình. Ông đùa Thanh rằng :

– Gia tư nhà bác chỉ đủ cung đốn cho tôi ăn trong một tháng.

Thanh nói :

– Xin cung phụng đủ cho huynh ba tháng.

Ông hỏi :

– Không cần ba tháng, hẵng xin cho ăn một bữa, bác xem thế nào ?

Thanh nhận lời và hẹn ông ngày đến thăm nhà mình. Đến hẹn, ông cùng một người đầy tớ tìm đến nhà Thanh. Không ngờ hôm ấy Thanh lại có việc đi vắng. Ông sai anh đầy tớ vào nói với phu nhân rằng :

– Tôi với ông nhà có tình cố cựu. Nay ngẫu nhiên đi công cán qua đây, có hơn ba mươi người tùy tùng, xin phiền bà cho ăn một bữa.

Phu nhân vội sai gia nhân nấu ba nồi mười cơm và dọn làm năm, sáu mâm bưng ra. Ông giả cách bảo người đầy tớ rằng :

– Mày kíp đi gọi các người tùy tùng vào ăn cơm.

Nhưng rồi chẳng thấy một người nào vào. Duy chỉ có mình ông đến lấy cơm cùng thức ăn, ăn sạch nhẵn. Ăn xong, cho anh đầy tớ vào tạ ơn bà chủ và ra đi.

Đến chiều, Thanh về, phu nhân kể rằng :

– Nhà ta hôm nay có một việc rất buồn cười.

(1) *Đồng niên* : tức bạn cùng đỗ một khoa.

(2) *Nguyễn Thanh* (1514 - ?) : người xã Bọt Thái, huyện Hoàng Hóa, sau thuộc xã Hoàng Vinh, huyện Hoàng Hóa. Đỗ Đệ tam giáp đồng tiến sĩ xuất thân khoa Tân Sửu (1541). Làm quan đến Thừa chính sứ, tước Văn Khê bá.

Thanh hỏi việc gì. Phu nhân cười đáp :

– Sáng ngày, có một người tự xưng là bạn của chàng, đem nhiều tùy tòng, ghé qua đây xin ăn một bữa. Thiếp lo bày biện cơm nước để đãi, nào ngờ sau đấy chỉ thấy có một người ngồi ăn. Thiếp từ trong nhà ngó ra, thấy ông ấy ăn, vừa nhấp môi mấy cái đã xong một bát, thật cứ như mây bay gió cuốn, ba nồi cơm và năm, sáu mâm thức ăn chỉ một lúc đều sạch như chùi, không biết đấy là người hay là quái nữa.

Thanh lấy làm hồi hận bảo vợ rằng :

– Ông ấy là bạn đồng niên của tôi, người xã Tiên Châu. Trước tôi có hẹn ông đến chơi. Vì thế ông ấy mới giữ lời mà đến. Vậy mà tôi lại quên khuấy đi, thế nào rồi cũng bị trách.

Về sau, một hôm Thanh có việc về quê, tiện đường qua Tiên Châu, bèn ghé vào chuyện vãn với ông. Ông bảo người nhà làm thịt hai con lợn béo và thổi bốn mâm xôi lớn để khoản đãi. Thanh chỉ ăn hết một góc lợn và một góc mâm xôi. Còn ông ăn hết cả con lợn và ba mâm xôi kia, lại ăn thêm vào một góc phần lợn và xôi của Thanh, chỉ để lại một nửa mâm cả lợn và xôi cho những người tùy tòng của Thanh ăn. Thanh sửng sốt nói :

– Ngày xưa Mộ Trạch tiên sinh vẫn nổi tiếng ăn khỏe, nhưng cũng chỉ ăn trong vòng mười tám bát cơm và mười hai bát canh thôi⁽¹⁾. Nếu sống cùng thời với bác, tất tiên sinh sẽ phải tránh xa bác sáu mươi dặm.

Ông cười vang.

Sau ông làm quan đến chức Hữu thị lang, phụng mệnh đi sứ đất Bắc. Một người hàng thịt tục gọi là lái Chè ở xã An Chiếu cùng huyện, là người có chút tài ăn nói, ông cho đi theo.

Khi đến Yên Kinh, người Bắc nghe ông ăn khỏe, bèn làm một mâm cỗ mười tám tảng, mời ông đến dự yến. Phải bắc thang trèo lên ăn. Hễ ông ăn hết tảng nào, liền đem bát đĩa vứt xuống đất. Ăn đến tảng cuối cùng, thấy có một cái đầu người, ông dùng ngay hai chiếc đũa xâu vào hai mắt giơ cao lên. Những người đứng xung quanh phải che mặt, không dám nhìn. Ông lớn tiếng gọi một người theo hầu bảo rằng :

(1) Ý muốn nói đến Lê Nại (1479 - ?), đỗ Đệ nhất giáp tiến sĩ cập đệ đệ nhất danh (Trạng nguyên) năm 1504 dưới triều Lê Uy Mục, cũng là người nổi tiếng ăn khỏe, có truyền thuyết gần giống Lê Như Hổ.

– Ta là thư sinh, không được nếm thức ngon bao giờ. Nay Hoàng đế cho ta ăn đầu người Bắc, là món ngon nhất, người hãy mau đi lấy dấm đem đến đây cho ta.

Cái đầu ấy vốn là đầu cá nhân ngư, không khác gì đầu người, là loại cá ít thấy hằng ngày. Vì thế họ cố tình đem ra để “trộ” ông. Nay thấy ông không sợ mà lại nói những lời hơi xược, bèn cho mang đầu cá đi liền.

Rồi họ kiểm cố sơn hai mắt ông lại và cho người dẫn đi nơi khác. Từ chỗ ăn yến, ra đi, một hai ngày sau lại trở về chỗ ấy, nhân đó hỏi ông có biết đây là chỗ nào không ? Ông đã để tâm từ trước, bèn đáp rằng :

– Vẫn là chỗ đãi yến hôm trước.

Người Bắc cho ông có năng lực tiên tri, bèn tha cho ông.

Bấy giờ Bắc quốc bị nạn hạn hán, liền mấy tháng không mưa, bèn hạ lệnh cho bồi thần các nước làm văn cầu đảo. Ông liệu biết cơ trời chưa mưa, mới tâu rằng :

– Thần là nước nhỏ, xin được cầu đảo sau, hãy nhường các nước lớn cầu trước.

Thế rồi nước nào cầu đảo cũng đều không ứng nghiệm. Vua Minh bèn sai triệu đến ông, ông tâu rằng :

– Thần có một người tùy tùng vốn học được phép thuật của Vũ hầu⁽¹⁾ để lại, có thể hô phong hoán vũ, xin đặt dưới quyền sai khiến của bệ hạ.

Vua Minh cho triệu người ấy vào. Anh ta tâu rằng :

– Hạ thần có một phép nhưng phải chọn ngày tốt mới thi thố được.

Rồi anh ta lên đi xem rẽ cây si thấy đã trắng toát và cỏ mào gà⁽²⁾ cũng đã có nốt trắng, biết rằng trời sắp mưa, bèn xin cho lập đàn cầu đảo. Vừa cầu xong, quả nhiên mưa xuống. Vua Minh rất hài lòng, ban thưởng và phong anh ta làm “lưỡng quốc Quốc sư”. Còn ông thì được phong “lưỡng quốc Thượng thư”.

(1) Vũ hầu : tức Gia Cát Lượng (181 - 234), Quốc sư của nhà Thục Hán, thời Tam quốc, tương truyền là người có tài hô phong hoán vũ, từng giúp Lưu Bị nhiều lần đánh bại đội quân Tào Tháo.

(2) Trong nguyên bản những chữ “lái Chè”, “đòn xóc”, “rẽ si”, “cỏ gà”, bên cạnh chữ Hán đều có chú chữ Nôm.

Ông rất giỏi về tử mệnh và ứng đối, nổi tiếng ở đất Bắc, nên vua Minh muốn lưu lại để dạy Hoàng tử học. Ông rất khó nghĩ, nhưng không dám trái mệnh, bèn tâu xin dành riêng một ngôi nhà mới, và sắm đủ các thứ roi gậy để dạy dỗ. Hễ Hoàng tử có lỗi là ông đánh đòn thật đau, bảo rằng : “Tiên học lễ, hậu học văn”. Hoàng thái hậu hết sức nuông con, xin vua chọn tìm vị quan giáo thụ khác. Nhờ thế ông được miễn chức, trở về nước.

Sau ông làm đến Thượng thư, tước Xuân Giang hầu, rồi được phong Thiếu bảo, Lữ Quận công về trí sĩ. Năm bảy mươi hai tuổi, ông mất. Tương truyền rằng khi mất, quốc vương ban cho ông một chiếc quan tài bằng đồng ; Bắc quốc cũng sai người sang dự lễ táng. Nay ở làng vẫn còn mộ của ông.

Còn người theo hầu ông ở đất Bắc về, nhà vua cũng sai làm nhà cho ở ngay chùa làng bản quán, lại dựng một cái am ở bên nhà, gọi là chùa Quốc sư, ngày nay dân làng vẫn thờ cúng.

Xét ra trong sự tích của ông, có một vài việc có phần ngoa truyền, nhưng đầy đủ là do người trong họ ông thuật lại. Và lại tham bác với lời kể của những bậc cao niên ở các thôn ấp cũng thấy không có gì trái ngược. Vì thế lược chép ra đây, để đời các bậc đại phương quân tử bổ chính.

NGUYỄN HUỆ CHI dịch

56. THÁM HOA ĐƯỢC GIÁNG XUỐNG PHÙ KHÊ^(*)

Quách Giai⁽¹⁾ người xã Phù Khê, huyện Đông Ngàn. Khi ông chưa đẻ, ở làng bên cạnh có một người làm nghề ăn trộm. Một đêm mò sang làng ông hành nghề. Bấy giờ dân làng vẫn còn chưa ngủ yên, anh ta phải lên vào hậu cung một ngôi miếu nằm đợi, nhưng rồi chợp ngủ đi mất. Mãi đến lúc gà gáy mới thức tỉnh, xốc áo toan đứng dậy, thì bỗng nghe thấy phía trước miếu có tiếng huyền náo. Một người từ ngoài đi vào trong miếu. Bên trong có người ra đón, hỏi rằng :

– Sao hôm nay về chậm thế ?

Nghe có tiếng đáp lại :

– Vừa rồi tôi lên châu Thượng đế. Các tào bàn định đêm nay cho một Thám hoa giáng sinh xuống làng này. Có một viên quan bưng sổ ra tâu rằng : “Hạ thần xét nhà ấy phúc đức đều mỏng, sợ không xứng, xin cho bàn lại”. Thượng đế cầm sổ xem một lát rồi mới phán : “Dẫu thế, nhưng đã cho rồi, không nên thay đổi nữa. Nếu nhà ấy ít phúc, sau sẽ định đoạt lại”. Vì thế tôi mới về trễ.

Người ăn trộm ngồi trong đền nghe lỏm được tường tận. Ngay đêm ấy anh ta bèn dừng việc ăn trộm lại rồi đi khắp trong làng dò xem nhà nào vừa đẻ con trai. Khi biết chỉ có nhà ông, sáng hôm sau, anh ta tìm đến nhà, đem việc đêm vừa rồi thuật lại cho bố mẹ ông biết và xin có lời mừng trước.

(*) Nguyên văn : *Chư tào hội nghị, Phù Khê thiên giáng Thám hoa*. Mục lục : *Thám hoa Quách Giai ký*.

(1) *Quách Giai* (1660 - ?) : người xã Phù Khê, huyện Đông Ngàn, về sau là thôn Phù Khê, xã Phù Khê, huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh. Đỗ Đệ nhất giáp tiến sĩ cập đệ tam danh (Thám hoa) khoa Quý Hợi (1683). Làm quan đến chức Thái thường tự khanh.

Ông sinh ra rất đĩnh ngộ, người ta gọi là thần đồng. Lớn lên học giỏi, nổi tiếng hay chữ. Khoa Quý Hợi (1683) niên hiệu Chính Hòa thứ tư, đỗ Đệ nhất giáp tiến sĩ đệ tam danh (Thẩm hoa).

Ông ở trong triều gặp lúc Nội các bàn chính sự, Chiêu tổ Khang vương⁽¹⁾ hỏi các thị thần rằng :

– Hàn Tín đưa thư cho vua nước Yên có câu : “Hươu trắng ôm suốt”, điển tích ấy ở sách nào, các khanh có biết không ?

Quần thần không một ai biết cả. Ông quỳ xuống tâu rằng điển ấy có trong sách *Hán thư*. Khang vương liền sai lấy sách của nhà ông đem về xem và khen ông học rộng.

Bấy giờ ông đang có việc bị khiển trách. Nhưng chỉ ít lâu sau lại được bổ làm Đốc đồng xứ Thanh Hoa, đó là vương thưởng cho tài uyên bác của ông.

Sau ông làm đến Tự Khanh, vì có bệnh hủi nên không được dự triều. Mới biết việc hai vị thần nói chuyện với nhau ở trong đền ngày trước đều là ứng nghiệm vậy.

ĐOÀN THĂNG dịch

(1) *Khang vương* : tức Trịnh Căn, ở ngôi chúa 1682 - 1709.

57. ÁC BÁO(*)

Ở huyện Thất xứ Hải Dương có một chàng tuổi trẻ, tính lang bạt không có nghề nghề gì, bao nhiêu gia tài đều phung phí hết. Anh nuôi được một con gà chọi đáng giá những ba mươi quan tiền, nâng niu như bảo bối. Nhiều người muốn mua con gà ấy nhưng trả giá đắt đến đâu anh cũng không bán.

Một hôm, anh có việc đi vắng. Người vợ ở nhà đang sàng gạo, con gà sấn đến bên cạnh quấy phá. Chị tiện tay lấy cái sàng đánh gà, chẳng may trúng vào chỗ phạm, gà chết ngay. Người vợ quá kinh hãi, mếu máo nói với mẹ chồng rằng :

– Chồng con yêu mê một con gà này, còn hơn cả vợ con. Nay con trót lỡ tay đánh chết, xin mẹ thương mà che chở giùm cho. Nếu không con chắc chết dưới bàn tay độc địa kia.

Mẹ chồng bảo rằng :

– Mày đừng lo. Hãy cứ lên giường nằm giả cách ốm đi. Còn việc ấy đã có tao cẳng đáng.

Chẳng ngờ người vợ sợ quá, sinh ra ốm thực, nóng lạnh mê man.

Một lát sau, anh chồng về, hỏi gà đâu. Mẹ chép miệng nói rằng :

– Vừa rồi gà đến ăn thóc, tao đuổi đi, chẳng may lỡ tay đánh chết mất rồi, tao rất lấy làm hối. Nay tao có mấy mẫu ruộng đương lão đấy, đem bồi thường cho mày. Mày nhận lấy ruộng theo giá bán đi, lấy tiền mua gà khác.

Người con ngồi im một lúc, rồi mới bảo :

– Đem cơm ra đây cho tôi ăn.

(*) Nguyên văn : Ác báo. Mục lục : Ái kê ký.

Mẹ bưng cơm ra, ăn xong lại bảo :

– Đem nước chè ra cho tôi uống.

Uống nước xong, anh ta bảo mẹ :

– Mau đem cho tôi một cái cuốc !

Mẹ lại đem cuốc ra. Anh ta bèn một tay vác cuốc một tay túm tóc mẹ, lôi ra bãi tha ma ở ngoài đầu làng. Rồi vừa ép mẹ ngồi xuống một bên, anh ta vừa dùng cuốc quật đất lên để chôn mẹ. Vừa đào được mấy nhát, bỗng nhiên anh ta chống cuốc lẫn dùng ra đất. Mẹ sờ đến, thì chân tay đã lạnh toát cả rồi. Bà vội vàng chạy về báo cho người nhà biết và sắm sửa việc mai táng.

Ôi, tên nghịch tặc ấy, chỉ vì con gà mà toan làm hại mẹ. Ngờ đâu chỉ trong chớp mắt tai vạ đã chuốc vào thân. Đạo trời báo ứng kẻ cũng không xa vậy. Nay ta muốn gọi Đinh Khảo Thúc⁽¹⁾ ở dưới cửu tuyền để hỏi xem khi người này xuống Âm phủ, thì xử trí thế nào ?

ĐOÀN THĂNG dịch

(1) *Đinh Khảo Thúc* : người con hiếu thời Xuân thu.

58. HỌ TRƯƠNG CAO CỜ^(*)

Ở xã La Chàng, huyện Thiên Thi có một đạo quán thờ Đế Thích, quanh năm nổi tiếng linh ứng, dân trong vùng ai cũng sùng phụng. Bấy giờ ở xã Liễu Cầu kể bên có hai chị em nhà kia, từ nhỏ gặp cơn binh lửa phải phiêu bạt đến tận nước Ai Lao. Mãi khi đã hơi khôn lớn, sáu năm muốn trở về quê, bèn ngấm khăn với thần Đế Thích xin phù hộ cho được sống sót trở về cố hương thì sẽ suốt đời “phụng sự”.

Một ngày kia, chị em họ từ Ai Lao lên đường về nước. Họ đi bộ mà bỗng như bay, y như được một người nào dắt đi. Không dấy một ngày đã về đến làng cũ. Nhưng khi họ tìm đến đạo quán La Chàng lạy tạ, vừa mới cúi đầu xuống làm lễ thì tự nhiên thân hình hai người đã vụt biến mất, chỉ còn hai mớ tóc trên đầu lưu lại mà thôi. Người trong xóm cho là thần linh, bèn làm hai chiếc hộp đựng tóc và dựng đền thờ cung phụng, đặt tên là miếu Đế phi⁽¹⁾. Từ đó về sau mỗi lần trong vùng gặp đại hạn, lập tức rước tượng Đế Thích đến đền Đế phi thì mưa xuống ngay. Đến nay, hương khói vẫn còn.

Lại nói ở xã Liễu Hạ, huyện Đường Hào có một người họ Trương tên Ba, rất cao cờ, trên đời chưa tìm thấy đối thủ. Một hôm, Ba đánh cờ với một người khác, khi thấy thế cờ của người này đã liệt, bèn khoa tay nói khoác rằng :

– Dẫu có Đế Thích xuống đây cũng đổ mà gỡ nổi.

(*) Nguyên văn : *Trương tinh kỳ, trấn trung thúc tôn nhan lão tiên. Mục lục : Đế Thích ký – Phụ Trương Ba.*

(1) Sở dĩ dân làng lập đền thờ hai nàng, gọi là Đế phi, vì khi còn ở Ai Lao hai nàng có khăn cầu thần Đế Thích giúp cho được về nước thì quanh năm sẽ “phụng sự”. Hai chữ “phụng sự” vừa có nghĩa là thờ cúng, lại vừa có nghĩa là hầu hạ như chồng, tức là nhận Đế Thích làm chồng.

Vừa nói thế thì chợt có một cụ già ở đâu đến bên cạnh, gà cho người kia mấy nước, chỉ trong nháy mắt cờ ông ta chuyển ngay sang thế thắng. Ba kinh ngạc quá đổi, nghĩ rằng :

– Ta vốn nổi danh trong làng cờ, trước nay không ai vượt được. Thế mà giờ ông ta tính toán diệu kỳ, như có thần xuất quỷ nhập, giành ngay lấy nước cờ đi trước của ta, quyết không phải là người phàm trần.

Rồi anh ta bỏ dở ván cờ đứng dậy ra về. Về nhà tìm kiếm chẳng được vật gì, chỉ thấy một buồng chuối tiêu. Anh bèn xốc lại áo quần, mang buồng chuối sang đặt trước mặt cụ già, sụp lạy nói rằng :

– Bạc tiền thánh giáng lâm xuống trần, hạ dân trong lòng chiêm ngưỡng khôn xiết.

Cụ già ngạc nhiên nói :

– Tôi chỉ là một lão nhà quê, sao anh lại trọng vọng nhầm như thế ?

Ba đáp :

– Bằng vào thiên kiến của kẻ ngu này thì tôn nhan chẳng phải là người trần, xin đừng viện cớ từ chối.

Cụ già nói :

– Trong khi đánh cờ, vô tình anh có nhắc đến ta, nên ta mới đến. Không ngờ trong hình dáng phàm tục mà anh lại biết ta là cao nhân. Nay ta cho anh ba nén hương thiêng, hãy giữ gìn cẩn thận. Khi nào gặp hoạn nạn, thấp hương khẩn ta, ta sẽ đến giúp.

Nói xong bỗng không thấy cụ già đâu nữa.

Về sau Ba bị bệnh mà chết. Người nhà quên mất lời dặn của cụ già, không đốt hương khẩn nguyện. Mãi đến trăm ngày, vợ anh quét dọn buồng trong, thấy mấy nén hương còn sót mới đem ra đốt và khấn khứa. Vừa khấn xong đã thấy một ông lão hiện ra, hỏi Trương Ba đâu. Người vợ khóc lóc nói rằng đã chết được mười tuần rồi⁽¹⁾. Cụ già nói :

– Thật đáng tiếc, sao không cầu khẩn sớm. Nay chết đã lâu rồi, còn làm thế nào được nữa !

Bấy giờ ở thôn bên có một người hàng thịt vừa chết, mới chôn xong. Cụ già bèn cùng người vợ Trương Ba tìm đến chỗ mộ anh ta, đào mộ mở

(1) Lịch cũ gọi một tuần là mười ngày. Mười tuần là một trăm ngày, tức là lễ bách nhật.

quan tài ra. Cụ chuyển vận phép thuật thần thông, thu hồn phách Trương Ba cho nhập vào thầy người hàng thịt, khoảnh khắc sau đã sống lại. Anh ta vừa nhồm lên thì cụ già đã biến mất. Bèn cùng dắt díu về nhà.

Cách ít lâu sau nhân một lần vợ chồng Trương Ba đi chợ, vợ người hàng thịt chợt trông thấy liền chạy lại ôm lấy chồng khóc lóc. Vợ Trương Ba kinh ngạc hỏi :

– Đây là chồng tôi, cố sao chị nhận liêu ?

Vợ người hàng thịt đáp :

– Rõ ràng là chân tay mặt mũi chồng tôi, cả làng đều biết. Chị là người nào mà lại dám giành giật với tôi ?

Hai bên tranh cãi nhau, không sao phân giải được, bèn tố cáo lên quan. Quan hỏi vợ người hàng thịt rằng :

– Bình sinh chồng chị làm nghề gì ?

Chị đáp :

– Nghề mổ lợn.

Quan lại hỏi vợ Trương Ba :

– Còn chồng chị nghề gì ?

Chị nói :

– Đánh cờ.

Quan bèn cho đem lợn và bàn cờ đến. Trước tiên bảo anh chàng chọc tiết lợn, nhưng anh lúng túng không biết thọc dao vào chỗ nào. Bèn sai đánh cờ, thì không một ai địch nổi. Quan bèn phán rằng :

– Đích thực đây là Trương Ba, nên cho tác hợp cùng vợ anh ta. Chị hàng thịt không được nhận xằng.

Ngày nay, ngôi đền ở xã Liêu Hạ chính giữa đắp tượng Đế Thích, bên trái dựng tượng Trương Ba, phía trước đặt một bàn cờ lớn. Người ta nói rằng, việc đánh cờ chính là do Trương Ba khởi xướng. Gần đây giặc giã nổi lên tứ tung, làm cho đình đài miếu mạo ở địa phương này bị đốt phá không còn tí gì, thế mà chỉ riêng ngôi đền ở xã Liêu Hạ thì vẫn còn nguyên vẹn như cũ. Thật cũng là ngôi đền thiêng của cả một vùng.

NGUYỄN HUỆ CHI dịch

59. KIẾP SAU CỦA SU BẬT SÔ^(*)(1)

Xã Hậu Bổng, huyện Gia Phúc có chùa Quang Minh. Chùa này cây cối um tùm, bốn bề sóng biếc, đường vua đi qua phía trước, sông Vĩnh chảy quanh bên tả, thực là một nơi danh thắng trong chốn thiên lâm.

Tương truyền ngày trước có một vị Bất sô tên là Huyền Minh trụ trì chùa ấy. Ông chỉ biết tụng kinh niệm Phật, không nghĩ đến việc đời, mọi lợi dục đều quên hẳn. Người đời đều cho ông là một bậc cao tăng ở vườn thiền.

Khi tuổi đã già, một đêm ông nằm ngủ ở hậu phòng nhà chùa, mơ thấy Phật Di Đà giáng xuống bảo điện và triệu ông đến trước án phán rằng :

– Nhà ngươi có công với Phật giáo, đến nay đã được nhiều năm. Tắm lòng từ bi của ngươi đã được chỗ huyền vi soi thấu. Kiếp sau ngươi sẽ giáng sinh xuống làm Hoàng đế nước lớn. Ngươi nên nhớ lấy.

Ông tỉnh dậy, gọi các đạo tràng đến bảo rằng :

– Ta từ khi xuất gia, quy y cửa Phật, vẫn tưởng tiền duyên rửa sạch, quả phúc vẹn tròn, hậu thân được siêu sinh vào tòa sen. Không ngờ ngày sau còn phải luân hồi, đem bao năm công phu giới hạnh đổi lấy một địa vị rất khó nhọc ở trần gian. Vả lại lời thề của vua nước Nhật Nguyệt kia⁽²⁾ người xưa cũng còn chẳng muốn. Có lẽ tiền oan nghiệp chướng của ta chưa được rửa sạch mà phải chịu thế chằng ! Việc này đêm nay Phật đã xuống chỉ dụ rồi. Các ngươi hãy cùng nhau ghi nhớ lấy lời ta. Sau khi ta viên tịch, hãy viết lại mấy chữ để ngày sau làm chứng nghiệm.

(*) Nguyên văn : *Bất sô tăng kiếp hậu vi vọng quốc Hoàng đế. Mục lục : Hậu Bổng Quang Minh tự ký.*

(1) *Bất sô* : một loài cỏ thơm ở núi Tuyết Sơn. Kinh Phật dùng hai chữ *bất sô* để gọi người xuất gia.

(2) Nguyên chú : điển này lấy từ vị tăng tên là Tượng trong *Minh ký*.

Đến khi sư mất, các đạo tràng tuân theo lời dặn, lấy son đỏ viết mười chữ vào vai, rồi đem thi hài ông làm lễ hỏa táng, thu lấy xá lý đựng vào lọ bạc đem chôn. Sau lại dựng một cái am đá để thờ cúng ông.

Lại nói Lê Bộ Thị lang Nguyễn Tự Cường người xã Tiền Liệt, huyện Vĩnh Lại lúc nhỏ nhà nghèo mà ham học. Một hôm, ông đến xin cơm ở nhà một thầy đồ nho. Thấy đồ thấy ông còn bé đã đi học thì đùa cợt, lấy câu nói hài hước bằng Quốc ngữ : “Âm chưa khai mà dương đã lộ” làm đầu đề bảo ông vịnh một bài thơ. Chỉ trong giây lát ông đã làm xong. Câu ba và bốn như sau :

Hồng Môn kiếm thuẫn do hoài nặc,

Xích xí kỳ mao dĩ chỉ huy.

(Cánh cửa Hồng Môn còn khép nép,

Ngọn cờ xích xí đã lăm le).⁽¹⁾

Hai câu này được nhiều người truyền tụng.

Lớn lên, ông theo học ở kinh sư, lối đi phải qua chùa Quang Minh. Nhưng khi đi về qua chùa ấy, ông thường vào ngồi nghỉ. Tuy ông thường hay dạo quanh nhìn ngắm phong cảnh, nhưng vẫn không biết tên chùa là gì.

Khoa Giáp Thìn (1604), niên hiệu Hoàng Định thứ tư, ông đỗ Tiến sĩ. Sau ông sang sứ Bắc quốc. Vua Minh triệu vào cung hỏi rằng :

– Khanh là bồi thân An Nam thì tất phải biết những danh lam trong nước. Vậy chùa Quang Minh ở đâu ?

Ông quỳ xuống tâu rằng :

– Nước hạ thần danh lam rất nhiều, như các chùa Quỳnh Lâm, Báo Thiên, Phổ Minh, Quy Điền, hạ thần đều biết cả. Còn chùa Quang Minh, thần quả chưa biết ở đâu. Nay vâng mệnh hỏi đến, chẳng hay có duyên cớ gì, xin Bệ hạ cứ bảo thực cho biết.

Vua Minh bùi ngùi nói :

– Trẫm từ lúc mới sinh ra, trên vai đã có đề mười chữ son đỏ : *An Nam quốc Quang Minh tự Sa Việt tỳ khâu* ; nghĩa là : Tỳ kheo Sa Việt ở chùa Quang Minh nước An Nam. Hiện nay nét chữ vẫn còn rõ ràng. Ý giả tiên

(1) Hai câu thơ dịch này nguyên viết chữ Nôm, trong nguyên bản để vào chú thích.

thân trăm là sư chùa ấy, ngày nay giáng sinh sang đây chẳng ? Trăm muốn tẩy rửa những chữ ấy, chẳng hay có phép thuật gì màu nhiệm không ?

Ông tâu lại rằng :

– Hạ thần nghe nói Phật có phép dùng “nước tám đức”⁽¹⁾ tẩy trần. Bệ hạ đã ở chùa ấy giáng sinh, thì phải lấy nước giếng chùa ấy mà rửa thì mới sạch.

Vua Minh nói :

– Khanh nói rất có lý. Hãy nên vì trăm về ngay nước nhà, tìm nước giếng chùa ấy đem sang giúp trăm, trăm sẽ bổ dụng chức tước cho khanh.

Ông vâng mệnh bái biệt vua Minh về nước.

Về đến nước nhà, ông đem việc ấy tâu trình vua ta, rồi đi khắp nơi để tìm chùa Quang Minh, ngờ đâu đây lại là chùa xã Hậu Bổng mà ngày trước ông vẫn thường vào nghỉ.

Năm sau có kỳ tiến cống, ông lại được phụng mệnh đi sứ, bèn đem nước giếng chùa Quang Minh sang Yên Kinh dâng vua Minh. Vua dùng nước ấy rửa, quả nhiên các nét chữ đều sạch hết, mà da dẻ lại sáng mượt hơn trước. Vua hết sức vui mừng, lại cho triệu ông đến ban chỉ dụ rằng :

– Trăm được khanh khai phát, giác ngộ mới tức duyên, nếu không thì suốt đời quên lãng. Khanh nên vì trăm trùng tu lại chùa, làm cho thật long lẫy hơn trước, chẳng những không phụ lòng thành báo đáp gốc rễ của trăm, mà còn tỏ rõ nước khanh có linh khí, chung đức được Hoàng đế Trung Hoa, đó là một điều kỳ trong hàng phẩm giá vậy. Nay trăm giao cho khanh ba trăm lạng vàng đem về làm một ngôi chùa ba mươi sáu gian. Lại giao cho khanh đèn vàng, đèn bạc mỗi thứ một cây để làm đồ thờ Phật. Sau khi về nước, khanh phải làm trọn những công đức ấy, như chính mắt trăm trông thấy. Nếu không, thì huyền cơ báo ứng họa phúc của nhà Phật sẽ thấy ngay ở bản thân khanh và con cháu của khanh nữa.

Ông từ biệt vua Minh trở về nước và lại đem việc ấy tâu trình quốc vương ta. Vua ta cho đây là một việc lạ kỳ, bèn cho ông làm theo mệnh lệnh của thiên triều.

(1) “Nước tám đức” : theo quan niệm nhà Phật, nước ở trong ao cõi Cực Lạc và ở vùng biển núi Tu Di và Thất Kim Sơn có tám đức : trong sạch, mát mẻ, ngon ngọt, mềm mại, mượt mà, điều hòa, trừ được đói khát, phá bỏ được các căn chướng.

Ông đem vàng mua gỗ thuê thợ khởi công, làm một ngôi chùa trước sau ba mươi sáu gian, nguy nga tráng lệ hết như quang cảnh cõi Chân như. Lại xây thêm một cây tháp gần một trăm bậc, cao chót vót. Chỉ riêng hai cây đèn bằng vàng và bằng bạc, thì ông để dùng ở nhà và làm đèn bằng sắt thay vào.

Về sau, một lần ông vào triều, Thành tổ Triết vương⁽¹⁾ thấy ông giỏi nghề xem tướng, nhân lúc rỗi hỏi rằng :

– Trong các con của trăm, ai là người xứng đáng nối ngôi ?

Nguyên lúc ấy Vạn Quận công được sủng ái nhất, rất có hy vọng lên thay ngôi báu, còn Thanh Đô vương⁽²⁾ kể về ngôi thứ thì hãy còn kém. Thế mà ông dựa vào tướng mạo, ngay thẳng tâu rằng :

– Trong các con của chúa thượng chỉ có Thanh Đô vương là người đáng được thiên hạ.

Vạn Quận công biết việc ấy, giả vờ sai người triệu ông vào dinh để hỏi han, rồi thừa cơ đánh thuốc độc chết.

Đến khi Văn tổ⁽³⁾ lên nối ngôi chúa, truy tặng ông chức Thái bảo và phong tước Quận công. Hiện nay cháu chắt xa đời của ông vẫn còn, nhưng đều sa sút nghèo hèn ; họ vẫn lấy điều quả báo về việc hai cây đèn làm mối hận.

Còn ngôi chùa trải qua nhiều lần binh lửa nên không còn một dấu tích nào, chỉ còn độc một cái tháp vẫn đứng cao ngất ngưỡng. Gần đây quan quân đi chinh phạt, thường trú chân ở đó, biết thêm được sự tích một vị cao tăng, để làm một câu chuyện truyền kỳ trong giới từ bi.

ĐOÀN THẮNG dịch

(1) Triết vương : tức Trịnh Tùng, ở ngôi chúa 1570 - 1623.

(2), (3) Thanh Đô vương hay Văn tổ : tức Trịnh Tráng, ở ngôi chúa 1623 - 1657.

60. SU CHĂN TRÂU LINH THÔNG^(*)

Đại thánh khai thiên nghĩa tôn bình đẳng hành thiện Bồ tát Chân nhân là người xã Bối Khê, huyện Thanh Oai. Mẹ ông nằm mơ thấy Phật giáng hạ, bèn thụ thai rồi sinh ra ông.

Năm ông lên bảy tuổi, bố mẹ chết cả. Ông phải đến ở chân trâu cho nhà cô cậu. Phàm những cá tôm bắt được ở nơi chân dâng, bờ ruộng ông đều đem thả xuống sông Vĩnh Dụ. Ông không nô đùa với các trẻ em chân trâu khác, tự mình làm một cái chùa con ở bên trái đường, thỉnh thoảng lấy trộm cơm nhà đóng làm oản để cúng. Cô cậu biết chuyện vẫn đánh mắng luôn, khổ sở khôn xiết.

Năm lên chín tuổi, ông xuất gia trụ trì ở chùa làng, mọi người đều khen là có giới hạnh. Lớn lên, ông lại đến tu hành ở núi Tiên Lữ, huyện An Sơn, sớm tối tụng niệm, lặng lẽ giác ngộ phép linh thông. Ông bèn giấy cò, chặt gai, xây dựng chùa sở. Bấy giờ nhà chùa có hơn trăm công thợ mà bữa cơm chỉ thổi một nồi nhỏ. Ông bảo đám thợ rằng :

– Các anh nên đem nhiều thúng to để đựng cơm. Tôi về làng lấy mắm muối đến ăn.

Mọi người đều cho là lời nói đùa, không ai tin cả. Thế mà ông từ núi Tiên Lữ trở về đến chợ Bảo Đà ở xã Đan Viên, chỉ đầu chùng nháy mắt đã đặt chân lên thêm đá chùa làng⁽¹⁾. Ông vào lấy hai lọ muối rồi trở lại đường cũ, chỉ một lát đã đến chùa Tiên Lữ. Ông vào gọi đám thợ ra ăn cơm. Họ vừa ngồi vào mâm, thì mâm nào mâm ấy đều hóa thành cơm chay cả, người nào cũng được ăn no nê. Ông bèn treo lên các thanh xà ngang của chùa, đi lại chạy nháy. Đám thợ nhìn nhau thất sắc, cho ông có phép thần thông, mới biết ông là Chân nhân⁽²⁾ đặc đạo, bèn cùng nhau sụp lạy.

(*) Nguyên văn : *Mục ngư tăng mặc hội linh thông*. Mục lục : *Bối Khê tự ký*.

(1) Nguyên chú : thêm đá hiện vẫn còn vết chân.

(2) *Chân nhân* : là người tu tiên đặc đạo.

Chùa dựng xong, ông làm một cái khám gỗ, rồi ngồi vào trong, gọi các tăng nhân ở chùa đến bảo rằng :

– Trần duyên của ta đã mãn. Nay đã tới kỳ siêu hóa. Các đạo tràng phải đóng cửa khám đủ ba tháng, Hết hạn mới được mở ra xem. Nếu thấy thơm tho thì thờ cúng. Nhược bằng thấy tanh hôi thì đem ra cánh đồng hoang mà chôn.

Các tăng ni tuân theo lời dặn, đợi đến ngoài trăm ngày mới dám mở ra xem, thì chẳng thấy gì cả, chỉ thấy mùi thơm ngào ngạt, bay khắp xa gần. Họ bèn cùng nhau tạc tượng ông để thờ. Dân chúng trong vùng đều đem lòng sùng phụng. Về sau được báo mộng, dân làng Bối Khê cũng thờ ông ở chùa trong xã. Hằng năm ngày rằm tháng Năm, mở hội rất to, khách thập phương đến xem đông nườm nượp, năm nào cũng vậy.

Cuối đời nhuận Hồ, quân Ngô sang xâm chiếm nước ta. Chúng muốn trấn áp các linh từ trong nước, bèn đem tượng ông ra đốt, nhưng đốt ba ngày mà tượng không cháy. Đang không biết làm cách nào thì thấy một người đến bảo rằng :

– Các ông muốn đốt cháy cái tượng ấy, thì phải lấy nhiều bấc đèn quán chung quanh, rồi tẩm dầu mà đốt thì mới cháy được.

Quân Ngô làm theo như thế, bỗng nhiên trời mưa ra máu luôn trong ba ngày, binh lính nước Ngô bị ốm chết không biết bao nhiêu mà kể. Chúng bèn đắp đất ở địa phận xã Bào Đà làm dấu đóng quân⁽¹⁾. Thấy số quân hao hụt mất quá nửa, chúng rất lấy làm sợ hãi, tự biết uy linh khó phạm, rất lấy làm hối hận. Ông lại hiện hình lên bảo rằng :

– Các người nếu muốn sống mà về, thì phải tồ lại tượng trả ta. Bằng không thì tội lỗi không bao giờ đền xong.

Người Ngô tức tức sai người về nước đúc một pho tượng giống như pho tượng cũ, rồi đem đến chùa làng Bối Khê lập đàn cầu đảo, từ đó mới được yên ổn.

Chùa này trước nay vẫn được dân chúng trong vùng quanh năm khói hương không dứt. Những việc cầu yên đảo vũ đều được linh ứng. Trải các đời đều phong Thượng đẳng thần, hiện nay vẫn còn lễ tế của nhà nước, hương khói quanh năm không dứt.

ĐOÀN THẮNG dịch

(1) Nguyên chú : dấu ấy hiện vẫn còn. Chú thêm : đây là dụng cụ đếm quân phổ biến thời cổ, dùng đất đắp thành những ô vuông, bốn bề cao như bốn bức tường thấp. Mỗi lần “đóng” cho quân lính đứng vào, đầy một dấu là đạt được một số lượng nhất định, cứ thế đóng tiếp đến hết sẽ biết được số quân.

61. THẦN MIẾU KIM TUNG^(*)

Quận công họ Điền người làng Bảo Ngũ, huyện Thiên Bản, là em bà phi Ngô Thuận, làm chức Bảo mẫu trong cung, nên được tham dự các việc binh quyền.

Trong khoảng niên hiệu Vĩnh Khánh, khúc đê ở xã Thọ Triền, huyện Đại An bị nước đánh vỡ. Ông vâng mệnh tới bồi đắp.

Đường đi qua bến sông Kim Tung trong huyện, trên bờ có miếu thờ Thủy thần quanh năm linh dị, dân chúng trong vùng đều thờ phụng. Thuyền họ Điền vừa đến trước cửa miếu, bỗng dừng phát lại không tiến nữa, tựa hồ có người ngăn trở không cho đi. Điền tức giận trở vào miếu nói rằng :

– Người ở đây không lo bảo hộ vùng này, khiến nước sông thường làm hại dân chúng. Nay ta vâng mệnh đến đây đắp lại chỗ vỡ, người lại muốn cản trở ta sao ?

Ông quát mắng một hồi lâu, bỗng thấy trước mặt có năm chiếc thuyền hiện ra đột ngột xông đến khiêu chiến. Điền rất giỏi về phép phù thủy, biết đó là Thủy thần xuất hiện, bèn đứng trong thuyền tuốt gươm, thư phù, đọc chú rồi sai đám phu tráng chèo thuyền cùng cầm giáo mác xông ra. Hai bên dùng hỏa pháo bắn nhau, khói mây mờ mịt, trong gang tấc cũng không trông rõ. Khoảng chừng một trống canh thì chiến thuyền bên địch bỗng bỏ chạy trước, trong chớp mắt đã không thấy đâu nữa.

Điền bèn thuận dòng xuôi xuống đến khúc đê có cửa cống bị vỡ, khởi công bồi đắp. Công việc gần xong, bỗng trên sông có một con cá lớn, vây dựng lên khỏi mặt nước trông tựa một cánh buồm. Cá lấy đuôi quật nước,

(*) Nguyên văn : *Kim Tung thần miếu hội đê tả Điền Quận*. Mục lục : *Kim Tung thủy thần ký*.

nổi sóng to như núi, dề lại lần lần vỡ tan. Hễ đắp lên lại vỡ như thế đến mấy lần. Diên không biết làm thế nào, bèn mặt khấn Thủy thần rằng :

– Hôm trước đi qua miếu, nhất thời tôi có lầm lỗi, vội vã động thủ với nhau, xin thần đừng để bụng. Dám mong ngài đem dư linh ngấm ngấm phù trợ, để đoạn dề chóng hàn khẩu, thì dân chúng cả một vùng được đội ơn sâu lắm.

Từ đấy, dề đắp vững chắc, không bị vỡ nữa.

Diên lại tự phụ khoái lác nói :

– Ta đắp con dề này, từ nay dẫu có đến trăm thần linh cũng khó mà phá được.

Thốt nhiên nước sông vô cớ chuyển động, sóng dữ ào lên đập vào thân dề, dề lại vỡ một quãng lớn. Diên hoảng sợ, vội sắm sửa lễ nghi hát xướng cầu đảo, rồi lại ra công đắp tiếp, nhưng rốt cuộc chỗ vỡ vẫn không thể hàn nổi.

Nguyên bên cạnh cửa cống có một cái vực sâu hoắm, thông ngấm với sông cái. Nghe đồn đáy vực có thần linh, thường dẫn nước phù sa ngấm vào, nên khó lòng hàn khẩu. Bấy giờ Diên đã tốn nhiều công phu, nên uất lắm. Ông hạ lệnh đem tre gỗ ở trong huyện đến đóng cừ quanh vực, rồi sức cho dân dùng cối đá vỡ, đá kê chân cột vỡ cùng hết thầy gạch đá cũ ném xuống. Trong khoảnh khắc từ dưới nước sâu cá, ba ba nổi dềnh lên mà chết không biết bao nhiêu. Được hơn nửa tháng, Diên bỗng nhuốm bệnh, như bị nước sôi lửa nóng hun đốt, thuốc thang mấy cũng không khỏi, nặng dần lên rồi chết.

Ít lâu sau, trong ấp Bảo Ngũ, các giống súc vật kinh động không yên. Dân ấp cầu đảo ở đền miếu trong vùng, mong tai qua nạn khỏi. Thốt nhiên một người trong bọn rùng mình đứng dậy, lông mày và tóc dựng ngược, hai mắt long lên, lớn tiếng gào khóc rằng :

– Tôi là Diên Quận công, bị bàn tay tàn độc của thủy thần hãm hại, phải ôm hận mà chết. Nay muốn báo thù, hiềm không có voi ngựa và khí giới nên khó lòng chống chọi với kẻ ấy. Nhờ các vị nhần với chị Bảo mẫu tôi sắm sửa đủ những thứ ấy cho tôi. Nếu không, chẳng những súc vật mà đến người cũng không yên.

Bà Bảo mẫu được tin bèn sai làm đủ các thứ chiến cụ bằng đồ mã, y như lúc Diên sinh thời, rồi đem đốt xuống cho ông.

Ngày hôm sau, cả một dải sông ở vùng ấy sóng dâng cuộn cuộn, như có vạn con ngựa đang phi. Trên bờ nghe có tiếng gươm đao xô sát. Cá, ba ba chết nổi lên đặc ngầu. Bà Bảo mẫu được tin, đoán rằng Điền Quận công đang giao chiến với Thủy thần, bèn khẩn :

– Lần này em ta đánh nhau với kẻ ấy, được thua thế nào, nếu có thiêng, nhớ báo ngay cho chị biết.

Vừa dứt lời, bỗng trong đám gia nhân có một người lác lư nhảy chồm dậy nói rằng :

– Tạ ơn chị cấp cho em binh mã và khí giới, thế lực vững lên ít nhiều. Nhưng kẻ kia quân đông, lại rất tinh nhuệ. Còn quân của em thì mới tụ tập, đánh thủy chưa quen, thêm nữa đều là những hình nhân bằng đồ mã, không khoác được giáp trụ, thân thể yếu nhược, không thể chọi lại những loài có mai có vẩy được, chỉ một hiệp giao phong đã bại. Từ nay về sau, không nên đối địch với y nữa, chỉ cần làm một ngôi đền mới ở chỗ cửa cống bị vỡ nhường cho y ở, ngõ hầu khỏi sinh sự lôi thôi.

Người trong họ theo lời nói ấy mua sắm vật liệu dựng một ngôi đền, trong ít ngày thì xong. Từ đó, con sông trong vùng không còn xảy ra việc quái dị nữa.

NGUYỄN HUỆ CHI dịch

62. KẺ TRỘM LỪA THẦN THÁNH^(*)

Xứ Thanh Hoa có một ngôi đền thiêng, quanh năm linh ứng. Dân trong vùng sùng bái dùng những đồ vật bằng vàng và bạc để thờ cúng. Người nào đến lấy trộm, đều bị cản trở, muốn đi không được, rồi cuộc đấu bị người giữ đền phát giác. Gián hoặc có người lấy trộm đem đi thoát, thì thần lập tức ộp đồng vào một người trong xã, nói rõ họ tên và kẻ trộm cùng chỗ cất giấu, chung quy thế nào cũng bị bắt. Vì thế dân khắp một vùng đều kính nể, tránh không dám xâm phạm.

Năm ấy, dân làng mở trò tàng cầu⁽¹⁾ ở đền. Đến đêm, hát xướng xong, người làng về cả, chỉ để vài ba người ở lại canh phòng, rồi cũng lăn ra ngủ.

Bấy giờ có một tay bợm nhòm thấy quang cảnh đó bèn nảy ra một kế : y lén vào phòng ngủ của các đạo hát, lấy trộm một chiếc mũ tiên và một chiếc áo múa mặc vào, lại lấy bùn bôi vào chân, làm cho hình dạng biến đổi đi rồi cầm một cái dùi đục tiến vào trước bàn thờ thần, đập vỡ chiếc ngai rơi xuống, lột lấy áo châu và vớ hết các đồ vàng bạc châu báu đem đi, mà không ai hay biết gì cả.

Sáng hôm sau, thần ộp đồng vào người chủ tế làng ấy, vùng vằng chạy đến trước cửa đền. Dân làng được tin, đều vội chạy đến tụ tập. Thần mượn lời con đồng lớn tiếng trách :

– Các người không chịu canh phòng cẩn mật, để kẻ trộm cuỗm sạch các đồ thờ trong đền. Lỗi ấy về ai ?

(*) Nguyên văn : *Quang côn hán trí mạn linh từ*. Mục lục : *Thanh Hoa linh từ ký*.

(1) *Tàng cầu* : một trò chơi cổ. Theo *Nghệ kính*, đây là trò chơi bắt nguồn ở vùng Nghĩa Dương, Trung Quốc, vào ngày 8 tháng Chạp hằng năm. Sau lễ tế người già và trẻ con chia thành hai phe, chơi trò giấu cái móc câu rồi đi tìm.

Rồi thần giận dữ quát mắng. Mọi người sợ hãi, đều cúi mặt xuống, không dám ngẩng lên.

Một trưởng lão quỳ xuống tâu rằng :

– Chúng tôi ngu muội sơ suất, canh phòng không được chu tất, đến nỗi trộm đến mà không biết, muôn vàn cam chịu lỗi. Chỉ không rõ tên trộm ấy hình dáng thế nào, tên họ là gì, xin Đại vương phán bảo cho, để chúng tôi đi lùng bắt và lấy tang vật về, cũng chẳng lấy gì làm khó.

Thần đáp :

– Đêm qua trong lúc ta quá vui, nên cũng sơ ý để tên trộm đột nhập hành hung mà thắng thoát không sao chống chọi được, bị nó cướp lột. Tên này đầu giống đầu người đội mũ nang tiên, mình nó giống mình đào hát, chân nó nhuộm bùn đen, thực là chân phường kẻ cướp. Trong lúc bối rối, ta cũng không phân biệt được nó là hạng người nào. Các người nên vì ta mà tróc nã nó về đây.

Dân làng tuân mệnh đi tróc nã, nhưng không tài nào tìm ra.

Ôi ! Một đứa ăn trộm chỉ dùng một chút trí khôn mà cũng lừa dối được thần linh, thì sự diệu dụng của người xưa, có chỗ cơ xảo đến quý thần cũng khó lường, hẳn không phải là vu khoát vậy.

ĐOÀN THĂNG dịch

63. NGUYỄN GIÁM SINH LÀM VUA ĐẤT BẮC^(*)

Ở huyện La Sơn có người họ Nguyễn, lúc mới sinh có ánh sáng đỏ đầy nhà. Người nhà ngỡ là nhà cháy, đến khi định thân nhìn kỹ, thì chẳng thấy gì nữa.

Nguyễn thuở nhỏ rất thông minh, tính cẩn trọng mà ngay thẳng, học ở trường của một viên Giám sinh trong làng. Ngày nào cũng đến trước giờ học để quét dọn trường. Ngồi học bao giờ cũng ngồi riêng một chiếu, chứ không chung đụng với ai.

Năm ấy gặp kỳ thi Hương, thầy học đem Nguyễn đến dinh quan Hiến sứ để xin ứng cử vào danh sách xáo thông⁽¹⁾. Hiến sứ thấy thầy trò Nguyễn đến, liền đứng dậy vái chào, mời ngồi và nói rằng :

– Nếu xứ này được trúng một người, cũng xin dành cho cậu, chỉ mong ngày sau đắc chí, cậu hãy nhớ đến tôi.

Hiến sứ lại nói tiếp rằng :

– Tân Cống sĩ hãy ra trước, để thầy học ở lại một lát, cùng tôi nói câu chuyện riêng.

Sau khi Nguyễn lui ra, Hiến sứ hỏi thầy học về lai lịch của chàng, thu nghiệp đã lâu chưa và học hành thế nào. Thầy học cứ sự thực nói lại tường tận. Hiến sứ bảo rằng :

– Đêm hôm qua tôi nằm mơ thấy một người đến yết kiến. Đi trước có dùi đồng phủ việt, cờ quạt nghi vệ, như một vị đế vương. Quân sĩ đi sau độ

(*) Nguyên văn : *Nguyễn Giám sinh tác vọng quốc Hoàng đế*. Mục lục : *La Sơn Nguyễn Giám sinh ký*.

(1) *Xáo thông* : cuộc khảo hạch (thi thử), nếu đỗ mới được thi Hương.

hai vạn người. Người ấy đến trước sảnh bảo tôi rằng : “Nay muốn ứng cử vào thông, chẳng hay Hiến quan có bằng lòng dành cho một tên hay không ?”. Rồi tôi tỉnh dậy. Nhớ lại người gặp trong mộng đích là cậu này. Không biết cậu ấy sau này làm nên sự nghiệp gì ?

Khoa ấy Nguyễn vào thi, quả trúng cử. Nhưng chẳng được bao lâu, thì bị ốm rồi mất. Chết rồi tinh khí vẫn không tan, người nhà thường thấy đi lại như lúc bình sinh. Mỗi khi cầu đảo việc gì, đều được ứng nghiệm, nổi tiếng là linh dị.

Về sau, có người làng đi thuyền qua cửa biển Thần Phù thốt nhiên nằm vật xuống ở trong thuyền, một lúc trở dậy nói chuyện với mọi người rằng :

– Tôi thấy Nguyễn Giám sinh đi một chiếc thuyền, mặc áo hoàng bào, thắt đai ngọc, thị vệ rất nhiều. Ông gọi tôi đến trước mặt bảo rằng : “Trước kia Thượng đế định sai tôi giáng sinh xuống trần gian làm đế vương. Nhưng vì vị nhân chủ hiện nay phúc trạch đang thịnh, một nước không nên có hai vua, nên tôi lại phải trở về thiên đình để giáng sinh xuống nước khác. Từ nay tôi đi hẩn. Nhờ ông về bảo cho người nhà tôi biết, đừng tưởng nhớ đến tôi nữa”. Nguyễn Giám sinh nói xong thì vùn vụt đi mất. Tôi tỉnh dậy mới biết là một giấc chiêm bao.

Rồi người ấy về làng, đem việc thấy trong mộng thuật lại cho người nhà Nguyễn Giám sinh biết. Từ đó không thấy ông hiển ứng nữa.

Xét ra việc này cũng giống như việc tướng quân Râu Quăn⁽¹⁾ thấy Đường Thái Tông mà đành ngậm ngùi dừng lại. Thế mới biết ngôi báu vốn do trời, không thể đem trí lực mà cầu được. Vì rằng theo đúng đạo lý, thì dẫu Thiên đế cho giáng sinh cũng phải nhường người có đức. Gần đây bọn người hèn mọn không biết lượng sức, ngồi dưới đáy giếng nhìn trời, âm mưu dòm dòm ngôi báu, chẳng được bao lâu vạ lụy đến thân, há chẳng coi đó làm răn ư !

ĐOÀN THĂNG dịch

(1) *Tướng quân Râu Quăn* : cuối đời nhà Tùy, Trương Trọng Kiên râu đỏ mặt quăn, thường gọi là Cù nhiễm khách ; nổi tiếng là hiệp sĩ vì đã từng giúp đỡ Lý Tĩnh và nàng Hồng Phất. Ông là người có tài cao, chí lớn. Bấy giờ thiên hạ đang loạn, ông muốn khởi sự ở Trung nguyên để thống nhất giang sơn, nhưng khi nhìn thấy Đường Thái Tông (ở ngôi 627 - 650), biết là chân thiên tử, bèn bỏ đi. Về sau làm vua nước Phù Du.

64. BỐ GIÀ LẶN XUỐNG VỰC TÌM CON GÁI^(*)

Xã Hòa Lạc, huyện Hữu Lũng trước thuộc về châu Ôn xứ Lạng Sơn. Đến năm Giáp Dần mới sáp nhập vào Kinh Bắc. Trước kia, một dải suối lạnh từ trong núi xã Ý Tịch chảy ra, đi qua bên phải xã ấy, thông sang sông Hóa Giang, bên trong có một cái vực sâu, dưới có nhiều thuồng luồng. Hành khách qua lại thường bị chúng hãm hại, cho nên gọi đây là suối Rắn⁽¹⁾.

Bấy giờ trong làng có một ông lão làm nghề đánh cá. Ông chỉ sinh được một con gái, đem đi đánh cá, thường đem con đi theo. Một đêm, ông đến đánh cá ở cái vực ấy. Khi người bố đang đứng ở mũi thuyền quăng lưới, chợt nghe phía sau thuyền kinh động, trên mặt nước có tiếng quẫy. Đứng vào lúc ánh trăng lơ mờ, chạy lại xem, thì con gái đã mất hút. Người cha đau đớn khôn xiết, trở về nhà, sắm sửa trâu, rượu, mời dân làng đến nhậm và nói với mọi người rằng :

– Lão bình sinh chỉ được một mụn con gái, nay bị thuồng luồng bắt mất, đau thấu ruột gan, thể phải trừ diệt cả bầy đàn thuồng luồng để rửa mối hận.

Rồi ông đem hết gia sản ruộng đất giao cho xã ấy để sau này giỗ chạp cho ông.

Đoạn ông mang hai thanh gươm lớn rất sắc cùng với đồ lấy lửa⁽²⁾, lặn xuống đáy vực. Đến cửa hang, thấy có hai con cá chép đứng ở trước cửa, dùng đuôi quạt nước tung lên để ngăn cản ông. Ông bèn lia gươm chém

(*) Nguyên văn : *Lão ông phụ từ uyển cấu nhi nữ*. Mục lục : *Xà tuyền ký*.

(1) Chữ Nôm *suối Rắn* có trong Nguyên chú.

(2) *Đồ lấy lửa* : đá đánh lửa, dao bằng gang, v.v...

chết cả hai con, rồi lặn vào trong hang. Lặn suốt một hơi thì hết nước lên cạn, lại thấy một cái hang khác hình thế rộng rãi, bên trong có vô số thường luồng. Con nào cũng thoát ra khỏi lối mà nằm, hết như người đang ngủ. Ông vung gươm giết sạch. Có hai con thường luồng nhỏ chui vào lối chạy trốn. Ông đuổi theo chém được một cái đuôi. Hai con thường luồng con kêu khóc xin ông tha mạng, cam đoan từ nay về sau không dám làm cản như trước nữa. Ông bèn tha cho. Nhân tìm đến chỗ để tử thi thì nhìn thấy xác con gái. Hai mắt và rốn của cô đã bị thường luồng khoét mất. Ông cũng xác con ra ngoài, rồi lấy củi khô và cỏ gianh chất vào trong hang phóng hỏa đốt. Khói lửa bay lên đến tận xã Y Tịch. Ông lại lấy gỗ ở núi lấp hết các cửa hang. Từ đó tai nạn thường luồng dứt hẳn.

Ngày nay ông làm đại thần ở bản xã. Con gái ông cũng hiển linh, được gọi là Ngọc tự đại thần. Nhân bên cạnh núi có một chỗ đá lõm sâu vào, dân làng bèn làm một ngôi đền ở đấy. Dưới đền có một hòn đá, bằng phẳng vuông vắn như chiếc chiếu, lại trơn nhẵn, khéo léo như thiên tạo. Những người có việc tranh chấp thường đem nhau đến đấy thề bồi. Người nào gian xảo thì lộ ra ngay và phải chịu bồi thường thì mới về được.

Bên cạnh đường có ngôi miếu nhỏ. Hành khách qua lại thường đem vàng bạc cúng lễ. Những người đi kiệu và cưới ngựa, khi qua đấy, đều phải xuống kiệu và xuống ngựa.

Năm Giáp Tuất (1754), tôi đi sứ qua đấy, vào lễ đền, hỏi người làng, nghe được chuyện trên bèn xin lược chép ra đây.

ĐOÀN THĂNG dịch

65. CHÔN XƯƠNG BỤNG NGỰA^(*)

Đinh Tiên Hoàng⁽¹⁾ người động Hoa Lư. Tương truyền trong động trước kia có một cái đầm sâu. Mẹ là vợ lẽ Thứ sử Đinh Công Trứ, thường hay đến tắm giặt ở đầm ấy. Một hôm bà đang tắm, bỗng một con rái cá lớn nhào đến ôm lấy bà rồi hăm hiếp. Bà trở về liền thụ thai, đến ngày tháng sinh ra chàng. Đinh Công rất yêu quý, chỉ riêng mình bà biết là nòi rái cá mà thôi.

Chẳng bao lâu, Đinh Công Trứ chết. Con rái cá thì bị người trong động bắt được, đem về xẻ thịt ăn, còn xương vứt đi. Mẹ chàng nghe tin, thừa lúc mọi người đã ra về, đến nhặt lấy xương ấy đem về gói lại để lên gác bếp, và thường bảo chàng rằng : "Xương bố mày ở đấy".

Đến khi lớn lên, Đinh rất nhanh nhẹn và giỏi nghề bơi lội, lấy tên là Đinh Bộ Lĩnh.

Bấy giờ có một người khách phương Bắc sang nước ta xem đất, nhân lần theo long mạch đến cái đầm này. Đến đêm, ông ta xem thiên văn, thấy rắng đỏ từ dưới đầm bay lên, trông như một dải lụa, chiếu thẳng đến sao Thiên mã. Sáng hôm sau, ông ta đến cạnh đầm xem xét hồi lâu, nói : "Dưới đầm tất có một thần vật", và muốn tìm một người lặn giỏi xuống dò thăm.

Nguyên đầm ấy có một chỗ rất linh thiêng, không ai dám đến gần, người khách phải treo giá cao cho ai nhận lời.

Đinh được tin, bèn tình nguyện đến nhận. Chàng lặn xuống chỗ sâu, lấy tay sờ quanh, quả thấy một vật như hình con ngựa đứng ở đáy vực. Trở lên, chàng nói cho người khách biết. Khách bảo :

(*) Nguyên văn : *Táng thần mã, Đinh thị dĩ khắc thảng nhất dư đồ.* Mục lục : *Đinh Tiên Hoàng ký.*

(1) *Đinh Tiên Hoàng* : miếu hiệu của Đinh Bộ Lĩnh (924 - 979), vua khai sáng nhà Đinh, ở ngôi 970 - 979, kinh đô ở Hoa Lư.

– Anh lại lặn xuống và lấy cò để vào mồm ngựa xem sao. Đinh lặn xuống và lấy một nắm cò để trước mặt ngựa, ngựa liền há mồm ngậm nắm cò ấy. Chàng lại trở lên báo lại. Khách tự nhủ : "Dưới đầm đúng là có huyết". Rồi lấy tiền trả công cho Đinh, và dặn :

– Nay hãy thù lao chút ít, sau này sẽ xin hậu tặng.

Khách còn giao hẹn rằng mình chỉ trở về nước ít lâu rồi lại sang.

Bấy giờ tuy Đinh còn ít tuổi nhưng rất thông minh. Nghe người khách nói, chàng hiểu ngay là huyết ở mồm ngựa, không còn hồ nghi gì nữa. Đợi ông ta đi rồi, chàng lập tức đem gói xương ở gác bếp xuống, quấn cò xung quanh, và mang lặn xuống đầm, đặt vào mồm ngựa, ngựa bèn ngậm nuốt ngay.

Từ đó, Đinh được nhiều người tin phục và tôn làm thủ lĩnh. Khi ở sách Đào Úc⁽¹⁾, từng có lần đánh nhau với người chú, phải chạy qua đầm, cầu gậy, bị té nhào xuống nước. Chú chạy lại toan lấy giáo đâm, bỗng nhiên có hai con rồng vàng bay xuống che chở cho Đinh. Chú sợ bỏ chạy. Vì thế, người theo về ngày càng nhiều.

Cách mấy năm sau, người khách đem hài cốt bố mình từ đất Bắc sang tìm đến chỗ đầm ấy để mai táng. Nghe nói ông Đinh là bậc anh tài cái thế, thủ hạ đã có hơn một nghìn người, ông ta biết là ngôi huyết quý đã bị người khác chiếm mất rồi. Thấy mình dốc bao nhiêu tâm lực, mà rốt cuộc uổng phí, khách lấy làm căm tức, bèn đến gặp Đinh bảo rằng :

– Nghe nói ngài đã được ngôi đất ấy. Huyết đó tuy đẹp, hiểm nổi ngựa không có gương thì không được hoàn mỹ. Nay tôi tặng một thanh gương, mang xuống đặt ở đầu ngựa thì chắc chắn sẽ tung hoành bốn biển, đến đâu đẹp yên đấy.

Tin lời người khách, Đinh bèn lặn xuống chỗ ngựa thân, lấy tay sờ đầu ngựa, để gương vào đấy rồi trở lên.

Từ đó, Đinh trăm trận trăm thắng, được gọi là Vạn, Thắng vương. Chàng đẹp được mười hai sứ quân, thống nhất dư đồ, làm Đinh Tiên Hoàng. Nhưng chỉ mới ở ngôi mười hai năm thì bị nội nhân là Đỗ Thích ám sát, cả con là Đinh Liễn cũng bị giết. Vì bị người khách dùng kế đánh lừa, đặt gương vào đầu ngựa, cho nên mang vạ.

ĐOÀN THẮNG dịch

(1) Sách Đào Úc : Đại Việt sử ký toàn thư ghi là "Sách Đào Áo", thuộc huyện Gia Viễn, phủ Trường Yên, nay thuộc tỉnh Ninh Bình.

66. DỪNG NHAN SẮC, NHÀ TRẦN LẤY THIÊN HẠ^(*)

Tổ tiên nhà Trần ở xã Tức Mặc, huyện Mỹ Lộc, nổi đời theo nghề chài lưới. Một dải trường giang ở tỉnh Nam, đến đâu cũng là nhà.

Bấy giờ có người khách làm nghề địa lý phương Bắc sang nước ta xem đất. Từ núi tổ Tam Đảo ông lần theo long mạch đi xuống, qua Thăng Long, Cổ Bi đến các xã Kệ Châu và Cao Xá thuộc huyện Kim Động, thấy có nhiều gò đồng quần tụ, bèn cười nói rằng :

– Đây là chỗ họ đóng quân và nấu cơm đây.

Đến xã Phương Trà, huyện Nam Xương, không thấy vết tích long mạch đâu nữa, ông ngấm nhìn quanh quất hồi lâu, rồi nói :

– Nước sông chảy mạnh thế, chả lẽ huyết lại ẩn dưới đáy sông ?

Ông bèn sang sông, đi lần lần đến xã Hà Liễu, huyện Ngự Thiên, thấy một ngọn núi chọc thẳng lên vì sao, bèn cười và chỉ vào đấy nói rằng :

– Lại cất đầu lên ở đây rồi, trốn ta thế nào được.

Rồi ông tìm đến nơi khơi nguồn của dấu tích ở xã Nhật Cảo và nơi kết cục ở xã Thái Đường, sau đó mới đặt kim la bàn để ngấm nghĩa, và cứ quanh quần mãi ở đấy không rời.

Chợt có Nguyễn Cố người xã Tây Vệ đi qua nhìn thấy, hỏi :

– Tiên ông để ý đến chỗ này, hẳn đây là nơi có huyết tốt phải không ?

Người khách ngửa mặt lên cười, nói rằng :

– Không ngờ đất quý đế vương lại hiện ra ở nơi biển bằng kia đây. Thật nực cười các thầy địa lý thời nay, đều chẳng thấy nào có mắt cả.

(*) Nguyên văn : *Chăm hậu tượng, Trần gia dĩ nhan sắc đắc thiên hạ*. Mục lục : *Trần triều tổ mộ ký*.

Nguyễn Cố nói :

– Nếu quả là thế, xin ngài hãy để cho tôi. Ngài muốn lễ tạ bao nhiêu, tôi cũng xin biện đủ.

Người khách nói :

– Nhà ngươi có phúc nên mới gặp ta, thôi thì ta cũng giúp cho. Nhưng táng xong thì ngươi phải trả ta ngay một trăm quan, còn về sau lấy được nước, thì nhớ phải chia đôi đấy !

Nguyễn Cố chấp thuận, rồi bốc mộ tổ đem táng vào chỗ ấy. Khách lo Cố hay lật lọng, bèn dặn thêm rằng :

– Táng xong tất có diêm lạnh. Nhưng trong hạn trăm ngày, phải năng đến nghe ngóng. Hễ sau khi trời mưa gió sấm sét mà thấy có sự gì lạ, thì là "lạnh ít dữ nhiều", phải kíp dời đi chỗ khác ngay.

Táng được ba ngày, đến nửa đêm thốt nhiên nghe một tiếng sét rất kinh, dân chúng và súc vật cả một vùng gần quanh thảy đều hoảng sợ. Sáng ra nhìn, thì thấy ở ba xã Đặng Xá, Tây Vệ và Thái Đường đâu cũng mọc đá lên, gọi là đá tai mèo, vườn tược, hồ ao nơi nào cũng có. Đến nay dấu tích vẫn còn.

Bấy giờ Nguyễn Cố tự biết là huyết đã kết, lòng mừng khắp khởi. Nhưng vợ anh ta lại bảo rằng :

– Ngồi đất ấy đâu đã phát phúc, song lúc này chạy đâu cho ra một trăm quan tiền ? Lại sau này phải chia đôi thiên hạ, thì phỏng còn được mấy nổi !

Cố nghe vợ nói thế bỗng đổi ý, không muốn trả lễ cho ông khách nữa. Khi người khách đến hỏi, Cố hẹn ngày sẽ giao nộp đủ. Đúng hẹn, người khách đến nhà, Cố liền bắt trời nghiêng lại, rồi thừa lúc đêm tối đem ném xuống sông. Ném xong, lật đật thẳng thốt ra về.

Chẳng ngờ chỗ Cố vứt người lại là một bãi phù sa, nước triều dềnh lên đang phù kín. Sau khi anh ta ném người khách xuống, nước triều bỗng dần rút, khách lại nằm phơi ra ở trên bãi.

Vừa lúc có một chiếc thuyền đánh cá của họ Trần đi qua, nghe có tiếng người kêu, vội chèo đến vớt đem lên thuyền, rồi cời trời cho khách và hỏi chuyện đầu đuôi. Người khách bèn thuật lại duyên do và tạ rằng :

– Cảm ơn ông cứu mạng, nay tôi xin đem ngôi đất quý ấy báo đáp ơn ông.

Họ Trần nói :

– Ngôi đất ấy người ta đã táng mất rồi, thì còn biết làm thế nào nữa.

Khách đáp :

– Tôi đã tính liệu trước, thế nào đất ấy cũng về tay ông.

Họ Trần bèn lưu khách ở trong thuyền không để lộ hình tích. Người khách bày cho ông đi mua thật nhiều đồng đỏ, đúc một lưỡi tầm sét⁽¹⁾ và lấy gỗ cây vang⁽²⁾ nấu nước để dùng vào việc.

Đêm ấy, bỗng mưa to gió lớn, có tiếng sét đánh xé tai. Vừa tạnh mưa, hai người tức tốc đem lưỡi tầm sét đến ngôi mộ cổ của Nguyễn Cố, bỏ sâu xuống đến quan tài, rồi lấy nước vang rót vào đó.

Sáng hôm sau, Nguyễn Cố tìm ra thăm mộ, nhìn thấy thế cho là mộ bị sét đánh, trong mộ có máu chảy ra, rất sợ hãi, vội đem mộ tổ dời đi chỗ khác. Người khách lập tức táng mộ tổ nhà họ Trần thế vào chỗ ấy.

Xét ra ngôi đất này trước mặt hướng ra ngã ba sông Cái⁽³⁾, phía sau gối vào thế đất voi phục. Lâu đài và cờ gươm bày hàng hai bên. Huyệt điểm vào chỗ "bụng đất giấu vàng", "ngôi phương Càn, trông phương Tốn"⁽⁴⁾. Táng xong, người khách phương Bắc chỉ giáo rằng :

– Sơn phần khói hoa bày trước mặt, hân nhờ nhan sắc mà lấy được thiên hạ đây.

Họ Trần nói :

– Nếu được như lời ông nói, tôi xin chia một nửa lộc của dân cho ông.

Khách nói :

– Bất tất như thế. Chỉ cần khi nhà ông được nước, thì nhớ chi cấp cho nhà tôi đời này qua đời khác đủ ăn đủ mặc là được.

Họ Trần đáp :

– Xin kính cẩn ghi vào dải áo.

(1) *Tầm sét* : tương truyền là một thứ búa, Thiên Lôi dùng để đánh người hay vật. Mỗi lần sét đánh ở đâu thì quanh đấy vẫn tìm được lưỡi tầm sét, có thể là do kim loại bị nung chảy kết lại.

(2) *Cây vang* : một thứ cây dùng nấu nước để nhuộm màu đỏ.

(3) *Nguyễn chú* : thuộc xã Hữu Bị, huyện Mỹ Lộc, tục gọi là Cửa Vàng.

(4) *Càn* : phương Tây Bắc ; *Tốn* : phương Đông Nam.

Rồi họ làm giấy tờ giao ước để làm tin.

Lại nói : ông khách vốn là người tâm cơ rất quỷ quyết thâm trầm. Ông viết hai bản chúc thư để lại cho con cháu và dặn rằng : "Nếu ngày sau họ Trần lẽ ý vẫn hậu thì bảo thực cho họ biết. Còn nếu họ bội ước, thì cứ theo đây mà thi hành". Ông cũng nói với họ Trần rằng :

– Tôi còn để dành một thuật, có thể giúp giữ nước lâu dài, để sau này thuận tiện sẽ xin bảo rõ.

Họ Trần khôn xiết cảm tạ.

Đến đời Trần Thừa, là cháu ba đời, thuộc niên hiệu Diên Phúc thứ tám triều Lý⁽¹⁾ mới sinh ra Trần Cảnh, có tướng mặt rồng, mũi phượng, được Chiêu Hoàng nhường ngôi cho, tức là vua Trần Thái Tông⁽²⁾.

Thuở ấy, mỗi khi con cháu ông khách ở đất Bắc sang, đều được tặng biếu rất hậu. Nhưng đến cuối đời Trần, việc đối đãi dần dần nhạt đi. Một vị khách liền tìm sang tâu rằng :

– Tiên tổ hạ thần có để lại một bản chúc thư, dặn đến năm nay thì đem sang tâu trình quý quốc.

Vua Trần xem chúc thư thấy nói : "Ngôi mộ phát tích ở Thái Đường nay đã đến lúc không còn vượng nữa, cần phải làm cho thông đường thủy đạo thì mới giữ được bền lâu". Nhà vua tin lời ấy, bèn căn cứ vào họa đồ vẽ sẵn ở chúc thư, cho đào từ con sông lớn xã Phú Xuân một nhánh dẫn nước chảy vòng vào đến tận xã Thái Đường⁽³⁾. Không ngờ đào phạm vào long mạch, cơ nghiệp họ Trần vì thế suy vi, cuối cùng bị Xích Chủy hầu⁽⁴⁾ đoạt mất.

Có lẽ nhà Trần trị nước chỉ được bấy nhiêu năm cũng là do ở mệnh trời, chứ sức người làm sao tính kịp.

NGUYỄN HUỆ CHI dịch

(1) Thực ra là niên hiệu Kiến Gia thứ tám (1218). Có lẽ tác giả nhầm.

(2) *Trần Thái Tông* : tức Trần Cảnh (1218 - 1277), vua đầu tiên của triều Trần, được Lý Chiêu Hoàng nhường ngôi năm 1225 ; năm 1258 nhường ngôi cho con để làm Thượng hoàng. Niên hiệu Kiến Trung, Thiên Ứng Chính Bình, Nguyên Phong.

(3) Nguyên chú : con sông đào hiện nay vẫn còn dấu vết.

(4) *Xích Chủy hầu* : tức Hồ Quý Ly (1336 - 1407 ?), vua đầu nhà Hồ, giành ngôi từ cháu ngoại là Trần Thiếu Đế năm 1400 ; năm 1401, nhường ngôi cho con là Hồ Hán Thương để làm Thượng hoàng, niên hiệu Thánh Nguyên. Năm 1407, hai cha con bị giặc Minh bắt ở núi Thiên Cẩm thuộc Cẩm Xuyên, Hà Tĩnh.

67. NGHỀ MỌN NÊN QUAN^(*)

Phía Tây đất Tử Trâm, huyện An Sơn có hơn mười ngọn núi đá quanh co chùng một dặm, quang cảnh thanh tao, kỳ lạ, thật đáng yêu. Bên trong có động đá, dưới có ngôi chùa nhỏ. Thánh vương đời trước dựng hành cung tại đó, nhiều lần ngự đến thưởng ngoạn, nên đổi tên là xã Long Châu. Phía Đông An Sơn có một hòn đá đột ngột nhô lên, giống hệt hình con cóc.

Tương truyền xã ấy có chàng Trâu Canh, nhà nghèo phải đi làm thuê kiếm mướn độ nhật. Một hôm anh đang nhỏ mạ ở khe núi, chợt có một người khách phương Bắc đi qua nói rằng :

– Ta tìm được một ngôi đất tốt, người nào muốn xin, ta sẽ cho ngay.

Canh nghe nói vậy, liền bỏ mạ lên bờ đến gần vị khách vái chào, nhân đó mời ông về nhà. Anh chỉ lo liệu được một niêu cơm nhỏ làm lễ ra mắt, bèn đến trước mặt khách nói rằng :

– Kê hèn này may mắn được gặp minh sư, tự biết là mình có phúc. Chỉ vì gia cảnh bần bạc, thật hổ thẹn vô cùng. Nếu thấy gia ơn cho một ngôi phúc địa, đời sau khấm khá, xin thề không bao giờ dám quên ơn.

Người khách thấy anh có lòng thành, bèn dẫn đến dưới hòn Cóc bên cạnh núi, trở bảo anh rằng :

– Đất này tuyệt đẹp, nên dựng nhà, ở đây tất được đại phú quý. Chỉ có điều sau khi đã được gần vua chúa rồi thì phải kíp dời nhà đi chỗ khác, nhất thiết không được nấn ná ở lại.

Canh nghe lời người khách, bèn dựng mấy gian nhà tranh tại đó để ở.

(*) Nguyên văn : *Huyết tại thiêm thử ảnh, bạc nghệ nhân đắc nhập vương cung.* Mục lục : *Tử Trâm Trâu Canh ký.*

Được ba năm, bấy giờ trong làng có tục lệ đánh cá. Ao cá ở bên cạnh núi trước mặt nhà anh, dài rộng mỗi bề vài trượng. Dân làng đem nơm và lưới xuống ao đánh cá. Canh cũng đang mò cá ở dưới ao, bỗng dây buộc giỏ cá bị đứt. Anh liền lên bờ ao bên vách núi lấy một đoạn dây leo thay cho dây cũ, thắt giỏ vào người. Thốt nhiên thấy dương vật dựng đứng lên, cứng rắn chưa từng thấy. Vốn chỉ có một chiếc khố rách, sợ không che đậy được, nên mãi anh không dám lên bờ. Bấy giờ người bắt cá đã lũ lượt ra về, chỉ còn một mình Canh cứ phải nán lại. Ai cũng ngỡ anh bắt được nhiều cá mà giấu giếm mọi người. Mãi sau mẹ anh đến tìm, thấy một mình Canh còn luẩn quẩn dưới ao, bèn mắng anh sao cứ lẩn lữa mãi. Canh liền cởi giỏ cá ra cho mẹ xách về, vừa tháo sợi dây quấn vào người thì dương vật lại dần dần mềm thông xuống.

Sau khi đã về nhà, mẹ anh hỏi duyên cớ, anh cứ tình thực thưa với mẹ. Mẹ bèn lấy sợi dây leo phơi khô để lên chạn bếp, rồi lại bảo Canh hãy dùng dây ấy đeo thử vào người. Dương vật vụt cứng lên ngay. Mấy lần thử đều hiệu nghiệm như thế.

Bấy giờ vua Trần Dụ Tông⁽¹⁾ bị bệnh liệt dương, thuốc thang mãi không khỏi. Vua cho người đi tìm khắp trong nước, hễ ai chữa được, thì vua chia cho một nửa số dân, số lộc trong thiên hạ. Vừa lúc người thừa hành tìm hỏi đến làng anh. Mẹ Canh nghe tin gọi vào hỏi rằng :

– Liệt dương là bệnh gì ?

Sứ giả bảo rõ cho bà biết. Bà nói :

– Nhà tôi có một vật, chắc là chữa được bệnh ấy.

Hai mẹ con tức tốc đem đoạn dây theo sứ giả vào kinh dâng lên. Dụ Tông đeo dây vào, quả nhiên dương vật trở nên cường tráng, sinh được hai Hoàng tử. Vua cho Canh là thần y bèn lưu lại trong cung để châu chực việc thuốc men ; anh được ban thưởng không biết bao nhiêu, lại được vua sủng ái hơn hết mọi người.

Từ khi được ân sủng, Canh quên bẵng lời dặn của người khách, không dời nhà đi nơi khác. Về sau con Canh thông dâm với cung nữ, việc phát

(1) *Trần Dụ Tông* : tức Trần Hạo (1336 - 1369), vua thứ bảy nhà Trần, ở ngôi 1341 - 1369. Niên hiệu Thiệu Phong, Đại Trị.

giác, bị xử tử hình. Còn Canh thì bị đuổi về, điền sản bị tịch thu sạch, lại trở thành người nghèo hèn như xưa.

Xét chỗ nhà ông mé ngoài có mấy mẫu ruộng cao như hình con dao cầu thái thuốc, cho nên ông nổi danh về nghề làm thuốc. Nhà lại ở rất gần núi, mỗi khi mặt trời, mặt trăng rọi chênh chếch, bóng núi rủ xuống, trông như con cóc ở đỉnh nóc nhà, ví như thân ở trong cung thiềm, cho nên được gán gọi quân vương, vào ra nơi cửa nách cung cấm. Chỉ hiềm nhà ở kề bên núi, địa thế quá bức bối, mà phía trước và phía sau đều có núi áp chế, đi lại bất tiện, cho nên giàu sang chẳng được lâu bền⁽¹⁾.

NGUYỄN HUỆ CHI dịch

(1) Lược một đoạn trích dẫn quốc sử, và một bài thơ.

68. GIAO LONG NGỦ NHỜ^(*)

Vùng ba đảo núi Côn Luân là nơi danh thắng của châu Bạch Thông. Tương truyền thuở trước, một hôm các xã Nam Mầu ở vùng ấy mở hội Vô già⁽¹⁾, người đi xem bốn phương kéo đến rất đông. Có một bà lão, áo quần rách rưới, mình mẩy ghẻ lở, từ đầu đến xin ăn. Mọi người ngại bẩn, đều xua đuổi, nên bà không xin được tí gì. Chiều tối bà quay về, trên đường qua xã Nam Mầu gặp hai mẹ con một người đàn bà. Bà bèn thuật chuyện lại cho họ nghe. Hai mẹ con cảm thương nói :

– Tiều tụy đến như thế nghĩ thật tội nghiệp. Sẵn có phần cơm trưa chưa ăn, chúng tôi xin nhường cho bà ăn đỡ đói.

Hai mẹ con bèn đưa cơm cho bà lão, rồi trở về nhà. Đêm ấy, lại thấy bà lão tìm đến nhà kêu nài :

– Ban chiều các người cho già cơm, thực là nhân đức. Nhưng ở đây già không có chỗ nào trú ngụ, vậy xin cho già ngủ nhờ một đêm, ngô hầu công đức thêm tròn vẹn.

Hai mẹ con bèn mời bà lão vào ngủ ở nhà ngoài, còn mình lui vào buồng trong. Nửa đêm, nghe tiếng ngáy như sấm khác hẳn người thường, bèn vội thắp đèn soi, thì thấy một con giao long to đến vài ôm, đang nằm ở trên giường. Mẹ con đều khiếp đảm, đóng kín cửa buồng nằm xuống, không dám lên tiếng.

Đến khi trời sáng, ở trong buồng ghé mắt dòm ra, thì không thấy giao long đâu nữa, chỉ thấy một bà già nằm ở đấy. Biết bà lão không phải người thường, họ bèn mở cửa bước ra, đến trước mặt thi lễ. Bà lão mở mắt ngồi dậy nói rằng :

(*) Nguyên văn : *Tả túc giao long hình, lương tâm mầu hoạch khai giác lộ*. Mục lục : *Côn Lôn Tam Hải ký*.

(1) *Hội Vô già (Pancavarsikā)* : một hội lễ mà tất cả mọi người hiền thánh, đạo tục, sang hèn, trên dưới đều có thể bao dung, đem của cải và hành pháp bố thí cầu phúc. *Vô già* có nghĩa là bao dung, không ngăn trở ai.

– Vừa rồi ta đi xem hội, thấy cả một vùng ồn ào náo nhiệt, toàn những lời "khẩu Phật tâm xà", không có người nào thích làm việc thiện cả, cũng chẳng lâu nữa tất bị kiếp nạn trầm luân. Duy mẹ con nhà ngươi còn có chút lương tâm, cũng là từ trong nguồn từ bi mà chảy ra đấy. Nay ta vì các ngươi mở đường giác ngộ, cứu vớt khỏi bến mê. Từ nay nếu thấy nơi này có xảy ra việc gì lạ thì phải kịp chạy cho xa, lên ngay chỗ gò cao, đừng dùng dằng quyến luyến gia hương làm gì nữa.

Nói xong bỗng bà lão đã biến đâu mất.

Không ngờ hội còn chưa rã đám, thốt nhiên giữa nơi bình địa, nước suối vọt lên. Ban đầu chỉ bằng một vốc tay, chốc sau đã xói lở thành ao, chốc lát nữa biến thành hồ, chỉ trong một ngày đã hóa thành ba biển.

Khi hai mẹ con người đàn bà nghe tin có dòng nước chảy thì vội vàng bỏ chạy ngay, được hơn ba dặm vừa kịp bám vào chân núi. Còn những người khác đều chạy không kịp, hết thấy bị chìm vào biển nước. Mẹ con thấy vậy bèn dựng nhà chỗ chân núi để ở. Về sau sinh con đẻ cháu, thành hẳn một ấp. Đến nay dân cư đông đúc, trở thành một thôn lớn nhất ở vùng Ba Bể, gồm các núi ở chung quanh Ba Bể, đều thuộc về địa phận xã Nam Mẫu.

Xét núi Côn Luân dấy lên từ Tuyên Quang chạy đến Thái Nguyên, vách đá dựng ngang, đỉnh cao nghìn nhần, với đến trời, dấu chân người chưa đặt tới. Ở giữa mở ra một động đá, cao chừng ba trượng, rộng bằng một nửa, dài hơn mười trượng, ở trên có thạch nhũ rủ xuống, trông như một bức tranh ngũ sắc. Đúng là nơi thần xoi quẻ đục, có một không hai, vượt xa bàn tay tạo tác của con người.

Con suối phát nguyên từ phương Bắc, đi qua phủ Cao Bằng, xứ Thái Nguyên, châu Bạch Thông rồi từ trong động ấy chảy ra. Chi bên hữu là biển thứ nhất ở xã Tiên Loan. Chi bên tả là biển thứ hai ở xã Nam Mẫu. Biển cuối cùng giáp xứ Tuyên Quang, giới hạn bằng một gờ đá chênh chênh, thuyền bè không qua lại được. Nước từ trên gờ đá rót xuống rất mạnh, như ai đứng trên cao dội xuống. Mỗi biển chu vi ước chừng hai, ba dặm. Vây quanh biển là núi. Sườn núi rải rác dân cư. Nhìn khắp bốn bên nước và đá tối tăm rậm rạp, cây cối xanh tốt ngút ngàn. Ở giữa biển lại có một hòn núi to, vách ngăn trùng điệp, nổi chìm, ẩn hiện giữa ngọn sóng. Những khi gió yên sóng lặng, thuyền ngư phủ dập dềnh lên xuống, bồng bênh từ bốn ngả hiện ra, nhìn không biết chán. So với tám cảnh Tiêu Tương, tuy có Ngũ Hồ đẹp nhất, tường cũng không thể hơn nơi này. Thực là một bầu trời lớn ở trên thế gian vậy.

NGUYỄN HUỆ CHI dịch

69. ÔNG HỔ(*)

Ở huyện Tống Sơn, có một người gọi là ông Hổ, tính thẳng thắn thích hiếu kỳ. Ông từng có việc vào rừng, bắt được một con hổ con đem về nuôi. Vợ ông can rằng :

– Tôi nghe nói loài lang sói dã tâm, không phải là vật dễ thuần, ông nuôi làm gì ?

Ông nói :

– Nó tuy là ác thú, nhưng không đáng sợ lắm. Nó cũng có chút trí khôn. Nay ta nuôi nó, biết đâu sau này nó chẳng đền ơn.

Từ đó, ông ngày ngày chăm sóc con hổ như các gia súc khác. Mà hổ cũng hiểu tính người. Ông đi đâu, nó theo đi đấy. Dần dần người làng quen thuộc, cũng lấy làm thường, không sợ hãi lắm nữa. Ông thường đặt đó đơm cá ở các khe núi và cứ đến đêm thì sai hổ ra canh giữ để khỏi mất trộm. Mỗi khi ông từ ngoài vào nơi đặt đó thì đều dạng háng ở xa. Hổ nghe tiếng, liền ve vẩy đuôi chạy ra đón, rồi theo ông cùng vào.

Một đêm, ông say rượu, đi ngay vào chỗ đặt đó mà quên lên tiếng. Hổ tưởng là kẻ trộm, nhảy ra vồ cắn. Đến lúc nghe tiếng ông, thì đã quá muộn. Hổ bèn mang ông để lên bờ khe, rồi về nhà, phục trước mặt vợ ông, chảy nước mắt và kêu gào thảm thiết, hình như muốn nói một điều gì. Vợ ông sợ hãi hỏi rằng :

– Ông chủ đâu ? Làm sao mà về một mình ? Tất là có duyên cớ gì đây.

Bà vội vàng đi tìm. Đến nơi, thấy ông nằm chết ở bên khe, nơi cổ máu chảy đầm đìa, đúng là vết thương do hổ cắn. Bà đem ông về, khóc lóc kể lể rằng :

(*) Nguyên văn : *Lang dã tâm ân dưỡng nan thuần*. Mục lục : *Tống Sơn hổ ông kỳ*.

– Tục ngữ có câu : "Nuôi ong tay áo, nuôi báo trong nhà", chàng không nghe lời thiếp để đến nỗi này, thực là đau đớn !

Bà lại trở vào hồ mà mắng :

– Mà quên công ơn ông mà nuôi nấng. Một sớm no nê, đã vội cần lại. Nay nhà tao không muốn trông thấy mặt mày nữa. Mày hãy rút ngay.

Hồ bèn rửa nước mắt cụp đuôi lại đi ra.

Trước khi làm lễ thành phục ba ngày, thấy một con lợn đẻ ở giữa sân. Đến ngày mai táng, lại được một con bò. Về sau mỗi kỳ cúng tế, kỳ nào cũng có lợn hay bò làm lễ vật.

Vì ông chết vào tháng Ba nên năm sau, vài tháng trước ngày giỗ ông, hồ bỗng gọi bạn kéo cả đàn về, găm thét nháy nhót, xua hết cả gia súc trong làng đến trước nhà bà vợ ông, cào cấu cắn xé bằng hết. Ban ngày chúng ẩn nấp, ban đêm mới tung hoành luôn trong mấy tháng. Dân làng sợ hãi, phải phụ đồng Thành hoàng lên hỏi và đi xem bói. Thành hoàng và thầy bói đều bảo rằng :

– Đó là chúa sơn lâm muốn đền ơn chủ. Nhưng vì người trần mắt thịt, khó ai thấu lẽ huyền vi, nên phải làm ra như thế. Nay nên kíp tôn danh hiệu cho ông, và hằng năm cúng bái, thì trong làng sẽ được bình yên vô sự.

Dân làng theo lời thần và thầy bói bảo, bèn cùng nhau giao ước, bầu ông làm hậu thân, hằng năm đến ngày giỗ, mua sắm lễ vật đem đến cúng tế theo đúng nghi thức và gọi ông là ông Hồ. Đến nay dân làng vẫn còn giữ tục lệ cũ.

ĐOÀN THẮNG dịch

70. CHUỘT ĐẬY MẶT, BIẾT ĐIỀM LÀNH DỮ^(*)

Vào khoảng những năm Canh Thân (1740), Tân Dậu (1741), ở vùng biên viễn thường có biến. Tại xứ Hưng Hóa giặc cướp nổi dậy như ong, những nhiều dân chúng, triều đình phải sai quan quân lên tiêu trừ.

Bấy giờ ở xứ Sơn Tây có một chàng thư sinh đem hơn hai mươi gia nhân đi theo quan quân đánh dẹp. Khi kéo đến phần đất Hưng Hóa thì giặc đã cao chạy xa bay.

Một đêm, chàng thư sinh đang đọc sách, chợt thấy một con chuột ngậm cành lá đem đến úp lên mặt một gia đình, giữa lúc anh ta ngủ say không biết. Chàng bèn chạy tới đuổi chuột và mang cành lá vứt đi. Chốc sau, chuột lại làm như cũ. Lấy làm lạ, chàng bèn cầm lấy cành lá bỏ giữa hai tay vò nát, rồi ném ra sân. Một lúc nữa, chuột lại mang cành lá nát đến đập vào mặt anh gia đình như hai lần trước.

Chàng thư sinh nghĩ bụng : "Anh này chắc có chuyện, cho nên chuột mới đến đập mặt ba lần, biết đâu chẳng là điềm dữ". Sáng hôm sau, chàng gọi người gia đình đến bảo rằng :

– Nay thế giặc đã thư, mà có thể về thăm nom nhà cửa ít lâu, vài tháng nữa hãy trở lại.

Anh gia đình thưa :

– Từ khi con theo hầu cậu, cậu sai bảo việc gì con đều làm hết sức, chưa từng bỏ dở nửa chừng. Nay không hiểu vì duyên cớ gì mà cậu lại có ý trách phạt con ?

(*) Nguyên văn : *Thử phúc diện tại tường tiên kiến*. Mục lục : *Hổ lão nhân ký*.

Chàng nói :

– Tôi được anh giúp đỡ, có khác gì chân với tay. Chỉ hiềm ban đêm chuột lấy lá dây vào mặt anh, nên tôi rất áy náy. Nay hãy cứ tạm về xem sao, chứ không phải tôi có ý gì phụ anh đâu !

Anh gia đình nghe xong biết chủ không có ý giữ mình nữa, bèn từ tạ ra về.

Anh cầm một con dao cắt bước ra đi. Đi đến chiều thì lạc đường. Gặp một bà lão, hỏi thăm, bà chỉ tay nói :

– Phía trước mặt đây là con đường cái. Anh nên đi mau, khoảng một trống canh thì có thể đến quán trọ. Nếu không sẽ lạc vào núi sâu, không biết chỗ nào mà đi đâu.

Anh bèn nhắm lấy lời bà rồi lại tiếp tục cắt bước. Không ngờ đường núi nhiều ngả, rồi cuộc anh lạc vào rừng sâu, đến một nơi, nhìn thấy một đồng xương trắng, mùi tanh xộc lên không thể chịu nổi.

Bấy giờ mặt trời đã gác núi, đi tới đi lui đều không còn đường. Nhìn sang bên cạnh thấy có một cây trám to đến vài ôm và cao chừng ba trượng, anh đành vịn cành trèo lên, lấy cành lá che thật kín, tính làm sao cho qua hết được một đêm, đợi sáng ra đi tiếp.

Trời vừa tảng sáng, thấy một con hổ sặc vàng, đầu trắng, từ bìa rừng đi vào, lưng cong một người, đem đến trước đồng xương vớt xuống. Hổ lượn quanh, chồm nhảy, rồi rướn mình quật vào người ấy ba cái, kể đó mới vỗ lấy xé xác ăn thịt, tiếng sần sật như nhai dưa. Ăn xong, hổ trút lột ra, đầu gối lên mà nằm, rành rành là một lão già, đầu bạc trắng. Anh gia đình trông xuống rất hoảng sợ, nghĩ bụng : "Điêm gở đêm qua quả không phải là vô cớ. Nay nếu cứ ở mãi trên cây thì sẽ đói không chịu được, đánh liều tụt xuống nhờ gặp nó, thì mạng sống của mình chỉ còn như một sợi tơ mảnh là cùng". Rồi anh lại nghĩ bụng : "Nghe nói hổ ăn thịt người thì say, mà say thì phải nằm lăn lóc. Có thể nhân lúc này lên đi, may ra nó không biết, thì trăm chết còn được một sống". Bèn chậm rãi leo xuống. Đến lưng chừng thân cây, anh bẻ một cành ném thử xuống, thì thấy ông già vẫn ngủ yên không tỉnh. Tụt xuống gần đến gốc, anh lại bẻ một cành lớn hơn ném xuống bên cạnh, ông già vẫn ngủ mê man như cũ. Anh bèn thư thả cầm dao lần xuống, nâng nhẹ đầu ông lên, kéo cái lột hổ ra đem đặt lên chỗ cành cao, rồi lấy lá lấp kín. Xong việc anh phấn chấn nghĩ rằng : "Ngày xưa vợ

Thôi Thao bị lấy trộm mắt lốt⁽¹⁾, cũng không còn biến hóa được nữa, hướng chỉ nó là một lão già, còn mình trai tráng thế này, lại sẵn có dao nhọn trong tay, thì nó sao mà địch được ta".

Nghĩ thế anh bèn lại từ trên cây tụt xuống, tay phải nắm vào đốc dao, tay trái nắm vạt áo ông già, dần lên họng lão và gọi to thúc lão dậy. Ông già kinh hoàng chợt tỉnh, vội vàng quờ tay tìm bộ da trên đầu, nhưng nó đã bị ai lấy mất, bấy giờ lão mới sợ sệt ra mặt.

Anh gia đình chỉ vào đồng xương quát bảo lão rằng :

– Người đã làm thiệt mạng rất nhiều người, tội người nên tính thế nào ?

Lão già đáp :

– Lão vâng lệnh Thượng đế sai khiến, chẳng may một sớm sa cơ, tội đáng muôn chết. Nhưng vì kỳ hạn trích giáng chưa mãn, nếu có thác sinh vào kiếp khác, thì cũng vẫn phải thân hổ như hiện nay thôi.

Anh hỏi :

– Nếu người quả thực bị giáng trích xuống trần thì cứ sao không tìm bắt các loài thú, mà lại đi tàn hại nhân mạng làm gì ?

Lão già nói :

– Phàm những người bị hại, đều tự số trời. Hoặc là nghiệp chướng từ kiếp trước, hoặc là tội ác đã chất đầy, cho nên Thượng đế mượn tay ta để làm việc ác báo mà thôi.

Anh lại quát mắng rằng :

– Người khéo giả thác số trời để giết uống bao người vô tội. Nay lốt của người đã bị ta đoạt mất, người lại còn muốn múa vuốt, nhe nanh dùng lời nói ngọt để cầu thoát chết chứ gì ? Và lại, người nói người ta có số, thì bằng cứ ở đâu ?

Lão già đáp :

– Anh hãy nói cái ách ra, tôi sẽ xin bảo thực.

(1) *Vợ Thôi Thao mất trộm lốt* : Thôi Thao đi đến quán Hiếu Nghĩa thấy một người đàn bà gói đầu vào bộ da hổ mà ngủ. Thao kéo lấy da hổ vút xuống giếng. Người đàn bà chợt tỉnh dậy, mắt da không biến được nữa, bèn cùng Thao kết vợ chồng. Sau ba năm dò biết da hổ ở dưới giếng, nàng vớt lên, khoác vào, hóa làm con hổ, găm thét mà đi mất (*Hương Đài*).

Rồi trong giây lát, lão già nôn từ trong bụng ra một quyển sổ viết chữ thảo, ước độ bảy trang giấy. Anh cầm sổ xem, thì thấy ghi họ tên những ai, người phủ, huyện, xã nào, năm tháng ngày giờ nào bị hổ cắn, đều rất rõ ràng. Xem đến trang thứ ba, thấy có chép cả tên anh. Chỉ có điều những người chép ở các tờ trên, trên mặt chữ đều nhòe nhoẹt máu, còn từ tên anh trở xuống, chỉ mới có nét mực không thôi. Lúc này đang giữa tháng Ba, mà trong sổ ghi chú anh sẽ bị hổ cắn vào tháng Năm, ngày nọ giờ nọ. Anh lúc đó mới thấy kinh hoàng, bèn đổi sang gọi lão già bằng cụ, nhân đó cầu xin bày cho cách tự cứu.

Lão già nói :

– Tôi với anh gặp nhau ở đây, nhất định cũng có túc duyên. Nay có một cách, chưa thẩm tra kỹ xem có thể cứu được hay không. Anh hãy cắt ngón tay trở lấy máu bôi lên lá cây. Tôi liếm máu ấy vào bụng, khiến cho họ tên anh ở trong sổ sẽ cũng có vết máu. Các chức sắc trên Thiên đình nhìn vào đấy, cho là anh đã bị hổ cắn chết rồi, tất anh sẽ được thoát.

Anh gia đình theo đúng lời lão già mà làm. Thế rồi lão lấy sổ nuốt đi, tiếp theo liền liếm những chiếc lá dính máu. Chốc lát lại nhổ sổ ra, thấy mặt chữ chỗ tên anh đã dính máu như các tên người ở mấy tờ phía trên. Lão già mừng bảo :

– Anh được vô sự rồi.

Nhân tiện anh lại lật sổ xem tiếp. Xem đến trang thứ năm thì thấy tên người em ruột rành rành ở đấy, trong đó chép rằng đến giờ Tý ngày 14 tháng Tám năm ấy, hổ sẽ cắn người em. Anh lại ngó lời cầu cứu. Lão già nói :

– Người ấy không có ở đây, muốn cứu thực khó. Hơn nữa số trời đã xếp đặt, ta từng đổi trá một lần rồi, sợ lần này làm nữa vị tất đã xuôi. Nhưng cứ thử lấy máu bôi trát lên lá như vừa rồi, đặt ở quanh vùng ấy, lại bện một hình nhân, lấy quần áo của em anh mặc vào. Ngày nào ta đến, sẽ liếm lá có máu và cắn vào hình nhân, may chăng có thể thế mạng được cũng nên.

Anh cảm tạ mà đi. Lão già nói :

– Ta đã phơi bày hết can tràng, xin hãy trả lại bộ da cho ta.

Anh nói :

– Tôi đã đem đặt ở phía ngoài kia, hãy dẫn tôi ra khỏi đoạn đường hiểm trở này, tôi sẽ xin trao lại.

Lão già tiễn anh đi. Đến đường cái lớn, anh mới bảo :

– Bộ da ấy ở trên cây trám, cụ hãy về đấy mà tìm.

Rồi hai người chia tay giã biệt.

Khi về đến nhà, anh gia đình đem mọi việc đã trải kể lại với em. Đến ngày 14 tháng Tám, người em chích huyết và làm hình nhân theo đúng lời ông lão dặn, đặt cả ở ngoài sân. Đến giờ Tý, người em lên giường nằm, đột nhiên đau xé người như tình trạng bị hổ cắn, kêu thét một tiếng rồi chết. Sáng hôm sau ra nhìn, thì máu trên nhiều chiếc lá vẫn chưa khô, chỉ riêng hình nhân là bị nát vụn. Thì ra người nhà nhầm lẫn, đem những lá bói máu để lên chỗ cao, khi hổ đến không tìm thấy máu mà liếm, chỉ thấy hình nhân thì cắn ngay. Người em không thoát được cái chết, cũng là do số trời.

Chuyện này như có vẻ huyền hoặc. Tuy không đáng tin tất cả nhưng điều thiện ác cũng có thể từ đó mà suy ra được. Và người đời nghe chuyện há lại không gắng gỏi làm điều thiện ư ?

NGUYỄN HUỆ CHI dịch

71. THÁM HOA NGUYỄN ĐĂNG CẢO^(*)(1)

Ông quán xã Hoài Bão, huyện Tiên Du. Lúc trẻ tuổi đã có kỳ tài, nhưng tính tình phóng dăng, không chịu câu thúc và thích làm những điều tai quái. Làng bên cạnh có yêu tinh thường hóa làm gái đẹp để dụ người. Ông đến gặp, cưỡng bách tinh cùng mình giao hoan, nhân đó hỏi về sự nghiệp của mình sau này. Tinh nói :

– Ông là tiên nhân ở trên trời bị trích xuống trần, sẽ đỗ Thám hoa đầu bảng. Còn tôi đã phạm điều cấm, lại tiết lộ thiên cơ, thế nào cũng bị trừng phạt nặng, xin ông thương cho.

Nói xong biến mất. Ít lâu sau ngôi miếu thờ yêu tinh bị sét đánh cháy trụi. Đến khi ông được quý hiển, những lúc ăn món gì, vẫn thường khấn tinh về cùng hưởng. Tinh ông thích chuyện lạ đại để như vậy.

Bấy giờ nhà Thanh đã vào làm vua Trung Quốc, sai sứ đem chiếu sang bắt dân ta đều phải cạo đầu gióc tóc. Đức vua lấy làm lo, bèn sai ông lên Nam Quan đón tiếp sứ giả. Ông làm một bài *Giải chư hầu hoặc*⁽²⁾ đọc lên. Người Thanh bèn cho bãi bỏ lệnh cắt tóc ấy. Ông lại tự tay viết tặng sứ Thanh bộ sách *Đại học* đẹp như khắc bản. Sứ Thanh rất lấy làm kỳ, có ra cho ông một vế đối rằng : "*Lão khuyến lạc mao, do hướng đình tiền phê nguyệt*" (Chó già rụng lông, còn ra trước sân sủa nguyệt). Ông đối lại : "*Tiểu oa đoản cảnh, mạn cư tình để khuy thiên*" (Ếch con ngắn cổ, chỉ ngồi

(*) Nguyên văn : *Tiên Du Hoài Bão Thám hoa Đông các Nguyễn công Đăng Cảo*.

(1) *Nguyễn Đăng Cảo* (1619 - ?) : người xã Hoài Bão, huyện Tiên Du, nay là thôn Hoài Bão, xã Liên Bão, huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh. Đỗ Đệ nhất giáp tiến sĩ cập đệ đệ tam danh (Thám hoa) khoa Bính Tuất (1646). Sau đó lại đỗ đầu khoa Đông các. Làm quan ở Đông các viện gần ba năm thì bị bãi chức vì cương trực.

(2) Giải thích sự lầm lẫn về quan niệm "chư hầu".

đáy giếng nhìn trời). Sứ Thanh rất khen phục. Sự tích của ông kể ra rất nhiều, tiếc không thuật hết được.

Trạng nguyên *Đặng Đạo*⁽¹⁾ là con cả của ông. Khi Đạo còn bé, ông rất mực yêu quý, chưa từng xa cách một ngày nào. Ông thường bế Đạo đặt lên đầu gối, vỗ lưng Đạo bảo khách rằng :

– Đình thần ghét tôi, không cho tôi đỗ Trạng nguyên. Nhưng thằng bé này không cho không được.

Lại có lúc ông chỉ đi hầu mệnh, cũng đem cả "Trạng nguyên bé" đi theo. *Phu nhân*⁽²⁾ rất thương con, nhưng không dám trái ý. Một cậu bé mới năm tuổi phải dãi dầu lam chướng ở ngoài muôn dặm mà không việc gì, kể cũng lạ thay !

Ông không câu nệ thói thường, bị nhiều người ghét, cho nên tuy có kỳ tài mà không được dùng vào việc lớn. Em ông là *Tế tửu* trí sĩ *Đặng Minh* thiên tư thuần túy, hay làm việc thiện, không nói những lời độc ác bao giờ, đối với anh mình rất cung kính, ông bảo gì đều vâng theo, không dám sai trái.

Sau khi con ông đỗ Trạng nguyên, ông trở nên nhún nhường với con, không dám cậy mình là cha. Những khi Trạng nguyên xuống xe lạy chào, ông đều khiêm tốn đáp rằng :

– Không dám ! Không dám !

Mỗi lần ra đường trông thấy vồng lọng của Trạng nguyên thì ông cố tránh thật xa. Khi đến nhà Trạng nguyên, ông thường bảo người canh cổng vào báo trước, rồi sau mới vào. Có người hỏi sao lại lễ phép như thế, thì ông đáp rằng :

– Ông ấy là người do trời sai xuống thác sinh vào nhà tôi, không kính sao được.

(1) *Nguyễn Đăng Đạo* (1651 - ?) : người xã Hoài Bão, huyện Tiên Du, nay là thôn Hoài Bão, xã Liên Bão, huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh, sau đổi tên là *Đặng Liên*, đỗ Đệ nhất giáp tiến sĩ cập đệ đệ nhất danh (Trạng nguyên) khoa Quý Hợi (1683), làm quan đến chức *Bình Bộ Thượng thư*, Tham tụng *Kiểm Đông các Đại học sĩ*, tước *Thọ Quận công*.

(2) Chỗ này nguyên văn là chữ *công* 公 không có nghĩa. Chúng tôi ngờ chép nhầm, tạm chữa lại thành chữ *phu nhân* 夫人.

Ngày thường, ông hay đi giày rách, mặc áo vải, đi đâu cũng chỉ cước bộ, nên nhiều người không biết ông đang làm quan tại triều. Gián hoặc có người vì không biết mà xúc phạm đến mình, thì ông cũng nhin, không bao giờ cự lại. Một buổi, ông ở trong triều về, đi qua trước cửa một hàng thịt nọ ở Cửa Nam. Người hàng thịt thấy hình dáng ông giống viên Xã trưởng nợ tiền của mình ngày trước, liền chạy ra bắt. Ông phân trần mãi, nhưng anh hàng thịt không nghe, rồi trói ông vào cây cột trước cửa hiệu. Bấy giờ có quan Phó đô Nhữ Đình Hiến⁽¹⁾ vẫn coi ông là bậc phụ chấp, rất mực kính trọng, lúc ấy cũng ở trong triều về. Ngồi trên xe trông thấy ông bị trói, Đình Hiến vội vàng xuống xe, đến đỡ ông dậy. Ông đem mọi việc kể cho Đình Hiến nghe. Đình Hiến bèn sai bắt anh hàng thịt và mời ông lên xe cùng về.

Về đến nhà, Đình Hiến mời ông ngồi tạm ở nhà ngoài, còn mình thì vào buồng trong thay áo. Ông thân cởi trói cho người hàng thịt và bảo y rằng :

– Anh nên tức tốc liệu đường tìm nẻo mà chuồn, còn ta cũng đi đây.

Rồi cả hai người cùng bỏ đi. Đến khi Đình Hiến ra, thì không thấy ông và người hàng thịt đâu nữa. Hiến sai người đuổi theo, nhưng không kịp, chỉ biết than thở mà thôi. Đủ biết ông là người có đức độ rộng lớn. Ông làm đến Tế tửu rồi về trí sĩ⁽²⁾.

ĐOÀN THẮNG dịch

(1) *Nhữ Đình Hiến* (1659 - ?) : người xã Hoạch Trạch, huyện Đường An, nay là xã Thái Học, huyện Bình Giang, tỉnh Hải Dương. Đỗ Đệ tam giáp đồng tiến sĩ xuất thân khoa Canh Thân (1680). Làm quan đến chức Bồi tụng, Hình Bộ Thượng thư. Sau khi mất được tặng Lễ Bộ Thượng thư.

(2) Lược bỏ một câu nói về các con Nguyễn Đăng Cảo.

LAN TRÌ KIẾN VĂN LỤC

蘭池見聞錄

Tác giả : Vũ Trinh 武貞(1739 - 1828), tự là Duy Chu 維周, hiệu Lai Sơn 萊山, Nguyên Hanh 元亨, biệt hiệu Lan Trì Ngư Giả 蘭池漁者, người làng Xuân Lan 春蘭, huyện Lương Tài 琅才, trấn Kinh Bắc nay thuộc Bắc Ninh. Xuất thân trong gia đình trí thức quan lại, đỗ Hương tiến năm mười bảy tuổi rồi được bổ Tri phủ Quốc Oai 1787, sau khi Lê Chiêu Thống lên ngôi, ông được vời vào triều. Khi Vũ Văn Nhậm ra Bắc dẹp Nguyễn Hữu Chỉnh, cha con ông bán hết gia sản chu cấp việc quân và hộ vệ Chiêu Thống ty nạn. Chiêu Thống trở lại ngai vàng cùng đại quân của Tôn Sĩ Nghị, ông lại được thăng Tham tri chính sự. Quang Trung đánh bại quân Thanh, ông về giấu mình ở một vùng quê. 1802, Gia Long lên ngôi triều ông vào Phú Xuân phong chức Thị trung học sĩ. 1804, nhân việc đưa hài cốt Chiêu Thống về nước, ông xin từ quan nhưng không được chấp nhận. 1807, làm Giám thi trường thi Sơn Tây. 1809, được cử đi sứ Thanh, trở về được giao soạn Hoàng Việt luật lệ cùng với Nguyễn Văn Thành 阮文成. Nguyễn Văn Thành cho con là Nguyễn Văn Thuyên 阮文詮 theo học ông. 1813 được thăng Hữu tham tri Bộ Hình, làm Giám thi trường thi Quảng Đức. 1816, Nguyễn Văn Thuyên bị tố cáo làm thơ có ngụ ý phản nghịch, Vũ Trinh có liên quan nên bị đày vào Quảng Nam. Sau mười hai năm được ân xá, ông trở về quê, vài ngày thì qua đời.

Tác phẩm của ông gồm có :

– Lan Trì kiến văn lục 蘭池見聞錄 hay còn gọi là Kiến văn lục 見聞錄.

- Sứ Yên thi tập 使燕詩集 (nay đã thất lạc).
- Hoàng Việt luật lệ 皇越律例.
- Ngô tộc truy viễn đàn ký 吳族追遠壇記.

Lan Trì kiến văn lục hiện còn bốn bản chép tay (VHv.1401, A.1562, VHv.1155, A.31), là tập truyện được viết trong khoảng 1790 - 1802, gồm 3 quyển, 45 truyện và hôn bài tựa của Ngô Thì Hoàng 吳時儻, Tín Như Thị 信如氏 (?), Trần Danh Lưu 陳名瑤, Nguyễn Tử Kính 阮子敬. Phần lớn truyện có tính chất truyền kỳ, với nhiều đề tài khác nhau như chuyện tình yêu nam nữ, chuyện giáo dục thi cử, chuyện báo ứng luân hồi, chuyện kỳ quái,... được xây dựng trong bối cảnh của mấy thế kỷ XVI - XVIII. Cuối mỗi truyện thỉnh thoảng lại có lời bình của chính tác giả dưới bút danh Lan Trì Ngự Giả.

Dưới đây chúng tôi chọn 39 truyện, trong đó 16 truyện do Phạm Tú Châu và 20 truyện do Trần Thị Băng Thanh dịch, 3 truyện xin được sử dụng lại bản dịch của Đàm Duy Tạo (Trung tâm học liệu xuất bản, Sài Gòn, 1969). Nhóm biên soạn có đối chiếu với nguyên văn để hiệu chỉnh, và bổ sung chú thích.

72. ĐỐC LÔI THỦ^(*)

Năm Kỷ Mùi (1739) niên hiệu Vĩnh Hựu, huyện Cẩm Giàng có một người đàn bà cùng chồng đi buôn vàng mã. Chiều tối về đến đốc Lôi Thủ, bất chợt gặp mưa to như đổ nước, thôn làng thì xa, không biết nghỉ ở đâu, trời lại mây mù đen kịt, không nhận ra đường lối nào mà đi nên vội vàng ẩn vào gốc đa. Trong ánh chớp lóe sáng, thoáng thấy một ngôi nhà lớn, mới dắt nhau chạy đến thì tường rào cao sừng sững, cửa then chắc chắn, bèn gõ cửa xin nghỉ nhờ. Nghe cách tường có tiếng người nói :

– Đại nhân đi công cán xa, đợi tôi bẩm với phu nhân rồi vào cũng không muộn.

Khoảng chừng một khắc, nghe tiếng đàn bà nói :

– Đêm khuya mưa lớn, bảo người ta đi đâu ?

Tức thì thấy cánh cửa mở rộng, người giữ cửa nói :

– Người lỡ độ đường vào đi !

Hai người lúu rú đi vào, thấy có vài mươi tên lính canh bày kích mà ngồi, trên tòa đèn nến sáng choang, bày biện lộng lẫy. Phu nhân chừng trên dưới ba mươi tuổi, ngồi tựa bình phong, u già, hầu gái, đứng hầu hai bên đến vài chục người. Hai người ngả nón vái chào, phu nhân ân cần hỏi han, rồi sai dọn cơm cho ăn, thức ăn thì nhiều nhưng vị nhạt nhẽo không ngon miệng. Ăn xong, lại sai người trải chiếu ở góc nhà phía Đông bảo đi nghỉ và dặn :

– Đêm nếu có thấy gì thì cứ ngủ, đừng làm ồn.

Hai người không hiểu lời dặn có ý gì, chỉ vâng dạ mà thôi. Rồi phu nhân đứng dậy ; hai người mệt quá cũng ngủ quên đi. Gần nửa đêm nghe

(*) Nguyên văn : *Lôi Thủ pha*.

tiếng ngựa xe huyền náo, khẽ vạch áo nhòm trộm thì thấy một vị trượng phu mũ cao, áo bào đỏ từ trong kiệu bước ra. Phu nhân đón, hỏi có việc gì mà về muộn, ông đáp :

– Vừa mới làm xong sổ những người chết bất đắc kỳ tử.

Bà hỏi nơi nào nặng nhất, ông đáp :

– Hải Dương, Kinh Bắc nặng nhất, vùng Tây Nam, Thanh Hóa nhẹ hơn.

Ông ngoái nhìn, thấy có người nằm ở góc nhà liền hỏi :

– Bọn kia ở đâu đến ? Khéo không chúng lại tiết lộ lời ta.

Phu nhân nói :

– Buổi chiều họ chạy mưa xin nghỉ nhờ, chắc cũng ngủ rồi, không ngại gì.

Hai người nghe thấy rành rõ mọi chuyện nhưng trùm đầu giả vờ ngủ, sợ hãi nín thở, không dám nhúc nhích. Hồi lâu thấy lặng lẽ, sau đó lại nghe gà gáy, quạ kêu, ánh nắng chiếu xuyên qua áo. Hai người vùng dậy nhìn thì bốn bên chẳng có ai mà mình đang nằm bên cạnh một gò đất, những tàu lá chuối gặp mưa gió rách nát, rối vào nhau như lá lúa. Hai người sợ hãi đi về.

Năm sau giặc cướp nổi lên như ong, lại thêm mất mùa, dịch bệnh, người chết đầy đường, tỉnh Đông và tỉnh Bắc hại nhất, quả như điều đã thấy đêm ấy.

TRẦN THỊ BĂNG THANH dịch

73. THẦN CỦA CẦN HẢI(*)

Cửa biển Cần Hải, Nghệ An có đền thờ bốn vị thánh nương. Tương truyền sau trận thua ở Nhai Sơn⁽¹⁾ năm Tường Hưng⁽²⁾, Dương Thái hậu và ba Công chúa nhảy xuống biển tuấn tiết, gió dạt đến cửa biển Cần Hải thì dừng lại. Dù trời nổi mây nghìn dặm, nhan sắc vẫn như người sống ; dù trong sóng to đập dồi, mấy người vẫn không rời nhau ra. Nhà sư ở chùa ấy thấy người mặc quần áo lạ mới vớt lên chôn chắt. Sau mấy vị ấy rất linh thiêng nên dân trong vùng lập đền để thờ, rồi được ghi vào tự điển⁽³⁾ là bậc thần đệ nhất của nước ta. Vài chục năm trước đây người làng tạc hai con ngựa đá tiến cúng, đặt trước cửa đền. Viên trưởng ấp bỗng nằm mộng thấy Thánh bà bảo rằng :

– Đòi ngựa đá của dân cúng, thợ tạc rất vụng. Nay thần biển đang xây cung điện, ở đấy có nhiều thợ đá khéo, ta sẽ đem đi nhờ họ chạm khắc lại.

Sáng dậy trưởng ấp kể lại giấc mộng, thì người trong làng ai cũng mơ thấy như thế. Mấy hôm sau nước sông bỗng nhiên dâng to, hai con ngựa đá trước đền đều biến mất. Nhưng chỉ mười ngày lại thấy chúng ở nguyên chỗ cũ không xê dịch gang tấc nào. Nhìn kỹ thì bờm, đuôi, và móng đều chạm trổ rất tinh xảo. Ai trông thấy cũng đều biết là do công sức của thợ thần.

Lan Trì Ngư Giả bàn rằng : *Tổng sử* chép : "Dương Thái hậu nghe tin Đế Bính băng, vỗ ngực khóc lóc rồi nhảy xuống biển tự tử. Ông Trương Thế Kiệt vớt lên chôn ở bờ biển". Vậy thì người bị gió đánh dạt đến nước

(*) Nguyên văn : *Cần Hải thần*.

(1) *Nhai Sơn* : Đế Bính là vua cuối cùng của nhà Tống. Ở Nhai Sơn, sau khi thua quân Nguyên (1279), Lục Tú Phu đã công vua nhảy xuống biển.

(2) *Tường Hưng* : niên hiệu của vua Đế Bính nhà Tống (1278 - 1279).

(3) *Tự điển* : sổ ghi chép sự tích và cách tế lễ các vị thần được nhà vua phong là phúc thần.

ta là ai ? Nhưng xem xét kỹ thì Dương Thái hậu tuần tiết sau khi mười chiếc thuyền của ông Trương bị đứt dây. Trong lúc vội vàng như thế sợ chưa kịp lo liệu, hoặc là người viết sử không nhớ chép rõ hồn người trình liệt phải trôi nổi trong sóng gió nên viết lại như thế chăng ?

Lại chuyện truyền miệng của dân ta kể rằng : lúc Thái hậu và các Công chúa trôi đến đâu hãy còn sống nên ở nhờ nhà sư trong chùa. Sau sư nổi lòng dâm tà, định làm chuyện vô lễ, Thái hậu và Công chúa mới nhảy xuống biển chết. Nhà sư hối hận cũng chết theo. Đến nay nhà sư cũng được thờ phụng trong đền.

Ôi, nói như thế là thế nào ? Thái hậu nghe tin vụ biến ở Nhai Sơn, khóc thảm thiết rằng :

– Ta sở dĩ lặn lội đến đây là vì một hòn máu của họ Triệu mà thôi, nay thì chẳng còn hy vọng gì nữa.

Cứ theo lời nói ấy thì bà sẽ chẳng chịu sống cầu thả ở vùng hoang vắng man di, ăn nhờ ở đậu thẳng giấc trọc vậy. Hoặc giả hậu trôi dạt vào đây, người trong ấp lập đền thờ, nhà sư coi việc khói hương, vì thế sau cũng được thờ phụng như viên lão giám ở quán Trấn Vũ chăng ?

Đại khái là nước ta không ghi chép các chuyện loại này ; các ông già bà lão thôn quê kể đi kể lại "lấy hư truyền hư" mà bất giác làm sai lạc đi đó thôi !

TRẦN THỊ BĂNG THANH dịch

74. CON LAI RẮN(*)

Huyện Sơn Vi có một người đàn bà họ Nguyễn cùng chồng là *Mỗ* làm nhà dưới chân núi, ngoảnh lưng vào sườn núi để ở. Một hôm người vợ đi hái củi dưới núi, lâu không thấy về, chồng lấy làm lạ chạy theo lối tắt đi tìm. Đến một lùm cỏ rậm thấy vợ trần truồng nằm trên đá, một con rắn lớn to bằng chiếc xà nhà quấn quanh người, răng vẩy dữ tợn. Anh chồng kinh sợ chạy về. Đến chiều người vợ trở về yên lành, chị giấu chồng không nói gì cả. Người chồng kể lại rõ ràng những điều mình trông thấy, vợ bấy giờ mới then thùng nói :

– Thiếp hái củi, đến bụi cỏ ấy mệt, nằm xuống nghỉ. Bỗng thấy một người đàn ông khỏe mạnh, đẹp trai đến bức bách, thiếp hết sức lấy tay đẩy ra nhưng chân tay đều như bị trói chặt nên hắn đã làm được chuyện kinhhạ. Sợ chàng giận nên không dám nói, nhưng bảo là rắn thì không phải.

Hơn tháng sau, chị Nguyễn cùng mấy người nữa đi chợ, đường qua lối mòn trong núi, đột nhiên một con rắn lao tới nhanh như gió ôm người đàn bà mang đi. Cả bọn sợ chạy tan. Khi về, chồng hỏi, chị ta cũng nói như lần trước. Từ đó anh chồng không cùng chăn gối nữa. Sau đó người đàn bà có mang, đủ tháng sinh ra một đứa bé trai, cũng không khác gì mọi đứa trẻ thường, chỉ phải da đen như sơn mà thôi.

Bấy giờ ta làm quan huyện Quốc Oai được nghe quan Huấn đạo huyện Lâm Thao là Nguyễn Quyền⁽¹⁾ kể lại chuyện ấy. Ông lại nói :

– Đã từng thấy đứa bé con của rắn khi nó được ba bốn tuổi.

TRẦN THỊ BĂNG THANH dịch

(*) Nguyên văn : *Xà sinh*.

(1) Nguyễn Quyền : chưa rõ tiểu sử.

75. TIÊN NGOÀI HẢI ĐẢO⁽¹⁾

Người huyện Thanh Trì là Nguyễn Lộc kết bạn với mấy chục người thuê thuyền ra biển đến châu Vạn Ninh thuộc Quảng Yên buôn bán, một năm đi về đến mấy chuyến.

Một hôm, thuyền của họ bị gió thổi dạt đến một hòn đảo, trên núi cây cỏ tốt tươi, dưới núi đất bằng phẳng, rộng đến mấy chục mẫu, cỏ mảnh mượt như trái dẽm. Một con hươu từ bụi rậm chạy ra, mọi người cùng nhau cầm sào gậy, vạch đay leo mà đuổi theo. Lộc một mình đi sâu vào trong núi, rồi lạc đường không tìm thấy lối về ; trong lúc vội vàng sợ hãi, thấy trong núi có đến hơn chục con hổ dữ nhảy ra. Lộc thất kinh vịn cây leo lên, cỡi thất lung buộc chặt mình vào cành cây. Lũ hổ cứ nhìn lên găm thét làm rung chuyển cả cây rừng. Lộc run rẩy suýt rơi xuống đất. Lúc sau, hổ loanh quanh rồi bỏ đi nhưng vẫn găm thét âm vang bốn bề, Lộc sợ không dám leo xuống.

Bỗng nghe phía sau bụi cây có tiếng cười. Lộc ngỡ là ma quỷ, càng sợ, tự nghĩ thế nào cũng chết, trong lòng bèn nảy ra một kế lậ chi bằng cứ trèo xuống đi tới ra mắt. Bèn cỡi thất lung, sửa sang lại quần áo, từ từ đi xuống núi. Chừng mười bước, thấy trên phiến đá rộng khoảng một trượng có hai cụ già ngồi xếp bằng đang đánh cờ vây, có thằng hầu nhỏ dâng trà, trên bày mấy đĩa đào, lê. Hai cụ vừa uống trà vừa ăn hoa quả, hột nhả ra để đầy trước mặt, như không hề có Lộc ở bên cạnh.

Lộc tới cúi lạy, xin các cụ chỉ cho đường ra. Hai cụ ngoảnh nhìn thằng nhỏ bảo bẻ một cành cây đưa cho Lộc rồi nói :

– Nhà người cầm cành cây này mà đi, thuyền ở trước mặt đấy.

(1) Nguyễn văn : *Hải đảo tiên*.

Lộc từ biệt, ra khỏi rừng mấy bước đã thấy thuyền ở đó. Các bạn cùng thuyền đều kinh ngạc nói :

– Chúng tôi đuổi theo con hươu, bỗng gặp lũ hổ dữ, ai nấy chạy nhào cả về thuyền, riêng chẳng thấy bác đâu, ai cũng nói chắc bác đã vào miệng hổ rồi. Chỗ này cách nơi đậu thuyền cũ không biết là mấy trăm dặm và đã qua hai đêm. Bác ở đâu về đến đây, có thấy được vật lạ gì không ?

Lộc kể lại những điều đã gặp, mọi người đều lấy làm kinh lạ.

PHẠM TÚ CHÂU dịch

76. NGUYỄN QUỲNH^(*)(1)

Nguyễn Quỳnh là người làng Bội Thượng, huyện Hoằng Hóa, năm hai mươi tuổi đã đậu Hương cống, nức tiếng hay chữ, tính phóng túng khác người, không câu nệ lễ phép, nhất là thích bốn cột khôi hài, thường tập văn ở Trường Quốc học, luôn luôn được liệt vào hạng ưu, vẫn lấy thế làm tự đắc lắm. Một hôm kỳ sát hạch đầu tháng, làm văn ở trên thềm trường, có một người học trò trẻ tuổi, vẻ mặt tuấn tú lạ lùng, cầm bút hơi nghi qua rồi viết luôn mấy tờ thao thao không hết chữ, mới non trưa đã xong quyển rồi. Lúc ấy Quỳnh còn đương vắt trán ngồi nghĩ chưa ra văn, mà thấy chàng kia đã viết xong nên rất thán phục tài lanh lẹ của chàng, bèn mượn quyển xem suốt từ đầu đến cuối, thấy tứ văn đã đầy đủ, lời văn lại đẹp đẽ, tinh những chữ mình không nghĩ ra được, mới dùng bút hỏi họ tên, thì người ấy nói :

– Tôi là kẻ học trò hèn mọn ở Hải Dương, mới về chơi kinh, trọ tạm ở ngoài thành, họ tên hèn hạ không dám nói cho nhàm tai ông.

Rồi cùng nhau trò chuyện thì thấy học văn sâu rộng, hỏi đâu nói đấy, không sai chữ nào. Quỳnh vốn tự phụ học giỏi, coi khinh chúng bạn, bấy giờ bỗng thấy mình phải kính phục. Quỳnh mời về chơi chỗ trọ học, nhưng người ấy chối là bận việc và bảo rằng :

– Nếu ông có lòng quyến cố, thì ba ngày nữa, xin ông đợi tôi ở đình Quảng Văn, tôi sẽ xin đón ông về chơi chỗ tôi trọ.

Nói rồi chàng từ biệt ra đi, không nộp quyển.

(*) Nguyên văn : *Nguyễn Quỳnh*.

(1) *Nguyễn Quỳnh* (1677 - 1748) : danh sĩ nổi tiếng hay chữ, tuy chỉ đỗ Hương cống nhưng do có tài nên đã được dân gian truyền thuyết hóa, trở thành nhân vật chính của một chùm truyện trào phúng gọi là *Chuyện Trạng Quỳnh*. Chữ Trạng ở đây cũng mang tính cách điệu của dân gian.

Sớm hôm ấy, Quỳnh đúng hẹn, đến đình Quảng Văn, thì người học trò ấy đã đến đó trước rồi. Gặp nhau vui mừng lắm, dắt tay nhau cùng đi, ra khỏi thành độ hơn một dặm, đi chéo vào lối tắt độ vài mươi bước thì thấy một thư thất⁽¹⁾, hai cánh cửa đóng thật kín. Chàng lấy tay gõ cửa, một bô già ra mở, chào khách rồi trở vào. Trong nhà, ngoài mấy cái ghế, chiếu, đèn, nồi ra, không có vật gì khác nữa, cả đến nghiến, bút, sách, vở cũng không, Quỳnh lấy làm lạ, hỏi, thì chàng nói :

– Tôi không chú tâm về đường công danh, nên không học cái nghề chạm trở tử mi⁽²⁾ ấy.

Hỏi :

– Sao hôm trước cũng làm văn ?

Đáp :

– Tôi nghe tiếng ông hay chữ đã lâu, vẫn muốn đến làm thơ xướng họa cùng ông⁽³⁾ nhưng e đường đột. Hôm ấy nhân tiện kỳ văn, đến thử múa bút một phen để mong được mắt Bá Nhạc⁽⁴⁾ đoái ngó đến thôi.

Ngồi trò chuyện một hồi lâu, người kia bảo hầu tớ làm cơm ăn. Một lát cơm bung lên, chỉ có hai bát cơm gạo lứt⁽⁵⁾ với hai món canh rau và thịt khô thôi. Khi bóng đã xế chiều, Quỳnh xin về, người kia nói :

– Nhà chật hẹp quê kệch quá, không dám cố giữ cao hiền ở lại.

Rồi lấy từ túi áo ra hai mươi tư đồng tiền đưa tặng Quỳnh và nói :

– Cuộc gặp nhau sau này khó hẹn trước được. Gợi là chút đỉnh kính tiễn ông anh làm tiền rệu nước dọc đường.

(1) *Thư thất* : nhà đọc sách của học trò.

(2) Tức là nghề làm văn thơ gò gắm từng chữ cho văn hay, y như người thợ chạm, đục, gọt tử mi từng nét nhỏ cho thành hình sâu hình kiến.

(3) Nguyên văn hai câu này là : "*Cửu văn đại danh, dục xướng tố dương*" ; nghĩa đen : Lâu nghe danh tiếng lớn [của ông tôi vẫn] muốn xướng lên bài *Dương xuân* chất phác [của tôi để xin ông họa lại]. Chữ *dương* lấy điển ở chữ *Dương xuân*, *Bạch tuyết* trong văn Tống Ngọc, là tên những khúc nhạc thâm thúy của nước Sở mà khi xướng lên ít người họa được.

(4) *Bá Nhạc* : còn có tên là Tôn Dương, người đời Chu, sành xem tướng ngựa. Có lần đến chỗ gò núi trước kia là của nhà Ngưu (Thuấn), những con ngựa ký ngựa kỳ bị bỏ xó lâu ngày dưới xe thấy ông hý âm lên. Ông liền xuống xe mà khóc.

(5) *Gạo lứt* : gạo chỉ xay không giã.

Quỳnh cười nói rằng :

– Đây với chỗ tôi trọ ở kinh gần nhau thôi mà. Tôi đương mong được sớm tối gặp nhau, sao đã nói câu trường biệt ấy được ! Vả đường về gần thế, làm gì phải đưa món lộ phí này !

Chàng kia chỉ cười mà không trả lời, nhất định nhét tiền vào túi áo Quỳnh, tiến ra khỏi cửa, chào một cách rất trân trọng, rồi trở về. Khi Quỳnh ngoảnh lại nhìn thì bỗng chỉ thấy những núi xanh um la liệt chung quanh, mình ở giữa đám thông xanh, mây trắng, chẳng có nhà cửa nào cả. Mới lần lối đi xuống. Đương đi gặp một người tiểu phu, Quỳnh hỏi thăm thì ra đó là núi Phụng Hoàng ở Hải Dương, cách kinh đô hai trăm dặm, lấy làm lạ quá rồi tìm đường về, sờ vào túi áo thì tiền tặng vẫn còn, chỉ lo đi đường mỗi mệt, nhưng may thấy càng đi sức càng khỏe mà lại không thấy đói, thỉnh thoảng tiêu một vài đồng tiền để mua rượu, nước uống, thì một thoáng tiền lại vẫn ở trong túi. Đi ba ngày mới về đến nhà trọ ở kinh, tiền trong túi liền biến mất.

ĐÀM DUY TẠO dịch

77. PHẠM VIÊN^(*)

Phạm Viên người Đông Thành, Nghệ An, là con trưởng Tiến sĩ Phạm Chát⁽¹⁾, sinh ra đã khôi ngô khác thường, đọc sách chỉ liếc qua một lần là thuộc. Phạm thường đọc *Liệt tiên truyện*⁽²⁾, lòng rất hâm mộ, liền bỏ hết các kinh sách, chuyên học thuật hít thở⁽³⁾. Lâu dần như cũng có thành tựu. Năm hơn hai mươi tuổi, cha mất ; đoạn tang xong Viên đi vào núi rồi không trở về. Có khi giả hình làm người đi rong chơi nhưng tung tích bí ẩn, khi đi rồi người ta mới biết ; hoặc có ai để ý dò xét thì không thấy đâu nữa.

Ở huyện Gia Viễn, có một thôn ông mời thầy dạy trẻ học. Một chàng sinh đồ⁽⁴⁾ đến cửa xin nhận việc. Ông hỏi tiền công, thầy đồ nói :

– Tôi không có nhà cửa vợ con, dùng tiền làm gì ? Chỉ cần no ấm là đủ.

Ông liền mời ở lại dạy học. Sinh đồ giỏi dốt dẫn học trò một cách tuần tự, có khuôn phép tốt của một ông thầy. Thôn bên nghe tiếng, có đến vài chục trẻ tới theo học. Khi thầy mới tới chỉ mặc một chiếc áo vá, ở đã được

(*) Nguyên văn : *Phạm Viên*.

(1) *Phạm Chát* (1623 - ?) : người xã An Bài, huyện Đông Thành, nay là xã Diễn Hùng, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An. Đỗ Đệ nhị giáp tiến sĩ xuất thân (Hoàng giáp) khoa Nhâm Thìn (1652). Từng đi sứ sang nhà Thanh. Làm quan đến chức Bình Bộ Tả thị lang, tước tử. Sau khi mất, được tặng chức Thượng thư. Xem thêm Chú thích 3, tr.189, truyện *Ông sư tiên núi Nưa*, số 118, cùng tập.

(2) *Liệt tiên truyện* : tập truyện về bảy mươi một vị tiên, mỗi truyện lại có lời tán. Văn súc tích. Bản khắc gỗ đề là Lưu Hướng đời Đông Hán soạn, sau có người căn cứ vào văn tự cho rằng không phải sách đời Đông Hán.

(3) *Thuật hít thở* : phép đầu trong đạo tu tiên. Người học đạo thở ra bằng mồm để thải bỏ khí cũ và hít vào bằng mũi để hút khí trong sạch mới.

(4) Nguyên văn là hai chữ *sinh đồ*, ở đây là tên gọi chung học trò. Ở nước ta đời Lê, đồ Tú tài cũng gọi là Sinh đồ.

hơn năm, mùa đông cũng như mùa hè, chưa từng thay cũng không tắm giặt. Học trò bèn góp tiền cùng nhau may tặng thầy chiếc áo vải mới. Thầy nhận nhưng đem gửi cho chủ nhà mà không xỏ tay một lần. Lại hơn một năm nữa qua, thầy từ biệt chủ nhà xin đi. Ông lấy làm lạ hỏi :

– Trước thầy nói không có nhà, vậy nay đi đâu ?

Thầy đáp :

– Trước nói thế cho qua chuyện đó thôi. Nay đi xa lâu ngày, trẻ nhỏ mong mỏi, muốn về qua thăm chúng.

Ông họp mặt tất cả học trò làm tiệc tiễn đưa. Thầy nói :

– Nay sắp xa nhau mãi, hãy đem chiếc áo tặng thầy trước kia ra đây để mặc một lần.

Mặc độ nửa buổi thì cởi ra, đưa cho học trò và dặn :

– Vài năm sau ấp này sẽ có hỏa hoạn. Khi ấy cứ cầm áo gọi tên, ta sẽ đến cứu.

Học trò xin cho biết tên, thì nói :

– Ta là Phạm Viên.

Hỏi bây giờ thầy đi đâu, thì đáp :

– Hạc nội mây ngàn, làm gì có nơi nhất định.

Học trò lay hai lay từ biệt thầy. Trong đám có trò họ Nguyễn khẩn khoản xin đi theo. Phạm cười nói :

– Đi được cố nhiên là tốt. Chỉ sợ đường xa khó khăn hiểm trở, nửa chừng lại bỏ mà thôi.

Nguyễn cố nài, thể xin đi theo đến cùng. Thấy bằng lòng cho đi. Đi được chừng năm sáu ngày, khi thì nghỉ ở hang núi, khi thì đi thuyền trên biển, những nơi Phạm nghỉ lại đều là Đạo sĩ khách tiên tiếp đãi. Nguyễn hỏi nhà thầy ở đâu, Phạm chỉ cười nói "còn xa". Lại đi mấy ngày nữa thấy một quả núi trước mặt, có dòng suối bao quanh. Khi đến bờ nước thì sương mù dày đặc, dưới nước toàn những loài mai vẩy kỳ quái, chẳng biết tên là giống gì. Lòng suối rộng đến vài trượng mà chúng bơi lội đầy khắp. Nguyễn sợ quá, chạy lùi trở lại. Phạm bảo :

– Qua đây là đến nhà thầy rồi ! Cứ đi đi, đừng sợ !

Nguyễn thè lười không dám đi. Phạm vén áo bước bừa qua, dẫm lên đầu lên lưng lũ rùa rắn, rảo bước qua suối. Đến bờ bên kia ông đứng gọi, rồi lại sang cầm tay Nguyễn dắt đi. Nguyễn khóc nói :

– Thấy là tiên cố nhiên chẳng lo gì. Con là kẻ phạm tục, bất chước thầy ắt làm mối cho chúng ăn no mà thôi.

Phạm nói :

– Hay là con trở về vậy ?

Nguyễn mếu máo sợ lạc đường, xin thầy đưa về. Phạm nói :

– Đã đến đây rồi, có lẽ nào trở lại ? Con tự đi lấy cũng được !

Rồi đưa cho Nguyễn chiếc gậy trúc bảo cưỡi lên như trẻ con chơi trò cưỡi ngựa roi tre. Lại bắt nhắm mắt và dặn :

– Khi nào chạm đất mới được mở mắt ra.

Nguyễn cầm gậy cưỡi, bay vọt lên không mà đi. Chỉ trong nháy mắt đã tới đất ; mở mắt nhìn thì đã ở bên rìa làng mình. Đến nhà hỏi thì đi đã hai năm, nhìn lại chiếc gậy bỗng không thấy đâu nữa. Vài năm sau có bọn giặc núi nổi lên, làng ấy bị giặc đốt. Lửa bốc cháy, người trong thôn cầm chiếc áo của Phạm để lại chạy ra đồng kêu to :

– Phạm tiên sinh !

Bỗng nhiên mưa gió đổ tới, sấm sét âm âm ; bọn giặc sợ quá chạy tan, lửa cũng tắt. Người làng bèn đóng hòm đựng áo, theo tuần tiết mà cúng lễ, hương khói thờ phụng mãi mãi.

TRẦN THỊ BĂNG THANH dịch

78. ÔNG TIÊN ĂN MÀY^(*)

Nguyễn Ất là người một thôn nọ, không nhớ ở xóm nào, thuở nhỏ mồ côi cả cha lẫn mẹ, được anh nuôi. Anh là Giáp tham lam bủn xỉn, không thương yêu em, chị dâu cũng tàn ác hung bạo. Khi Ất lớn ra ở riêng, tài sản của cha bị anh chị chiếm hết, Ất chỉ được một mảnh ruộng cằn với gian nhà nát mà thôi. Nghèo đói quá, Ất phải đi làm mướn, kiếm củi để sống qua ngày. Năm ngoài hai mươi tuổi, Ất nghèo không lấy nổi vợ, anh không đoái hoài đến mà em cũng chẳng muốn hỏi xin.

Làng bên có một ông nhà giàu, Ất thường làm mướn ruộng cho nhà ấy, lâu dần thành quen. Phú ông có một khoảnh đất bỏ hoang, Ất xin đến ở, bèn gánh cả cơ nghiệp dọn đến. Từ đây càng xa cách Giáp, năm hết tết đến cũng chẳng hỏi han gì đến nhau.

Ất tuy nghèo nhưng hay làm điều thiện, gặp ai bán cùng đều chia sẻ cho họ. Một hôm anh đi làm thuê, chiều tối về thấy một người nằm ngay giữa cửa, lay thì người ấy rên không dậy được. Thấp đèn lên soi thì thấy một ông già gầy guộc, ốm yếu, mắt nhắm, mũi dãi tanh hôi dị thường, nôn mửa cứt dãi vung vãi khắp ngoài cửa. Ất vực dậy hỏi han, ông già nói là người thôn bên, nghèo ốm phải ăn xin, tối đến đây mệt quá, xin nhờ một xó nằm nghỉ cho hết đêm. Ất mở cửa đỡ vào, rót nước nóng cho uống, ông già hơi tỉnh, bèn trải chăn chiếu cho nằm ; thổi nấu xong gọi ông già cùng ăn. Ông già ốm yếu mà ăn thật khỏe, ăn hết hơn một đấu gạo còn kêu đói. Ất xẻ thức ăn sang cho ông cụ. Lúc lâu sau ông cụ mới xoa bụng nói :

— Lão no rồi. Thành con lão hư đốn không biết hiếu thuận, nếu lão có được người con như cháu thì thật là mãn nguyện.

(*) Nguyễn văn : *Cái tiên*.

Rồi ông lão nằm duỗi dài ra, ngủ thì ngáy như sấm, tỉnh thì ho hắng khạc nhỏ, âm ỉ cả đêm, song Ất không hề tỏ ra khó chịu. Sáng hôm sau, ông già trở dậy, Ất lại sửa soạn mâm bát. Ông già ngẫm lại nói :

– Cháu hay làm điều thiện thì không đáng phải nghèo. Ôn một bữa cơm lão không thể không báo đáp.

Đoạn lấy chậu hứng dưới mũi, ngoảnh bảo Ất :

– Lấy cán muối đập vào mũi lão đi !

Ất không chịu, ông già nài ép, Ất đành đập mấy cái, máu chảy ra. Ất sợ quá dùng tay lại nhưng ông già bảo cứ đập tiếp. Khi máu thôi chảy thì thấy vàng ùn lên từ đáy chậu, lát sau đã đầy. Ông già quay lại bảo Ất :

– Giữ lấy chỗ vàng này có thể làm giàu được rồi đấy ! Cháu hãy gắng làm điều thiện đừng giảm sút nhé !

Ất kinh ngạc lay tạ, lúc ngẩng lên thì cụ già đã đi rồi. Ất được vàng nhưng giấu kín, vẫn đến ông nhà giàu vay tiền, nói là để đi buôn. Anh bỏ vàng vào dây mang lên kinh đi mua hàng đem về bán. Một năm đi ba bốn chuyến, mới dùng hết nửa số vàng mà tiền đã được hàng vạn vạn, anh bèn từ biệt ông nhà giàu về quê chuộc lại căn nhà cũ, dần dà mua thêm ruộng, mượn người phá nhà cũ làm nhà mới, trở nên giàu có nhất làng. Sau đó Ất đến nhà người anh, nhờ anh hỏi con gái nhà thế tộc làm vợ.

Lúc đầu Ất về quê đến chào anh chị, vợ chồng Giáp đối xử nhạt nhẽo. Lâu cũng không thêm sang thăm, bỗng nghe nói em giàu sụ, lấy làm lạ bèn đến xem. Khi tới nơi thấy gian nhà nát trên mảnh đất xưa kia đã được xây thành căn nhà lớn, sắp sửa làm xong. Em còn mua thêm mấy mẫu ruộng đất xấu của một nhà hàng xóm liền kề, phát quang gai góc làm vườn, thợ thuyền đầy tớ chuyển vận gỗ đá nối nhau không dứt. Anh chị kinh ngạc quá, hỏi em nguyên do. Ất kể kỹ lại những điều đã gặp, anh chị hăm mộ mãi, hỏi kỹ tuổi tác hình dạng ông già để còn đi tìm.

Hơn một năm sau, người anh từ ngoài về vừa lúc có một ông già đội mũ vàng mặc áo bào rách co ro đi qua cửa. Hai vợ chồng Giáp tranh nhau kéo vào nhà, ép ngồi ghế trên, chẳng kịp hỏi rõ ông ta từ đâu đến. Rồi mổ gà, thổi xôi, chặt cá làm gỏi, cung phụng rất hậu. Ông già khép nép không dám nhận, vợ chồng Giáp đối xử theo lễ càn cung kính, lại nói :

– Tiên ông cứ lấy hết trong lỗ mũi ra thì cả đời đệ tử này ăn tiêu cũng không hết.

Sáng hôm sau ông cụ vái chào xin đi, không tặng lại gì cả. Giáp giữ lại không cho về, lấy cái nồi lớn đặt trước mặt ông cụ, cắm cái dùi to vào mũi. Ông lão hoảng hốt che đở, Giáp nói :

– Tiên ông không hiểu biết gì cả. Đệ tử không xin nhiều, vàng cứ đầy một nồi này là được.

Tức thì sai vợ giữ quạt tay ông lão, còn mình ra sức gõ vào sống mũi ông, vừa chọc máu đã chảy ra. Giáp mừng rỡ nói :

– Quả như lời chú hai nói, vàng sắp thành rồi !

Liên tiếp đánh đến nỗi mũi ông cụ vỡ ra, rụng cả răng, khiến ông cụ phải hô cứu mạng. Hàng xóm tứ bề kéo đến, không hiểu duyên cớ gì. Hỏi thì vợ chồng Giáp giận dữ không chịu nói, hỏi ông cụ mới biết tường tận nhưng ông cụ cũng không hiểu vì sao trước thì cung kính sau lại hung tợn như thế. Ông lão vốn là người bán tương ở thôn bên. Giáp ngày thường bủn xỉn, cả làng đều ghét nên có người chạy đi báo với con trai ông cụ. Anh con trai trước đó thấy cha mãi không về, đang lo đi tìm hỏi, nay hay tin giận lắm, tức khắc cùng người làng đưa ông cụ và vợ chồng Giáp lên quan. Quan cho rằng đánh tàn nhẫn một người lớn tuổi như thế thì phải đền tiền tạ lỗi theo luật, lại nọc vợ chồng Giáp ra đánh mấy chục hèo, móng nát cả thịt ra.

PHẠM TÚ CHÂU dịch

79. HAI TRUYỆN HỔ CÓ NGHĨA^(*)

I

Huyện Đông Triều có một bà đỡ họ Trần. Một đêm nghe tiếng gõ cửa, bà ra mở thì không thấy ai. Đang nhìn quanh bỗng một con hổ nhảy tới công bà đi. Thoạt tiên bà sợ gần chết, sau tỉnh lại thấy hổ lấy một chân ôm bà vào bụng đi như bay. Mỗi khi qua chỗ rậm rạp gai góc thì lấy tay gạt ra mở lối. Đi dần dần, tới một bụi rậm trong núi sâu, hổ đặt bà xuống ; ở đây có một con hổ cái đang lăn lộn cào đất. Bà nghĩ hổ sắp ăn thịt mình nên sợ run không dám nhúc nhích. Lâu sau hổ đực cầm tay bà dắt lại, nhìn hổ cái mà rơi nước mắt. Lúc đó bà mới nhìn kỹ, thì thấy bụng hổ cái có vật gì đang động cựa, biết là hổ sắp đẻ. May vừa có liều thuốc thời sinh dất trong vạt áo bà liền múc nước sôi hòa cho uống ; lại lấy tay xoa vuốt bụng hổ, một lát thì hổ đẻ được. Bấy giờ hổ đực vui đùa với con, còn hổ cái thì nằm là xuống, dường như mệt lắm. Sau hổ đực đến bên gốc cây lấy tay đào đất, bới lên một khối bạc trắng. Bà biết là hổ trả ơn mình liền nhận lấy. Thế rồi hổ đực đứng dậy vừa đi thong thả vừa ngoái nhìn bà, bà liền đi theo. Ra khỏi rừng được vài bước thì trời sáng, bà giờ tay nói :

– Xin chúa rừng trở lại.

Hổ còn cúi đầu, vẫy đuôi như người tiễn biệt nhau. Chờ cho bà đi đã hơi xa, hổ mới gầm lên một tiếng to rồi đi. Bà về tới nhà, đem cân thỏi bạc thì được hơn mười lạng. Năm ấy mất mùa, bà nhờ số bạc ấy mà được sống.

II

Một người tiểu phu nọ ở Lạng Giang, hái củi dưới chân núi ; nhìn xa phía thung lũng ở núi trước mặt cây cỏ lay động không ngừng, liền vác búa

(*) Nguyên văn : *Nghĩa hổ*.

đến xem thì thấy một con hổ trán trắng to bằng con trâu, khi thì cúi đầu đập đất, khi thì nhảy lên nhảy xuống, luôn luôn thò chân vào trong hấu, miệng há to như cái sàng, máu chảy lênh láng. Nhìn kỹ trong miệng hổ, thấy một chiếc xương nằm ngang họng. Chân hổ to, càng moi chiếc xương càng thụt vào sâu. Người tiểu phu vừa uống rượu nên bạo gan, từ trên cây nói to :

– Họng ông đau à ? Đừng cản tôi, tôi sẽ lấy xương ra cho.

Hổ nghe, phục xuống đất há mồm quay về phía người tiểu phu như cầu cứu. Anh tiểu phu từ từ tụt xuống, thò tay vào họng hổ, lấy ra chiếc xương trâu to như bắp tay. Hổ liếm mồm vừa đi vừa ngoảnh lại nhìn người tiểu phu. Anh tiểu phu hô to lên rằng :

– Nhà tôi ở thôn ấy, có được mỗi ngon của rừng hãy nhớ nhau nhé !

Người tiểu phu về rồi, một đêm nghe ngoài cửa có tiếng kêu dài mà dữ dội. Hôm sau, thấy một con hươu chết nằm đó. Sau trải hơn mười năm người tiểu phu già, rồi chết. Lúc sắp chôn, hổ bất chợt đến trước mộ nhảy nhót, những người đang đưa đám chạy tan hết. Đứng từ xa nhìn thấy hổ lấy đầu húc vào áo quan, rống lên một tiếng to, chạy quanh mấy vòng rồi đi. Từ đó mỗi khi đến ngày giỗ người tiểu phu, hổ đều đem dê hoặc lợn đến để ngoài cửa.

TRẦN THỊ BĂNG THANH *dịch*

80. SINH ĐẺ KỲ LẠ^(*)

Châu Vạn Ninh, Quảng Yên có người đàn bà mang thai bảy tám tháng rồi chết. Nhà nghèo không thể sắm áo quan, đành gói ghém rồi đem chôn tạm ở ngoài đồng. Trong thôn có bà lão vốn quen thân với người đàn bà đó, làm lều ở ngoài thôn bán nước chè. Lều cách mộ người đàn bà một tầm mắt. Mấy ngày sau, thấy chị ta cầm mấy đồng tiền đến mua bánh khảo rồi đi. Bà nhìn theo, thấy về đến chỗ mộ thì biến mất. Mười ngày sau, bà lão hỏi mua bánh khảo làm gì, thì nói :

— Vừa sinh cháu, khổ nỗi không có sữa, cháu khóc không chịu nổi nên mua về mớm cho cháu.

Bà lão báo cho nhà người đàn bà đó biết tin. Hôm sau anh chồng đến rình xem ; gần trưa quả thấy vợ đến. Chồng lại gần hỏi thì bỏ chạy, không trả lời. Anh chồng đuổi theo, chỉ chớp mắt đã biến mất. Người chồng rơi nước mắt đi đến mộ vợ. Nghe dưới mộ có tiếng trẻ khóc mới đào lên thì thấy một đứa bé trai, rốn còn chưa rụng, nằm sắp trên bụng mẹ, quần quai khóc, trong miệng hầy còn những vụn bánh. Nhìn đến người mẹ thì phía hạ bộ huyết còn chảy nhưng thì thể đã trương to. Người chồng ôm con về, xin bú nhờ hàng xóm, nhưng ai cũng sợ đứa bé do người chết sinh ra nên tránh không dám đến gần. Người cha đành ôm con mà mớm cơm, cháo. Sau đứa bé lớn lên cũng không có gì khác lạ.

TRẦN THỊ BĂNG THANH dịch

(*) Nguyên văn : *Sân dị*.

81. SỐNG LẠI^(*)

Anh học trò họ Đào, con một nhà làm ruộng, ở huyện Đông Sơn, mặt mày tuấn tú khác thường ; cha mẹ cho đi học thì thông minh lắm. Năm mười sáu, mười bảy tuổi Đào sinh đã thạo hết các loại văn thi cử, nhưng nhà nghèo không đón được thầy dạy. Bấy giờ thôn bên có một ông Cử nhân mở trường, sinh đến theo học. Ông láng giềng nơi chàng trọ học có một người con gái, cùng trạc tuổi chàng, nhan sắc cũng khá. Mỗi khi gặp nhau sinh thường hát lời trêu ghẹo, cô gái chỉ cười mà không cự lại. Một đêm sinh đang đọc sách, nghe nhà bên có tiếng dột cửa, chàng lén đến nhòm thì thấy cô gái ngồi dột vải một mình dưới đèn. Đào sinh lấy tay gõ cửa, cô gái hỏi ai, chàng nói nhỏ :

– Anh học trò nhà mé Đông đây. Đã nhiều lần được cô đoái thương, nay đêm khuya người vắng, xin được một lần dưới đèn bày tỏ nỗi khát khao mong nhớ.

Cô gái đáp :

– Tôi với chàng ngày thường vẫn gặp nhau chẳng phải không hiểu lòng nhau. Nhưng trai gái khác biệt, mỗi hiềm nghi "vườn dưa gốc mận"⁽¹⁾ cũng phải biết giữ gìn.

Sinh cố năn nỉ, lời lẽ đã có phần là lợi. Cô gái nói :

– Chàng là học trò có đọc sách, tôi cũng là con gái nhà tử tế biết lễ nghĩa, nếu chàng không chê, sao không nhờ người đến nói với thầy mẹ tôi. Nay nếu cầu thả, trái lễ thì muôn vàn cũng không thể chiều lòng được.

(*) Nguyên văn : *Tái sinh*.

(1) Nguyên là hai câu ở bài thơ cổ *Cố quán tử hành* : *Quá điền bất nạp lý Lý hạ bất chính quan*, nghĩa là : Không xò giày ở ruộng dưa, không sửa mũ dưới gốc mận. Bởi vì người ta có thể ngờ là cúi xuống ăn trộm dưa và với tay hái trộm mận.

Sinh biết không thể ép nàng nghe theo mới bỏ đi, rồi nhờ bà mối đến nhà láng giềng xin hỏi nàng làm vợ. Cha nàng khinh Đào sinh nghèo không gả. Chàng vừa giận vừa thẹn, bỏ lên kinh đô du học. Ba năm sau, chàng thi Hương, đỗ cao, về quê lễ nhà thờ và sang bái yết ông Cử thầy học cũ. Nhân đó chàng sai người hỏi dò tin tức cô gái, thì cô đã lấy một anh nhà giàu trong làng từ năm trước. Sinh buồn rầu ra về. Đi đến ngoài thôn thấy một người con trai mặc áo đỏ, đội nón lá sen cày ruộng, một thiếu phụ đưa cơm đứng bên bờ. Lại gần thì ra cô hàng xóm năm xưa. Chàng gọi tên thời con gái của cô, nhưng cô không nhận ra vì lúc đó chàng áo quần lộng lẫy, kẻ hầu người hạ hàng đoàn. Sau chàng nói :

– Mối xa nhau có ba năm mà nay đều đã ra dáng người lớn cả rồi. Không nhớ anh học trò nhà hàng xóm mé Đông sao ?

Cô gái mới đặt giỏ cơm xuống hỏi han. Chàng nói vừa đỗ Hương tiến, lại đưa mời cô miếng trầu, rồi gạt nước mắt chia tay. Anh nông phu nhìn thấy, hỏi vợ đó là người nào, làm sao mà quen biết nhau, cô gái mới kể lại câu chuyện ngày trước. Chàng ta, lúc đầu, thấy vợ nói chuyện với đàn ông trong bụng đã ghen, lại nghe có quen biết cũ càng giận, lấy ngay bắp cày đánh vợ. Chẳng ngờ lỡ tay, vợ ngã lăn ra chết. Chàng ta sợ quá công về, nói dối là vợ bị trúng gió rồi vội vàng chôn ngay, bố nàng cũng không biết rõ sự việc.

Hôm sau Đào sinh nghe đồn cô gái chết, rất lấy làm lạ. Đêm đến chàng tìm ra mộ cúng nàng, bỗng nghe trong mộ có tiếng động. Vốn là người can đảm, chàng đào mộ mở quan tài ra xem, thấy xác cô gái hơi động đậy, mà sờ thấy vẫn còn ấm, chàng liền công về và sai người nhà lấp mộ lại như cũ. Nửa đêm, cô gái thổ ra huyết đến hơn một bát to rồi tỉnh ; cho uống thuốc xong thì trở lại bình thường. Chàng hỏi duyên cớ mới rõ những chuyện xảy ra sau khi hai người gặp lại nhau. Bấy giờ Đào sinh chưa lấy vợ, lại cảm tấm lòng của cô gái nên đem nàng gửi nhờ nhà người bạn thân, nói thác là người vợ cưới ở kinh đô. Cho đến bốn, năm năm sau cũng không ai biết rõ sự thực.

Một hôm vào cuối đông, cô gái đi mua sắm ở chợ gần làng, chợt gặp anh nông phu cũng đi chợ. Anh ta lấy làm lạ sao có người đàn bà giống vợ mình đến thế, hỏi ra thì biết là vợ Đào sinh. Anh nông phu trở về, lên đào mộ vợ lên xem thì chỉ có quan tài không mà thôi. Anh ta tức lắm, cáo quan là sinh妒 đổ vợ mình. Quan gọi Đào sinh cùng vợ lên hỏi. Nghe xong, ông quở trách anh nông phu và xử cho cô gái trở về với Đào.

82. TÊN ẲN TRỘM^(*)

Chợ Xuân ở huyện Gia Phúc là nơi đô hội của trấn Hải Dương người buôn bán vắng lại thường ngủ lại nơi đây. Có mấy dãy quán cho hành khách trọ. Ấp gần đấy có một tên ản trộm già đời, biệt hiệu là Mèo Khoét, khách qua lại thường bị hấn lừa lấy trộm, mưu kế biến ảo trăm đường. Cửa quán nào cũng đặt một cái hòm thật to, khách trọ đêm đều bỏ hành lý vào trong hòm khóa lại, người nằm ngủ bên trên.

Năm Quý Hợi (1743) đời Cảnh Hưng, một người khách trọ đêm ôm một bọc rất nặng. Lúc sắp đi ngủ, chủ quán bảo :

– Hành lý quan khách mang theo hoặc giả có tiền bạc thì có thể gửi cho tôi. Đất này kẻ trộm gian ngoan lắm, không thể sơ suất được.

Khách cười to đáp rằng :

– Tôi có chút ít tiền bạc há không giữ được hay sao. Có gì mà phải phiền cụ lưu ý ?

Lập tức mở bọc ra dưới đèn, đều là những xâu tiền sáng lóa, chất đầy một giường, ước chừng đến bốn, năm trăm lạng. Sau đó khách thu lại tất cả bỏ vào trong bọc, đặt ở đầu giường rồi đi ngủ.

Ngay lúc đầu tên gian đã nhìn trộm qua khe cửa, sau thấy mọi người đã ngủ yên, hấn khoét vách chui vào, nằm phục dưới gầm giường giả tiếng mèo vồ chuột. Vờ một hồi lâu, hấn dám bắt chuột tiếng mèo cắn chuột ở ngay cạnh chân khách, rồi lấy gai cào cào vào chân khách. Khách tỉnh dậy chửi ầm lên : "Đồ mèo ôn dịch" rồi lấy chân đá. Tên trộm làm ra tiếng mèo chạy đi, khách vừa chớp mắt, hấn lại làm như trước. Khách không chịu được quá nhiều bèn lẳng lẳng dậy định chộp mèo để quật. Tên trộm nghe

(*) Nguyên văn : *Thâu nhi*.

tiếng giường lay động, biết khách đã ngồi dậy liền lẩn lên đầu giường lấy bọc bạc rồi nhón chân nằm ẹp xuống như chó mà bò ra ngoài. Khách chờ mãi không thấy mèo đến, lẩm bẩm chửi rồi nằm xuống, nấn đến gối thì số bạc trước đó đã biến mất. Bèn gọi chủ quán châm đèn, rồi bảo :

– Bọc bạc của tôi đã bị mất rồi !

Chủ quán trách khách không cẩn thận và đoan với khách rằng mình không can hệ gì đến. Khách nhìn lên nóc nhà thấy có cái nơm cũ rất to, bèn nói :

– Cụ không phải lo, đứa ăn trộm này cũng ở gần đây thôi. Tôi xin cái nơm này, còn cụ nên thấp đèn ngồi đợi, lát nữa bạc sẽ quay về, không phiền gì đến cụ cả. Chỉ khổ cho tôi đêm nay không được ngủ ngon mà thôi.

Khách bèn mang nơm ra khỏi cửa, trèo lên cây, mắt ngó ra xa, thấy thôn lân cận chỉ cách chừng một dặm có tiếng chó sủa liền lẩn theo ngay đến đó. Sau lũy tre có một nhà vừa mới thấp đèn lên, khách vạch rào chui vào mở toang cổng rồi áp sát nhà, nhòm vào thấy tên trộm vừa mới cùng vợ đếm bạc dưới đèn, hăn đang nói cười vui vẻ tự khoe là cao thủ. Rồi hăn lại nói :

– Thằng cha ngu si kia hăn đang gào khóc muốn chết đây.

Khách đứng ngoài vạch cửa sổ ra cười, tên trộm hỏi giạt giọng :

– Ai đấy ?

Khách đáp :

– Em là trộm đây. Nghe nói ông anh vợ được món béo bở, em đến xin ông anh chia cho một ít.

Tên trộm giận dữ nói :

– Thằng chết dầm nào dám đến miệng hùm xin thịt thế hả ?

Hăn tìm gậy bước ra, còn ngoảnh lại dặn vợ :

– Giữ lấy bạc, để tôi ra giết chết thằng ôn này.

Khách giả vờ bỏ chạy rồi núp lại. Tên trộm ra thấy cổng mở toang liền cứ thế đuổi theo. Khách đẩy cửa vào nhà lấy cái nơm úp chụp xuống đầu vợ tên trộm, rồi phá hòm vợ lấy bọc bạc bỏ đi, theo bờ ruộng đi tắt mà về, tới nơi quán vẫn còn đèn.

Tên trộm chạy đuổi trên đường cái đến mấy dặm chẳng thấy gì bèn quay trở lại, tới nhà thì vợ bị cái nơm chụp xuống đang ngã lăn quay, hòm bị phá, bạc cũng mất. Hỏi ra biết đầu đuôi, bấy giờ hăn mới kinh phục.

Sáng hôm sau, khách vừa rửa mặt chải đầu xong thì thấy một người mang gà và gạo nếp đến vái lạy mà rằng :

– Tôi là đứa ăn trộm bạc của ngài, làm nghề này đã hơn mười năm nay, tự cho là không bỏ sót một xảo thuật nào. Không ngờ nay ngoài núi còn có núi cao hơn, xin cho tôi theo ngài để học những thuật mà tôi chưa thể làm được.

Khách đáp :

– Những việc làm của anh là những việc tôi đã làm hồi còn trẻ tuổi. Nhưng tôi nghĩ rằng ăn trộm của người để nuôi béo mình đâu phải là lẽ chính đáng ? Anh thử ngẫm xem ý vị của việc được và mất đêm qua như thế nào ! Tôi thể không làm nghề này đã năm năm rồi, vì cố anh gây nên bất giác phải giở ngón nghề ra đây thôi, anh hà tất học làm gì. Nay bốn bề nhiều đồn lũy, kẻ làm trai nên góp sức với triều đình. Tôi hiện ở dưới trướng của Đô đốc họ Đặng, nếu anh chịu theo, tôi sẽ đề cử giúp lên với ngài, anh đừng lưu luyến cái nghiệp chướng này nữa.

Kẻ trộm nói :

– Xin vâng lời dạy bảo.

Rồi từ biệt vợ con ra đi. Mấy năm sau có một viên quan võ hạng nhất đến nghỉ chân ở quán của ông già, người ngựa đi theo có đến mấy chục, nhìn kỹ thì ra anh chàng ăn trộm, hỏi thì nói là theo quân của Đô đốc, do có công được bổ làm Suất đội. Hỏi khách thì đã là Tham tướng ở Sơn Tây.

PHẠM TÚ CHÂU dịch

83. CÔ ĐÀO HỌ NGUYỄN^(*)

Quan Thượng thư Ôn Quận công Vũ Khâm Lân⁽¹⁾ là người thôn Ngọc Lặc, huyện Tứ Kỳ, cha đỗ khoa thi Hương. Ông sinh ra thông minh rất mực, bất kể đọc sách hay làm văn, cứ dạy qua một lần là hiểu ngay. Mẹ ông vì có lỗi bị nhà chồng đuổi về ; bà mẹ kể không nhân từ bắt ông bỏ học để chăn trâu. Năm ông mười lăm, mười sáu tuổi, bà ta trao cày bắt ông cày ruộng, gánh phân, cuốc đất và đốc thúc, đòi hỏi rất ngặt nghèo, hà khắc. Quần áo đẹp tốt, thức ăn ngon lành, bà ta đều dành riêng cho con dề. Ông phải mặc áo rách, ăn cơm hẩm, ít khi được ấm no, cha ông cũng không thể che chở được. Ông không chịu đựng nổi khổ sở, bỏ trâu trốn đi, năm sáu ngày sau đến xã Dịch Vọng huyện Từ Liêm.

Bấy giờ có một Cử nhân đang mở trường dạy học trong ấp. Ông đến cửa xin ăn và kể nông nổi có đơn khổ sở. Cử nhân hỏi đã đi học, vậy có biết làm thơ không. Ông nói biết. Bèn cho ngồi, đưa giấy bút bảo làm thơ về sông núi Cối Kê⁽²⁾. Ông vung bút lập tức thành thơ, hai câu luận⁽³⁾ viết :

Tam sính vị phan Gia Cát Lượng,

Nhất khuông dĩ bực Quản Di Ngô⁽⁴⁾.

(*) Nguyên văn : *Nguyễn ca kỹ*.

(1) *Vũ Khâm Lân* (1703 - ?) : còn có tên là Thận, người thôn Ngọc Lễ, xã Ngọc Sơn, huyện Tứ Lộc, nay thuộc tỉnh Hải Dương, đỗ Đồng tiến sĩ xuất thân khoa Đinh Mùi (1727).

(2) *Cối Kê* : nơi vua Ngô Phù Sai thời Chiến quốc (ở ngôi 495 - 476 tr. CN) bức hàng vua Việt là Câu Tiễn (? - 465 tr. CN). Câu Tiễn ghi nhớ mối thù đó về sau diệt được nước Ngô, làm nên nghiệp bá.

(3) Tức hai câu 5 và 6 của bài thơ luật, nhằm phát triển ý của đề bài.

(4) *Gia Cát Lượng* : xem Chú thích 1, tr. 42, truyện *Tiến sĩ ăn khố*, số 55, cùng tập ; *Quản Di Ngô* (? - 645 tr. CN) : tức Quản Trọng là tướng nước Tề thời Chiến quốc. Ở đây muốn nói đến những bậc hiền tài đời trước.

(Ba lần mời chưa sai khiến được Gia Cát Lượng,

Một khi yên định thiên hạ đã chọn được Quân Di Ngô)

Ông đưa trình, Cử nhân võ bàn khen ngợi, cấp tiền cho ăn học và cho ngồi cùng các học trò khác. Hơn hai năm sau bài vở ngày một khá lên rất nhiều, trong trường không còn ai là đối thủ nữa.

Mùa xuân năm ấy người trong thôn xã làm lễ tế thần, mấy người bạn học kéo ông đi chơi. Trai gái trong làng đều mặc quần áo tốt, trang điểm đẹp, chen chúc nhau xem hát, còn ông áo bông đã cũ lại rách bần, nên tựa cột đứng xem, chỉ sợ người khác trông thấy.

Có một nàng ca kỹ tuổi chừng mười bảy, mười tám rất đẹp, giọng hát cực hay, mỗi khi ra sân cất giọng lên là người nghe đều điên đảo, không thể tự kìm mình được, khăn vấn đầu và tiền bạc ném ra thường để đầy một bàn. Cô gái múa đèn lượn đến góc đình, liếc thấy ông liền chăm chú nhìn hồi lâu, ngơ ngẩn như đánh mất vật gì, không sao hát hết khúc được nữa. Người xem cho là bị cảm đột ngột, ngẩn ngẩn ra về, ông cũng về theo. Hôm sau, quá trưa nàng đi thẳng đến chỗ ông ở, an ủi khuyến khích ông, nói :

– Anh hùng lưu lạc đến thế này là cùng cực rồi chẳng ?

Nàng biểu ông mười xâu tiền, quần áo và đồ ăn rồi trân trọng từ biệt. Từ đó cứ khoảng dăm ba tháng nàng lại đến chỗ ông ở, thường lưu lại qua đêm, khâu vá nấu nướng cho ông chẳng khác nào vợ chăm sóc chồng. Ông lúc đầu gặp nàng cảm kích và kính trọng, lâu dần thành quen bèn nảy ý sàm sỡ, tìm đến chỗ nàng ở xin ngủ lại. Nàng nghiêm nét mặt cự tuyệt rằng :

– Nếu thiếp dâm dăng thì thiên hạ đâu có thiếu những chàng đẹp trai ? Thiếp tự cho phận mình là loại xướng ca, không phải là người xứng đôi với chàng. Bấy lâu tìm kiếm trong chốn trần ai, may mắn gặp được người quân tử. Nếu mai sau chàng không phụ thì thiếp cũng vui lòng phó thác chung thân, còn nếu đối xử với nhau như đối với loại liễu ven đường, hoa ngoài cổng thì từ nay đành xin cáo biệt.

Ông xấu hổ tạ lỗi, từ đó càng quý trọng hơn. Hai năm sau, gặp kỳ thi Hương, ông sửa soạn về quê để chuẩn bị. Nàng đến tiễn đưa, tặng ông rất nhiều. Khi sắp chia tay, ông cầm tay nàng nói :

– Một mình lưu lạc, nhìn quanh chẳng có người thân, không ngờ giữa đường gặp nhau, trao khăn đổi áo lại tặng cho tôi rất nhiều. Trước nay tôi chưa dám đường đột, nay sắp xa nhau, xin được biết quê quán họ tên để mai sau còn biết chỗ mà tìm gặp lại.

Nàng đáp :

– Chàng không phụ thiếp thì thiếp sẽ tự tìm đến. Nếu như sự việc đổi khác thì cũng là góp cho thế gian một câu chuyện vui, hà tất hỏi kỹ làm gì.

Lúc trước, khi ông bỏ trâu mà trốn đi, mẹ kể cho là nhờ được cái gai trong mắt, mừng rỡ ra mắt. Cha bị mẹ kể kiểm ngăn, không dám đi xa, có tìm cũng chỉ trong ấp mà thôi, lâu ngày bất tin, tưởng là đã chết bờ chết bụi. Nay bỗng nhiên thấy ông cười ngựa về, hỏi đến việc học hành thấy tấn tới rất nhiều, ông cụ hết sức mừng rỡ. Mùa thu năm ấy, thi ở huyện, ở đạo⁽¹⁾ ông đều trúng thứ nhất, lên tỉnh cũng đỗ đầu cả mấy kỳ thi. Cha bèn hỏi con gái nhà thế tộc cho ông làm vợ, ông kiên quyết từ chối. Sau ông thưa thực với cha, ngổ ý không khi nào phụ người ca kỹ ấy.

Cha giận lắm, mắng rằng :

– Mày dám chống đối, tự ý lập thân, không theo lệnh cha ư ? Thôi, cứ để cho mày chủ trương, nhà này không có loại đàn bà theo trai ấy đâu !

Ông bất đắc dĩ phải tuân mệnh. Năm sau, nàng ca kỹ đem đồ lễ rất hậu đến đón ông ở nơi trọ trên kinh, ông xấu hổ không thốt nên lời. Nàng nói :

– Thiếp đã biết rồi, ông không phải kẻ nữa. Nay con đường trước mắt ông trải dài vạn dặm, kẻ hèn mọn này không xứng đáng nâng khăn sửa túi, số mệnh là như vậy.

Từ đấy ông không gặp được nàng nữa. Sau ông đỗ Tiến sĩ vào làm việc nơi đài sảnh rồi được đi sứ, nổi tiếng trong ngoài hơn mười năm. Lúc ấy Hải Dương có giặc, vua cho ông là người địa phương, am hiểu tình hình quân giặc, ra lệnh cho ông cầm quân đánh dẹp. Giặc tan, xét công ông được phong tước Quận công, nắm công việc của Ngự sử đài. Trong mấy năm trải tướng văn tướng võ, vinh sủng hiển hách, mỗi khi nói với người khác về chuyện cũ, ông đều than thở tự trách mình. Ông có sai người đi tìm nàng nhưng rốt cuộc không tìm thấy.

(1) Đạo : đơn vị hành chính đời Lê, tương đương tỉnh ngày nay.

Sau ông đến dự buổi ca hát ở một nhà quý thích là Đặng hầu⁽¹⁾ thấy người gõ nhịp tựa tựa nàng ca kỹ, hỏi thì đúng là nàng, tuy gió bụi dạn dày nhưng hãy còn phong vận. Hỏi đến quãng đời mười năm trước, nàng lấy viên quan võ ở trấn Thái Nguyên, sau viên ấy chết, nàng không có con, góp nhặt chút ít tư trang trở về quê quán, gặp lúc em trai hư hỏng phá tán hết cả, nàng phải dắt mẹ già lưu lạc đến Tràng An, dạy hát ở các nhà quyền quý để kiếm ăn qua ngày. Ông thương xót lắm, đưa cả bà mẹ cùng về, cho ở một căn nhà riêng và cấp cho thóc gạo. Hơn năm sau, mẹ nàng mất, ông lo liệu tất cả. Chôn cất xong, nàng xin đi. Ông giữ lại không được, ông tặng nàng rất hậu hỹ nhưng nàng cũng không nhận. Nài ép mãi thì nàng nói :

– Tôi không có phận làm vợ Thừa tướng thì chỗ tiền bạc này sao có phúc tiêu dùng được ?

Nàng là người ở Chương Đức, trấn Sơn Nam.

PHẠM TÚ CHÂU dịch

(1) Ông họ Đặng được phong tước hầu, có họ ngoại với vua.

84. CHUYỆN TÌNH Ở THANH TRÌ^(*)

Chàng họ Nguyễn ở Thanh Trì, vẻ mặt tuấn tú khác thường, mồ côi cha từ thuở nhỏ. Lúc trẻ, sinh có đi học, nhưng nhà nghèo, không theo học được đến cùng. Làng ở ven con sông nhỏ, nhà sinh vốn vẫn làm nghề lái đò, nên sinh cũng tập chèo chở. Bọn lái đò đều hát hay, sinh nghe lỏm mà bắt chước hát, chỉ vài tháng đã học hết khúc hay của họ. Những khi sớm gió mát, tối trăng trong, sinh gõ mạn thuyền mà hát lên, ai nghe thấy cũng phải lắng tai.

Phú ông họ Trần, nhà ở trên bờ bên hữu sông, có cô gái chưa chồng, nghe tiếng sinh hát thích lắm, mới đứng trong cửa sổ nhòm trộm, thấy vẻ mặt tuấn tú của sinh, nàng nhìn mãi không bỏ qua được. Một hôm nàng ngấm sai con ở đưa tặng sinh một chiếc khăn vuông⁽¹⁾ và giục cho người đến làm mối.

Sinh bàn với mẹ. Mẹ nói :

– Nhà mình thì nghèo thế, nhà người ta thì giàu thế, cách nhau xa quá, ước mong càn thế nào được.

Sinh nói :

– Nhưng đó là tự ý cô ta muốn lấy con kia mà !

Mẹ mới đi sắm đồ chạm mặt và nhờ bà hàng xóm đi ướm trước với phú ông, nhưng ông không gả. Bà kia cố nài và khen mãi dung mạo sinh thật hiếm có. Ông nói :

(*) Nguyên văn : *Thanh Trì tình trái*.

(1) Loại khăn làm bằng vuông vải rộng, con gái chín chắn thuở trước vẫn đội cho kín mái tóc, có khi trùm kín cả tai và má.

– Cái anh chàng vừa chèo dờ vừa hát luôn miệng ấy chứ gì ! Tôi biết hần rồi ! Chỉ nỗi con tôi xấu xí què mùa lắm, không đáng lấy một người chồng bảnh bao như thế. Vậy xin bà về từ chối giùm cho !

Bà kia ra về. Ông quát lên nói theo :

– Nhà người ta sang trọng thế này, con gái người ta nỡ nà thế kia, khi nào lại có thằng rể lái dờ ! Sao con mẹ mỗi ngu quá thế.

Bà hàng xóm về kể rõ chuyện. Mẹ sinh hổ thẹn mắng con mãi. Sinh nói :

– Lão ấy khinh người, chẳng qua chỉ cậy nhiều tiền đó thôi. Ta đây thử bỏ cái nghề lái dờ này, xem có làm được giàu có không !

Rồi sinh chào mẹ ra đi.

Cô gái thấy cha không bằng lòng, thất vọng lắm, nhân lúc nhà vắng, ngấm lấy hai trăm lạng vàng, sai người đưa tặng sinh để làm lễ cưới. Khi được tin sinh đã tức giận ra đi trước mặt rồi, không biết đâu mà tìm, nàng ngấm ngấm đau đớn tâm thần, dần dà thành bệnh, thân thể gầy yếu, trong bụng kết hòn lại như đá, thuốc thang chạy chữa mãi không khỏi, được hơn một năm thì chết. Lúc sắp tắt nghỉ, dặn lại cha rằng :

– Trong bụng con tất có vật gì lạ, sau khi con chết, nên hỏa táng mà xem nó thế nào.

Cha y lời, khi lửa tắt rồi, bốc đồng tro than, được một vật to bằng cái đầu, đỏ, tươi như phấn yện chi, không phải ngọc, không phải đá, trong sáng như gương, dùi nện, búa bổ đều không vỡ, trong có hình anh lái dờ tựa mái chèo hát⁽¹⁾. Phú ông nghĩ nhớ lại việc trước, mới ngờ con gái vì tương tư chàng kia mà chết, nhưng hối không kịp nữa, bèn cất khối ấy vào hộp gỗ mà để trên bàn thờ cô.

(1) Câu này nguyên chữ Hán viết : *trung hữu chu tử ý trạo nhi ca ngọa* 中有舟子倚棹而歌臥 chữ *ca* có viết nhưng xóa bỏ đi. Nay xét bỏ chữ *ca* đi thì có nghĩa : "Trong có hình gã lái dờ tựa mái chèo mà nằm", thế là vô nghĩa, vì nằm mà làm gì phải tựa, và nằm thì tựa thế nào được vào mái chèo thường buộc nghiêng ở mép thuyền. Chắc nguyên bản là chữ *ca* (hát), có nghĩa : tựa mái chèo mà hát, nhưng người sao trước cho là vô lý, nên khi đã viết chữ *ca* rồi lại xóa bỏ đi mà thay chữ *ngọa* vào. Bởi vậy xin tạm đính chính lại.

Hồi trước, lúc sinh ra đi, trơ trọi một thân lên Cao Bằng, vào nương nhờ quan Trấn tướng làm người giúp việc trong buồng giấy, vì hát hay, được ngài yêu quý. Được hơn một năm, khi túi đã hơi nhiều tiền, mới tùy vật giá lúc rẻ lúc đắt mà mua chứa hay bán ra để lấy lãi⁽¹⁾.

Sau vài năm nữa, tích tụ được hơn ba trăm lạng vàng, bụng bảo dạ : "Số vàng này đủ làm vui lòng cái lão mọi tham tiền ấy rồi !". Sinh bèn thu xếp về quê.

Về đến nhà, nghe nói cô gái đã chết rồi, sinh mới sửa lễ sang viếng. Làm lễ xong, ông mời ngồi. Sinh xin cho xem khối đá, ông đem hộp giở ra cho coi. Sinh cầm xem mà khóc, nước mắt rơi vào cục đá bỗng tan loãng ra, rỏ xuống đầm đĩa cả vạt áo sinh, loang lổ hóa vệt máu tươi. Sinh cảm mối tình của nàng, thế không lấy ai nữa. Bấy giờ người thứ nữ của ông đã lớn, ông đánh tiếng cho mẹ sinh biết, xin gả cho sinh, sinh nghe lời mẹ cưới cô ấy làm vợ.

ĐÀM DUY TẠO dịch

(1) Nay gọi là buôn ngổ.

85. CÁ THẦN^(*)

Người lái buôn *Mỗ* ở Quảng Nam giàu mà thích làm việc thiện. Hằng năm thường thuê thuyền chở hàng từ Gia Định ra Thuận Hóa buôn bán. Một hôm thuyền đang đi giữa biển, *Mỗ* say rượu làm trái ý chủ thuyền. Chủ thuyền vốn là dân trộm cướp ; nhân đêm tối đẩy *Mỗ* xuống biển. *Mỗ* ngoi ngóp khi nổi khi chìm giữa sóng biển, bỗng đụng phải một con cá lớn. Yên chí thế nào cũng chết. *Mỗ* bèn níu lấy râu cá mà khẩn rằng :

– Tôi là người lương thiện bị cướp hại, xin Long vương cứu lấy sinh mạng nhỏ nhoi như con sâu cái kiến này !

Tức thì con cá vùng sóng bơi đi, nhanh như tên, nhìn thân cá dài đến hơn trăm trượng. Nửa đêm thấy cá nghiêng mình nghỉ lại, *Mỗ* ngược mắt nhìn thì đã đến bờ. *Mỗ* sửa áo ngay ngắn lễ tạ hai lạy rồi tìm đường mà đi. Bỗng trước mặt có một đồn binh, hỏi ra thì là đồn Động Hải⁽¹⁾. *Mỗ* gõ cửa xin ăn. Lính trong đồn thấy *Mỗ* là người quen thường ngày vẫn qua lại đường này nên đều thương, lại thấy chuyện lạ, liền cho quần áo và thức ăn.

Chủ thuyền hại anh lái buôn *Mỗ* xong chia nhau hàng hóa rồi thuận dòng mà đi. Hơn mười ngày sau, cũng đến Động Hải, neo thuyền lên bờ. Trông thấy *Mỗ* y kinh hãi bỏ chạy. *Mỗ* hô hoán, lính đồn đuổi theo bắt được ; vừa tra hỏi, chủ thuyền đã nhận hết mọi tội.

Lúc bấy giờ chú dượng ta là Trần Dương, làm tướng cai quản đồn, xử vụ án này.

TRẦN THỊ BĂNG THANH dịch

(*) Nguyên văn : *Thần ngư*.

(1) *Động Hải* : tức Đồng Hới ngày nay.

86. CHUYỆN KHỈ(*)

Ở huyện Lục Ngạn có một thôn nữ đi hái củi nơi hẻm sâu trong núi. Bỗng nhiên từ trong hang đá đổ ra đến mấy trăm con khỉ, vây chặt cô gái không chịu thả. Cuối cùng một con túm áo cô gái dẫn lên núi. Thấy tình thế không thể chạy trốn được, cô gái đành đi theo. Đi chừng một trống canh thì vào đến một ngôi nhà đá. Trong nhà có phiến đá lớn giống như chiếc giường, một con khỉ già đang ngồi xồm trên đó, lớn bằng đứa trẻ mười lăm tuổi. Thấy cô gái đến, con khỉ già vui mừng nhảy nhót, đàn khỉ kêu lên choe choe như nói với nhau điều gì. Lát sau lũ khỉ tản mát hết để cô gái ở lại với chúa của mình. Lúc đầu, cô gái hết sức sợ hãi. Khỉ chúa dắt cô gái lên giường cùng ngồi, cho ăn quả rừng, lâu dần thành quen nhau, hề dỗi thì kêu với nó. Khỉ cũng hiểu được tiếng người, liền dắt cô gái đến một ngôi nhà, trong có hốc đá, đựng nhiều đậu, thóc. Một lát thấy bầy khỉ con mang bát, con mang nồi, con vác củi thổi lửa, trước sau nối gót mà đến. Từ đó cá, muối, áo quần, phàm những thứ cần dùng cho người, không thiếu một thứ gì. Dân xóm gần đấy bị quấy nhiễu không chịu nổi.

Cô gái nhớ nhà muốn trốn đi, nhưng khỉ già canh giữ rất cẩn mật. Hơn năm sau sinh được một khỉ con, việc canh giữ mới hơi lỏng lẻo. Cô gái xin về thăm cha mẹ, khóc lóc mãi, khỉ già mới cho về nhưng sai đàn khỉ đi theo.

Trước đó, khi cô gái chưa trở về, cha mẹ tưởng con đã bị hổ ăn thịt, đi khắp nơi tìm kiếm nắm xương thừa mà không thấy. Nay cô trở về mới biết rõ nguyên do bèn tụ họp dân làng, bàn kế giết khỉ. Ông bà giả vờ làm cơm khao đàn khỉ rồi bảo chúng rằng :

– Về nói với chúa các người : nay đã thành vợ chồng rồi, hãy về làng một lần để nhận họ hàng. Lẽ nào ông ngoại đã có cháu bé mà còn chưa biết mặt chàng rể.

Đàn khỉ cười rồi đi. Lát sau khỉ già đến, trèo lên giường ngồi. Người nhà khi ấy ngấm bả thuốc độc vào cơm thịt, bọn khỉ đều say, mới đem dây trói cả lại mà giết đi.

TRẦN THỊ BĂNG THANH dịch

(*) Nguyên văn : Hẩu.

87. CON HỔ NGHĨA HIỆP(*)

Huyện Bảo Lộc có người dân là Hoàng *Mô*, nhà khá giả, lấy vợ họ Nguyễn, người cùng ấp, được mấy năm vợ ốm chết, để lại một đứa con trai bốn năm tuổi, gửi cho bà ngoại là cụ Nguyễn nuôi nấng. *Thỉnh thoảng* Hoàng đến nhà bà nhạc thăm con, hoặc bế con về nhà, mười ngày lại đem sang gửi.

Ấp bên có một người góa chồng, Hoàng chợt có việc qua ấp đó, trông thấy ưng ý lắm, nhờ bà mối đánh tiếng. Người đàn bà ấy từ chối rằng :

– Tái giá mà được người như ông ấy là tốt rồi. Hiềm vợ trước để lại đứa con trai, vợ kế cùng ở chung với con vợ trước là việc rất khó. Để mặc cho nó bướng bỉnh, lêu lổng thì người ta bảo là mình ghẻ lạnh với nó, còn nếu động đến một tý thì những lời gièm chê sẽ lan ra ngay, nhiều như sương lạnh trên đường, như bông tơ hoa lau vậy. Nhờ bà thay tôi tạ lỗi với ông Hoàng rằng tôi không thể làm vú nuôi cháu thay người trước để bị người ngoài bình phẩm được.

Bà mối về nói lại lời từ chối ấy. Sau đó Hoàng vẫn ưng cô ta, không bỏ được, nghĩ mãi chỉ có cách làm mất đứa con đi thì mới lấy được cô ta, bèn nảy ý độc ác.

Mấy ngày sau, Hoàng dắt con vào trong núi sâu, lừa con rằng mình đi tìm quả cho con ăn rồi bỏ con ở lại về thẳng. Núi ấy có nhiều hổ, Hoàng về đến nhà nghĩ bụng con thế nào cũng bị chôn trong bụng hổ, sợ bị bà nhạc tra hỏi, bèn đắp một ngôi mộ ở ngoài đồng giả làm nơi chôn con.

Bấy giờ đã nửa đêm. Bà Nguyễn ở nhà nghe tiếng gõ cửa, ngỡ là hổ, đóng chặt cửa không dám ra. Kế đó bà nghe tiếng trẻ khóc gọi, lấy làm lạ, mở ra xem thì thấy cháu đứng ngoài cửa. Bà vừa sợ vừa mừng, hỏi :

– Cha cháu đâu ? Sao cháu lại đến một mình vào lúc khuya khoắt thế này ?

(*) Nguyên văn : *Hiệp hổ*.

Thằng bé đáp :

– Lúc chiều tối, cha dắt một mình cháu lên núi. Cháu ngồi ở gốc cây đợi cha, mãi không thấy cha trở lại, cháu sợ, cháu khóc, thấy một con mèo vàng to bằng con trâu công cháu đến đặt ở đây rồi bỏ đi, cháu cũng không biết là nhà bà.

Bà cụ lấy làm kinh lạ, ôm cháu mà khóc. Ngay lúc đó nghe tiếng hổ gầm gừ ngoài cửa, bà ở trong nhà nói vọng ra :

– Đa tạ sơn quân cứu cho cháu tôi được sống. Già này không có gì tạ ơn ngài, chỉ có con lợn trong chuồng, kính mời ngài một bữa.

Túc thì nghe thấy tiếng bắt lợn. Gà gáy xong lại nghe tiếng lợn kêu từ xa sau đến gần, vào đến chuồng thì thôi. Sáng ra xem thấy có nửa con lợn chết để ở sân, trong chuồng lại có một con nữa, to hơn con của nhà nhiều. Bà cụ ngạc nhiên quá, ngay sáng hôm ấy sang nhà con rể hỏi cháu dâu. Hoàng đáp :

– Cháu bị cảm đột ngột, chữa chạy không khỏi nên mất lúc nửa đêm rồi.

Hoàng lại dẫn bà cụ ra đồng chỉ nắm đất nói :

– Cháu nằm ở nơi đây.

Bà Nguyễn sai đào lên thì chẳng có gì cả, bèn bảo :

– Chắc lúc chôn cháu, con chôn theo nhiều quần áo nên bị kẻ gian trông thấy chúng đã đào lên vớt xác đi rồi. Ở bên mẹ còn vài cái áo cái chăn của cháu, anh theo mẹ về lấy rồi đốt cả đi. Mẹ đã ở tuổi xế chiều, vẫn bóng không nỡ nhìn thấy những vật thương tâm ấy nữa.

Hoàng đi cùng mẹ vợ, vào đến cửa thấy con vịn ngưỡng cửa tươi cười luôn miệng gọi cha. Hoàng biến sắc lùi ra, bà Nguyễn níu lại, Hoàng xé đứt luôn vạt áo bỏ đi.

Bà cụ đem việc đó thưa lên quan, Hoàng bỏ trốn sang thôn khác. Người làng ghét hần vô hạnh, dò theo dấu vết bắt được, tra hỏi, hần phải nhận tội. Quan cho đó là hành động thương luân bại lý, định ghép tội nặng. Hoàng hối lộ nhiều nên chỉ bị đánh đòn rồi tha. Hần ra về, tối đến cổng làng, có con hổ nấp trong bụi rậm gầm lên nhảy ra vồ rồi chạy thật nhanh. Nghe tiếng Hoàng kêu cứu, dân làng cầm đuốc đuổi theo, cách làng chừng một dặm thì thấy thi thể Hoàng đã nát vứt trên đường, cách đó hơn một trăm bước thấy một con hổ mất sáng như đuốc đang thông thả đi vào trong núi.

Việc này xảy ra năm Canh Tuất (1790), em họ tôi là Trần Danh Lưu lên Lạng Sơn thấy được việc đó.

PHẠM TÚ CHÂU dịch

88. BÀ ĐỒNG(*)

Đàn ông đàn bà ít hiểu biết phần nhiều mê hoặc quỷ thần, bà đồng thấy cứng theo đó mà dối lừa thêm. Các cách xem đường công danh, thăm hồn người chết,... hầu hết đều sai lầm, không hợp lẽ đại loại như chuyện cười "mất một phần, mất hai phần" đã kể⁽¹⁾. Người có chút hiểu biết không ai nói đến.

Riêng có chuyện này là lạ, thời cha tôi chưa thi đỗ, ông đến trọ ngoài cửa Nam kinh thành đọc sách. Một đêm nghe tiếng gõ cửa rất gấp, ông mở xem ai, thì ra ông bạn thân họ Phạm, người Đồng Bình. Cha tôi mời vào, hỏi :

– Đêm hôm có việc gì mà bác đến đây ?

Phạm công đáp :

– Đến chúc mừng bác đấy !

Cha tôi lại hỏi :

– Có việc gì đáng chúc mừng thế ?

Phạm công bảo :

– Trạng nguyên khoa thi Hội năm nay ắt là bác.

Bấy giờ mới là đầu xuân, cha tôi nói :

– Hẳn là mộng mị không có bằng chứng chứ gì ?

Phạm công đáp :

– Không phải mộng mị đâu, thật đấy !

Cha tôi cười to, hỏi nguyên cớ. Phạm công kể :

(*) Nguyên văn : *Vu ấu*.

(1) Chưa rõ chuyện cười này như thế nào.

– Bên hàng xóm có một bà đồng, xem đường công danh cho một người. Bà ta gọi hồn, mãi chẳng thấy lên, đến khi hồn lên, hỏi sao chậm thế thì hồn nói : "Cổng trời đã treo bảng, người xem chen chúc nhau, chật ních, tôi nhỏ yếu không sao len lên đi trước được cho nên đến chậm". Hỏi có xem được hết số tên người dự tính sẽ thi đỗ không, hồn đáp : "Tôi ở xa nhìn lên bảng trời treo cao, đệ nhất danh có hai chữ, chữ trên nét thừa, chữ dưới nét sót. Nghe người ta truyền âm lên rằng đỗ trúng cách có mười ba người, người thứ nhất họ Vũ tên *Mỗ*, những người tiếp theo không nhớ được. Bà đồng này vốn không quen biết bác, lời nói ngẫu nhiên ấy rõ ràng như thế, phải chăng bà ta thực sự có thể biết trước ?

Cha tôi cười bảo rằng :

– Lời nói của bà đồng chẳng có gì đúng đâu. Bác mê hoặc cũng quá đáng đấy.

Năm ấy thi Hội, trúng cách quả nhiên mười ba người. Cha tôi đỗ đầu, đúng in như lời bà đồng nói.

PHẠM TÚ CHÂU dịch

89. BÀ PHU NHÂN LAN QUẬN CÔNG^(*)

Niên hiệu Sùng Khang nhà Mạc, ông họ Đàm ở làng Ông Mạc, huyện Đông Ngàn là Thượng thư về hưu. Một hôm ông sửa sang nhà cửa, cả làng phải điểm danh số đinh trai tráng khiêng gánh gỗ đá giúp ông. Ông chống gậy ra xem, gặp ai khiêng gánh đều thăm hỏi rồi mới bảo đi làm, cuối cùng thấy một chàng trai chừng mười bảy, mười tám, mặt mày thanh tú. Thấy vẻ người sang quý, ông hỏi họ tên, quê quán, anh chàng đáp họ Nguyễn tên Thực, người xã Vân Diêm⁽¹⁾. Ông hỏi sao đến chậm, cậu ta thưa :

– Cháu đến trường học xong mới tới đây làm phu.

Ông lại hỏi đến việc học, cậu ta đáp :

– Cháu nhà nghèo, ấm lạnh bất thường, văn nghĩa thơ phú đều học qua nhưng chưa được tinh thông.

Ông miễn cho công việc vất vả, cho ngồi, sai bình luận thấy văn chương tầm thường, không thật có câu hay. Ông lại đòi phải đối được câu do ông ra :

Thập bát hùng năng đảm thổ

(Trai mười tám biết gánh đất)

Anh chàng lập tức ứng khẩu :

Cửu ngũ long phi tại thiên

(Rồng chín lăm bay trên trời)⁽²⁾

(*) Nguyên văn : *Lan Quận công phu nhân*.

(1) *Nguyễn Thực* (1555 - 1637) : người xã Vân Diêm, huyện Đông Ngàn, nay là xã Vân Hà, huyện Đông Anh, Hà Nội, đỗ Đệ nhị giáp tiến sĩ xuất thân (Hoàng giáp) khoa Ất Mùi (1595), làm quan đến chức Lại Bộ Thượng thư.

(2) *Rồng chín lăm* : hào "cửu ngũ" trong quẻ Càn, sách *Chu dịch*, chỉ ngôi đế vương. Ở đây dịch thành *chín lăm* để đối với *mười tám* của vế trên.

Ông lấy làm lạ lắm. Bấy giờ ông có ba cô con gái chưa chồng. Ông vào bảo ba cô rằng :

– Ngoài nhà có cậu học trò ngày sau ắt làm nên. Các con ai có thể tạm thời yên lòng với cảnh nghèo nàn thì sau được hưởng thụ và chỉ dùng cả đời không hết.

Ông tức thì bảo các cô đến bên rèm, từ trong nhìn ra xem. Hai cô chị ra trước, nhìn ngấm rồi vừa đi vào vừa cười rằng :

– Chôm dài, đầu lớn, rõ ra anh lính, anh phu.

Ông rất không bằng lòng, lại sai cô út ra nhìn. Cô út thưa :

– Phận làm gái đầu dăm tự kén chồng. Cha thấy được là được, há cần phải nhìn ngó người con trai ?

Ông mừng lắm. Chàng Nguyễn Thục xin về. Sáng hôm sau ông sai người nhà sang Vân Diêm truyền đạt ý định đó. Cha mẹ Thục kinh ngạc, mừng khôn xiết, nhưng nhà nghèo không biện nổi đầy đủ các lễ. Ông cho sắm sửa đủ mọi thứ, sai quét dọn sạch sẽ, chọn ngày tốt gả con về nhà họ Nguyễn. Trước ngày đón dâu, ông cho con nhấp rượu⁽¹⁾ rồi khuyên dạy rằng :

– Con về làm vợ nhà nho nghèo, không thể so bì với khi con ở nhà. Cha không phải không có tiền của, mà là không muốn đưa cho con nhiều làm tổn hại đến chí của con. Con nên lam làm kiếm lấy miếng ăn bằng sức của mình để giúp cho chồng, chớ có quen thói được nuông chiều như hồi trước nữa.

Cô út lạy xin vâng. Về nhà chồng, cô bỏ hết đồ xa hoa, mặc quần áo vải, tự xách nước, chồng học, vợ dệt, đến nửa đêm vẫn chưa đi ngủ.

Mấy năm sau, ông Nguyễn Thục đỗ khoa thi Hương, nhưng mấy lần đi thi Hội đều trượt cả, tuổi ngoài ba chục vẫn là ông Cử nghèo. Hai cô chị đều lấy con nhà danh giá, ngày về thăm bố mẹ, ngựa xe nghẽn cả đường làng. Còn vợ chồng ông Cử thì lủi thủi đi bộ, khiến cho bọn trẻ con trong xóm và đám đàn bà nuôi tằm cũng lạnh nhạt, tình cảnh không thể chịu đựng nổi. Các anh chị gặp em phần nhiều không thân thiện, thường gọi mỉa mai hai vợ chồng là "quý nhân làng Diêm" để làm nhục, kẻ ăn người làm

(1) Một nghi thức trong sáu lễ về hôn nhân thời xưa.

cũng chế giễu. Thấy vậy, cô út càng tự giấu mình, không ngồi chung với các chị nữa. Chỉ có ông cụ Đàm là càng yêu quý con út, thường khuyên răn các con lớn rằng :

– Giàu sang trước mắt đâu đã đáng coi khinh hay coi trọng ? Sau này người có thể cứu mạng được cho các con chính là nó đấy !

Cả nhà đều bảo ông tuổi già lắm lắm, nên bỏ ngoài tai. Chẳng bao lâu ông Đàm mất, còn ông Nguyễn Thực vẫn nhiều lần vấp ngã trong chốn trường văn, khốn quẩn như cũ. Có lần ông mơ thấy bảng treo trên cây thông, tên mình đứng đầu bảng, không hiểu ra làm sao. Sau mấy lần thì trượt, ý nghĩ ấy cũng nguôi dần.

Năm Kỷ Mão (1579) niên hiệu Quang Hưng, vua Thế Tông nhà Lê thu phục lại kinh thành, mở khoa thi kén người có học. Ông Thực quả nhiên đỗ khoa thi Hội, đến khi thi Đình ông đỗ đầu nhị giáp. Đô tướng họ Trịnh làm chủ việc coi thi, vương tên húy là Tùng, giấc mơ của ông Thực nay mới nghiệm.

Bấy giờ hai con rể của ông cụ Đàm đều làm quan chức nhà Mạc nên bị giải lên kinh, phần nhiều nhờ ông Thực cứu giúp cho. Sau đó mấy năm, con trai cả của ông tên là Nghi⁽¹⁾ nối gót ông thi đỗ, cha con cùng triều đều làm đến chức Thượng thư. Cháu ông là Thất, Thẩm, Sĩ⁽²⁾ đều nối nhau thi đỗ, trăm hốt đến nay cũng chưa dứt⁽³⁾, là một dòng vọng tộc ở Bắc Giang.

PHẠM TÚ CHÂU dịch

(1) Nguyễn Nghi (1588 - 1657) : đỗ Đồng tiến sĩ xuất thân khoa Kỷ Mùi (1619), làm quan Tể từ Quốc tử giám, Nhập thị kinh diên, Thiếu phó, tước Dương Quận công. Khi mất được tặng chức Thái phó.

(2) Nguyễn Thẩm (1663 - ?) : đỗ Đệ tam giáp đồng tiến sĩ xuất thân khoa Bính Tuất (1706), làm quan đến Phó đô ngự sử. Sau khi mất được tặng chức Lễ Bộ Thị lang.
Nguyễn Sĩ (1645 - ?) : đỗ Đệ tam giáp Đồng tiến sĩ xuất thân khoa Canh Tuất (1670), làm quan đến chức Giám sát.

(3) Ý nói đến nay vẫn có người làm quan.

90. QUAN THUỘNG HỌ ĐỒ^(*)

Thuộng thư họ Đồ húy là Uông⁽¹⁾ người huyện Gia Phúc, thuở nhỏ rất thông minh, đọc sách gộp mấy dòng cũng hiểu ngay được, lại có can đảm. Lúc trẻ học nơi thôn trại, cây đa ở đấy có ma con gái, thường hiện hình ban ngày, biến hóa trăm đường, ai đụng phải là ốm hoặc chết.

Một đêm trời mưa rả rích, mây mù tối tăm, ông cùng mấy người bạn đọc sách dưới đèn. Một người nói :

– Đêm nay ai dám đi một mình ra cây đa lấy mấy thứ như hộp hài thờ về đây, chúng mình góp mỗi người ba trăm tờ giấy để đánh đổ.

Ông nói :

– Việc ấy có gì là khó. Các anh tạm ngồi đợi, xem tôi đi đây.

Tức thì đội nón ra cửa. Chừng cách cây đa hơn chục bước, ông nhìn thấy một người con gái mặc áo lụa trắng vẩy đen xoa tóc vẩy gọi dưới gốc cây. Ông nín thở nhón chân, thừa lúc cô ta không phòng bị vùng đến ôm chặt lấy. Cô gái kinh sợ hỏi :

– Ai đấy !

Ông đáp :

– Người trong ấp là Mỗ đây mà !

Cô gái nói :

– Biết ông là danh sĩ xưa nay nên em không dám thất lễ, sao ông lại đường đột đến thế ? Ông cho rằng em không thể gico họa được cho ông chăng ?

Ông nói :

– Họa phúc do trời, há bộ xương khô nhà người có quyền nắm giữ riêng hay sao ?

(*) Nguyên văn : *Đồ Thuộng thư*.

(1) *Đồ Uông* : xem Chú thích 3, tr. 32, truyện *Đóng ngựa thi thơ*, số 54, cùng tập.

Cô gái tìm trăm cách để thoát ra, cuối cùng vẫn không được, bèn thảm thiết van rằng :

– Người mà tôi gieo họa là những kẻ phúc bạc, hèn hạ. Gặp những người như ông, tôi còn chẳng kịp tránh đi, đâu dám xúc phạm ? U minh khác nẻo, xin ông buông tay ra !

Ông bảo :

– Người đã hiểu biết linh thiêng ắt rõ việc trên trời. Vạy đường bóng lọc của ta như thế nào phải nói cho ta hay.

Cô gái thác là không biết, chỉ nói khéo xin đi. Ông không nghe, cứ cố hỏi mãi. Gà gáy lần thứ hai, cô gái mới chịu nói :

– Ông ba mươi tư tuổi thì đỗ, thi Đình đỗ thứ hai, làm quan đến bậc cao nhất. Xin ông tha cho em, giữ một lát nữa thôi là em không đi được nữa.

Ông bèn buông tay, cô gái khóc rằng :

– Em nhẹ dạ tiết lộ cơ trời, thế nào cũng bị hỏi tội gắt gao đây.

Đi mấy bước rồi từ từ biến mất.

Sau khi ông đi, các bạn chờ mãi không thấy về, có người nổi ắt ông không dám đến chỗ cây đa, bèn bảo nhau tắt đèn đi ngủ. Canh năm ông mới cầm hộp hài về, mọi người hỏi :

– Sao về muộn thế ?

Ông đáp :

– Tôi và con ma ấy ngồi nói chuyện với nhau quên cả mệt, vừa mới chia tay nhau xong.

Hỏi nói những chuyện gì, ông không đáp, ai nấy đều ngạc nhiên, nghi hoặc. Sau đó hơn một tháng, một hôm bỗng mưa gió dầm dề, cây đa bật gốc đổ xuống, từ đấy bóng ma không còn nữa.

Khoa thi năm Bính Thìn (1556) đời Mạc, ông đỗ Tiến sĩ đệ nhị danh, mức đỗ và tuổi tác đều đúng như lời cô gái nói. Nhớ lời đó, ông đến chỗ cây đa hồi trước lập miếu thờ nàng.

Ông làm quan đời nhà Mạc, tới chức Thượng thư trái sáu bộ, tước Thiếu bảo quận công. Đời Lê Trung hưng, ông vâng ra làm quan được tin dè dặt như cũ. Năm Hoảng Định nhân vụ binh biến của Phan Ngạn, Đinh Nga, xa giá về Thanh Hóa, ông can ngăn không được. Sau khi vua ra đi, ông bị loạn quân giết chết.

PHẠM TÚ CHÂU dịch

91. ĐIỀM BÁO TRƯỚC^(*)

Vương Dụng Tân là bậc danh sĩ ở Gia Lâm, năm hai mươi một tuổi đỗ nhất kỳ thi tuyển trong đạo⁽¹⁾, liền dó lại đỗ Hương tiến. Năm sau đi thi Hội, một đêm trước khi vào trường, nằm mộng thấy đến một nơi, cung điện tráng lệ, lính hầu đông đúc, uy nghiêm. Sinh đứng cách mấy lần cửa ngó vào, thấy một người ngồi chính giữa mặc áo bào đỏ, đeo đai ngọc, cầm bút mà viết ; hai bên có nhiều người quỳ bạ̉m báo gì đó. Sinh đứng xa không nghe thấy rõ mới hỏi người giữ cửa rằng :

– Đây là quan phủ nào ?

Người giữ cửa nói :

– Đây là phủ Tu văn, chuyên coi việc sổ mệnh về tài lộc của giới văn nhân.

Sinh nói :

– Tôi là học trò đang đi thi Hội, muốn xin hỏi về đường công danh sau này có được không ?

Người giữ cửa quát mắng, sinh khúm núm lùi lại. Bỗng có một người mặc áo bào đỏ cầm hốt⁽²⁾ từ trong cửa đi ra, nhìn kỹ thì đó là Cao sinh, người bạn đã mất. Cao gặp bạn cũ rất mừng. Sinh lại đem câu hỏi lúc nầy nói với bạn và hỏi thêm kết quả khoa thi này. Cao nói :

– Đường công danh của anh tôi biết, nhưng không dám nói lộ ra.

(*) Nguyên văn : *Tiến trung*.

(1) *Đạo* : xem Chú thích 1, tr. 115, truyện *Có đào họ Nguyễn*, số 83, cùng tập.

(2) *Hốt* : thẻ bằng ngà của các quan đại thần dùng để ghi những điều cần tâu vua khi vào triều, về sau chỉ có ý nghĩa tượng trưng.

Sinh cố gạn hỏi, Cao đưa cho một câu đối :

Xán lạn long chu nguyệt xúc, biến quan dân tục chi dị đồng ;
Huy hoàng phượng chiếu tinh truyền, giản bạt nhân trung
chi tuấn ngạn.

Nghĩa là :

Xán lạn thuyền rồng trăng giục, khắp xem phong tục nơi dị, đồng ;
Huy hoàng chiếu phượng sao truyền, tuyển chọn anh tài trong dân dã.

Lại dặn rằng :

– Hãy nhớ kỹ, đừng nói cho ai biết ; sau này có khi dùng đến. Nói xong liền đi vào.

Sinh tỉnh giấc, nhớ rõ rành câu đối. Xem kỹ văn nghĩa thì như loại tứ lục liên cú nhưng chẳng hiểu nói gì, chỉ cẩn thận làm theo lời dặn. Khoa ấy sinh không đỗ. Chàng lặn lội mãi ở trường văn, đến hơn năm mươi tuổi vẫn là anh Cử nhân nghèo, không được dự vào Ất bảng⁽¹⁾ để mong kiếm được một chức quan nhỏ, mới nghĩ chắc cái số phải lao đao cho tới lúc chết. Đến năm Vĩnh Thịnh, triều đình mở khoa Hoành từ vừa lúc xa giá đi tuần phương Nam về. Đề ra như sau : Làm thay bài biểu dân chúng mừng vua đi xem xét phong tục trong dân, chọn dùng anh tài.

Sinh nhớ lại câu đối Cao cho trong giấc mộng năm trước dùng làm câu thích thực đề bài. Khảo quan rất khen ngợi, sinh được đỗ trúng cách, đặc phong Sơn Nam Hiến sát phó sứ.

TRẦN THỊ BĂNG THANH dịch

(1) *Ất bảng* : nguyên văn là Ất khoa, tức khoa thi Hương. Nhưng đầu truyện đã nói ông Tân đỗ Hương cống nên đoán đây là Ất bảng, cũng là đồ thi Hội nhưng đỗ Đồng tiến sĩ.

92. NHỚ ĐƯỢC BA KIẾP(*)

Thượng thư họ Trần người làng Bảo Triện, đi chấm thi ở Thanh Hóa. Có một Cử nhân tên *Mỗ* đến yết kiến tự nói nhớ được sự việc của cả ba kiếp trước.

Kiếp thứ nhất làm người, nhà giàu có, tiền trình rất sáng sủa nhưng làm nhiều điều bất nghĩa. Sau khi chết, xuống địa ngục nhìn thấy nào là núi đao, cây kiếm, vạc dầu, cối đá,... đúng hệt như người đời thường nói. Diêm Vương theo tội trong sổ phạt làm gà. Quỷ sứ áp giải ra ngoài lấy cái đệm lông quần kín lại, ném cao lên trên không.

Khi *Mỗ* rơi xuống đất, mở mắt ra thì đã ở trong ổ gà. Tự nhìn mình thì thân đã trở thành gà con mới nở, lông tơ hãy còn ướt, gà mẹ đang ủ dưới cánh. Lớn lên rất cao to hung tợn, hễ chủ cho đi chơi là lần nào cũng thắng. *Mỗ* chỉ muốn chóng chết còn chủ thì yêu quý rất mực. Một hôm chủ đang cho ăn thóc, *Mỗ* nhảy phốc vào mặt chủ, chủ đang vui không nỡ giết, *Mỗ* bèn giơ cựa đập vào con chủ, làm thằng bé toạc lưng chảy máu. Thằng bé khóc âm lên bỏ chạy, *Mỗ* còn đuổi theo mãi không thôi. Chủ giận quá bèn làm thịt. Khi chết lại đến dưới điện Diêm Vương tự kể tội. Diêm Vương cho là chống lại chủ bèn quở trách, lại phạt làm lợn.

Bọn quỷ sứ giải đi, *Mỗ* không chịu đi, đến một bậc cửa bèn ngồi xuống nghỉ, quỷ sứ xô *Mỗ* ngã, nhìn lại đã hóa thành lợn con. Hơn một tháng sau, những con cùng lứa dễ đã bị bán cá, chủ nhốt *Mỗ* riêng ra một chuồng mà nuôi. *Mỗ* nhiều lần muốn chóng chết, nhưng lại sợ kỳ hạn chưa đến, nghiệp chướng càng sâu nên chỉ đành nhẫn nại. Hơn một năm, chủ nhà bán cho hàng xóm mổ thịt cúng thần. Hồn về dưới phủ Diêm Vương, *Mỗ* bò lết đến trình bày. Diêm Vương thấy kỳ hạn đã mãn, và đã biết nghĩ đến điều thiện, bằng lòng cho đầu thai làm người. Đó chính là ông Cử nhân *Mỗ* hiện nay.

PHẠM TÚ CHÂU dịch

(*) Nguyên văn : *Ký tam sinh*.

93. CHUYỆN QUAN QUẬN Ở LIÊN HỒ^(*)

Cụ tôi là Thượng thư Thái bảo, được ban tước Quận công⁽¹⁾, thuở chưa đỗ đạt du học ở kinh đô, có mở trường dạy trẻ học bên bờ Liên Hồ. Hàng xóm là nhà một vị Quận công dòng dõi hoàng tộc. Cụ tôi và Quận công thường qua lại trò chuyện nên trở thành thân thiết. Quận công sinh được một trai, một gái, đã trên dưới mười tuổi, đều cho sang học cụ tôi. Cậu con trai bướng bỉnh ham chơi, không chịu theo khuôn phép, cô gái, trái lại thông minh sáng dạ, bài học qua mắt đã thuộc, thật là tài sắc vẹn toàn. Cụ tôi thường nói :

– Cô bé này có tài lại có sắc, nhà nào phúc đức lớn lắm mới có thể xứng được.

Được vài năm, cô gái đã hơi lớn, cụ tôi muốn tránh sự hiềm nghi nên xin Quận công thôi không dạy nữa. Thế rồi khoa Mậu Tuất (1718) niên hiệu Vĩnh Thịnh cụ tôi đỗ Tiến sĩ, Quận công đặt tiệc rượu mừng. Cô gái cũng lấy lễ học trò chúc mừng thầy.

Không bao lâu, Quận công mất, cụ tôi cũng bận việc quan nay xứ Đông mai xứ Đoài, vì thế hai nhà không biết tin tức gì nhau nữa. Hơn hai mươi năm sau, cụ tôi phụng mệnh lên công cán Lạng Sơn. Bỗng có một thiếu phụ đến xin gặp, tự xưng là học trò, quần áo tuy xốc xệch nhưng vẫn còn dáng vẻ con nhà đài các. Nàng vừa khóc vừa lay, cụ tôi hỏi tên thì ra là con gái quan Quận ở Liên Hồ. Hỏi vì sao đến nông nỗi như vậy thì nàng thưa :

(*) Nguyên văn : *Liên Hồ Quận quán*.

(1) Có bản chép là ngoại tổ tức ông ngoại, hoặc ông tổ bên ngoại. Có lẽ đây là Vũ Công Tế (1687 - 1745), người làng Hải Bối, huyện Yên Lãng, nay là thôn Hải Bối, xã Hải Bối, huyện Đông Anh, Hà Nội, đỗ Đệ nhất giáp tiến sĩ cập đệ tam danh (Thám hoa), Đình nguyên khoa Mậu Tuất (1718), làm đến Lại Bộ Thượng thư, tước Quận công.

– Cha con mất rồi, anh con hư hỏng, rượu chè, cờ bạc, trai gái, chưa đoạn tang mà cơ nghiệp đã hết sạch. Khi con lớn lên, vì anh hư quá, chẳng ai dám cầu thân. Vừa lúc có một người cai lính, đã đứng tuổi, góa vợ, muốn tục huyền⁽¹⁾, anh con tham tiền dẫn lễ nhiều, bằng lòng gả. Rồi anh ta phải đi đồn thú Lạng Sơn, năm năm trước mắt ở đây để lại cho con một cháu gái nhỏ. Con chôn cất chồng xong thì tiền của cũng hết, cháu bé hơn năm sau cũng mất. Bây giờ đường về cách trở, không người dắt dúi, một thân lưu lạc, phải may thuê vá mướn để kiếm ăn qua ngày. Những tưởng quê người trôi nổi, đắm chìm nơi ngòi rãnh chưa biết lúc nào, may gặp đại nhân đến đây, xin cho thân tàn theo bóng cờ về đất kinh đô để được nhìn lại mộ phần cha mẹ, như thế là mãn nguyện lắm rồi.

Nói rồi nàng cúi mặt khóc suốt mướt mãi. Cụ tôi cũng thở than, cảm cảnh cho nàng, liền sai gia nhân trông nom tử tế. Xong việc quan, cụ cho theo xe về kinh, lại cho nhiều bạc, lụa. Thiếu phụ tạ từ xin đi, sau không biết nàng đi đâu.

TRẦN THỊ BĂNG THANH dịch

(1) *Tục huyền* : nối lại dây đàn, nghĩa là vợ chết lại lấy vợ khác.

94. HỔ CÓ LÒNG NHÂN^(*)

Vương phủ có cuộc tế lớn, các trấn đều đem dâng thú rừng. Thái Nguyên dâng một con hổ mẹ rất to, lông vàng vằn đen, trán có một chấm trắng to bằng bàn tay, đem để dưới thềm. Lễ xong, cho người vào xem. Bỗng có người đem đến mười cân thịt, đặt trước mặt hổ, rơi nước mắt vái lạy. Mọi người hỏi vì sao, người ấy nói :

– Đây là ân chúa của tôi ba năm trước đây. Năm trước tôi đi xa làm thuê cho người ta được ít tiền mang về. Khi qua đường núi thì trời tối, không có chỗ nào nghỉ trọ, mới trèo lên cây cao gác cành làm giá mà nằm. Chập tối thấy bà hổ này đến dưới gốc cây nhìn lên gầm mãi. Tôi nghĩ không có đường nào thoát chết nên hướng về phía hổ cất đầu lên khẩn rằng : “Tôi một mình nơi đất khách, tính mệnh treo ở miệng ngài. Duy cuộc sống của cả nhà chỉ trông vào một mình tôi, nếu ngài không tha thì tôi xin nộp mạng. Nhưng như vậy già trẻ của một nhà sẽ bị đói rét mà chết”. Nghe nói xong, hổ cúi đầu nằm xuống, ngủ ngáy như sấm. Đêm khuya, nghe tiếng người từ xa đi lại, gọi hỏi : “Dì ung dung quá. Đêm nay được mỗi ngon, có cho cháu ăn với không ?”.

Tôi nhìn xuống hổ đã hóa thành hình người đàn bà đội khăn trắng, mặc áo vằn, đáp rằng : “Ta mệt nghỉ ở đây, các con đi chỗ khác kiếm ăn !”.

Tôi nghe tường tận, suốt đêm không dám thờ. Trời sáng, hổ từ từ đứng dậy rồi đi. Đến khi sáng rõ, trên đường có người đi lại tôi mới vin cành tụt xuống.

Bây giờ thấy bà hổ này sắc lông giống như thế, tôi hỏi chuyện cũ, hổ rơi nước mắt, gạt đầu hai cái. Tôi cảm đức nhân của hổ, sửa chút lễ mọn để tỏ lòng thành của mình.

Nói xong lại vái hai vái rồi đi.

TRẦN THỊ BĂNG THANH dịch

(*) Nguyên văn : *Nhân hổ*.

95. ÔNG NGUYỄN TRẬT^(*)

Ông Nguyễn Trật, người làng Nguyệt Viên⁽¹⁾, huyện Hoằng Hóa, lúc trẻ học rất đần độn, năm hơn ba mươi tuổi mà vẫn chưa đủ lễ lối thi cử, nhưng được cái sức vóc vạm vỡ khỏe mạnh. Các bạn đồng môn thấy ông học dốt mà khỏe, những việc quét tước, chẻ củi, gánh nước ở trường học đều giao cho cả. Năm ngoài bốn mươi tuổi vẫn một mực trì độn, nhưng vẫn gắng theo học mãi, thấy thương lắm. Gặp kỳ thi Hương, thấy dặn các học trò rằng :

– Anh Trật lỗ độn lắm, nhưng chí hấn thật đáng thương, các anh vào trường nên cố ra tay giúp hấn, ngộ may đền được cái chịu thương chịu khó của hấn đôi chút.

Hồi ấy, mới trung hưng⁽²⁾ phép thi còn sơ lược. Các học trò tuân lời thầy giúp ông. Bỗng ra, ông trúng tuyển với năm sáu bạn đồng môn, năm ấy đã năm mươi tuổi, nhưng còn khỏe lắm. Kỳ thi Hội năm sau, ông không muốn thi nữa, nhưng thầy và bạn ép phải thi. Những tiền⁽³⁾, gạo của bạn khi tiến kinh mang đi, ông gánh hộ cả. Vào trường thi, văn bài đều các bạn làm cho. Đến kỳ văn sách⁽⁴⁾ các bạn đều hỏng cả, chỉ ông được vào.

(*) Nguyên văn : *Nguyễn Trật*.

(1) *Đăng Khoa lục* chép rõ Nguyễn Trật người làng Nguyệt Viên 月圓, bản sao này chép lầm ra Nguyệt Đoàn 月團, vậy xin cải chính lại cho đúng. Làng này vẫn có tiếng là nhiều con gái đẹp, nên có câu thách cưới như sau : “Gái Nguyệt Viên đương độ trăng tròn, ai muốn lấy mười lăm quan quý”. Nguyễn Trật (1573 - ?) : đỗ Tiến sĩ xuất thân năm Quý Hợi (1623), làm quan đến Công khoa cấp sự trung.

(2) *Trung hưng* : chỉ giai đoạn nhà Lê tiếp tục lên ngôi chống nhau với nhà Mạc, bắt đầu từ Lê Trang Tông, ở ngôi 1533 - 1548.

(3) Trước kia ta vẫn tiêu tiền đồng, tiền kẽm, khi đi xa mang nhiều phải gánh rất nặng.

(4) *Kỳ văn sách* : là kỳ đệ tứ trong khoa thi Hội ; làm văn sách cần phải nhớ nhiều kinh, sử cho rành rõ thì mới đủ chữ làm và đủ lễ phân giải. Lệ thi trước kia, kỳ nào chấm xong, loại bỏ người bị hỏng đi và yết bảng kể tên người được vào kỳ sau. Trong truyện, các bạn ông Trật đã hỏng hết ở kỳ đệ tam, chỉ riêng ông Trật đỗ và được vào thi kỳ đệ tứ, tức là kỳ thi văn sách.

Đêm hôm ấy⁽¹⁾ ông mơ thấy một người bảo mình rằng : “Ngày mai nên mang một đấu muối vào trường, sẽ phải dùng đến”. Ông nghe theo lời mộng, mang muối vào vẫy thi⁽²⁾. Lúc quan trường ra đầu bài văn sách, nhiều câu ông không hiểu, đành đóng kín lều⁽³⁾, giở cơm ra ăn no rồi nằm ngủ. Đến trưa nghe lều bên cạnh có tiếng kêu rên, ông sang hỏi thăm thì nói :

– Quyền tôi vẫn rất hay nhưng bỗng nổi cơn đau bụng, không thể nào viết cho xong được. Nếu lúc ra trường anh công được tôi về tận nhà trọ, thì tôi xin biếu anh bài văn này !

Ông đón lấy quyển, đề thay tên mình vào, rồi theo đúng trường quy⁽⁴⁾ viết cho xong quyển đem nộp và công người kia đi về. Khi ra đến cửa trường, ông hỏi :

– Ngày thường, anh có chứng đau bụng này không ?

Người kia nói :

– Tôi thường vẫn có chứng này, chỉ ăn một đấu muối là khỏi, bây giờ nhà trọ thì xa, chỉ sợ không kịp thôi.

Ông nói :

– Sao anh không nói ngay, tôi có sẵn một đấu muối ở đây.

Rồi ông đưa ngay muối ra chữa bệnh thì khỏi ngay, sau đó đi nhau về nhà trọ.

Khi quan trường chấm quyển của ông, đã định lấy đồ đầu, nhưng khi chấm đến đoạn cuối, thấy không hay, đánh xuống thứ bảy⁽⁵⁾. Hôm treo bảng, thấy ông đỗ, dư luận sôi nổi.

(1) *Đêm hôm ấy* : tức là đêm hôm trước khi vào thi kỳ văn sách.

(2) *Vẫy* : là các phần trong trường thi ngày trước, do đường Thập đạo chia ra. Mỗi vẫy mang một tên riêng như : Tà, Hữu, Tiền, Hậu, v.v... Dưới triều Nguyễn chỉ trường thi Hương mới chia ra các vẫy, còn trường thi Hội thì không. Ở đây, chúng tôi theo chữ “Vĩ” 闈 mà dịch ra ; có thể dưới triều Lê, trường thi Hội cũng chia ra từng “Vẫy” chăng ?

(3) Thi chữ nho trước kia, mỗi thí sinh phải mang đủ đồ như gong lều, áo lều, ván lều vào trường thi để cắm lấy một cái lều con mà ngồi làm văn suốt ngày, mỗi người riêng một lều.

(4) *Trường quy* : là các thể lệ phải theo khi vào thi, khi viết quyển, v.v...

(5) Khoa thi Hội này chỉ lấy có bảy Tiến sĩ, nên ông Trật đỗ thứ bảy tức là đỗ cuối bảng hay đội bảng.

Vào thi Đình, ông bỏ quyển trắng⁽¹⁾, vua không bằng lòng, có người bàn nên xóa tên ông đi⁽²⁾. Bỗng có cuộc biến loạn Trịnh Xuân⁽³⁾, vua tránh vào Thanh Hóa mấy tháng mới về. Ông Trật vì có công hộ vệ xa giá vào Nam, vua truyền cho ông đỗ theo như bảng Hội, lại được đặc biệt thưởng thêm một cấp và bổ dụng. Sau ông làm đến quan to và sống đến tuổi thượng thọ.

ĐÀM DUY TẠO dịch

(1) Bỏ quyển trắng tức là không làm được một chữ nào.

(2) *Xóa tên* : dịch tạm chữ *tước danh* 削名 chưa thật rõ nghĩa. Tước danh chính nghĩa là xóa tên ở sổ khoa mục đi, nghĩa là cách cả chân Hương cống của người thi.

(3) Năm Quý Hợi (1623) tức là năm ông Trật đỗ Tiến sĩ, Trịnh Tùng ốm nặng, giao binh quyền cho con cả là Tráng trông coi và cho con thứ là Trịnh Xuân làm phó. Xuân tức, làm loạn, đốt phá kinh thành, Tùng phải chạy về Hoàng Mai, rồi lừa giết được Xuân đi, nhưng khi Tùng mất, dư đảng của Xuân lại nổi lên. Trịnh Tráng phải tạm rước vua vào Thanh Hóa cho vững thế.

96. THÁP BÁO ÂN^(*)

Tháp ở xã Bình Quân, huyện Cẩm Giàng, xung quanh không có chùa quán, không có bia ký, sự tích đích thực của tháp không thể khảo cứu được. Tương truyền trong xã có nhà họ Nguyễn rất giàu, sinh được mấy người con trai đều theo nghề làm ruộng và đã ra ở riêng cả. Lúc về già ông họ Nguyễn lại sinh thêm một gái, rất xinh đẹp, ông muốn chọn rể trong đám học trò. Cô gái cũng có ý kén chọn, nên các trai làng thôn bên đến dạm hỏi cô đều từ chối. Năm mười tám tuổi cô bỗng mắc bệnh hủi, chạy chữa trăm thứ thuốc đều không khỏi. Cha mẹ anh em đều sợ không dám tới gần, mới làm cho một túp lều tranh bên rìa đường phía ngoài thôn cho ở và chu cấp áo quần, gạo cơm đầy đủ. Được hơn một năm, bỗng có anh học trò người Kinh Môn vừa đỗ Cử nhân lên kinh đô thi Hội. Khi qua nơi ấy, trời đã tối mà mưa gió đang ập tới, nhìn quanh bốn phía, thôn làng đều xa, thấy ngôi nhà tranh chằng liền gỗ cửa xin ngủ nhờ. Cô gái hỏi họ tên, quê quán, rồi mở cửa mời vào. Cậu Cử tuổi chừng đôi mươi, đẹp trai, nói năng hòa nhã. Cô gái tuy mắc bệnh nhưng mặt mũi và da dẻ chưa lộ dấu vết gì nên dưới đèn rõ ràng vẫn là một giai nhân. Hai người cùng trò chuyện, một lúc đã quyến luyến nhau, rồi tắt đèn cùng vào màn. Thật là một cuộc gặp gỡ kỳ diệu, niềm hoan lạc ái ân thế nào có thể đoán biết được ! Trời sáng cậu Cử vì cố ngày thi đã gấp phải đi sớm nên vội vàng từ biệt, hẹn khi về sẽ ghé thăm.

Cô gái từ khi mắc bệnh hiểm, không ai đoái hoài đến, nay bỗng gặp được chàng thiếu niên tài mạo vẹn toàn thật thỏa ước nguyện. Song lại ngậm ngùi than rằng :

– Trong đêm tối được cuộc gặp gỡ tốt đẹp này, chứ ban ngày trông rõ nhau thì dám đâu đối mặt với bậc tài tuấn ấy. Một đêm dùng chân e khó có

(*) Nguyên văn : Báo Ân tháp.

được niềm vui lâu dài. Ai biết một trận gió xuân lại làm tăng mối hận vô cùng của một đời phong lưu ! Ta sao dám đem mặt mũi này mà gặp chàng Lưu⁽¹⁾ thuở trước.

Cô gái thương thân tủi phận, bệnh thành nguy kịch, hơn mười ngày sau thì mất. Ông Nguyễn chôn con gái ngay nơi nhà cô ở.

Chàng Cử nhân đi thi, bài văn ở trường đệ tứ có nhiều sai sót, tự biết mình khó được trúng tuyển nên để người hầu ở lại nhà trọ chờ tin còn mình thì theo đường khác mà về. Vì thế chàng không qua nhà cô gái. Mười ngày sau người hầu về báo tin trúng tuyển, nổi mừng đến ngoài sự chờ mong. Bấy giờ ông tân khoa sắm sửa ngựa xe lên kinh đô, lại đi qua nhà cô gái. Nhưng đến nơi thì nhà tranh bỏ không, bên cạnh là ngôi mộ mới, đất vàng còn chưa khô, giấy tiền vàng hồ còn rơi rải rác. Chàng ngạc nhiên, hỏi người trong làng thì họ nói :

– Đây là mộ mới của cô gái hủi làng tôi.

Lại chỉ ngôi nhà tranh nói :

– Nhà này cô ở lúc sinh thời.

Người làng còn kể rõ ngày giờ cô gái mất và tang lễ của cô. Chàng trong lòng xót thương cô gái, mới sửa lễ cúng trước mộ rồi đi. Đến kinh, chàng cùng mấy người bạn đồng khoa vào bái yết quan Chủ khảo trong nội hàn. Lễ xong chào xin đi, ông giữ chàng lại hỏi :

– Phu nhân quý danh là gì ?

Chàng đáp :

– Thưa, tôi chưa có vợ.

Lại hỏi :

– Hay là ông đã góa vợ ?

Chàng vẫn trả lời :

– Tôi chưa có vợ.

(1) Chàng Lưu : có lẽ muốn nói đến Lưu Thần, Nguyễn Triệu người đời Hán, khoảng niên hiệu Vĩnh Bình (58 - 75), vào núi Thiên Thai hái thuốc, lạc vào động tiên, sum vầy với họ, được nửa năm hai người nhớ nhà trở về thì làng xóm đã qua bảy đời, mà quay trở lại, lối cũ cũng không còn tìm thấy.

Quan Chủ khảo luôn miệng kêu là chuyện lạ. Chàng hỏi đầu đuôi ra sao, thì nói :

– Bản chức lúc đầu xem quyển của ông có ý định đánh hỏng vì trong quyển có nhiều lầm lẫn không thể bỏ qua được. Nhưng khi vừa gấp quyển chộp ngủ thì thấy một người con gái cầm quyển của ông đến trước mặt lay xin, nói rằng : “Đây là quyển của chồng thiếp, xin quan nới tay lấy đồ cho”. Tôi tỉnh dậy thì thấy quyển của ông trước mặt. Xem lại càng thấy thêm nhiều lỗi mà văn lý thì sai lầm, vẫn muốn đánh hỏng. Nhưng vừa tựa gối lại mơ thấy người con gái ấy, cô khẩn khoản cầu xin. Hỏi họ tên quê quán, thì nói : “Thiếp họ Nguyễn, người xã Bình Quân, huyện Cẩm Giàng”. Bản chức trong mộng đã hứa nhận lời xin của cô nên gượng lấy đồ. Ông đạt được danh vị này thực là nhờ sự trợ giúp của hồn người đã chết.

Chàng tân khoa hỏi kỹ dung mạo quần áo, quan Chủ khảo nói, nhất nhất đều đúng như nàng. Bất giác, chàng rơi nước mắt, kể lại chuyện gặp gỡ với cô gái. Quan chủ khảo cũng cho là một việc lạ. Ngày vinh quy chàng sửa lễ đến bái yết ông Nguyễn ở xã Bình Quân, xin lấy lễ chàng rể ra mắt bố vợ. Ông Nguyễn khúm núm không dám nhận, chàng kể hết đầu đuôi câu chuyện, lại xin lấy lễ chồng chôn cất vợ mà an táng cho cô gái. Lúc ấy ông Nguyễn mới bằng lòng nhận cho. Thế rồi chọn ngày làm lễ an táng, chàng mặc quần áo trắng khăn trắng vào đứng tế ; bài vị của nàng đều ghi quan hàm⁽¹⁾ đúng như lễ quy định. Sau đó chàng xây một ngôi tháp trên nền nhà cũ của cô gái, đề tên là “Tháp báo ân”.

Đến nay trải vài trăm năm, mộ cũ đã mất, chẳng biết chỗ nào, nhưng tháp vẫn còn.

TRẦN THỊ BẰNG THANH dịch

(1) Dưới thời phong kiến nghi lễ quy định người chồng đỗ đạt, làm quan được phong tước gì, người vợ cũng được theo hàm đó. Đây tức là trong bài vị tế, chàng đã ghi cho cô gái theo hàm của mình.

97. ÔNG TRẠNG HỌ NGUYỄN^(*)

Ông họ Nguyễn tên là Đăng Đạo⁽¹⁾, người xã Hoài Bảo, huyện Tiên Du, tính tình phóng khoáng, không chịu gò bó bởi những phép tắc nhỏ nhặt. Năm mười chín tuổi đỗ khảo hạch trường huyện nên ra kinh đô du học. Gặp đêm nguyên tiêu, trai gái đều quần áo sang trọng đi chơi xem hội, ông thì quần áo học trò xốc xếch, dắt một vài đứa hầu nhỏ cùng mấy người bạn kết thành đoàn đi về phía Tây. Đến cửa chùa Báo Thiên thì gặp một cỗ kiệu hoa, có năm sáu nữ tỳ theo hầu, quần áo giày dép đều sang trọng. Ngồi trong kiệu là một cô gái xinh đẹp, chừng mười sáu tuổi, ngọc giắt trăm cài, mỗi khi khẽ gọi một tiếng là bọn nữ tỳ xúm xít hai bên, kẻ tìm giày, kẻ che lọng. Người đẹp đi bộ vào chùa, tham thiền ngoạn cảnh, hồi lâu mới ra. Ông bất giác ngơ ngẩn đi theo ngây nhìn. Người đẹp lên kiệu, ông cũng quanh quẩn bên cạnh. Phu kiệu quát nạt, ông không chịu đi, giờ roi mây định đánh, ông mới đứng lại. Bấy giờ nghe người trong kiệu nói :

– Tiết lành cảnh đẹp, ai cũng có thể rong chơi ngoạn cảnh, các người không được ngông nghênh khinh người như thế !

Rồi bảo khiêng kiệu đẹp đường mà đi. Ông nghe nói thế lại lẻo đẻo theo sau. Đến một dinh thự, cô gái xuống kiệu bước vào nhà. Ông vào ngồi nghỉ trong một quán nước bên ngoài cổng dinh. Dần dà hỏi thăm bà lão bán nước trà đây là quan phủ nào, bà đáp :

– Đây là phủ đệ nhà quan Ngô hầu. Hầu vì có quân công nên được coi quân cấm vệ và thống lĩnh việc quân bốn thành.

(*) Nguyên văn : *Nguyễn Trọng nguyên*.

(1) *Nguyễn Đăng Đạo* : xem Chú thích 1, tr. 85, truyện *Thám hoa Nguyễn Đăng Cáo*, số 71, cùng tập.

Hỏi quan sinh được mấy công tử, bà nói :

– Hầu mới có một tiểu thư nhan sắc xinh đẹp, hay chữ và biết lễ. Người vừa đi kiệu về chính là nàng đó.

Chàng Nguyễn hỏi :

– Đã có chồng chưa ?

Bà lão đáp :

– Ngô hầu định chọn bậc văn nhân tài tử mà gả. Nếu không, con cháu các nhà quyền quý thiếu gì.

Ông nghe tường tận, chiều tối trở về nhưng suốt đêm tơ tưởng ; sáng sớm lại đến đứng ngóng trước cửa dinh. Gặp Ngô hầu vào triều buổi sớm trở về, ông kéo một đứa hầu nhỏ lại, dỗ cho hoa quả và trà. Lâu dần thành quen thân, mới hỏi kỹ lâu gác cổng ngõ, đường đi lối lại trong dinh. Đêm khuya trèo tường đến thẳng chỗ cô gái, khoét vách mà vào rồi lên giường nằm cạnh cô. Cô gái giật mình tỉnh dậy hỏi ai, ông đáp :

– Tôi từ hôm gặp nhau trong chùa, đêm ngày không lúc nào quên. Muốn mượn người mai mối, lại sợ vì Tể tướng giữa trần ai⁽¹⁾ không được mắt xanh đoái thương đến. Vì vậy lấy hết can đảm đến đây, muốn cùng tiểu thư đính ước việc trăm năm mà thôi.

Cô gái vừa xấu hổ vừa sợ, hạ giọng nói nhỏ :

– Cha ta tính nóng như lửa. Anh đừng đột thề này, nếu người biết, anh sẽ tan xương nát thịt !

Ông vỗ giường mà cười. Cô gái không biết làm thế nào mới lấy hai tấm lụa đưa cho ông và bảo :

– Anh chết là đáng lắm, nhưng như thế danh tiết của ta khó làm cho sáng tỏ. Hãy tìm đường mà ra, ta tha cho mạng sống của anh đấy !

Ông cười lớn :

– Đừng có dọa tôi. Ví bằng sợ chết, tôi đã không đến đây, ông lớn có đến tôi cũng cứ như thế.

(1) *Tể tướng giữa trần ai* : Nguyễn Đăng Đạo muốn nói ông đáng là bậc Tể tướng nhưng còn chưa đỗ đạt.

Ông tuy chưa đụng chạm gì đến cô gái, nhưng đứng ngáng đường, nàng không thể chạy được. Bọn nữ tỳ, người hầu trai nghe tiếng cười, đốt đuốc chạy đến. Thấy ông ở trên giường tiểu thư, tức thì chúng vác gậy bao vây rồi một mặt đi báo với hầu. Hầu cầm kiếm đi xuống, ông phục xuống đất lạy chào, lại bày tỏ cái ý ngưỡng mộ gia thế quan hầu. Quan giận lắm, sai gia nhân trối lại, song thấy người nho nhã, không nỡ trị tội. Trời sáng định đem sang pháp ty luận tội, vừa hay có người bạn đồng liêu là quan Nội viện họ Phạm đến chơi, hầu mời vào, kể câu chuyện đêm trước, nét mặt còn đầy vẻ giận dữ. Ông Phạm nói :

– Ké làm việc phi thường tất là có tài phi thường. Anh chàng ấy có khi là người tài chẳng, hãy xin tự mình thử thách xem. Nếu y quả có tài thì nên tác thành cho ; nếu không có tài thì hãy theo luật mà trị tội, cần gì phải giận dữ.

Ngô hầu mời Phạm công giúp mình khảo hạch ông. Ông được đề bài, không cần suy nghĩ hạ bút viết lia lịa, lại cười bảo người hầu rằng :

– Bảo tiểu thư nhà mày mang trà mang cơm ra đây. Chạm thì tao không làm rở nhà mày nữa đâu !

Bọn người hầu đều bung miệng cười.

Ông đưa trình bài làm, Phạm công rất khen ngợi, lại nói riêng với Ngô hầu rằng :

– Nghìn vàng cũng không tìm được chàng rể giỏi như người này đâu.

Ngô hầu bèn tha tội cho ông, hỏi họ tên quê quán rồi làm riêng một ngôi nhà cho ở và nuôi ăn học. Năm sau ông đỗ Giải nguyên kỳ thi Hương, hầu liền sửa lễ cho cưới và để ở rể. Năm sau nữa, đỗ kỳ thi Hội rồi vào thi Đình đỗ Trạng nguyên.

Lan Trì Ngư Giả bàn : Đào tường khoét vách là việc xấu đối với đức hạnh học trò, bậc danh sĩ mà cũng làm điều đó ! Có người nói : có cái tài của ông thì có thể làm cái việc như ông. Ta nói rằng : chẳng bằng có cái tài của ông mà không làm cái việc như ông, thế thì tài và hạnh sao có thể che lấp được. Tuy nhiên cũng là bậc hào khí phi thường.

TRẦN THỊ BĂNG THANH dịch

98. GIẤC MỘNG LẠ^(*)

Thời bản triều ta, vào một năm nọ, trấn Nghệ An có hai chàng Cử nhân, một họ Nguyễn, một họ Trần, lên kinh thi Hội. Ban đêm ngủ trong một tòa miếu cổ. Khoảng canh ba, bỗng nghe có tiếng ngựa xe dừng lại ngoài cửa miếu, thân miếu mũ áo chỉnh tề ra đón, kính cẩn mời khách vào. Trên điện đèn nến sáng rực, một vị nói :

– Khoa này đề bài phú là *Thiên hạ đại đồng*⁽¹⁾, quyền đồ nhất ta hãy làm thay, phải dự thảo trước đi mới được.

Nói rồi lấy bút nghiên lại, chia vắn câu tứ. Làm xong, cao giọng đọc, cùng phẩm bình chỗ hay chỗ dở. Hai chàng thấy rõ môn một mọi điều, ngẫm nhớ tường tận. Sáng hôm sau, họ chép lại mà cất, chốc chốc lại giờ ra nhắm đọc, không bỏ sót một chữ nào.

Ngày vào Tam trường⁽²⁾, đề phú quả giống như đã nghe trong mộng. Tự nghĩ mình chắc chắn đỗ cao, mới nắm tay nhau chúc mừng, hẹn sẽ thay đổi một vài vắn đề tránh nhiều chỗ trùng lặp nhau. Đi mấy bước về lều, cầm bút định viết thì bỗng nhiên quên hết. Lều hai người ở cạnh nhau nên gọi to mà hỏi, nhưng chẳng ai nhớ được điều gì, chỉ như hai người mù dút dít nhau mà thôi. đành cố nén giận miễn cưỡng làm cho xong bài, nhưng khi nộp quyển xong thì bỗng nhiên bừng nhớ lại tất cả, mới than là chuyện lạ rồi cùng ra về.

Ngày treo bảng, hai chàng đều hồng. Người đỗ thủ khoa về bài phú này là Lê Tân, người Cổ Đồi, Nông Cống. Đến thăm, hỏi về bài văn thì bài của Tân không sai một chữ nào so với bài văn hai người đã được nghe trong mộng đêm trước.

TRẦN THỊ BĂNG THANH dịch

(*) Nguyên văn : *Kỳ mộng*.

(1) Nghĩa là khắp thiên hạ đều thái bình thịnh trị.

(2) *Tam trường* : tức là kỳ thi thứ ba, thi môn thứ ba trong cả cuộc thi.

99. GẤU, HỔ CHƠI NHAU^(*)

Huyện Lục Ngạn có người dân miền núi Nguyễn *Mô* sống bằng nghề lấy gỗ. Mỗi chuyến đi anh ta thường sắp đủ gạo, muối, chày, búa, rồi ở lại trên núi hoặc mười ngày hoặc một tháng mới về. Lâu dần thành quen, gặp rắn độc, thú dữ, khi thì đuổi, khi thì tránh, vì quen nên cũng không thấy sợ.

Một hôm, Nguyễn ở trong núi sâu, đục một cây to làm thuyền độc mộc. Bấy giờ trời rét lắm, Nguyễn trái cò khô để nằm, lấy thuyền úp lên trên, gom một đống cành cây khô đốt lên để sưởi.

Nửa đêm, Nguyễn nghe hơi tanh xộc vào mũi, hé mắt nhòm ra, thấy một con hổ ngồi chồm hổm bên cạnh đống lửa, mình to bằng con trâu, dài nhỏ xuống đến hàng đầu, nhắm mắt mà ngủ. Lát sau một con gấu ngựa cũng đến ngồi trước đống lửa đối diện với hổ. Cả hai đều như không trông thấy nhau.

Nguyễn xem hồi lâu đã chán mắt, bèn nghịch ngợm khêu một hòn than hồng to từ dưới gầm thuyền dúi thẳng vào cửa mình hổ. Hổ bị bỏng vùng tỉnh dậy mở mắt thấy gấu, cho là gấu làm mình bỏng, giận dữ gầm lên, chồm cắn cổ gấu. Gấu giơ móng cào vào bụng hổ. Hai con xoắn lấy nhau, lăn lộn lúc trên lúc dưới, thuyền suýt lật ngửa.

Nguyễn vừa buồn cười vừa sợ, bám chặt lấy mạn thuyền. Một lúc lâu sau, tiếng động nhỏ dần rồi im. Nguyễn từ từ trở dậy ra xem, thì cổ gấu đứt rời, ruột hổ lòi ra, cả hai cùng chết bèn tảng đá.

PHẠM TÚ CHÂU dịch

(*) Nguyên văn : *Hùng hổ đấu*.

100. RẮN THẦN(*)

Năm Giáp Thân (1764) đời Cảnh Hưng, ông ngoại tôi là Trần Trung Lượng làm chức Tham chính ở Thanh Hóa. Một viên lại dưới quyền mang trát đi đòi người có đơn kiện, đi đến giữa núi gặp một con rắn nằm ngang giữa đường, đầu vất ngang phun phì phì, miệng rộng bằng thùng. Viên lại biết là rắn thần bèn đưa tờ trát ra nói :

– Tôi vâng lệnh đi công cán, xin đại vương nhích đường cho tôi đi.

Rắn ngóc đầu lên nhìn tờ trát xong, lại nằm nguyên, không tránh cũng không vươn dậy, như không thèm biết có viên lại ở bên cạnh. Viên lại là người thô lỗ, lại chệnh choáng hơi men, bèn rút kiếm ra quát rằng :

– Thần chàng, hay chỉ là giống vật ? Nếu là thần thì xin dừng ngang ngạnh, ngu tối như thế. Còn nếu là giống vật thì hãy trông lưỡi kiếm của ta đây !

Nói rồi sai bước đi đến, bấy giờ rắn mới cuộn mình ngoằn ngoèo bò đi, vừa bò vừa ngoái nhìn. Viên lại bước thẳng tới, nhân hơi men cứ thế rảo chân, lạc nơi ngủ đỗ. Đến chiều tối anh ta tỉnh rượu, thấy mình vẫn còn ở giữa vạt núi, cách rất xa thôn xóm, không nơi nào nghỉ trọ được. Trông bên núi phía xa có một ngôi miếu cổ, anh ta bèn đi thẳng tới, chặt lá cọ làm chiếu, đoạn ngoảnh mặt vào bàn thờ thần vái lạy, khẩn xin thần che chở rồi đóng cửa đi ngủ.

Khoảng canh một, bỗng nghe xe ngựa huyền nao ngoài cửa, tức thì trên ngai thờ thần một người đội mũ mặc áo bước xuống, mở cửa đứng đợi. Người mới đến và vị thần hàn huyền xong, thần miếu hỏi :

– Huynh định đi đâu thế ?

(*) Nguyên văn : *Linh xà*.

Người mới đến đáp :

– Hôm qua đệ đi chơi núi bị một tên tiểu lại thừa sai ngang ngược xúc phạm. Liệu chừng hần đi chắc chưa xa, đệ muốn bắt lấy cho thỏa lòng.

Viên lại kinh sợ run rẩy, tự nghĩ thế nào cũng chết. Vị thần miếu nói :

– Rồng trắng hóa làm cá đi chơi ắt khốn với người Dự Thu⁽¹⁾. Và lại lúc bấy giờ hần chỉ biết huynh là rắn mà thôi. Hướng hồ hần có việc công, cứ gì lại ngăn cản đường đi của hần để đến nỗi chuốc nhục gây nên thù oán, ấy là lỗi của huynh vậy. Nay lại muốn đuổi theo hần để gieo họa cho hần, sao lượng của huynh lại kém rộng rãi đến thế ? Huynh nên trở về cho sớm, hành động bừa bãi thì phép trời đáng sợ đấy.

Một lát, thấy vị thần mới đến từ biệt ra về. Sau đó, tất cả im ắng như cũ. Viên lại râu tóc dựng ngược cả lên, sáng hôm sau bái tạ thần miếu rồi đi khỏi cho nhanh. Công việc xong, lại đem lễ đến miếu bái tạ.

PHẠM TÚ CHÂU dịch

(1) Sách *Thuyết uyển* chép chuyện thần Bạch Long xuống đầm Thanh Lân hóa làm cá đi chơi. Người đánh cá Dự Thu bắn trúng mắt. Bạch Long về mách Trời, Trời nói : “Cá vốn là giống vật để cho người săn bắt, Dự Thu có lỗi gì đâu ?”. Ở đây ý nói thần hóa rắn đi chơi gặp chuyện rủi là do thần gây nên.

101. THẦY XEM TUỞNG(*)

Đoán số, xem tướng mặt là loại thấp kém nhất trong phương thuật, phần lớn họ dựa theo ý người xem mà nói nịnh để lấy tiền bạc đồ vật của những kẻ đại ngốc mà thôi, ngày sau sự việc đúng hay không đúng ai còn tìm thầy tướng mà hỏi lại. Tuy vậy trong bọn họ cũng có người giỏi.

Quận công Nguyễn Phan, người Hà Dương, Hoàng Hóa, Thanh Hóa, thuở hàn vi là người chăn ngựa ở dinh Đốc phủ quan Trấn thủ Sơn Nam Đinh công. Một hôm có ông thầy tướng đến yết kiến, cùng Trấn thủ Đinh công bàn về việc sang hèn, họa phúc của người đời. Đinh công gọi hết người dưới trướng ra, sai thầy tướng xem hộ đường công danh của họ, rồi ông hỏi trong bọn họ sau này có ai được như ông không ? Thầy tướng đều bảo là không. Chuyện trò một lúc lâu, chợt ông Nguyễn gánh củ đi qua dưới thềm, thầy tướng vội đứng dậy mời ngồi, lớn tiếng khen rồi bảo :

– Ông nên tự yêu lấy mình. Không đầy một kỷ⁽¹⁾ sau, chính ở nơi đây ông sẽ được nắm quyền làm tướng, sự nghiệp còn hơn cả Đinh công. Các bậc áo mũ ngày nay rồi sẽ thuộc dưới cờ chỉ huy của ông cả.

Bấy giờ ông quần áo rách rưới, mặt mũi lam lũ, những người có mặt trong cuộc kẻ thì cười, người thì giận, xúm nhau trách thầy tướng nói càn. Mấy tháng sau Phan theo Đinh công diệt giặc có công. Mấy năm sau lại đánh Đông dẹp Tây, nhiều công tích lớn, trở thành một vị danh tướng bậc nhất đương thời. Vì có quân công nên được làm quan Trấn thủ kiêm quản mấy đạo. Hai con trai ông đều là tướng võ. Ông được phong tước Phan Quận công, thọ ngoài bảy mươi tuổi, con cháu áo bào đai tía đầy nhà.

TRẦN THỊ BĂNG THANH dịch

(*) Nguyên văn : *Tướng sĩ*.

(1) Kỷ : tức mười hai năm.

102. THẦN CHIÊU TRUNG^(*)

Một người lính ở kinh tên là Lục Tài, cuối năm về thăm quê ở Nghệ An. Lúc ra khỏi thành trời đã tối, người ấy bèn ngủ lại ở nhà trạm Bình Vọng. Khi gà gáy, anh ta nhân trời sớm sửa khởi hành.

Bỗng trên đường có một đội ngựa xe ruổi mau theo đến, trên kiệu có một người lớn tuổi anh minh, râu quai nón rất đẹp, thần thái oai vệ. Người lính hỏi những người cưỡi ngựa đi theo, họ nói : “Đại nhân lên kinh công cán trở về”. Người lính nhập bọn cùng đi. Anh ta cảm thấy mình đi nhanh mà khỏe, bấy giờ có ngòi rãnh ngang đường đều nhảy qua được hết. Lại cảm thấy như ở trong đám mây mù, bên tai như tiếng máng quạt lúa, định lui lại đằng sau một chút thì hai chân như bị đẩy đi, không thể tự chủ được nữa.

Rạng sáng, bỗng không thấy ngựa xe đâu cả, anh ta kinh ngạc nhìn tứ phía thì đã thấy mình đang đứng dưới đền thờ Đại vương Chiêu Trưng⁽¹⁾. Từ lúc ra khỏi nhà trạm đến bấy giờ mới khoảng nửa trống canh, anh lính bèn tìm đường về. Tính ra trong khoảnh khắc đã đi hơn ngàn dặm đường.

PHẠM TÚ CHÂU dịch

(*) Nguyên văn : *Chiêu Trưng thần*.

(1) Tức là đền thờ Lê Khôi, cháu con người anh Lê Lợi, ở núi Nam Giới, Thạch Hà, Hà Tĩnh.

103. ĐỘNG HẢI SƠN^(*)

Một dải ven biển miền dưới An Quảng, Hải Dương có nhiều rừng núi cồn đảo, nhiều nơi chân người không đặt tới bao giờ. Có mấy người đánh cá thuyền bị gió dạt đến chân một quả núi, hoa cỏ tốt tươi rậm rạp. Theo bậc đá mà lên, từng bước từng bước, đường càng rộng thêm, hoa thơm quả lạ la liệt bên đường, đều là những thứ chưa từng biết. Đến lưng chừng núi thấy một động sâu, có đá tảng to chắn phía ngoài, bèn hò nhau vào xem. Mới đầu hang động rất tối, đi chừng mười bước, động sáng rõ dần ; lại thấy một khuôn cửa đá, hai bên có hai con chó ngao đá ngồi chồm hổm, đáng vẻ rất dữ tợn như định cắn người. Vào qua cửa đó, thấy một chiếc bàn đá, trên bày mấy bộ lư đỉnh ; đi sâu thêm vào phía trong, lại có hơn chục người vàng, cao lớn bằng người thật, đứng thành hàng. Đồ đạc chất trên bàn nhiều lắm, đều bằng vàng tốt, sáng lóa cả mắt. Trong cùng là chiếc giường đá, trên đặt năm thi thể thiếu phụ, tóc từ trên giường xòa xuống đất, đều hứng vào các chậu đồng. Các thiếu phụ mặc toàn gấm vóc, phấn son trang điểm trên mặt như mới, đến gần nhìn xem thì như vẫn còn sinh khí. Đám đánh cá sợ lắm dất nhau chạy ra. Trong bọn có anh tham, quơ mấy thứ đồ vàng mà chạy. Đến cửa, hai con chó ngao đá găm lên, núi vang như sấm. Anh chàng lấy trộm đồ vàng thấy như bị che kín mắt, bạn phải dắt mới đi được. Sợ quá anh ta ném trả vàng rồi chạy. Ra tới ngoài thì một khối đá to bằng ngôi nhà lở xuống lấp kín cửa động, tiếng rền như sóng biển, cả bọn vội lên thuyền căng buồm mà đi.

Hỏi những người am hiểu cũng không ai biết đó là nơi nào. Hoặc giả là nơi tuần táng của người xưa chăng ?

TRẦN THỊ BĂNG THANH dịch

(*) Nguyên văn : *Hải Sơn động*.

104. BIẾT CHUYỆN KIẾP TRƯỚC^(*)

Người đàn bà họ Trần ở Đông Xuất, huyện Đông Ngàn sinh được một đứa con trai, vừa lọt lòng mẹ đã biết nói. Nó hỏi :

– Ai đem tôi đến đây ? Chân tay tôi sao lại bé thế ?

Cả nhà sợ hãi hỏi :

– Mà là loài yêu quái gì thế ?

Đứa bé nói :

– Tôi không phải là yêu quái. Quê tôi ở xã Thiết Bình, cha tôi làm ruộng. Tám tuổi tôi bị bệnh trướng bụng, ăn không tiêu, mỗi ngày một mỗi mệt. Bỗng nhiên thấy thân thể nhẹ như chiếc lá, tôi đi trên giường đột nhiên dậy, ra cửa, đi thật nhanh. Đến một nơi thấy một bà lão đang phát cháo. Người ăn rất đông, tôi no không ăn được. Lát sau thấy hai người cắp tôi mang đi. Đến cửa một nhà, họ đẩy tôi ngã vào rồi bỏ đi mất. Tôi vừa ngã đã thấy thân thể thay đổi. Đây là đâu ?

Rồi khóc mãi không nín. Cả nhà biết là đứa bé đi đâu thai mà không bị ăn cháo lú mới vỗ về và bảo cho biết. Sau đã ba bốn tuổi vẫn nhớ bố mẹ cũ, khóc lóc xin về thăm. Bà Trần bế con về ấp cũ ; vừa đến cổng làng, đứa bé xuống đi bộ, vào gặp cha mẹ khóc kể lại chuyện năm trước, vẫn còn nhớ khi đi chăn trâu, cùng các bạn đập gối làm tiền chơi, chôn dưới gốc cây táo bằng ấy đồng. Đào lên thì đúng như vậy.

TRẦN THỊ BĂNG THANH dịch

(*) Nguyên văn : *Ngộ tiền sinh*.

105. NGƯỜI KHỔNG LỒ^(*)

Ở huyện Mỹ Lương thuộc Sơn Tây, dân cư đều lấy săn bắn làm nghề chính. Có hai người cùng đuổi theo hươu vào trong núi sâu. Lúc mặt trời lặn, họ bắn được nhưng liệu không thể về được bèn mổ hươu, chọn lấy thịt, bỏ xương đi, chia thành bốn năm giỏ, rồi trải cỏ dưới gốc cây trên núi, cùng ngồi nhóm than nướng thịt mà ăn.

Khoảng hơn canh hai, bỗng có một người khổng lồ cao hai, ba trượng, da đen như sơn, lá bông bong khâu lại buộc ngang quanh lưng. Người ấy đột ngột đi đến ngồi gần đó, mặt hướng vào đống lửa. Hai người đi săn sợ quá, nhìn quanh không có chỗ nào trốn được, đành ngồi co rúm lại chờ chết. Lúc lâu không thấy người ấy làm hại nhưng hình trạng xấu xí, không nói không rằng, càng trông càng sợ. Sau họ thấy gần đấy có một hang sâu đủ rộng cho người chui bèn cùng nhau bò lết như rắn mà vào, thỉnh thoảng thò cổ ra ngó.

Hơn một khắc sau, người khổng lồ thấy giỏ thịt bèn xách lên xem. Hắn tỏ vẻ vui mừng, dốc vào miệng, tốp tếp nuốt ăn, mỗi giỏ một miếng. Ăn xong gối lên đá ngủ say, tiếng ngáy như sấm. Gần sáng hắn mới tỉnh dậy, thông thả bỏ đi. Ước chừng hắn đã đi xa, hai người thợ săn mới dám bò ra, chạy thật nhanh mà về.

PHẠM TÚ CHÂU dịch

(*) Nguyên văn : Đại nhân.

106. CON GIẢI(*)

Xã nọ huyện Kim Thành có một ngôi đền thờ thần bên rìa thôn, mé trái đền giáp với sông. Sông lại có một chỗ xoáy thành vực sâu hoắm, cây đa trên bờ xanh tốt, mặt đê cao rộng, dưới hang là con giải. Người nào không biết, lỡ bước chân vào, ắt bị giải nuốt sống. Dân làng bèn viết chữ lớn, treo bảng lưu ý khách qua đường.

Vừa gặp cuối xuân, làng vào việc, có một ca kỹ đến hát hầu rượu. Chồng và người hầu gánh đồ đạc đi sau ; vợ đi trước, không biết, ra sông rửa chân, liền bị giải nuốt. Khi chồng đến, tìm khắp trong đền ngoài đền đều không thấy ; hỏi những người ngồi trong tiệc cũng không ai biết gì. Sau đến hỏi bà hàng nước bên đường, bà chỉ ra bờ sông nói :

– Vừa có người đàn bà đội khăn thâm, mặc áo đỏ, đi qua đây ra thẳng bờ sông.

Người làng kinh hãi nói :

– Như thế thì tính mạng nguy rồi !

Cùng nhau chạy ra bờ sông, thấy trên cát sỏi còn ướt ngấn nước ; chiếc khăn đội đầu rơi lại. Anh chồng nhận ra khăn của vợ mình, nhìn ra sông khóc thảm thiết. Người làng thương tình nói :

– Khúc sông này rất dữ, ập tôi đã có bảng đề. Chỉ vì bà nhà không biết nên gặp phải tai nạn bi thảm như thế, chẳng qua cũng là số mệnh. Tuy vậy, nơi đây thuộc ấp tôi, xin biểu một trăm quan để làm lễ rước linh và để chi dùng cho hồn.

Người chồng cố từ chối, chỉ xin làng mượn nhà cho ở nhờ vài bốn ngày, cho được phép làm gì tùy ý và giúp tiền ăn ở trong mấy hôm. Dân làng

(*) Nguyên văn : *Nguyễn*.

bằng lòng. Người ấy đi khắp nơi mua về bốn năm nghìn quả trứng vịt. Mỗi quả khoét một lỗ hổng, dốc hết lòng trứng ra, đem vôi sống nghiền nhỏ, đổ đầy vào trong rồi lấy giấy dán lại. Chiều hôm sau đem trứng bày la liệt trên cát rồi đem lòng trứng dội lên trên. Sau đó đến bên bờ nước, cầm một chiếc sào dài khua cho nước động rồi nấp vào gốc cây mà rình. Tức thì thấy một con giải to bằng túp lều, vỗ sóng nổi lên, bò vào bờ nuốt trứng, ước độ hơn nghìn quả. Lâu sau, hai con nhỏ hơn nối tiếp nhau nổi lên, cũng bò vào bờ ; mỗi con ăn đến vài trăm quả, bụng to phình mới xuống nước. Chừng nửa đêm nghe lòng sông sôi ùng ục, sóng vọt to lên bằng chiếc vạc⁽¹⁾. Người chồng vui mừng về đi ngủ. Mờ sáng hôm sau, ba con giải đều chết, con trước con sau kế tiếp nhau nổi lên mặt sông. Người chồng nhờ trai làng câu về, cùng đem mổ bụng. Trong bụng con giải lớn, quả có thi thể vợ chàng, dung mạo không bị tổn thương gì. Chàng mua áo quan, khâm liệm chôn cất. Hai con giải nhỏ, chàng biếu dân làng ; con lớn thì xẻ thịt lột mai, lấy gan tìm tế vợ. Xong, chàng nhặt xương đốt, nghiền thành tro đổ lẫn vào đồng phân, rồi đi. Từ đó tai họa về giải ở sông mất hẳn.

Ông Hoàng Xuân Viên ở Chí Linh làm Tri huyện Kim Thành đã chứng kiến chuyện đó.

TRẦN THỊ BĂNG THANH dịch

(1) Cái chảo lớn, một thứ dụng cụ nấu bếp.

107. THẦN GIỮ CỦA(*)

Khi tôi trông coi huyện Quốc Oai một viên chức dưới quyền là Nguyễn Đình Triện, Huyện thừa huyện Đan Phượng, kể rằng ở quê ông – xã An Tân, huyện Gia Phúc, ngoài thôn có một đôi đất lớn, người xưa đào hầm giấu của ở dưới đó, từng thấy lợn trắng, vịt trắng hiện hình ở cạnh đôi, đuổi cũng không đi.

Trong làng có một kẻ vô lại *Mỗ* làm nhà ở trên đôi, nhòm trộm xuống. Sau mấy tháng, cả hai đứa con lăn ra chết. Lại mộng thấy một người bảo rằng :

– Dưới hầm cất giấu rất nhiều vàng. Ta là thần coi giữ ở đây. Nhà ngươi không mau mau dọn nhà đi thì sẽ gặp vạ lớn đó !

Rốt cuộc *Mỗ* vẫn không chịu đi.

Một hôm, vợ *Mỗ* đi vắng, *Mỗ* ở nhà một mình. Ban ngày đang thiêu thiêu ngủ, bỗng nghe ngoài cửa có tiếng động dữ, mở mắt nhìn thấy một tên quỷ đen cao lớn, mặt mày hung ác, cầm cái kéo dài khoảng hai tấc đi thẳng tới định cắt đầu *Mỗ*. *Mỗ* vùng dậy quơ cục gỗ cạnh gối ra sức chống cự, vừa đánh trả vừa kêu ầm lên. Người làng đổ đến, quỷ bỗng biến mất. *Mỗ* sợ, phải dời nhà đi chỗ khác.

PHẠM TÚ CHÂU dịch

(*) Nguyên văn : Tăng thần.

108. NGUYỄN DANH DƯỢC^(*)

Người cùng ấp với tôi là Nguyễn Danh Dược năm mười lăm, mười sáu tuổi, cha mẹ có việc phải đi đến một nơi khác, sai Dược trông nhà. Bỗng Dược thấy mất hoa tai ù, trong lòng hồi hộp kinh sợ. Lát sau thấy ngoài cửa có tiếng huyền náo từ xa đến gần. Dược ngó ra thì người làng già trẻ dắt díu nhau chạy về hướng Tây, đồn đại rằng giặc đến. Lại nghe từ xa tiếng ngựa xe phi đến rất nhanh, giết chóc, cướp bóc và tiếng người gào khóc.

Dược bỏ nhà chạy theo người làng về hướng Tây. Ra khỏi ấp đến ngoài cánh đồng ngoảnh nhìn trong ấp khói lửa nổi lên chiếu sáng cả trời. Dược sợ quá chạy càng gấp. Khi chạy đã khá xa, nhìn lại thì những người cùng chạy không biết đi đâu hết cả, một mình đứng ngẩn ở bên gò đất giữa ruộng. Còn đang ngạc nhiên kinh sợ bỗng thấy ba bốn người hình dạng như lính lệ bẻ quặt tay Dược giải đi, đến một nơi dúi đầu xuống bắt nằm, đe rằng : “Bỏ chạy thì giết”. Dược sợ quá nín thở nằm im, chợt thấy thần trí hôn mê ; hai tai ù ù, tứ chi như bị trời, không sao cử động được. Lúc ấy nghe tiếng người đi qua, Dược mở miệng định kêu thì cổ họng như bị vật gì chẹn cứng, không thể phát ra tiếng, rất lâu không ăn, cũng không thấy đói, cứ nằm thượt như người chết.

Ngày hôm đó, cha mẹ Dược từ ngoài trở về thấy mất con, tưởng Dược đi theo bọn trẻ nghịch ngợm chơi bời ở đâu, định tìm về đánh cho một trận, ông bà đi khắp làng chẳng thấy Dược đâu, đèn lửa tắt cả, thấy đều im ắng.

Hôm sau, ông bà nhờ vả người thân kẻ thuộc đi tìm khắp bốn phương cũng không thấy đâu. Tới chợ Cổ Hiền hỏi thăm, một bà già đi đường nói

(*) Nguyên văn : Nguyễn Danh Dược.

rằng có thấy một người quần áo như thế chạy cuống cuống ở phía trước. Bèn cùng nhau lần theo dấu vết đi về phương Tây, vừa đi vừa hỏi thăm. Đến Linh Mục gặp người làm đồng mách rằng :

– Hôm qua có một người đến đây, mắt nhắm đầu ngoẹo nằm giữa đám bùn nước nơi ruộng sâu, hỏi không nói, nâng không dậy, không ra sống mà cũng không phải chết, như si như điên, có phải đó là người các ông định tìm chăng ?

Mọi người dắt nhau tìm đến nơi ấy thì quả là Dược, bèn công về, đến nhà vẫn chưa nói được.

Rất lâu sau Dược mới mở mắt, mấy ngày sau mới bắt đầu nói, kể lại đầu đuôi những điều trông thấy. Ngày ngỗ đến mấy ngày, chữa trăm phương mới khỏi hẳn.

PHẠM TÚ CHÂU dịch

109. YÊU QUÁI TRÊN CÂY^(*)

Phạm tiên sinh tên là Kính, người xã Ngọc Trì, huyện Kim Lương, đỗ Hương tiến, làm quan đến chức Hồng lô tự thừa. Thuở thiếu thời lên kinh sư du học, trọ ở phố Đình Ngang. Cách nhà mấy chục bước có một cây đa bị con ma đàn bà chiếm để ở. Thường giữa ban ngày ma hiện thành hình người, biến ảo khôn lường. Người trần, ai lỡ phạm đến ắt bị ma hành ngay ; mời thầy viết bùa yểm cũng không đuổi được. Dân trong vùng không chịu nổi sự quấy nhiễu, mới lập miếu thờ gọi là Công chúa.

Ông thường ngày qua lại dưới gốc cây nhưng không thấy gì mới cười mọi người mê mụ quá. Một ngày sau, bỗng ông bị bệnh, toàn thân nóng lạnh thất thường, mê man không tỉnh. Buổi trưa hơi đỡ, ngồi dậy ăn cháo, chợt thấy một bà dung nhan xinh đẹp, duyên dáng, áo quần lộng lẫy, dắt hai đứa hầu gái đến thẳng trước giường. Ông hỏi ở đâu đến, người đàn bà nói :

– Nghe nói ông quý thể bất hòa, nơi đất khách việc thuốc thang không được chu tất cho nên đến thăm. Có mấy gói thuốc hay lắm xin đem đến tặng.

Ông nói :

– Kê thư sinh nghèo mạt này đâu dám nhận món quà quý như vậy ! Xin hỏi, phu nhân quý phủ ở đâu ?

Người đàn bà đáp :

– Thiếp là thân cây đa.

Ông vốn tính cương trực, bất giác nổi giận, quát mắng là đồ yêu quái tội đòi, rồi cầm thuốc ném thẳng vào mặt thị. Người đàn bà nói :

(*) Nguyên văn : *Thụ yêu*.

– Ta đến đây có ý tốt. Thế mà lão xược như vậy, ta tất có cách quở phạt người.

Rồi nén giận mà đi. Ông la to gọi kẻ hầu, bọn chúng phục dịch mấy đêm liền, mệt lã ra ngủ cả. Gọi mãi mới tỉnh, chạy đến nơi thì không thấy người đàn bà đâu nữa. Ông thấy thuốc đồ tung tóe trên đất, hỏi tiểu đồng thì chúng không trông thấy gì. Ông đứng dậy định sờ xem nhưng tựa như có người giữ tay lại. Một lúc thì thôi. Những người nghe chuyện đều nói ông nguy rồi, bàn nhau đến miếu lễ tạ. Ông nhất định không cho. Sau bệnh cũng khỏi mà chẳng thấy điều gì khác lạ.

TRẦN THỊ BẢNG THANH dịch

110. ĐÁNH NHAU VỚI QUỶ(*)

Người nông dân Nguyễn Hãn ở huyện Thanh Trì có sức khỏe, xè rãnh ở bờ ruộng, đêm đặt đó để bắt cá. Sáng hôm sau anh ra lấy, xách lên bờ rõ ràng nhưng đó rỗng không, chẳng được một cái vảy. Hôm sau cũng thế, Hãn cho là người khác đồ trộm cá của mình. Ngày hôm sau nữa, anh cầm gậy theo, phục ở gần đấy. Cuối canh ba thấy một người cao lớn, đen nhẻm, đến bờ ruộng cầm đó lên, dốc ngược vào mồm mà lắc. Hãn vùng dậy giơ gậy đánh. Người kia cũng buông đó, rút gậy ngắn ra cự nhau với Hãn. Gà gáy, người kia có ý nhụt, còn Hãn đánh càng hăng. Người kia thua chạy. Hãn đuổi đánh không tha. Lát sau, Hãn đánh trúng sống lưng người kia, hán kêu rống lên mà chạy. Hãn lại vụt tới tấp, bỗng thấy hình thể người đó biến mất, chỉ có một đám khói đen lan tỏa ra ruộng. Bấy giờ Hãn mới biết hán không phải là người, bèn xách gậy ra về. Sáng hôm sau ra xem chỗ tên quỷ đen ngã xuống thì chẳng thấy gì, chỉ có nan tre cọng chổi cùng mấy chục mụn quần áo rách tả vương vãi ở đó. Hãn vun cả lại đốt đi, không biết hán là giống quỷ quái gì.

PHẠM TÚ CHÂU dịch

(*) Nguyên văn : *Đấu quỷ*.

TÂN TRUYỀN KỲ LỤC

新傳奇錄

Tác giả : Phạm Quý Thích 范貴適 (1760 - 1825) tự Dữ Đạo 與道, hiệu Lập Trai 立齋 và Thảo Đường 草堂, người làng Lương Ngọc 良玉, xã Hoa Đường 華堂, huyện Đường An 唐安, nay thuộc Hải Dương, trú quán tại phường Báo Thiên 報天, huyện Thọ Xương 壽昌, nay là quận Hoàn Kiếm, Hà Nội. Năm hai mươi tuổi thi đỗ Tiến sĩ kỳ Thịnh khoa năm Kỷ Hợi (1779) rồi được bổ làm Thiêm sai tri công phiên triều Lê. Đầu triều Nguyễn được mời làm Thị trung học sĩ, tước Thích An hầu, sau cáo quan về nghỉ.

Tác phẩm : Tân truyền kỳ lục 新傳奇錄 (bản chép tay, ký hiệu A. 2315, có lẽ được viết sau khi nhà Lê đã mất. Sách gồm 1 bài tựa và 3 truyện, nặng tính chất ngụ ngôn hơn truyền kỳ, nói về những con vật có tính nét khác lạ, ngụ ý tâm sự hoài Lê. Chúng tôi chọn 1 truyện, do Lại Văn Hùng dịch, Nhóm biên soạn hiệu đính.

111. CON CHÓ NHÀ NGHÈO CÓ NGHĨA^(*)

Có người dân còn sót⁽¹⁾ của triều Lê cũ họ Đào, tự Cảnh Long, hiệu Văn Hiên cư sĩ, phong tư thuần chất, đức độ khoan hòa, nổi danh trong vùng là người ưa thực phác, đôn hậu mà ít dùng văn vẻ hoa mỹ bề ngoài ; tính lại trọng danh nghĩa, chuộng khí khái, thật xứng bậc vĩ nhân đất Bắc.

Năm hai mươi tuổi, chàng du học Tràng An, ngày đêm dồn sức đọc sách, khảo cứu những ý chỉ sâu xa của thánh hiền. Mỗi khi xem ngoại sử⁽²⁾, thấy có những bậc tôi trung, con hiếu, kẻ sĩ nghĩa hiệp, đàn bà trinh liệt, chàng đều thấp hươu cúng khấn, tôn kính như thần mình.

Đặc biệt có tài văn thơ, qua những nơi danh lam, cổ miếu, quán tránh rét, đài hóng mát, chỗ nào có thể ngâm vịnh được, chàng đều có phẩm đề. Lời văn tinh luyện, ngụ ý sâu xa, người bấy giờ khen là bậc chủ soái trong làng thơ văn.

Cuối đời Chiêu Thống, thiên hạ loạn to, quân Nam⁽³⁾ thừa thắng kéo ra, quân Ngô⁽⁴⁾ tan tác, vua Lê chạy về phương Bắc. Thế là chỉ trong khoảnh khắc, binh dân mười ba đạo đã lọt vào tay tù trưởng Tây Sơn !

Chàng vì lẽ ấy, cứ trần trọc thờ dài, suốt đêm không ngủ :

Khả lân tam bách niên thiên hạ,

Tòng thử sơn hà dĩ cải quan.

(*) Nguyên văn : *Bán gia nghĩa khuyến truyện*.

(1) *Người dân còn sót* : nguyên văn : “di dân”, ý nói những người dân không theo đương triều.

(2) *Ngoại sử* : tức là những tác phẩm như tiểu thuyết, dã sử,... không thuộc loại chính sử do Nhà nước biên soạn.

(3) *Quân Nam* : chỉ quân Tây Sơn.

(4) *Quân Ngô* : chỉ quân đội nhà Thanh, Trung Quốc.

(Đáng thương xã tắc ba trăm tuổi⁽¹⁾,

Từ đấy sơn hà đã đổi thay).

Cũng nhân đó, chàng buông chí giang hồ, không màng sản nghiệp. Lại gặp mấy năm liền mất mùa, đói kém ; sân hoa vườn liễu, đã tàn dần những sắc vẻ xưa. Nhưng trong cảnh khốn cùng, chàng càng bền bỉ, không vì bản hàn mà bỏ chí tang bồng thuở trước, từng đề lên bức bình phong bên chỗ nằm một bài tuyệt cú :

Thích thích chung tiêu mấn dục ban,

Tao gia bất tạo quốc đa gian.

Hà thời liễu thử nam nhi trái,

Tiêu khước u sầu nhất thốn đan.

(Buồn bã năm canh tóc bạc dần,

Vận nhà điều đứng, nước gian truân.

Bao giờ xong nợ nam nhi được,

Tắc dạ ưu sầu vội mấy phần).

Đề thơ xong, thấy từ trên khoảng mây xanh một đôi chim hồng nhạn sà cánh bay lượn, chàng ngắm nhìn chim nhạn ngâm rằng :

Vạn lý vân trình nhạn Bắc phi,

Bằng tha đạo ngã cố quân quy.

Giao Châu thượng hữu anh hùng tại,

Phấn dực trùng lai vị khả tri.

(Ài Bắc nhạn phi muôn dặm mây,

Thưa cùng vua cũ hãy về đây.

Giao Châu⁽²⁾ còn có anh hùng đấy,

Ài biết chim bằng lại vút bay).

Một hôm, nhân lúc nhàn rồi, chàng thả bước dạo chơi thành Thăng Long. Qua lối Cửa Nam, nhìn thấy những thắng cảnh triều xưa không một chỗ nào được còn như cũ, mới trạnh niềm xúc cảm, cầm bút đề thơ rằng :

(1) *Xã tắc ba trăm tuổi* : chỉ cơ đồ nhà Hậu Lê.

(2) *Giao Châu* : chỉ nước Việt Nam.

I

Thành trung cử miếu thử ly ly,
Cử mục sơn hà lệ mẫn y.
Lao lạc kỷ tồn Chu chế độ,
Tinh chiền thậm dị Hán uy nghi.
Quy lai tăng thống Tân Đình ẩm,
Khảng khái không hoài cố quốc bì.
Hà hạnh thương thiên do quuyến hựu,
Tảo tương thần kiểm tất thanh di.

*(Hoàng đô chín miếu⁽¹⁾ lúa xanh rì,
Nhìn lại non sông lệ đầm mi.
Phá sạch còn đâu Chu⁽²⁾ chế độ,
Tanh hôi khác hẳn Hán⁽³⁾ uy nghi.
Tân Đình⁽⁴⁾ cất chén, cànghê thiết,
Cố quốc ôm hoài, xiết thăm bì.
Cầu khẩn trời xanh mau phụ giúp,
Sớm ban thần kiểm quét man di).*

II

Tam bách niên lai vũ trụ xuân,
Thành trì kim dĩ thuộc hà nhân.
Du du vạn lý quán hà tại,
Trưởng vọng Lam Sơn thúc lệ tân.

(1) *Chín miếu* : nhà thờ tổ tiên của vua.

(2) *Chu* : chỉ nhà Chu, Trung Quốc.

(3) *Hán* : chỉ nhà Hán, Trung Quốc.

(4) *Tân Đình* : đình ở huyện Giang Ninh, tỉnh Giang Tô, Trung Quốc ; đầu đời Tấn các danh sĩ thường họp nhau ở đây uống rượu, bàn chuyện thời thế, họ đã khóc vì sự suy vong của đất nước.

(Non nước ba trăm xuân thắm tươi,
Mà nay thành quách thuộc về ai ?
Muôn trùng dặm thắm, vua đâu nhỉ ?
Sầu vọng Lam Sơn, gặt lệ rơi).

Chàng cứ ngâm vịnh như thế có đến hơn mười bài, ý vị phảng phất như thơ *Phỉ phong*, *Hạ tuyển*⁽¹⁾.

Đến năm Bính Thìn⁽²⁾, vì cảnh nhà đói thiếu, chàng tới vùng Yên Phong ; nghe nói nhà họ Nguyễn ở Nội Nghiệp có lòng chuộng thầy bèn tới xin làm anh giáo. Chủ nhà thấy chàng ăn mặc sơ sài tựa như người Thái Nguyên, trong lòng biết ngay là anh đồ kiết. Mà quả vậy, sờ tay áo thấy chỉ thấy sủ dầu⁽³⁾ một tập ; tìm trong bọc thầy trơ ra bút cùn vài cây. Cái nghiên cũ cá nướ⁽⁴⁾ thì dấu mực đã nhạt ; tập văn sót mối gặm, nét chữ mờ. Chủ nhà cho là thầy đồ quê kệch nên đã đổi đãi bạc béo ; nơi ở chỉ một gian nhà trống, lộc thầy chỉ có ba quan tiền.

Chàng vẫn điềm nhiên ở trong cảnh đó, không lấy sự bị đối xử đơn bạc làm hổ thẹn. Thường ngày ra vào trường thầy, chỉ có năm sáu đứa trẻ, sớm chiều cùng vui với đạo ; bên cạnh chỗ thầy, chỉ bốn năm cuốn sách, điển dịch nghĩa lý cổ kim. Rồi khi trước gió lùa vãn, khi dưới trăng cuống ngâm, tình cảnh càng quẩn bách, lời thơ càng xúc động. Chàng từng đề lên vách lớp một bài luật thi :

Thập tải thư đăng lệ trác ma,
Hạp tương tảo tuế trạc nguy khoa.
Đại canh sở sự tam miên lộc,
Phủ dục duy dung số khẩu gia.
Khởi thi văn nhân kỳ ngộ thiếu,
Ức tương tài tử văn thành đa.

(1) *Hạ Tuyển*, *Phỉ phong* : hai bài thơ trong *Kinh thi ý* nói bậc thánh nhân gặp đời loạn phải tìm cách dẹp loạn cứu đời.

(2) Có lẽ là năm 1796.

(3) *Sủ dầu* : ý nói sách sủ.

(4) *Cá nướ* : rút từ câu thơ cổ : “*Tẩy nghiên ngư thôn mặc/ Phan trà hạp nhiều yên*” ; nghĩa là : Rửa nghiên cá đến nướ mực/ Nấu nước pha trà, hạp đến bay quanh trên làn khói. Đây nói nghiên mực đã dùng nhiều.

**Đỉnh chung tha nhật bằng thiên cấp,
Thưởng liêu niên tiền nhất tiểu oa.**

*(Đèn sách mười năm cố miệt mài,
Khôi khoa tuyệt mất lúc đương trai.
Ba quan trò trệt, cày bằng lưỡi,
Mấy miệng thê nhi, găng đủ nhai.
Nào phải văn nhân may ít kẻ,
Nỡ trêu tài tử muợn nên người.
Ơn trời mai sớm ban cho lộc,
Bù lại niêu con mấy khóa rồi).*

Sau khi nhàn rồi, ngồi lặng nhìn lên vách, lại nối tiếp ý tứ bằng hai bài tuyệt cú nữa :

I

**Tề cung hoàng các phi vô lộ,
Cử mục sơn hà sĩ đảo quan.
Bác cảnh hữu sư trùng ngã dị,
Đông sơn tuy đế đắc thần nan.**

*(Chẳng phải không đường vào gác tía,
Thẹn nhìn mũ ngược⁽¹⁾ khắp non sông.
Thấy đồ đất Bắc, trò ngoan : có,
Vương đế Nam Hà⁽²⁾, kẻ sĩ : không !).*

Lại viết hai câu thay cho hai câu cuối :

**Thừa bình chuyển thủ công hầu dị,
Yếm loạn cao nhân thảo dã nan.**

*(Thời bình chiếm được công hầu, dễ !
Tránh loạn nhàn chơi nhả đạm, không).*

(1) *Mũ ngược* : chữ Hán là *đảo quan*, ý nói triều đại cũ đã bị thay đổi, ngôi vị đã bị đảo lộn.

(2) *Ám chỉ Tây Sơn xưng đế.*

II

Lân bả cầm tâm văn mạch quốc,
Sĩ tương canh thiết trị vu điền,
Cổ nhân canh điệu cầu an kế.
Phản hạ ư ngó⁽¹⁾ nhất tế chiên.

(Lông gấm biếng tồ cho nước Man⁽²⁾,
Đành dùng tác lưới⁽³⁾ võ hoang điền.
Vác cây, câu cá⁽⁴⁾ người xưa ẩn,
Hắn cũng thua ta, bác giáo quên⁽⁵⁾!).

Gặp lúc có cảm hứng, chàng cầm bút là thành bài, thơ xướng họa có ghi đủ trong các tập *Dương xuân*, *Bạch vân*, không rồi mà dần hết cho thêm rườm.

Lại nói, khi chàng ở nơi dạy học có nuôi một con chó. Sớm hôm cùng nó chơi đùa, lúc chàng đi nó đi theo, lúc chàng ngồi nó đứng chầu bên cạnh, dù ở chỗ đông người, nó cũng không rời chàng nửa bước. Chàng thấy con chó có nghĩa bèn cho ăn uống thật đầy đủ, lại đặt tên là Hàn Lư và thường bảo đùa nó :

– Mày được ta chăm nuôi, có dám dốc sức mà chết vì ta không ?

Khuyến ta ngoe nguẩy đuôi, gật gật đầu như tỏ vẻ nghe lời.

Vài tháng sau chàng có việc phải về quê. Con chó cứ quanh quẩn ở cửa phòng học, ban ngày xua gà lợn, đêm tối phòng kẻ gian. Nhưng vì bọn trẻ hay quên, bỏ không cho ăn, nên tiếng sủa của nó cơ hồ như không còn được sang sảng nữa.

Bấy giờ, trong làng có một phú ông họ Trương thấy vậy thương nó, bèn đem cơm đến định cho ăn. Nhưng khi ông ta vừa bước vào cửa, liền bị con chó dợ cho một nhát. Phú ông trách mắng nó :

(1) Nguyên bản viết : ư ngổ, thất luật, tạm chữa lại.

(2) Quang Trung nổi dậy từ trại Tây Sơn, các bề tôi triều Lê cho là man di.

(3) Chữ Hán là *canh thiết*, tức là cây bằng lưới, chỉ nghề dạy học.

(4) Chữ Hán là *canh, điệu*, tức cây ruộng và câu cá, hai công việc mà người ở ẩn dật thời thường làm.

(5) Nguyên chữ là *tế chiên* : bức trướng nhỏ hoặc chiếc áo lông nhỏ.

– Hàn Lư ! Hàn Lư ! Thương mày bị đói đã lâu, mang cơm cho mày ăn, ta há phải kẻ bất nhân sao ? Mày tuy là loài vật, nhưng cũng có chút ít nghĩ suy, sao lại lấy oán mà báo đức như vậy ?

Phú ông chưa dứt lời, con chó chồm lên giường vuốt, nhe răng, rồi nói tiếng người :

– Ngài mà cũng là chủ tôi đấy ư ? Sao lại có thể đem cơm cho tôi ăn được ? Ngài lẽ nào không nghe câu : “Ban đêm khuya khoắt, đột nhập nhà người, chẳng phải kẻ trộm, cũng là gian dân” sao ? Ngài dù không bất nhân, tôi cũng vẫn cần vì ngài không phải chủ tôi.

Phú ông thấy con chó tinh khôn dị thường, sợ hãi sờn tóc gáy, mới giả vờ trách mắng nó vì tội dám cắn mình để dò ý nó xem sao.

Con chó bẻ lại :

– Ngày chủ tôi về quê có giao cho tôi giữ cửa. Trông nhà, coi trẻ là việc tôi được đảm nhiệm. Nay quý ngài tới đột ngột, lại không có chủ tôi ở nhà, bị xơi miếng cắn thì theo lý mà xét có gì là sai ! Sao lại nặng lời trách tội ?

Phú ông nghe con chó nói có lý lẽ đàng hoàng, thâm nghĩ đây là con vật kỳ lạ, mới có ý dụ dỗ nó, bèn từ tốn nói :

– Mày quả tinh khôn ! Ất mày biết phân biệt điều thiệt, lẽ hơn. Nay ta bảo cho mày rõ : Chủ mày vốn là thầy đồ nho nghèo, lại không gặp thời vận may mắn. Cửa Vũ Môn⁽¹⁾ bế tắc đã lâu, đường mây xa rộng không thể tới ; điện phía Đông thì quá mật mờ, chân cóc có lối nào mà vin cành quế⁽²⁾. Có đi cày cũng chẳng bằng lão phở⁽³⁾, có đi buôn cũng kém xa phú thương. Nương thân ngõ hẻm, nguồn sống chỉ đủ nuôi vài miệng ; nghề cày bằng lưỡi, học trò nheo nhóc bốn, năm tên. Lộc ba quan tiền, cả nhà tàn tiện ; cơm thối nửa đấu, mỗi bữa hết veo ; mèo già có lục chạn cũng đành mất công toi, chuột lớn có khoét tường cũng khôn bẻ kiếm chác. Như thế, chủ mày nuôi thân còn chưa xong, lấy đâu nuôi mày nữa ? Bây giờ ta mách mày cách này : thôi thì bỏ chỗ tối tăm ra nơi sáng sủa ; bỏ nơi nghèo hèn tới chốn giàu sang để mà mưu cầu sự no đủ, khoái lạc một đời, chứ tội gì mà tự làm khổ mình mãi thế ?

(1) Vũ Môn : lấy điển từ *Tam Tân ký* : ở bến Hà Tân (tức Vũ Môn) khi sóng hoa đào nổi lên thì cá chép thì vượt để hóa rồng.

(2) Cành quế : tức cung trăng, cũng nói về chuyện đỗ đạt.

(3) Lão phở : người làm vườn nhiều kinh nghiệm.

Con chó trả lời :

– Ôi ! Ngài cũng là người, sao mở miệng nói những lời như thế ? Đã là kẻ sĩ trung nghĩa thì không vì cùng hay đạt mà đổi thay tiết tháo. Cho nên đến mùa đông mới biết bách tùng rụng lá muộn, gặp gió mạnh mới hay cỏ cứng đứng bền gan. Vật tuy khác người nhưng cũng có thiên chân, năm tính⁽¹⁾ có sẵn, bốn mối⁽²⁾ đều đủ. Vì vậy voi của Minh Hoàng không chịu lay Lộc Sơn⁽³⁾, vượn của Đức Tông nổi giận đánh Chu Tỳ⁽⁴⁾, ngựa Xích Thố⁽⁵⁾ của Văn Trường đâu cam chịu ràng buộc ở Kiến Nghiệp, Ô Truy⁽⁶⁾ của Tây Sở không thích chăn nuôi ở Giang Đông. Chúng đều vì chủ mình mà giữ tiết chứ đâu vì cùng hay đạt, lợi hay hại mà ăn ở hai lòng. Vả lại, chủ tôi đang đợi thời thịnh, nghĩa hạnh ngày một trau dồi ; bụng dạ rộng rãi, đạo lớn chứa chất coi như nguồn của cải ; thấy nghe sáng rõ, trời đất phú cho, chẳng phải là nghèo ; mữ Chu⁽⁷⁾ bệ Tống⁽⁸⁾ chấp nối cương thường, khoa Hán bằng Đường⁽⁹⁾ vẫn hằng nuôi chí. Lại vui đạo thánh hiền, chăm đọc *Thi, Thư*, đâu có rồi di cày ; nổi lời thầy Mạnh⁽¹⁰⁾, dốc lòng nghĩa nhân, hà tất bàn chuyện lợi. Tìm thú vui của Nhan Hối⁽¹¹⁾, ở ngõ quê nào có hề chi ; theo vết nhàn của Mã Tử⁽¹²⁾, gõ đầu trẻ đâu phải vô ích ? Ba quan chính đáng, còn nhiều hơn kho của bất nghĩa ; nửa đấu thanh bần, còn bằng mấy ân gạo phải khom lưng. Đức nhân đến cả rắn lợn⁽¹³⁾, mèo kia

(1) Năm tính : gan tính tĩnh, tim tính động, tỳ tính khô, phổi tính bền, thận tính khôn, ứng với năm tính hạnh con người : nhân, lễ, tín, nghĩa, kính.

(2) Bốn mối : nhân, nghĩa, lễ, trí.

(3) Lộc Sơn : tức An Lộc Sơn (? - 757), người nổi dậy đánh Đường Minh Hoàng.

(4) Chu Tỳ : người đoạt ngôi Đường Đức Tông (742 - 805).

(5) Xích Thố : tên con ngựa của Quan Văn Trường.

(6) Ô Truy : tên con ngựa của Hạng Vũ.

(7) Mữ Chu : ý nói chế độ lễ nhạc nhà Chu.

(8) Bệ Tống : ý nói nghĩa lý đạo Nho theo các đại nho đời Tống, Trung Quốc.

(9) Khoa Hán, bằng Đường : ý nói chế độ khoa cử đời Đường, đời Hán, Trung Quốc.

(10) Thầy Mạnh : tức Mạnh Tử (372 - 298 tr. CN), người thời Chiến quốc, Á thánh đạo Nho.

(11) Nhan Hối (521 - 490 tr. CN) : học trò giỏi của Khổng Tử, nghèo khổ ở trong ngõ hẹp mà vẫn vui vẻ, mất năm ba mươi hai tuổi. Sau đến đời Tấn có Tô Thiệu chết đi rồi lại hồi sinh. Người em là Tiết hồi chuyện dưới đất thì Thiệu nói : “Hai ông Nhan Hối và Bốc Thương hiện được làm chức Tu văn lang ở dưới đất” (*Văn uyển*).

(12) Mã Tử : chưa rõ là ai.

(13) Rắn lợn : nguyên chữ là *thị xà*, có lẽ chỉ những loài vật có hại, phá hoại nương rẫy.

là vật gì mà dám rình mò ; lòng tin khắp cả cá heo⁽¹⁾, chuột có da bọc⁽²⁾ còn có thể cảm hóa. Giữ lòng ngay thẳng, sống nghề quang minh ; lấy trung để thờ vua, dùng tín để đãi bạn ; hiếu thảo với cha mẹ, hòa mục với tông tộc. Thật là một nhân cách bậc nhất vậy ! Nay chẳng qua vì trời sắp trao trọng trách, nên bất chủ tôi phải cùng khốn để mài kim giữa ngọc cho thành mà thôi, sao có thể luận bàn cạm cọt như thế được ? Lời ngài vợ vắn, tôi tạm tha cho, nếu không thì miệng ngậm quân pháp tôi lại cắn cho miếng nữa cũng chẳng thể trách được ! Hãy mau mau quay về, chớ để ngày sau phải hối.

Phú ông nghe xong, sừng sốt ngây dại, hiểu rằng nghĩa khí của nó không thể làm thay đổi được, đành xách cơm ra khỏi cửa và than thở :

– Loài vật vốn vẫn không tinh khôn hơn loài người. Thế mà lại có người không bằng vật ư ?

Bèn làm một bài Đường luật để ghi nhớ việc ấy :

**Thụ ủy chuyên ty trách phi khinh,
Nhất môn tảo thục cảm vong tình.
Nộ xung bạo khách ninh tri tử,
Lực hãn cô thành bất vấn sinh.
Môi nhĩ tuy mi tiêu kính tiết,
Trảo nha tài thí tráng uy thanh.
Đại phu dương quốc năng như thị,
Hà chí Huy, Khâm khổ Bác hành.**

*(Được trao trọng trách nữ dâu khinh,
Của đóng then cài thật tận tình.
Khách láo dám xông, dù biết chết,
Thành suy cố giữ, quyết quỳên sinh.
Môi ngon đem nhử càng nêu tiết,
Nanh vuốt vừa nhe đủ nổi danh.*

(1) Kinh dịch nói : cá heo là vật vô tri.

(2) Thơ *Tướng thú*, Kinh thi nói con chuột là loài vật nhỏ mọn mà cũng còn có da để bọc thân, huống gì con người nếu không giữ thể thống thì nên chết quách còn sống làm gì.

*Giữ nước đại phu ai cũng thế,
Huy, Khâm⁽¹⁾ há chịu nổi điều linh).*

Mấy ngày sau, chàng họ Đào trở về, con chó ra cửa đón chủ với dáng hình tiêu tụy bị thảm khôn xiết. Hàng xóm kể lại đầu đuôi câu chuyện, chàng cứ lấy làm lạ mãi rồi xuất khẩu luôn một bài :

**Nhân vật tụy thù loại,
Thiên chân nhất lý đồng.
Nhất môn tụy trung nghĩa,
Thiên cổ thực thanh phong.**

*(Người vật tụy khác loại,
Tính trời một lẽ thôi.
Một nhà vẹn trung nghĩa,
Dựng nếp thanh ngàn đời).*

Ngâm xong, kiểm tra lại phòng sách thì cửa vẫn khóa y nguyên, chiếu giường ghế bàn vẫn như cũ, tất cả đều nhờ vào sự tận lực của con chó vậy.

Than ôi ! Chó là con vật mà còn biết giữ tiết nghĩa thờ chủ, dù có những lời đường mật dụ dỗ cũng không thể chuyển lay lòng dạ sắt đá của nó. Huống chi những kẻ án lặc vua, nếu có được đầy đủ tấm lòng tiết nghĩa đó để mà báo đền ơn nước thì khi đánh giặc, giặc nào chẳng tan ; khi giữ thành, thành nào không vững ? Rồi quốc gia cũng nhờ đó mà được trường tồn, há đến nỗi phải như Huy, Khâm bị giặc bắt giải về phương Bắc ?

Ngẫm ra thấy lòng người sao chẳng được như xưa, thế thái nhân tình lắm nỗi ; lúc nước nhà vô sự yên vui thì xu nịnh cầu vinh, khi non sông gặp cơn tai biến thì trở mặt đổi giọng ; lại còn bán nước để sống, cơ hội kiếm lộc, sao mà vô liêm sỉ quá vậy ! Vì thế tôi cho rằng : trên đời những kẻ không bằng con Hàn Lư kia là nhiều lắm vậy !

Tiện bút ghi lại chuyện này, để răn bảo người đời.

LẠI VĂN HÙNG dịch

(1) *Huy, Khâm* : tức Huy Tông (ở ngôi 1101 - 1126) và Khâm Tông (1126), hai cha con vua Tống bị quân Kim bắt giải về phía Bắc. Đây có ý chỉ vua Chiêu Thống.

SƠN CƯ TẬP THUẬT 山居雜述

Tác giả : sách không đề tên người viết, chỉ thấy trong lời tựa xưng là Chuyết拙 (người thô lậu), ngụ cư tại Đan Sơn 丹山 trong 8 năm. Nhưng Đan Sơn ở đây không phải là bút hiệu, cũng không liên quan gì đến Phạm Đình Hổ như có người từng nghi vấn. Đan Sơn theo Trần Văn Giáp (trong Tìm hiểu kho sách Hán Nôm, tập 2, NXB Khoa học xã hội, Hà Nội, 1990, tr. 242) là một làng thuộc huyện Đan Phượng, Hà Tây. Cũng Trần Văn Giáp phát hiện ra trong truyện Hiền mẫu của tập sách có nói rõ tác giả là người cùng làng với Nguyễn Vinh 阮咏, đỗ Đệ tam giáp đồng tiến sĩ xuất thân khoa Bính Tuất, niên hiệu Phúc Thái thứ tư (1646). Nguyễn Vinh người làng Lam Kiều, sau gọi là Lam Hà, huyện Hoàng Hóa, tỉnh Thanh Hóa. Vậy có thể biết tác giả Sơn cư tập thuật người làng Lam Kiều 藍橋, huyện Hoàng Hóa 弘化, tỉnh Thanh Hóa.

Sơn cư tập thuật ra đời khoảng cuối thế kỷ XVIII, đầu thế kỷ XIX. Sách hiện còn dưới dạng bản chữ Hán chép tay (ký hiệu A. 822 : 161 tờ, VIIv. 1742 (thiếu) : 79 tờ) chia làm 3 quyển, gồm một bài Tựa và 148 đề mục. Cách ghi chép cũng gần giống với Vũ trung tùy bút 雨中隨筆 hoặc Tang thương ngẫu lục 桑滄偶錄. Nội dung không tuân theo một thứ tự nhất định nào : khi nói về phong tục tập quán, khi lại bình luận về văn chương, đạo đức, khoa cử, thể chế, và đậm nét hơn cả là những truyện truyền thuyết, dã sử,... tuy vậy tính chất khảo cứu vẫn nặng hơn hẳn cảm hứng sáng tạo. Chúng tôi chọn 11 truyện do Lại Văn Hùng, Trần Hải Yến, Đặng Thị Hào dịch ; Nhóm biên soạn hiệu đính.

112. THI ĐỐ DO TIỀN ĐỊNH^(*)

Theo *Diễn trai tập*⁽¹⁾, ông Tham chính họ Vũ⁽²⁾ người Phủ Lý, Đông Sơn, năm mười tám tuổi đã đỗ Hương giải⁽³⁾ nhưng nhà nghèo, tính lại hay rượu, do đó tiền nong chỉ dùng cày cấy túng quẫn. Ông quảng bút, theo nghề nông, vậy mà cũng vẫn thiếu thốn, mới ngậm ngùi than rằng :

– Xưa, Vương Quân⁽⁴⁾ đi buôn trâu, người đời cũng không cho việc ấy là sai trái. Vậy việc buôn bán tuy chỉ là đuổi theo cái ngọn, nhưng nếu biết cư xử làm sao cho không mất nghĩa lý thì có gì không được !

Rồi ông dồn vốn làm lái trâu.

Gặp đúng kỳ thi Hương, ông kết nhiều bạn buôn, mang trâu ra chợ Bình Vọng, Sơn Nam để bán, được lãi gấp bội. Những Cống sinh ở cùng ấp quận mới đến dự thi có thiếu thốn tiền bút mực, ăn ở đến hỏi vay, ông đều giúp cho không sót một ai. Do vậy, từ già đến trẻ không ai không quen biết ông.

Nhưng đến kỳ thi Hội, ông viện cớ chân đau, không đi. Kỳ thi Hội năm Bính Tuất (1646), niên hiệu Phúc Thái, các Cống sĩ theo đúng kỳ hạn trải kinh. Vợ ông ngẫu nhiên ra chợ gặp vợ một Cống sĩ ở ấp bên, chị ta đùa hỏi :

– Bác học trò⁽⁵⁾ đã đi thi chưa ?

(*) Nguyên văn : *Khoa danh tiền định*.

(1) Nguyên chú : sách của quan Huấn đạo họ Lê, người Diên Thượng, húy là Dĩnh, hiệu là Diễn Trai Dã Tấu.

(2) Nguyên chú : tên là Kiêm.

(3) *Hương giải* : đỗ kỳ thi Hương, đỗ Hương giải tức là đỗ Hương cống hoặc Cử nhân.

(4) Nguyên chú : theo *Hán sử*, Vương Quân cùng Phùng Bạng kết làm bạn hữu, tự ẩn trong nghề buôn trâu (*khoái ngư*). Buồn (*khoái*) nghĩa là hai nhà gặp gỡ, định giá mua bán.

(5) Nguyên chú : ông Vũ mới ở trình độ “giảng luận”. Có lẽ là chưa đạt đến mức làm được các thể loại tứ lục, kinh nghĩa,...

Vợ ông đỏ bừng mặt. Khi về, đem chuyện đó nói với ông, ông cười rằng :

– Bọn đàn bà con gái ấy, chồng chúng đã được ta trợ giúp cho tiền lộ phí, nay quả thật chúng lại muốn đem công danh mà thách ta chăng ?

Vợ ông trong lòng không vui, mới hai ba lần đem chuyện làm thân nam nhi gặp hội công danh để khuyên nài. Chẳng được, ông phải miễn cưỡng nhận lời. Đến lúc lên đường trời đổ mưa, ông định ở lại nhưng bà nhất quyết muốn ông khởi hành ngay.

Tối đầu bến Lương Giang, ông tìm thuê một chiếc thuyền. Khi ấy, Tri phủ Thiệu Thiên đang lật đật buộc thuyền ở bến. Đêm trước, quan Tri phủ mộng thấy một vị thần đến dặn rằng : “Hãy chờ Tiến sĩ đến rồi cùng đi một thể !”. Tỉnh dậy, Tri phủ bèn cho dừng thuyền đợi. Chính lúc Tri phủ đang nhìn ngóng thì thấy vợ ông đi tới bờ phía Nam, hỏi vọng tìm lái đò và nói lý do muốn qua sông. Quan phủ mừng thầm và giục vợ ông quay lại lấy hành lý. Khi ông đến nơi, Tri phủ đã chuẩn bị sẵn tiệc rượu để khoản đãi. Ông đòi rượu uống ừng ực, trong lúc say bết mới bất giác lộ ra bản sắc của kẻ đi buôn, đi cày. Quan phủ trộm lấy làm lạ, đợi ông tỉnh rượu để hỏi thì thấy ông chẳng có chút tài cán nào, những điều nói ra không có gì ngoài hai chuyện buôn bán và làm ruộng. Quan phủ trong lòng chán ông quá, bèn nhớ lại giấc mộng lúc ban đêm và tự nghĩ : “Thần nhân mà cũng lừa ta ư !”.

Khi thuyền ghé bến Vân Sàng, Tri phủ nói với ông :

– Bây giờ trời quang, mây tạnh, nhà thầy có thể theo đường bộ mà tới kinh. Sau khi nhà thầy nộp quyển, đợi lúc treo bảng ở đình Quảng Văn⁽¹⁾, tôi sẽ xin đem một chú hổ tới mừng !

Ông thấy Tri phủ không có ý lưu giữ nữa, bèn phất tay áo ra đi.

Khi vào trường thi, thì lạ thay ông hạ bút làm bài như có thần trợ giúp, gặp chỗ khó, chỗ ngờ đều được bằng hữu mách cho. Đến hôm vào tứ trường, ông giảng bình một đoạn phần lớn trúng đề bài. Do vậy, khoa đó ông đỗ Tiến sĩ.

(1) Đình Quảng Văn : nay là khu vực Cửa Nam, Hà Nội.

Tri phủ nghe tin, cứ hồi hận mãi. Ông làm một bài tứ tuyệt gửi cho Tri phủ, trong đó có hai câu cuối :

Như kim tính tự đẳng long băng,

Hữu hổ khiến lai hạ ngã phâu ?

(Bảng rỗng tên họ nay ghi rõ,

Có hổ khênh mừng tớ đấy chăng ?)

Đại để, tiếng nước ta dùng chữ “hổ” là con hổ để diễn tả sự thẹn thùng, như người nước Ngô nói “tạ báo đề” là chim đỗ quyên⁽¹⁾, cho nên ông nói thế là để giễu Tri phủ vậy.

Quan Tri phủ nhận được bài thơ, bất đắc dĩ phải thân đến tạ, ông cùng Tri phủ uống rượu đến lúc cực khoái mới thôi.

Than ôi ! Sự vinh hạnh trong thi cử đã tự có số định. Ông Vũ vì nhà nghèo mà phải bỏ sự nghiệp khoa danh, nhưng ngay từ thuở bình sinh phúc đức tiền nhân để lại đã hơn người, vì thế trời mới trọng cái tài năng được phú bẩm của ông mà thành tựu cho ông.

Ở đời, có kẻ mới đọc được vài mươi cuốn sách, nhạt được ít chữ làm trang sức đã vội vã khinh miệt các bậc tiền bối, ngạo mạn với đồng học, tự cho là không có ai hơn được mình. Bọn ấy lại không biết rằng việc tuyển lựa đại khoa bao giờ cũng thuộc về những người thực tài, chất phác. Viên Tri phủ kia dám đem cái kiến thức bằng con bọ dấm mà nhìn nhận, đến nỗi xúc phạm quý nhân thì cái việc phải tự hồi về con mắt thật có gì là lạ ! Đó có thể làm bài học răn những kẻ hậu sinh mà tự cao vậy !⁽²⁾

LẠI VĂN HÙNG dịch

(1) *Tạ báo đề* : “Tạ báo” là một tên riêng của người nước Ngô gọi chim đỗ vũ. Nhà thơ Cố Huống đời Đường trong bài thơ tiễn Trương Vệ úy có câu “*Lục thụ thôn trung tạ báo đề*” ; nghĩa là : trên lùm cây xanh trong làng “tạ báo” (tức chim đỗ quyên) kêu.

(2) Cuối truyện có một đoạn chép về Trịnh Quang Nghiệp, nhưng không thành truyện, chúng tôi lược bỏ.

113. CỜ VÀNG CẮM TRÊN LỀU THI(*)

Ngô Nhân Hân⁽¹⁾ người xã Cẩm Chương, huyện Đông Ngàn. Khoa thi Hội năm Ất Mùi (1715) niên hiệu Vĩnh Thịnh, Ngô vừa vào cửa trường thi thì đứa hầu đi theo bỗng ngã lăn ra đất. Trong lúc hoảng hốt, Ngô dặn những người lính tuần ở điểm canh rằng :

– Người hầu của tôi bị trúng gió, sống chết chưa biết thế nào, phiền các ông trông nom giúp.

Đám lính nhận lời. Ngô vào trường thi. Cắm bút nhúng mực từ giờ Thìn đến giờ Dậu mà nghiền mực vẫn chưa khô, Ngô lấy làm lạ nhưng không biết do đâu. Lúc ra khỏi trường thi, Ngô gọi tên người hầu. Đứa hầu khập khiễng đứng dậy. Ngô kinh ngạc hỏi lý do. Đứa hầu đáp :

– Tôi theo ông vào trường, suốt ngày ở bên ông mài mực, thấy khu này có sáu bảy lá cờ vàng cắm trên lều thi, ông cũng ở trong số đó. Trông xa ra các khu khác, cờ vàng không dưới mười mấy lá.

Ngô mừng thầm. Đến khi yết bảng, Ngô đỗ Tiến sĩ. Khoa ấy có khoảng hai mươi người trúng cách.

TRẦN HẢI YẾN dịch

(*) Nguyên văn : *Hoàng kỳ tiêu tọa lung.*

(1) *Ngô Nhân Hân* (1685 - ?) : người xã Cẩm Chương, huyện Đông Ngàn, nay là thôn Cẩm Chương, xã Đình Nguyên, huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh. Đỗ Đệ tam giáp đồng tiến sĩ xuất thân khoa Ất Mùi (1715). Làm quan đến Cấp sự trung.

114. KHÔNG ĐƯỢC ! KHÔNG ĐƯỢC !(*)

Ngô Tuấn Củng người xã Kiên Lao, huyện Giao Thủy, học rộng trí nhớ lâu, hạ bút thành văn, cùng Nguyễn Quỳnh⁽¹⁾, Nguyễn Nham⁽²⁾,... đều nổi danh, người bấy giờ gọi là “Trường An thất hùng”⁽³⁾. Lại còn có câu : “*Tuấn Củng, Tuấn Dị, thiên hạ hữu nhị*”, nghĩa là : thiên hạ chỉ có hai người là Tuấn Củng, Tuấn Dị.

Lúc du học ở kinh thành, Ngô có tư tình với một người con gái. Rồi người con gái có mang, Ngô cho là việc xấu xa không chịu nhận. Người con gái ôm con đến xin gặp một lần Ngô cũng không nghe. Phẫn uất, cô gái kêu trời rồi nhảy xuống sông chết. Đến khi Tuấn Củng vào trường thi, văn đáng được trúng cách, quan Giám khảo phê lấy đồ thì thấy một người phụ nữ ôm con đứng ngay trước mặt kêu : “Không được ! Không được !”. Ba lần nhắc bút đều như vậy. Thế là ông Củng suốt đời không đỗ đạt. Sau ông để tang người con gái theo lễ xưa, nằm rơm gối đất rồi đau bụng mà chết.

TRẦN HẢI YẾN dịch

(*) Nguyên văn : *Bất khả ! Bất khả !*

(1) Nguyễn Quỳnh : xem Chú thích 1, tr. 96, truyện Nguyễn Quỳnh, số 76, cùng tập.

(2) Nguyễn Nham (1676 - ?) : người xã Phùng Xá, huyện Thạch Thất, nay thuộc xã Phùng Xá, huyện Thạch Thất, Hà Nội. Đỗ Đệ tam giáp đồng tiến sĩ xuất thân khoa Ất Mùi (1715), làm quan đến chức Học sĩ, thự Tham chính Nghệ An.

(3) Nghĩa là bảy người tài đất Trường An. Nguyên chú : ngoài ba người trên còn có Trần Huệ Triêm, Nguyễn Tuấn Dị, Nguyễn Bạt Kinh, Hoàng Dật.

115. CHÚA ÁC TỰ HẠI^(*)

Làng Đa Giá huyện Gia Viễn nằm trên con đường mà từ châu Hoan, châu Ái qua lại kinh đô bắt buộc phải đi qua. Cạnh làng là một ngọn núi, trong núi có một cái hang sâu hun hút. Bọn gian ác trong làng thường lấy đó làm nơi cướp của giết người. Hễ khách qua lại ngủ trọ trong làng là bị chúng ném xuống hang để lấy hành lý. Xương chất thành đồng mà không ai hay biết gì.

Một hôm có hai vợ chồng người phường chèo đi qua, vào ngủ nhờ nhà Lý trưởng. Người vợ trẻ đẹp khiến Lý trưởng động lòng thêm muốn. Hắn bèn giết người chồng để chiếm người vợ. Được hơn mười ngày, bọn gian ác trong làng bàn với hắn rằng : “Nếu để vợ người phường chèo lại, chuyện tất sẽ vỡ lở”. Rồi buộc Lý trưởng phải giết người đàn bà đó để bịt dấu mối. Lý trưởng vì quá yêu vợ người phường chèo nên ngấm nói cho nàng biết. Người đàn bà khóc lóc mà nói :

– Thiếp như người đã chết đội ơn chàng làm cho sống lại, lại được hầu hạ khân lược, những muốn trăm năm vui vậy, ngờ đâu một chốc chia lìa. Nếu việc xảy ra xin chàng tự tay giết thiếp, chứ thiếp quyết không chết vì tay kẻ khác !

Tối đến, Lý trưởng dẫn người đàn bà đến bên hang sâu, rồi dùng tay đẩy xuống. Vợ người phường chèo cứ nắm chặt tay Lý trưởng không chịu buông, vì thế cả hai cùng rơi xuống hang⁽¹⁾. Vợ Lý trưởng thấy chồng mãi không về, cho là bọn ác đã giết chồng mình, liền tố cáo lên quan. Tra xét sự việc thấy đúng, quan ra lệnh bêu đầu kẻ trùm sở và xóa bỏ tên làng đó. Bấy giờ là tháng Năm năm Giáp Tuất (1694) niên hiệu Chính Hòa.

(*) Nguyên văn : *Tích ác tự hại*.

(1) Lời bình của nguyên bản : Đúng là có trời vậy ! Thật hà đả.

Nguyễn Kính Hiền⁽¹⁾ khi về Gia Viễn, qua đó có ngâm một bài luật thi rằng :

Thái bình tứ hải hựu tư lương,
Tiểu ấp vân hà sinh bạo cường.
Thủy diện nghịch oanh lưu trọc phái,
Sơn đầu ác thạch liễm sâu sương.
Hoang thôn di chỉ phần khâu liệt,
Phế tự từng từ thảo mộc hoàng.
Vãng sự nhất phiên nhân thuyết khởi,
Xung quan thiết xỉ hận nan thường.

*(Bốn bể lương dân chuộng thái bình,
Cớ sao ấp nhỏ ác hoành hành ?
Lăn tăn nước róc trôi dòng đục,
U ám sương sâu nhuộm núi xanh.
Cây cỏ úa vàng, chùa đổ nát,
Nấm gò la liệt, xóm tan tành.
Chuyện xưa đã cũ nghe người nói,
Tím ruột bầm gan lũ súc sinh !).*^(*)

TRẦN HẢI YẾN dịch

(1) Chưa rõ là ai.

(*) Lại Văn Hùng dịch.

116. SU CHÙA NÚI YÊN TỬ^(*)

Núi Yên Tử ở Đông Triều, còn có một tên nữa là núi Voi, nơi đắc đạo của An Kỳ Sinh⁽¹⁾ đời Hán. Sách *Hải nhạc danh sơn* đồ thời Tống ghi : núi này là nơi phúc địa thứ tư ; lại *phụ* chép truyện truyền kỳ rằng⁽²⁾ : Triều Trần có sư Huyền Quang, họ Lý, tên Đạo Tái là thầy chùa núi Hoa Yên, vốn nổi tiếng là người đạo hạnh tốt. Vua Minh Tông⁽³⁾ rất kính trọng, ban thường cho mười lạng vàng. Sau nhà vua sai cung nữ Nguyễn Thị Bích tới thờ. Lúc sắp đi, còn dặn :

– Phải lấy bằng được chỗ vàng đã cho về làm tin !

Nàng vâng lời.

Vào lúc nhá nhem, Thị Bích tới tầng phòng xin ngủ nhờ. Nhà sư không biết nàng là cung nữ, nhưng cũng từ chối hết sức nghiêm. Thị Bích lựa lời cầu khẩn đến hai ba lần. Bất đắc dĩ sư phải cho thị ngủ nhờ ở mé ngoài buồng.

Đến khoảng canh ba, ngoài trời trắng sáng vắng vặc, gió thông xào xạc mái hiên, sư trần trọc không ngủ được, bèn bước ra ngoài thêm. Chợt thấy Thị Bích hé vén quần lụa để hở làn da trắng nõn, chẳng đành nhìn sư phải quay đi. Thế rồi trăng khuya cứ lặn thấp dần, bóng trúc đã xòa ngang cửa,

(*) Nguyên văn : *Yên Tử sơn tự tăng*.

(1) *An Kỳ Sinh* : tương truyền là một vị tiên.

(2) Câu văn này theo mạch văn có thể hiểu là : Sách *Hải nhạc danh sơn* đồ có *phụ* chép truyện truyền kỳ về sư Huyền Quang vào mục *Yên Tử sơn*. Vì chúng tôi chưa có điều kiện tiếp xúc với *Hải nhạc danh sơn* đồ nên cũng không dám khẳng định chắc chắn, tạm theo ý cả đoạn để dịch như trên.

(3) *Minh Tông* : tức Trần Mạnh (1300 - 1357), vua thứ năm nhà Trần, ở ngôi 1314 - 1329. Niên hiệu Đại Khánh, Khai Thái.

sư bèn trở lại chỗ nàng ngủ. Đến nơi thì mảnh quần hồng của người con gái đã trể xuống hết cả. Thế là lòng thiền chấn động không thể kìm giữ được nữa, sư ứng khẩu một bài thơ Nôm tuyệt cú, trong đó có câu nói rằng đến ngay như Phật Thích Ca cũng còn chưa thể dứt tình. Rồi sư xáp đến trên ghẹo, người con gái kiên quyết chống cự không nghe. Lửa dục bốc ngàn ngút, sư liền đem hết số vàng vua ban làm quà tặng cho Thị Bích để được ân ái với nàng.

Sáng hôm sau, Thị Bích về triều, đem vàng trình vua.

Nhân việc đó, vua liền mở hội đàn tràng, xung quanh dùng toàn lụa vàng làm màn trướng. Rồi mời sư lên đàn làm lễ. Trông thấy toàn lụa vàng, sư kinh hãi nói :

– Lụa nhuộm sắc vàng ý là chỉ vào ta đó⁽¹⁾.

Vua sai đem bài thơ Nôm sư làm đêm trước đến để làm chứng cho việc “tham thiền”. Nhà sư ứng khẩu đọc luôn :

**Tam thập lục kinh vô thác ngữ,
Thử tình kham tiểu diệc kham bi.
Thế gian tam sự nan trừ liễu,
Hảo bả, phì dương, nộn nữ nhi.**

*(Ba sáu pho kinh đã lấu thông,
Dầu cười, xin cũng thấu cho lòng.
Thế gian ba thứ chưa không dễ,
Gái trẻ, dê non, với rượu nồng)^(*)*

Người sau có thơ rằng :

**Giảng đường chung tĩnh dạ thiền thiêu,
Thùy liệu nga mi bán tịch liêu.
Sắc dục bát tri hà xứ hỏa,
Thiền lâm giác đặc nhất thời thiêu.**

(1) *Lụa vàng* : chữ Hán là *hoàng quyên*, nói lái lại tức *Huyền Quang* – tên nhà sư.

(*) *Băng Thanh* dịch.

*(Khuya khoắt nhà tu chuông lặng rồi,
Ai ngờ người ngọc đến trêu người.
Lửa tình chẳng biết từ đâu bốc,
Một phút Thiên lâm cháy ngút trời).*

Và một bài nữa :

**Đa đa trần lự ái đào Thiên,
Độc tức sơn phòng kỷ hử niên.
Nhất tự tố tạng kinh nhiễm sắc,
Tào Khê vô thủy tẩy hoàng quyền.**

*(Ngón ngang tục lự, lánh vào Thiên,
Riêng ẩn rừng sâu mấy chục niên.
Một dải lụa trong, thôi đã ố,
Tào Khê không nước rửa "hoàng quyền").⁽¹⁾*

LẠI VĂN HÙNG dịch

(1) Cuối bài thơ này, tác giả còn chép thêm một truyền thuyết khác khẳng định Huyền Quang là doan chính, nhưng chúng tôi lược bỏ vì về cơ bản giống truyện trong *Tam tổ thực lục* đã tuyển. Xem thêm truyện *Sư tổ Huyền Quang*, số 10, Tập I.

117. TRẠNG NGUYÊN ĐẠO SĨ^(*)

Lê Ích Mộc⁽¹⁾ người làng Thanh Lãng, huyện Thủy Đường, mấy lần đi thi không đỗ Tiến sĩ, liền xuất gia làm Đạo sĩ. Một hôm có nhà sư biết phong thủy đến vùng Thanh Lãng, thấy thế đất tốt hình sao Văn, năm nay táng năm sau phát Trạng nguyên. Nhà sư muốn tìm người để cho. Hỏi người trong thôn, có người đưa chỉ Ích Mộc. Nhà sư am tường thuật phong thủy vui vẻ đến nhà Ích, nói rõ nguyên cớ. Ích Mộc đáp :

– Sách vở bỏ đã lâu, bút nghiên vứt xó, giá sử trên trời có Trạng nguyên rơi xuống thì cũng chẳng đến đầu tôi.

Nhà sư nói :

– Đừng ngại. Nhưng sách vở bỏ lại để lên gác cao thì mới có thể thành công được.

Ích Mộc trong bụng cho là chuyện viễn vông, miễn cưỡng nghe theo. Táng mộ xong, Ích Mộc vẫn sống bình thản như trước, duy chỉ đọc kinh Phật còn sách vở nhà nho thì không để mắt tới. Năm sau, Nhâm Tuất (1502) niên hiệu Cảnh Thống, Ích Mộc thi Hội đỗ Tiến sĩ. Hôm thi Đình, người giữ sách mang hòm đựng sách đến trước điện. Mở ra xem thì toàn kinh Phật. Người giữ sách định đem đi đổi, vua nói :

– Trạng nguyên thì sách gì mà chẳng đọc được.

Rồi cho lấy kinh Phật để ra để thi. Ích Mộc gặp những điều đã đọc, đầu đuôi thuộc lòng, nên hạ bút thành văn, rành rẽ tường tận. Nhờ đó trúng Đệ nhất giáp đệ nhất danh. Sau làm quan đến chức Tả thị lang.

TRẦN HẢI YẾN dịch

(*) Nguyên văn : *Đạo sĩ Trạng nguyên.*

(1) Lê Ích Mộc : người xã Thanh Lãng, huyện Thủy Đường, nay là xã Quảng Thanh, huyện Thủy Nguyên, Hải Phòng. Đỗ Đệ nhất giáp tiến sĩ cập đệ đệ nhất danh (Trạng nguyên) khoa Nhâm Tuất (1502). Làm quan đến chức Tả thị lang, về trí sĩ.

118. ÔNG SƯ TIÊN NÚI NUA^(*)

Ông sư tiên ở núi Nua⁽¹⁾ không biết là người thời nào, cũng không rõ họ tên ra sao. Hồi đầu, ông làm bạn với người trong làng, đến khi đã đắc đạo bèn dựng nhà trên đỉnh núi Nua mà ở, chưa từng đặt chân tới chốn thị thành. Có người bạn của sư bỗng nhiên mắc bệnh hủi, cho rằng nếu kiếm được thuốc tiên thì may ra bệnh có thể khỏi, bèn vạch gai phát cây, bươn bả leo lên núi tìm thuốc. Từ sáng đến chiều, nhìn bốn phía không một dấu chân người, ông đành quay về thì trời đã sập tối. Đúng lúc đang lưỡng lự thì chợt trông thấy nhà sư từ lưng chừng núi đi xuống. Người bề bết bùn đất. Sư hỏi bạn vì sao phải tìm đến nơi này. Bạn đem hết nguồn cơn giải bày. Sư liền dẫn bạn về gian nhà có cửa mình chuyện trò đàm đạo. Rồi sư bảo bạn :

– Ở đây kham khổ lắm, chẳng có gì nấu nướng, hãy tạm chờ đến mai, tôi đi lùng vài món hiếm hoi của rừng núi về làm cơm đãi anh.

Sớm hôm sau, sư tiên đi vào núi chừng nửa buổi thì về, mang theo hai vật trông béo trắng như chân trẻ con. Ông vào bếp, tự tay nấu nấu nướng nướng, sau đó gọi bạn vào ăn. Trong mâm chỉ có một bát cơm, gạo đen như sơn. Người bạn bụng đói cồn cào nên cũng đành gượng nuốt, còn món kia nhìn hết cái chân trẻ con nên chẳng dám nhúng dũa. Nhà sư thì tay xé tay gỡ ăn gần hết, chỉ bỏ lại nguyên mười “ngón chân”. Sau đó đứng dậy đi vào buồng trong. Người bạn liền gấp ném thử một miếng thì thấy món đó ngon ngọt không gì sánh nổi, bèn ăn sạch. Sư trở ra bảo :

– Chỗ này không thể nán lại lâu được đâu.

Nói rồi tiễn bạn xuống núi. Người bạn về đến nhà bệnh tật đột nhiên mất hẳn. Thì ra đó là củ nhục chi, một thức ăn quý của các vị tiên. Ăn nó

(*) Nguyên văn : *Na Sơn tiên tãng*.

(1) Nguyên chú : thuộc xã Cổ Định, huyện Nông Cống, Thanh Hóa.

có thể sống lâu ngang với rùa hạc. Thật tiếc, ông “người trần mắt thịt” nên không nhận thấy được cái quý của món ăn này.

Cuối đời Trần, Hồ Quý Ly⁽¹⁾ sai người đến đón nhưng nhà sư không ra.

Vào thời Trung hưng⁽²⁾, con trai Phạm Chải⁽³⁾ là Phạm Viên từ chân hương cống lên kinh thi Hội, đường đi qua huyện Thổ Du⁽⁴⁾ bỗng gặp một người tự nhận là Cừ nhân, người ấy hỏi han gốc tích của Viên rồi cùng nhau nói cười rất vui. Nhân cùng ngủ đêm trong một quán trọ, người ấy hẹn :

– Tôi phải về nhà thu xếp hành lý, hãy đợi tôi ba ngày, rồi ta cùng trải kinh một thể.

Hẹn bạn xong, ông gửi lại một chiếc hòm tre làm tin. Phạm Viên chờ hết ba ngày mà vẫn bất vô âm tín. Chàng bèn mở chiếc hòm ra xem thì thấy bên trong có một cuốn sách chép đủ các phương thuật phi thân xuyên tường của Đạo gia. Lúc ấy chàng mới hay con người chàng ngẫu nhiên hội ngộ đó chính là ông sư tiên ở núi Nưa. Viên bèn bỏ ý định tiến thủ trên đường khoa hoạn, nghiền ngẫm tinh sâu các sách phương thuật, sau đắc đạo thành tiên. Ông thường qua lại kinh thành và vùng châu Hoan, châu Ái, khi thì là người học trò làm văn, giảng sách, khi thì là lương y bốc thuốc chữa bệnh. Tương truyền bài biểu *Tứ hạo tử quy Thương Sơn* (Biểu tạ của bốn ông già được về núi Thương Sơn) là do Viên làm.

Khi Phạm Chải chết, Phạm Viên về chịu tang hết ba năm rồi bỏ đi biệt, sau không biết ra sao.

Xã Nguyệt Viên ở huyện ta có anh Giám sinh *Mỗ* thường tìm lên núi Nưa học đạo. Đi lại nhiều lần mà không gặp tiên, cuối cùng *Mỗ* quyết ở lại không về. Mấy ngày sau anh bỗng gặp một cụ già dò dẫm chiếc gậy đi ngang sườn núi. *Mỗ* sụp lạy nhưng lúc đầu ông lão giả cách không hay biết. *Mỗ* quỳ lạy hai ba lần ông mới hỏi nguyên do. *Mỗ* ta bèn kể hết nguồn cơn cho ông cụ nghe. Thấy thế ông bảo :

– Ta chỉ là một lão già nơi hoang dã, đâu có phép thuật gì mà hỏi.

(1) *Hồ Quý Ly* : xem Chú thích 4, tr. 71, truyện *Dùng nhan sắc, nhà Trần lấy thiên hạ*, số 66, cùng tập.

(2) *Trung hưng* : xem Chú thích 2, tr. 137, truyện *Ông Nguyễn Trật*, số 95, cùng tập.

(3) Nguyên chú : Phạm Chải người xã An Bài, huyện Đông Thành, có một bản khác nói là người Hoa Lâm, đỗ Hoàng giáp năm Nhâm Thìn (1652) niên hiệu Khánh Đức. Xem thêm truyện *Phạm Viên*, số 77, cùng tập.

(4) Nguyên chú : nay là huyện Nông Cống.

Mỗ cứ một mực nài xin. Ông già mới dẫn anh về cho trú lại trong một túp lều nhỏ. Ở đó chừng nửa năm, ông già vẫn tuyệt không bảo ban điều gì. Mỗ đành phải xin về. Ông già liền sai anh đẽo gỗ làm một cái mõ. Mãi gọt hai ba lần, qua sáu tháng mới xong. Lại sai đẽo gỗ làm dùi. Thời gian gọt đẽo cũng công phu như thế. Một hôm ông già sai Mỗ xuống suối giặt áo, gặp hai con hổ cạy thế núi non hiểm trở đang há miệng nhe nanh, Mỗ biết là ông cụ thử mình nên không hề tỏ ra sợ hãi. Ông già thấy anh cứng cỏi, lúc đó mới dạy cho chút thuật mọn, hô thần gọi quỷ, lại cùng anh du ngoạn trên chóp núi, rồi cụ nhặt phân hổ và những con bọ thối bắt anh nuốt. Mỗ cho là bản thủ ra ý ghê sợ. Thấy thế ông già nói với Mỗ :

– Những điều anh học được chỉ bấy nhiêu thôi là đủ.

Bèn cho anh về. Mỗ về nhà, cầu cúng cho mọi người đều nghiệm. Sau nhân anh đánh đồng thiếp cho thân vương nên được bổ chức Tri châu Bạch Thông, rồi chết khi đang tại chức⁽¹⁾.

ĐẶNG THỊ HẢO dịch

(1) Lược bỏ một đoạn nói về củ linh chi.

119. ĐỘNG HỒ CÔNG^(*)

Núi Hỷ Mã ở huyện Vĩnh Ninh còn có tên là núi Du Anh, và một tên nữa là Xuân Đài⁽¹⁾, lưng chừng núi có một cái động gọi là động Hồ Công. Tương truyền vào thời Trần, có một vị đạo sĩ không rõ họ tên tu ở chùa Du Anh trên núi. Ông ta thường đeo một cái bầu, qua lại chợ Thiên Vực vùng Khả Lãng⁽²⁾ để bán thuốc. Tối lại về treo bầu bên cạnh chùa, rồi chui vào trong bầu nằm nghỉ, buổi sáng lại xách bầu đi. Ông thường gọi đám trẻ chăn trâu lại bảo :

– Xách hộ ông cái bầu.

Bọn trẻ con chỉ cười mà không nghe lời. Duy có một chú bé người xã Thiên Vực vui vẻ theo ông, sớm chiều xách chiếc bầu xem chừng chẳng biết mệt mỏi. Một hôm gặp lúc trời mưa, mọi người đều chạy tìm chỗ trú, riêng chú bé cứ đứng nguyên bên cạnh. Đạo sĩ mới hỏi :

– Sao con không tránh mưa ?

Chú đáp :

– Ở chỗ này không mưa sao lại phải tránh ?

Đạo sĩ lại bảo :

– Con có thể cùng ta du ngoạn được không ?

Chú bé bèn theo ông chui vào trong chiếc bầu, thì thấy trời, đất, trăng sao y hệt trần gian.

Ở trong ruột bầu đã lâu, chú bé nhớ nhà xin về. Đạo sĩ nói :

– Ta là Hồ Công đây, chẳng lẽ con không muốn ở đây với ta ?

Chú bé vẫn một mực đòi về. Ông nói :

– Ta biết con tư chất phàm trần, nhưng con theo ta cũng đã lâu ngày, chẳng nên để phí cuộc gặp gỡ này,

(*) Nguyên văn : *Hồ Công động*.

(1) Nguyên chú : thuộc thôn Thượng, xã Thiên Vực, huyện Vĩnh Phúc, (nay là xã Vĩnh Ninh, huyện Vĩnh Lộc, tỉnh Thanh Hóa).

(2) Nguyên chú : tức Hà Lương.

Nói rồi, ông trao cho chú bé một cây gậy trúc và dặn :

– Nếu ai đau ốm thì cứ dùng gậy này gõ vào họ mà khẩn rằng : “Khôi thực tối hành phủ tất phiêu”⁽¹⁾. Người nào muốn đánh đồng thiếp thì con niệm chú câu : “Gió bay ngựa chạy mau mau thiếp”. Niệm chú xong thì lấy gậy gõ. Nếu như muốn đồng thiếp bay lên hãy khẩn : “Gió bay ngựa chạy vút lên trời mau mau thiếp !”. Rồi cũng gõ gậy như lúc trước. Xong việc chỉ nhận con gà bầu rượu lễ tạ, không được đòi hỏi sách nhiễu. Cây gậy này nhất thiết phải được giữ gìn cẩn trọng, không được để rơi xuống nước.

Chú bé nghe lời dặn dò rồi ra về. Chú chữa bệnh cho mọi người, thường là hiệu nghiệm. Mấy năm sau vua Trần⁽²⁾ lâm bệnh nặng, đã uống hàng trăm thứ thuốc mà vẫn không thuyên giảm, triều đình cho tìm những người có phép thuật khắp trong thiên hạ. Chú bé bèn mang chiếc gậy tới kinh đô xin yết kiến. Ai thấy chú cũng đều bật cười. Nhà vua sai sửa lễ lập đàn. Chú bé xin biện lễ gồm một con gà ấp, một bầu rượu ngon, ngoài ra không cần gì khác. Nhân đấy lại bảo bện một hình nhân bằng rơm, rồi đặt giấy bút vào trong tay áo. Niệm chú và gõ gậy vừa dứt lập tức người rơm bay vút lên không trung. Một ngày một đêm mới hạ xuống. Khi xé tay áo ra xem thì thấy trên mặt giấy có bốn chữ : “Vạn thọ vô-cương”. Bệnh của nhà vua khỏi hẳn. Vua định ban cho chú bé một chức quan nhưng chú cứ khước từ xin về. Liền phong cho tước Gia Dự hầu.

Khi đã già, một lần, trong lúc xuống tắm ở sông Lương Giang, chú bé - bấy giờ đã là ông lão - cầm cây gậy trên bãi cát, có một con quạ bay tới đậu lên đầu chiếc gậy, gậy bèn đổ xuống nước. Từ đó gậy bỗng mất thiêng, gõ không hiệu nghiệm nữa. Người đời sau khắc tượng Hồ Công và tượng chú bé trên vách đá trong động để thờ. Mọi người cho rằng đứa bé là hậu thân của Phí Trường Phòng⁽³⁾.

Khoảng niên hiệu Hồng Đức, Cảnh Thống, nhà vua ngự giá tới thăm nơi này và có thơ đề trên vách đá. Nhiều bậc danh sĩ cũng làm thơ khắc lên vách động. Chú bé ấy họ Trịnh, đến nay con cháu vẫn còn⁽⁴⁾.

ĐẶNG THỊ HẢO dịch

(1) Đây là một câu chú toàn tên các vì sao.

(2) Một cách nói phiếm chỉ chứ không xác định rõ là vị vua nào của nhà Trần.

(3) *Phí Trường Phòng* : tên một vị tiên.

(4) Lược bỏ một đoạn trích dẫn bài thơ của Thiệu Ung.

120. THƯỜNG DÂN THI ĐỐ^(*)

Dương Cảo⁽¹⁾ người Hà Lỗ, Đông Ngàn, lúc trẻ nổi danh tài trí. Cảo tính tình phóng túng không chịu gò bó, nên đã từng mấy phen lều chõng mà vẫn không đỗ. Đến ngoài bốn mươi tuổi còn bị liệt vào hạng thường dân.

Bấy giờ, Cảo đang lãnh du ở Trường An, gặp đúng khoa thi năm Mậu Thìn (1628) niên hiệu Vĩnh Tộ. Khoa này có một Giám sinh người cùng huyện với Cảo đã trúng nhị trường, nhưng trước khi vào tam trường mấy ngày thì mắc bạo bệnh, bị chết đột ngột. Cảo bèn đội tên người Giám sinh đó vào thi. Lúc yết bảng được đỗ cao, Cảo lại vào kỳ đệ tứ. Nhưng lúc ấy, ở ấp bên cạnh có một gia khách nhà viên Nội thị biết rõ sự thực. Y liền mách với chủ. Nội thị tâu chúa. Chúa mật sai người đi bắt Cảo. Trong trường nhao nhao lời đồn “bắt kẻ mạo danh đi thi” khiến Cảo trong lòng sợ hãi. Người ngồi bên Cảo cười, nói rằng :

– Việc tuyển chọn Tiến sĩ, xưa nay chưa hề nghe nói có sự mượn tài kẻ khác. Việc quái gì mà lo sợ chuyện bắt bớ.

Cảo dò hỏi những người cùng thi, mới biết người vừa nói là Nguyễn Duy Hiếu⁽²⁾, con trai Thượng thư Nguyễn Duy Thì⁽³⁾. Cảo liền nói rõ tình thực, lại xin che chở cho mình được thi cử trọn vẹn. Duy Hiếu bằng lòng.

(*) Nguyên văn : *Dân hạng dăng đệ.*

(1) Nguyên bản viết 楊 (Tung). Nguyên chú : là tăng tôn Dương Văn Bính. Chú thêm : Dương Bính đỗ Đệ tam giáp đồng tiến sĩ xuất thân năm thứ chín niên hiệu Hồng Đức (1478), làm quan đến chức Thừa chính sứ. Dương Cảo (1586 - ?) đỗ Đệ nhị giáp tiến sĩ xuất thân (Hoàng giáp) khoa Mậu Thìn (1628), làm quan đến chức Quốc tử giám Tế tửu.

(2) Nguyễn Duy Hiếu (1602 - ?) : người huyện Yên Lãng, nay thuộc xã Phú Xuân, huyện Tam Đảo, Vĩnh Phúc. Đỗ Đệ nhị giáp tiến sĩ xuất thân (Hoàng giáp) khoa Mậu Thìn (1628), làm quan đến chức Thiêm đô ngự sử. Sau khi mất được tặng chức Hình Bộ Tả thị lang.

(3) Nguyễn Duy Thì (1572 - 1652) : đỗ Đệ nhị giáp tiến sĩ xuất thân (Hoàng giáp) khoa Mậu Tuất (1598). Làm quan đến chức Tá lý công thần, Tham tụng, Hộ Bộ Thượng thư... Xem thêm truyện Ông Nguyễn Duy Thì, số 123, cùng tập.

Khi người mặt sai của nhà chúa tới, Duy Hiếu bảo :

– Người này vốn có thực tài, thiên hạ ai cũng biết. Nay gặp hội công danh, há có thể dằn mặt mà ngăn trở nhau ? Nếu hình tích có gì đáng ngờ thì xin đợi đến chiều tối, cho anh ta làm xong bài đã, rồi hãy bắt cũng chưa muộn.

Người mặt sai cũng không dám trái ý của con trai Duy Thì. Đến khi nộp quyển xong, người này mới bắt Cảo đem giam ở gần đình Quảng Văn⁽¹⁾.

Lúc yết bảng, Cảo và Duy Hiếu cùng đỗ. Quan Thượng được thiệp báo tin vui, khách mừng đầy cửa. Riêng Duy Hiếu sắc mặt vẫn rầu rầu. Duy Thì hỏi nguyên cớ, Hiếu đáp :

– Họ Dương tài học hơn người, nhưng lận đận mãi chưa được thỏa chí. Nay mạo phạm vào trường là muốn đem chút tài học ấy ra thi thố. Con với anh ta biết nhau, vẫn nhờ nhau trong lúc cùng học. Giờ đây, tên nều bảng trời mà thân bị cùm gông, nghĩ cái tình bằng hữu, lúc gặp khó khăn không giúp đỡ được, nên trong lòng cảm thấy ảm ức.

Duy Thì nói :

– Con yên chí, ta sẽ trình việc này với chúa.

Vừa may, Văn tổ⁽²⁾ triệu ông vào để hỏi việc Cảo, lại nói chưa qua kỳ thi Hương mà đã tự vượt để vào thi Tiến sĩ thì từ xưa chưa từng nghe. Vậy phải định đoạt thế nào ?

Duy Thì tâu :

– Dương Cảo vốn có tài học, lại chất nén đã lâu, nên muốn tìm cách để tự vươn lên. Nay truat bỏ anh ta thì e phải ân hận vì trong đời thịnh mà bỏ sót tài năng. Vả lại danh hiệu Tiến sĩ đạt được là ở khoa thi bậc cao, thế mà anh ta giành lấy còn dễ dàng như nhổ sợi râu trên mép, thế thì Sinh đồ, Hương cống nào có khó khăn gì ?

Chúa rất hài lòng, sai quan Trung sứ thả Cảo, cho lấy lại tên thật, được vào Điện thí với các bạn và lại cùng Duy Hiếu trúng Đề nhị giáp xuất thân.

Năm ấy, Cảo bốn mươi hai tuổi.

LẠI VĂN HÙNG dịch

(1) Đình Quảng Văn : xem Chú thích 1, tr. 178, truyện *Thi đỗ do nết định*, số 112, cùng tập.

(2) Văn tổ : xem Chú thích 2, tr. 54, truyện *Kiếp sau của sư Bật số*, số 59, cùng tập.

121. XỬ ÁN CỐT Ở SỰ THỰC^(*)

Ở Thạch Thất có anh binh nhất đi làm lính hầu trên kinh, vợ ở nhà tư thông với một sinh đồ trong làng. Chị ta nói với tay sinh đồ :

– Nếu anh có thể giết được lão binh nhất thì tôi xin hầu hạ khăn lược trọn đời !

Sinh đồ bèn thủ con dao nhọn ra đi, đến quán trọ làng Phùng Xá thì gặp anh binh nhất cũng vừa từ kinh đô về, đang nghỉ uống nước. Hai người hỏi thăm nhau tin tức ở kinh và ở quê nhà. Thăm hỏi xong thì chia tay mỗi người một hướng.

Sinh đồ đi được chừng non một dặm, liền vòng lối tắt, đuổi theo đâm chết anh binh nhất, rồi kéo xác xuống giấu trong ruộng ngô. Khi ấy, ngô đang xanh tốt nên chẳng ai hay biết. Đến lúc ngô chín, những người đi bẻ bắp mới thấy một đống xương với cái sọ đầu lâu cùng chiếc áo nát có tên anh binh nhất. Họ liền cấm biển bên trái đường, ghi lại việc ấy để báo tin.

Sinh đồ cùng với vợ binh nhất bàn mưu vu cho dân trong vùng cướp của giết người, rồi kiện lên quan trấn. Quan Trấn thủ sai người khảo tra⁽¹⁾ ráo riết. Dân chúng đành phải nhận liều. Bị khổ sở khôn xiết, họ bèn thưa trình lên quan Chính đường.

Bấy giờ Tham chính Hà Tông Huân⁽²⁾, Bồi tụng Nguyễn Nghiễm⁽³⁾ cùng tra xét vụ này. Hà Tông Huân vừa xem qua bản án, thấy người hơi

(*) Nguyên văn : *Đoán ngục dĩ tình*.

(1) Nguyên bản viết 拷掠 (*khảo lược*), có lẽ là 拷掠 (cũng đọc *khảo lược*) thì mới có nghĩa.

(2) Hà Tông Huân (1697 - 1766) : người xã Kim Vực, huyện Yên Định, nay thuộc Thiệu Hóa, Thanh Hóa. Đỗ Đệ nhất giáp tiến sĩ cập đệ nhị danh (Bảng nhãn) khoa Giáp Thìn (1724), làm quan đến Tham tụng, Thượng thư Bộ Binh, về trí sĩ.

(3) Nguyễn Nghiễm (1708 - 1775) : người xã Tiên Điền, huyện Nghi Xuân, tỉnh Hà Tĩnh, cha của Nguyễn Du. Đỗ Hoàng giáp khoa Tân Hợi (1731), làm quan trải nhiều chức, đến Tham tụng, tước Xuân Quận công.

mọi mệt bèn chợp mắt một lát, bỗng thấy một ông lão đầu bạc đi tới bảo :
"Thù phạm chính là bọn vu đơn, dân làng mắc oan. Ông hãy làm sáng tỏ vụ việc !".

Ông Hà bưng tỉnh, lấy làm lạ, liền sai bắt tay sinh đồ và vợ binh nhất tới ngay nhà riêng, còn ông ngồi kín sau màn xét hỏi. Khi hai người cùng đến, ông Hà chỉ sinh đồ hỏi :

– Kê kia là người nào ?

Thuộc hạ thưa là người quen biết sơ với binh nhất, vì vợ binh nhất đau đớn quá nên nhờ hán thay lời tâu. Ông gật đầu. Vợ binh nhất khóc lóc kể lễ nhưng chốc chốc lại đưa mắt nhìn sinh đồ. Ông Hà bèn ngấm dạn thủ hạ :

– Coi bộ nó khóc mà không đau buồn gì, lại còn luôn luôn nhìn chăm chăm vào thằng sinh đồ, sự tình đáng ngờ lắm. Đêm nay cho hai đứa ở chung vào một buồng, các người hãy chú ý rình xem sao.

Đến đêm khuya, quả nhiên sinh đồ, vợ lính ôm nhau ngủ hết như vợ chồng. Thủ hạ báo lên. Ông Hà cho đòi sinh đồ tới, nạt rằng :

– Mày thông gian với vợ tên binh nhất, rồi lập mưu giết chồng nó. Nay âm hồn về tố giác với ta, liệu mày còn có thể trốn tránh được nữa không ?

Gã sinh đồ vẫn chưa chịu thú nhận, ông Hà liền thẩm tra viên Quân đội của binh nhất và viên Hương trưởng. Cả hai đều nói : ngày ấy, tháng ấy binh nhất xin về ; ngày ấy, tháng ấy sinh đồ trẩy kinh. Khi thẩm tra đến chủ quán ở làng Phùng Xá thì bà lão đã chết. Con gái chủ quán khoảng mười hai, mười ba tuổi nói còn nhớ mấy tháng trước, thấy một anh binh nhất từ kinh đô về, còn một người học trò thì lên kinh, họ gặp nhau ở trong quán. Uống trà xong, mỗi người đi một ngã. Nhưng đến hôm sau lại thấy người học trò về qua đây. Ông Hà nghe xong, nói :

– Thằng sinh đồ kia ! Mày đúng là kẻ giết người rồi. Nếu là đi du học trên kinh, thì có lẽ nào vừa thoát đi mà lại thoát về ?

Tên sinh đồ vẫn khăng khăng không nhận. Ông Hà nhớ lại giấc mộng ngày trước, khớp với lời các nhân chứng, muốn khép tội gã sinh đồ. Khi nghị bàn để xét án ở công đường, ông nói rõ ý mình với các đồng sự. Nguyễn Nghiêm cũng nhất quyết giữ ý, nói rằng án của trấn đã thành, há nên thay đổi, rồi không chịu ký tên cùng.

Do đó, vụ án kéo dài đã lâu mà chưa quyết được. Các quan phải viết tờ trạng dâng lên chúa. Nghị tổ⁽¹⁾ xem tờ trạng rồi nói :

– Một đảng thì giữ phép tắc, một đảng thì xét sự thực. Cách xét xử của cả hai đều có lý. Song, xử án cốt ở sự thực ! Mưu gian của tên sinh đồ đã lộ rõ hết, nên căn cứ vào tội giết người mà xử nó !

Nghe chuyện, kẻ thức giả đều lấy làm lý thú !

LẠI VĂN HÙNG dịch

(1) *Nghị tổ* : tức Trịnh Doanh, ở ngôi chúa 1740 - 1767.

122. NGỌC NỮ Ở SƠN TRANG^(*)

Ngon núi ở Sơn Trang tương truyền là nơi ở của Ngọc Nữ phu nhân. Khoảng những năm Cảnh Trị, Dương Đức, có một Giám sinh trong thôn tên là Lê Nghi từng đến núi Nưa học đạo. Trái năm, sáu năm, anh ta trở về, gác hẳn việc đời, dựng một nếp nhà tranh trên đỉnh núi, dạy học cho một đồng tử. Một hôm, trong lúc đêm khuya thanh vắng, đồng tử thì đã ngủ, Lê Nghi còn ngồi xem sách một mình. Bỗng thấy một thị nữ áo xanh đi tới trước mặt nhỏ nhẹ nói :

– Phu nhân tôi kính mời tiên sinh dời gót ngọc. Xin tới ngay cho.

Lê Nghi liền vui vẻ theo chân người con gái. Được chừng vài trăm bước thì gặp một con đường lớn, hai bên đào mận thơm ngát. Đến phía trước của Ngộ Môn, trông vào thấy cung ngọc cửa ngà, mọi thứ khác hẳn trần gian. Thị nữ áo xanh đưa Lê Nghi vào nhà sau và mời ngồi, lại đem cho một hộp trầu cau. Lê Nghi chờ đợi hồi lâu, chợt thấy phu nhân đang ngồi dệt vải phía sau tấm màn the, tuổi chừng trên dưới đôi mươi. Nghi trong lòng bất giác xốn xang, vén màn bước vào. Phu nhân liền nghiêm sắc mặt nói :

– Ta nghĩ anh đã sạch lòng trần, nên muốn truyền thụ cho anh đôi điều, nào ngờ anh vẫn chỉ là một kẻ tục tử. Vậy hãy trở về, gắng công rèn luyện thêm nữa.

Tức thì, phu nhân lệnh cho thị nữ áo xanh đưa Lê Nghi trở ra. Khi vừa ra đến bên ngoài Ngộ Môn, trời đất bỗng tối sầm, không thể đi tiếp được nữa. Chàng ta đành thần thờ ngồi lại, một lát thì nghe tiếng gà eo óc gáy trong thôn ngoài nội. Đến lúc trời sáng bạch mới vỡ lẽ mình đang ngồi trên một chóp núi chót vót ở Trà Sơn. Nghi buồn bã hối hận xuống núi tìm về nơi cũ của mình. Sau, anh dứt bỏ túp lều, quay lại việc đời, dạy học cho bọn trẻ nhỏ đến lúc chết.

ĐẶNG THỊ HẢO dịch

(*) Nguyên văn : *Sơn Trang Ngọc Nữ*.

TANG THƯƠNG NGẪU LỤC

桑滄偶錄

Tác giả : **Phạm Đình Hổ** 范廷琥 và **Nguyễn Án** 阮案.

Phạm Đình Hổ : xem phần Vũ trung tùy bút. **Nguyễn Án** (1770 - 1815) : Tự là Kinh Phủ 敬甫, hiệu Ngụ Hồ 愚湖, người làng Du Lâm 榆林, huyện Đông Ngàn 東岸 phủ Từ Sơn 慈山, trấn Kinh Bắc, nay là thôn Hội Phụ, xã Đông Hội, huyện Đông Anh, Hà Nội. Ông sinh trưởng trong một gia đình phong kiến sa sút, dòng dõi nhiều đời đỗ đạt, thuở trẻ từng dạy học ở Thăng Long. Năm 1802, Gia Long lên ngôi, cử Nguyễn Văn Thành ra Bắc chiêu mộ con cháu các nhà danh gia thế phiệt cũ ra làm quan, Nguyễn Án cũng nằm trong số đó. Một năm sau, ông xin nghỉ, tiếp tục dạy học. 1806 thi đỗ Cống sinh (Cử nhân), được bổ chức Tri huyện Tiên Minh, nay là Tiên Lãng, ngoại thành Hải Phòng. Ông mất trong khi đang trị nhậm.

Tác phẩm :

- Phong lâm minh lại thi tập 風林鳴籟詩集
- Tang thương ngẫu lục 桑滄偶錄

Tang thương ngẫu lục gồm 2 bài tựa, 1 lời đề hậu, và 2 quyển (bản in của Hiệu thư lâu năm Bình Thân Thành Thái (1896), ký hiệu : A.218, chép 90 truyện có tính chất dã sử, ma quái và những sự tích hoang đường kỳ dị được lưu truyền rộng rãi ngay trong thời đại tác giả.

Dưới đây chúng tôi chọn 16 truyện, dựa theo bản dịch của Trúc Khê Ngô Văn Triện. Nhóm biên soạn có đối chiếu với nguyên văn để hiệu chỉnh những chỗ lầm lẫn. Truyện nào trong nguyên bản có ghi tên tác giả sẽ xin ký chú rõ.

123. ÔNG NGUYỄN DUY THÌ^(*)(1)

Thượng thư Nguyễn Duy Thì là quan Tể tướng có tiếng đời Trung hưng, giữ mình ngay thẳng và khéo xoay đổi được ý của vua chúa. Trong phủ chúa có một cái kiệu, kiểu cách và sơn vẽ rất lộng lẫy. Một hôm ông đứng cạnh, chợt ngã vật vào trong kiệu, cầm khẩu không nói được gì. Chúa sai khiêng đưa về phủ. Sáng hôm sau ông vào khải rằng :

– Thần hôm qua ngộ cảm, đội ơn chúa thượng bao dung. Cái kiệu ấy thần đã trót ồm nằm lên rồi, không thể dâng tiến nữa. Xin sẽ sắm cái khác đẹp để dâng nộp.

Chúa hiểu ý, không trách hỏi nữa.

Một lần ông vào xin phép chúa để về Yên Lãng. Bấy giờ chúa yêu một bà phi người làng Mông Phụ, bà phi ấy được yêu chiều quý báu nên uy thế cũng khá to. Ông từng nhiều lần khuyên ngăn chúa. Nay nhân dịp ông cáo về vắng, chúa ngự thuyền rồng lên kinh lý Sơn Tây, tiện đường rẽ vào thăm làng bà phi. Thuyền chúa qua hạt Yên Lãng, ông chờ rồi phục lạy ở bên sông, tâu rằng :

– Bốn phương không có giặc giã, sao lại vì một người đàn bà mà làm nhọc đến sáu quân, như vậy quốc thể còn ra sao ?

Bèn kíp ngăn quân sĩ không được bơi thuyền tiến lên, hễ ai trái sẽ lấy quân pháp trị tội. Chúa vì thế phải hồi loan.

Trong phủ của ông có một nếp nhà gọi là nhà Tư chính⁽²⁾, đó là nơi để khi lui chầu ông về nghỉ ngơi. Trong nhà ấy chỉ có hai gã tiểu đồng hầu hạ, bà vợ và hầu thiếp không ai được bén mảng tới, và cũng không dám đem

(*) Nguyên văn : *Nguyễn công Duy Thì*.

(1) *Nguyễn Duy Thì* : xem Chú thích 3, tr. 193, truyện *Thường dân thi đỗ*, số 120, cùng tập.

(2) *Tư chính* : nghĩa là nghĩ việc quốc chính.

việc riêng kêu xin gì cả. Một lần có một cái án lớn, tội nhân đáng phải tử hình, người nhà đem tiền của chạy chọt từ trên xuống dưới, khắp các cửa quyền quý, nhưng ai cũng bó tay không thể cứu nổi. Người vợ tội nhân đón hai tiểu đồng mà khóc lạy, nhờ đưa hai nghìn lạng bạc lễ ông để ông gỡ tội cho. Tiểu đồng xua tay nói :

– Tướng công đây không phải là người đem vàng bạc làm động lòng được. Nhưng tôi không nỡ trông thấy chị đau đớn, vậy hẵng để thử xem.

Tiểu đồng đem bạc vào nhà Tư chính, để bên mép giường nằm của ông. Đêm khuya, ông chọt từ trong Chính phủ về, trèo lên giường, xô đựng khiến bạc rơi loảng xoảng xuống đất. Giật mình hỏi tiểu đồng :

– Sao lại có những vật này ?

Tiểu đồng quỳ xin chịu tội chết và nói duyên cớ. Ông im lặng lúc lâu rồi nói :

– Thôi cho đứng dậy, ta không bắt tội mày. Tử hình là một cái án lớn. Vì mối lợi hai nghìn lạng, mày là một đứa bé con dám đem cái chết để đương lấy, hoặc giả bởi ý trời chăng ? Thế mụ ấy cho mày bao nhiêu ?

– Bẩm sáu trăm lạng.

– Thôi số bạc ấy thì cho mày, còn số tiền hai nghìn lạng kia ta không dùng gì đến đem trả bà ta.

Liền ngay lúc ấy đi xe đến gõ cửa cung. Chúa giật mình trở dậy, cho vời vào hỏi chuyện, tưởng là có việc lớn lao về quân quốc. Ông nói :

– Hôm qua xét cái án, đã xử tội nhân phải chết, nhưng đêm về chiêm bao, thấy có người nói oan ức không biết kêu đâu, dám mong chúa xét đoán lại.

Chúa cười :

– Tiên sinh khó nhọc quá, để đến sáng mai vào hầu sẽ nói có được không !

– Nhưng thân sợ dễ chậm chốc lát rồi bị ý riêng làm thay đổi đi.

Chúa ân cần yên ủi mà tên tù rồi được khỏi chết.

TRÚC KHÊ NGÔ VĂN TRIỆN dịch

124. ÔNG NGUYỄN VĂN GIAI^(*)(1)

Thượng thư Nguyễn Văn Giai thuở nhỏ học ông Thái học sinh *Mổ* người cùng làng. Nhà vốn nghèo, nhân có sức khỏe, ông thường phải đi gánh thuê để lấy tiền mua sấm dầu đèn giấy bút. Một hôm đi gánh thuê về, trời nóng bức, ông lội xuống tắm ở cái ao trước cửa nhà thầy. Trong lúc đương bơi lội, quần áo trên bờ bị dứa vô lại nào lấy mất, ông phải ngâm mình dưới nước mãi không dám lên. Một lúc lâu có cô con gái nhà ông Giám sinh ở bên kia ao mở cửa đi ra giặt áo. Thấy ông đương tắm nàng đành phải quay vào. Một lúc nữa trở ra lại thấy như vậy. Rồi một lúc nữa, cô loanh quanh ở bờ ao, bỏ lại trên bờ mấy chục thước vải mà đi. Ông cảm tấm lòng cô gái, nhặt lấy vải đóng khố rồi đi về nhà. Sau khi thi đỗ, ông đến nói với ông Giám sinh, xin lấy cô gái ấy làm vợ thứ. Ông Giám sinh nói :

– Cháu nó vô duyên, hôm qua tôi đã trót nhận lời gả cho một người học trò của tôi, tức là bạn đồng khoa của ông đấy, xin ông đừng lấy làm lạ sao tôi lại từ chối.

Rồi ông đồng khoa kia đến, hai bên tranh biện mãi không giải quyết xong. Ông nói :

– Tôi vốn đã có vợ từ lâu, không phải dám tham sắc đẹp để mua cười với bạn. Chỉ vì hồi tuổi trẻ hàn vi, từng được đội ơn người khuê các để mắt

(*) Nguyên văn : *Nguyễn công Văn Giai*.

(1) Trong *Tang thương ngẫu lục* có hai truyện Nguyễn Văn Giai đặt rời nhau (truyện 23 quyển hạ và truyện số 6 quyển thượng), thực ra là hai đoạn của cùng một tiểu sử. Chúng tôi đặt liền với nhau thành một truyện. *Nguyễn Văn Giai* (1554 - 1628) quê làng Phù Lưu, huyện Thiên Lộc, trấn Nghệ An, nay là xã Ích Hậu, huyện Lộc Hà, tỉnh Hà Tĩnh. Đỗ Thám hoa (có sách nói Hoàng giáp) năm 1580, làm quan đến Tham tụng, cầm đầu sáu bộ kiêm Đô ngự sử.

xanh đến, nên tôi đã dốc lòng mến yêu từ đấy. Trời đất quỷ thần hẳn đều soi xét, lòng này có dám man muội đâu.

Nhân kể rõ câu chuyện ngày xưa, ông Giám sinh vào trong nhà hỏi chuyện con gái thì con cũng nói đúng như vậy, bèn đem cô gái gả cho ông Giai. Đó là bà phu nhân thứ ba, ông yêu quý như bà cả vậy.

Lúc ông được giao Chức quản Lục bộ⁽¹⁾, các bậc thân quý của vua chúa đều phải nín hơi không dám xúc phạm. Một vị Quận mã trong phủ chúa đi đánh trận thua phải chạy, ông bắt bỏ ngục, rồi xử vào tội chết. Chúa muốn tha nhưng rất khó nói, nhân cầu đến dự chỉ nhà vua, cũng vẫn không lay chuyển được ý định của ông. Bấy giờ ông có nhiều vợ, có đến năm, sáu bà, địa vị cũng gần như bà chính phu nhân, duy có bà Ba là người được ông yêu dấu. Bà Quận chúa bèn đem châu ngọc, nhờ bà Phó mẫu dẫn đến thăm bà Ba và kể việc Quận mã. Bà Ba từ chối mà rằng :

– Tướng công tôi là người thanh liêm thẳng thắn. Việc lớn của triều đình, tôi đâu dám dự.

Quận chúa cố nói thật thảm thiết. Bà Ba bèn bảo :

– Nếu vậy sáng mai, Quận chúa cho đem một con lợn nhỏ luộc chín, một mâm xôi thổi nếp cái, và kèm cả tương dấm, dao thớt nữa, lựa lúc tướng công tôi đi vắng thì đưa vào.

Quận chúa mừng rỡ cảm ơn.

Sáng hôm sau, sắp sửa vào triều, ông bảo dọn cơm sáng để ăn. Bà Ba nói :

– Trong triều bây giờ các quan đã đến đầy rồi. Chi bằng tướng công hãy vào rồi về sẽ xơi cơm thì hơn.

Ông lên kiệu đi. Lúc ở trong triều về thì bụng đói ngấu, thấy cái lồng bàn đây mở ra, sẵn dao và thớt, thái luôn thịt lợn ăn lẫn với xôi, chỉ một lúc hết cả. Ăn xong ông chợt hỏi :

– À, những thứ ấy ở đâu mà có thế nhỉ ?

(1) Dòng mở đầu đoạn truyện thứ hai có nói rõ ông Nguyễn Văn Giai người huyện Thiên Lộc, chúng tôi lược bỏ.

Bà Ba kể duyên do. Ông rất tức bực, lúc lâu nói :

– Ta lầm lỗi rồi ! Ta lầm lỗi rồi ! Nhưng vì một bữa ăn no mà làm sống một mạng người, chẳng cũng bởi trời hay sao !

Liền lên xe vào phủ, xin tha cho người có tội. Chúa mừng rỡ mà nghe theo ngay.

Một hôm ông vào triều đi qua chợ Cửa Đông, thấy con cá mè lớn bề ngang đầy thước, ông dừng lại hỏi và khen ngợi. Rồi ông về nhà, thấy rất nhiều người đem biếu cá, toàn là những khúc cá mè cá. Ông đùa bảo thứ chấp lại xem, thấy chỉ thiếu đuôi, còn thì đều đủ. Ông sai ra hàng cá tìm thì quan Thái tử đã mua về tiến vua rồi. Ông than rằng :

– Có lẽ con cháu ta sau này sẽ không được thịnh vượng chăng !

Sau khi ông mất, quả đúng như lời ấy.

Người cùng huyện ở xã Bát Trạc là Dương Công Trí, là cháu ngoại Trạch Công Quán⁽¹⁾, làm chức Á tướng⁽²⁾. Ông Giai lo ông ta chuyên quyền nên từng bày tiệc, cho người phường chèo đóng bộ vào ra múa hát. Ông Dương hỏi đùa anh phường chèo rằng :

– Mà sao lại có thể biết rõ nhiều chuyện như vậy ?

Ông Giai cứ ngồi lặng thinh, không đòi co gì cả⁽³⁾.

Sau đấy Quốc lão Phạm Công Trứ⁽⁴⁾ cầm quyền quốc chính, có một viên Tù trưởng thượng phạm tội đáng chết, người vợ luồn lọt với người bếp nhà ông, người bếp xui đem biếu chim sẻ vàng, vì đó là món ông rất thích. Chim sẻ đem đến, người bếp nướng chả dâng lên. Ông ăn xong rồi hỏi.

(1) *Trạch Công Quán* : chưa rõ, nhưng xã Bát Trạc nay là xã Yên Lộc, huyện Can Lộc, tỉnh Hà Tĩnh. *Dương Công Trí* có lẽ là Dương Trí Trạch (1586 - 1662), đỗ Tiến sĩ khoa Kỷ Mùi (1619), làm quan đến chức Tham tụng, tước Bát Quận công.

(2) *Á tướng* : dưới chức Tế tướng.

(3) Đoạn này bản dịch Trúc Khê Ngô Văn Triện lược đi không dịch. Chúng tôi thêm vào.

(4) *Phạm Công Trứ* (1602 - 1675) : người xã Liêu Xuyên, huyện Đường Hào, nay là xã Nghĩa Hiệp, huyện Mỹ Văn, tỉnh Hưng Yên. Đỗ Đệ tam giáp đồng tiến sĩ xuất thân khoa Mậu Thìn (1628). Làm quan đến chức Tham tụng, Lại Bộ Thượng thư...

Người bếp đưa số vàng lễ ra và phục xuống xin chịu tội. Ông thò tay vào cổ họng móc để thổ ra rồi nói :

– Thôi mày đem số vàng ấy đi, tao tha cho không quờ trách nữa.

Khi án đem ra xử, ông nói với chúa Trịnh tha chết cho người Tù trưởng ấy. Chúa cũng nghe theo.

Việc này với việc trên kia thật là giống nhau.

Ồi ! Hai ông đều là những quan Tể tướng có tiếng đời Trung hưng, một người thì vì thịt lợn, một người thì vì chả chim ; vậy những sự ưa thích, há chẳng rất nên cẩn thận sao !

TRÚC KHÊ NGÔ VĂN TRIỆN *dịch*

125. NGƯỜI NÔNG PHU Ở NHƯ KINH VÀ NGƯỜI NÔNG PHU Ở AN MÔ^(*)(1)

Năm Kỷ Dậu (1789), bình lửa vừa yên, bệnh dịch nổi lên rất dữ. Người ta thường ban ngày trông thấy ma quỷ, tiếng kêu rên cùng tiếng khóc chen lẫn với nhau. Bạn tôi, ông Ninh Quý Hoằng người ở Khôi Trì thuật cho tôi nghe câu chuyện rằng :

Một bác nông phu người làng Như Kinh đi ra ngoài đồng kiếm củi gặp một đám đại quân tiến đến, bèn đặt gánh củi xuống đứng tránh bên đường. Một người lính đi đầu, đầu quấn khăn đỏ⁽²⁾, tay cầm gươm, chính là người quen cũ của bác. Người ấy thấy bác, rất vui mừng, trật khăn ở trên đầu mình đội cho bác rồi rửa vào hàng cơm, uống rượu với chả nướng, chẳng thấy chủ hàng hỏi gì cả. Bấy giờ dương hơi đói khát, bác nông phu được bữa thết, thả sức ăn uống đến no say. Chẳng mấy chốc, đạo trung quân đến, xe ngựa kéo qua đông nghìn nghịt và rất gấp gáp, người lính vội đứng dậy giắt lấy cái khăn rồi đi ra. Bác nông phu ngồi đấy, làm cho chủ hàng và khách ăn đều phải giắt mình, họ bắt giữ lấy vì cho là ma quỷ. Nông phu kể việc mình đã thấy, đưa chủ hàng đến chỗ mình đặt gánh củi bên đường thì hai bó củi vẫn còn nguyên, chủ hàng bèn tha cho đi.

Ông Ninh lại kể :

Năm ấy, ở một làng nhỏ trong huyện An Mô, có người nông phu rất nghèo khổ, phải đi ăn xin ở bãi tha ma, đêm cùng với một người bạn ngủ ở cái quán trống không, bên cạnh đường cái quan. Khuya, bụng đói cồn cào,

(*) **Phạm Đình Hổ** viết. Nguyên văn : *Như Kinh nông phu [dữ] An Mô nông phu.*

(1) Chúng tôi xếp hai truyện *Như Kinh nông phu* và *An Mô nông phu* thành một truyện, vì đều do một người kể.

(2) Tục gọi là khăn mào gà.

nằm trần trọc không sao ngủ được. Bấy giờ, trăng sáng mờ mờ, trông thấy đằng xa quân mã kéo đi đông nghịt. Hai người nhìn nhau sợ hãi, chui xuống gầm chõng nằm, khẽ nhìn, nín hơi không dám thở mạnh. Ước độ nửa trống canh, thấy chiêng trống cờ quạt xúm chung quanh một cái kiệu bát cống đi đến, dừng lại trước quán. Trống chiêng tạm ngừng, thì có tiếng truyền gọi Xã lệnh làng ấy ra hỏi, vang vang như tiếng sấm. Không mấy chốc, có một người đội mũ phước đầu⁽¹⁾, mặc áo thụng, đến quỳ trước kiệu nói rằng :

– Tôi là Xã lệnh ở làng xin ra bái yết.

Bác nông phu nhìn từ xa, thấy giống pho tượng ở đình làng. Trong kiệu truyền hỏi số lính đã làm xong chưa. Xã lệnh dập đầu nói :

– Chúng tôi làng nhỏ dân nghèo. Nay sau cơn binh lửa, họ đi phu cầu bạt chưa về, không lấy ai để bắt nộp được.

Có tiếng quát lớn từ trong kiệu đưa ra :

– Ta phụng mệnh điểm binh. Lệnh ra đã lâu mà nhà ngươi cố ý nói quanh, không nộp đủ. Vậy phải thi hành quân pháp.

Bên cạnh kiệu có mấy viên mặc đồ triều phục quỳ xuống kêu xin :

– Vị thần này thành thực, vẫn được Đế đình ban khen, xin ngài hãy rộng lượng tha cho.

Rồi thúc viên Xã lệnh đưa sổ lính ra nộp. Xã lệnh bắt đắc dĩ khai hai tên đinh ở trong làng, một tên chính là bác nông phu này. Cả hai đều nghèo kiết, không biết bầu vút vào đâu mà sống. Trong kiệu truyền ra cho quan hầu nhận sổ. Đoàn quân lại rầm rộ kéo đi. Gà trong xóm lúc ấy bắt đầu gáy sáng.

Bác nông phu sợ toát mồ hôi, cùng người bạn lật đật ra về. Nhưng bác cũng lấy sự được thoát khỏi bể khổ làm mừng, bèn nói với người làng cho một bữa ăn uống no say để chết. Người làng cũng ưng cho. Sau đó không bao lâu thì ốm chết. Một người nữa bị biên tên vào sổ cũng vậy.

TRÚC KHÊ NGÔ VĂN TRIỆN dịch

(1) Mũ phước đầu : như mũ cánh chuồn.

126. THÀNH ĐẠO TỬ^(*)

Thành Đạo Tử người Sơn Tây, tuổi trẻ thi đỗ Hương tiến, rồi chán nghề thi cử, đi giang hồ. Sau gặp Chân nhân Phạm Viên⁽¹⁾ và đi theo, vết chân trải khắp sông to núi đẹp. Một hôm cùng với hai người đồng bối theo Chân nhân đi chơi trên bể. Giữa khoảng gió to sóng lớn, bỗng thấy một con đường dài quanh co như ruột dê. Mọi người trèo lên chơi, rồi đi đến một trái núi, cây cối um tùm, có những quả đào to bằng cái đầu. Chân nhân ngồi nghỉ, nghiêng bầu uống rượu, cho mỗi người mấy quả đào, bảo đừng ai giấu hạt đem về. Kể theo hầu đều vâng nghe. Uống rượu xong, Chân nhân ra đi. Thành Đạo Tử đi sau, cho là Chân nhân không biết, giấu hạt trong bọc. Luẩn quẩn nửa ngày không tìm được đường ra. Nghĩ có lẽ vì hạt đào giấu ở trong mình, bèn sờ lấy vứt đi, bấy giờ mới đi ra được khỏi núi. Chân nhân đang ở phía trước, ngồi rót rượu uống, thấy Thành Đạo Tử đến, cười mà bảo rằng :

– Sao đi chậm thế ?

Rồi chân nhân lấy một quyển sách ghi những điều bí ẩn trao cho, đoạn cùng với mấy người theo hầu bay vụt đi mất.

Thành Đạo Tử về, phóng đặng khắp mọi nơi sơn thủy. Một lần cùng với kẻ đồ đệ đi chơi, dọc đường vào gõ cửa một nhà, hỏi thăm chủ nhân tình hình gần đây ra sao. Người coi cửa nhũn mày nói :

– Chủ nhân tôi mắc chứng đau tim, bùa đầu tốn kém, vẫn chẳng ăn thua gì. Chẳng hay tiên sinh có chữa được không ?

(*) Nguyên văn : Thành Đạo Tử.

(1) Chân nhân : xem Chú thích 2, tr. 55, truyện *Sư chân trầu linh thông*, số 60, cùng tập.
Phạm Viên : xem các truyện *Phạm Viên*, số 77, cùng tập ; *Ông tiên Đồng Thành*, số 151, Tập IV, và *Chân nhân Phạm Viên*, số 200, Tập IV.

Thành Đạo Tử đáp :

– Chữa được.

Người coi cửa mừng rỡ vào nói với bà chủ. Bà chủ mời vào, thết rượu, sai người nhà sắm sửa đàn tràng. Thành Đạo Tử ngăn lại mà rằng :

– Không cần. Kìa, trên nóc nhà có một con ma nó cầm ngọn giáo đâm vào tim người bệnh. Bây giờ hãy bắt một con cóc treo lên dọa nó, tự khắc nó phải lui.

Nhà chủ nghe lời làm theo. Bệnh quả nhiên khỏi. Nhà chủ đưa biếu rất hậu, nhưng Thành Đạo Tử nhất định không lấy.

Thành Đạo Tử lên chơi núi Thu Tinh, cầm đuốc vào trong hang soi xem, giữa chừng đuốc tắt, không biết lối nào ra. Trong hang có những tảng đá nát nhẽo như bùn, ăn thấy thơm ngon và khôi đói. Hồi lâu, thấy một cái kiệu đi qua, kẻ theo hầu rộn rịp. Đến gần xem thì người đi kiệu là một người bạn học đã chết từ trước. Người ấy giật mình hỏi :

– Đây là nơi cửa ải phân giới giữa người và ma. Bác đến đây làm gì ?

Người bạn cười áo, mặc cho. Thành Đạo Tử thấy trước mắt sáng sủa, bèn theo lối chỉ mà đi ra khỏi hang. Về đến nhà, người nhà tưởng đã chết, để tang đã sắp đến kỳ giỗ tiểu tường⁽¹⁾.

Thành Đạo Tử có quen với một ông cụ ở làng tôi, mỗi lần đến chơi, lúc uống rượu, thường giở chuyện ấy ra nói. Sau không biết đi đàng nào mất.

TRÚC KHÊ NGÔ VĂN TRIỆN dịch

(1) Tiểu tường : kỳ giỗ người chết đã được một năm.

127. ÔNG NGUYỄN HOÀN^(*)

Ông Nguyễn Hoàn người làng Cổ Đô huyện Tiên Phong, là thân phụ ông Thượng thư Bá Lân⁽¹⁾. Ông có tiếng văn hay, lòng lấy một thời, đối với ai ông cũng nhã nhặn lịch sự, nhưng về chữ nghĩa thì không nhường ai bao giờ cả, đó là cái thiên tính như vậy.

Ông Lê Anh Tuấn⁽²⁾ người cùng huyện, thuở nhỏ với ông là bạn vong niên. Gặp kỳ khảo ở huyện, ông Lê trúng nhất, ông trúng thứ hai. Ông đem văn ra so sánh, nhất định không chịu là mình kém. Ông Lê đỗ rồi làm quan, ông không chơi với nữa. Ông Thượng thư Bá Lân thuở nhỏ học giỏi, văn hay, suýt soát với ông, ông thường cùng ganh thi hơn kém. Ông Thượng cố tránh thì bị ông đánh chửi. Một lần hai cha con thả thuyền ở giữa dòng sông để làm văn thi, bảo hễ ai văn kém thì phải ném xuống sông. Làm xong, văn của ông hơi kém, ông liền nhảy xuống sông tự trầm thật ; ông Thượng khóc lóc lời lên. Một lần đến thăm quan Tể tướng Nguyễn Công Hãng⁽³⁾, đến cổng ông đã réo ngay tên. Người canh cổng

(*) **Phạm Đình Hổ** viết. Nguyên văn : *Nguyễn công Hoàn*.

(1) *Nguyễn Bá Lân* (1701 - 1786) : người xã Cổ Đô, huyện Tiên Phong, nay thuộc huyện Ba Vì, Hà Nội. Đỗ Đệ tam giáp đồng tiến sĩ xuất thân khoa Tân Hợi (1731). Làm quan đến chức Bối tụng Thiêm đô ngự sử, Tể tửu Quốc tử giám, Thượng thư Bộ Công, về trí sĩ.

(2) *Lê Anh Tuấn* (1671 - 1734) : người xã Mai Thanh, huyện Tiên Phong, nay thuộc huyện Ba Vì, Hà Nội. Đỗ Đệ tam giáp đồng tiến sĩ xuất thân khoa Giáp Tuất (1694). Làm quan đến chức Tả thị lang Bộ Hộ, Thượng thư Bộ Hình, bị vây cánh của Trịnh Giang vu tội mưu lập Thế tử, buộc phải tự tử.

(3) *Nguyễn Công Hãng* (1680 - 1732) : người xã Phù Chấn, huyện Đông Ngàn, nay thuộc huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh. Đỗ Đệ tam giáp đồng tiến sĩ xuất thân khoa Canh Thìn (1700). Giữ các chức Đề hình, Thiêm đô ngự sử, Tả thị lang Bộ Binh, Thượng thư Bộ Binh....

vào báo, ông Hăng lật đật chạy ra đón rước. Xin ông làm thơ Lưu, Nguyễn vào Thiên Thai⁽¹⁾, trong tiệc ông làm thành sáu bài, còn truyền ở đời.

Hồi xuống chơi kinh đô, ông làm bạn với Chân nhân Phạm Viên⁽²⁾. Một hôm hỏi về sự cùng đạt, Chân nhân nói :

– Số ông tiếc không làm nên được, nhưng con ông thì làm to.

Ông bèn bỏ cả việc đời, theo Chân nhân để học thuật nhìn lâu. Vào núi Mỹ Lương, nhưng dọc đường thiếu lương ăn. Đến một xóm nọ, trong xóm có ông già đón khách vào nhà, đồ chín một đĩa trề lên ba đem ra thết đãi, ông không thể hạ đĩa. Chân nhân cười rồi bảo làm món sơn hào đem lên. Chưa bao lâu, đi đến nhà riêng của Chân nhân, người hầu dọn lên món thịt chuột thối để uống rượu, mùi hôi bắn xông lên gớm chết, ông lấy vạt áo che mặt không dám trông. Chân nhân nói :

– Ông tục duyên còn nhiều, chưa thể học được.

Bèn đưa ông trở về.

Ông Thượng thư khi đỗ Hội nguyên, cả hai cha mẹ đều còn. Các bạn đỗ đồng khoa đến họp mặt cả ở làng Cổ Đô để mừng. Ông Hoàn mặc bộ quần áo quê mùa ra tiếp khách, cười mà nói rằng :

– Thăng Bá Lân nhà tôi mà đỗ đầu thì ra thiên hạ hết người thật.

Hồi ông Lê Anh Tuấn làm Tể tướng, ông Lân vì việc công bị lỗi, nghĩ rằng nếu không nhờ cha đi nói hộ thì không thể gỡ được, bèn nói với cha. Nhưng ông Hoàn mặc kệ không nói gì. Cả họ khóc lóc van nài, ông mới khẽ gật đầu một cái. Rồi ông đi chân không đến dinh quan Tể tướng, lội qua hồ mà vào, để chân bê bết những bùn vào ngồi chỗ công sảnh, hỏi tướng công có nhà không. Lê công áo đai chững chạc ra đón mời. Ông nói :

– Vì chuyện thăng bé nhà tôi nên phải đến quấy quả cố nhân, một tiếng nhận lời giá trọng nghìn vàng, tướng tôi không phải nói lắm.

Ông Lê vâng lời, ông liền đứng dậy ra về. Ông Lê nài thư thả nói chuyện vài câu, ông nhất định không ở.

(1) *Lưu, Nguyễn vào Thiên Thai* : *Thiên Thai* nay thuộc phía Đông tỉnh Chiết Giang, Trung Quốc. Xem Chú thích 1, tr. 141, truyện *Tháp Báo Ân*, số 96, cùng tập.

(2) *Phạm Viên* : xem truyện *Phạm Viên*, số 77, cùng tập, và Chú thích 3, tr. 189, truyện *Ông sư tiến núi Nưa*, số 118, cùng tập.

Tuổi ông càng cao, sức học càng sâu rộng. Nghe ở Thanh Trì có một người học trò tập văn trường Giám lần nào cũng trúng giải nhất, bèn dò tìm đến tận nơi. Đêm khuya vào làng, vì đường quanh co, bèn lội qua ao, đến gõ cổng nhà người học trò mà nói :

– Ta là Nguyễn Hoàn đây. Có giỏi thì làm văn thi với ta nào.

Người học trò lật đật đi ra, nhún nhường từ chối. Ông không nghe. Người ấy xin khất đến kỳ văn trường Giám, ông mới trở về.

Sau ông làm văn thi, luôn mấy kỳ chiếm được giải nhất trường Giám, ông mới về Sơn Tây.

Tuổi già, ông có làm bài *Huyền Quang hành*, đêm chiêm bao thấy Thiên sư bảo rằng :

– Việc Bích Cơ⁽¹⁾ được ông tìm ra, nghe đâu Thượng đế tăng tuổi cho ông một kỷ đấy.

Sau ông được sống lâu rồi mất.

TRÚC KHÊ NGÔ VĂN TRIỆN dịch

(1) *Bích Cơ* : tức Điểm Bích. Xem truyện *Sư tổ Huyền Quang*, số 10, Tập I.

128. ÔNG NGUYỄN TRỌNG THƯỜNG^(*)(1)

Ông Nguyễn Trọng Thường người làng Trung Cấn, Thanh Chương. Thuở nhỏ, nhờ ông ngoại nuôi nấng dạy bảo, có khiếu văn chương. Đến tuổi thành đồng⁽²⁾ thì theo thầy học ngoài. Một đêm, ông chiêm bao thấy một mỹ nhân đem chè, quả đến tặng, rồi cùng ông trò chuyện nói cười thân mật.

Từ đấy, thường đêm vẫn chiêm bao thấy thế. Nhưng trải mấy năm trời, giữa hai người không hề có chuyện sàm sỡ. Một đêm, mỹ nhân từ biệt về, ông cầm tay hỏi ngày tái hội, thì nói :

– Sẽ gặp nhau ở trạm Phù Dung tại hồ Động Đình.

Năm mười sáu tuổi, đỗ khoa thi Hương. Một hôm, ông ngoại ra đầu đề cho học trò làm bài tập, thấy trong bụi cây có một chàng thiếu niên chưa đến giờ Ngọ đã vào nộp quyển rồi đi ra. Ông ngoại xem rồi nói :

– Có lẽ là Chân nhân Phạm Viên⁽³⁾ đùa với ta đây.

Ông liền ném bút đi theo. Ra đến đồng thì theo kịp, liền cùng đi. Khi đó Chân nhân đi chơi núi Long Hồ, đến cửa ải Trấn Nam, ông quỳ xuống thỉnh giáo. Chân nhân nói :

(*) Nguyên văn : *Nguyễn công Trọng Thường*.

(1) *Nguyễn Trọng Thường* (1681 - 1735) : người xã Trung Cấn, huyện Thanh Chương, nay thuộc xã Nam Trung, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An. Đỗ Đệ tam giáp đồng tiến sĩ xuất thân khoa Nhâm Thìn (1712), làm quan đến chức Lại Bộ Hữu thị lang. Đi sứ nhà Thanh về đến Hán Khẩu thì lâm bệnh chết.

(2) *Thành đồng* : khoảng mười lăm tuổi.

(3) *Phạm Viên* : xem truyện *Phạm Viên*, số 77, cùng tập, và Chú thích 3, tr. 189, truyện *Ông sư tiên núi Nưa*, số 118, cùng tập.

– Việc thổ nạp⁽¹⁾ không phải việc của nhà người. Tiễn trình nhà người rộng lớn, ta không phải nói nhiều.

Chân nhân bèn trao cho tập số *Thái ất*⁽²⁾, hẹn đến hồ Động Đình sẽ phải trả lại.

Ông thi đỗ rồi làm quan trong quan ngoài, nhưng rất hững hờ, không lấy sự làm quan làm thú. Khi đi sứ Trung Hoa, đem việc nhà dặn bảo con cái, rồi mang nhiều tiền của đi theo. Qua trạm Phù Dung ở hồ Động Đình, thấy ở vệ đường có hai cái miếu, một cái hầu đồ nát. Hỏi dân cư ở đó, họ bảo :

– Cái miếu sắp đổ, tên húy của thần là Nguyễn Trọng Thường, hương tàn khói lạnh đã mấy chục năm rồi. Còn cái miếu kia thờ bà phu nhân.

Ông hoảng nhiên nghĩ ra, bỏ tiền nhờ dân ở đấy làm lại. Khi đi sứ trở về, thuyền qua hồ Động Đình, ông giở cái hộp đựng tập số *Thái ất* ném xuống : hộp cuốn vào trong nước rồi chìm ngấm. Đêm ngủ ở trạm Phù Dung, lại thấy mỹ nhân đến. Sáng hôm sau, ông mất ở thuyền, sứ bộ đưa thi hài về.

TRÚC KHÊ NGÔ VĂN TRIỆN dịch

(1) *Thổ nạp* : tức *Thổ cố nạp tân*, là thờ hơi cũ ra, hít khí mới vào, theo phép tu tiên.

(2) *Thái ất* : dựa vào cung độ và hành độ của sao Thái ất để bói.

129. TƯỚNG QUÂN ĐOÀN THƯỢNG^(*)

Tướng quân Đoàn Thượng, người làng Hồng Thị, huyện Trường Tân. Đời Lý Huệ Tông⁽¹⁾ vâng mệnh đi dẹp giặc và trấn ở Hồng Châu. Nhà Lý mất, Đoàn chiếm giữ riêng một châu ấy. Quan Thái sư nhà Trần là Thủ Độ⁽²⁾ bề ngoài giả vờ giảng hòa nhưng ngầm truyền lệnh cho Hoài đạo Hiếu võ vương Nguyễn Nộn đem trọng binh đánh úp. Hai bên đương đánh nhau say sưa, quân Trần lại từ miền Văn Giang đón đánh phía trước. Tướng quân bỏ Nộn quay về chống chọi phía Tây, bị nhát thương ở cổ gần đứt, phải cỡi đại lưng buộc lấy, tức giận hăm hăm chạy về phía Đông. Đến làng An Nhân, có một ông già đội mũ thất đai chấp tay đứng bên đường mà nói :

– Tướng quân là bậc trung liệt, Thượng đế đã cất dùng đấy.

Lại chỉ một cái gò làng bên mà nói :

– Đây là nơi huyết thực⁽³⁾ của ngài, xin đừng bỏ qua.

Tướng quân vâng lời. Đến chỗ ấy, xuống ngựa gối giáo mà nằm, liền có mối dùn đắp lấp lên. Dân cư tạc tượng lập miếu thờ. Đến sau đê sông Nhị vĩ, nước xói đổ miếu. Khi nước xuống, tượng giạt đến làng An Nhân, làng An Nhân bèn dựng miếu mới để thờ. Miếu dựa sông An Nhân, trước mặt trông ra con đường cái chính đi thông hai tỉnh Đông, Bắc, uy linh hiển hách, người buôn bán qua đường rất sợ hãi, chỉ dám đưa mắt nhìn. Một hôm

(*) **Phạm Đình Hồ** viết. Nguyên văn : *Đoàn Tướng quân Thượng*.

(1) *Lý Huệ Tông* (1208 - 1241) : vua thứ tám nhà Lý, ở ngôi 1211 - 1224, niên hiệu Kiến Gia ; bị Trần Thủ Độ giết chết.

(2) *Trần Thủ Độ* (1194 - 1264) : chú họ của Trần Cảnh, dưới triều Lý, làm Điện tiền chỉ huy sứ. Ông là người giúp nhà Trần đoạt ngôi nhà Lý, giữ chức Thái sư thống quốc hành quân vụ thảo sự, sau khi mất được truy tặng Thượng phụ thái sư Trung vũ đại vương.

(3) *Huyết thực* : nơi được người ta thờ cúng đời đời.

người coi miếu ấy bỗng ngã ra đất lúc lâu, rồi vùng dậy ngồi lên ghế cao, gọi những kỳ cựu trong làng ra bảo rằng :

– Ngày mai phải quét dọn sạch sẽ vì có đức vua đến văn cảnh. Người nào mặc áo đen và đi chân không là đúng đấy, phải chờ đón.

Mọi người dạ dạ theo lời. Hôm sau ai nấy mũ áo chỉnh tề đợi ở dưới đền, mãi đến chiều tối vẫn chưa thấy gì, mỗi một đã toan giải tán. Chợt bờ bên kia sông có một vị sư, mình mặc chiếc áo lục thù, theo sau có một tiểu đồng, đi sang cầu, đến trước cửa đền ngồi nghỉ. Mọi người đốt hương sụp lạy. Nhà sư lấy làm lạ hỏi, ai nấy đem lời thần nói lại. Nguyên bấy giờ vua Trần Nhân Tông⁽¹⁾ đã nhường ngôi cho con, tự xưng là Điều Ngự đại sĩ, xuất gia tu ở chùa Yên Tử, bên mình đeo một bình, một bát, thường đi lại trong các xóm làng, nhiều khi cũng chả ai biết nữa. Tối hôm ấy dừng bước ở làng An Nhân, nghe câu chuyện thần nhân bảo trước, ngài lấy làm thích bèn ngủ trọ ở đấy một đêm. Ngài giảng cho thần nhân về lẽ nhân quả, khuyên nên thể theo đức hiếu sinh của trời, đừng nên gây tai vạ cho những người qua lại. Hôm sau, ngài dậy sớm trở về kinh sư. Đến tối, bỗng mưa to, gió lớn nổi lên, rồi thần tọa quay mặt về Đông ; từ đấy những người qua đường không còn bị tai nạn gì nữa. Lịch triều phong tặng là Thượng đẳng thần. Lũy cũ ở Trường Tân đến nay vẫn còn⁽²⁾.

TRÚC KHÊ NGÔ VĂN TRIỆN dịch

(1) *Trần Nhân Tông* (1258 - 1308) : vua thứ ba nhà Trần, ở ngôi 1278 - 1293, niên hiệu Thiệu Bảo và Trưng Hưng. Năm 1293 nhường ngôi cho con là Anh Tông và lui về làm Thượng hoàng.

(2) Có bản sao không có truyện này.

130. SÔNG DỪNG^(*)

Sông Dừng ở huyện Nam Đường là con sông lớn ở Hoan Châu. Nguồn phát ra từ Trầm Châu, đi qua Đại Đồng, Đồng Luân, lướt bên trại Sa Nam, bến Phù Thạch mà chảy ra bể. Sông xô dữ dội, chỗ nào cũng có vực sâu, nhất là về khoảng những làng Đại Đồng, Đồng Luân, càng nhiều lắm. Cạnh những vực ấy, có làng xóm ở đông đúc. Người ta thường thấy có mấy người đàn bà con gái đến chợ mua bán, ăn mặc nói năng ra lối thị thành. Có người dò theo, thấy bọn người ấy đi gần đến bến sông thì mất. Một hôm có người dân làng xuống bến Đồng Luân rửa tay, rồi đứng hóng mát trong khoảng lau sậy, thấy trên bãi cát có hai người cưỡi ngựa chạy quanh ba vòng rồi cùng nhau sóng cương mà đi xuống nước. Người ấy nín thở, đứng lặng xem thế nào. Một lúc, thấy mấy tòa lâu đài nổi lên giữa dòng sông, nhỏ như quyển sách, chỉ trong chớp mắt đã cao lên đồ sộ, kẻ đi người lại rộn rịp. Lúc lâu, người ấy ngựa cổ không thể nhịn được, dặng háng một tiếng. Lập tức những tòa lâu đài ấy chìm ngấm cả. Rồi có hai con cá lớn cụt đầu nổi ở bờ sông, nước sông đỏ khé.

Đinh quân người làng Đại Đồng, làm quan Tri phủ, một lần qua chơi bến Rái Cá ở Hải Dương, thấy một bà già bán hàng, tuổi chừng sáu mươi ba, sáu mươi tư, hỏi mình rằng :

– Ông có phải người làng Đại Đồng không ? Sao tiếng nói giống thế !

Đinh quân nói :

– Làng ấy cách đây nghìn dặm, làm sao bà lại biết ?

Bà già cười :

– Đại Đồng là nơi tôi vẫn chơi khi xưa, ông không biết đấy thôi.

(*) **Phạm Đình Hổ** viết. Nguyên văn : *Dụng giang*.

Hỏi kỹ thì bà ta nói :

– Tôi người ở đây, thuở nhỏ ra tắm sông, bị thần sông là Giang Đông hầu bắt lấy. Ở sông này được ba năm thì Hầu cải bổ vào làm việc ở trấn Đồng Luân, Hoan Châu, coi vực Đại Đồng. Ngoài những lúc hầu hạ chân màn, thường lên chơi, tiêu dao ở đây đã nhiều ngày tháng lắm. À, cha con Thiếu Vệ, cha con Lý Chánh, nay vẫn còn cả chứ ? Đều là những người hào trưởng trong làng. Thiếu Vệ có người con gái chết đuối ở đây phải không ?

– Phải.

– Đứa hầu cận của Hầu tôi chính là chồng nó đấy. Long cung hay lấy vợ trên trấn, đó là hành vi của bọn lính tráng, còn các quan cũng một đôi khi lấy, nhưng rất ít. Ở trấn ấy được năm năm, một lần có cánh bè đi mạn ngược xuống, chở kèm thêm bốn cây gỗ chò. Hầu bụng thích những cây gỗ ấy, tung nước lên cho bè đắm. Mấy tên thủy thủ chết oan. Họ kiện đến quan trấn, quan trấn xử Hầu phải đuối về chỗ cũ. Về đến đây, Hầu thả tôi lên. Tôi theo sóng chìm nổi bồng bềnh, bàng hoàng như trong giấc mộng. Người nhà vớt lên, mấy ngày mới tỉnh lại. Làng mây cung nước, đến nay trước mắt còn như thấy rành rành.

Câu chuyện bà già kể rất rành mạch. Đình quân đem chép vào trong quyển gia thư.

Đầm Đông Liệt ở huyện ấy, cách sông khá xa, thuyền bè không đi thông vào được. Tục truyền có con thuồng luồng vuốt ngắn linh thiêng lắm.

Một người lái buôn nước mắm ở Hưng Nguyên, một hôm từ Hoan Châu ra kinh, đỗ thuyền ở bến sông Nhị. Bấy giờ đương mùa hạ, nước to, người lái bán hàng xong, nhưng chưa giong buồm về được. Một hôm, người ấy thấy có ba, bốn người công sai, đem rượu thịt đến cùng mình đánh chén. Tiệc rượu gần vãn, họ lấy ra một phong thư, ghé tai bảo người lái rằng :

– Tôi là quân hầu của thần thuồng luồng đầm Đông Liệt. Thần đi đánh núi Tản Viên, dọc đường bỏ mình, nhờ bác đưa giúp thư này đến vực Đồng Luân hộ.

Người lái văng lời, nhổ thuyền về Nam. Thuyền đi như tên, chốc lát du nghìn dặm, tối hôm ấy đã đến Đồng Luân. Đến đấy, người lái gõ thuyền gọi, thấy dưới nước có tiếng thưa, rồi nhận lấy thư, dặn người lái hãy chờ đấy. Lúc lâu nghe văng vẳng thấy tiếng khóc. Đêm khuya, có hai người lính đội lên một hộp trầu, trong đựng hai mươi lạng vàng đưa tạ ơn. Người lái từ chối :

– Xin cứ phù hộ cho sông nước vững vàng, đã là ban ơn nhiều rồi.

Người lái chỉ xin nhận cái hộp mà trả vàng lại. Từ đấy, đi xuôi ngược giang hồ, một đời không gặp rủi ro gì cả.

TRÚC KHÊ NGÔ VĂN TRIỆN *dịch*

131. NỘI ĐẠO TRÀNG^(*)

Lê triều khi mới trung hưng, việc binh đao vừa yên, tà yêu quỷ quái nổi lên nhiều, dân gian rất khổ sở. Tại làng An Đông, huyện Quảng Xương có người tên là Trần Lộc, vốn làm nghề phù thủy. Một hôm đi qua núi Nưa, nhân ngày hè nắng dữ, Trần Lộc ngồi nghỉ ở dưới bóng cây rậm rạp. Bỗng ở trên đỉnh núi có một ông già đầu bạc phơ phơ, đương đứng ngó xuống lấy nón mà vẫy. Trần Lộc xấn áo đi lên, quá trưa thì lên đến đỉnh núi, phục xuống làm lễ bái yết. Ông già vỗ về rằng :

– Nhà ngươi là người thành thực dốc hậu, Thượng đế khen ngợi, sai ta trao cho những bí quyết.

Bèn ghé vào tai mà bảo cho và nói :

– Đó là những phép Phật thượng không. Nhà ngươi nên siêng năng làm việc tế độ, tòa sen sẽ chẳng xa gì.

Nói xong thì không thấy đâu nữa cả, Trần Lộc trông lên trên không mà vái tạ. Rồi đem những phép ấy ra thử dùng thì đều linh nghiệm, từ đấy nổi tiếng về nghề bùa phép. Người ta gọi Trần là Phật tổ Như Lai, hai con là Tả hữu Tôn Thánh, người đồ đệ giỏi nhất là Tiền quan Tôn Thánh, còn những người khác là Bồ Tát, Kim Cương, Minh Sư, theo thứ bậc thượng, trung, hạ của phép Tam thừa. Nghe núi Mỏ Điều có một con yêu, thường gây tai nạn cho khách qua đường, bèn đến để trị. Con yêu vịn mặc lối cung trang, chiếm giữ trên đầu núi, cùng Tổ sư chống cự ba ngày, không phân thua được. Tổ sư tức lắm phóng một cái quyết lật đổ núi. Yêu hóa làm con quạ bay vút lên trời. Tổ sư lại phóng mấy cái quyết trúng vào mình nó, nó phải sa xuống đất mà chết.

Mười hai cửa bể ở miền Tây Nam, mỗi cửa đều có một thần sóng, thường làm cho nước bốc cao như núi, chốc lát lại tan đi, thuyền bè gặp phải,

(*) Phạm Đình Hổ viết. Nguyên văn : *Nội đạo tràng*.

không tài nào sống sót được. Tổ sư sai đồ đệ đi bán, trừ được chín, còn sót lại ba. Xảy ra việc phải đi trông coi ở Sùng Sơn nên không trừ nốt được.

Bấy giờ vua Lê Thần Tông⁽¹⁾ mắc một bệnh lạ, có người bảo nhân quả tái thế của vua Lý Thần Tông⁽²⁾, trong triều ngoài nội đều lo ngại. Đại nguyên súy Thanh vương⁽³⁾ tính kế, xin vua nhường ngôi cho Thái tử, xưng Thái thượng hoàng, ở cung riêng để dưỡng bệnh. Trải dùng bùa, thuốc trong mấy năm không hiệu nghiệm gì cả. Nghe tiếng Tổ sư, triều đình sai trung sứ đến vời. Tổ sư nghĩ vì cái yêu khí ở vùng Tây Nam mới yên chưa dám rời mà đi vội, cử đồ đệ là Pháp bộ Kim Cương đi thay ; đâm vào ngực mà niệm chú. Hơn một tháng, Thượng hoàng khỏi bệnh, trở lại ngôi rồng, truyền chỉ dựng ra đền thờ Nội đạo để ban khen. Kim Cương trở về, đường qua làng Bồ Vệ, giữa khi người làng đang làm lễ tế thần, Kim Cương đứng đái ở trước đình, bị mấy người trẻ tuổi trong làng tức giận trối lại. Kim Cương nói mãi mới được tha ra, bèn bắt một cái quyết trối rồi đi. Lập tức già trẻ trong đình, ai nấy hai tay chập vào nhau mà ngồi dựa cột, chỗ năm người, chỗ ba người, muốn giằng ra cũng không thể được, cả làng đều kinh ngạc. Có người nói vừa nãy có một thuật sĩ vô lễ, người làng trối rồi tha ra, hay là hấn phản chăng. Cho người đi tìm thì chẳng thấy đâu cả. Việc đến tai triều đình, vua nói :

– Đó là Pháp bộ Kim Cương đấy.

Hỏi đến Tổ sư, Tổ sư sợ, trách mắng Kim Cương, rồi bao nhiêu bài quyết đã trao cho, đều thu lại hết, chỉ còn những bài quyết thỉnh Phật và trừ tà là còn để lưu hành ở đời. Ở vùng Giang Bắc, có một phái gọi là Nội đạo tràng, lấy trọng trị bệnh, đó không phải là phái này.

TRÚC KHÊ NGÔ VĂN TRIỆN dịch

(1) *Lê Thần Tông* (1607 - 1662) : vua thứ sáu và tám nhà Hậu Lê, ở ngôi 1619 - 1643 với các niên hiệu Vĩnh Tộ, Đức Long, Dương Hòa ; và 1649 - 1662 với các niên hiệu Khánh Đức, Thịnh Đức, Vĩnh Thọ, Vạn Khánh.

(2) *Lý Thần Tông* (1116 - 1138) : vua thứ năm nhà Lý, ở ngôi 1128 - 1138, niên hiệu Thuận Thiên và Thiên Chương Bảo Tự. Theo truyền thuyết, Lý Thần Tông là kiếp sau của Từ Đạo Hạnh.

(3) *Thanh vương* : xem Chú thích 2, tr. 54, truyện *Kiếp sau của sư Bật số*, số 59, cùng tập.

132. ANH KẺ TRỘM LÀNG LÂM HỘ^(*)

Chánh lý *Mỗ* làng Lâm Hộ huyện Kim Hoa, vốn xưa là một anh kẻ trộm. Hồi thân phụ ta làm Tri huyện huyện ấy, *Mỗ* lấy tình quen biết cũ đến huyện, kể lại hết những chuyện thiếu thời. *Mỗ* thường cùng *Mỗ* Ất sang ăn trộm ở làng bên cạnh, đêm đi qua rừng, thấy hồi hộp, đến cổng làng bên, chia nhau rình ở cổng làng. Ước chừng nửa trống canh, *Mỗ* chợt nghe thấy tiếng huỳnh huých rất lớn, vội chạy lại xem, một con hổ đương ôm Ất mà ngồi chồm chồm. *Mỗ* nhìn dăm dăm rồi vung tay xông đến đánh trúng trán hổ. Hổ găm lên mà chạy. Ất thì ngã vật ra đất. *Mỗ* đến gần nâng dậy, thấy Ất hơi thở rất yếu, hai má bị cào toạc đến một tắc thịt. *Mỗ* hỏi thì lúc lâu Ất mới nói :

– Khát lắm.

Mỗ tìm loanh quanh thấy dưới một mái nhà có rãnh nước nông, bèn dấp vào áo đem lại vắt rò cho Ất uống. Tỉnh rồi công về, nửa đường thì phương Đông đã rạng. Ất khỏi, *Mỗ* thôi không làm nghề ăn trộm nữa.

Than ôi ! Cứu giúp bạn trong khi nguy cấp mà chẳng tiếc mình, đó là việc làm của những bậc liệt sĩ đời xưa, nay lại thấy ở trong đám kẻ trộm, thật cũng là lạ lắm.

TRÚC KHÊ NGÔ VĂN TRIỆN dịch

(*) Nguyên văn : *Lâm Hộ đạo*.

133. ÔNG LÊ TRÁI^(*)(1)

Ông Lê Trãi thưở tiên triều, hiệu là Úc Trai, nguyên họ Nguyễn. Cha là Phi Khanh làm chức Tự khanh⁽²⁾, người huyện Phụng Nhãn, thiếu thời thích phong thủy, nhân dời mà tổ đến táng ở làng Nhị Khê, huyện Thượng Phúc, rồi làm nhà ở làng ấy.

Ông đỗ Tiến sĩ đời nhà Hồ, làm quan đến chức Ngự sử đài Chánh chương. Nhà Hồ mất, ông theo ông Tự khanh tránh loạn ở Côn Sơn, có câu thơ "*Dạ y Ngưu Đẩu vọng trung nguyên*" nghĩa là theo sao Ngưu, sao Đẩu trông về đất nước. Tấm lòng ưu thời mẫn thế, thường lộ ra ở những câu thơ vịnh.

Bấy giờ, người làng Hoắc Sa ở Sơn Tây là Trần Nguyên Hãn⁽³⁾ làm nghề bán dầu, buổi tối qua làng Thụy Hương, vào ngủ ở đền Hy khang đại vương Lý Ông Trọng⁽⁴⁾. Đêm hôm ấy, nghe thấy vị thần ở làng bên cạnh đến rủ vương cùng lên châu đức Thượng đế. Vương từ chối là nhà có vị Quốc công ngủ trọ. Gà gáy, vị thần ấy đi châu về. Vương hỏi :

– Hôm nay Thiên đình bàn những việc gì ?

(*) Nguyên văn : *Lê công Trãi*.

(1) *Lê Trãi* : tức Nguyễn Trãi (1380 - 1442), người xã Nhị Khê, huyện Thượng Phúc, nay thuộc huyện Thường Tín, Hà Nội. Đỗ Đệ nhị giáp khoa thi Thái học sinh năm 1400. Theo Lê Lợi giúp việc chống giặc Minh. Sau thắng lợi được phong Khai quốc công thần, làm quan đến chức Nhập nội hành khiển Hàn lâm viện thừa chỉ. Bị tru di tam tộc vì vụ án Lê Chi viên (1442). Đến đời Lê Thánh Tông mới được minh oan.

(2) *Nguyễn Phi Khanh* (1356 - 1429) : đỗ khoa thi Thái học sinh năm 1374. Làm quan triều Hồ đến chức Đại lý tự khanh.

(3) *Trần Nguyên Hãn* (? - 1429) : cháu Trần Nghệ Tông, một tướng giỏi của nghĩa quân Lam Sơn, sau kháng chiến thắng lợi xin về nghỉ ; năm 1429 bị Lê Lợi bắt, ông nhảy xuống sông tự trầm.

(4) *Lý Ông Trọng* : người xã Thụy Hương, huyện Từ Liêm, Hà Nội, theo truyền thuyết sống vào thời An Dương Vương, là người khổng lồ từng làm Hung Nô khiếp sợ.

Thần nói :

– Thượng đế nghĩ nước Nam vô chủ, nên có sai Lê Lợi làm vua, Lê Trãi làm tôi.

Trần tình dậy, bèn đi dò tìm được ông, rồi bảo cho ông biết. Ông đến hỏi lại thì chiêm bao thấy vương bảo rằng :

– Việc bí mật ở Thiên đình, không dám tiết lộ. Chị Tiên Dung biết rõ cả đấy. Vả đàn bà nói thì Thượng đế ngại không quả trách. Nên đem một mâm vàng hồ đến lễ mà hỏi.

Ông theo lời, đến cầu bà chúa Tiên Dung, chiêm bao thấy bà gọi mà bảo :

– Lê Trãi ! Lê Lợi làm vua, Lê Trãi làm tôi, nhà ngươi còn chưa biết ư ? Hỏi kỹ thì nói Lê Lợi người Lam Sơn, đất Thanh Hóa.

Ông bèn cùng ông Trần tìm đến, thì thấy Thái Tổ⁽¹⁾ đương mặc áo nâu ngắn, vác bữa xua bò từ ngoài ruộng về. Vào ở mấy hôm, nhân gặp ngày giỗ, Thái Tổ giết lợn làm cỗ. Ông xuống bếp đun nấu. Thấy Thái Tổ cầm dao cắt thịt, vừa cắt vừa ăn, ông bảo riêng với ông Trần rằng :

– Bà Tiên Dung nói dối ta rồi.

Ông bèn đến dền đòi vàng lại. Đêm ấy, bà Tiên Dung lại bảo :

– Lê Lợi làm vua, lệnh chỉ đã định rồi ; chỉ có sao trên trời chưa giáng đấy thôi, sao không ở đấy mà chờ đợi ?

Bấy giờ Thái Tổ đã được quyển binh thư và thanh kiếm thần, đêm nằm đóng cửa đọc sách. Ông nhòm trộm, rồi cùng ông Trần đẩy cửa bước vào. Thái Tổ tuốt gươm xông ra, hai người đều phục xuống nói :

– Chúng tôi đường xa lặn lội đến tìm, chỉ vì mình công là người có thể làm chủ thiên hạ được đấy thôi.

Thái Tổ cười mà lưu lại, mưu việc khởi binh. Ông bảo chưa nên vội. Bèn làm nhà dạy học. Ông chế ra những cái trống con, và nấu mật đặc, nặn hình con gà con chó, cho lũ trẻ làm đồ chơi. Trẻ thấy thế, đua nhau xin cha cho theo học. Ông lại lấy mỡ viết khắp lá cây trong rừng : “*Lê Lợi vì quân, Lê Trãi vì thần*”, nghĩa là Lê Lợi làm vua, Lê Trãi làm tôi. Sau kiến ân mở,

(1) *Thái Tổ* : tức Lê Lợi (1385 - 1433), vua sáng nghiệp triều Lê ; quê Lam Sơn, Thanh Hóa. Năm 1418 khởi binh chống Minh, năm 1427 giải phóng đất nước. Ở ngôi 1428 - 1433, niên hiệu Thuận Thiên.

dục thành nét chữ. Kể đi kiểm củi thấy thế, cho là chuyện thần linh. Người nọ bảo người kia, nhân thế, theo về mỗi ngày một nhiều.

Năm Mậu Tuất (1418) dấy quân, trước sau đánh hơn hai mươi trận. Ông thường tham dự vào quân trưởng bàn tính mưu lược. Năm Bính Ngọ (1426), đánh ở Tuy Đông, quân ta đại thắng, tiến lên uy hiếp thành Đông Đô. Thành Sơn hầu nhà Minh là Vương Thông đóng thành cố giữ.

Năm Đinh Mùi (1427) vua Minh sai An Viễn hầu Liễu Thăng, Kiểm Quốc công Mộc Thạnh cùng tiến sang cứu Đông Đô. Thái Tổ đánh nhau với giặc ở núi Mã Yên, chém chết Liễu Thăng, bắt sống bọn Thôi Tự, Hoàng Phúc, hơn ba trăm người. Mộc Thạnh đương đêm phải chạy trốn. Vương Thông thì mở cửa thành ra hàng. Thái Tổ tha cho được trở về Bắc. Từ đây, hai nước thông hiếu, bao nhiêu giấy tờ đều do ông soạn cả. Khoảng năm Thiệu Bình ông làm bài biểu tạ việc thăng quan, có những câu :

**Viên môn trượng sách, lâm đại tiết nhi bán sinh trung nghĩa tự tri ;
Hổ khẩu điền thân, quyết hòa nghị nhi lưỡng quốc can qua dĩ tức.**

*(Cửa quân hiến kế, đứng trước tiết lớn mà nửa đời trung nghĩa tỏ hay ;
Miệng cọp dán mình, quyết việc hòa nghị mà hai nước can qua yên ổn)*

Đó là những lời đều đúng với sự thực. Vì công lao, ông được ban theo họ nhà vua, trao chức Vinh lộc đại phu, Nhập nội hành khiển, Tri tam quán⁽¹⁾.

Có lần, ông bị lỗi phải hạ ngục, nhưng lại được tha ngay. Dần dần thăng lên đến Tả gián nghị đại phu, kiêm Hàn lâm thừa chỉ học sĩ, tước Tế Văn hầu. Tính ông điềm đạm có chí ẩn dật, thơ tặng bạn có hai câu :

**Thân ngoại phù danh yên các quýnh,
Mộng trung hoa diêu cổ sơn tri.**

*(Gác khỏi ghi công, danh cũng hão,
Giấc mơ rừng suối cổ sơn hay)*

Ông có biệt thự ở Kinh Bắc gọi là Tiêu Viên. Cuối năm Thiệu Bình, ông lên dọ mệnh Bắc triều ở cửa Nam Quan. Bấy giờ vua Thái Tông⁽²⁾ đi

(1) Lược bỏ hai bài văn Nguyễn Trãi thay vua làm tặng các bà phi.

(2) Thái Tông : vua thứ hai triều Lê, tên là Nguyên Long (1423 - 1442), ở ngôi 1433 - 1442, niên hiệu Thiệu Bình và Đại Bảo.

Bắc tuần, ngự giá đến chơi Tiêu Viên, rồi đêm hôm ấy mất. Người ta bảo vợ ông là nàng Nguyễn Thị Lộ đã làm sự thí nghịch, vì thế ông mắc nạn, cả nhà không kể lớn nhỏ đều bị giết.

Khi xưa, trong trận đánh quân Minh ở núi Mã Yên, quân ta bắt được Thượng thư nhà Minh là Hoàng Phúc. Hoàng giỏi xem phong thủy, khi ở nước ta đi xem khắp các kiểu đất, có biên ghi cả. Đến nay, Hoàng bị bắt, vì là kẻ tù binh, nên ông không cần kính trọng. Hoàng cười bảo :

– Mả tổ nhà tôi có xá văn tinh⁽¹⁾, dù có gặp nạn cũng chỉ trong trăm ngày mà thôi ; không như mả nhà ông, có vận tru diệt.

Ông không tin. Sau Hoàng Phúc quả được tha về, còn ông thì vì vợ mà phải tội. Người ta cho là ứng nghiệm.

Nay xét mả tổ nhà ông ở Nhị Khê, huyết táng ở ruộng bằng phẳng, người thì cho là kiểu tướng quân mở cờ, người thì cho là kiểu tướng quân cụt đầu. Về phương Mùi⁽²⁾ có cái gò Rùa, đuôi phản lại. Trong bản *Kiểm ký* của Hoàng Phúc nói rằng : "*Nhị Khê mạch đoán, họa thảm tru di*", nghĩa là mạch huyết Nhị Khê ngắn, có họa tru di thảm khốc, chính là chỉ vào đây.

Đời truyền khi chưa hiển đạt, ông ở làng Nhị Khê dạy học trò, một hôm chỉ cái gò ngoài đồng bảo học trò rằng :

– Ngày mai các anh dọn cái gò ấy để làm nhà học nhé !

Bọn học trò vâng lời. Tảng sáng hôm sau, ông nằm chiêm bao thấy một người đàn bà đến nói :

– Tôi mình yếu mà con còn nhỏ, xin hãy khoan cho ba ngày để tôi được dời đi nơi khác.

Tỉnh dậy, ông ra đồng xem, thấy học trò dọn xong rồi. Họ bắt được hai quả trứng, hỏi thì họ nói :

– Vừa rồi thấy một con rắn, chúng con đánh nó cụt đuôi.

Ông cầm hai quả trứng đem về cất. Đêm hôm ấy, chong đèn đọc sách, thấy một con rắn trắng leo trên câu đầu, nhỏ xuống một giọt máu đúng vào

(1) Văn tinh : sao cứu mệnh.

(2) Phương Mùi : theo cách đặt mộ của các thầy địa lý thì Mùi thuộc phương Khôn, tức là hướng Tây Nam.

chữ "đại"⁽¹⁾ trên trang sách. Vết máu thấm xuống ba tờ giấy. Ông nghĩ ra mà rằng :

– Nó sẽ báo oán ta đến ba đời sau.

Trúng rắn nở được hai con, một dài, một ngắn. Ông sai đem thả xuống sông Tô Lịch ở làng bên ; nay những rắn ấy làm thần sông.

Khi hiển đạt, thường mỗi ngày ở triều đình về, qua phố Hàng Chiếu, ông gặp một người con gái có nhan sắc. Hai bên dùng thơ đùa cợt, rồi ông yêu mến, lấy về làm thiếp. Trong năm Thiệu Bình, người ấy thường vào trong cung cấm. Vua Thái Tông cho giữ chức nữ học sĩ. Khi vua thăng hà, triều đình đem nàng ra tra hỏi. Nàng nói là ông sai giết. Vì thế ông phải tội. Khi ra chịu tội, người con gái ấy hóa làm con rắn, bò xuống nước mất.

Ông có một người thiếp chạy trốn xuống vùng Sơn Nam, ẩn ở nhà người, rồi sinh được một người con trai là Anh Võ. Mãi về sau, nhà chủ mới biết người đàn bà ấy là vợ lẽ ông. Khoảng năm Quang Thuận, vua Thánh Tông lên nối ngôi, thương ông oan, xuống chiếu rửa oan, truy tặng Thái sư Tuệ quốc công. Dò hỏi dòng sau mới tìm được công tử đem về. Lớn lên, Anh Võ làm quan ở đài, ở sảnh, rồi phụng mệnh đi sứ Trung Hoa. Khi qua hồ Động Đình, trên mặt nước xuất hiện một con rắn, rồi sóng gió nổi lên dữ dội. Ông khẩn xin cho làm xong việc nước, sóng gió lặng ngay. Khi đi châu vua Trung Hoa về, đến hồ Động Đình, bị lật thuyền, chết đuối. Sau hết, được truy tặng Thái sư Sùng quốc công⁽²⁾.

Trong năm Cảnh Hưng, làm sổ dân chính, triều đình bàn rút bớt án trạch đối với những công thần khai quốc. Khi xem đến đạo sắc của ông, quan Thị lang Bộ Hộ là Bạng nhân Lê Quý Đôn⁽³⁾ xé đi mà nói :

– Ké loạn thần tặc tử ấy, lại còn cáo sắc gì nữa !

(1) Đại (代) : đời.

(2) Thái sư Sùng Quốc công : theo thế phả họ Nguyễn Nhị Khê thì con Anh Võ là Nguyễn Tổ Trạc, cháu đích tôn Nguyễn Trãi, đỗ Tiến sĩ năm Kỷ Tỵ (1499), làm quan Thừa chính sứ đạo An Bang, đi sứ Trung Quốc, chết đuối ở hồ Động Đình.

(3) Lê Quý Đôn (1726 - 1784) : người xã Diên Hà, huyện Diên Hà, nay thuộc huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình. Đỗ Đình nguyên Đệ nhất giáp tiến sĩ cập đệ đệ nhị danh (Bạng nhân), khoa Nhâm Thân (1752). Giữ nhiều chức vụ, cuối cùng được phong Thượng thư về trí sĩ. Là nhà khảo cứu học thuật uyên bác.

Nói chưa dứt lời thì đã nằm xuống ngủ lịm đi, thấy hai người lính bắt đem đến một nơi, chung quanh có tường bao vây, những cây cổ thụ to đến hàng mười ôm, trên diện có đến mấy chục cái ghế bành, hành lang phía hữu đặt một cái giường, trên giường có một vị quan văn, đội mũ phước đầu, mặc áo hồ phục ngồi, hai bên tả hữu người hầu đứng nghiêm trang. Lính điệu ông Bảng nhãn vào, bắt quỳ xuống dưới thềm. Vị văn quan ngồi trên giường quát lớn :

– Ta là Tế Văn hầu đây ! Nhà ngươi là một gã tiểu sinh sơ học, sao dám can rõ xúc phạm đến bậc huân cụ của tiên triều. Tội đáng chết, không tha thứ được.

Ông Bảng nhãn nín hơi không dám ngẩng mặt lên. Cạnh đấy có một viên, khăn áo chỉnh tề, nài xin hộ. Lúc lâu, Tế Văn hầu mới ngời mà nói :

– Công danh sự nghiệp của ta, cố nhiên không thêm so sánh với nhà ngươi. Duy ngày thường ngươi vẫn lấy khoa bảng kiêu căng, vậy thử về đọc bài *Bình Ngô đại cáo* của ta, nếu văn ngươi có hay hơn thì xé sắc của ta cũng không bắt lỗi.

Tình đây, ông Bảng nhãn vội viết lại đạo sắc như cũ. Các công thần nhân thế không bị rút bớt ân trạch.

Ồi ! Ông là người có công to như thế mà không giữ nổi được mình, con cháu lại bị tru di hầu hết. Chó cỏ, rỗng đất⁽¹⁾ vẫn là mối than chung từ xưa đến nay. Đáng buồn vậy thay !

TRÚC KHÊ NGÔ VĂN TRIỆN dịch

(1) *Chó cỏ, rỗng đất* : đời xưa cúng tế thường tét chó cỏ, nặn rỗng đất để cúng, cúng xong thì vứt đi. Vì thế, người sau thường lấy chó cỏ, rỗng đất để ví người hay vật không được dùng đến nữa. Người ta cũng thường dùng để ví những công thần khi đã đánh dẹp cho nhà vua xong thì bị rẻ bỏ.

134. TƯỢNG GIÀ LAM⁽¹⁾ Ở NGÔI CHÙA NGOÀI ĐỒNG^(*)

Tháng Quý hạ năm Mậu Ngọ (1798) vợ chồng anh Ất người làng Kim Ngưu huyện Văn Giang, cùng nhau gánh rơm, có nát ra đồng để phủ khoai. Buổi trưa bỗng thấy một người đàn ông to lớn, cao hơn một trượng, mặt đỏ như gấc ở trong một ngôi chùa giữa đồng đi ra, lời người đàn bà vào trong chùa. Ất vừa chạy vừa kêu, về đến cổng làng thì người làng kéo ra rất đông, cùng Ất đến ngôi chùa ấy. Mọi người vào chùa, thấy người đàn bà đương đứng dựa cột ở gian bên hữu phía trước Phật điện, mê mết như say, pho tượng Già lam thì sắc mặt thốt nhiên biến đổi, trên tay hữu còn phủ chiếc khăn vuông của người đàn bà. Ai nấy kinh dị, bèn đập đổ pho tượng mà phá hủy đi.

TRÚC KHÊ NGÔ VĂN TRIỆN dịch

(*) **Phạm Đình Hổ** viết. Nguyên văn : *Dã tự Già lam*.

(1) *Già lam* : ở đây là tên rút gọn của *Già lam thần* tức là thần hộ vệ Già lam, hộ pháp. Nguyên *Già lam* là tên rút gọn của *Tăng già lam ma* (Samghàrama), nghĩa là chùa chiến.

135. SÔNG ĐỘC^(*)

Sông Độc ở xứ Sơn Nam, nguồn từ sông Hát chảy ra, là nhánh của sông Phú Lương, chảy đến làng Đốc Tín, huyện Kim Bảng hợp với sông Lương mà thành ra sông Độc. Chỗ ngã ba sông trên có miếu thờ thần sông, vốn linh thiêng lắm. Thuyền buôn qua lại, phải sửa đồ lên lễ, không thì buồm, cột, chèo, lái, chẳng cái gì còn. Giữa sông có cái cột không biết dựng từ bao giờ. Tục truyền người ta có chuyện thề bồi, thường đến ôm cái cột ấy, gian dối thì sẽ bị lời tuột xuống nước. Khoảng năm Cảnh Hưng, chúa Trịnh ngự giá tuần du phương Nam. Khi thuyền qua chỗ ấy, giữa sông bỗng nổi lên một cái bãi. Nước cạn, thuyền không đi được. Chúa sai khơi đào, đào đến đâu lại đầy chốc lát, giữa sông bỗng có hai con rắn xuất hiện, dài hơn một thước, to bằng ống tre, bò ngoằn ngoèo qua cái bãi ấy. Bò đến đâu, cát rẽ đến đấy, nước sông lại đầy như cũ. Chúa thấy linh thiêng, phong cho thần làm bậc Thượng đẳng.

Một người lính thị hậu là *Mỗ* trưng thuế ở làng gần đấy, thường ra sông tắm rồi ngồi ở bên hóng mát, lấy sáo ra thổi, tiếng véo von rất hay. Một hôm, chợt thấy con rắn nhỏ bò đến bên cạnh, ngang nhiên cất đầu lên, mắt đỏ như mặt trời. *Mỗ* bèn đùa :

– Mày muốn nghe ta thổi sáo ư ? Thế thì theo ta về nhà.

Con rắn liền bò vào nằm trong nón *Mỗ*. *Mỗ* đem về đến đình. Trong đình, mọi người đang uống rượu, mời *Mỗ* vào thết đãi. Chiều tối ra về, dọc đường, *Mỗ* đánh rơi cái nón. Con rắn nằm lăn ở đất, không dậy. *Mỗ* giận nói :

– A, mày lại dối với ta à ?

Liền lấy chân dẫm chết.

(*) Nguyễn Án viết. Nguyên văn : *Độc giang*.

Chưa bao lâu, vị hầu tước Quản lĩnh thị hậu ở kinh đô ốm, thuốc thang chữa mãi không khỏi. Người nhà mời thầy phù thủy đến lập đàn thỉnh tướng. Tướng bốc đồng lên nói :

– Hầu ốm không có gì khác, chỉ tại tên *Mỗ* nó giết con thần sông mà nên. Hãy bảo nó đến đền chịu tội. Nếu không, thần giận quá, thì bệnh sẽ không thể khỏi được.

Gọi *Mỗ* đến hỏi. *Mỗ* kể rõ đầu đuôi và nói :

– Tôi làm trái thì tôi chịu lỗi, không dám để lụy đến ngài.

Hầu bèn sắm lễ vật cho *Mỗ* đi lễ. *Mỗ* lấy vải quấn chặt từ rốn xuống đến gối, cài dao nhọn khắp người, lại giấu một con dao sắc. Đến nơi xuống ôm cột. Một lúc tụt xuống nước, nhưng chỉ ngập từ bụng trở xuống. Ước một trống canh, lại ngoi lên, vẫy thuyền. Người nhà *Mỗ* đón coi, thấy tay *Mỗ* đầm đìa những máu. Mọi người đứng xem, sợ toát mồ hôi. Một lúc, *Mỗ* lại ôm cột, nhưng hồi lâu không bị tụt xuống nữa. Bèn lên bờ về. Sáng hôm sau, trên sông vô số những thuồng luồng, ba ba, chết nổi lên, nước sông đỏ ngầu. Rồi viên quan quản kia cũng được vô sự.

TRÚC KHÊ NGÔ VĂN TRIỆN dịch

136. MẸ RANH CÀN SÁT^(*)

Ở khoảng làng Hạ Hội và Thượng Cát thuộc huyện Từ Liêm có một thằng bé, con nhà làm ruộng, tuổi ước lên năm lên sáu, thường nói với cha, xin sang ngủ ở nhà ông ngoại thôn bên. Tối đi sớm về, mấy tháng đã quen lệ thường như vậy. Người chú thương cháu đi lại vất vả, một hôm gặp ông bà ngoại nó ở giữa đường, bèn xin cho cháu ngủ ở nhà. Người bà ngoại giạt mình nói :

– Đã lâu cháu nó có sang ngủ nhà tôi nữa đâu, sao lại có câu chuyện ấy !

Người chú bấy giờ mới biết, không trả lời sao cả. Đến tối, ngấm đi theo thằng bé. Ra khỏi cổng làng, gần đến một cái gò, cây cối rậm rạp, thằng bé gọi :

– Mẹ ơi ! Con đã đến đây.

Người chú ngồi núp ở cái gò bên, rình xem, thấy trong bụi cây có mấy chục đứa bé, đứa cười, đứa khóc, một người đàn bà hai vú dài đến một thước, ôm lấy thằng bé cho nó bú. Thằng bé nói :

– Sớm đi tối đến, chỉ sợ rồi họ biết. Sao mẹ chẳng đem con đi luôn có được không ?

Người đàn bà an ủi :

– Hạn nợ chưa hết, con hãy đợi vài năm nữa. Họ cho con ăn cá chép, ba ba thì chớ có ăn, không thì mẹ sẽ không thể gần con được nữa.

Thằng bé vâng lời, rồi hai mẹ con lại nói chuyện với nhau lào xào. Người chú im lặng, trở về. Đến sáng, mua hai thứ kia nấu chung làm một, gọi thằng bé bảo ăn. Quả nhiên, thằng bé từ chối không ăn. Người chú cố

(*) Phạm Đình Hổ viết. Nguyên văn : *Càn sát quỷ mẫu*.

đề ra đổ vào miệng, đổ tóc cả ra mình nó. Buổi tối, lại dò theo, thấy thằng bé đến cách cái gò độ mấy chục bước, con mẹ ranh cả kinh mà rằng :

– Mày không nghe lời dặn của tao, lại còn đến đây làm gì !

Rồi đuổi, không cho đến. Thằng bé đứng lù lại, khóc. Người chú liền quát lớn thì con mẹ kia phút biến đi. Người chú lại lấy xương ba ba, cá chép vớt khắp bụi cây. Đêm hôm ấy, thấy con mẹ kia đến gõ cửa van xin bỏ hai vật kia cho, nếu không sẽ làm yêu quái. Người chú bất đắc dĩ phải bằng lòng. Sớm hôm sau, dậy ra nhặt vớt hai vật kia xuống nước. Thằng bé từ đấy cũng không hề gì.

TRÚC KHÊ NGÔ VĂN TRIỆN *dịch*

137. THÁNH TÔNG HOÀNG ĐẾ^(*)(1)

Đức Quang Thục Hoàng thái hậu tiên triều thuở hàn vi ngụ tại phía Tây nam nhà Quốc tử giám. Nước hồ bao bọc chỗ nhà ở, các thầy tướng số cho là có khí thiên tử. Bà thường vì họ hàng mà đi lại với các bà phi tần ở trong cung, vua Thái Tông⁽²⁾ trông thấy yêu thương đến, về nhà bèn có mang. Đúng kỳ sinh ra được một người con trai, thiên tư tuyệt lạ. Thuở nhỏ người con trai theo mẹ ở lẫn trong đám dân chúng, nổi tiếng về văn học. Vua Thái Tông nghe tiếng vời vào, phong cho tước vương. Đến sau nhân khi Lê Đức hầu⁽³⁾ bị phế, các đại thần đón vị vương này lập lên làm vua, đó là vua Thánh Tông. Vua theo chỗ ngôi nhà ở cũ của Thái hậu, dựng ra toàn điện Huy Văn⁽⁴⁾, bên cạnh dựng ngôi chùa Dục Khánh⁽⁵⁾.

Khi trước Thái Hậu có mang, chiêm bao đến chỗ Thượng đế, thấy Thượng đế sai một vị tiên đồng giáng thế, làm vua nước Nam, và sai một ngọc nữ xuống để sánh đôi. Tiên đồng không vàng chỉ ngay, Thượng đế giận, ném hòn ngọc khuê làm xây xát ở trán. Tiên đồng dập đầu lạy tạ, xin ban cho một người giúp việc. Thượng đế chỉ một viên trong ban sai theo đi giúp. Viên ấy cố từ. Ngài hảy vào vai không cho từ. Lúc bừng tỉnh giấc thì sinh ra vua Thánh Tông, vết ngọc khuê ở trên trán hãy còn rõ rệt.

Khi đã lên ngôi báu, vua tôn bà mẹ lên làm Hoàng thái hậu. Thường dò tìm người trong chiêm bao không gặp, lòng vẫn không vui. Khoảng đầu

(*) **Phạm Đình Hồ** viết. Nguyên văn : *Thánh Tông Hoàng đế*.

(1) *Lê Thánh Tông* (1442 - 1497) : vua thứ năm nhà Lê, ở ngôi 1460 - 1497, niên hiệu Quang Thuận và Hồng Đức. Ông là người đã minh oan cho Nguyễn Trãi, và được coi là bậc vua sáng triều Lê.

(2) *Thái Tông* : xem Chú thích 2, tr. 226, truyện *Ông Lê Trãi*, số 133, cùng tập.

(3) *Lê Đức hầu* : tức Nghi Dân, con cả Lê Lợi nhưng không được nối ngôi nên đã cướp ngôi Lê Nhân Tông (1459).

(4), (5) *Điện Huy Văn*, *chùa Dục Khánh* : nay thuộc khu vực Văn Chương, Khâm Thiên, Hà Nội.

niên hiệu Thái Hòa, Tế Văn hầu Nguyễn Trãi⁽¹⁾ phải tội, có người con gái bị bắt vào nhà quan, sung vào hàng gái nữ nhạc. Người con gái ấy tư sắc tuyệt đẹp, tuổi đã mười bảy, mười tám mà vẫn không biết nói.

Đến nay theo đồng bạn vào cung hầu yến, vì cảm nên chỉ ngồi gõ phách. Khi vua bước lên ngự tọa, người con gái bỗng cầm phách hát, tiếng vang lanh lảnh, phảng phất như khúc điệu *Quân thiên*⁽²⁾. Vua lấy làm lạ hỏi, thì người con gái nói năng di đứng, giống hệt người ngọc nữ trên chỗ Thượng đế, bèn thu nạp vào hậu cung, sách lập làm Trường Lạc Hoàng hậu.

Khoa Quý Mùi (1463) niên hiệu Quang Thuận thứ tư ngày truyền loa về kỳ thi Đình, Trạng nguyên Lương Thế Vinh⁽³⁾ vào bài yết, hai vai hơi lệch không được ngay ngắn. Vua kinh dị, sai vào bài yết Hoàng thái hậu, Thái hậu nhớ lại mộng cũ thì thấy hình mạo Lương rất đúng. Hai cung đều rất vui vẻ. Vua bèn trao cho Lương làm chức Hàn lâm thị độc, dự vào hàng hai mươi tám ngôi sao của Tao đàn. Những thơ văn xướng họa, có chép ở trong các tập *Thiên Nam dư hạ* và *Bình Nam chí chương đồ*.

Chùa Dục Khánh sau làm ra chùa Hoa Văn. Điện ở phía tả, thờ thần khám đức Quang Thục Hoàng thái hậu. Khoảng năm Dương Đức đời Trung hưng, Tây cung Hoàng thái hậu chữa lại chùa Khán Sơn⁽⁴⁾ phía hữu chính điện thờ ngự dung đức Thần Tông⁽⁵⁾ Uyên Hoàng đế. Hồi vạc đổi trở về sau, chùa Khán Sơn đổ nát, ngự dung thiên đến chùa Dục Khánh, nay ở gian hữu nếp tiền đường, có người lầm bảo là tượng đức Thánh Tông⁽⁶⁾.

TRÚC KHÊ NGÔ VĂN TRIỆN dịch

(1) *Nguyễn Trãi* : xem Chú thích 1, tr. 224, truyện *Ông Lê Trãi*, số 133, cùng tập.

(2) *Quân thiên* : khúc nhạc trời, du dương đầm ấm.

(3) *Lương Thế Vinh* (1441 - ?) : người thôn Cao Hương, huyện Thiên Bản, nay là thôn Cao Phương, xã Liên Bảo, huyện Vụ Bản, tỉnh Nam Định. Đỗ Trạng nguyên khoa Quý Mùi (1463), nổi tiếng thần đồng, làm quan đến chức Hàn lâm viện Thị giảng chương viện sự.

(4) *Chùa Khán Sơn* : ở phía Tây Bắc thành Thăng Long.

(5) *Thần Tông* : xem Chú thích 1, tr. 222, truyện *Nội đạo tràng*, số 131, cùng tập.

(6) Cuối truyện có lời chú thích : Người con gái hát rằng :

*Hẹn nhau từ thuở thiên đình,
Lòng nào nữ phụ tâm tình thế ru ?*

Ngoài ra còn có một bài thơ đề tặng của tác giả. Nhưng có những bản sao không có phần này. Chúng tôi lược bỏ.

VŨ TRUNG TÙY BÚT

雨中隨筆

Tác giả : Phạm Đình Hổ 范廷琥 (1768 - 1839). Tự Tùng Niên 松年, Bình Trực 秉直, hiệu Đông Dã Tiều 東野樵, người làng Đan Loan 丹鸞, huyện Đường An 唐安, nay thuộc tỉnh Hải Dương. Đỗ Sinh đồ (Tú tài) năm 1807. Năm 1821, Minh Mệnh ra Bắc, triệu ông đến yết kiến và bổ chức Hành tẩu. Ít lâu sau ông xin từ chức. 1827, Minh Mệnh lại triệu ông vào Huế trao chức Thừa chỉ Viện hàn lâm, Tế tửu Quốc tử giám kiêm Thị giảng học sĩ. Một thời gian sau ông lại xin hưu về nhà dưỡng bệnh. Ông mất năm 71 tuổi.

Tác phẩm chính :

- Càn khôn nhất lãm 乾坤一覽
- Nhật dụng thường đàm 日用常談
- Hy kinh trắc lãi 義經測蠡
- Đông Dã Tiều thi tập 東野樵詩集
- Tùng trúc liên mai tứ hữu 松竹蓮梅四友
- Tang thương ngẫu lục 桑滄偶錄 (viết chung với Nguyễn Án).
- Vũ trung tùy bút 雨中隨筆

Sách gồm 1 lời Tự thuật và 2 quyển (các ký hiệu VIIv. 1466/1-2 ; A.154 ; A.1297 ; A. 2312) là các mẫu truyện ký, hồi ức viết dưới dạng tùy bút, nội dung tập trung vào ba chủ đề chính :

1. Truyện về đất đai, phong tục, biến thiên qua các thời đại từ Lý đến Lê ; 2. Đời sống xã hội nước ta dưới thời Lê mạt ; 3. Phong cảnh thiên nhiên và thú thưởng ngoạn thiên nhiên, v.v...

Dưới đây chúng tôi chọn 3 truyện, dựa theo bản dịch của Trúc Khê Ngô Văn Triện. Nhóm biên soạn có đối chiếu với nguyên văn để hiệu chỉnh những chỗ lầm lẫn.

138. CÁ VOI^(*)

Ông Nguyễn Tông Trình⁽¹⁾ làm Đốc thị tỉnh Nghệ An, lúc mới đến nhậm chức, có một con cá voi chết ở bờ biển, dài hơn một trăm thước, bề ngang cũng xứng với bề dài, quan địa phương lên trình ông biết. Ông liền cùng với đồng liêu đến nơi làm bài văn tế. Vài năm sau, có một đồng tử, dung mạo đẹp đẽ, độ mười bốn, mười lăm tuổi, mặc áo học trò, đến cửa nhà môn hồi thăm anh Nguyễn Tông Trình có ở nhà không. Người canh cửa đuổi đi, mắng :

– Đứa trẻ miệng còn hơi sữa nào đó dám nói hỡn đến trưởng quan, không đi ngay thì ta đánh cho bây giờ, hỏi han gì ?

Đồng tử liền rũ tay áo cười mà rằng :

– Ta nhớ bạn cố nhân nên chẳng quản xa xôi đến hỏi thăm, không gặp thì ta đi, làm gì mà thét lác thế !

Người canh cửa lấy làm lạ, liền vào bẩm quan. Ông Trình chỉnh tề áo mũ, nghiêm trang ra đón. thì đồng tử đã đi xa rồi. Ông liền sai nha dịch chạy theo, cố mời mãi mới trở lại. Vào ngồi yên đầu đấy, đồng tử cười bảo ông rằng :

– Bấy lâu cách biệt, vẫn nhớ huynh ông, mà huynh ông không nhớ đến cố nhân ư ?

Ông tạ lỗi là hay quên, rồi bày rượu ngồi nói chuyện. Đồng tử búi ngồi nói :

– Tôi với anh đều ở trên Thiên tào, bị trích giáng xuống đây. Anh thì sinh ra trên cõi đời, làm nên khoa giáp, không đến nỗi biến mất cái bản lai

(*) Nguyên văn : *Nhân ngư*.

(1) *Nguyễn Tông Trình* (1723 - ?) : người Tả Thanh Oai, huyện Thanh Oai, phủ Ứng Hòa, nay thuộc huyện Thanh Trì, Hà Nội. Đỗ Đệ tam giáp đồng tiến sĩ xuất thân năm Cảnh Hưng thứ mười lăm (1754), làm quan đến chức Đông các hiệu thư.

diện mục. Không như tôi từ khi bị khiển trách, ở lẫn trong loài chim cá, bụi hồng bẽ khổ, chỉ làm cho đời người thêm buồn bã mà thôi.

Hỏi kỹ thì đồng tử kể lại rằng :

– Tôi lúc mới bị trích xuống thì làm chim khướu, tính khôn mà hát hay, gặp được anh chàng ăn chơi ở chốn đô thành bỏ ra món tiền lớn mua về, sớm tối làm cảnh, ví như ngọc củng bích. Phải như thế đến hơn mười năm, lắm lúc muốn lột bỏ da lông mà thác đi cho rồi. Song nghĩ chưa được mưu kế gì. Một bữa kia sổ lông bay ra. Khi ấy, chủ nhân đang pha chè đãi khách, ấm chuyên chén mẫu tử giá đến hàng trăm bạc. Tôi bay lên chỗ chiếu khách ngồi, nhảy nhót, sà ngay vào bộ chén, vỡ tan. Chủ nhân nổi giận lấy xe điều đập chết. Song Thượng đế bảo tôi bị trích giáng chưa mãn hạn, nên lại bắt xuống làm kiếp cá voi. Được ba năm, tôi nghĩ mà tức giận nhục nhằn, mới nhân thủy triều ngoi lên bờ nằm phơi vảy ra đầy mà chết. Khi ấy, anh cùng với bạn đồng liêu đến thăm, làm văn tế tôi ; hiềm rằng đời đường u hiển khác nhau, không được cùng nhau nói chuyện. Đến khi đọc bài văn tế của anh, thì nghe ra linh cơ diệu tứ rất hay. Nay nhờ Thượng đế cho mãn hạn trích giáng, được vào nơi hang núi tu hành để rồi lại bỏ chức cũ. Tôi sắp được về châu Thượng đế, nên lại chơi cáo biệt với cố nhân ; ngày khác gặp nhau ở nơi tử phủ thanh đô, cũng chẳng bao lâu nữa.

Ông nhân mời nghỉ lại chơi, hỏi về bước đường đời của mình sau này thế nào, thì những điều ấy đồng tử không chịu tiết lộ. Sớm hôm sau, đồng tử từ biệt ra đi, ông chỉnh tề khăn áo đi tiễn. Vừa ra khỏi cửa, đã không thấy đâu nữa. Chẳng bao lâu sau, ông cũng mất tại chức.

TRÚC KHÊ NGÔ VĂN TRIỆN dịch

139. THÁC OAN^(*)

Ông Giám sinh Nguyễn Doãn Mật là người Thọ Cầu, huyện Duy Tiên, từ khi nhà Lê mất, vẫn ở nhà dạy học. Ông có cái nhà tranh năm gian, đầu phía Đông là phòng vợ chồng người con trưởng, tên là Doãn Bạt ở. Gian phía Tây là phòng của vợ chồng người em Doãn Bạt. Ba gian giữa là nơi ở của vợ chồng ông Giám sinh và lão mẫu. Doãn Bạt lấy vợ đã lâu, nhưng hai vợ chồng vẫn khùng khỉnh không hòa thuận, người vợ có khi bỏ về nhà cha mẹ đẻ đến hằng tháng. Doãn Bạt thì sang dạy học một làng nhỏ bên kia sông, khi về thăm nhà, chỉ vài ngày lại sang trường học. Người vợ thường lúc vắng mặt, nói ra giọng oán giận chồng. Vợ chồng ông Giám sinh cũng không làm thế nào được.

Năm Tân Dậu (1741), em thứ Doãn Bạt cưới vợ ; hai vợ chồng người em tương đắc với nhau. Một hôm, người em thấy lẫn một cái áo lót của Doãn Bạt trong buồng vợ, liền đem trả. Ông Giám sinh bụng lấy làm nghi, nhân lúc vắng người, gọi Doãn Bạt vào trách mắng sao không biết giữ ý tứ ; cổ nhân ở dưới gốc mận không sửa mũ, trên ruộng dưa không xỏ giày, là sợ người nghi kỵ. Doãn Bạt hết sức biện bạch là không có thể, tức về nỗi không viện được chứng cứ gì tỏ oan, uất ức mãi thành bệnh tâm thần, cứ chỉ ngón ngón lẩm lúc mê sáng thất thường. Một hôm, Doãn Bạt đến nhà cậu kể lẽ sự tình, nói sắp liều mình tự tử để bộc bạch nỗi oan. Cậu mắng là nói càn. Sáng sớm hôm sau, Bạt cáo từ cha sang trường học. Ra đến bến đò Lê Xá ở cạnh làng, Bạt vào nhà một người quen hỏi mượn dao, người nhà biết Bạt có tính điên không cho mượn. Doãn Bạt bỏ đi, cắn ngón tay trở chảy máu, rồi lấy cái tấm tre thấm máu viết vào gốc cây gạo bên bờ sông mấy chữ rất to :

(*) Nguyên văn : *Uống thác*.

Nhân mạng dư tri uống đoạn trường,

Thử oan tu tố dữ Vân Trường.

(Đứt ruột oan này ai tố tường ?

Tố oan xin hãy đến Vân Trường)

Đề xong, gọi dò sang sông, đến giữa dòng nhảy tùm xuống. Người lái dò vội vàng cứu vớt, không kịp, liền chạy về báo tin cho người cha thuê các nhà thuyền chài mò. Mãi đến chiều tối mới mò thấy Bạt ở giữa lòng sông sâu, người vẫn ngồi xếp bằng tròn. Vớt lên, sắc mặt như lúc sống, chỉ có đầu ngón tay bên phải thì thấy cắn giáp nát ra. Ông Giám sinh khóc lóc thương xót, rồi sai người liệm chôn. Những chữ máu viết ở gốc cây gạo to bằng bàn tay, cứ lúc bóng mặt trời chiếu vào thì sắc huyết đỏ hừng lên. Người ở gần đấy sợ đến tai quan, đem rửa cạo đi, lâu mãi mới sạch.

Ta nghe chuyện trên, lấy làm quái lạ. Sau gặp người con trưởng quan Lý Tư Giảng⁽¹⁾, người Lê Xá, mới hỏi kỹ lại, đều hợp với điều mình nghe. Hỏi lại duyên cớ thì có người bảo : cái áo lót ấy là người em dâu cất nhâm. Hoặc có người bảo vợ Bạt cố làm ra thế ; không biết có phải không ? Ôi ! người đời, những kẻ mũ cao áo dài, đứng ngồi chừng chặc, mồm đọc sách thánh hiền, vẫn chen vai trong hàng mũ áo không phải là ít. Ngày thường vô sự không ít kẻ tự nhận là bậc đạo học, tự đắc là người danh giáo ; gặp phải sự biến, một mất một còn, một sống một chết, thì thường tiến thoái hồ đồ, mất cả sở cứ. Doãn Bạt là một anh chàng thiếu niên sơ học, thế mà không chịu cái tiếng loạn luân làm như bản danh dự, đành cam gửi mình trong bụng cá, người đời há có phải dễ xét đoán đâu !

TRÚC KHÊ NGÔ VĂN TRIỆN dịch

(1) Lý Tư Giảng : chưa rõ là ai.

140. THẦN HỒ ĐỘNG ĐÌNH^(*)

Hoàng Bình Chính⁽¹⁾, người làng Thổ Hoàng, huyện Thiên Thi, làm chức Tả mặc ở Ty Thừa chính, trấn Sơn Tây, đỗ Tiến sĩ năm Ất Mùi (1775) đời Cảnh Hưng, làm quan chức Hàn lâm. Khi ấy, nhà ở phường Hà Khẩu. Ông hay mộng thấy một mỹ nhân ăn mặc lối cung trang lịch sự, thường thường đến chơi, ân ái với nhau như vợ chồng trong một nhà. Lúc đầu, ông còn nghi là yêu tinh, về sau thấy thân thể vẫn mạnh khỏe, đi lại như thường, nên cũng chẳng lấy gì làm quái lạ. Không bao lâu, bà phu nhân mắc bệnh, lúc tăng lúc giảm thất thường, hình như bị ma làm. Khi ấy ông mới sai người đến Vạn Kiếp cầu đảo ở đền Hưng Đạo Vương, đổi lấy cái chiếu thờ trong đền đem về trải vào giường cho phu nhân nằm, thì thấy bệnh hơi bớt. Nhưng không bao lâu lại vẫn như cũ. Đêm ông lại mộng thấy mỹ nhân đến bảo rằng :

– Thiếp không phải là loài yêu ma, Hưng Đạo Vương làm gì được thiếp ; thiếp để cho hơi bớt như thế là nể cái thể diện nhà vua đó thôi. Tuy vậy, bệnh phu nhân cũng sắp khỏi đấy. Sang tháng thì có mệnh nhà vua bổ ông xuống làm Hiến sát ở Hải Dương, thiếp xin đi theo để nâng khăn sửa túi.

Sau đó, quả nhiên ông được bổ đi Hiến sát Hải Dương. Đêm sau nữa, chùng vào độ gà gáy, thì bà phu nhân gọi người con trai cả là Liễn đến bảo rằng :

– Đêm qua ta mộng thấy một mỹ nhân như bà cung phi ở trong nội đường, thị tỳ hầu hạ rất đông, đang sai soạn sửa hành trang đi Hải Dương, có kẻ hỏi có lưu người nào lại ở giữ nhà không, bà mỹ nhân ấy bảo cho đi cả. Ta chợt tỉnh dậy. Có lẽ bệnh sắp khỏi, nay đã muốn ăn, con nên bảo đem cháo vào đây.

(*) Nguyên văn : Động Đình hồ thần.

(1) Hoàng Bình Chính (1736 - 1785) : người xã Thổ Hoàng, huyện Thiên Thi, nay thuộc tỉnh Hưng Yên. Đỗ Đệ tam giáp đồng tiến sĩ xuất thân khoa Ất Mùi (1775). Làm quan đến chức Hàn lâm viện hiệu lý.

Công tử cứ theo như lời, bệnh phu nhân quả nhiên khỏi. Năm Quý Mão (1783) triều đình lại sai ông sung chức Chánh sứ sang tạ ân vua Trung Hoa. Đêm hôm sắp sửa sang đồ, phu nhân lại mộng thấy mỹ nhân từ trong nhà ra, lên xe bảo những kẻ theo hầu rằng :

– Lần này đi thì tướng công và ta sẽ lưu lại ở bên Trung Hoa, chứ không về nước Nam nữa.

Đêm ấy ông trẩy sang ngủ ở trạm Gia Quất, chợt mắc phải bạo bệnh, mê man ba ngày bất tỉnh nhân sự. Về sau hơi tỉnh, ông cho mời người anh vào kể chuyện giấc mộng lâu nay, và nói :

– Đêm qua em có mộng thấy người mỹ nhân tới bảo cho biết việc kiếp trước rằng : "Ông tiên thân là thần đền Túc Duyên núi Biển Sơn, hồ Động Đình, nguyên vẫn có túc duyên với thiếp. Từ khi ông giáng thế, thiếp phải ở một mình, không đủ tiền chi dùng, đến nỗi phải sai thị tỳ đi bán hoa lấy tiền son phấn. Nay việc nước không thể vãn hồi được nữa rồi, ông đã mãn hạn trích giáng, sao lại không sắp sửa về chốn cũ ?". Em mới từ chối bảo rằng dương bản việc vua, hãy để cho đi xong việc trở về phục mệnh đã. Mỹ nhân bảo rằng : "Nếu như vậy thì lại còn phải ở một năm nữa. Nhưng nếu ông đã muốn trở về phục mệnh, thì thiếp cũng không cưỡng đón ông về vội. Sớm mai có người đem biếu chim đây, cứ đem mà ăn thịt thì khỏi". Em nghe nói rồi chợt tỉnh dậy, nghĩ rằng đến ngày hoàn tất việc triều cận chưa chắc đã về được đến kinh thành, nên phàm việc gì đều nhờ anh lo liệu cho cả.

Lại sai công tử đặt lễ tế khấn thần chính khí đền Túc Duyên và vị Công chúa, cầu giúp cho mình xong việc nước. Như lời hẹn trong mộng, sáng hôm sau, quả nhiên thấy dân xã Lỗ Khê đem cho vịt le và chim sẻ vàng ; ông liền sai đem nấu ăn thì bệnh lại khỏi.

Khi sang đến Trung Hoa, qua hồ Động Đình ghé thuyền vào dưới núi Biển Sơn, ông sai người đem vàng hương lên núi để cúng khấn, thì thấy trên núi có một cái miếu, biển đề năm chữ : "Biển Sơn Túc Duyên từ". Bên cạnh có thờ bài vị Công chúa, giống như điều được báo trong mộng. Đêm ấy thuyền đi vào sông, ông mộng thấy có một thị tỳ đến nói xin biếu hai con cá chép. Sáng mai thuyền ra đến giữa dòng, thì thấy có cá chép nhảy lên thuyền, bắt được hai con.

Năm Giáp Thìn (1784) ông trở về Nam, khi qua núi Biển Sơn, thì nước lớn gió dữ, thuyền không ghé vào đâu được. Chợt lại nổi cơn giông gây cả cột buồm, thuyền bị mắc cạn suýt nguy, nhưng may sau lại qua khỏi.

Ông bèn đổi thuyền khác đi về đến thành Lạng Sơn. Đêm hôm ấy lại mộng thấy mỹ nhân đến báo tin mừng rằng :

– Việc nước đã xong rồi đấy.

Ông cố xin cho về đến nơi để phục mệnh vua trước đã. Bởi vậy đêm ấy đã nổi bệnh đau, lại khỏi. Đến năm Ất Ty (1785) ngày 29 tháng Giêng, ông về đến kinh đô phục mệnh, quá trưa thì mất. Chuyện này ta được nghe con trai cả ông nói lại như vậy.

Các bậc tiền bối chúng ta thường trước là thần bên Trung Hoa, phần nhiều lại là thần ở Động Đình, như chuyện ông Nguyễn Trọng Vĩ⁽¹⁾ ta đã chép ở trong sách *Tang thương ngẫu lục*, cùng với chuyện Hoàng công có cái nhân duyên kiếp trước. Trên đây đều là chuyện quái lạ cả.

Ta lại thường nghe chuyện khi xưa Nguyễn Thế Khải⁽²⁾ đã mất rồi, có ông bạn đồng niên đi sứ sang Trung Hoa, sắp qua hồ Động Đình, đêm cũng nằm mộng thấy ông Nguyễn Thế Khải bảo rằng :

– Tôi là thần ở Động Đình, ngày mai ở trong hồ này có trận phong ba tiểu kiếp, khuyên ông đừng buông thuyền ra đi vội.

Khi tỉnh dậy, ông mượn cớ dừng thuyền lại. Quả nhiên ngày hôm ấy trong hồ có nổi phong ba. Ý chừng hồ Động Đình với nước ta, từ đời Kinh Dương Vương⁽³⁾ trở về sau, vẫn là một nơi hữu nghị với ta, vậy cái nhân quả thần với người tuần hoàn đi lại, dù non sông cách trở cũng không thể ngăn trở được chăng ? Song những chuyện ấy không thể lấy thường tình mà ước đoán được.

Đấng tiền đại cữu ta là Thượng thư công, khi xưa làm chức Lại thị đồ đài sung làm Chánh sứ Công bộ năm Đinh Dậu (1777). Khi ấy ông đã ngoài sáu mươi, làm quan trong triều đã hơn bốn mươi năm, cứ như lệ cũ thì không phải đến lượt đi sứ nữa. Vậy mà trong triều không biết duyên cớ làm sao, chợt Trịnh Thịnh vương⁽⁴⁾ đòi ông vào Trung Hòa đường, mật đưa cho ông một tờ biểu sai sang sứ Trung Hoa cầu phong Phó quốc vương, và bảo rằng :

– Sau khi xong việc thì cùng được hưởng phúc.

(1) Tức chuyện ông Nguyễn Trọng Thường, viết nhảm. Xem truyện số 128, cùng tập.

(2) *Nguyễn Thế Khải* (1709 - ?) : người xã Nhân Lý, huyện Thanh Lâm, nay thuộc Hải Dương, đỗ Đệ tam giáp đồng tiến sĩ xuất thân năm Vĩnh Hựu thứ hai (1736), làm quan đến Hữu thị lang Bộ Hình.

(3) *Kinh Dương Vương* : theo truyền thuyết là ông vua khởi thủy của Việt Nam.

(4) *Thịnh vương* : tức Trịnh Sâm, ở ngôi chúa 1767 - 1782.

Ông biết ý chúa Trịnh đã quyết nên không dám chối từ. Tháng Sáu năm Mậu Tuất (1778), thuyền qua hồ Động Đình ông chợt mắc bệnh, bèn mời quan Phó sứ là Hồ Sĩ Đống⁽¹⁾ và Nguyễn Trọng Đăng⁽²⁾ tới dặn bảo mọi công việc, và làm tờ khải, tờ bẩm để lại. Ông lại đưa tờ mật biểu của Trịnh chúa đốt trước mặt hai quan sứ thần, và ngày mồng 10 thì mất ở trên thuyền. Ông có dặn lại dùng liệm ông bằng thủy ngân. Hồ công có thơ viếng rằng :

**Hoàng hoa lưỡng độ phú tư tuân,
Uyên đức kỳ niên cánh kỷ nhân.
Cộng tiền bang giao nhàn ngọc bạch,
Chứng tri tiên cốt lịch phong trần.
Sinh sô lệ sái đồng chu khách,
Tái bút danh quy tuần quốc thần.
Trù trưởng thái hồ thu nguyệt sắc,
Dạ lai do chiếu ốc lương tân.**

*(Mấy độ hoàng hoa sứ nước người,
Tuổi cao đức tốt ấy kia ai ?
Bang giao những tường ngọc ngà đẹp,
Tiên cốt nào hay gió bụi phơi.
Giọt lệ đồng châu đưa một lễ,
Tấm thân tuần quốc tiếng muôn đời.
Trăng thu mơ tưởng trên hồ họ,
Thấp thoáng dấu nhà bóng lẫn soi)*

Bài thơ đó cũng là vì một cơ gì mà nói ra vậy. Sau này người làng thường mộng thấy ông từ bên Trung Hoa trở về, quần lính rậm rịch, những kẻ hầu hạ đều mặc áo Trung Hoa cả.

TRÚC KHÊ NGÔ VĂN TRIỆN dịch

(1) Hồ Sĩ Đống (1739 - 1785) : người xã Hoàn Hậu, huyện Quỳnh Lưu, Nghệ An, đỗ Đình nguyên Đệ nhị giáp tiến sĩ xuất thân (Hoàng giáp) khoa Nhâm Thìn (1772), làm quan đến Đồng tham tụng.

(2) Nguyễn Trọng Đăng (1724 - 1786) : người xã Trung Cẩn, huyện Thanh Chương nay là xã Nam Trung, huyện Nam Đàn, Nghệ An, đỗ Đệ tam giáp đồng tiến sĩ xuất thân năm Kỷ Sửu (1769), làm quan đến Đốc trấn Lạng Sơn, tước Lạp Sơn bá. Sau vào trấn thủ Thuận Quảng, từ trần khi Tây Sơn vây Phú Xuân, được truy phong Hữu thị lang, tước hầu.

TÂN ĐÌNH HIỆU BÌNH VIỆT ĐIỆN U LINH TẬP 新訂校評越甸幽靈集

Tác giả : Gia Cát Thị 諸葛氏, chưa rõ tên thật và tiểu sử. Qua lời dẫn ở đầu sách, ta chỉ biết Hồng Đô Gia Cát Thị giữ chức Chủ hạ Bộ Lễ. Theo Đình Gia Khánh, Gia Cát Thị có thể chỉ là hiệu của một người tự ví mình với Gia Cát Lượng mà thôi.

Sách viết bằng chữ Hán (ký hiệu A.335) dày 155 tờ, khổ 32 × 22, có một tựa của Lý Tế Xuyên 李濟川, một lời dẫn của Gia Cát Thị và 41 truyện, chép truyền thuyết về các vị thần linh ở nước ta. Lời dẫn của Gia Cát Thị viết năm Giáp Ngọ, đời Lê Cảnh Hưng, tức năm 1774, nói rõ ông tìm được văn bản của Lý Tế Xuyên vào năm Quý Hợi (1743) và cất công tu chỉnh lại. Vậy có thể đoán sách này được hoàn thành trong khoảng 1743 - 1774, chủ yếu dựa trên cơ sở Việt điện u linh tập của Lý Tế Xuyên mà gia công, thêm thắt. Sách gồm bốn quyển gắn với các đề mục sau :

- Q. 1 : Lịch đại nhân quân (8 truyện)*
- Q. 2 : Lịch đại nhân thần (11 truyện)*
- Q. 3 : Hạo khí anh linh (12 truyện)*
- Q. 4 : Tinh tú vĩ tích (10 truyện)*

Q. 4 là phần do Gia Cát Thị thêm vào. Ở ba quyển đầu ông cũng bỏ đi một số truyện, sắp xếp, sửa chữa hoặc viết hẳn lại những

truyện vốn có trong sách của Lý Tế Xuyên khiến cho những truyện này có tình tiết tỉ mỉ, lời văn xúc cảm, hình tượng nhân vật được tô đậm hơn, ngoài ra ông cũng thêm vào một số truyện mới. Mặc dù vậy, xu hướng lịch sử hóa các truyện dã sử của tập sách vẫn rõ hơn xu hướng truyền kỳ hóa, do đó dưới đây chúng tôi chỉ chọn 1 truyện, do Lại Văn Hùng dịch, Nhóm biên soạn hiệu đính.

141. ĐỀN THỜ THẦN HỌ BỒ NÚI VĨNH LÂM^(*)

Thần vốn là hùng khí của tỉnh núi Vĩnh Lâm. Xưa, thời Khúc Tiên chúa⁽¹⁾ thiên hạ loạn lạc vừa yên, trăm họ dần trở lại nghiệp cũ, ruộng nương đều được khai khẩn, lúa má được mùa, bắt đầu có phong khí của một cảnh tượng thái bình.

Trước đó ở châu Hoài Lăng⁽²⁾ có một dãy núi nổi tiếng tên là Vĩnh Lâm⁽³⁾, thứ lớp trùng điệp, cao vút đến tận trời xanh, những cây bách cổ, tùng già bóng rợp um tùm. Đây là nơi sản sinh nhiều cáo chồn, thú dữ, vì thế tí tắp ngàn dặm tịnh không thấy một làn khói bếp. Bấy giờ, có một người họ Nghiêm, ông cha xưa vốn ở dưới chân núi, trước đây vì nạn binh hỏa phải bỏ đất di biệt. Đến đây nghe triều đình khéo sửa sang chính trị ông bèn đốc suất dân làng trở về quê cũ. Nhưng khi về chỉ thấy cỏ gai rậm rạp, cây cối tiêu điều, dấu thỏ, hang chồn và vết tích các loài cầm thú. Mọi người bèn cất tranh lập điểm, dựng nhà cửa, đặt địa giới, cất công tu chính vài năm mới dần dần ổn định. Sau đó, người làng ở các nơi xa cũng lục tục trở về. Ngày tháng trôi qua, phong vật đã phồn thịnh, xóm núi trở thành một ấp lớn như một nơi đô hội. Thời gian đã được mấy chục năm.

Bấy giờ, gặp ngày mùng 1 tháng Hai, người làng họp mặt đông đủ cả ở sân đình, cỗ bàn đầy đặn để làm lễ tế xuân. Những nam đinh từ già đến trẻ đã theo thứ tự ngồi thành từng mâm. Bỗng thấy một người tóc hạc mặt rồng, râu mày đốm bạc, ước khoảng bảy tám mươi tuổi, mình khoác áo vải

(*) Nguyên văn : *Vĩnh Lâm Bồ từ truyện*.

(1) *Khúc Tiên chúa* : tức Khúc Hạo, giành được quyền Tiết độ sứ Giao Châu (907 - 917).

(2) Nguyên chú : nay là huyện Hoài An.

(3) Nguyên chú : nay là xã Hữu Vĩnh.

xanh đậm, đầu đội mũ nhà sư⁽¹⁾, tay cầm gậy trúc lốm đốm, chân xỏ giày gỗ đen, đến trước tiệc ra mắt mọi người, tự xưng là họ Bồ. Người ấy nói mình ở cách đây không xa, vừa rồi nhân tản bộ tìm chốn thanh u, rất yêu mến phong cảnh vùng này đến nỗi dùng dằng mà lưu lại. Mọi người vừa thấy ông thấy đều kinh ngạc, bèn mời ngồi chiếu trên, bày mâm khoản đãi, lại vì tôn kính tuổi già tước cả trời ban⁽²⁾ nên không ai dám cùng ngồi. Người ấy cũng chẳng giữ lễ, ăn uống như suối chảy, rượu đến năm đấu mà không say, thịt đến mấy cân mà không no, còn cơm canh các món thì không kể. Không ai dám nói gì trước cảnh tượng ấy. Sau lại tiếp thêm món canh thịt, nhiều gấp bội lúc trước, người kia vẫn chẳng nói chẳng rằng, chỉ mãi mê đánh chén suốt buổi mà không thấy no say. Trong làng có người hương trưởng họ Phạm ngày thường tính thích trào lộng, rất giỏi lựa lời bắt chuyện, thấy tình trạng ông già ăn uống như thế bèn mượn chén giả say, từ bàn dưới đứng phắt dậy bước lên chiếu trên cùng ngồi, xin được hầu rượu. Ông già cười nhận lời.

Họ Phạm nói :

– Xin hỏi, tôn ông từ phương nào đến đây ? Bọn tôi ngu lậu, chưa từng một lần được thấy dung nhan, nay dân làng gặp ngày hội vui, mừng được tôn ông nhún thân mà đến, quả là sự may mắn trong may mắn vậy.

Ông lão đáp :

– Bản đạo ở ngay trong vùng này thôi, vì yêu mến quý hương mà nấn ná, đến nay đã hơn sáu mươi năm rồi. Trước kia thường vốc núi mà ăn, múc suối mà uống, hớp gió nhai sương, nằm khểnh bên mây, niềm vui ẩn dật thật không thường ; hang vượn, dấu chồn, mừng nhả thú khói mây những ngày trời quang tạnh. Ngâm khúc ca *Lương phủ*⁽³⁾ mà cảm cái tình họ Đào⁽⁴⁾ nơi vực sâu ; vách núi dù chân chưa từng qua, nhưng ngụ trong tĩnh tình mà tự buông thả ở rừng suối. Lòng không nghĩ đến điều gì

(1) Theo truyện thì vị thần này có vẻ như tu đạo tiên, không hiểu sao tác giả lại tá đội mũ *bì lư* là mũ nhà Phật ?

(2) *Tước trời* : chỉ tuổi tác trời cho, nói trời ban tước lớn có nghĩa là được sống lâu.

(3) *Lương phủ* : tên một khúc Nhạc phủ.

(4) *Họ Đào* : tức Đào Tiềm (365 - 427) hay Đào Uyên Minh, một ẩn sĩ Trung Quốc đời Tấn.

khác nữa, nên những nơi thanh u đã đến thì cảm mến vô cùng ; vị rau cỏ tạm dùng mà chưa từng biết đến mùi vị miếng thịt đã trải nhiều năm tháng.

Họ Phạm lại nói :

– Có lời giễu rằng : "Mười tuổi vô tri, hai chục đương thì, ba mươi ích trảng, bốn mươi sắc phai, năm mươi dần thoái, sáu chục khí suy, bảy mươi biết mệnh, tám mươi đến kỳ, chín mươi như cây khô, trăm tuổi như liễu rũ". Người ta sống trong khoảng trời đất, ai cũng xem điều đó là thường. Nay tôn ông đã tám chín mươi, kẻ ngu này tưởng cũng đã vào tuổi "biết mệnh" "đến kỳ" rồi, sao còn có thể ăn uống khỏe mạnh đến kẻ trảng niên cũng không theo kịp, chẳng hay có diệu thuật nào mà được như vậy ?

Ông già cả cười mãi không thôi. Mọi người dò hỏi ý tứ. Ông lão đáp rằng :

– Bản đạo ở trong núi Vĩnh Lâm, tu hành theo phép huyền yếu⁽¹⁾, nuốt khí mà điều dẫn để được trường sinh, vận hóa khí lên đan điền⁽²⁾ có thể ném ngọc dịch lấp biển vàng⁽³⁾ toàn thân ảo diệu nhẹ như lông hồng, tuy mấy chục năm không dùng ngũ cốc cũng chẳng hại gì, thần sắc vẫn cứng cỏi như trước. Cũng có khi trong khoảng một ngày có thể ăn tới bốn, năm trâu bò, mà chẳng no. Tinh anh rõ rõ trôi nổi cùng trời đất, sao có thể đem sự ngắn dài mà so sánh được ?

Mọi người nghe thế không biết nói sao, ông già lại bảo :

– Bản đạo có điều tâm phúc, muốn xin các vị giúp cho. Nay may gặp kỳ đại hội của thân hào trong làng, nếu các vị có lòng hứa cho một lời thì bản đạo được nhờ cậy vậy.

Dân làng đều xin nói rõ, ông già lại tiếp :

– Cảm phiền chư vị, mỗi người cho xin một ít thóc lúa, vừa đủ một gánh lớn. Vào sáng sớm ngày rằm tháng Bảy, mang đến am nhỏ dưới gốc

(1) *Huyền yếu* : yếu chỉ huyền diệu, sâu sắc.

(2) *Đan điền* : chỉ phần thân thể ở quanh vùng rốn.

(3) *Nguyên văn* : *ngọc dịch điền kim hải* ; *ngọc dịch* tức kim đan được luyện từ vàng mà ra, cũng tức là một thứ thuốc trường sinh của Đạo sĩ. Còn *kim hải* chưa rõ là gì, tạm dịch như trên.

cây am la⁽¹⁾ cổ thụ ở sườn núi Vĩnh Lâm, nơi bản đạo tu hành, để giúp bản đạo được tròn quả phúc, nhất thiết chớ có sai lời.

Nói xong phất áo mà đi, bước chân như gió, chớp mắt đã không thấy đâu nữa. Dân làng cho và việc kỳ dị, bèn cùng nhau bàn bạc :

– Núi Vĩnh Lâm vốn thuộc địa phận làng ta, trước nay chưa hề thấy một cái am nào, thế mà người ấy lại bảo trụ trì ở đó. Như vậy lời ông ta nói chẳng phải là không quá lạ sao ?

Có người nói :

– Trước đây tôi đi săn khắp nơi chưa từng thấy nửa mái nhà nào, lời nói ấy sao đủ tin.

Có người phân vân :

– Người kia nói đến hai chữ *quả phúc* ý chừng phải có hưng công khởi tạo rồi mới có am chẳng !

Có người bác lại :

– Nói thế là không đúng. Muốn hưng công khởi tạo am quán sao không nói gì đến gạo tiền lại chỉ đặc biệt nói riêng đến thóc lúa. Một chút đó há lại làm nên phúc quả ?

Mỗi người một ý bàn luận, phân vân bất nhất, không biết phải lo liệu thế nào. Sau cùng, già làng họ Nghiêm mới quyết rằng :

– Điều người kia cầu cạnh, bọn ta đều đã hứa rồi, nhất thiết không thể bội tín, hãy y hèn gánh thóc đến cho ông ta. Như thế một mặt sẽ biết được chỗ tu hành của người đó, một mặt cũng rõ được việc người ấy làm. Đó há chẳng phải "nhất cử lưỡng tiện" sao ? Việc gì cứ phải tranh cãi âm ỉ đoán bừa thế này thế khác làm gì ?

Đến ngày hẹn, thóc lúa đều đã đầy đủ, tất cả hơn bốn trăm gánh nhất loạt mang đi. Quả nhiên thấy bên dưới gốc cổ thụ ở sườn phía Nam núi Vĩnh Lâm có một thảo am nhỏ hẹp gồm một gian, hai chái. Trong am chất đầy củi, lại thấy ông lão tay bụng một buồng cau có hàng ngàn quả,

(1) *Am ma lặc* hay *am ma la* : tên phiên âm của một thứ cây ăn quả gần giống quả cau, dịch sang chữ Hán là *vô cấu thụ*, thường được nhắc đến trong kinh Phật ; ở Việt Nam có lẽ là cây chay.

một cây trâu có hàng vạn lá, một hộp trà Nam, tất cả đều được bày trên những bình trúc đặt trên bàn nhỏ. Lại thêm mâm chén, đồ cúng đến năm sáu mươi bàn. Khi mọi thứ rượu nóng, thức ăn thín đã bày biện chỉnh tề đầu ra đây, thì người làng lần lượt kéo đến. Ông lão lập tức sai đem thóc lúa đổ đầy bốn phía quanh am. Chỉ chốc lát, thóc lúa đã chất cao như núi. Mọi người không hiểu ý tứ thế nào, lặng lẽ đưa mắt nhìn nhau mà chẳng dám lên tiếng. Chỉ thấy ông lão nói rằng :

– Cuộc gặp gỡ hôm nay, chính là lúc bản lão này thành được chính quả vậy. Các vị đều đã có lòng không bỏ lão, hạ cố đến đây, xin mời cùng ngồi. Thức ăn, đồ uống cứ mặc ý no say, chớ có chối từ, như thế là làm ơn cho lão nhiều lắm.

Mọi người đều theo lời, tùy thứ bậc ngồi xuống. Được nửa tuần rượu, bỗng thấy ông lão bắc một cái thang nhỏ, rồi trèo lên đứng trên đỉnh am. Một lát trong am bốc cháy, ngọn khói bốc cao đến tận lưng chừng trời. Ông già đứng trên ngọn khói phấp phới bay lên, chỉ thấy chấp tay cùng mọi người từ biệt. Khói mây cuộn cuộn, trong khoảnh khắc đã không thấy đâu nữa. Mọi người cả sợ, đều phủ phục xuống đất vái lạy mãi không thôi.

Chẳng bao lâu tiếng đồn khắp kinh kỳ thộn ấp, Khúc Tiên chúa rất lấy làm lạ, liền ra lệnh xây đền miếu để tưởng lệ và bao phong thật hậu. Lại vì ông lão tự nói họ Bồ nên đặt tên cho miếu là Bồ Công miếu, nghĩa là miếu thờ ông họ Bồ.

Về sau, ông lão thường anh linh hiển ứng, giúp vật cứu người, đến nay còn là một vị phúc thần. Miếu Bồ Công ở sườn phía Nam núi Vĩnh Lâm, xã Hữu Vĩnh, huyện Hoài An.

Năm Trùng Hưng thứ nhất (1285) sắc phong làm Dục Quốc đại vương, đến năm thứ tư (1288) lại thêm hai chữ Vĩ lược. Năm Hưng Long thứ hai mươi mốt (1313) lại phong thêm hai chữ Minh đoán, là vì thần có công phù giúp từ cõi âm vậy. Ở châu Nghệ An cũng có nhiều nơi lập đền thờ phụng.

LẠI VĂN HÙNG dịch

TÂN ĐÍNH LĨNH NAM CHÍCH QUÁI

新訂嶺南摭怪

Tác giả : Bùi Văn Nguyên ghi là **Vũ Quỳnh**. Vũ Quỳnh 武瓊 (1452 - 1516) hiệu Đốc Trai 篤齋 và Trạch Ổ 澤塢, người làng Mộ Trạch 慕澤, huyện Đường An 唐'安, trấn Hải Dương 海陽, nay thuộc tỉnh Hải Dương. Ông đỗ Hoàng giáp năm Hồng Đức thứ chín (1478), làm đến chức Thượng thư các Bộ Công, Bộ Binh, Bộ Lễ, kiêm Tư nghiệp Quốc tử giám và Tổng tài Viện Quốc sử.

Tác phẩm chính : Việt sử thông giám tổng luận 越史通鑑總論. Ngoài ra ông còn có bài trong Đại Việt Sử ký bản kỷ thực lục 大越史記本紀實錄, Mã Lân dật sử 馬麟逸史.

Theo các nhà nghiên cứu trước đây. Lĩnh Nam chích quái liệt truyện 嶺南摭怪列傳 là do Vũ Quỳnh và Kiều Phú 喬富 hiệu chỉnh và bổ sung từ cuốn sách cùng tên của Trần Thế Pháp 陳世法 đời Trần. Nhưng gần đây Giáo sư Bùi Văn Nguyên phát hiện được cuốn Tân đính Lĩnh Nam chích quái (ký hiệu VIIv.126) có lời tựa của chính Vũ Quỳnh cho thấy ông đã viết lại tập truyện này theo một phong cách riêng. Sách gồm 25 truyện, hơn bản Lĩnh Nam chích quái cũ 3 truyện nhưng trong đó có một số truyện cũ bị bỏ đi, thay vào một số truyện khác lấy ở Việt điện u linh tập 越甸幽靈集 của Lý Tế Xuyên 李濟川 mà nội dung được viết lại hoàn toàn. Tập truyện được sắp xếp theo kiểu chương hồi, mỗi truyện là một hồi, tên từng hồi được viết bằng hai câu biển ngắt tóm tắt nội dung của hồi đó. Các truyện đều mang dáng dấp truyền kỳ, khá hấp dẫn.

Việc khảo cứu tác giả đích thực và thời điểm xuất hiện của tập sách này hiện chưa thể giải quyết được vì bản VHv. 126 hiện chưa tìm thấy⁽¹⁾. Một vài điều ngờ vực về văn phong (như việc nhất loạt đặt đầu đề cho mỗi truyện bằng hai câu biển ngẫu gần gũi với nhiều tập truyện ở thế kỷ XVIII-XIX), hoặc về những bài thơ đề vịnh (có chỗ ghi tên hiệu Đạm Trai, có thể là Nhữ Bá Sĩ (1788 - 1867) chăng ?) khiến chúng tôi không dám quả quyết đây là tác phẩm của thế kỷ XV. Nhưng do giá trị truyền kỳ của sách, nên xin được chọn trích 7 truyện, tam xếp xuống gần với những tác phẩm vào khoảng thế kỷ XVIII - XIX, dựa theo bản dịch của Bùi Văn Nguyên, có bổ sung chú thích và lược bớt tên truyện biển ngẫu cho ngắn gọn hơn (dịch giả cung cấp cho Nhóm biên soạn lời phiên âm các vế đối biển ngẫu làm đầu đề từng thiên truyện).

(1) Tìm trong Thư viện Viện nghiên cứu Hán Nôm thì ký hiệu này không có sách, chắc đã mất ; nhưng gầy đây nhân xem lại nhật ký điền của mình, GS. Nguyễn Huệ Chi đọc thấy ông đã bắt gặp cuốn sách này ở Bảo tàng Hải Phòng trong dịp đi Yên Tử - Hải Phòng năm 1971. Năm 2007, ông đã cùng TS. Đặng Thị Hào về Bảo tàng Hải Phòng cùng ông Ngô Đăng Lợi, Chủ tịch Hội Sử học Hải Phòng, tìm lại và xin photocopy được văn bản *Tân đính Lĩnh Nam chí quái*, về cơ bản đúng là cuốn sách do GS. Bùi Văn Nguyên phát hiện, nhưng có mất đi vài tờ cuối (chú thêm trong lần tái bản).

142. ĐỒNG TỬ GẶP DUYÊN LÀNH (*)⁽¹⁾

Lại nói, đời Hùng Vương ngành thứ ba⁽²⁾ có nàng Công chúa tên chữ là Tiên Dung, hình dáng xinh đẹp, thế không lấy chồng, bởi tính ưa du ngoạn. Phàm nơi núi sông cảnh đẹp, Công chúa đều đến thăm, vua cha không thể ngăn cấm. Có một lần, khoảng tháng Hai, tháng Ba nàng lên thuyền rong chơi ven biển, thuyền ghé qua bến Đại Bái, sông Cái, nơi có làng Chử Xá⁽³⁾. Ở đó có một người họ Chử, tên là Trung Huyền, tiểu hiệu là Trung Tử, lấy vợ họ Bành, sinh được người con trai, thường gọi là Đồng Tử⁽⁴⁾.

Khi Đồng Tử biết nói thì mẹ mất. Cha con rơi vào tình cảnh cô đơn. Lớn lên, Đồng Tử rất hiếu từ. Không may nhà cháy, của cải khánh kiệt, chỉ còn manh khô trong người, trải năm tháng không biết làm sao qua được ! Bởi vậy, cha con khi đi ra ngoài, thường chuyển cho nhau manh khô che thân.

Người cha do buồn rầu, rồi mang bệnh, càng ngày càng nguy. Đồng Tử hầu hạ bên cạnh, nhìn trong nhà không có tí gì để ăn, không có manh áo

(*) Nguyên văn : *Du hải ngoại Tiên Dung từng dật ;*

Tàng sa trung Chử Tử kỳ phùng.

(1) Xem thêm *Truyện Đám Nhất Dạ*, số 1, Tập I.

(2) *Hùng Vương* : theo truyền thuyết, là tên chung để chỉ 18 đời vua nước Văn Lang.
Hùng Vương ngành thứ ba : *Lĩnh Nam chích quái* (bản Trần Thế Pháp) chép : đời thứ ba.

(3) *Chử Xá* : *Chử*, các thân tích và sách chép không giống nhau, phần lớn chép *chử* 褚 tức là cái khố, còn số ít chép *chữ* 渚 tức là bến sông ; cả hai đều có nghĩa, nhưng "đóng khố" mới đặc biệt, còn "bến sông" thì bình thường. Như vậy Chử Xá là nhà họ Chử đóng khố.

(4) *Đồng Tử* : nghĩa là thằng bé, sau trở thành tên riêng. Tên người cha, cách sách cũng chép khác nhau, ở đây là Chử Trung Huyền, còn bản Trần Thế Pháp lại chép là Chử Cù Ván, ở đây nói vợ họ Bành, một số thân tích lại nói vợ họ Bùi.

để mặc, Đồng Tử cố kiếm cháo cho cha ăn, còn mình thì nhịn đói. Cứ như vậy, lòng hiếu thành của chàng truyền đi khắp nơi. Làng xóm biết được sự tình rất thương, nhiều người ngỏ ý đến giúp đỡ. Nhưng Đồng Tử từ chối không nhận. Có người hỏi :

– Anh sống cô đơn như vậy, khổ đau nhiều, nay chúng tôi muốn giúp, tại sao không nhận ?

Chàng đáp rằng :

– Cháu vốn chưa tròn đức hạnh, đã không nuôi được thân, lại chẳng có gì để báo dưỡng cha. Nay cháu cố gắng tự mình phải báo dưỡng. Cháu nghĩ như vậy mới phải lễ, sao dám phiền làng xóm, vừa cảm thấy nhục thân mình, vừa gây lụy cho cha.

Mọi người khen chàng thật là người đức hậu. Chàng đem chuyện trên thưa với cha. Cha bảo :

– Ta nghe người xưa nói rằng : "Trời đất có lúc nổi gió mây, cũng như người và vật, sớm chiều có lúc gặp phúc có lúc gặp họa. Con chim sắp chết, tiếng kêu thảm thiết, con người sắp chết, lời nói tốt lành". Ta nói như vậy, là vì ta có điều sau đây muốn nói với con, con nhớ nghe ta.

Đồng Tử quỳ xuống, nghe cha dạy. Người cha nói tiếp :

– Đời ta vốn ưa làm điều thiện, nay lại gặp nguy, như vậy là quả phúc chưa tròn, thật là đáng trách. Nay ta đã già rồi, chiều nay thấy bệnh nặng dần, xem chừng không sống được nữa. Sau khi ta chết rồi, con nhớ lấy cái khố này mà dùng, chớ ngại rằng ta chết trần truồng. Con hãy nhớ lời ta, không được phụ lời.

Người cha nói đến đây thì mất.

Đồng Tử đau xót vô cùng, nghĩ lại lời cha, không thể không nghe. Chàng tự nghĩ : "Sống ở đời rất khó. Cha mình nói thế, chứ chôn trần truồng, đối với người đứng còn không nỡ, huống gì đối với kẻ cùng ruột thịt ! Như nghe cha là hiếu chăng ? Không nghe cha là hiếu chăng ? Thật là khó nghĩ. Làm sao bây giờ ?".

Chàng do dự không quyết. Cuối cùng chàng tự bảo : "Ta thà bị cha trách, chứ không thể là đứa con không biết điều".

Sau đó, chàng mai táng cha có cả khố, và biện chút lễ tế cha. Từ đó chàng ở trần truồng, mùa đông lạnh cũng chịu vậy. Chàng thường xin ăn cạnh bến sông, ăn xin nhà buôn, hoặc xách cần tre đi câu cá.

Một ngày nọ, có thuyền Công chúa Tiên Dung ghé qua, cờ xí rợp trời, màu sắc rực rỡ. Tiếng đàn, tiếng sáo, tiếng trống inh ỏi. Đồng Tử sợ quá. Đang ngâm mình dưới nước, chàng chạy ù lên bãi sông lấy tay che nửa người dưới, mình lem nhem vấy bùn, đến cái bến có nhiều đồng cát ùn đống, nơi mà về sau mang tên là bến Mạn Trù. Ở đó chàng thấy có một nơi lau lách mọc dày, bốn bề kín đáo, cỏ dày đặc, giữa có một quang trống, có thể giấu mình vào đó. Chàng vui vẻ tự nói : "Ta có nơi ẩn rồi, cũng là trời xui khiến".

Chàng tức tốc chạy vào đó, lấy cát vùi mình cho kín, chỉ chừa lỗ mũi để thở và tự lấy làm mãn nguyện.

Một lát sau, thuyền của Tiên Dung tới. Lúc đó vào tháng Sáu, tiết trời nóng bức. Thuyền cắm sào. Công chúa dời gót sen, đi hóng mát. Nhân ngắm phong cảnh, thấy bên cạnh có lùm cây lau sậy rậm rạp, công chúa chỉ tay, bảo các nàng hầu :

– Chỗ này vắng vẻ, ta muốn tắm.

Các nàng hầu vây màn kín chung quanh, rồi nấu nước thơm và bắc giường cho Công chúa ngồi. Mọi sự đều sẵn sàng cả. Tiên Dung lấy làm thỏa mãn lắm. Nàng cởi áo, dội nước kỳ cọ. Cát cứ trôi dần, thân hình Đồng Tử cũng lộ dần ra. Một lát sau thì đúng là một chàng trai.

Đồng Tử then quá, nhưng không biết trốn vào đâu, hoảng sợ tái mặt. Tiên Dung lúng túng, nghĩ thầm : "Ta vốn không định lấy chồng. Nay thì ước nguyện đó không đạt. Chàng kia là ai, ở đâu đến ?". Nàng lại tự trả lời : "Trời đất có khí âm dương, con người có vợ chồng. Nhân duyên định sẵn, thật khó thoát. Vậy, chuyện oái ăm này quả là duyên kỳ ngộ".

Công chúa bèn nói với Đồng Tử :

– Chàng người ở đâu, sao lại trốn ở đây ?

Đồng Tử liền đứng dậy, cúi mình đáp lễ, nói rõ sự tình mọi nỗi. Tiên Dung thấy dung mạo anh ta thanh tú, có cái dáng chim phượng, chim hạc, lại ứng đối hòa nhã và cũng biết lễ cư xử ở đời, nên trong bụng cũng vui. Nàng không hề tỏ ý giận dữ, chỉ than thầm : "Cho hay duyên số lấy nhau, không phải chuyện vu vơ, mà do trời định. Nếu không thuận ý trời, tức là chống trời".

Tiên Dung liền truyền bảo Đồng Tử tắm rửa sạch sẽ, đưa áo quần cho mặc, dẫn về thuyền lâu, mở yến tiệc, coi như một ngày hội vui vẻ. Sau đó,

đốt hương làm lễ tế cáo vọng về nhà vua, xin nguyện làm vợ chồng. Bất ngờ, Đồng Tử từ chối không chịu, Công chúa phải vỗ về mà rằng :

– Đây là chuyện trời xui, sao chàng lại từ chối ?

Nội ngày hôm đó, Tiên Dung sai lính hầu về cung vua trình bày sự tình. Vua nghe xong hết sức giận dữ.

Bởi vậy, Tiên Dung không dám trở về nhà nữa, đành ở lại với dân trong vùng để mua bán đổi chác, dần dần thành lập một cái chợ, có khách nước ngoài qua lại, buôn bán tấp nập. Ít lâu sau, Đồng Tử trở thành chủ buôn. Thời đó có nhà buôn lớn, đến chỉ cho chàng cách làm giàu, nói đại ý : "Phải tích góp vốn, khi đã có vốn thì giàu sang cũng dễ. Vốn tức là vàng hoặc lụa. Ngạn ngữ có câu : "Kim tại trạch tắc thần, kim xuất môn tắc sinh" ; nghĩa là : "Tiền ở trong nhà tiền chừa, tiền ra khỏi cửa tiền đẻ", đâu phải chuyện ngẫu nhiên. Nay ngài theo kế đó, có thể ôm đến trăm lạng vàng, lấy đó mà đi buôn, mua sản vật quý, tìm khách mà bán, chuyển đi chuyển về, lợi tức đẻ dần, rồi xoay vòng, mà thu hoạch gấp bội, gấp vạn vạn".

Tiên Dung nghe nói rất mừng, bàn cùng Đồng Tử rằng :

– Nay chúng ta ngẫu nhiên thành vợ chồng, đều do trời xui khiến, ngoài ý muốn chúng ta. Trời đã tác thành thì trời phải che chở cho chu toàn, cần gì phải lo nữa.

Công chúa đem một ít vàng biếu người lái buôn nọ, người này nói :

– Công chúa không nên đi một mình, nên rủ Đồng Tử cùng đi.

Tiên Dung thuận ý, bèn dùng thuyền buôn cùng Đồng Tử ra khơi, vượt biển. Bỗng thấy xa xa phía Nam có một nơi nhô lên cao, mà sóng gió âm âm, giữa một vùng, như có ráng vàng bao quanh muôn vẻ. Đồng Tử lấy làm lạ, bèn lái thuyền lướt tới. Thì ra, đó là quả núi nổi tiếng ở biển Nam Hải, trên núi có động Quỳnh Viên. Cạnh sườn núi có cái giếng nước ngọt và trong vắt. Ngày thường, thuyền buôn qua lại, hay lấy nước giếng uống ở đó. Ngoài ra, lại có đủ các giống cây đào, hạnh, chi, lan và các thứ vật lạ khác rất hấp dẫn.

Đồng Tử thích quá, cởi áo, chạy ngay lên núi, chỉ chốc lát đã lên cao sát đỉnh, lại nhảy mấy bậc nữa, thấy đường lỗ chỗ chân chim và cong queo như ruột dê. Chàng đi mãi lên tới đỉnh, thấy trong động có khoảng trống, có thể dựng được lâu đài, dinh thự, phẳng phất như động tiên ở.

Chàng còn dùng dăng chưa định xuống núi thì thấy một cụ già tóc bạc, tay xách cái gậy có dây buộc đang tiến lại. Cụ già cười vui vẻ mà rằng :

– Người ở đâu lại ?

Đồng Tử trình bày hết mọi lẽ. Ông lão bèn dẫn chàng vào am, mời ngồi, nói chuyện vui vẻ, tỏ ra rất minh mẫn. Nhìn phong dạng ông có vẻ phi thường, Đồng Tử đoán là nhà ẩn sĩ, có đạo đức cao, kính cẩn bước tới, cúi đầu hỏi chuyện. Ông lão nói :

– Động Quỳnh Viên này nằm giữa khoảng sóng gió rì rào, cùng ngày tháng dằng dặc, tức là một trong ba mươi sáu cung tiên của nhà Trời. Còn ta tên họ là Phát Quang⁽¹⁾, tên chữ là Minh Chương, hiệu là Đằng Hải tiên sinh. Tính ta ưa nơi thanh nhàn, tĩnh mịch, nơi khe suối vắng vẻ, nay đã hơn tám mươi rồi. Tại sao anh đến đây ? Ta sẽ nói cho anh rõ vài điều.

Đồng Tử liền quỳ xuống thụ giáo. Ông lão kỳ dị liền truyền cho bí quyết. Sau đó, Đồng Tử từ tạ ra về. Ông lão tặng cho cái gậy, cùng chiếc nón lá và nói rằng :

– Vật thiêng chính là đây, anh gắng giữ lấy.

Đồng Tử trở về thuyền nói rõ đầu đuôi với Tiên Dung. Tiên Dung tỉnh ngộ thôi chuyện buôn bán, bèn đưa tất cả tài sản chia cho dân nghèo, rồi toan trở lên ngay đỉnh núi, theo vị tiên ông. Nhưng trời tối, vợ chồng Công chúa phải tạm ở lại ven bờ sông Cái, cắm gậy, che nón, để tránh gió sương.

Bỗng nhiên, đêm đó, tự nhiên thành quách, lâu đài mọc lên, có cả lính hầu như ở trong cung vua. Chỉ vài tháng sau tất cả quan lại, dân chúng kéo đến châu chực.

Có kẻ trong triều biết chuyện đó, tâu lên Hùng Vương. Nhà vua nghe xong, giận lắm, sai Lạc hầu đem quân đánh dẹp. Quân triều đình kéo đến bãi Tự Nhiên thì đóng lại, chỉ còn cách một con sông. Đồng Tử hoảng sợ quá, Tiên Dung bèn nói :

– Đạo trời sáng chói, phép thần không mờ tối. Trời đã xui như vậy, sống chết có số, có gì mà sợ ! Có lẽ nào con gái và con rể dám phản vua cha ?

(1) *Phát Quang* : *phát* là tỏa ra, quét ; *Trần Thế Pháp* chép là *Ngưỡng Quang* (Ngước nhìn ánh sáng) cũng nghĩa như *Phát Quang*. Có thần tích chép là *Bạch Đầu Ông* (ông già tóc bạc).

Tối hôm đó, mọi người chung quanh Đồng Tử, Tiên Dung đều trốn đi đâu hết. Duy còn cô gái hái dâu bên bãi, vì nhà xa, không về được, nằm lại dưới mái hiên trước lầu. Lúc đó, cô ta trần trọc chưa ngủ được. Khoảng nửa đêm, cô thấy gió bão nổi lên, mây đen kịt, đá bay cát vù, cây gãy nhà đổ, rồi cả một vùng đất sụt lở, biến thành cái đầm lớn. Khi quan quân triều đình vượt sông sang thì chẳng thấy gì nữa.

Về sau, dân địa phương cảm đức hậu của Đồng Tử, Tiên Dung nên lập đền thờ, rồi gọi cái đầm đó là đầm Nhất Dạ, hoặc Dạ Trạch, gọi bến sông là Mạn Trù, gọi phố buôn là Hà Lương. Tương truyền đó là nơi Đồng Tử, Tiên Dung bay lên trời.

Thời Lý, đền được phong mỹ hiệu là Diệu liên tôn kính đại vương, Tiên Dung là Quốc chủ Tả hoàng hậu, cô gái hái dâu là Tây cung Hữu hoàng hậu. Đền tại Dạ Trạch, cạnh bến Đại Bái⁽¹⁾. Tương truyền đền thờ rất thiêng, thường có rắn to xuất hiện, có cả thuồng luồng, cá chép mà lưng to như cái thuyền, thường đi lại trong vực cạnh đền, rất linh ứng. Trước đây, thần Đồng Tử có cho Triệu Quang Phục⁽²⁾ cái vuốt rồng làm lẫy nỏ. Đền thờ này cũng là đền được Nhà nước tế lễ.

BÙI VĂN NGUYỄN dịch

(1) Đền cũ nay vẫn ở Dạ Trạch, còn đền mới xây ở Đa Hòa, một làng cách Dạ Trạch một chặng đường, do có sự tranh chấp về thần tích.

(2) *Triệu Quang Phục* : tức Triệu Việt Vương, ở ngôi 549 - 570, quốc hiệu Vạn Xuân. Có nhà nghiên cứu cho đây là nhân vật huyền thoại.

143. XƯƠNG CUỒNG Ỗ THỂ^(*)

Ở đất Phong Châu xưa có một cây lớn⁽¹⁾ cao hàng nghìn nhẵn⁽²⁾, tỏa ra một vùng rộng, che rợp như rừng, để đến hàng nghìn dặm, thường có đôi hạc đậu ở trên, nên gọi là Bạch Hạc.

Cây ấy trái hàng nghìn năm, nên sau khô hóa thành tinh, biến hóa rất lạ, thường ăn sống người và vật, từng ra oai, làm phúc.

Thời Kinh Dương Vương⁽³⁾, người ta dùng thuật trừ nó, nhưng nó vẫn biến hóa khôn lường, thường bắt sống người. Dân rất sợ, bèn lập đền thờ. Mỗi năm, dân phải tế sống nó một người thì mới sống yên ổn. Người đời gọi là thần Xương Cuồng.

Cho đến thời Hùng Vương⁽⁴⁾ ngành thứ tám, ở phía Tây Nam nước ta có một nước láng giềng gọi là nước Khi (Hầu quốc)⁽⁵⁾. Nhà vua truyền cho tù trưởng vùng Bà Lộ giáp ranh với nước nói trên, cứ hằng năm, vào rừng bắt một người Lạo⁽⁶⁾ để cúng thần Xương Cuồng. Dần dần, việc đó thành lệ, không đổi được.

(*) Nguyên văn : Ngạo thiên uy, Xương Cuồng ỹ thể,
Thị diệu toán, nghệ tử kiếm công.

(1) Cây lớn : Lĩnh Nam chích quái (bản Trần Thế Pháp) nói là cây Chiên đàn, loại cây to, gỗ thơm, bôi nhựa nó vào chân, có thể đi trên than hồng không bỏng.

(2) Nhẵn : đơn vị đo xưa bằng tám thước ta (mỗi thước bằng 0,33m), có bản chép là trượng (mỗi trượng 10 thước ta).

(3) Kinh Dương Vương : xem Chú thích 3, tr. 245, truyện Thần hổ Động Đình, số 140, cùng tập.

(4) Hùng Vương : xem Chú thích 2, tr. 257, truyện Đổng Tử gặp duyên lành, số 142, cùng tập.

(5) Đời Lê là động Ngạc Ma, châu Trịnh Cao.

(6) Người Lạo : dân tộc miền núi, cùng sắc tộc với người Chăm, hình thù giống khi, nên vùng đó gọi là Hầu quốc. Theo truyền thuyết, trong số người Lạo, có giống như ma cà rồng, tối bay đi kiếm ăn, sáng lại về.

Kịp đến khi Tân Thủy Hoàng⁽¹⁾ chiếm nước ta, đặt thành quận, huyện thuộc Tượng Quận, đặt các chức Thú, Ủy và sai Nhâm Ngao⁽²⁾ làm Nam Hải úy, còn Triệu Đà⁽³⁾ làm Long Xuyên lệnh, cùng trấn thủ. Nhâm Ngao tính cương trực, muốn bỏ lễ cúng thần nói trên, bèn sai lấy nếp và thịt luyện chung, vắt thành cái đầu người mang mà cúng tế, chứ không dùng người sống. Quỷ Xương Cuồng tức giận, bèn ngấm giết Nhâm Ngao, sau Ngao sợ, ốm mà chết. Vậy nên, việc cúng thần, lại tử tế, không dám ngao mạn.

Từ đó cho đến đời Đinh Tiên Hoàng⁽⁴⁾, trải hàng nghìn năm, vẫn cứ cúng tế như cũ, không dám sửa đổi gì. Lúc đó có một Pháp sư tên là Hoán Du Tường⁽⁵⁾, vốn người phương Bắc, tính thẳng thắn, trong sạch, hay đi ngao du khắp nơi, thạo tiếng Man. Ông ta mặt sắt, nanh vàng, răng đồng, tóc bạc, dáng rất trẻ, nhưng tuổi hơn chín mươi. Khoảng tiết trời tháng Sáu, ông ta sang nước ta chơi. Vua Tiên Hoàng đón tiếp theo lễ Tiên sư, rồi nhân nói chuyện quỷ Xương Cuồng lăm phép, muốn nhờ Pháp sư trừ giúp.

Pháp sư vâng mệnh, liền thao diễn pháp thuật của mình. Kỹ thuật gồm sáu mục của sáu người biểu diễn : thăng Kỵ, thăng Can, thăng Thiên, thăng Toái, thăng Câu, thăng Hiểm⁽⁶⁾.

Khoảng cuối năm đó, Pháp sư cho dựng lầu cao năm mươi trượng, trong chống trụ gỗ, lại lấy gai bện làm dây chảo, dài một trăm ba mươi sáu thước, to khoảng hai tấc, dùng dây mây quấn phía người, quấn hai đầu, chôn chặt xuống mặt đất, trừ ở giữa dây, gác lên cột trụ.

Thăng Kỵ đầu đội khăn đen, mình đóng khố, tay trái cầm dao, tay phải cầm lá chắn, chân dậm lên dây chảo, đi lại như bay và cứ như vậy bốn năm lần, không hề rơi xuống. Lại có con gái vừa nhảy vừa múa hát, nghe rất du dương.

(1) *Tân Thủy Hoàng* : xem Chú thích 2, tr. 23 truyện *Thượng thư Lương Hữu Khánh*, số 52, cùng tập.

(2) *Nhâm Ngao* : (? - 208 tr. CN) : Nam Hải úy do nhà Tần cử.

(3) *Triệu Đà* : vua nhà Triệu, quốc hiệu Nam Việt, ở ngôi 207 - 136 tr. CN.

(4) *Đinh Tiên Hoàng* : xem Chú thích 1, tr. 66, truyện *Chôn xương bụng ngựa*, số 65, cùng tập.

(5) Sách của Trần Thế Pháp lại chép : Văn Du Tường. Chắc hẳn đây là tên phiên âm, vì Pháp sư là người Tây Á tới, nên không phải người Hán.

(6) *Thăng Kỵ, thăng Can...* : tiếng “thăng” là một từ loại chỉ người của tiếng Việt, phiên qua từ “thượng”. Còn Kỵ, Can,... chỉ là tên gọi theo chức năng làm trò tạp kỹ (tức một loại “cirque cổ”), chứ không phải tên thật, như Kỵ là cưỡi ngựa, Can là sào, Thiên là đánh đu, Toái là trò vật, Câu là móc câu, Hiểm là thế gay go, v.v....

Lại buộc dây ở giữa, bắt chéo thành chạc ba, để làm chỗ tránh. Thằng Can biểu diễn đôi, hai người tay cầm cờ lớn, chạy vùn vụt trên dây, như đi trên đất, cứ đến chỗ chạc ba, gặp nhau, nhảy xuống nhảy lên như thường, không ngã.

Hoặc như thằng Thiên, vác một tấm gỗ lớn, rộng khoảng một thước ba tấc, dày bảy tấc, đặt tấm gỗ lên một cây gỗ dựng đứng làm cột, cao mười bảy thước, ba tấc,... Thằng Thiên nhảy nhót trên tấm gỗ đó, khi nghiêng, khi ngả mềm mại vô chừng.

Hoặc như thằng Toái, lấy nan tre đan thành cái lồng, dài sáu thước, tròn bốn thước, Toái chui vào trong, cứ thế quay tròn tít như bay.

Hoặc như thằng Câu, cứ vỗ tay giậm chân mà nhảy, vừa nhảy vừa la hét, uyển chuyển không rơi, hoặc lại phi ngựa, nghiêng mình sát đất mà không ngã, buông chân nghiêng sào vẫn bình thường.

Hoặc như thằng Hiểm mình nằm ngửa, lấy chân xoay chiếc sào dài mà không rơi, hay làm ca nhi đi trên dây vừa đánh trống, vừa thổi sáo thật diệu kỳ.

Tiếp đó, người ta mang vật sống đến tế, thần Xương Cuồng đến ăn, rồi mãi vui, quên hết mọi việc, Pháp sư đến bên cạnh thần, giả vờ khăn vái, rồi rút gươm chém chết, và thừa thế rượt đuổi bọn chúng như rẽ sóng, bay mây. Bè lũ Xương Cuồng chạy toán loạn, không làm yêu quái được mãi. Nhân dân trở lại cuộc sống bình yên.

Về sau thần⁽¹⁾ có thơ rằng :

**Bằng yêu tác quái sinh tư gian,
Nghiem nhược thiên thu dịch khác an.
Lục “thằng” (thằng) nhất triều năng tẩy tịnh,
Pháp sư uy lệnh tự trùng san.**

*(Loại yêu tác quái sinh trò gian,
Những tưởng đời đời rồi trị an.
Một sáng sáu thằng quét sạch quỷ,
Pháp sư hóa phép tựa trùng san)*

BÙI VĂN NGUYỄN dịch

(1) *Thần* : tức sử thần.

144. NHÂN DUYÊN XẤU HÓA NHÂN DUYÊN TỐT^(*)(1)

Đời Hùng Vương ngành thứ mười, nhân truy tụng công đức Đồng Thiên thần⁽²⁾, trên cho sửa sang lại đền thờ. Ngoài ra, ở những nơi có hài cốt giặc rơi rớt hai bên sườn núi⁽³⁾ xem ra có linh ứng, cũng cho lập đền thờ. Dân bên dựng miếu gọi là miếu Địa phủ quân⁽⁴⁾.

Kịp đến khi Hùng Vương⁽⁵⁾ mất, Thục Vương⁽⁶⁾ lên thay, giặc giã liên miên, tình hình suy sụp, cho nên nhà Tần mới thôn tính nước ta.

Thời đó, có chàng Thôi Lượng⁽⁷⁾ đỗ đạt, làm quan với nhà Tần đến chức Đại phu ở Ngự sử đài. Chàng thường qua lại vùng này, thấy lau lách mọc đầy, trong lòng xúc cảm, bèn cho sửa sang những đền miếu nói trên và có đề bài thơ rằng :

**Cổ nhân truyền đại thị Ân Vương,
Tuần thú đương niên đảo thử phương.**

(*) Nguyên văn : *Tiền phúc quá triệu lai hậu phúc quá ;
Ác nhân duyên hoàn thị hảo nhân duyên.*

(1) Xem thêm *Truyện Giếng Việt*, số 3, Tập 1.

(2) *Đồng Thiên thần* : cũng gọi là Đồng Thiên Vương, tức Thánh Gióng, tương truyền khi dẹp xong giặc Ân đã bay về trời.

(3) *Sườn núi* : tức sườn núi Trâu Sơn, nơi Thánh Gióng đuổi giặc Ân, thuộc đất Vũ Ninh.

(4) *Miếu Địa phủ* : nơi thờ vong hồn giặc Ân tử trận.

(5) *Hùng Vương* : xem Chú thích 2, tr. 257, truyện *Đồng Tử gặp duyên lành*, số 142, cùng tập.

(6) *Thục Vương* : tức An Dương Vương, tên là Thục Phán, làm vua nước Âu Lạc 257 - 208 tr. CN. Bấy giờ Triệu Đà mang quân sang đánh nhưng bị thua. Biết Thục Phán có nỏ thần, Đà xin giảng hòa, lại cho con trai là Trọng Thủy xin làm rể. Mỵ Châu tin chồng, nhờ vậy Thủy lấy trộm được nỏ thần, An Dương Vương mất nước.

(7) *Thôi Lượng* : chưa rõ tiểu sử.

Sơn tú thủy lưu không kiến miếu,
Tinh thăng tích tại thưởng văn hương.
Nhất triều thắng, bại vô Ân đức,
Vạn tải thanh linh hiển Việt Thường.
Bách tính tông tư giai phụng sự,
Mặc phù quốc tộ vĩnh vô cương.

*(Lại nghe chuyện kể thuở Ân Vương,
Tuần thú năm này, tới địa phương.
Núi đẹp nước trôi trôi miếu nát,
Hồn lìa dấu động thoảng mùi hương.
Được thua một sớm quên Ân tích,
Linh hiển nghìn thu rạng Việt Thường⁽¹⁾
Trăm họ nay còn chăm lễ bái,
Cầu cho vạn nước thịnh vô cương)*

Về sau Nhâm Hiếu⁽²⁾ (tức Ngao), Ủy Đà⁽³⁾ đến nước Nam, thường trú quân dưới núi đó, cũng cho thợ sửa sang thêm.

Lại nói linh hồn của quân nhà Ân cảm động về sự quan tâm của Thôi Lượng bên nhờ Ma Cô⁽⁴⁾ sang tìm, thì Lượng đã bị bệnh chết, chỉ còn có con là Vĩ.

Lúc bấy giờ, Vĩ nhân đi du học, qua miếu thờ quân nhà Ân tử trận kể trên, thấy một người đang cầm cái bình thủy tinh. Ma Cô hiện ra xin xem, không may sảy tay, bình vỡ. Người đó chửi mắng Ma Cô. Vĩ thấy thế liền lấy chuỗi hạt châu của mình đền cho người có bình thủy tinh, để Ma Cô được tha tội. Ma Cô liền cảm ơn và nói :

(1) Việt Thường : chỉ nước Việt thời cổ.

(2) Nhâm Hiếu : tức Nhâm Ngao, xem Chú thích 2, tr. 264, truyện *Xương Cuồng ý thế*, số 143, cùng tập.

(3) Ủy Đà : tức Triệu Đà, xem Chú thích 3, tr. 264, truyện *Xương Cuồng ý thế*, số 143, cùng tập.

(4) Ma Cô : một thần nữ, hoặc tiên nữ.

– Chàng tốt bụng quá, nhờ vậy mà kẻ già này mới thoát nạn. Xin cho biết nhà của ở đâu ?

Vĩ đáp :

– Cha mẹ tôi mất rồi, tôi đi lang thang đây đó, ngài chớ bận tâm làm gì.

Ma Cô hỏi họ tên, chàng vui vẻ đáp :

– Thưa, tên Vĩ.

Ma Cô nói :

– Ta chịu ơn chàng, nay muốn báo đáp chút đỉnh. Ta có một vị thuốc thần, muốn tặng chàng gọi là vật mọn.

Nói rồi, Ma Cô lấy thứ ngải hương⁽¹⁾ đưa cho Vĩ và nói :

– Vật tuy nhỏ, nhưng đáng giá nghìn vàng, xin giữ gìn cẩn thận. Hễ ai có bệnh bướu, trướng sinh, rang nóng lên mà chườm vài lần là khỏi, có thể giữ lấy để cứu người.

Ma Cô nói xong bèn đi ngay. Vĩ liền giữ kín vị thuốc thần đó. Chàng thường đi chơi với người trong vùng là Ứng Huyền. Có lần Huyền bị chứng trướng đầy, uống gì cũng không khỏi. Một buổi chiều, Vĩ gặp Huyền đi ngoài đường. Huyền nói :

– Tôi vì có bệnh, không đến anh chơi được. Có dịp nào qua đó, anh qua nhà tôi chơi, tôi sẽ nói kỹ hơn.

Vĩ nói :

– Được.

Lần sau, Vĩ đến nhà Huyền. Vĩ hỏi :

– Bệnh anh thế nào ?

Huyền đáp :

– Không có gì thay đổi. Đầu, trán đau như, uống gì cũng không khỏi, lâu ngày thành mãn tính.

Vĩ tự phụ nói :

– Độ nọ, tôi đã cắt cho anh thang thuốc để anh dùng thử. Gần đây, tôi được một người tặng cho môn thuốc thần, muốn anh dùng thử xem sao ?

(1) Ngải hương : tức ngải cứu, một vị thuốc phổ biến trong dân gian từ lâu.

Huyền mừng quá nói :

– Nếu quả được như vậy, tôi không dám trái lời.

Vĩ liền lấy lá ngải hương sao lên, rồi chườm vào chỗ đau của Huyền vài ba lần. Huyền bỗng hết đau, mừng rỡ nói :

– Quả là thuốc tiên.

Huyền tiếp :

– Nghe nói quan Thái thú Nhâm Hiều cũng đau chứng này, tôi sẽ bần tin cho ông ta, thế nào anh cũng được trọng thưởng.

Huyền đến tàu trình với Nhâm Hiều, Hiều cho người mời Vĩ. Quả nhiên, Vĩ có thuốc thần. Hiều rất mừng, xin hậu tạ. Vĩ không nhận. Hiều dãi Vĩ như kẻ sĩ, đặt yến chiêu đãi, để tâm quan sát Vĩ, thấy chàng đối đáp trôi chảy, lại ngoan ngoãn, nên giữ lại, ngày đêm yêu Vĩ như con. Hiều lại mở một nhà học, bảo Vĩ đến học. Vĩ tính hào hoa, lại biết đàn, biết vẽ. Những lúc đêm trăng hóng mát, Vĩ hay ngâm vịnh. Hiều có cô con gái tên Phù Dung⁽¹⁾. Phù Dung thấy Vĩ, động lòng yêu mến, đi lại như vợ chồng. Anh nàng là Phu thấy em mình như thế, định hãm hại Vĩ, bèn tàu với cha rằng :

– Nhân hàng năm có lễ hiến người cho thần Xương Cuồng⁽²⁾, năm nay chưa có người để tế, mà Vĩ là kẻ lỗ mãng, vậy đưa hán thí đi, cho đỡ mối lo.

Vĩ không biết mưu đó, nên bị kẹt. Phu liền đóng chặt các cửa, không cho Vĩ thoát. Vĩ tìm cách trốn đến nhà Huyền, theo đường núi mà đi, lạc vào một cái hang, vấp chảy máu, ngã xuống mất tới sẩm, không biết là đâu.

Nguyên nơi ấy có trái núi, trong có hang tên là hang Thạch Da, rộng hàng trượng, sâu hàng nghìn thước. Vĩ liền theo cửa hang mà vào phía trong. Chàng thấy đáy hang sâu như cái giếng, không có sinh vật gì, bỗng thấy ánh sáng lọt vào, mới nhận ra lối đi, nhìn ra bốn bên là vách đá, có lông lá bờm xờm, không có bậc thang để trèo lên. Lại thấy bên cạnh có hòn đá to, phía trên có thạch nhũ, nhỏ giọt trên mặt đá. Bỗng nhiên, thấy con rắn dài trăm trượng, to chừng vài ôm, sừng vàng, miệng đỏ, vẩy trắng, râu xanh, trán có ba chữ, sáng như ngọc nhưng lại có cái bướu trướng sình

(1) Phù Dung : Lĩnh Nam chích quái chép là Phương Dung.

(2) Xương Cuồng : nghĩa là con yêu có hành động bạo ngược, tàn ác, không thể trấn áp được.

Vì ở cái thế không thể dừng, mà nhịn đói đã mấy ngày, lại thấy con rắn có thạch nhũ khá nhiều, bèn đi vào phía trong, ăn thử một tý xem sao, thấy giòn ngọt, mừng quá, nhân bụng đói, ăn hết sạch.

Con rắn bò ra, thấy Vĩ còn ngồi không dậy. Rắn trợn mắt, định nuốt sống Vĩ. Chàng sợ quá khấn rằng : “Tôi đi trốn nạn, lạc vào đây, vì đói mà phạm tội ăn bậy, biết lỗi rồi. Nay thấy trên cổ ngài có cái bướu thịt, dám xin dãi tội lập công, chữa khỏi cái bướu đó, để tạ tội”.

Con rắn gật đầu, vẩy đuôi như cầu cứu. Bỗng thấy từ phía trên hang rơi xuống một đốm lửa, Vĩ liền hơ lá ngài trên lửa, rồi đắp vào bướu của rắn cho tiêu dần đi.

Rắn uốn mình, cúi đầu như bảo Vĩ trèo lên lưng nó mà cưỡi. Vĩ leo lên mình rắn, cứ thế tiến đến cửa hang, vẫn tối đen như mực. Bỗng con rắn quẫy đuôi một cái. Vĩ rơi ra ngoài cửa hang. Thế là chàng thoát khỏi nơi đó. Chàng đi tới dưới cửa một tòa thành, trên thành có cái biển vàng bắc ngang, đề mấy chữ lớn : “Cung vua Ân”. Vĩ lấy làm lạ, bèn đến trước cửa nghỉ chân. Chàng ngó vào, thấy phía sân có cái ao, trong ao có sen, bên bờ trồng hòe, liễu, đường đi thì lát gạch, rất bằng phẳng. Lại thấy lâu đài, dinh thự, quang cảnh đẹp như vẽ. Khắp nơi đồ dùng đều bằng vàng ngọc. Lại có đàn cầm, đàn sắt⁽¹⁾ treo hai bên. Ở đó, chẳng thấy ai đi lại. Chàng vốn thích đàn cầm, không nén được, bèn bước tới lấy xuống gảy một bài, du dương không dứt. Bỗng thấy một người bước ra, chàng định bỏ chạy. Người kia nói :

– Người nhà họ Thôi kia, đừng sợ. Ta là Phi hậu của vua Ân, vốn chịu ơn đức của thân sinh chàng mà chưa có dịp báo đền.

Hậu bèn giữ Vĩ lại, mở tiệc chiêu đãi. Chàng từ chối mà rằng :

– Tôi chỉ là kẻ tầm thường, may mà gặp, mong được đáp lễ Đại vương.

Phi hậu nói :

– Đại vương đang lên chầu trời theo tước phong của Thượng đế. Xin chờ nghỉ ngơi.

Nhân có người hầu đứng cạnh, Phi hậu liền bảo :

(1) Đàn sắt : tức loại đàn tranh thời cổ.

– Dương quan nhân⁽¹⁾ nhớ đưa chàng họ Thôi trở về, không được tiết lộ cho ai biết.

Vĩ liền từ biệt ra về. Chàng họ Dương kia bảo Vĩ nhắm mắt, đừng nghĩ gì, quàng lên vai chàng như ngồi xe, chỉ một chốc đến ngõ núi. Đang đi, chợt ngoảnh đầu, thấy người hầu đó đã hóa ra hòn đá “đầu dê”, dựng ở sườn núi quê nhà.

Vĩ liền tìm đến nhà Huyền, thấy đường đi dường như khác xưa, và Huyền cũng dường như không giống xưa. Đó là ngày mồng Một tháng Tám. Hai người theo bóng mặt trời buổi chiều, đi sâu ở sườn núi, bỗng thấy Ma Cô dắt tới một cô gái. Ma Cô nói với Vĩ :

– Nay vâng lệnh vua Ân và Phi hậu, vì ơn xưa, mang đến biếu anh một cặp ngọc rồng “Toại châu”.

Nguyên ngọc quý này thường có một cặp : một thư, một hùng⁽²⁾, tương truyền có từ thời Hoàng Đế đến nay. Từ khi vua Ân đeo ngọc, đi chinh chiến ở Trâu Sơn, thì mất tích cặp ngọc. Nhưng ánh sáng của chúng thường tỏa lên tận mây xanh, tận Ngân Hà, mãi cho đến đời Tần mới tắt lịm. Người ta nói chúng đã đi sang cõi Giao Nam. Người phương Bắc thường sai người sang đòi không được. Khi vua Ân biếu Vĩ cặp ngọc này, nhân có thuyền buôn đến mua, trị giá trăm nghìn vạn. Vĩ bèn bán ngọc và trở nên giàu có. Về sau, không rõ vợ chồng Vĩ thế nào. Người ta nói là đã hóa đi đâu rồi.

Tục truyền ở Việt Tĩnh cương (gò Giếng Việt) có hòn đá Đầu Dê, nay nói là ở cạnh đền Triệu Việt Vương⁽³⁾, trên núi Trâu Sơn.

BÙI VĂN NGUYÊN dịch

(1) Dương quan nhân : người phục vụ họ Dương.

(2) Thư, hùng : mái và trống, hoặc đục và cái, ví dụ : song kiếm thư, hùng.

(3) Triệu Việt Vương : xem Chú thích 2, tr. 262, truyện *Đồng Tử gặp duyên lành*, số 142, cùng tập.

145. KIM QUY HIỂN KẾ CHÉM YÊU TINH^(*)(1)

An Dương Vương⁽²⁾ họ Thục, tên Phán, vốn dòng dõi vua ở đất Ba Thục. Trước đó, Thục Phán mưu làm thông gia với Hùng Vương⁽³⁾ không xong, nên tức giận, rồi rủ rê Tần Vương⁽⁴⁾ đem quân xâm phạm phía Nam.

Nguyên trước kia đã nhiều lần Tần Vương đánh Thục không được, cho rằng đất này là nơi hiểm trở, khó chiếm. Quân Tần bèn lập mưu làm năm con trâu đá, trong ruột nhồi toàn vàng bạc, đặt ở địa điểm gần phía Tây, rồi sai người loan tin là : Tần có thứ trâu đá đẻ ra vàng. Vua Thục tưởng thật, cho người đến thẳng nơi đó, cướp lấy đem về. Tần vin vào cớ cướp trâu vàng của mình, đem đại binh đánh Thục. Thục thua liền chạy mãi về phía Nam. Bấy giờ là khoảng cuối thời Hùng Vương nước ta.

Hùng Vương lúc đó ham mê tử sắc, việc nước bỏ bê, các quan lấy làm lo phiền, trăm họ sống không yên, mà binh nhà Thục đã ở sát biên giới.

Nguyên vua Thục thường nói rằng :

– Ta cùng nhà Tần quả là khó đối chọi. Tốt hơn là nhân lúc này diệt nước Văn Lang mà làm vua, sau đó sẽ tính đến việc chống Tần.

(*) Nguyên văn : *Trúc Loa thành An Dương phi lực ;
Trám yếu phần Quy tử thần du.*

(1) Xem thêm *Truyện Rùa vàng*, số 4, Tập I.

(2) *An Dương Vương* : xem Chú thích 6, tr. 266, truyện *Nhân duyên xấu hóa nhân duyên tốt*, số 144, cùng tập.

(3) *Hùng Vương* : xem Chú thích 2, tr. 257, truyện *Đổng Tử gặp duyên lành*, số 142, cùng tập.

(4) *Tần Vương* : tức Tần Thủy Hoàng, xem Chú thích 2, tr. 23, truyện *Thượng thư Lương Hữu Khánh*, số 52, cùng tập.

Thục Vương bèn đưa lính tiến công, quân của Hùng Vương tan vỡ. Nhân đà, Thục chiếm luôn cả nước, đổi quốc hiệu là Âu Lạc, cho xây thành đầu tiên ở đất Việt Thường. Nhưng xây tới đâu lại đổ tới đó, đến gần ba, bốn tháng vẫn không xong. Vua bèn cho lập đàn cầu đảo, mộng thấy một ông già từ phía Đông Nam tiến lại mà than rằng :

– Cứ xây như vậy, biết đời nào xong ?

Vua rất mừng, bèn mời ngồi trên chiếu, đặt tiệc khoản đãi, kéo dài vài tuần⁽¹⁾. Vua nói :

– Quả nhân cứ nán nã⁽²⁾ nơi đây, định xây thành làm kế lâu dài, nhưng từ khi xây đến nay, cực nhọc đã nhiều, mà rút cuộc không thành, không rõ tại sao ? Xin ngài đừng nề hà mách cho cung cách.

Ông già đáp :

– Già này không có tài gì đâu. Vài hôm nữa, có Giang sứ tới, nhà vua đừng sợ, hỏi Giang sứ sẽ không khó nhọc gì, mà thành khắc xây được.

Nói xong, ông già từ biệt mà đi.

Ngày hôm sau, vua ra cửa Đông xem xét, thấy quân sĩ đi lại tấp nập như mắc cửi, đang vác đất, vác đá xây thành. Bỗng tin báo có một con rùa vàng rất to bơi từ phía Đông tới, nổi lênh bênh trên mặt nước, rùa lại có thể nói chuyện với người. Không rõ chuyện hư thực ra sao.

Vua lấy làm lạ, nghĩ : “Có lẽ là thật, chẳng phải ông già kia đã nói hay sao ?”. Vua bèn cho xe ngọc mời rùa vào thành, truyền soạn tiệc thết đãi, rồi mời lên điện trên, nhân hỏi việc xây thành thế nào cho không đổ.

Rùa đáp :

– Ở đây có Sơn Tinh⁽³⁾, linh hồn vốn đồng dôi Hùng Vương trước kia, hiện lên báo thù. Nơi đây, vốn có con gà trắng, trải hàng nghìn năm, nhiệm phải tinh khí nói trên, hóa thành yêu tinh, ẩn trong núi Thất Diệu⁽⁴⁾. Lại có một nhóm quỷ khác, vốn là linh hồn của bọn nhạc công thời Hùng Vương, ở trong một cái quán, tên quán là Ma Lôi, tại xã Xuân Lôi là quán thường

(1) *Tuần* : đơn vị thời gian xưa gồm 10 ngày trong một tháng, tức thượng tuần, trung tuần, hạ tuần ; nhưng ở đây có thể chỉ tuần rước.

(2) Nguyên văn là *tạm cư* (ở tạm).

(3) *Sơn Tinh* : có lẽ không phải Sơn Tinh trong truyện *Thánh Tán Viên*, đây chỉ là danh từ chung chỉ con tinh ở núi.

(4) *Thất Diệu* : còn gọi là Thất Tinh, là một dãy núi bảy ngọn liên tiếp.

chứa người qua lại. Chủ quán tên là Ngô Không, có một người con gái, đã đến tuổi dậy thì. Quán còn nuôi một con gà trống trắng, lâu ngày, con gà này cũng trở thành yêu, thường hóa phép, làm hại khách qua lại đã nhiều. Nay nếu giết được con gà đó đi, rồi yểm quỷ, tất nó sẽ hóa thành con cú vọ, ngậm một phong thư, đỗ trên cọc bờ rào⁽¹⁾ của tường thành, thăm thương kêu gào lên Thượng đế, xin cho phá cái thành này.

Trước đây, tôi đã khuyên nhủ tính con gà đó, nhưng nó không nghe. Tôi phải lấy được cái thư kết bè cánh mà nó ngậm ở mỏ, lấy đó làm chứng tích để hỏi tội nó thì tức khắc thành xây được, không tốn mấy công sức.

Vua làm theo kế đó, đêm đến giả làm người đi đường, vào quán xin ngủ nhờ, đặt rùa vàng ngồi ở phía trên. Ngô Không thấy thế, nói rằng :

– Ở đây nguy hiểm thì nhiều, mà hay ho thì ít. Trời sắp tối, xin ngài đi đi cho, chớ ở lại mà mang họa.

Vua cười mà rằng :

– Sống chết có số, ma quỷ làm gì được ta ?

Tối đó, bọn quỷ từ bên ngoài len vào. Rùa vàng thét :

– Sao chúng mày dám tung hoành, đường đột quấy rối ?

Rùa vàng bèn phóng hào quang biến hóa, khiến bọn quỷ sợ, không dám vào. Rùa vàng rượt đuổi, đến núi Thất Diệu thì bọn quỷ biến mất. Vua trở về quán.

Sáng hôm sau, chủ quán sai tôi tới quét dọn thây khách trọ chết sót lại, thấy nhà vua vẫn cười nói như thường, liền vái lạy mà nói :

– Kẻ già này đã từng trải, chưa thấy ai có phép thần thông như ngài, nay xin ngài đưa phép thần đó ra cứu người, giúp đời.

Nhà vua đáp :

– Đúng như vậy. Cứ cầu trời đất thần linh thì lập tức quỷ quái không dám quấy phá nữa.

Vua truyền giết con gà trống trắng. Con gà chết thì cô gái con chủ quán cũng chết ! Lại sai đào dưới núi Thất Diệu tìm được một số nhạc cụ thời xưa⁽²⁾ và một ít tro của hài cốt còn sót lại. Tất cả đem ném xuống sông

(1) *Cọc bờ rào* : nguyên văn là *sách hạch* ; con cú lúc đầu đỗ ở cọc rào, sau mới đậu cây chiên đàn.

(2) *Nhạc cụ thời xưa* : không rõ nhạc cụ gì, có thể là khánh đá, chiêng đồng, trống đồng....

Chiều hôm đó, vua và rùa vàng trèo lên đầu non, thấy một con cú vọ, mỏ xanh, mào đỏ, sáu chân, bốn cánh, miệng ngậm phong thư, đậu trên cây chiên đàn. Rùa vàng liền hóa làm đàn chuột lớn, hàng nghìn con đuổi theo cú, giết đi. Phong thư rơi xuống, nhà vua vội cầm lấy ngay, thấy mới một đến nửa rồi. Từ đó, hết nạn yêu tinh và thành xây khoảng nửa tháng thì xong.

Thành rộng khoảng nghìn trượng, xoắn như hình ốc, nên gọi là Loa Thành, còn có tên Tư Long Thành. Rùa vàng lưu lại đến ba năm rồi từ giã nhà vua. Vua hỏi :

– Cảm ơn nhà ngươi, nay thành đã xây xong. Nếu có ngoại xâm, lấy gì mà chống đỡ ?

Rùa vàng nói :

– An nguy tự trời, cần ăn ở cho có đức, sẽ gặp may. Nay nhà vua muốn có chỗ dựa, ta không lẽ không cảm thông.

Rùa vàng bèn rút cho vua cái móng và nói :

– Nhà vua cầm lấy vật này làm lẫy nỏ, không còn lo gì việc chống ngoại xâm nữa.

Nói xong, bèn từ biệt nhà vua.

Vua sai Cao Lỗ⁽¹⁾ chế nỏ thần, lấy vuốt rùa làm lẫy, gọi là “nỏ thần Kim Quy”.

Khoảng đó, nhà Tần muốn thôn tính Âu Lạc, tiến binh mấy lần. Nhà vua thấy thế nước mình còn yếu, không chống đỡ nổi bèn đưa Lý Thần⁽²⁾ làm con tin. Lại khoảng ba mươi năm sau, Ông Trọng ốm rồi mất. Tần Thủy Hoàng⁽³⁾ liền sai Nhâm Hiêu⁽⁴⁾, Triệu Đà⁽⁵⁾ sang xâm lược nước ta.

(1) Cao Lỗ : một tướng giỏi của An Dương Vương có tài chế lẫy nỏ.

(2) Lý Thần : tức Lý Ông Trọng, xem Chú thích 4, tr. 224, truyện Ông Lê Trãi, số 133, cùng tập.

(3) Tần Thủy Hoàng : xem Chú thích 2, tr. 23, truyện Thượng thư Lương Hữu Khánh, số 52, cùng tập.

(4) Nhâm Hiêu : tức Nhâm Ngao, xem Chú thích 2, tr. 264, truyện Xương Cuồng ý thế, số 143, cùng tập.

(5) Triệu Đà : xem Chú thích 3, tr. 264, truyện Xương Cuồng ý thế, số 143, cùng tập.

Hai bên giao chiến, vua lấy nỏ thần ra bắn. Quân Tần bị thua phải rút về Bắc. Lúc đó, quân Đà đóng ở núi Trâu Sơn, phía Bắc sông. Hai bên cầm cự ở đó trên trăm ngày. Đà biết vua có nỏ thần, không địch được, bèn xin giảng hòa. Vua cất phía Bắc sông Thiên Đức cho Đà trị dân.

Ít lâu sau, Đà cho Trọng Thủy sang cầu hôn My Châu. Vua không ngờ Đà có dụng ý, bèn gả My Châu cho Thủy. Từ đó hai bên hòa hảo. Bỗng một hôm Trọng Thủy bảo My Châu :

– Nếu một ngày kia hai vua cha đánh nhau, thì lấy gì mà chống đỡ ? Liệu cho biết được chăng ?

My Châu liền nói thật về cái nỏ thần rất lợi hại, rồi đưa cho Thủy xem. Thủy bèn tìm cách đánh tráo nỏ thần giấu vào tay áo, định trốn về. Nhưng chàng lại tham luyện cả tình yêu, trù trừ mấy ngày, bỗng rơi lệ khóc. My Châu thấy chồng như vậy, liền hỏi. Thủy nói :

– Ta lưu lạc bấy lâu, nay muốn về thăm nhà. Nghĩ đến tình vợ chồng, do dự chưa quyết. Chỉ sợ sau khi ta đi rồi, Nam Bắc không hòa thuận, chúng ta khó có dịp được gặp nhau, nhân nghĩ vậy mà khóc.

My Châu nghe nói, lòng bàng hoàng, ăn không ngon, liền đáp :

– Ông cha mẹ rất lớn, thiếp không thể rời được. Nếu chàng đi rồi, thiếp có cái chân dẹt lông ngỗng, lúc hữu sự, thiếp sẽ rắc lông ngỗng làm dấu, chàng theo dấu đó mà tìm, sẽ gặp thiếp.

Hai bên từ biệt nhau.

Thủy trở về quê, đưa lấy nỏ thần cho cha. Đà rất ngạc nhiên, nói với mọi người :

– Trời đã cho ta nỏ thiêng. Vậy Phán có mạnh đến đâu cũng không đáng sợ.

Đà bèn tiến binh đánh Thục. Vua Thục cậy có nỏ thần, ngồi chơi cờ, cười nói :

– Đà không sợ nỏ thần ta sao ?

Khi Đà vây đánh, vua Thục đưa nỏ ra bắn, thấy mất hiệu nghiệm. Quân Thục vỡ, vua đưa My Châu theo phía Nam mà chạy. Trọng Thủy tìm dấu lông ngỗng đuổi theo. Vua chạy đến bờ biển, gọi to :

– Trời hại ta. Giang sứ rùa vàng đâu rồi, cứu ta với.

Rùa vàng liền xuất hiện trên sông, mắng rằng :

– Kẻ ngồi phía sau mình ngựa là giặc đó. Giết đi thôi.

Vua đưa kiếm chém My Châu rơi xuống ngựa. Lúc sắp chết, My Châu ngẩng mặt lên trời mà than :

– Thiếp là phận gái, theo lẽ tam tông⁽¹⁾. Nếu có lòng nào hại cha, thì khi chết rồi, xin hóa làm bụi bặm, chịu kiếp bùn nhơ, còn như trung hiếu một tiết, mà lại bị người ta khinh nhờn, thì xin được chứng cho là trong sạch, không dơ bẩn gì, xin hóa làm châu ngọc, rửa sạch cõi lòng thù oán.

My Châu chết ở bờ biển, máu chảy xuống nước, trai sò ăn phải đều biến thành hạt châu sáng loáng.

Vua Thục cầm sừng tê bảy tấc, theo rùa vàng rẽ nước vào Thủy cung. Về sau không hiểu ra sao.

Quân Đà kéo tới, không thấy gì nữa, chỉ có xác My Châu. Trọng Thủy ôm xác vợ về Loa Thành, mỗi lần ra tắm giặt ở xứ đó, lại đau đớn khôn xiết, liền gieo mình xuống giếng mà chết. Người đời lấy ngọc trai biển, múc nước giếng đó mà rửa, thì ngọc sáng đẹp ra. Cho nên người ta cũng gọi My Châu là Minh Châu.

Xét Loa Thành ở huyện Đông Ngàn, Kinh Bắc, người đời Đường gọi là Luy Lâu Thành vì thành cao. Nhưng người đời truyền rằng thành lại ở huyện Đông Thành, Nghệ An, tại làng Cao Xá, Huê Tân Sơn, tục gọi là Dạ Sơn, chính là nơi vua Thục đi vào biển. Không rõ thực hư ra sao ?

BÙI VĂN NGUYỄN dịch

(1) *Tam tông* : ở nhà theo cha, lấy chồng theo chồng, chồng chết theo con trai, là một trong những quy tắc ứng xử mà Nho giáo đặt ra cho người phụ nữ.

146. MAN THỊ CẦU QUẢ PHÚC^(*)(1)

Thời Hiến Đế⁽²⁾ nước ta bị đô hộ. Thứ sử Giao Châu bấy giờ là Sĩ Nhiếp⁽³⁾, tự Ngạn Uy, người Quảng Tín, Thương Ngô, tính hiền lành, hay nhường nhịn và bao che kẻ dưới, nên trăm họ yên vui. Nhân đó có những câu đồng dao⁽⁴⁾ như sau :

- Thiên hê cao, địa hê khoát,
Viêm hải, ôn phong thông ngũ đạt.
- Nhật lãng túng ngư da,
Dạ tâm an chẩm han.
- Hàm bộ, cổ phúc, tự ngâm nga,
Cơ dã thực hê, ẩm dã khát.

Nghĩa là :

- Trời cao chừ, đất rộng chừ,
Biển ấm, thông suốt, gió lộng chừ.
- Ngày rạng trâu lội nhấp nhô,
Đêm nằm yên gối phì phò.
- Miệng má, lòng rung, ngân nga uốn giọng,
Đói thì ăn chừ, khát thì uống.

(*) Nguyên văn : *Pháp thái sư thốn hoài như sở ước ;*

Man tiểu thư nhất niệm quả tòng tâm.

(1) Xem thêm *Truyện Man Nương*, số 5, Tập 1.

(2) *Hiến Đế* : vua nhà Đông Hán, Trung Quốc, ở ngôi 189 - 220.

(3) *Sĩ Nhiếp* : nhà Hán cử làm Thái thú trông coi bảy quận Giao Chỉ từ năm 187 đến 226. Như vậy Sĩ Nhiếp sang nước ta từ năm Trung Bình thứ tư đời Hán Linh Đế.

(4) *Đồng dao* : tức đồng dao nước ta thời Đông Hán, không rõ nguyên văn thế nào, đây chỉ dịch theo nguyên văn chữ Hán.

Ngay từ lúc nhậm chức, nhân trong vùng vô sự, Sĩ Nhiếp cho đắp đất xây thành ở phía Nam Bình Giang, thuộc vùng Luy Lâu, để làm trị sở của Thứ sử.

Ở phía Nam thành có cái am cổ gọi là Phúc Nghiêm thiền lâm. Đó vốn là chùa cổ của đất Viêm Bang. Nơi đây, có một vị sư già trụ trì đã hơn mười năm, pháp hiệu là Già La Đồ Lê hành giả. Vị sư này, hình dáng gầy gò, nói năng sang sảng, vẻ mặt sắc sảo, nói là đã sống trên ba trăm năm, từ nước Thiên Trúc ở phía Tây sang. Nhà sư có phép rút đất ngấn lại, phi thân lên cao, có thuật nháy một chân, có thể làm phép cầu mưa, cầu nắng, hay cầu các việc sống chết, sinh hóa ở đời, không việc gì là không hiệu nghiệm. Người đời rất tin dùng, quen gọi là thầy Hành giả. Tiếng đồn đại xa gần, rồi hề có việc gì như oan ức, oán thù, người bốn phương, trai gái trẻ già đều kéo đến vái lạy, đông như họp chợ. Thời đó, người ta gọi là nơi đô hội.

Cũng khoảng đó, ở xã Man Xá, quận Siêu Khê có cô con gái họ Man, tên là Thư, tiểu tự là Diễm⁽¹⁾, cha mẹ mất sớm, đói nghèo cùng cực.

Tuy ở trong cảnh cơ hàn như vậy, thế mà vóc người vẫn có da thịt, không thay đổi mấy. Nàng mê đạo Phật, có điều còn sợ người ta chế giễu, cho nên phải giấu kín lòng mình.

Một hôm, nàng đang hái rau trong rừng, bỗng thấy một đám trai gái chuyện trò rôm rả ở gần đấy. Cô lắng nghe. Một đứa trong bọn nói rằng :

– Cảnh nơi từ bi này là đệ nhất danh lam nước Việt ta đó.

Một người có tuổi hơn nói tiếp :

– Tính Phật trang nghiêm, quả phúc là vô số, như bọn ta thế này may lắm suốt đời chỉ được một mà thôi.

Một người trẻ tuổi khác tiếp :

– Các vị cứ bàn những chuyện cao siêu ở đâu, nhưng vẫn chưa thật lạ kỳ. Đại phạm Phật lấy vô vi làm nhân⁽²⁾, lấy từ bi làm đức, lấy đạ

(1) *Man thị* : nguyên văn nói họ Man, tên Thư, tiểu tự Diễm (đẹp) có lẽ là do người ta thêm đặt thêm.

(2) *Lấy vô vi làm nhân* : đây là một hiện tượng vận dụng khái niệm Lão – Trang để diễn đạt các tư tưởng Phật giáo, khi Phật giáo du nhập vào Trung Quốc.

làm trí, lấy điều thiện làm tin, lấy việc thiện làm nghĩa, lấy không sát sinh làm phúc, lấy sự trai giới, thanh tịnh làm lễ, lấy cảnh nhà tranh, núi đồi làm giàu. Tám điều nói trên chính là tám đường tu hành khác người, để trở thành thánh, chứ đâu chỉ có chuyện xây đời cho tráng lệ ?

Mọi người nghe qua đều không ngớt tán thưởng. Man thị trộm nghe được, rất thích, nghĩ thầm rằng : “Bọn chúng đều như một. Ta cần đến xem thử để cho lòng thêm quả quyết. Giá được như vậy, thì tháng ngày khỏi lo cái nạn đói rét”. Nàng lại nghĩ tiếp : “Cha mẹ ta mất sớm, ta chẳng được dạy dỗ gì. Nay nghe họ nói, cũng chẳng biết gì mà ứng đối. Chỉ lo đủ bữa ăn hằng ngày, nay đi gặp cửa từ bi, như đi tới chỗ nước tràn ngoài biển, hay chỗ cỏ mọc trong rừng. Vậy đó là cuộc đời quý hay là tiện ? Tốt nhất, ta cứ đi tới đó, sau sẽ hay”.

Man thị đứng tần ngần, suy nghĩ miên man. Mặt trời đã lặn lúc nào. Gà đã về chuồng. Cảnh chùa vắng vẻ. Tiếng chuông văng vẳng, mây núi mịt mù. Man thị lại tự nói với mình : “Nhân lúc rảnh, ta cứ bạch rõ với thầy, không được thờ ơ rụt rè nữa”.

Nàng liền tiến vào cửa chùa, thấy lâu đài nguy nga, ngang dọc, quả như mấy người kia nói, thần phục mà rằng :

– Đúng là quang cảnh đẹp thật !

Thấy mấy vị tu hành trong chùa, nàng hơi hồi hộp. Nhưng lúc đó, trời đã tối đen, tiến dõ, thoái dõ, đành bước vào chỗ Phật đài, nơi sư cụ tĩnh tọa, dập đầu vái lạy lia lịa.

Sư Già La ngạc nhiên thấy một cô gái, từ tốn hỏi :

– Có gì nàng đến đây ?

Nàng đáp :

– Bạch sư cụ, thiếp là Man thị.

Tiếp đó, nàng trình bày rõ nguồn cơn.

Nhà sư nghe mà thương tình. Hồi lâu, sư nói :

– Ta ở đây, từ lâu không dung nạp con gái vào chùa. Hướng gì, người tu hành ở đây đều là nam cả. Như không dung nạp, hóa ra cửa Phật hẹp hòi, mà dung nạp, người ta lại chê cười.

Sư tự nghĩ : “Nay đêm đã khuya, để nó về thì lòng bất nhẫn, bề nào cũng khó nghĩ, không biết làm thế nào ?”.

Nhà sư lại hỏi Man thị :

– Nàng có biết chữ không ?

Nàng trả lời :

– Không biết.

Nhà sư vui vẻ nói :

– Nàng không biết chữ thì ở trong bếp nấu nướng, chỉ nghe người ta tụng niệm cũng có thể bước tới nơi tịnh độ được. Vậy ý nàng thế nào ?

Man thị nghe nói vậy, mừng quá, trả lời ưng thuận.

Người trong chùa gọi nàng là Man Nương.

Lại nói, từ lúc vào chùa đến bấy giờ, Man Nương dốc lòng tu hành, không nói năng, không giao thiệp gì với ai, chỉ lo việc bếp núc ngày này qua ngày khác, mặc cho khách thập phương đi lại như mắc cửi. Cửa cái cũng vái hàng ngày cho nhà chùa, lên đến hàng nghìn vàng.

Một hôm vào khoảng tháng Năm, tháng Sáu, các thầy chùa sau khi tụng kinh xong, ai về phòng nấy. Man thị rất vất vả, trải qua mấy ngày phục dịch, ngày thì thổi cơm, đun nước, đêm thì chăm sóc hương đèn. Nhân thân thể mệt mỏi, nàng hóng gió mát mùa hè ở ngưỡng cửa, rồi ngủ thiếp phía ngoài phòng.

Đang đêm sư cụ đi giảng kinh về qua đó, vô tình bước qua bụng nàng.

Thế là chỉ ít lâu, Man thị có mang. Ba bốn tháng sau, dư luận xôn xao. Man thị xấu hổ bỏ đi. Sư cụ cũng thẹn mà trốn.

Man thị đến một nơi có ba cái gò, phía trái ba gò đó có một ngôi miếu cổ, trước miếu có con ngòi chảy qua. Bốn bề vắng tanh, không có bóng người. Man thị bèn ở đấy, xin ăn qua ngày. Đến tháng, nàng sinh được một bé gái mặt đẹp sáng như trăng non, khoé mắt gọn sóng. Nàng thầm nghĩ : “Ta nghe nói người xưa ướm thử dấu chân khổng lồ, hay nuốt trứng chim én mà có cháu. Ấu cũng là chuyện một thời, qua đã lâu rồi. Ta tuy không phải như vậy, mà lại giống như vậy, sao lại có sự tương quan đến thế ? Con gái ta sẽ là hậu phi chăng, là tiên nữ chăng ?”. Rồi nàng tự trả lời : “Ni cô

mà có con, sáng chiều ôm cái nọ, còn sống sao được nữa ? Tiếng đời cười chê biết trả lời sao ? Hay ta đi tìm nhà sư, trả con cho ông ta. Dù ông có nói không sinh ra nó, nhưng ông vốn từ bi, ông không thể bỏ nó”.

Đang nghĩ như vậy, thì may quá, nàng thấy sư Già La chống gậy tích trượng đi qua. Man thị mừng quá, chạy theo gọi. Nhà sư thấy nàng, định bỏ đi. Nàng liền ôm bé gái, đặt vào tay nhà sư. Nhà sư bằng hoàng một lúc, sực thấy nơi ba cái gò có cây đa to, cao ngất, lá như tán che, thân khoảng mười người ôm, ở giữa có cái hốc. Ông mừng quá tự nghĩ : “Ta có cách gửi nó vào đây rồi”. Sư bèn đến gốc ấy, khấn rằng :

– Ta vốn từ bi, nay có việc hệ trọng, muốn nhờ cây giúp, cây phải cố, không được bội ước.

Rồi sư đặt bé gái vào hốc cây và nói tiếp :

– Sau này, có thành quả phúc là công lao của cây đấy.

Nói xong, sư quay lại, đưa cho Man thị cây gậy và nói :

– Đây là cây gậy trời ban cho. Nay cho nàng, nàng cầm lấy, kíp trở về. Nếu gặp lúc hạn hán, nhớ cầm gậy chỉ trước mặt, tự khắc có nước, nếu gặp lụt lội, cầm gậy chỉ lên không, tự khắc trời nắng.

Nhà sư nói xong bay lên mây mà biến mất. Man thị sợ bỏ đi, xin vào chùa làng mà tu. Dân địa phương cũng tin cây. Về sau, khi Man thị đã hơn chín mươi tuổi, bỗng một hôm thấy trời đất tối mịt, mưa to gió lớn. Có cây đa đổ, trồi đến trước chùa, gió rung nước chảy không trôi. Người làng chặt cây để làm củi, nhưng chặt đến rễ riu và người bị thương mới đổ, hợp trai tráng năm sáu trăm người kéo lên không nổi. Người các nơi kéo đến xem tấp nập như họp chợ.

Kịp khi Man thị ra bến rửa chân, thấy thế, nhận ra đó chính là cây đa xưa kia, bé gái được bỏ vào hốc của nó. Man thị động lòng xúc cảm mà rằng :

– Em bé đó ư ? Ta là mẹ đấy.

Nói xong tay kéo cây gỗ vào. Tức thì cây gỗ cử động. Mọi người lấy làm lạ, liền cùng Man thị kéo cây lên bờ. Làng sai thợ xẻ cây đa ra làm bốn phần, tạc bốn pho tượng. Khi thợ mộc đến hốc cây, chỗ giấu em bé thuở nọ thì thấy em đã hóa thành một hòn đá trắng, sắc long lanh, rất cứng. Người thợ sợ quá, vứt đá xuống vực sâu, nghe có tiếng vàng,

tiếng ngọc reo, có ánh sáng tỏa lên mặt nước. Một lúc sau, hòn đá kia mới chìm. Mọi người hoảng sợ, bèn sai người lặn xuống nước tìm lại.

Kịp khi bốn pho tượng đẽo đã xong, làng làm lễ khánh thành thì sư Già La bỗng nhiên tới, phán rằng :

– Pháp Vân, Pháp Vũ, Pháp Lôi, Pháp Điện, lập bốn chùa mà thờ⁽¹⁾.

Đó là ngày mồng 4 tháng Tư⁽²⁾. Cùng ngày đó, Man thị không bệnh mà mất, thọ chín mươi ba tuổi, táng ngay cạnh chùa. Người trong vùng lấy ngày đó làm ngày Phật sinh, gọi Man Nương là Phật mẫu. Phàm các nơi đến cầu đảo đều rất linh nghiệm. Trải bao năm tháng, bốn phương trai gái đến cầu phúc tại đây, gọi là ngày hội Tắm Phật.

Cho đến nay, khói hương vẫn còn, chùa được triều đình đứng ra tế lễ.

BÙI VĂN NGUYỄN dịch

(1) *Tứ pháp* : Vân, Vũ, Lôi, Điện (mây, mưa, sấm, sét). Chùa Pháp Vân, tức chùa Thiên Định Diên Ứng ở vùng Dâu, chùa Pháp Vũ là chùa Đậu, chùa Pháp Lôi là chùa Tướng, chùa Pháp Điện là chùa Đàn (chú thích theo *Hà Bắc ngàn năm văn hiến*, tập I, Ty Văn hóa Hà Bắc xuất bản, 1973).

(2) Ngày Phật đản là 8 tháng Tư Âm lịch, không hiểu sao ở đây lại ghi là ngày 4 tháng Tư Âm lịch.

147. LIỆT NỮ GIẤU KÍN VẾT NHƠ^(*)

Phu nhân vốn người Chiêm Thành, gọi là My Ê⁽¹⁾, vợ vua Chiêm. Đời Lý Thái Tông⁽²⁾, Sạ Đầu⁽³⁾ xâm phạm biên giới nước ta, dân tình rất khổ, vua ta thân chinh⁽⁴⁾ tiến vào cửa Bố Hải gặp quân Chiêm. Ta đánh chiếm Thuận Châu. Đại tướng quân ta lúc đó là Quách Gia Di⁽⁵⁾, tiền sư là Tăng Thế Tắc⁽⁶⁾, Lê Phụng Hiếu⁽⁷⁾, v.v. Hai mặt thủy bộ đều tiến, vây chặt địch, chém Sạ Đầu tại trận, chiếm đất đặt quân cai trị. Lại bắt cả vợ và phi tần, trong đó có My Ê. Xong xuôi kéo về ăn mừng thắng trận. Khi nhà vua về đến Hoàng Giang, nghe đồn phu nhân My Ê đẹp, lại hát hay bèn cho gọi đến châu. Phu nhân từ chối và nói :

– Thiếp là vợ vua mất nước, kể ra đã nhơ nhục lắm rồi. Mong nhà vua dẹp yên bốn cõi, để cho nơi nơi được lên chốn đài xuân⁽⁸⁾, thiếp cũng được đội ơn lớn, nhờ lượng bề trên.

Sứ giả về tâu rõ sự thật. Vua cho là người hiền.

Từ đó phu nhân không vui, thường ngửa mặt lên trời mà than rằng :

(*) Nguyên văn : *Báo quốc nạn trình nhân chính danh phận ;*

Điểm mỹ ngọc liệt nữ nặc vi hà.

(1) *My Ê* : vợ vua Chiêm là Sạ Đầu.

(2) *Lý Thái Tông* : tức Lý Phật Mã, vua thứ hai nhà Lý, ở ngôi 1028 - 1054.

(3) *Sạ Đầu* : vua Chiêm Thành (? - 1044).

(4) *Vua ta thân chinh* : tức vua Lý Thái Tông, năm 1044 đem quân vào cửa Bố Chính.

(5) *Quách Gia Di* : chưa rõ tiểu sử.

(6) *Tăng Thế Tắc* : chưa rõ tiểu sử.

(7) *Lê Phụng Hiếu* : tướng giỏi và có sức khỏe đời Lý.

(8) *Đài xuân* : nguyên là đài đắp để đón xuân thời xưa. Về sau chỉ là hình tượng tượng trưng cho buổi thanh bình của đất nước.

– Lấy lẽ tam cương làm trọng thì nghĩa vợ chồng nên coi làm đầu ; xét chung đạo thường thì vua tôi ở trên. Thờ ta ở với quốc vương⁽¹⁾, vương khuyên rằng : “Nhỏ thì phải thờ lớn” nhưng rồi vương lại không để ý lẽ đó, khiến cho nước mất, nhà tan, bốn phía non sông một tấc đất không còn. Sao ta lại không giữ được lẽ “Tráng sĩ cứu nạn, liệt nữ tuấn thân?”. Nay ta há nể tình riêng mà thất tiết sao ?

Nói xong, phu nhân lấy chân chiến quần vào mình, rồi nhảy xuống sông mà chết. Vua Lý nghe tin, rất ái ngại, bèn sai lập miếu thờ, để biểu dương lòng trinh tiết.

Về sau, mỗi khi tới đến, trăng lên, gió lộng, thường vọng tiếng thờ than ai oán. Người nước ta cho là người vợ có nghĩa. Bấy giờ có người làm nghề bắt cá tên Điền Hoàn, đã bốn mươi, mà chưa vợ. Một hôm, anh ta câu cá trên bến sông bỗng thấy thi hài phu nhân nổi lên ở cửa sông. Anh thấy sắc đẹp phu nhân tuyệt thế, bèn ôm lên trên bãi cát, rồi chợt nảy ý nghĩ tà dâm : “Nàng kia tuy đã chết, nhưng vẫn đẹp nhất trần đời. Ta chỉ giao hợp một lần, cũng đủ khoái rồi”.

Anh bèn cùng thi hài giao hợp. Không ngờ tử khí bốc lên, anh ta trúng độc mà chết. Người trong vùng kéo tới nơi, thấy hai thầy ma ôm chồng lên nhau, cứ bập bênh theo sóng dôi lên dập xuống. Người ta cũng đoán người con trai kia chỉ là một kẻ nghèo hèn, mà đã dám làm nhục một người có ngọc thể như vậy. Họ bèn chôn hai người đối diện nhau ở trên bãi sông. Ít lâu, nhân thấy có sự linh ứng, người địa phương lập miếu thờ.

Về sau, nhà vua⁽²⁾ đi tuần thú, nhân qua phủ Lý Nhân ghé chỗ có miếu thờ nói trên. Các quan tả hữu hỏi thăm người địa phương về sự tích. Họ nói rõ đầu đuôi câu chuyện. Vua lấy làm thương hại, liền khẩn rằng :

– Nếu phu nhân có thiêng, thì tau trình cho trẫm rõ.

Tối hôm đó, vua mộng thấy một người con gái sắc đẹp như Hằng Nga, mình mặc áo Chiêm Thành, đầu cài trâm Hải Vân, vừa khóc, vừa lay. Vua hỏi thì nàng đáp :

– Thiếp là vợ của Sạ Đầu. Thiếp vốn được Sạ Đầu yêu dấu. Không may, chồng thiếp cùng bề hạ tranh quyền, đến nỗi thân táng, nước mất. Thiếp nghĩ rằng : “Phàm làm vợ, chỉ thờ một chồng mà thôi, nên không thể

(1) Quốc vương : ở đây chỉ Sạ Đầu.

(2) Nhà vua : có lẽ là Lý Nhân Tông (1066 - 1128). Vua có dịp ngự thuyền vào chơi Lý Nhân, hỏi sự tích đền thờ Mỹ Ê (theo *Việt điện u linh tập* của Lý Tế Xuyên).

nhấn tâm cắt đứt tình nghĩa vợ chồng được”. Kính mong được thấu tình, thiếp sẽ an phận, vì đã tỏ rõ ruột gan. Ôn trên rất lớn, phải chăng như vậy là linh ứng, kính mong Thánh thượng chứng giám cho.

Vua lấy làm lạ, rất khen phu nhân, truyền cho làm lễ Thái lao và phong làm Hiệp chính nương. Sai dời mộ Điền Hoàn ra nhà đá⁽¹⁾. Nay xét thấy ở nhà đá có thứ cần trúc dùng làm cán⁽²⁾. Miếu thờ My Ê ở trên bến Hoàng Giang, huyện Nam Xương.

Về sau, Đạm Trai tiên sinh⁽³⁾ có thơ rằng :

**Bạc vân danh tiết đối Nam khung,
Khắc tự cương thường hệ nhất chung.
Đặng đặng ba đào phù chính khí,
Mông minh thiên sắc chiếu cô trung.
Tàn đầu lẫm lẫm thu sương khiết,
Miếu mạo nguy nguy liệt nhật hồng.
Tổ thị nữ nhi danh phận xử,
Kham luận (luận) tinh bạch thiếu cơ trung.**

*(Trời Nam danh tiết áng mây lồng,
Xếp bạc cương thường nhất thúy chung.
Bảng lảng sóng cồn bầu chính khí,
Mênh mông trời rạng tám cô trung.
Bến sông thăm dợt sương thu trắng,
Nền miếu soi cao ánh nhật hồng.
Danh phận nữ nhi đành phải thế,
Trắng tình, hàn thử, xứng hay không ?)*

BÙI VĂN NGUYỄN dịch

(1) Nhà đá : nguyên văn thạch thất tức nhà ghép bằng các phiến đá lớn để làm nơi tàng trữ những đồ vật dễ ẩm nát, như sách vở, đồ gỗ, cũng có thể làm nơi tu hành ẩn dật (NBS).

(2) Cán trúc dùng làm cán : nguyên văn can trúc bình 竿竹秉, chữ bình nghĩa đen là cái cán, nghĩa bóng là quyền hành.

(3) Đạm Trai : có lẽ là Nhữ Bá Sĩ (1788 - 1867), người xã Cát Xuyên, tổng Chương Sơn, nay là huyện Hoàng Hóa, tỉnh Thanh Hóa. 1821, đỗ Hương cống, thi Hội đỗ Tam trường. Từng bị đi Hiệu lực ở Quảng Đông (Trung Quốc) (NBS chú).

148. HÀNG DẦU HUỞNG LỘC TRỜI(*)

Đời Lý Nhân Tông⁽¹⁾ trong nước yên ổn, người già vui hưởng, trẻ em ca hát. Vua bị đau mắt, thấy thuốc chữa đủ cách mà không khỏi. Nghe đồn ở Kim Bảng có Đạo sĩ, đạo hiệu là Thỉ Cốc tiên sinh, ẩn núi Vân Mộng, hiểu sâu đạo lý *Kinh dịch*. Ông sống đã hơn ba trăm tuổi, chỉ thở không khí mà không ăn cơm⁽²⁾, nắm được bí quyết Quý Cốc⁽³⁾, người đời gọi là “thuốc tiên”. Vua sai quan là Tăng Quốc vào núi thăm dò, tìm vị Đạo sĩ kia. Vị quan họ Tăng chỉ thấy một nơi tùng bách rậm rì, mạn đào tốt tươi, xa lánh trần gian, bóng người vắng vẻ. Ông tiến đến trước cửa am, rồi xuống ngựa, nghe có tiếng nói trong chùa. Bỗng một chú nhỏ xuất hiện mà nói :

– Ngài có phải là sứ giả nhà vua chăng ?

Vị quan Tăng nọ ngạc nhiên hỏi :

– Sao chú lại biết ?

Chú nhỏ đáp :

– Hôm qua, tôi nghe thấy tôi nói rằng : khoảng trưa nay, có sứ giả họ Tăng đến tìm. Quả nhiên đúng như vậy.

Vị quan họ Tăng nói :

– Ta là người vùng này, nghe tiếng tiên ông đồn dậy như sấm ran, cho nên đến đây. Không rõ tiên ông có nhà không, phiền chú vào trình dùm.

(*) Nguyên văn : *Diễn giảng tâm cứu trùng thanh địa tích ;*

Mại du gia nhất đối hưởng thiên ân.

(1) *Lý Nhân Tông* : tức Lý Càn Đức (1066 - 1128), vua thứ tư nhà Lý, ở ngôi 1072 - 1128. Niên hiệu Thái Ninh, Anh Vũ Chiêu Thắng, Quảng Hựu, Hội Phong, Long Phù Nguyên Hóa, Hội Tường Đại Khánh, Thiên Phù Duệ Võ, Thiên Phù Khánh Thọ.

(2) *Không ăn cơm* : tức “tịch cốc”, thuật ngữ Đạo giáo chỉ việc nhịn ăn các loại ngũ cốc, chỉ ăn hoa quả mà thôi.

(3) *Quý Cốc* : tên địa danh nơi Vương Hù thời Chiến Quốc (Trung Quốc) đã ở rồi lấy tên đó làm tên hiệu. Quý Cốc rất giỏi *Kinh dịch*, được người đời tôn là ông tổ tướng số.

Chú nhỏ nói :

– Hiện thấy tôi ở trong rừng tuyết mai. Xin ngài ngồi chơi một lát, tôi vào rừng trình thầy.

Chú nhỏ nói xong thì đi. Một chốc sau, thấy một người tám thước, tóc bạc, thân từng, hình dung cổ quái, đầu đội mũ có ngấn sừng bạc, chân đi giày có thỏ, tay chống gậy trúc, từ từ bước tới, vái chào mà rằng :

– Kê bản đạo sống nơi nghèo nàn, xa cảnh triều đình. Nay ngài đoái tới, xin mời lên nhà trên.

Vị quan họ Tăng nghĩ thầm : “Người ta nói không sai”. Rồi vén áo đi theo. Kịp khi chủ và khách đã yên vị, quan họ Tăng kính cẩn dâng tặng vật nói :

– Tôi có chút lễ mọn, mong tiên sinh nhận cho.

Đạo sĩ cười mà rằng :

– Kê nghèo hèn này vốn tích cốc đã lâu. Nhưng từ chối thì tỏ ra không lịch thiệp, mà nhận thì mang lấy tội, vậy xin cho được miễn.

Vị quan họ Tăng khấn khoản nói :

– Nếu tiên sinh không nhận, tôi cũng không dám mang trở về nữa, mong tiên sinh nhận cho.

Rồi ông lại tiếp lời :

– Nay người nhà tôi ốm đau mãi, đã phục nhiều thứ thuốc mà vẫn không khỏi, không rõ nguyên nhân, tôi đường đột vào đây, làm phiền tiên sinh, mong được tiên sinh chữa cho.

Tiên ông trả lời :

– Cũng là do số trời thôi, kẻ già này làm sao mà biết được ?

Nói rồi, bèn định cáo từ. Vị quan họ Tăng liền nắm lấy áo, dập đầu khấn khoản.

Tiên ông thấy ông ta chân thành, bèn nói :

– Ta đùa ông một tý thôi. Hãy ngồi chờ một lát.

Đạo sĩ gico quẻ, rút quẻ xem, suy nghĩ một lát, rồi ngạc nhiên nói :

– Trong quẻ có ẩn khí tượng đế vương. Chắc không phải người nhà của ngài. Phải chăng chính nhà vua mắc bệnh đau mắt, đau đầu gì đó ?

Vị quan họ Tăng xem quẻ thì đúng như vậy, sợ Đạo sĩ đặt vào thế bí, bèn từ tốn hỏi :

– Tiên sinh dạy như vậy là thế nào ?

Đạo sĩ đáp :

– Kẻ làm vua lấy việc giữ yên xã tắc làm việc hệ trọng hàng đầu. Nay ta xem lời hào từ quẻ bói, thấy nhà vua ở vào một nơi có rồng châu, hổ phục, quẻ Kiền⁽¹⁾ ở vào nơi Tây Bắc, nối liền chỗ nước chảy thường xuyên, như vậy có nước bắn vào, tình trạng bấp bênh, đó là cái nạn. Ta cho rằng nên theo kế sau : trước hết nên lấp khúc sông đó, dẫn nước chảy vào cái tai của sông Cái để tránh nguy cơ nước xoáy. Ngài nên về tâu vua gấp.

Vị quan họ Tăng bèn từ biệt, trở về kinh, tâu lên nhà vua.

Nguyên do ở phía Tây Nam kinh thành có hai con sông, một gọi là Thiên Phù, một gọi là Tô Lịch, chảy quanh lẩn vào một góc thành. Triều đình đã họp mấy lần bàn việc đắp góc thành này, nhưng cứ đắp xong lại bị lở, mãi vẫn không xong. Nhà vua than rằng :

– Trăm họ hao công tốn của, uống công phí sức, không biết bao nhiêu !

Bèn sai lập đàn cầu đảo, lại truyền vị quan họ Tăng đến đầu khúc sông cầu mộng. Tụ vua đốt hương khấn rằng :

– Hoàng thiên, hậu thổ, đất trời rộng lớn, núi biển mênh mông chứng giám. Ta nối ngôi báu, hết lòng vì đức, lo cho dân yên ổn, nối chí tổ tông, cốt lấy điều nhân. Có lúc ta dẹp sóng gió cho ngày quang đăng, quét mây mù cho trời trong suốt, cốt cho thành vàng vững chắc, vận hội bền lâu. Vậy xin linh ứng chuyển máy thần thông, khiến nước chảy thuận dòng, thành đứng vững chắc, khỏi tổn sức người khổ sở. Mong thần linh giúp đỡ, cùng thổ thần. Hà Bá thiêng liêng, kíp cho báo ứng.

Khấn xong, vua trở về cung.

Đêm đó, vị quan họ Tăng theo lệnh vua, nằm ở đàn tràng, chờ ứng mộng. Rồi ông thấy một người, hình dáng lạ lùng, từ trên trời đi xuống, nói rằng :

– Nhà ngươi muốn chặn đường nước chảy, hãy chờ đến sáng mộng bày, hãy gặp người đầu tiên đi qua, bất kể đó là trẻ, già, trai, gái, nhớ hỏi xem người đó bình sinh thích gì. Về sau, người đó sẽ trăm mình hy sinh, được trên phong tước và cho lập đền thờ. Tất cả xong xuôi, việc bồi đắp chân thành sẽ dễ dàng, nguyên nhân sụp lở không còn nữa. Ta làm chủ vùng sông này, tức là Nam thiên đô thống.

(1) Quẻ Kiền : quẻ đứng đầu Bái quái đồ của Phục Hy, chỉ trời và chỉ vua.

Vị quan họ Tăng nghe nói, cúi đầu bái tạ, định hỏi thăm thêm điều gì, lại quên, sợ quá, tỉnh dậy, cứ theo trong mộng tàu với đức vua. Vua cũng lấy làm lạ.

Lại nói bấy giờ có một người tên là Vũ Phục, người làng Minh Quả, huyện Từ Liêm. Ông quê ở Phong Châu, dời đến Từ Liêm, lấy vợ ở ngõ Bảo Tháp, người họ Đỗ. Vũ Phục đã ngoài sáu mươi, làm nghề bán dầu. Một sớm, lúc sương chưa tan, trời còn mù mịt, vợ chồng họ Vũ theo đường làng, gánh dầu đi bán. Vị quan họ Tăng vừa trông thấy, liền giữ lại, không cho đi. Vũ Phục sợ quá, bèn thưa với ông ta :

– Vợ chồng tôi sáng đi tối về, bán dầu nuôi thân, có làm gì đâu, chỉ sang các làng khác để bán, không hiểu tại sao quan quân lại bắt, phúc hay họa xin cho biết.

Vị quan họ Tăng ôn tồn nói :

– Nay dưới quyền nhà vua, tất cả nơi núi sâu hoang vắng đều chịu ơn vua. Vua lo cho vận mệnh trăm họ. Tôi vâng lệnh đóng quân ở trạm này, tìm hiểu mọi việc. Nay thấy quý ông, tuy là kẻ nghèo hèn, nhưng phong cách khác thường, cũng là việc lành thôi. Huống nữa, quý ông tuổi đã cao, về người thanh quý. Vậy phiền ông bà chờ đây, đợi mệnh nhà vua.

Vị quan họ Tăng về triều, tâu lên đức vua :

– Sáng nay, hạ thần gặp hai vợ chồng ông già bán dầu, tuổi cao, chân thực, đúng như điều thần linh báo mộng.

Vua nghe xong, trầm ngâm suy nghĩ hồi lâu rồi nói :

– Ta rất cảm ơn thần linh báo mộng. Chắc việc này không phải ngẫu nhiên, nhưng xét ông già bán dầu kia có tội gì mà phải chết. Ta không thể nhẫn tâm làm như vậy, e mang tiếng là tàn ác !

Các đại thần nghe phán bèn tâu rằng :

– Lời phán của bệ hạ rất quý. Nhưng xưa kia, cũng có người xin chết thay, để cứu bệnh cho vua. Tất cả đều có ý cầu phúc cho muôn dân. Huống chi việc này đã có thần báo mộng và chỉ bảo trước, cần làm cho người đó vui lòng tự nguyện thì không có gì phải hối hận.

Vua nghe theo. Một vị sứ giả vâng mệnh chuyển lời phủ dụ của nhà vua đến ông già bán dầu như sau :

– Người ta ở trong trời đất, như bọt nước, như ánh đèn, không có ai là không chết. Chết có hai kiểu, hoặc chết cho nhà vua thì muôn đời danh thơm, còn chết nơi thôn vắng, thì chẳng có tiếng tăm gì. Xưa kia

Vũ Vương⁽¹⁾ có bệnh, Chu Công⁽²⁾ xin chết thay để vua được sống, lòng trung như vậy, muôn đời chói lọi như mặt trời, người sau coi là bậc hiền giả, đến nay còn nhắc mãi. Nhà người hãy nên như vậy, chớ quyến luyến kiếp cũ, mà phải vươn lên cõi thần tiên, khiến cho trời đất sáng chói, bốn phương phẳng lặng, trung nghĩa không mòn, tên tuổi sáng chói, ngang với trời đất, như vậy, chẳng hơn hay sao ? Nhà người nên suy nghĩ kỹ.

Vũ Phục nghe xong, cũng cho là phải, nói rằng :

– Chuyện chết chẳng có gì đáng lo, có tên tuổi mới là việc khó. Hướng gì người đời, có hay gì cứ phải nằm trên vàng, dẫm trên bạc, mà cốt phải tránh đục, khơi trong. Đã trót vào cõi hồng trần, biết ai là Bành Tổ, ai là chết non ?

Thế rồi ông già xin trở về làng, bàn với người nhà cho nhất quyết. Sau đó sẽ đến theo mệnh nhà vua và gặp lại sứ giả.

Sứ giả nói :

– Cụ biết quên việc riêng là quý.

Rồi để ông già được tùy ý. Vũ Phục rất cảm kích mà nói :

– Tôi sống như vậy, cũng đã thọ rồi.

Sứ giả nhân đó hỏi xem bình sinh ông già thích gì.

Vũ Phục đáp :

– Thịt luộc gà mái ghe và cơm nếp hương, hai cái tôi thích nhất.

Lại hỏi bà già họ Đỗ thích gì. Bà liền đáp :

– Tôi thích bánh bột lọc, chuối tiêu chín lừ.

Sứ giả y lời, truyền đặt yến, chiêu đãi hai ông bà.

Ông bà ăn yến xong, ngửa mặt lên trời khẩn rằng :

– Vợ chồng chúng tôi như oanh phượng liền cánh đến ngày đầu bạc. Nay vì nước sông xuyên góc thành, ảnh hưởng đến cung vua. Xin mặt trăng, mặt trời sáng soi, chúng giám cho tấm lòng son của chúng tôi trong suốt muôn đời. Vậy chúng tôi tự nguyện quên mình hy sinh vì nước, chịu chết vì vua. Nơi cao xa có thấu tình, xin chứng giám.

(1) *Vũ Vương* : vua đầu nhà Tây Chu, Trung Quốc, ở ngôi 1027 - 1025 tr. CN.

(2) *Chu Công* : tức Chu Công Đán, con Văn Vương, em Vũ Vương. Khi Vũ Vương chết, phụ chính cháu là Thành Vương, người tạo lập điển chương, lễ chế nhà Tây Chu, Trung Quốc.

Nói xong, cả hai ông bà gieo mình xuống sông tự vẫn.

Lúc đó, vào giữa mùa đông mà trời tối sớm lại. Phép vua rất nghiêm, ai cũng sợ, không dám bàn tán gì.

Sáu ngày sau, người em là Vũ Cừ ở xa, nghe tin anh chị như vậy, dò hỏi tình hình, tìm đến nơi ao cá, nơi anh chị đã hoá, thấy xung quanh có lính tráng đóng, có dây thừng vây quanh, không thể qua lại. Anh ta bèn khóc rống, rồi đập đầu vào cây bông gạo mà chết.

Từ đó, việc tu bổ chân thành dễ dàng, ở lòng sông nước lặng như mặt ruộng. Khi mọi việc xong xuôi, thì bệnh nhà vua cũng khỏi. Vua liền phán :

– Chỉ vì trẫm mà cả gia đình nhà kia bị hại. Công việc nay thì như vậy, nhưng sau rồi sẽ ra sao, trẫm lấy làm buồn rầu lắm.

Năm đó là năm thứ tám, niên hiệu Nguyên Khánh⁽¹⁾ tức năm Đinh Mùi. Vua cho lập miếu thờ, phong Vũ Phục làm Chiêu ứng phù vân diên phúc đại vương, vợ họ Đỗ được phong Thuận chính phương dung nhân hiếu Công chúa, em là Vũ Cừ, xét thấy vì đại nghĩa mà quên thân, nên cũng được phong là Chiêu cung vương được cùng thờ tự theo lệ nhà nước. Ngoài ra, người trong họ cũng được ban khen.

Sự tích còn truyền tụng ở phường Tích Ma và ở đó còn có họ hàng lăng tẩm ông ba họ Vũ, cùng đền thờ xưa ở huyện Quảng Đức, cả phường Bái Ân cũng có đền thờ. Riêng di tích ngõ Hương Du lại ở làng Minh Quả, nơi đây còn có nền nhà của Vũ Phục.

Có ông Thượng thư họ Nguyễn, hiệu là Khiêm Trai⁽²⁾, đề đôi câu đối ở đền Vũ Phục rằng :

*Cột trụ đứng vững giữa dòng, tiếng tăm lừng mãi ;
Âu vàng gặp khi vận tốt, vui hưởng dài lâu.*

BÙI VĂN NGUYÊN dịch

(1) Nguyên Khánh : đời Lý không có niên hiệu Nguyên Khánh, có lẽ là năm Thiên Phù Khánh Thọ nguyên niên nên gọi là Nguyên Khánh. Năm Đinh Mùi niên hiệu Thiên Phù Khánh Thọ tức năm 1127.

(2) Khiêm Trai : ông Thượng thư họ Nguyễn, hiệu Khiêm Trai, ở đây có thể là Nguyễn Như Đỗ (1424 - 1527), người làng Đại Lan Châu, huyện Thanh Trì, di cư sang phủ Thường Tín, nay thuộc Hà Nội. Đỗ Đề nhất giáp tiến sĩ cập đệ nhị danh (Bảng nhãn) khoa Nhâm Tuất (1442), từng đi sứ Minh, làm đến Lại Bộ Thượng thư (NBS).

TRUYỆN TRUYỀN KỶ VIỆT NAM

TẬP IV

Người dịch :

NGUYỄN LỢI - NGUYỄN ĐỒNG CHI - NGUYỄN ĐỨC VÂN
PHẠM TÚ CHÂU - NGUYỄN HUỆ CHI - NGUYỄN THẠCH GIANG
ĐẶNG THỊ HẢO - LẠI VĂN HÙNG - PHẠM NGỌC LAN
TRẦN THỊ BĂNG THANH - TRẦN HẢI YẾN

BÍCH CHÂU DU TIÊN MẠN KÝ

碧珠遊仙漫記

Tác giả : Nguyễn Huy Hổ 阮輝琥 (1783 - 1841), tự Cách Như 革如 hiệu Hy Thiệu 希邵 người xã Lai Thạch 萊石, tổng Lai Thạch 萊石, huyện La Sơn 羅山 (nay là xã Trường Lộc, huyện Can Lộc, tỉnh Hà Tĩnh), sinh ra trong một gia đình giàu truyền thống Nho học và văn học. Ông nội là Thám hoa Nguyễn Huy Oánh, một nhà thơ, nhà văn, nhà giáo nổi tiếng của thế kỷ XVIII. Cha đẻ là nhà thơ Nguyễn Huy Tỵ, tác giả truyện thơ Nôm Hoa tiên 花箋, mẹ là bà Nguyễn Thị Bành (con gái Nguyễn Khả, cháu ruột thi hào Nguyễn Du). Năm Kỷ Tỵ (1809), Nguyễn Huy Hổ lên núi Chung Sơn thăm người anh là Nguyễn Huy Vinh và nhân chuyến đi đó mà có Mai Đình mộng ký 梅庭夢記. Khoảng đầu thời Minh Mệnh, vào kinh làm thuốc và tham gia việc xem đất để lăng. Việc xem đất thành công, năm 1839 được cất nhắc làm Linh đài lang ở Khâm thiên giám. Mất năm 1841.

Ngoài Mai Đình mộng ký Nguyễn Huy Hổ còn có thể là tác giả Bích Châu du tiên mạn ký. Nhà nghiên cứu Nguyễn Thạch Giang đã rút tác phẩm này từ một tập Gia phả của dòng họ Nguyễn Huy rồi dịch và giới thiệu trong Tạp chí Hán Nôm, số 1 năm 1990. Vì chưa tìm thấy nguyên bản, ở đây chúng tôi in lại bản dịch đó và chú giải lại một số chỗ cần thiết.

149. NÀNG BÍCH CHÂU⁽¹⁾ ĐI CHƠI CỎI TIÊN^(*)

Dưới chân núi Trâu Sơn xứ Kinh Bắc có gia đình hai mẹ con một bà cụ già ở đấy. Người ta không biết tung tích xưa kia của họ ở đâu, chỉ biết sau mấy năm liền trong nước bị đói kém, bà cụ cùng người con gái đến đây xin làng cho ở ngụ.

Người con gái tên là Hoàn Châu, khoảng mười lăm mười sáu tuổi, dáng người xinh đẹp, thùy my, hằng ngày tần tảo làm ăn nuôi mẹ. Hai mẹ con chỉ có một vườn cam và một đám đất nhỏ trồng rau lấy cái ăn hằng ngày. Vườn cam của bà nứt tiếng gần xa vì cam quanh năm sai quả, bà mang biếu bà con láng giềng cũng đã nhiều mà vẫn còn bán lấy tiền đủ chi dùng trong nhà.

Có một năm vua Anh Tông⁽²⁾ nhà Trần nhân đi tuần thú ở miền này đã ngự đến xem vườn cam của bà. Hoàn Châu ra vườn hái quả dâng vua. Vua thấy nàng dịu dàng, duyên dáng, bèn cho đón về kinh làm cung phi.

Hoàn Châu được vua rất hậu sủng. Nàng ít tuổi nhưng sớm thông hiểu kinh sử và binh pháp nên trong các buổi thiết triều nàng thường được dự bàn quốc sự. Trong chốn cung đình không một ai là không mến phục nàng.

(*) Nguyên văn : *Bích Châu du tiên mạn ký*.

(1) Xem thêm truyện *Đến thiềm ở cửa bể*, số 48, Tập II.

(2) *Anh Tông* : miếu hiệu của Trần Thuyên (1276 - 1320), vua thứ tư nhà Trần, ở ngôi 1293 - 1320. Các sách *Danh tích thi tập* (A. 2547), *Truyện kỳ tán phá* (truyện *Đến thiềm ở cửa bể*), *Thần tích xã Văn Viên*, huyện Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An chép Bích Châu là thứ phi của Trần Duệ Tông (tên là Kính, vua thứ chín nhà Trần, ở ngôi 1373 - 1377). *Thần tích thôn Hòa Lợi*, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa lại chép Bích Châu là cung phi của Lê Anh Tông (tên là Duy Bang, vua thứ mười bốn nhà Lê, ở ngôi 1557 - 1573).

Một hôm vào tiết Nguyên tiêu⁽¹⁾ vua cho vời Hoàn Châu lên cùng dạo chơi vườn thượng uyển. Khi đến chiếc cầu bắc qua lạch nước suối trong vắt, vua dừng lại thưởng trăng, nhân lúc vui, vua ngỏ ý muốn lấy tên Hoàn Châu đặt cho cầu này. Vua phán :

– Từ ngày nàng vào cung đã giúp ta rất nhiều việc từ hàn binh pháp. Nay ta muốn đặt tên cho chiếc cầu này là “Hoàn Châu kiều” để ghi công lao đó của nàng.

Hoàn Châu then thùng bái tạ không dám nhận vinh dự đó. Nhưng nhà vua đã sai quân Nội giám lấy giấy bút viết mấy chữ đại tự “Hoàn Châu kiều” cho dán lên thành cầu để sau thợ khắc vào gỗ. Và nhân đấy vua đặt cho Hoàn Châu một tên mới là Bích Châu, rồi thuận miệng vua đọc :

Hoàn Châu dĩ cải Bích Châu liễu

(Hoàn Châu đã đổi thành Bích Châu rồi)

Bích Châu bất giác đọc tiếp :

Do tự tích thời tại nhất châu

([Dù là Hoàn hay Bích], thì vẫn là một châu như xưa)

Vua khen, ban cho năm lạng vàng rồi trở về cung.

Năm Hưng Long thứ mười chín (1311) có giặc Chiêm Thành ra quấy rối miền Nam biên giới nước ta, vua Anh Tông phải thân chinh đi đánh, Bích Châu cùng đi theo hầu vua. Phàm những việc từ hàn nơi tướng gấm đều do tay nàng thảo ra. Cả đến những việc bài binh bố trận nàng cũng được dự bàn. Lần này chiến thuyền quân ta bị quân Chiêm bao vây nghiêm ngặt ở cửa Thị Nại. Quân lương và quân khí của ta sắp cạn, tình thế trở nên cực kỳ nghiêm trọng.

Vua hội chư tướng đến hỏi kế, vì quân ta đã mấy lần đánh phá vòng vây nhưng chưa thành. Lần này theo lời nàng, quân ta chia thành nhiều mũi khác nhau tiến phá vòng vây quân Chiêm. Còn nàng Bích Châu một mình một chiếc thuyền con xông lên trước. Thuyền nhẹ lướt như bay trên mặt sóng, quân tướng nức lòng cho chiến thuyền rượt theo. Quân Chiêm bắn tên ra như mưa, nhưng quân ta không việc gì. Buồm căng của chiến thuyền

(1) Nguyên tiêu : đêm rằm tháng Giêng.

cũng không một cái nào bị rách vì tên bắn. Mọi người đều lấy làm lạ cho là có thần linh phù hộ nên nức lòng quyết chiến. Một lát sau sóng gió bỗng nổi lên ùng ùng, thuyền giặc trông thành như sắp bị chìm nghiêng xuống đáy biển, trong khi chiến thuyền quân ta vẫn bình yên như lướt trên mặt biển phẳng lặng. Quân ta chưa đánh, quân Chiêm đã khiếp sợ. Vòng vây bị phá tan tành. Quân ta đại thắng.

Vua mừng rỡ cho mở tiệc lớn khao quân ngay trên mặt biển, nàng Bích Châu thấy người khó ở nên không dự yến. Vua không vui, cho ngự y hết lòng săn sóc. Nhưng bệnh tình vẫn cứ một ngày một nặng. Vua lo lắm. Thuyền phải đi mất gần mười ngày đêm nữa mới tới kinh. Một hôm, vua nằm mộng thấy một thần nữ xiêm y màu hồng nhạt từ trên mây hiện xuống, vào trong khoang thuyền ngự trao cho vua một phong thư tiên, đoạn nói :

– Ta vâng lệnh Thiên đình xuống trao cho Hoàng thượng tờ chiếu này và xin rước Hoàn Châu về lo việc từ hàn thay ta.

Vua bàng hoàng vội mở ngọc chỉ ra xem, thấy quả là sắc chỉ của Thiên đình triệu Hoàn Châu về thượng giới. Vua phán :

– Hoàn Châu, cung phi yêu quý của ta, ta rất kính phục cả tài lẫn đức. Bao nhiêu năm nàng đã hết lòng giúp ta trong việc từ hàn nơi ngự phủ cũng như việc trừ hoạch trốn quân doanh. Nay phút chốc đã phải xa ta, ta không nỡ. Xin cho nàng lưu lại đôi ba ngày để ta có thể đền đáp công ơn nàng trong muôn một.

Thần nữ đáp :

– Điều đó không thể được vì ta không thể làm trái thánh dụ của Ngọc Hoàng.

Sau vua khấn khoản mãi, thần nữ mới thể tình cho nàng nán lại đến rạng ngày mai.

Sáng hôm sau, vua tỉnh dậy trong lòng nghi hoặc về câu chuyện trong mộng. Vua hỏi bệnh tình Hoàn Châu, quan ngự y tâu bệnh tình của nàng đột nhiên thuyên giảm rất nhiều... Vua mừng rỡ cho vời Bích Châu đến thuyền ngự, đem câu chuyện trong mộng kể cho nàng nghe và nhân thể hỏi về duyên cớ giáng trần của nàng. Nàng tỏ vẻ buồn rầu, quyến luyến, cúi đầu

bái tạ rồi lấy một chiếc trâm có nạm một viên ngọc bích hình tròn bỏ đôi dâng lên vua.

– Xin bái biệt Thánh thượng, xin Thánh thượng trao lại viên ngọc này cho người nào có nửa viên ngọc như thế một khi khế hợp⁽¹⁾ lại được, để cho thiếp trọn vẹn lời ước cũ.

Nói xong thì mất. Lúc bấy giờ là vào giờ Thân, ngày Dần. Nhà vua thương tiếc vô hạn, có ý đưa thi hài của nàng về kinh sư để mai táng. Nhưng đi đến cửa biển Kỳ Hoa⁽²⁾ thì tự nhiên thuyền đỗ lại không đi được nữa. Vua cho ghé vào bờ, đưa thi hài Bích Châu lên mai táng ở trên một gò đất cao bên bờ biển thuộc tỉnh Hà Tĩnh.

Về đến kinh, vua lập tức cho truyền thánh chỉ đi khắp nơi loan báo cho mọi người biết để đến nhận trâm ngọc.

Năm ngày sau, vào một buổi chiều, có một người thư sinh áo quần chỉnh tề giản dị, đến trước cửa hoàng cung xin vào bệ kiến để nhận trâm ngọc. Vua cho triệu vào. Người thư sinh lấy nửa trâm ngọc của mình ra dâng vua. Quả nhiên hai nửa viên ngọc bích khế lại thì tự nhiên dính với nhau làm một, trong suốt như một viên ngọc lành không có tí vết nào cả. Vua lấy làm lạ trao lại viên ngọc cho chàng thư sinh, đoạn hỏi chàng tên tuổi, quê quán và bảo chàng tâu lại việc được ngọc bích.

Người thư sinh quỳ xuống dâng lên vua một tập sách gói trong tấm hồng điều, rồi tâu :

– Xin bệ hạ đọc qua mấy tờ hoa tiên này thì sẽ rõ, hạ thần đã có ghi lại tất cả những điều bệ hạ muốn biết. Nay bệ hạ cho kẻ thư sinh hèn mọn này được vào Hoan Châu ngay cho kịp ngày ước cũ.

Vua bằng lòng, đoạn sai quan Nội giám ban cho một lạng vàng và năm tấm lụa. Người thư sinh bái nhận, tung hô “vạn tuế” rồi lui ra.

(1) *Khế hợp* : ở đây nghĩa là khớp sít lại được với nhau.

(2) *Kỳ Hoa* : cửa biển, còn có tên là cửa Kỳ La hay cửa Nhượng thuộc xã Nhượng Bạt, nay là xã Cẩm Long, huyện Cẩm Xuyên, tỉnh Hà Tĩnh. Đây cũng là nơi giáp giới giữa hai huyện Cẩm Xuyên và Kỳ Anh. Gần cửa biển này, hiện vẫn có một ngôi chùa tên là chùa An Lạc, còn lưu giữ bài *Kê minh thập sách* của Bích Châu dâng vua Duệ Tông năm 1376.

Vua lấy tập hoa tiên ra đọc. Tập sách mỏng chỉ có năm tờ, đề là “Du tiên mạn ký”⁽¹⁾, thể chữ viết cực tốt, chép :

“Ta họ Vương, tên Lưu, tự Tố Nguyên, thứ nam quan Thừa tín lang⁽²⁾ phủ Thanh Hóa. Thuở nhỏ ta sớm được dự nơi sân Trình của Khổng⁽³⁾. Lên bảy đã biết làm thơ phú. Lên mười, bao nhiêu kinh sử ta đều thông thuộc cả. Thân phụ ta rất vui lòng, mong cho ta sau này đỗ đạt, được dự vào nơi kim mã⁽⁴⁾, nhưng chí ta thì khác. Bao nhiêu điều học được trong sách thánh hiền ta không thấy một ai đem ra thì thổ cho dân sự được nhờ. Đi đâu ta cũng thấy dân tình ta thán vì bọn tham quan ô lại. Giặc cướp nổi lên như ong. Ta nhớ lại ngày còn để chòm đi học, sư phụ giảng cho ta nghe những lời vàng ngọc của thánh hiền mà thích thú làm sao ! Ta hằng mong khắp cả giang sơn từ chốn phố phường đến nơi thôn xóm có một cảnh tượng thái bình thịnh vượng của xã hội đại đồng như trong *Lễ vận*⁽⁵⁾. Ta thường đem những ý đó ra đàm luận với thân phụ ta, thì đều bị người mắng át... Ta âm ức mà không nói được với ai. Năm ta mười bảy tuổi tức là vào năm Quảng Hựu thứ hai (1086), ở kinh thành có mở khoa thi *Văn học*. Thân phụ ta bảo vào tiến kinh dự thi, ta không dám trái lời. Nhưng đến ngày xướng danh vào trường, ta lại bỏ đến văn cảnh chùa Báo Thiên⁽⁶⁾, và nhân có điều không vui trong lòng, ta vào chùa hầu chuyện các Hòa thượng, cùng họ

(1) Ghi chép tản mạn về cuộc chơi côi tiên của nàng Bích Châu.

(2) *Thừa tín lang* : một chức quan đời Lý.

(3) *Sân Trình của Khổng* : Trình chỉ Trình Di (1033 - 1107) ; *Khổng* tức Khổng Tử (551 - 479 tr. CN) đều là những sư gia mẫu mực, học trò theo học rất đông. Đây nói nơi rèn luyện, học tập của sĩ tử.

(4) *Kim Mã* : Hán Vũ Đế (140 - 86 tr. CN) cho đúc tượng ngựa quý bằng đồng đặt ở cung Vị Ương và đôi cửa cung này thành Kim Mã môn. Hằng ngày các quan châu ở đây đợi chiếu nên hai chữ Kim Mã sau dùng để chỉ chung cho triều đình.

(5) *Lễ Vận* : tên một thiên trong *Kinh lễ*.

(6) *Báo Thiên* : chùa ở thôn Tiên Thị, huyện Thọ Xương, nay thuộc quận Hoàn Kiếm, Hà Nội. Còn gọi là chùa Sùng Khánh, do Lý Thánh Tông dựng lập năm 1057. Trong chùa có bảo tháp Đại Thắng Tư Thiên và chuông đồng nặng mười hai nghìn cân mà tiếng chuông sớm của chùa Báo Thiên (Báo Thiên hiểu chung) đã trở thành một trong tám cảnh tráng lệ của kinh thành (Thăng Long bát cảnh). Đời Hồ, một phần tháp bị đổ, An phủ sứ Đông Đô chỉ vì không báo tin đó mà bị cách chức. Đời Tây Sơn phá tháp để lấy gạch. Đời Nguyễn Tổng đốc Tôn Thất Bật có trùng tu, nhưng sau đó Kinh lược sứ Nguyễn Hữu Độ lại cho phá chùa lấy đất để xây dựng Nhà Thờ Lớn.

dầm lặn đến lễ giải thoát chúng sinh, đến phép “trì túc”⁽¹⁾ của lễ diệt dục lạc của Phật... sau đó ta lại lên đường trở về phủ.

Về đến quê nhà, bị thân phụ ta mắng thậm tệ, ta phần chí quyết bỏ nhà ra đi... Ta đi về hướng Tây, đi đến một khu rừng, rồi vui chân đi mãi..., đến khi dừng lại, nhìn xuống thì ta không thấy xóm làng đâu nữa cả. Bốn bề là núi rừng trùng điệp. Ta ngồi xuống một tảng đá, dựa lưng vào một gốc cây mà nghỉ, rồi vì quá mệt nên ngủ thiếp đi lúc nào không biết. Trong giấc mơ ta thấy thoang thoảng một mùi hương, rồi có một tiên đồng đến đánh thức ta. Ta bừng tỉnh dậy, quả có như trong mộng. Ta bàng hoàng kinh ngạc hết sức. Tiên đồng tươi cười bảo ta :

– Tiên sinh đã lạc bước tới đây. Tiên chủ có lời mời người vào động phủ.

Ta hỏi nơi này là nơi nào. Tiên đồng cho biết đây là nơi quần tiên hội ngộ, tên là “Lạc tinh động”. Ta theo tiên đồng lách qua một hang núi dài và khá rộng. Trong hang ánh sáng lờ mờ, thạch nhũ lóng lánh như ngọc. Một dòng suối chảy róc rách, nước trong vắt thấy rõ từng hạt cát hòn sỏi ở đáy. Hai bên bờ thính thoảng chỉ thấy một vài tảng đá mặt phẳng lỳ như những chiếc tràng kỷ. Tiếng đá sỏi ào ào ở dưới chân dội lại trong động nghe trầm trầm, đều đều. Ra khỏi động ta qua một chiếc cầu vồng vắt ngang một con suối khác rộng và sâu hơn. Cầu làm toàn bằng đá. Thành cầu có nam ngọc đủ các màu, ánh sáng phản chiếu màu sắc rực rỡ hòa hợp rất đẹp. Đến đâu ta cũng thấy phong cảnh kỳ vĩ lạ thường. Ta đã từng đi du ngoạn nhiều nơi, nhưng không đâu bằng chốn này. Đứng ở đây, ta có thể phóng tầm mắt nhìn ra bốn phía không biết đâu mà cùng. Núi đồi thoai thoải, cây cối xanh um trĩu quả, từng hàng dài thẳng tắp, lượn hết đồi này sang đồi nọ. Ta chú ý thì thấy toàn những thứ quả mà bình sinh ta chưa được thấy bao giờ. Đi được một đoạn, đến một tòa nhà đá màu xanh nhạt, tiên đồng bảo ta ngồi nghỉ một lát rồi với hái đưa cho ta một quả đào to bự bậm. Ăn xong, ta thấy toàn thân sáng khoái không gợn một chút ưu tư phiền muộn gì. Vị thơm ngọt của đào tiên như cứ phảng phất ở chân răng đầu lưỡi. Ta nhìn lên mái đình, thấy có biển đề ba chữ “Hồi Nguyên đình”.

Một lát sau, tiên đồng dẫn ta đến một nơi cung điện lâu đài san sát khắp cả triển đồi, chân núi, đầu suối, lưng khe. Các tiên nữ xiêm nghê đủ

(1) Trì túc : biết đủ.

các màu rực rỡ thướt tha dưới các hàng cây trĩu quả đông không biết ngần nào mà kể. Nhưng tịnh không có một tiếng động nào ngoài tiếng đàn giọng hát trong trẻo thoảng qua.

Tiền đồng đưa ta vào một tòa nhà nguy nga toàn làm bằng gỗ chạm trổ tinh vi, có biển đề bốn chữ vàng “Quần tiên hội sảnh” treo ở chính giữa. Lầu dựng bên một con sông lớn. Gió lộng bốn phương, cảnh cây trĩu quả đủ các loại rung rinh bên cửa sổ. So với cảnh tráng lệ ở đây thì dấu đến gác Đàng Vương⁽¹⁾ cũng không bằng.

Ta ngồi đợi một lát thì thấy từ trong nội thất đi ra năm tiên nữ thướt tha trong xiêm y rực rỡ. Thấy ta, họ cúi chào. Người bạn xiêm hồng đi trước mời ta ngồi rồi tự mình ngồi vào ghế giữa, còn bốn tiên nữ kia đứng hầu hai bên. Ta để ý đến hành động của mọi người. Ta thấy người nào cũng rực rỡ đoan trang dấu cho có Mao Tường, Lệ Cơ⁽²⁾ cũng khó bề sánh kịp. Khi mọi người đã yên vị, tiên nữ xiêm hồng đứng dậy, tiếng ngọc xiêm y khẽ động, đoạn bảo ta :

– Ta đã biết trước có nhà thầy lên văn cảnh ở đây nên đã cho tiền đồng ra cửa động đón. Người đã có duyên may lên được đến cảnh tiên thì ở lại, đừng nghĩ đến chuyện trở về nơi trần thế đây khổ ải làm gì. Cuộc đời quần sinh chốn nhân gian ngắn ngủi như một giấc mộng khủng khiếp ! Ở đây thì khác hẳn. Con người sẽ trường sinh bất tử, không biết buồn khổ lo âu là gì hết...

Nói đoạn tiên chủ sai tiền đồng vào lấy các thứ hoa quả mời ta và mọi người cùng ăn. Ăn xong tiên chủ lại ban cho ta một cốc rượu ngọt. Ta cảm thấy nhẹ nhàng khoan khoái vô ngần. Bao nhiêu điều mà ta thường tư lự băn khoăn trước đây hầu như biến mất cả. Ta cũng không hiểu vì có làm sao. Một lát, tiên chủ lại nói tiếp :

– Hôm nay là ngày hội của quần tiên, ta muốn nhân dịp này mà tác thành cho người cùng với ngọc nữ Giáng Khanh, con gái yêu của ta. Đây là

(1) *Đàng Vương* : tước phong của Nguyên Anh, con vua Đường Cao Tông. Đàng Vương có cho xây trên sông Chương Giang (tỉnh Giang Tây, Trung Quốc) một tòa lầu đài gọi là Đàng Vương các.

(2) *Mao Tường, Lệ Cơ* : hai người đẹp được Trang Tử (khoảng 369 - 286 tr. CN) lấy làm ví dụ trong thiên *Tế vật luận* sách *Nam hoa kinh*.

một cuộc kỳ ngộ hiếm có. Ta chắc người cũng không phụ lòng ta mà từ chối.

Ta cúi đầu bái tạ hậu tình của tiên chủ. Lập tức tiên chủ truyền cho mở hội. Trời đã về đêm. Đứng trên “Quần tiên hội sảnh” nhìn ra, cả một vùng đồi sáng rực hắt lên. Hàng trăm nghìn chiếc đèn lồng bằng lụa mỏng kết tua ngọc đủ các màu treo khắp cả cành đào ngọn suối. Các tiên nữ xiêm nghề tha thướt từ khắp nơi trong động kéo về. Mùi hương thơm ngào ngạt... Ta nhìn mà choáng cả mắt.

Tiên chủ truyền nâng cốc mở hội chúc mừng cho duyên lành của ta và Giáng Khanh. Tiếng nhã nhạc sinh ca nổi lên. Các tiên nữ từng đoàn ra múa nhịp nhàng uyển chuyển đến trước mặt chúc mừng ta.

Một lát sau, ta cùng Giáng Khanh đi khắp vùng xem hội, ánh sáng mát dịu rung rinh dưới những rặng cây đào dài thẳng tắp đưa chúng ta hết đồi này đến đồi nọ. Đây là nơi uống rượu, đánh cờ ; kia là nơi dệt lụa đóng hài, làm đồ trang sức bằng ngọc ; chỗ này dệt thảm làm hoa đăng ; chỗ kia bên bờ suối là nơi giong thuyền hứng gió, thưởng trăng,... Ở đây, có hàng vạn cảnh chơi thanh nhã khác nhau, có hàng vạn nghề tinh xảo khác nhau không sao ghi hết được.

Ở tiên giới được ba năm, tình nghĩa giữa ta và Giáng Khanh ngày một thêm nặng. Nhưng riêng ta, ta vẫn chưa hết được nợ trần, nên có những lúc bùi ngùi tưởng nhớ đến dương gian. Giấc hương quan thỉnh thoảng vẫn đi về với ta bên gối phượng. Ta muốn trở về thăm quê cũ một phen. Ta chưa lần nào ngó ý đó cho Giáng Khanh, nhưng nàng đã đoán biết nên thường ái ngại nói với ta :

– Chàng còn vương nợ trần thì khó bề trọn kiếp ở nơi tiên cảnh.

Mỗi lần nàng bảo thế, ta giả thác nói sang chuyện khác. Có một buổi chiều ta cùng Giáng Khanh đi dọc bờ sông hóng mát, cùng nhặt những hòn cuội, những vỏ sò, vỏ hến bị sóng nước đánh giặt vào bờ. Gió đưa hương ngàn từ khắp nơi về thoang thoảng. Ta cảm thấy cảnh trời nước mà nhớ đến cố hương nơi chân trời góc bể. Ta ngậm ngùi nói với Giáng Khanh, tỏ cho nàng biết ý định của ta. Giáng Khanh bỗng òa lên khóc :

– Chàng chí đã quyết thì thiếp đâu dám ngăn. Có điều chàng về, một đi là không trở lại, không sao có dịp hội ngộ cùng nhau. Tương phùng họa chi

có được ở chốn dương gian. Những chuyện kỳ ngộ xưa nay kể cũng nhiều, nhưng mấy ai được như Lộng Ngọc, chàng Tiêu⁽¹⁾. Kỳ ngộ thì có, nhưng chỉ để rồi Trương Thạc phải nhớ Lan Hương⁽²⁾, Trịnh Giao Phủ phải băng khuâng với ngọc minh châu⁽³⁾, Phong Trắc phải ngơ ngẩn vì Thượng Nguyên⁽⁴⁾...

Ta tỏ vẻ chưa hiểu ý, Giáng Khanh nói thêm :

– Thiếp biết rồi đây thiếp sẽ bị phạt giáng xuống trần vì nhớ chàng mà đánh vỡ mất chén ngọc, và rồi thiếp sẽ vào cung hầu hạ giúp vua Trần Anh Tông giữ gìn đế nghiệp. Tương phùng họa là ở chốn dương gian...

Ngày hôm sau, Giáng Khanh ân cần tiễn ta ra khỏi động, trao cho ta một chiếc trâm có nạm ngọc bích bồ đề, ta và Giáng Khanh mỗi người giữ một nửa, dùng để làm của tin. Nhân đó ta đặt cho Giáng Khanh cái tên tự Hoàn Châu ngụ ý hẹn ngày tái ngộ, giữ trọn thủy chung. Thuyền đưa ta ra khỏi động đã cập bến. Giáng Khanh bảo tiên đồng lấy giấy bút tiễn biệt ta bằng hai câu thơ :

Hoàn Châu lai nhật ưng như thử,

Do tự tích thời tại nhất châu.

(Mai ngày ngọc lại tìm nhau,

Giống như thuở trước, hạt châu vẹn tròn)^()*

Ta tìm đường về quê cũ, đem tên tuổi ra hỏi không ai nhận ra. Triều đại đã đổi thay, cảnh vật thấy thấy đều đã khác xưa. Tính ra đã gần đến ba trăm năm. Ta buồn rầu, lại khăn gói lên đường đi du ngoạn khắp đó đây

(1) *Chàng Tiêu* : theo *Liệt tiên truyện*, Tiêu Sứ thời Xuân thu giỏi thổi ống tiêu bắt chước tiếng chim phượng hót, vua Tấn Mục Công đem con gái là nàng Lộng Ngọc gả cho. Chàng dạy nàng thổi ống tiêu, chim phượng hoàng nghe tiếng bay đến, vua làm Phượng đài cho ở. Sau vợ chồng cùng cưới phượng mà bay lên trời.

(2) Trương Thạc lấy được ngọc nữ Lan Hương làm vợ. Sau nàng về côi tiên, Trương rất thương nhớ.

(3) Theo *Liệt tiên truyện* : Trịnh Giao Phủ gặp tiên chơi ở bờ sông, được tiên cho ngọc minh châu. Một lát sau các nàng tiên và ngọc đều biến mất.

(4) Tiên nữ Thượng Nguyên ghẹo đùa Phong Trắc trong hang núi.

(*) *Nguyễn Huệ Chi* dịch.

trong nước, dân tình vẫn khổ sở, nét mặt người nào cũng có vẻ dối rét lo âu. Ta một mình đem những phép tiên đã học được ra cứu giúp mọi người khi tật bệnh... Hơn ba năm ở trần thế, ta cũng đã kê hết tội trạng của bọn hôn quân ám chúa cũng như bọn quan tham nhũng lại để đợi ngày trùng phùng, đưa cho Giáng Khanh tâu lên Ngọc Hoàng nghị xét”.

*

* *

Hai hôm sau, cũng vào buổi chiều, người ta thấy một chàng thư sinh quảy tay nải đến bãi biển Kỳ Hoa, lần đến đền thờ Bích Châu, tay cầm trăm ngọc quý xuống trước đền khấn vái một hồi lâu... Sóng biển rì rào, gió chiều reo qua các rặng phi lao dài thẳng tắp chạy dọc theo bờ biển. Trời cao trong vắt... Một con hạc trắng từ trên không bay xuống đậu trước cửa đền rồi bỗng nhiên hóa thành một mỹ nữ xiêm nghê hồng nhạt bước vào. Và chỉ một lát sau, từ trong đền bay ra hai con hạc trắng vô cánh bay sóng đôi qua đại dương mệnh mỏng sóng nước...

NGUYỄN THẠCH GIANG *dịch*

THOÁI THỰC KÝ VĂN

退食記聞

Tác giả : Trương Quốc Dụng 張國用 (1801 - 1864) tự là Nhu Trung 柔中, người làng Phong Phú 豐富, huyện Thạch Hà 石河, trấn Nghệ An 藝安 nay thuộc tỉnh Hà Tĩnh, sinh trưởng trong một gia đình Nho học bậc trung. Lớn lên đậu Giải nguyên năm 1825, rồi đến kỳ thi Hội bốn năm sau (1829) đậu Tiến sĩ, bấy giờ là triều Minh Mệnh. Làm quan từ chức Tri phủ Tân Bình (Gia Định) trải qua nhiều thăng giáng, cuối cùng được về triều giữ chức ở Viện Hàn lâm và Khâm thiên giám, sau thăng lên Thượng thư Bộ Hình kiêm Phó tổng tài Quốc sử quán. Gặp lúc Tạ Văn Phụng dấy loạn ở Quảng Yên (Quảng Ninh) có cả Cai Tổng Vàng và quân Tàu giúp sức, ông vâng mệnh đem quân đi đánh dẹp, chẳng may tử trận, được truy phong Đông các đại học sĩ.

Tác phẩm của Trương Quốc Dụng có Thoái thực ký văn 退食記聞 và Trương Nhu Trung thi tập 張柔中詩集. Thoái thực ký văn hiện còn nhiều bản chép tay (VHV. 1274 b/1/1-3 ; VHV. 1805/1-2 ; A. 1499...), còn có tên là Công hạ ký văn 公暇記聞 gồm 8 quyển và một lời dẫn, được biên soạn trong nhiều năm và hoàn thành năm 1851, là một dạng bách khoa, ghi chép đầy đủ các mục địa lý, phong tục, chế độ, sản vật, cổ tích, danh nhân,... nước nhà, trong đó có chương Trưng kỳ (Những sự tích kỳ lạ) tập hợp nhiều mẩu chuyện kỳ quái, phần lớn xảy ra trong vùng Nghệ - Tĩnh. Tác giả không phân ra từng truyện dưới những tiêu

để riêng mà xếp chung liên tiếp với nhau, tuy vậy người đọc vẫn có thể dễ dàng tách thành từng truyện riêng rẽ.

Dưới đây chúng tôi chọn 3 truyện, do Nguyễn Lợi và Nguyễn Đồng Chi dịch (NXB Tân Việt, Hà Nội, 1994). Nhóm biên soạn có đối chiếu với nguyên văn để hiệu chỉnh lại, chú thích và thêm dấu để cho mỗi truyện.

150. THÁCH THỨC VỚI THẦN

Đời truyền Tô Hiến Thành⁽¹⁾ nhà Lý khi đang làm một chức quan nhỏ, ở trong một xóm kia, nhà quây liên nóc với nhau. Một hôm có người hàng xóm phía Đông phơi chiếc áo cách bờ giậu, bị người ở nhà phía Tây lấy trộm đi. Ông Tô trước vẫn tưởng là áo của người ấy, sau đó một chốc, nhà phía Đông thấy mất áo, chạy ra kêu la chửi bới, ông mới hiểu, nhưng chưa muốn nói ra vội. Rồi thấy người mất áo đến ngồi đèn trong xóm khấn nguyện với thần. Ngồi đèn này vốn có tiếng linh ứng. Ông định bụng hãy cứ để chờ xem ra sao. Được một tuần nhật⁽²⁾ mà chẳng thấy hiệu nghiệm gì cả. Tô Hiến Thành bèn bảo người trong xóm huy đèn ấy đi không tế tự nữa, và nói :

– Gọi bằng thần là cốt để ngăn hoạn nạn cho dân, bây giờ nhà kia mất của kêu xin với thần mà không được thì còn thờ làm gì !

Cả xóm còn nửa tin nửa ngờ, ông đã sai quảng lư hương đi và khóa cửa đèn lại, bảo nếu có việc gì thì một mình ông xin gánh hết. Đêm ấy, người vợ ông thấy thần báo mộng : “Sao lại bỏ ta không thờ nữa ? Ta sẽ làm chết đứa con nhỏ cho coi”. Người vợ tỉnh dậy nói với ông, ông không nghe. Năm ngày sau đứa con nhỏ quả chết. Vợ tha thiết khẩn cầu, ông vẫn không chịu. Hôm khác, người con cả của ông lại chiêm bao thấy thần giận dữ nói rằng : “Hãy mau nói với cha người thờ phụng ta trở lại, không thì ta vật chết đứa em thứ của ngươi đấy !”. Người con tỉnh dậy vội xin cha chuyển ý, cả dân xóm cũng tới xin mãi, nhưng ông vẫn nhất thiết không nghe. Được ba ngày, đứa con thứ của ông lại lăn ra chết.

(1) Tô Hiến Thành (? - 1179) : làm quan Thái úy dưới triều Lý Anh Tông (ở ngôi 1138 - 1175) và Lý Cao Tông (ở ngôi 1176 - 1210), nổi tiếng công minh chính trực.

(2) Theo cách tính cũ, một tuần là mười ngày.

Thần bèn ngự đồng lên bảo Tô Hiến Thành rằng :

– Nếu sớm biết thờ phụng ta trở lại thì đâu đến nỗi !

Ông đáp :

– Sống chết có mệnh. Kìa như kẻ có tội thân còn không bắt hướng chỉ lại làm tội người thường ư ? Chỉ quen dọa dân bà không biết gì chứ dọa ta sao được ?

– Người chưa tin ta, không chịu lập lại bàn thờ cho ta, chết rồi mới biết hối.

– Thờ cúng thì không thể được, còn muốn làm tôi chết thì cứ làm. Nhưng xin định rõ kỳ hạn cho biết.

– Năm ngày nữa khắc biết.

Năm ngày trôi qua mà không việc gì. Tô Hiến Thành bèn đốc suất dân xóm ra triệt hạ đền. Thần lại ứng đồng lên lấy lời từ tạ ông :

– Thân vốn không giết được ai, chỉ biết trước mệnh người nào sống hay chết. Hôm trước đây hai đứa con người chết là mệnh của chúng đã đến ngày tuyệt. Ta biết được điều đó nên tìm cách đổi người thay thôi ! Người thật là một người chân chính, ngày sau tất sẽ gánh được việc lớn. Nhưng người nghĩ chưa đến nơi đến chốn. Đại phạm việc gì cũng cốt ở kiên nhẫn. Đứa trộm áo, người cũng có biết, mà còn biết nhịn một lời không nói, thì sao không nhịn được cái chết cho nó ? Trộm cái áo, người khép nó vào tội gì ? Mà đứa mất áo tới cầu xin bắt kẻ kia phải chết, người có nõ nghe theo nó chăng ? Nay người đã lấy việc ấy trách ta, thôi thì ta sẽ bắt tên trộm áo phải đau xoàng vài ngày là đủ.

Ông Tô nghe vậy bèn đáp :

– Giờ đây nghe lời ngài nói thật có lý, tôi sao lại chẳng thờ ngài, nhưng ngài dọa tôi thì không xong đâu.

Thế rồi ông cho đặt lư hương thờ cúng như xưa. Tên trộm cũng mắc chúng đau đầu vài ngày thì khỏi. Về sau Tô Hiến Thành làm quan đến chức Thái úy, là một bậc danh thần.

NGUYỄN LỢI - NGUYỄN ĐỒNG CHI dịch

151. ÔNG TIÊN ĐÔNG THÀNH

Tiên Phạm Viên⁽¹⁾ là con quan Thị lang Phạm Chất⁽²⁾ ở Đông Thành triều Lê, sinh ra được vài năm mà vẫn chưa biết nói. Lên tám tuổi rong chơi cùng khắp, có khi người ta gặp trong núi phía Tây huyện, lại có khi gặp ở núi Hồng Lĩnh. Khi Phạm Chất chết, ông có về chôn cất tế lễ đủ bốn phần làm con rồi mới đi. Đoạn tang rồi bèn đi biệt, không ai rõ đi đâu. Tương truyền Viên có làm bài *Tịch cư ninh thể phú* bằng quốc âm, câu nào câu ấy đều có khí cốt xuất trần⁽³⁾. Về sau, có Nguyễn Quỳnh⁽⁴⁾, người làng Bội Thượng, phủ Hoàng Hóa, tự phụ tài giỏi khinh rẻ người đời. Một hôm Quỳnh ở Thăng Long về đến chợ Mía ở Thanh Hóa ngoại gặp một sĩ nhân cùng đi, hỏi ông rằng :

– Ngài có phải tiên sinh Nguyễn Quỳnh đấy chăng ?

Quỳnh đáp :

– Phải.

(1) *Phạm Viên* : xem thêm truyện *Phạm Viên*, số 77, Tập III.

(2) *Phạm Chất* : người xã An Bài, huyện Đông Thành, nay là Diễn Hùng, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An. Đỗ Đệ nhị giáp tiến sĩ xuất thân (Hoàng giáp) khoa Nhâm Thìn, niên hiệu Khánh Đức thứ tư (1652) đời Lê Thần Tông. Từng đi sứ nhà Thanh. Làm quan đến chức Binh Bộ Tả thị lang, tước sử. Sau khi mất được tặng chức Thượng thư. Xem thêm truyện *Phạm Viên*, số 77, Tập III.

(3) Hiện nay còn có bài *Tịch cư ninh thể phú* của Nguyễn Hàng (thế kỷ XVI), không hiểu tác giả có bị nhầm lẫn không.

(4) *Nguyễn Quỳnh* : (1677 - 1748) : danh sĩ nổi tiếng hay chữ, tuy chỉ đỗ Hương cống nhưng do có tài nên đã được dân gian truyền thuyết hóa trở thành nhân vật chính của một chùm truyện trào phúng gọi là *Truyện Trạng Quỳnh*. Chữ Trạng ở đây cũng mang tính cách điệu của dân gian. Xem thêm truyện *Nguyễn Quỳnh*, số 76, Tập III.

Lại hỏi :

– Nghe tiếng tiên sinh đã lâu, làm ơn cho xin một bài thơ.

Quỳnh thấy nói đường đột lấy làm lạ, bèn hỏi lại :

– Thế ra anh cũng biết làm thơ à ?

– Tôi khi bé có học làm thơ chút ít, đâu không hay nhưng cũng thấy thơ của người đời ít có bài vừa ý, nên nay muốn biết khuôn thước của bậc thợ cả xem sao.

Quỳnh giặn y ngạo mạn liền đáp :

– Đã thế thì ta cùng làm thi với nhau chơi.

– Xin tiên sinh cứ cho biết cách thức và hạn vắn đi.

Nhân phía trước có chiếc cầu gỗ lim, còn cách chỗ hai người không đầy mười dặm. Quỳnh hẹn :

– Vừa đi vừa làm đủ trăm vắn, ai nấy đều phải lấy vật gì đấy làm cữ để nhớ số vắn. Hễ tới cầu là thơ phải xong.

– Nếu không xong thì thế nào ?

– Chịu một đập ngã xuống bên cầu.

Kịp khi tới cầu người kia làm đủ trăm vắn mà Quỳnh mới được có sáu mươi. Quỳnh chưa kịp tạ lỗi thì đã bị đối thủ giáng cho một đập ngã lăn xuống bên cầu, và bảo :

– Từ nay chớ có đánh lừa người nữa nhé !

Quỳnh mới biết là dị nhân, vội vàng chấp tay tạ rằng :

– Kẻ mắt thịt không biết thần tiên, xin ngài chỉ giáo.

Người nọ nói :

– Ta không giấu ngươi, ngươi có biết giữa trần có Phạm Viên chăng ?

Quỳnh phục lạy xin đi theo. Người ấy bảo :

– Ngươi tục duyên chưa hết không tiện đi, hãy về cố sức tu luyện, có ngày tái ngộ.

Từ đấy Quỳnh rong chơi tùy thích, không màng đến danh lợi nữa.

Lại ở huyện Thanh Chương có Nguyễn Trọng *Mỗ*⁽¹⁾ và ở Đông Thành có Nguyễn Hưng Hàn, cùng nhau kết bạn luyện khí, tích cốc, rồi rủ nhau vào núi cầu đạo. Gặp Phạm Viên, ông bảo :

– Các anh chẳng người nào có tiên cốt cả. Anh *Mỗ* thì nên về học cách làm quan, còn anh Hàn thì về học lấy một nghề gì nuôi miệng cũng đủ.

Về sau ông *Mỗ* thi đậu Tiến sĩ, làm quan đến Thị lang Bộ Lại, còn Hàn thì giỏi nghề phong thủy, song cũng ít khi chọn đất cho người, chỉ ưa đi vợ vắn một mình như một người điên. Ở huyện Đông Thành có chợ Gò họp cạnh hòn lèn Di Lặc. Một hôm vào sáng sớm, chợ mới có mươi người, Hàn lúc ấy tuổi đã ngoài bảy mươi, cầm gậy chạy vào đuổi đánh người đi chợ, nói rằng :

– Chúng bay chạy cho mau không thì chết.

Người đi chợ chạy tan hết, nhưng rồi lại họp lại. Cứ như thế đến mấy lần, cuối cùng ông bảo :

– Ta mệt quá rồi ! Bay không đi đi, cái chết sắp đến rồi đó.

Không ai hiểu ý tứ thế nào, cứ đổ cho ông lão say rượu. Được một chốc chợ họp được vài mươi người thì hòn lèn rơi xuống dè chết hết. Chợ ấy sau phải dời đi chỗ khác.

Hàn ở trong làng, một hôm làng tế thần ở đình, ông cũng đến dự hội rồi lên vào bàn thờ xách bài vị của thần ra đi. Đến khi người làng biết, đuổi theo được vài dặm gần kịp thì ông bảo rằng :

– Sao chúng bay không ngoảnh lại xem xem đã đuổi đến chỗ nào rồi ?

Chưa dứt câu nói họ đã nghe tiếng lao xao ở phía sau, ngoảnh lại thì ra đình đã bốc cháy, chữa không nổi, lại cháy lan đến vài mươi nóc. Đình rồi cũng phải dời đi nơi khác.

Lại một ngày, Hàn đi làm địa lý, sai đầy tớ mang một quan tiền đi theo. Dọc đường có đứa ăn mày khúm núm van xin. Ông giơ gậy bảo :

– Người há miệng ra để ta đâm cho một gậy vào họng, nếu chịu được thì ta cho quan tiền này !

(1) Có lẽ là Nguyễn Trọng Thường (1681 - 1735), người làng Trung Cấn, đỗ Đệ tam giáp đồng tiến sĩ xuất thân khoa Nhâm Thìn (1712), làm quan đến Hữu thị lang Bộ Lại. Xem thêm truyện *Ông Nguyễn Trọng Thường*, số 128, Tập III.

Đứa ăn mày ngớ nói chơi cũng há miệng, không ngờ Hàn làm thật, thọc cho một gậy chầy cả máu, nằm lăn ra rên rĩ mãi. Hàn bảo :

– Ta vốn định làm chơi, không ngờ già yếu, tay không giữ nổi gậy nữa, nên trúng phải, làm đau nhà ngươi. Nhưng ngươi đối thế được một quan tiền cũng chẳng ăn thua gì. Chỗ ngươi ngã xuống đó xưa người ta có chôn vài chính tiền ở dưới đất, ngươi hãy đào lên mà lấy.

Đứa ăn mày theo lời, đúng chỗ ấy đào lên quả có tiền.

NGUYỄN LỢI - NGUYỄN ĐỒNG CHI *dịch*

152. BIẾT CHUYỆN KIẾP TRƯỚC

Nguyễn Quyến người Kỳ Anh biết được việc kiếp trước. Ông tự kể chuyện kiếp trước là người Bắc Ninh, thuở bé thông minh dĩnh ngộ, mười bốn tuổi bị chứng nóng sốt rồi hôn mê đi. Một đêm thấy mình ra cửa, bước đi tựa như vô bệnh. Được vài dặm thì tối đen như mực, gió lạnh thấu xương, mới biết là đã chết. Đi được chừng nửa giờ trong chỗ tối, dần dần lại sáng như ban ngày, chỉ không thấy có mặt trăng, mặt trời, mà cây cỏ cũng khác với nhân gian. Nhìn thấy trên đường phía trước có một người đứng cách bờ sông, gần đấy là vài nóc nhà tranh cắm cờ như đồn ải, bên cạnh có chợ họp chừng vài trăm người. Ông sực nhớ khi còn sống có nghe người ta kể chuyện luân hồi, rằng người chết xuống cõi âm tất phải qua tay một vị chủ nhân bắt ăn “cháo lú”, vì thế khi thác sinh thì không nhớ gì việc trước nữa. Ý hẳn đây là chỗ chợ phát cháo lú chăng ? Vốn thuở bé ông từng biết bơi, bèn đi tránh theo lối bờ sông, đến khi thấy bóng cờ trên đồn đã khuất mới lần xuống bến lội sang bên kia, thì gặp một đám lính tuần bắt được giải vào cho một vị quan Âm phủ. Đây là một nơi giống như phủ nha trên dương thế, nhưng binh vệ cũng thưa thớt. Ông bước vào, không dám ngẩng mặt lên nhìn, nghe người ngồi trên công đường quát mắng rằng :

– Tên gian nhân này phải phạt làm súc vật.

Rồi sai dắt đi. Thế là thân mình biến thành kiếp nghé, ở nơi chuồng trại bẩn thỉu rất khổ. Vừa mới mọc sừng nghé ta đã thích húc người nên bị bắt làm thịt. Lại bị dẫn xuống chốn cũ, quan Âm ty lại quở :

– Nó vẫn gian xảo không chừa, cho tái sinh lại dương thế, trả lại thân hình cho nó.

Rồi quan ngoảnh bảo tả hữu soát lại cung lộc cung thọ xem thế nào, thì một viên lại thưa rằng :

– Đâu Tiến sĩ, làm quan Thừa chính, thọ bảy mươi tuổi.

Quan truyền cho đất đi. Đến một nhà vào loại xoàng xĩnh, vợ chồng đầu chùng bốn mươi tuổi, đã sinh vài bận mà không nuôi được, người vợ chuyển dạ đã đến vài ngày, vừa sinh được một cậu con trai thì ông đến kịp, đầu thai luôn, mừng mà bật cười lên. Người vợ kinh hãi nói rằng :

– Quỷ quái gì còn cứ đến đây quấy nhiễu mãi thế này ?

Người chồng đang bỏ củi vội chạy ngay lại, tay cầm dao chém cho một nhát. Thế là lại bị dẫn về nơi vừa rời bỏ. Vị quan âm trách mắng rằng :

– Phải giữ thân làm trọng chứ ! Đã khinh suất như thế thì giảm quan lộc, cho đậu tiểu khoa và bớt tuổi đi một kỷ.

Rồi giục đất đi mau không được chậm trễ. Tức thì thấy hai tên lính đến dẫn đi, chui rừng vượt hiểm, tới nơi thì thai vừa lọt lòng. Hai tên lính chụp lấy ông, nhét vào miệng đứa trẻ. Ông ngoảnh nhìn lại hai chân thì trên đường đi đã bị gai góc đâm cho rách toạc. Một chốc tai điếc, mắt mờ, chân tay mềm nhũn, miệng cũng cứng đờ...

Quyển lớn lên, đến năm mười chín tuổi đậu Hương cống cuối triều Lê. Ông còn nhớ được cả cha mẹ, làng ở và thầy học từ kiếp trước. Khoảng đời Gia Long ông mới chết.

NGUYỄN LỢI - NGUYỄN ĐỒNG CHI dịch

VIỆT NAM KỲ PHÙNG SỰ LỤC

越南奇逢事錄

Tác giả : chưa rõ tên tuổi và sự nghiệp.

Tác phẩm : Việt Nam kỳ phùng sự lục 越南奇逢事錄 là một bản sao chữ Hán chép tay, hiện lưu tại Thư viện Hán Nôm, ký hiệu A. 1006, được Trường Viễn Đông bác cổ Pháp xuất bản, Đài Loan học sinh thư cục học sinh ấn hành năm 1986. Sách không đề tên người soạn cũng như niên đại biên soạn, sao chép, nhưng căn cứ vào những điển tích, chữ dùng trong nội dung như điển “Từ Thúc lấy vợ tiên” trong Truyền kỳ mạn lục 傳奇漫錄 hay niên hiệu “Thuận Thiên”, tên Lê Thái Tổ và nhóm từ “Lê triều niên gian”,... cũng có thể đoán sách được sáng tác vào khoảng triều Nguyễn về sau. Tác phẩm gồm 2 truyện, trong đó truyện Ngọc thân huyền hóa ghi là phụ chép.

Chúng tôi chọn cả hai truyện, do Lại Văn Hùng, Trần Hải Yến, Trần Thị Băng Thanh dịch, Nhóm biên soạn hiệu chỉnh.

Nguyên bản có một số chữ bỏ trống và một số chữ ngờ là bị lẫn lẫn khi sao chép, chúng tôi chưa tra cứu được nên dịch theo mạch ý và tạm phiên âm theo nguyên bản.

153. CUỘC GẶP GỠ KỲ LẠ^(*)

Vào thời nhà Lê có Ngô Kiều Nương ở xã Phù Ninh, huyện Tiên Du⁽¹⁾ là con gái Tri phủ họ Ngô. Khi trước bà mẹ đi chợ về muộn, ngồi nghỉ một lát dưới gốc đa vùng Dương Húc, bỗng nhiên tâm thần cảm động, bất giác mang thai, đủ ngày tháng thì sinh hạ được nàng. Lớn lên nàng rất xinh đẹp nhưng tay chân hiếu động, gân cốt mềm mại, thích leo trèo, hái hoa ngắt quả. Vào tuổi bóng xế người cha nghỉ quan trở về bản quán, mở trường dạy học ở phía Tây làng, học trò theo học rất đông. Nàng bấy giờ còn nhỏ tuổi, nghe trộm lời cha giảng cũng hiểu được ý sách. Người cha rất yêu thương con gái, những lúc rảnh rỗi thường đem kinh sử giảng qua cho nghe. Trong vòng mấy năm thi tứ văn từ của nàng đã tranh tài đua khéo được với những trò giỏi.

Vào dịp lễ khất xảo⁽²⁾ nàng thường bày hoa trái trước sân dâng cúng Thiên Tôn⁽³⁾ và ngẫu hứng ngâm rằng :

Ngưu nữ tương truyền lưỡng Đẩu Thai,

Niên niên hoan tự bão u hoài.

Ngã tương vị cúc Ngân Hà thủy,

Giả đạo Hằng Nga tiện vãng lai.

(*) Nguyên văn : *Việt Nam kỳ phùng sự lục*.

(1) Nay là xã Ninh Hiệp, huyện Gia Lâm, Hà Nội.

(2) *Khất xảo* : dân vùng Kinh Sở (Bách Việt) xưa có tục làm lễ “Khất xảo”. Người ta bày hoa quả lễ vật cúng ở trước sân để xin tài khéo thêu thùa dệt vải cho con gái, có nơi bày bút mực xin tài khéo cho con trai. Ngày lễ có nơi làm đêm hoặc trưa mồng 7 tháng Bảy, có nơi là tháng Giêng, và có nơi là giữa tháng Tám hoặc tháng Chín.

(3) *Thiên Tôn* : tên sao, cũng gọi là sao Chức Nữ.

(Ngưu, Nữ tương truyền sao Đẩu, Thai⁽¹⁾,

Trợn năm mới gặp luống u hoài.

Ngân Hà⁽²⁾ ta nguyện khum tay mức,

Mượn lối Hằng Nga để vãng lai)

Người cha thấy vậy, nói :

– Thi tứ tuy công phu nhưng ý tứ quá kỳ dị, e sau này mang thói đa tình, nhiễm vòng hoa nguyệt, chuốc lấy tiếng cười thiên hạ, chẳng phải là chuyện hay của con gái.

Đêm ấy nàng nằm mộng thấy một đồng nữ mặc xiêm áo màu ráng chiều rực rỡ, lưng đeo đai ngọc lóng lánh, tay cầm giấy ngọc, bước vào phòng nói :

– Xin tặng người bài thơ này.

Nàng mở ra xem, thấy bên trong có bốn chữ : “Nữ gia dị trụ”. Nàng tỉnh dậy không hiểu ý tứ thế nào bèn mở *Ngọc lại kinh*⁽³⁾ xem quẻ *Tiểu nhâm* thì được câu “Viên hầu thủ thạch cách” và bài thơ :

Dị tính đồng cư sự bất nghi,

Dụng thần câu vượng khác câu tỳ.

Cư tài tích tụ đa hoan khánh,

Cát tự thiên lai phúc hựu chi.

(*Khác họ ở chung chẳng ngại ngần,*

Lời thần sáng sửa lại hòa thân.

Tiền tài tích tụ nhiều hoan ái,

Lành có trời cho, phúc có thần)

Nàng ngẫm khế, thấy khó hiểu bèn đến nhà học của cha kể lại những điều thấy trong mộng và quẻ bói, xin giải cho. Người cha xem đi xem lại quẻ, nói :

(1) *Đẩu, Thai* : theo truyền thuyết là tên hai vì sao ; ở đây chỉ Ngưu Lang, Chức Nữ.

(2) *Ngân Hà* : dải sông Ngân ở trên trời ngăn cách Ngưu Lang, Chức Nữ.

(3) *Ngọc lại kinh* : có lẽ là một sách bói xưa.

– Quẻ này “*thời vãng gia nhật*”⁽¹⁾ hai âm tranh với một dương, lúc đầu thì *thiên hậu*⁽²⁾ mà cuối thì *lục hợp*⁽³⁾, chủ yếu là nói về niềm vui của chuyện hôn nhân. Nhưng lời thần vi diệu, chưa thể dò đoán được tin vui sau này vào năm nào.

Nàng quay về lan phòng, lao tâm khổ tứ suy luận mà vẫn không hiểu chủ ý ra sao.

Sau đó thời gian thấm thoát trôi qua, nàng đến tuổi cập kê, cha mẹ tính chuyện kén rể gả chồng. Nhưng các chàng trai đến cửa chẳng có ai vừa ý. Hẳn là chuyện gia thất vốn đã được an bài, duyên xưa nợ cũ không ai ra ngoài sự thất buộc của sợi chỉ hồng trong tay ông tơ bà nguyệt⁽⁴⁾.

Bấy giờ làng Phù Đổng ấp bên mở hội đền Thiên Vương⁽⁵⁾ vào ngày mồng 9 tháng Tư. Nam thanh nữ tú gần xa đều về tụ hội. Nàng cùng mấy người bạn gái sửa soạn áo quần đến xem hội. Tới nơi, thông thả dạo một vòng rồi đứng dưới bóng cây bên ao Long Trì xem múa rối. Bỗng chốc, thấy một nam nhi từ trong đền bước ra, phong thái nhã nhặn phong lưu, dáng dấp một bậc anh hào. Hẳn là một trang công tử con nhà, nếu không cũng là bậc văn nhân đời thịnh. Chàng trở mũi giày, bước thẳng đến bên nàng. Mắt đưa mày lại liếc nhìn, muốn bỏ đi mà bước không nổi. Nàng vốn đa tình nên cũng muốn để vậy xem sao. Chàng thấy nàng phong tư yếu diệu, vô cùng đáng yêu, chắc cũng con nhà khá giả, bèn nói đùa với bè bạn :

– “Ghê thay, chiến địa” !

(1) *Thời vãng gia nhật* : lời đoán của quẻ *Tiểu nhâm* trong *Ngọc lại kinh*, có thể dựa vào nội dung truyện để hiểu lời đoán này.

(2) *Thiên hậu* : vốn là tên một chòm sao, trong phép bói người ta xem ngôi của ngày và tháng để suy ra ngày ấy nên làm gì.

(3) *Lục hợp* : sự tương hợp giữa ngôi lập và ngôi tùy của tháng. Ví dụ : tháng Giêng lập ở ngôi *Dần* (kiến dân) và ngôi tùy là *Hợi*, cho nên *Dần* và *Hợi* là tương hợp. Âm dương gia thì so ngôi của năm, tháng và giờ.

(4) *Ông tơ bà nguyệt* : chỉ người làm mối trong hôn nhân, xuất phát từ *Tục u quái lục* chép truyện Vi Cố dời Đường qua chơi Tống Thành gặp một ông già ngồi dưới bóng trăng đang soát sổ sách, trong túi có một cuộn chỉ đỏ. Vi Cố hỏi thì ông già đáp : “Đây là cuốn sổ chép việc hôn nhân và cuộn chỉ đỏ để buộc chân những người có duyên vợ chồng với nhau ?”.

(5) *Thiên Vương* : tức Thánh Gióng, tương truyền khi đẹp xong giặc Ân đã bay về trời.

Nàng đáp lại :

– “Gỡm thay, gió Tần” !

Chàng tiếp :

– “Dụng giáo mác của ta, sửa gương đao của ta” !

Nàng đối lại :

– “Cùng với chàng chung áo, cùng với chàng chung xiêm”.

Chàng thấy nàng đối đáp lâu thông kinh sử, tự nhủ : “Giai nhân thời nay sao có được người đáng quý đến vậy ? Chẳng lẽ chuyện Giáng Hương lại được thấy ngày hôm nay sao ?”. Muốn thắt chặt tư tình, hẹn ước về sau, chàng định lên hỏi họ tên, nhưng bè bạn, hai nhà đều ở đó nên không sao thực hiện được ý định, bèn mượn chữ dận dò :

– Gặp gỡ chốc lát giữa đường khó tả hết nỗi u hoài. Nếu như hương lửa có duyên, lòng tự nghĩ đến số Thái Ất⁽¹⁾ thì ngày rằm tháng Tư trăng tròn là hẹn, đừng để lỡ.

Rồi nói nhỏ :

– Cẩn thận chớ để lộ mảy may.

Nàng chỉ con rồng đá trước miếu nói :

– Dầu xương rồng nát, lòng thiếp vẫn không chuyển, chỉ e chàng tự sai lời.

Chàng cũng chỉ cây đa bên chợ nói :

– Dầu ta dù bạc, ý ta vẫn bền.

Bấy giờ mặt trời đã ngậm đỉnh núi, người đi xem hội tản mát hết. Tản bộ trong làng Phù Đổng, cả hai đều lộ vẻ sung sướng, mãn nguyện. Gần đến lúc chia tay, cả hai đều lưu luyến không rời, dùng dằng chân bước. Chàng tức cảnh ngâm :

Lạc phách Phù hương bàng thụ âm,

Tiên Hương hà xứ tài thanh khâm.

Lam Kiều thử khứ nhân thiên lý,

Liêu ký Bùì Hàng nhất phiến tâm.

(1) *Thái Ất* : phép đoán số của Thiệu Nghiêu Phu (1011 - 1077) đời Tống đặt ra để tính các việc trong trời đất và đoán việc tương lai.

(Phù Đồng thả hồn bên bóng cây,
Áo xanh vừa thoáng dấu tiên bay.
Lam Kiều⁽¹⁾ hút bóng, người muôn dặm,
Lòng gửi Bùi Hàng⁽²⁾ một tác dây).

Nàng cũng xuất khẩu thành thơ :

**Xúc cảnh vô đoan nhất thụ âm,
Tu nhan hồng hãm xãm vi khâm.
Thi dư chỉ phạ hoàn hưu liễu,
Uống khổ Hàng Nga dạ dạ tâm.**

(Đôi cảnh không dư một bóng cây,
Mở hơi rịn áo, má hồng say.
Thơ còn, sợ nỗi người về mất,
Vàng vặc vắng trắng uống mãi đây).

Ngâm xong mỗi người nhăm con dê đầu làng trở về. Nàng từ lúc chia biệt chàng, tâm thần bất định, đứng ngồi không yên, vọng ngấm con đường ngày nọ chẳng còn nhớ dài ngắn bao xa, mới tự hỏi rằng : “Ta là con gái phòng the, như bông hoa chưa biết ngày xuân, vậy mà vừa gặp người tài, chưa rõ gia cảnh dòng dõi, đã thuận mồm đối đáp, buông lời tình tứ. Cứ lấy phép luật trong kinh *Xuân thu* mà xét thì thực đã mắc nhiều sai trái. Nhưng nay một lời đã hẹn ước, bốn ngựa khó đuổi theo. Mới hay sắc hoa bền

(1), (2) *Lam Kiều, Bùi Hàng* : theo *Thái Bình quảng ký*, Bùi Hàng đời Đường đi thi không đỗ, gặp Phan phu nhân Vân Kiều, được bà tặng một bài thơ : “*Nhất ẩm quỳnh tương bách cảm sinh / Huyền sương đảo tận kiến Vân Anh / Lam Kiều tiện thị thần tiên quật / Hà tất kỳ khu thưởng Ngọc kinh*” (Vừa uống xong chén quỳnh tương đã sinh trăm mối cảm / Thuốc huyền sương già xong thì được gặp Vân Anh / Lam Kiều chính là nơi động tiên đó / Hà tất phải vất vả tìm đến kinh đô). Sau Bùi Hàng đi qua Lam Kiều, khát nước, ghé vào ngôi nhà lá cạnh đường xin nước uống. Bà lão gọi Vân Anh đem nước cho chàng. Thấy Vân Anh đẹp, Bùi Hàng ngỏ ý xin cưới làm vợ. Bà lão bảo : “Trước đây được thần tiên cho một miếng linh dược, bảo cần có chày cối ngọc để giã mới dùng được. Chàng kiếm được chày cối ngọc thì ta gả con gái cho”. Bùi Hàng ra đi tìm chày cối ngọc. Khi mua được rồi, chàng đem đến Lam Kiều ; thuốc giã một trăm ngày thì xong. Chàng được vợ và sau hai vợ chồng đều thành tiên. Phu nhân Vân Kiều chính là chị ruột Vân Anh đã báo trước cho chàng mối tình đó.

tường xưa nay vẫn là nơi giam hãm trai anh hùng gái thuyền duyên vậy”. Rồi lại nghĩ : “Giai nhân tài tử, từ xưa gặp gỡ dễ đâu. Giáng Kiều gặp Trần Uyên, Giáng Hương gặp Từ Thúc⁽¹⁾, thấy đều nhờ duyên trời tác hợp, hà tất phải Châu Trần⁽²⁾ một thôn, Tấn Tần⁽³⁾ hai nước thì sau đó mới thành duyên đẹp ! Huống chi tài tình, dung mạo ấy thời nay mấy ai sánh bằng, một mảnh nhân duyên hãy cứ để ngọn Đông phong càng đáng !”.

Ngày hôm ấy nàng trở về lan phòng, tâm tình u uẩn, day dứt không nguôi, tấm hình hài, thấy đều phó mặc cho lũ quỷ tương tư. Có khi tựa song bấm đốt, có lúc mình tự nhủ mình. Hoa lá khoe sắc giữa mùa hạ thì sự bồn chồn trong lòng cũng chuyển thành nỗi oán trách lạnh lẽo, bèn làm thơ rằng :

**Tự cổ chung tình kỷ Nguyệt Nga,
Như kim ư ngã cánh thiên đa.
Liêu nhân tự thính hòa âm yến,
Đối cảnh thiên sâu tịnh đế ba.
Trọng ước thệ tâm huyền ngọc nhĩ,
Loạn trường tùy thủ độ kim thoa.
Bằng thùy hoán thủ chung tình khách,
Dung thụ thanh thanh thạch bất ma.**

*(Tự cổ chung tình mấy Nguyệt Nga,
Mà nay, sâu nặng chẳng bằng ta.
Trêu người tự lắng theo lời yến,
Đối cảnh riêng sâu liền nhánh hoa.
Ước nặng lòng thề treo ngọc xuyên,
Dạ hời tay rồi với kim thoa.*

(1) *Giáng Kiều gặp Trần Uyên, Giáng Hương gặp Từ Thúc* : chỉ những cuộc nhân duyên giữa người và tiên. Xem thêm truyện *Từ Thúc lấy vợ tiên*, số 36 và *Cuộc gặp gỡ kỳ lạ ở Bích Câu*, số 51, Tập II.

(2) *Châu, Trần* : hai họ trong cùng một thôn của Trung Quốc thời xưa, đời đời gả con cho nhau.

(3) *Tấn, Tần* : tên hai nước thuộc Trung Quốc thời Xuân thu, thường có quan hệ hôn nhân cùng nhau.

Cây ai nhẵn lại người tri kỷ,

Lý đá, xanh cây vẫn đợi mà).

Bấy giờ tuy cha mẹ đang còn nhưng nàng được có riêng một gian nhà làm nơi dệt vải, thường cho đứa hầu gái nhỏ ở. Đến ngày rằm, nàng bảo đứa hầu :

– Nay ta đi xa, đến kinh thành để mua hương phấn, nhưng phép nhà rất nghiêm, không dám trình thưa. Nếu như chiều muộn mà ta chưa về, người hãy thay ta đảm đang mọi việc. Lúc trở về, nhất định ta sẽ có thưởng.

Đứa hầu đáp :

– Tiểu thư đi vắng, nếu ông bà có hỏi đến, con sẽ khéo nói để không lộ ra chút gì.

Lúc ấy mặt trời đã quá ngọ, lòng nàng như lửa đốt, ăn mặc sơ sài, điểm trang qua quýt, theo đường tắt đến ngay nơi hẹn là chùa Kiến Sơ⁽¹⁾ hôm trước. Vừa đi vừa ngóng, đã thấy chàng đứng nơi mé ngoài cửa tam quan. Mắt sao lóng lánh, vóc hoa tươi giòn, chàng hỏi nàng :

– Lam Kiều mấy độ đường mà sao đến trễ vậy ?

Nàng nói :

– Bóng thỏ chưa tròn, sao chàng nỡ vội vàng trách thế !

Chàng đáp :

– Dưới cây đã một lần gặp gỡ, khác nào nắng hạn lâu ngày gặp mưa ngọt vậy. Lời ước trăng tròn, một ngày dài như ba thu ; chốn hẹn Kiến Sơ, tình đã vấn vương muôn mối, đến cuộc hẹn hò hôm nay đối với ta là quá chậm rồi. Vội còn không kịp, huống nữa lại chậm trễ.

Nàng đáp :

– Chàng của thiếp nói một lời đã tỏ ra hiểu mình hiểu người, có thể coi là đã bao quát được cả người và vật trong lòng vậy.

Vừa nói vừa giấu mặt chúm chím cười.

Bấy giờ hoàng hôn xuống bóng, chuông chùa dứt nổi, tiếng mõ đóng dả, cả hai vẫn chưa tỏ hết nỗi u hoài nên không thể dứt ra về được. Bèn dắt tay nhau vào đền Thánh mẫu, định nghỉ lại qua đêm. Vừa đến cửa,

(1) Chùa Kiến Sơ : thuộc làng Gióng, xã Phù Đổng, nay thuộc huyện Gia Lâm, Hà Nội.

ghé trông vào, chỉ thấy đèn đuốc sáng trưng mà tịnh không một bóng người. Nhân đó bước vào gian bên mé hành lang phía tả. Hai người ngồi chưa ấm chỗ đã nghe bên ngoài cửa có tiếng hài lúc một gần lại. Cùng đứng dậy nhìn ra, đã thấy một đoàn thị nữ, đỡ một bà lão đi tới, theo hành lang bên hữu bước thẳng lên điện. Người qua kẻ lại bỗng chốc nhộn nhịp. Chàng cho là gia đình quý tộc ở thôn này nhân ngày rằm đến dâng lễ nên nín thở phục bên vách gỗ. Bỗng nghe có tiếng truyền gọi con vườn hoa, nàng tự nói :

– Bà đã gọi lân đá và tinh khí ở cây đa đến, thì ta hãy đợi ở đây một chút để xem.

Chàng không hiểu ý. Thoáng chốc đã thấy một đồng nữ trang điểm xinh đẹp cầm đèn lớn hình bông sen vàng đến trước mặt nàng nói :

– Thánh mẫu truyền gọi !

Nàng nghe hai tiếng “Thánh mẫu” thì kinh hoàng run sợ, hồn phách xiêu lạc, rụt rè đáp :

– Người trần mắt tục đâu dám gặp đáng chí tôn.

Đồng nữ nói :

– Đừng ngại, lời ngọc đã ban ra không trốn tránh được.

Bất đắc dĩ nàng và chàng phải lúu rú bước vào. Thấy một bà tiên ngồi trên điện, bên ngoài thanh nữ tám chín người, thấy đều yêu kiều, đứng hầu trước thềm. Nàng và chàng chỉnh khăn áo vái lạy, không dám ngẩng lên nhìn.

Đồng nữ đùa :

– Lân tử, tinh hầu quỳ bái song song hết như lễ tơ hồng vậy.

Đám thị nữ cùng cười. Lễ xong, Thánh mẫu ban cho ngồi. Bên trái là đồng nữ đứng hầu, bên phải là chàng và nàng cùng ngồi. Thánh mẫu phán :

– Dương công, Ngô thị hẳn biết ngày gặp mặt hôm nay !

Chàng vội đáp :

– Đấng tử Gia Lâm đắm chìm trong bể ái, nhầm phạm đến thiêng, xin được khoan thứ cho tội đường đột.

Thánh mẫu nói :

– Không phải. Các ngươi đến đây là do ta ngầm xui khiến đấy. Khanh vốn kiếp trước ngay thẳng, xin đi trấn giữ có công nên vua Lê riêng sai

giáng sinh, chút ân báo đền, sẽ cho vinh hiển. Nay ngẫu nhiên gặp gỡ báo cho biết trước vậy. Còn Ngô thị, gửi thân đã lâu, cũng không phải không do túc duyên. Trời đất tác hợp, chớ dễ hợp ly biến đổi. Nếu giữa chừng gặp hoạn nạn ta sẽ cho một người giúp đỡ.

Rồi chăm chăm nhìn Viên Nương bảo Ngô thị :

– Đây là chị em cùng chung sống.

Nhân đó ban cho chén rượu, nói :

– Đây là chén rượu do móc ngọt cất thành, mừng trước cho lễ hợp cẩn.

Nàng và chàng nâng uống, nước ngọt thơm mát, không có ở nhân gian. Chàng cảm tạ :

– Gặp gỡ đêm nay thực đã an ủi lòng trần. Nhưng lũ chúng tôi đã rơi vào chốn La Phù⁽¹⁾ không rõ kiếp trước là con lân, tinh vượn ra sao, dám xin Thánh mẫu dạy bảo, để giải mối nghi hoặc một đời.

Thánh mẫu nói :

– Âm dương khác cảnh, các người sao biết được ! Nhưng hãy hỏi người già ở Yên Thường và hai bà họ Nguyễn, họ Đặng thì sẽ biết được chút ít.

Nãy giờ Ngô thị nghe Thánh mẫu truyền bảo, mờ mịt không hiểu đầu đuôi ra sao mới liếc nhìn Viên Nương thấy chân tay dài nhỏ, lưng thon yếu điệu, duy ở má có một nốt ruồi. Canh dần tàn mà chuyện trò vẫn còn rôm rả, bỗng gà sau thôn Phù Minh gáy sáng, tiếng eo óc vắng tới. Thánh mẫu vẫy hai người lui về bên tả. Nàng và chàng cúi đầu bước xuống thêm, ngoảnh đầu trông lại thì trên điện vắng lặng không còn một ai, cùng lẽ lười khen là kỳ lạ, đứng ngẩn người ra một lúc lâu.

Lại nói, cả hai người từ khi gặp gỡ, họ tên quê quán chưa từng được biết, vừa nghe Thánh mẫu nói “lân”, “hầu” thì cùng nhớ lại, tưởng như trong mộng. Bèn ngồi tạm trước thêm hỏi nhau gốc rễ. Chàng nói :

– Ta là con trai Dương công ở Gia Lâm, mẹ họ Nguyễn. Nghe nói lúc bà đi chợ Phù Lưu ngẫu nhiên gặp cơn mưa gió phải vào trú tạm trong cung Tổ Long. Khi về có mang, rất nặng nề, không thể đứng lên đi lại được, người trong thôn gọi là thai đá, nhân đó đặt tên là Dương Giới. Năm hai

(1) La Phù : chỉ nơi tiên ở.

mười tuổi theo đòi bút mực. Còn gọi là “lân đá” như Thánh mẫu vừa nói thì ta không rõ.

Rồi bảo nàng :

– Chuyện gặp gỡ một đời, trăm năm hẹn ước nên dòng dõi tông tộc, ta không dám mảy may che giấu.

Nàng nói :

– Thiếp vốn con Tri phủ họ Ngô ở Phù Ninh, Đông Ngàn. Mẹ là họ Đặng, đi qua cây đa ở Dương Húc, bỗng nhiên rung động, đến kỳ thì sinh. Nay Thánh mẫu nói “tinh hầu”, không rõ vì sao, khiến lòng thiếp bối rối.

Chàng nói :

– Tóc da tác hợp hoàn toàn do cội u minh. Nhưng nói chuyện quái lạ thì tâm hồn bấn loạn. Duy bậc nho giả chẳng ai không muốn tỏ rõ ngọn ngành. Nay con đường đến Yên Thường chỉ đi chốc lát là tới, vả lại cũng tiện đường về của nàng.

Nói rồi quay lại bái biệt đền Thánh mẫu và ngay giữa sáng sớm cùng ra đi. Mất qua mây lại, phảng phất Ngưu Lang Chúc Nữ vượt tường gặp gỡ. Nàng đùa :

– Chàng chẳng phải là một kẻ cường bạo mà sao bắt thiếp “Yêm áp hành lộ”⁽¹⁾ thế này.

Chàng đáp :

– Cuộc gặp gỡ ở Cao Đường⁽²⁾ mưa xối mây ùn, ai biết đâu việc thành sai lạc, làm hồng giấy phút ngàn vàng của ta.

Nàng nói :

– Đùa cho vui thôi mà. Cây đa ấy chưa già, xương trắng chưa tan, thiên trường địa cửu, người trong cõi ấy hà tất có ai đi làm cái việc giỡn mây cợt gió ! ?

Chuyện vui trên đường như giục chân bước, chẳng mấy chốc đã đến địa phận Yên Thường. Hai người đến ngay miếu cũ Tổ Long. Thấy con lân

(1) *Yêm áp hành lộ* : câu thơ trong *Kinh thi* nói việc người con gái phải đợi sương giá đi sớm trên đường.

(2) *Cao Đường* : nguyên bản là 高堂 ; nghĩa là cha mẹ ; ngờ là 高唐 vì mạch văn đang nói đến chuyện mây mưa, trai gái. Xem thêm Chú thích 4 và 5, tr. 331 cùng truyện.

đá cổ vẫn đứng trấn giữ bên ngoài cửa, thân hình rêu phong, dáng dấp hung tợn, chữ khắc trên đá đã mờ, không rõ làm vào thời nào. Gặp người già thôn bên, hỏi thì họ đáp :

– Đá này từ thời vua Lê. Lúc xây dựng miếu thì đặt lên đá để trấn áp yêu quái, lâu ngày thành linh dị, hiển ứng có ngày.

Hỏi :

– Gần đây có điều gì lạ không ?

Đáp :

- Vốn không có gì khác lạ, duy giữa chừng có một nhà sư nghèo thường dùng con khi nhảy múa làm trò diễn. Sau, ông ta bỏ đi nên thả con khi ra. Ban ngày nó sống trong túp lều bên rừng, đêm lại đến nằm bên lân đá. Canh khuya còn lao xao như tiếng hai người trò chuyện.

Hỏi :

– Sau đó ở đâu ?

Liên đáp :

– Chuyển đến sống ở cây đa vùng Dương Húc.

Hỏi :

– Nay còn không ?

Trả lời :

– Mười chín năm trước đã không biết ở đâu.

Tính ra thì vừa đúng năm bà mẹ mang thai. Nàng trầm ngâm một lúc lâu rồi nói :

– Chuyện lân, hầu nay đã rõ một nửa, còn giấc mộng “gia trụ” chưa rõ bao giờ mới giải được.

Chàng hỏi đầu đuôi. Nàng kể lại vắn tắt giấc mộng thuở xưa. Chàng nói :

– Ta giải giúp nàng được chăng ?

Nàng đáp :

– Thiếp xin nghe.

Chàng giảng giải :

– Nữ 女 và giá 家 là chữ giá 嫁. Trụ 柱 tức là mộc 木, mộc 木 và dị 易 hợp lại với nhau, há chẳng phải chữ dương 楊 sao !

Nàng cười nói :

– Vậy là họ Ngô lấy chồng họ Dương, mộng triệu báo trước đến là nhiều. Chúc Nữ là bà mối, Thánh mẫu là chủ hôn, trong cái lạ có cái lạ hơn nữa.

Hai người tạm ngồi trò chuyện hồi lâu. Chợt chàng buồn bã không vui, nàng nói :

– Họ Ngô, họ Dương liệu có còn chỗ nào không được như ý chăng ?

Chàng đáp :

– Mối nhân duyên, kiếp trước đã định ; chuyện hương lửa ba sinh, xưa nay khó gặp. Ta không phải có điều không vừa ý. Nhưng buổi gặp gỡ sáng nay, trăng nước như tấm gương soi tỏ, rồi đây phân kỳ đôi ngả, chưa biết bao giờ mới tái hợp. Vạn nhất trong nhà có chuyện rắc rối, cha mẹ ngăn cấm, đi tìm dấu thơm mà không gặp được thì sao chịu nổi nỗi buồn “nhân diện đào hoa”⁽¹⁾ !

Nàng đáp :

– Đã vào núi ngọc mà chịu để tay không ư ? Thiếp xin vì chàng tính liệu. Nay cha thiếp lập ngôi nhà học ở riêng một nơi. Học trò đến học, không dưới trăm người. Chàng sao không đến đó ? Cũng đủ để thỏa tình, thích chí. Ngoài tuy là du học mà trong chủ ý chuyện thành thân. Một để hoàn tất công lao đèn sách, một để trả hết món nợ duyên ương. Thiếp đã xếp đặt thì không điều nào không được như nguyện.

(1) Nhân diện đào hoa : Thôi Hộ (? - ?) đời Đường, ngày thanh minh đi chơi, khát nước vào một nhà xin uống, thấy một người con gái đem chén nước ra cho rồi đứng dựa vào cây đào nhìn mình chăm chú. Thôi đi rồi, bằng một năm, năm sau cũng ngày thanh minh lại đến nhà ấy thì thấy đóng cửa. Trước khi rời đi, chàng để lại một bài thơ như sau : “Khử niên kim nhật thử môn trung/ Nhân diện đào hoa tương ánh hồng/ Nhân diện bất tri hà xứ khứ/ Đào hoa y cựu tiếu Đông phong” ; nghĩa là : Ngày này năm ngoái của đây/ Hoa đào với mặt người hây hây đào/ Người nay xa vắng nơi nào ?/ Hoa đào như cũ, cội chào gió Đông (Khuyết danh dịch). Người con gái xem thơ, nhớ thương rồi ốm chết. Chợt Thôi Hộ đến, nghe tiếng khóc chạy vào ôm thây mà khóc. Người con gái bỗng hồi tỉnh rồi sống lại. Ông bố bèn đem cô gái gả cho Thôi Hộ (Tình sử).

Chàng nghe vậy, cười nói :

– Khéo thay tạo hóa ! Nàng đáng gọi là nữ Gia Cát⁽¹⁾, Điều Thuyền⁽²⁾ tái sinh ; nghĩ ra kế liên hoàn, ta xin nhường ngôi tam nguyên !

Mưu kế định xong, hai người chia tay. Nàng bản tính mê thơ liền lấy ngay bút giấy đề :

**Thuyền quyền môn hộ tỏa kiên trinh,
Tài ngộ anh hùng giá chuyển khinh.
Nhất dạ Đông Tây kim Chúc Nữ,
Đồng chu Ngô Việt cổ Vân Anh.
Hội thì nhân hữu tam sinh khách,
Biệt hậu tâm khiên vạn lý trình.
Đáo xứ giác thân phi thị ngã,
Quy lai đối đắc nhất ban tình.**

*(Thuyền quyền đóng khóa tám kiên trinh,
Vừa gặp anh hùng giá nhẹ tênh.
Hai ngả đêm nay thành Chúc Nữ,
Cùng thuyền Ngô, Việt hóa Vân Anh.
Biệt ly đeo hận đường muôn dặm,
Gặp gỡ say nhìn khách thế minh.
Đến chốn ngộ ra thân đã khác,
Trở về mang lấy một nỗi tình).*

Đề xong trao cho chàng và nói :

– Tạm lấy làm vật tặng.

(1) *Gia Cát* : tức Gia Cát Lượng (181 - 234), Quốc sư của nhà Thục Hán thời Tam quốc, tương truyền là người có tài hồ phong, hoán vũ, từng giúp Lưu Bị nhiều lần đánh bại đội quân Tào Tháo.

(2) *Điều Thuyền* : nguyên sách chép là Điều Thiên, Thuyền là cách gọi quen thuộc của Việt Nam. Theo *Tam quốc chí diễn nghĩa*, nàng là ca nữ nhà Vương Doãn, người đẹp, Vương đã dùng nàng làm kế ly gián giữa Đổng Trác (? - 192) và Lã Bố (? -198).

Chàng cũng múa ngọn bút :

**Cầu hoàng thậm hỷ đắc tri âm,
 Đương thử phân kỳ thiết ngã tâm.
 Thần cảm bát sầu kim thập giới,
 Sự ... ⁽¹⁾ thiên phạ thiết thành châm.
 Khiêu binh vị phá Tần quan tráng,
 Mộng cảnh cương hiềm Sở giáp thâm.
 Đa thiếu tình hoài ưng hữu ký,
 Mạc giao trương lệ biệt ly khám.**

*(Cầu hoàng⁽²⁾ may gặp được tri âm,
 Chưa trọn niềm vui xiết khổ tâm.
 Không ngại đầu kim rơi hạt cải⁽³⁾,
 Chỉ e mài sắt chẳng nên kim.
 Cửa Tần vẫn vững quân chưa bại⁽⁴⁾,
 Non Giáp dày mây mộng luống chìm⁽⁵⁾.
 Dài ngắn tình hoài xin nhắn gửi,
 Lệ sầu chớ để áo khăn đầm).^(*)*

(1) Nguyên bản thiếu một chữ.

(2) *Cầu hoàng* : tức khúc *Phượng cầu hoàng* mà Tư Mã Tương Như (? - 118 tr. CN) đời Hán gảy để quyến rũ con gái của Trác Vương Tôn. Có lần Tương Như đến chơi nhà Trác Vương Tôn ở đất Lâm Cùng, thấy con gái ông là Văn Quân nhan sắc lại hay thơ, Tương Như đem lòng yêu, gảy khúc *Phượng cầu hoàng* để tỏ tình. Văn Quân cảm động, đang đêm bỏ nhà trốn theo Tương Như về Thành Đô. Ở đây chỉ sự giao duyên trai gái.

(3) *Đầu kim rơi hạt cải* (kim thập giới) : chỉ sự gặp gỡ hân hữu. Xem Chú thích 3, tr. 370 cùng truyện.

(4), (5) *Cửa Tần, Non Giáp* : *Cửa Tần* (Tần quan hay Hàm Cốc quan) : nơi hiểm trở khó vượt qua ; *Non Giáp* (hay Vu Giáp) : theo bài *Cao Đường phú* của Tống Ngọc, giữa đầm Vân Mộng có quán Cao Đường. Tại đây vua Sở ngủ ngày mơ thấy tiên vương mình được một thiếu nữ đến hầu chân gối. Vua hỏi thì nàng nói là thần nữ núi Vu Sơn, sớm làm mây, tối làm mưa ở dưới Dương Đài. Vu Giáp tượng trưng cho cuộc mây mưa trai gái, ở đây chỉ việc ái ân chưa toại.

(*) *Băng Thanh* dịch.

Viết xong, trao cho nàng, nói :

– Tạm lấy làm tặng vật.

Nàng đáp :

– Mỗi người giữ lấy một tờ làm chứng tích cho mối tình của chúng ta trong ngày động phòng hoa chúc mai sau.

Rồi đó cùng nhìn nhau và chia biệt. Nàng đi đường thầm nghĩ : “Phận đàn bà con gái tự ý đi ra ngoài đến hai ngày, nếu cha mà biết được không rõ sẽ khu xử thế nào !”. Về đến cửa, hỏi ngay đứa hầu nhỏ :

– Ở nhà thế nào ?

Đứa hầu đáp :

– Không có chuyện gì ! Đêm qua cô chủ không về, con đã làm thay mọi việc. Bà chưa hề hỏi đến.

Nàng sung sướng vì xung quanh đều vô sự, cử chỉ lại như thường ngày, nhưng tâm tưởng đều hướng về tình lang, ngày ngày trông ngóng tin tức.

Còn chàng, từ lúc chia tay trở về nhà thấy việc có vẻ lạ kỳ, hồn phách đêm ngày đều vẩn vương hình bóng người con gái họ Ngô. Một hôm, chàng từ biệt thân phụ và nói :

– Nay kỳ thi đã đến gần, định vào thu tới, mà con ngày qua tháng lại học hành gián đoạn nhiều. Nghe nói tiên sinh họ Ngô ở Tiên Du mở trường học lớn, nhiều học trò theo đến, con cũng muốn nghiên bút theo học. Dám xin cha bỏ qua cho tội không sớm hôm chăm sóc mẹ cha.

Dương công nói :

– Việc học quý ở chỗ đúng thời. Nam nhi là phải như vậy. Sau này công thành danh toại, ấy là vinh hiển cho mẹ cha, hiếu nào bằng được, bắt tất phải khư khư giữ cái lễ nhỏ.

Chàng cho như thế là đắc sách, bèn thu xếp hành trang. Sách một hòm, đầy tớ một đứa, thẳng hướng Tiên Du đi tới. Đến một bến nhỏ trên sông Thiên Đức, chàng làm thơ tiêu khiển :

Từ liễu hương quan độ tiểu tân,

Hề đồng thư khấp cộng tùy thân.

Phong di nguyệt tỷ nhân lai vắng,

Nhận khiếm đáng tiền nguyệt hạ nhân.

(Từ già quê nhà vượt dải sông,
 Theo ta hòm sách với hể đồng.
 Chị Hằng dì gió qua rồi lại,
 Đèn ảnh trăng soi, vắng nửa lòng).

Chiều tối đến Phù Ninh, nghỉ lại quán trọ phía Đông, hỏi thăm xung quanh, chàng hiểu tường tận gia cảnh nhà họ Ngô. Sáng hôm sau đến bái lạy thầy. Ngô tiên sinh thấy dung mạo lời lẽ chàng, có ý vui mừng.

Chàng từ khi vào nhà học, ngày ngày nghe giảng nhưng nhà dột vãi cách biệt, tình riêng khó trao gửi, đứng ngồi buồn bã, hận giấc mộng non Vu⁽¹⁾ muộn mằn. Một hôm nhân rảnh rỗi, chàng đi tản bộ quanh vườn, khung cảnh thật là :

**Thiết ngọc thấu hương chân hữu ý,
 Khán hoa thực liễu bản vô tâm.**
 (Trộm ngọc giấu hương thật có ý,
 Xem hoa trông liễu, vốn vô tình).

Ngẫu nhiên chàng nhìn qua rào tre phía bên tả, thấy gian nhà dột vãi, cửa ngoài khép hờ, lộ ra nửa khuôn mặt Ngô Nương, bèn cao giọng đọc : *Hữu bằng tư viễn phương lai, bất diệc lạc hồ !*⁽²⁾. Nàng hé cửa nhìn ra thấy chàng liền ứng đáp : “*Nhân bất tri nhi bất uẩn, bất diệc quân tử hồ !*”⁽³⁾.

Bỗng từ bên tường phía Đông có bóng người đi tới, chàng không dám nấn ná lâu, liền quay gót đi. Nàng bảo con hầu :

– Kẻ thần thơ bên ngoài kia, như có ý dòm dò, người hãy hỏi thăm vài lời để xem ý tứ chàng ta ra sao.

Con hầu ra ngay ngoài tường thì thấy chàng đang lững thững đi về phía hướng Đông, bước một bước lại dừng một bước, như có ý ngóng đợi. Con hầu liền đến trước, nói :

– Công tử người ở vùng nào ?

(1) Non Vu : còn gọi là Vu Sơn, tương truyền là nơi Sở Vương gặp Thần nữ. Xem thêm Chú thích 4, 5, tr. 331, cùng truyện và Chú thích 1, tr. 385, truyện *Mình ngọc biển ảo*, số 154, cùng tập.

(2) Câu trong sách *Luận ngữ*, nghĩa là : Có bạn từ phương xa đến, chẳng cũng vui sao !

(3) Câu trong sách *Luận ngữ*, nghĩa là : Người không biết ta, ta cũng không giận, há chẳng phải là quân tử sao ?

Chàng thấy một đứa hầu ăn nói đường đột không biết từ đâu đến, nhưng ý chừng do nàng sai bảo, nên đáp lửng lơ để xem ý tứ :

– Ta là Dương Giới ở Gia Lâm. Trước đây nghe tiếng tiên sinh có học trò giỏi theo học nườm nượp nên chẳng quản đường xa tìm đến, tính cũng đã hơn mười lần “thỏ lặn ác tà”. Cảnh đất khách quê người, buồn bã khôn nguôi, nên tản bộ ngắm nhìn phong cảnh cho thư thái đầu óc.

Đứa hầu vốn tính con trẻ, hỏi xong liền về ngay, đem hết những lời lẽ của chàng kể cho nàng nghe, rồi nói :

– Nhìn kỹ người này giống hệt người gặp trong đám hội Phù Đồng.

Nàng nói lấp đi :

– Người trong thiên hạ diện mạo giống nhau nhiều lắm, sao ngươi ăn nói hồ đồ như vậy !

Con hầu cúi đầu tùm tùm cười. Sau đó nàng trầm nghĩ : “Trời thuận lòng người, chim phượng đã từ ngàn dặm đến mà còn ôm cây đợi thỏ⁽¹⁾ thì đến tan nát tâm tình bậc anh hùng mất thôi !”. Đêm ấy ngọn đèn khêu tỏ nhưng thoi ngọc biếng gieo, mặt hoa đeo sầu, lệ nhòa mắt phượng. Con hầu trộm biết, cất tiếng hỏi :

– Sao tiểu thư vốn tươi như hoa mà nay đến nông nổi này ?

Nàng bèn thổ lộ tình thực :

– Ta vì tình mà chuốc lấy khổ, ngày như dài bằng năm, tâm tưởng rối bời, bất giác sinh ra buồn bã.

Con hầu nói :

– Người mà cô dồn hết tình cảm cho, phải chăng là vị công tử gặp gỡ ngày nọ ?

Nàng đáp :

– Hiểu được lòng ta là người chăng ! Chàng tân lang người Gia Lâm chính là vợ chồng với ta từ kiếp trước, lặn lội xa xôi đến đây theo kế sách ta vạch ra vậy. Nay chàng đến học đã lâu mà tin tức chưa thông, vừa tới đã

(1) *Ôm cây đợi thỏ* : sách *Hàn Phi Tử* chép chuyện người nước Tống thời Xuân thu đang cày ruộng bỗng thấy một con thỏ đâm đầu vào gốc cây mà chết. Anh ta liền bỏ cày, đến đợi bên gốc cây để mong được con thỏ khác.

vội rời, thoát đến thoát đi, trao mặt gửi lòng mà tâm can đau đớn. Vì vậy nên ta mới xúc cảm.

Nhân đó bảo con hầu :

– Sớm mai người hãy vì ta lặn lội đến đưa bức tâm thư, rồi hỏi xem chàng trú ngụ nơi nào, hoặc giả thừa cơ nói để chàng biết được nỗi lòng u uẩn của ta.

Rồi nàng lấy giấy Tiết Đào⁽¹⁾ phóng bút viết những dòng thơ nhỏ, và niêm phong chắc chắn. Rạng sáng con hầu kín đáo cầm thư của nàng đến ngoài cửa trường học chờ chàng tới để trao. Nhưng chàng lại cùng bạn bè tám chín người quần chùng áo dài đi đến. Con hầu thấy đông người khó nói năng được bèn lén bỏ thư vào ống tay áo chàng, định sẽ chờ đến lúc chàng tan học mới kể hết những tâm tình của nàng.

Nào ngờ từ lúc nhận thư chàng đã biết ngay là có tin tức của nàng nên lòng dạ bồn chồn, ngồi không yên chỗ, giờ học chưa hết đã theo lối tắt về trước. Con hầu đi lại nhìn ngóng, thấy học trò lũ lượt ra về mà chàng Dương bật vô tung tích, vội quay về báo tin. Nàng căn vặn :

– Ý tứ chàng thế nào ?

Con hầu nhất nhất kể sự thực và tạ lỗi đã không làm cẩn thận. Nàng than thở :

– Đường đời khó gặp gỡ, việc người lắm gian nan, ôi ông lão dưới trăng, ông lão dưới trăng⁽²⁾. Nói vậy mà kết cục hóa trắc trở.

Con hầu nói :

– Bây giờ tính thế nào ?

Nàng tĩnh tâm lại tự nhủ : “Không cần phải bàn bạc lời thôi. Chàng Dương đến sớm tất có thư trách móc tới. Không phải ta cần dứa trẻ đại mà dứa trẻ đại tự cần ta vậy”⁽³⁾.

(1) *Giấy Tiết Đào* : Tiết Đào đời Đường là một danh kỹ ở đất Thục, hay làm những bài thơ ngắn, vì tiếc giấy nên cắt hẹp lại. Từ đấy những tờ giấy nhỏ để viết thơ, gọi là giấy Tiết Đào.

(2) *Ông lão dưới trăng* (Nguyệt hạ lão nhân) : nói vắn tắt là *Nguyệt lão*, xem Chú thích 4, tr. 320, cùng truyện.

(3) Lời trong *Kinh dịch*, quẻ Mông : “Phi ngã cầu đồng mông, đồng mông cầu ngã” ; nghĩa là : Chẳng phải ta tìm trẻ thơ, trẻ thơ tìm ta.

Lại nói về chàng, từ lúc mang thư về nhà, mở đầu thư ra, thấy bên trong có một bài thủ vĩ ngâm :

**Ân cần liêu tằng hữu tình nhân,
Vô bệnh Tây Thi⁽¹⁾ tiểu lý tẩn.
Bách tuế hàm hàng triền ngộ hậu,
Lưỡng thiên khuê cách khát phương xuân.
Lâm thiềm nhân ký đào tam kính,
Tưởng tượng tâm huyền nguyệt bán luân.
Phiến phiến sầu trường thùi cộng hội,
Ân cần liêu tằng hữu tình nhân !**

*(Ân cần lặng lẽ gửi cho người,
Không bệnh Tây Thi nhúu mất cười.
Trăm tuổi thường ghé chiếu bóng xế,
Hai trời ngăn cách khát xuân tươi.
Trước thêm mắt ngóng đào ba rặng,
Tưởng tượng lòng theo trăng nửa vơi.
Từng khúc dạ sầu ai có biết,
Ân cần lặng lẽ gửi cho người).*

Ngâm xong liền than thở :

– Lam Kiều chỉ gang tấc hà tất phải thư từ, chẳng biết nàng có nghĩ đến thư phòng lạnh lẽo của ta không ?

Nhân đó gượng theo đề thơ trả lời, gác bút “thôi xao”⁽²⁾ lại ngâm nga vắn dài, suốt đêm không hề ngon giấc. Vừa rạng sáng đã để đáp thư vào ống tay áo đi ngay đến phòng nàng, mong sớm được gặp mặt. Vừa đến

(1) *Tây Thi* : (506 tr. CN - ?) là một người đẹp nước Việt thời Xuân thu, người thôn Trư La, nước Sở, được vua nước Sở là Câu Tiễn dâng cho Ngô Phù Sai làm mỹ nhân kế, làm cho Phù Sai mê mẩn, bỏ bê chính sự, nhờ đó Câu Tiễn diệt được nước Ngô, khôi phục cơ đồ nước Việt.

(2) *Thôi xao* : chỉ nghệ thuật chọn ngôn từ, xuất phát ở điển Giả Đảo (779 - 843) làm câu thơ : “*Tăng thối nguyệt hạ môn*” (Sư đẩy cửa dưới trăng), sau lại đổi thành : “*Tăng xao nguyệt hạ môn*” (Sư gõ cửa dưới trăng).

đoạn đường giao nhau đã thấy đứa hầu đứng chờ sẵn về ngóng đợi. Nguyên do là canh năm đêm ấy nàng gọi nó dậy, nói :

– Mày hãy đến đợi chàng Dương, nếu có dặn dò kín đáo, nhất thiết nhớ kỹ.

Vì thế con hầu đến sớm, hồi hộp chờ gặp chàng. Sinh hỏi :

– Chim xanh⁽¹⁾ đến từ xứ nào vậy ?

Con hầu đáp :

– Ngó tiểu thư đoán chừng công tử có lời oán trách đưa đến nên sai kẻ hầu mọn này đón sớm.

Chàng tiếp lời :

– Không phải chỉ oán mà còn giận nữa. Xa xôi đến đây mong ngóng đã lâu, tưởng gấm có thêu đến bóng đèn song lạnh hay chăng ?

Con hầu đáp :

– Nữ phòng kín đáo, phép nhà rất nghiêm, tiểu thư tôi lại chưa nghe công tử đã đến tề ấp. Không dạy bảo mà đã trách mắng, xin hãy bỏ quá đi cho.

Chàng hỏi :

– Đêm nay ta đến chốn Bồng Lai ngắm cảnh, ngắm tiên, liệu người có thể dung nạp ta chăng ?

Con hầu đáp :

– Mọi sự chốn phòng lan đều có người tự lo liệu, kẻ hầu mọn này không dám đảm đương.

Chàng nói :

– Kẻ lẳng tử nơi chân trời khao khát vẽ hoa đã lâu, lòng mong ước tựa như mũi tên đã nằm sẵn trên dây cung, gặp việc là phóng ra ngay. Người về hãy nói lại với Ngộ Nương chớ vì tình còn chưa đậm mà từ chối ta.

Nhân đó lấy phong thư trong tay áo trao cho con hầu và dặn :

– Tiểu thư có hỏi, người cứ thuật hết những lời ngay thẳng của ta. Hồ điệp, hoa xuân ắt là ở lần gặp mặt này.

(1) *Chim xanh* : Hán Vũ Đế (140 - 86 tr. CN) ngồi ở điện Thừa Hoa, chợt thấy một đôi chim xanh từ phương Tây bay lại đậu trước điện. Đế hỏi Đông Phương Sóc (154 - 93 tr. CN) thì Sóc tâu là bà tiên Tây Vương Mẫu sắp đến, có hai thị nữ áo xanh theo hầu. Hai thị nữ ấy chính là đôi chim xanh Vương Mẫu sai đến báo tin trước cho Vũ Đế.

Con hầu vàng dạ quay về, đưa phong thư lên. Nàng thấy trong viết :

**Đáo cảnh tòng lai nguyệt bán viên,
Sầu tâm đối nguyệt nguyệt như niên.
Đa thời chính khổ tương tư phách,
Kim nhật hà tu liêu tằng tiên.
Phù Đồng dung đầu hôn vị bạch,
Yên Thường hoa án khùng phi tiền.
Tha hương lữ thứ vô dư sự,
Bảo đặc hàn đăng đối chẩm miên.**

*(Đưa chân xem cảnh dưới trăng mờ,
Sầu nào nhìn trăng, trăng tựa xưa.
Đằng đẳng khổ đau muôn khúc nhớ,
Mà nay an ủi một tờ thơ.
Cây xanh Phù Đồng còn mờ昧,
Hoa án Yên Thường có được như.
Lữ thứ quê người nhàn vắng quá,
Đêm tàn ôm gối suốt đêm mơ)*

Lúc ấy con hầu cũng đứng bên cùng nghe. Nàng nói :

– Chàng Dương ý tứ oán trách thật sâu xa nhưng có thể nói ta cũng là người khéo đoán biết đối phương vậy.

Con hầu lên tiếng :

– Tâm tình là ở chỗ tin, tinh thần là ở hiểu rõ, không phải ngẫu nhiên mà có được.

Rồi cả hai đều rạng rỡ, cười to. Nàng lại hỏi :

– Ngoài thơ từ ra, có còn nói gì nữa không ?

Con hầu trả lời :

– Dương công vừa rồi đã rất dạn dĩ với con ở cửa ngoài.

Rồi thuật lại những lời chàng nói. Nàng hỏi :

– Mưu kế nên thế nào đây ?

Con hầu đáp :

– Tiểu thư sở trường ở chỗ liệu địch, sao lại sở đoản ở chỗ liệu mình ? Không lẽ biết người thì dễ, tự biết mình là khó sao ?

Nàng hỏi lại :

– Nghĩa là gì ?

Con hầu trả lời :

– Hữu xạ tự nhiên hương, “lười cất giấu đồ đạc thì như xui người ta ăn trộm”⁽¹⁾, điều đó là ở tiểu thư, hà tất phải hỏi người ngoài ?

Nàng lại hỏi :

– Nói vậy nghĩa là gì ! Phàm cửa ngõ phòng Đông tuyết khóa sương cài ; trong có cha nghiêm khắc mà ngoài thì có lời cười chê, nếu có điều bất cẩn sẽ thành tai tiếng, ta phải chịu tội mà mày cũng sao được yên ?

Con hầu nói :

– Cẩn thận là được.

Quãng canh hai đêm ấy, ba sao đang giữa trời, không gian tĩnh lặng, bỗng nghe bên ngoài sông có tiếng gõ nhẹ, tiếng bước giày khe khẽ, con hầu báo :

– Tân lang đã đến !

Nàng khoác áo chưa xong, xỏ lăn hải ra đón, lén dẫn vào phòng thơm yên ổn. Con hầu biết trước, đã bày hương án, trầu cau, còn mọi “tình thế” khác, bút mực không thể vẽ ra được, những lời tâm tình trong cuộc gặp gỡ cũng không thể nói hết được.

Thế rồi tiếng gà gáy dồn, chàng cùng nàng sửa sang phần lược, sóng tình khỏa mắt, kề sát bên nhau. Chàng bảo nàng :

– Gặp gỡ đêm nay khiến cho mọi điều buồn bực trong đời đều tiêu tan hết. Nhưng sau này hai ta làm sao gặp gỡ thường xuyên được ?

Nàng đáp :

– Qua lại luôn luôn, gặp mặt ngày ngày, còn nói gì nữa ?

Chàng nói :

– Quân sư Vũ hầu⁽²⁾, từ nay xin hoàn toàn nghe kế sách của ngài thôi.

(1) Câu ở sách *Luận ngữ*, ý con hầu nói sự việc sẽ diễn biến thế nào trước hết là cốt ở cách tính toán cẩn trọng của cô chủ.

(2) Vũ hầu : tức Khổng Minh Gia Cát Lượng, xem Chú thích 1, tr. 330, cùng truyện.

Nàng nói :

– Đá nói ở nước Tấn⁽¹⁾, sao lấy lời lẽ ngấm ẩn đòi hỏi ta được !

Hai bên nhìn nhau cười khế. Từ đó một trời mây gió, sáng đi tối lại, hai lòng nhớ nhung khiến ngày dài đêm ngắn. Đi lại như thế bấm tay tính đốt đã tới vài tháng. Bè bạn, xóm giềng đã có ý nghi ngờ nhưng kẻ đang cơn say đắm vẫn ngơ ở chốn không người.

Một hôm Ngô tiên sinh vì có việc về muộn, qua buồng con gái nghe có tiếng cười đùa liến lén nhòm xem, thấy chàng và nàng ngồi giữa chiếu nói cười, đèn đóm che mờ. Không còn nghi ngờ gì nữa, nhưng ông thầm nghĩ : “Biết mặt không biết lòng, sinh con khó sinh ý. Song bây giờ làm âm ỉ lên e hại đến gia thanh, chẳng bằng chịu nhịn một thời gian nữa sẽ thông thả tính liệu là hơn”. Rồi ông rảo bước về phòng. Trong nhà không một ai biết chuyện. Vài ngày sau, Ngô tiên sinh trong lúc chăm vãn gọi chàng nói :

– Ta nghe Hạ Vũ⁽²⁾ là bậc đại thánh rất mực chuyên cần vẫn tiếc từng tấc bóng, Tăng Tử⁽³⁾ là bậc đại hiền luôn gắng gỏi cũng ngày ba lần tự xét mình. Người từ ngày theo học ta đến nay, ý sách lời văn cũng đã nhòm trộm tường vách, vào được cửa ngõ, há lại học hành hơn người, mà chịu tiến chậm rồi thoái lui ? Nay kỳ thi Hương sắp đến, người nên trở về ứng thí, nếu Giải nguyên giành được, có thể sớm trở lại đây. Không thế, ta không muốn gặp mặt người nữa.

Bấy giờ học trò ngồi đông đủ, cho là chàng tài cao, được thầy kỳ vọng bậc nhất, không một ai biết thâm ý của thầy. Đêm đến, chàng tới phòng dệt, nói với nàng :

– Sáng nay gặp cha, dường như tai vách mạch rừng, chỉ sợ câu chuyện phong tình của chúng ta người ngoài đã biết được.

Nàng hỏi nguyên do, chàng bèn thuật lại những lời trách cứ của thầy lúc ban ngày cho nghe. Nàng nói :

(1) *Đá nói ở nước Tấn* : *Tả truyện* chép việc ở nước Tấn có hòn đá nói như tiếng người, vua Tấn hỏi Sư Khoáng (nhạc sư thời Xuân thu Chiến quốc) : “Sao đá có thể nói ?”. Khoáng đáp : “Tự đá không thể nói, có vật gì nấu vào đó thôi ! Nay trong cung thất lạc xa xỉ, dân tình cạn kiệt rên xiết, oán hận đầy trời, đá nói chẳng cũng hợp lẽ sao ?”.

(2) *Hạ Vũ* : vua đầu nhà Hạ, Trung Quốc cổ đại.

(3) *Tăng Tử* : học trò Khổng Tử (551 - 479 tr. CN), có câu : “*Nhất nhật tam tỉnh ngô thân*” ; nghĩa là : Một ngày tự xét mình ba lần.

– Nếp dạy dỗ và phép học của nhà thiếp rất nghiêm, chẳng phải chàng văn tứ có chỗ không đầy đủ sao ?

Chàng nói :

– Có như vậy. Sự học của thầy đạt đến chỗ tinh diệu, chỗ hành của thầy thật là thuần thực, tỷ mỉ. Mọi lời lẽ hôm nay, chữ chữ đều có ẩn ý. Như nói : “tiếc tác bóng”, “ba lần tự xét mình” là ý trách sự buông tuồng, bừa bãi ; nói : “nhòm trộm tường vách”, “vào được cửa ngõ” là nhằm trách thói tư bôn ; nói : “Giải nguyên giành được, có thể sớm trở lại đây”, ấy là định kỳ cho gặp con gái ; nếu không thế, nhất định không gả con gái cho.

Nàng hỏi :

– Nếu đúng như chàng đoán thì làm thế nào ?

Chàng đáp :

– Nay học lực của ta vừa chắc chắn, đem thực hành sẽ sớm hơn Mông Chính một thế⁽¹⁾, bằng vàng đoạt dễ như nhật bặt cái trên mặt đất vậy ! Khoa danh đã chiếm thì việc vợ con có khó khăn gì.

Hôm sau chàng đến nhà học bá tạ thầy, định ngày lên đường về quê. Ngô tiên sinh nói :

– Cái học của bậc đại nhân, trước làm cho mình thành đạt rồi sau là vun đắp cho người thành đạt. Tình nghĩa thầy trò ta chẳng sơ bạc gì người. Hãy về nhà lấy thơ *Tứ khoái*⁽²⁾ mà đọc, chớ để cha mẹ, vợ con chê cười.

(1) *Mông Chính* : tức Lã Mông Chính (944 - 1011), người Hà Nam đời Tống, tự Thánh Công, đỗ Tiến sĩ, làm quan đến Thái tử Thái sư. Khi Mông Chính đỗ, Hồ Đán Phủ phản nài rằng : “Thôi thế là sang năm ta đỗ, lại phải sau hẳn một thế rồi”. Quả nhiên năm sau Hồ đỗ.

(2) *Thơ Tứ khoái* : nguyên văn là *tứ khoái thi*, có lẽ cũng là *tứ hỷ thi* (thơ nói bốn điều vui thích như *Thông tục biên ghi* :

**Cửu hạn phùng cam vũ,
Tha hương ngộ cố tri,
Động phòng hoa chúc dạ,
Kim bâng quải danh thì.**

(*Hạn mãi được mưa ngọt,
Tha hương gặp cố tri,
Đêm động phòng hoa chúc,
Lúc bâng vãng tên ghi*).

Chàng lay tạ rồi rảo bước, nghĩ thầm : “Nội dung thơ *Tứ khoái* hoàn toàn không đả động đến việc chê trách, nhưng nay thấy lấy thơ đó mà làm kỳ hẹn, tiên sinh quả là bậc thầy cao kiến vậy !”.

Lại nói Ngô tiên sinh, biết được ngày về của chàng, sợ con gái trốn theo bèn bắt dọn lên nhà trên. Nàng với con hầu bị kèm giữ nghiêm ngặt nên đêm ngày lo lắng không yên.

Đêm khuya chàng mò đến, tuyệt không thấy một bóng người bèn trở lại thư phòng nhưng ở lại hay bỏ đi đều dờ : muốn về, lại tiếc chưa nói được một lời ; muốn ở, lại sợ tiết lộ cơ mưu. Ước lớn còn đó, người đẹp còn đây, vậy nên chàng cứ loay quanh chẳng biết làm sao.

Khoảng canh ba, chàng đang chong đèn đọc sách, bỗng thấy nàng, xiêm áo gọn gàng, đẩy cửa bước thẳng vào phòng. Chàng ngạc nhiên hỏi :

– Máy lần tường vậy, cửa khóa, làm sao nàng đến được đây ?

Cô gái đáp :

– Việc nhà kẹt phải gấp gấp chạy bộ đến cho kịp trước lúc chàng về. Nền thừa lúc người nhà ngủ say, thiếp trèo tường cao, vượt giậu dày, chỉ mong được cùng chàng một lần thỏa ý.

Chàng nói :

– Giờ mới biết rõ “thủ đoạn”⁽¹⁾ vin cành của hầu tinh !

Nàng đổi lại :

– Thế còn chàng, há chẳng phải là giống “thai đá” thân nặng sao ! ?

Hai bên cùng mủm mỉm cười. Nàng nhân đó ngủ lại. Đến gà gáy nàng vội vàng thức dậy hỏi chàng :

– Hôm nay chia tay, biết ngày nào tái hợp ?

Chàng đáp :

– Sau ngày treo bảng kỳ thi Hương, tức khắc có tin. Xin nàng chờ vì xa xôi mà nhặt tình.

Nàng nói :

– Cây, đá còn đó hà tất phải giải bày chi nhiều ! ?

(1) Ở đây tác giả chơi chữ. *Thủ đoạn* vừa chỉ kế sách của cô gái vừa có nghĩa đen là cách làm của tay, ngầm chỉ cô gái là con khỉ chân tay khéo léo.

Bền ngâm một bài luật thi để tiễn biệt :

**Ngã túc nan mi hiệu bạch câu,
Hoa lưu thủy khứ ảnh nghi sâu.
Khuyến quân tảo mệnh trùng lai lộ,
Dung thụ thanh thanh vị bạch đầu.**

*(Thóc nhà em không ngon,
Ngựa câu chàng chẳng thiết.
Hoa cửa động rũ sâu,
Nước khe trôi biến biệt.
Chàng ơi hãy sớm về,
Em mong chàng da diết.
Cây đa lá còn xanh
Đầu em chưa bạc hết)^(*).*

Sinh cũng ngâm một bài để an ủi :

**Lậu trích đồng long dạ vị ương,
Kê thanh xương đoạn biệt ly trường.
Thanh danh thiết phần tương đề khứ,
Hưu vị vô tình biệt tự thương.**

*(Giọt rỗng tỳ tách chứa tàn canh,
Xao xác gà khuya đứt ruột mình.
Tan nát thanh danh, thôi đã bỏ,
Biệt ly buồn lắm, há vô tình !)^(**).*

Bấy giờ nàng không dứt ra về được lại cũng không dám lưu luyến mãi bên rẽ đêm mà đi. Chàng đưa tiễn ra đường, nước mắt giàn giụa. Nàng bảo :

– Anh hùng chẳng phải là không có nước mắt, nhưng lúc chia tay thì chó nên nhỏ lệ.

(*), (**) Băng Thanh dịch.

Chàng nói :

– Nhớ nghĩ thì đau lòng, lòng thất đau thì lệ ứa, ta đâu phải là kẻ sắt đá !

Nói xong bèn chia tay.

Sáng sớm sinh về nhà, vấn an cha mẹ rồi thu thập hành trang cùng các bạn ứng thí. Ai ngờ mọi chuyện trên đời thường mười phần có đến tám chín phần chẳng được như ý. Chàng ứng thí ở huyện trấn đều được đỗ đầu, nhưng đến kỳ đệ tứ ở trường thì chỉ đứng thứ hai. Chàng nhủ thầm : “Ngô tiên sinh đã hẹn kỳ này phải đỗ Giải nguyên, thế mà rút cục chỉ đỗ Á nguyên, làm sao dám đến lạy chào thầy nữa ? Chẳng bằng về kinh bái bẩm, mượn thư quán đọc sách, việc hôn nhân đã định hãy để lại sau cũng được”.

Hôm ấy Kiều Nương nghe phong thanh về kỳ thi Hương, chỉ chăm chăm đợi tin vui. Nhưng tin vui của các học trò đã báo về tới tấp, duy chỉ có chàng Dương là bất vô âm tín, như cá lặn, nhận chìm. Nàng trở nên thần thờ, chỉ lấy việc ngóng gió đón trăng để tự khuấy khỏa. Nhưng rồi cảnh vật như khơi mối sầu, càng thấm nỗi buồn xa cách, bèn ngâm mấy câu bày tỏ nỗi lòng :

Sầu trung đối nguyệt hựu lâm phong,

Phong tống lương hồi nguyệt sắc dung.

Phong nguyệt hữu tình, nhân tín vãn,

Phong khinh nguyệt đạm chuyển đầu không.

(Đón gió chờ trăng sầu chất chông,

Gió đưa hơi mát, sắc trăng trong.

Gió trăng tình đượm, tin người vãn,

Gió dịu trăng mờ, thấy hóa không)^().*

Thơ thành, còn ngâm nga mãi, lúc bấy giờ cảnh đẹp tình sâu thật là vô hạn.

Bỗng thấy đứa hầu từ ngoài chạy vào, nét mặt lộ vẻ mừng, nói :

– Bảng đề tên người đỗ kỳ Hương năm nay, chàng Dương xếp thứ hai.

(*) *Băng Thanh* dịch.

Nàng hỏi :

– Có sao lại biết ?

Con hầu đáp :

– Hôm nay con đến dò ngóng bên nhà cụ, nghe các học trò bẩm báo thế.

Nàng lại hỏi :

– Hiện chàng ở đâu ?

Con hầu trả lời :

– Đến thẳng Tràng An để báai bẩm rồi.

Nàng nghe vậy, bất giác vui càng thêm vui, một lẽ vì tình lang sớm đỗ đạt, một lẽ vì hôn sự sắp thành. Trở về, nàng nhớ đến lời của Dương sinh nói “Quyết đồ” khi đi thi, tự cho là đã có định liệu sẵn.

Lúc bấy giờ, nhiều người dòng dõi quan sang ở các ấp bên đến câu hôn. Bà họ Đặng nhiều lần ướm hỏi, nhưng rút cục nàng vẫn không chịu. Bà Đặng nói với Ngô tiên sinh :

– Con gái ta đã lớn mà việc gia thất còn chưa định. Nhiều đám hỏi mà vẫn không bằng lòng, e rằng rồi sẽ rơi vào cảnh “phiếu mai”⁽¹⁾ mất thôi.

Ông nói :

– Trong lòng nó vốn đã có chỗ rồi đó !

Bà Đặng hỏi :

– Nơi nào vậy ?

Ông nói :

– Cái thằng Dương Giới ở Gia Lâm ấy mà !

Bà Đặng hỏi :

– Người ấy thế nào ?

Ông nói :

– Trước tôi giao hẹn kỳ này phải đỗ Giải nguyên, chẳng dè chỉ trúng Á nguyên nên không dám đến ra mắt.

(1) *Phiếu mai* : chỉ bài *Phiếu hữu mai* trong *Kinh thi* nói việc con gái phải được thành gia thất cho kịp thì.

Bà Đặng nói :

– Chi bằng cứ triệu về, cho anh ta làm rể là được rồi.

Ông nói :

– Cũng chẳng cần triệu, sau kỳ thi Hội mùa xuân tới, không gọi cũng tự mò đến. Đó chẳng phải là điều bà có thể biết được đâu.

Lại nói, nàng ở phòng thêu, sầu đông mỗi mắt, nhân đó bảo con hầu :

– Hình hài của ta là thân thể của chàng Dương vậy. Khi ly biệt, ta với chàng đã có hẹn ước. Nay kỳ thi Hương đã xong, chờ mong mỗi mòn hai con mắt mà La Thành, Kinh Bắc vẫn chưa được một lời hàn huyên. Lẽ nào mà chẳng một lần vì ta đi dò hỏi tin chàng ?

Con hầu trả lời :

– Lời cô, con chẳng dám chối từ. Chỉ e từ bé chỉ quần quanh hầu hạ trong khuê phòng, nay sẽ chẳng biết đường nào mà thăm hỏi. Vả lại kinh thành là nơi đô hội, mũ áo tấp nập, xe ngựa huyên náo, phạn đàn bà con gái, sao có thể tìm ra dấu vết cánh bèo mặt nước ?

Nàng tính kế mãi không ra, chỉ đành ngậm ngùi cho tình cảnh của mình mà thôi !

Đêm thất tịch, nàng xúc cảm nhớ lại chuyện xưa mới ngậm răng :

Thất tịch hoan kỳ tiểu Nữ Ngưu,

Thùy tri kim đôi Nữ Ngưu tu.

Nhĩ Hà vạn khoảnh tương tư thủy,

Hạo thán vô nhân cục nhất bôi.

(Thất tịch xưa vui cười Nữ Ngưu,

Đâu ngờ nay thẹn chẳng bằng nhau.

Nhĩ Hà vạn khoảnh mệnh mỏng nhớ,

Ai kể vì ta mức chén sầu !)^().*

(*) *Băng Thanh dịch.*

Bảy giờ sắc thu vàng úa, nét ngọc hao gầy, lá ngô đồng rơi theo cánh nhạn về Nam trong ánh tà ; cảnh tha hương gọi nổi sầu lữ khách, giọt sương mai theo gió buốt khuya rèm ; người nơi thư quán, kẻ ở khuê phòng đều lạnh lẽo, đó chính là lúc khí thu đã nhuộm đậm lắm rồi !

Chàng Dương ở mãi Tràng An cũng đoán rằng nàng Ngô trông ngóng, mới bảo tiểu đồng :

– Con bí mật mang tờ giấy này đến thẳng Phù Ninh dò hỏi xem Ngô Nương ở đâu, rồi đến trao bức tâm thư này cho cô.

Lại ghé tai bảo : “Cứ thế ! Cứ thế !...”.

Tiểu đồng lập tức vâng lời, đến thẳng phòng Ngô Nương. Nàng thấy tiểu đồng đến, vừa mừng vừa tủi nói :

– Ông Dương từng nói thế nào ? !

Tiểu đồng thuật lại :

– Nhớ lời hẹn, sau kỳ thi Hương chủ tôi đã muốn đến gặp ngay. Nhưng nhớ lời thầy dạy : “Trước làm cho mình thành đạt, rồi sau đó mới vun đắp cho người thành đạt”, thầy lại dặn dò đình ninh phải đọc thơ *Tứ khoái*, cho nên đêm động phòng hoa chúc phải là khi tên tuổi đã treo trên bảng vàng. Vì vậy từ xa chuyển lời đến cô nương, lời của thánh hiền, không thể quên được.

Nàng nói :

– Chớ vì xa cách mà thay lòng đổi dạ, chàng Dương muốn dẫn ta như vậy đó !

Tiểu đồng bèn đưa thư, nàng nhìn xem thấy có chép kèm thơ bốn cách ở phía dưới :

Bài 1

TIỂU LIÊN HOÀN

Bài 2

ĐẠI LIÊN HOÀN

Bài 3

TIỂU HỒI VĂN

Phong xao dạ quện ý,

Cô song đối thảo tùng.

(Gió đập đêm dựa mối,

Song quanh ngấm lùm cây).

Bài 4

ĐẠI HỒI VĂN

Long trì nhật đối thụ sơ âm,

Ước cửu thân tình thử đoạn kim.

Hồng điểm nhất đăng cô muện chiếu

Mặc ngân thiên chỉ đoản sâu ngâm.

Trùng sơn chỉ vọng huyền Nam Bắc,

Hạ nguyệt kỳ tương hợp sắt cầm.

Nùng chuyển ý sâu phân cảnh cộng,

Phong tình nguyệt ảnh đối đan tâm.

(Ao rồng nắng dội bóng cây thưa,

Sắt đá tình bền nhờ ước xưa,

Nổi quanh đèn hồng soi một chấm,

Khúc sầu ngân mực thấm ngàn thư.

Bắc Nam núi thẳm vời trông đợi,

Cầm sắt hòa âm thỏa ngóng chờ.

Thê thiết ý buồn chia với cảnh,

Lòng son nhờ cây gió trăng đưa)^().*

(*) *Băng Thanh, Lại Văn Hùng dịch.*

Nàng ngâm xong bài từ của chàng, thương cảm càng tăng gấp bội. Tiểu đồng từ tạ ra về. Nàng gọi mang giấy bút đến viết thư trả lời rồi trao cho tiểu đồng và dặn :

– Tắm tình ta ở cả trong này, trở về nói với chàng Dương rằng chớ nên cho ta là liễu Chương Đài⁽¹⁾.

Tiểu đồng về đến kinh thành, sinh hỏi, tiểu đồng kể hết đầu cuối và đưa bức thư phúc đáp của nàng. Thư viết :

“Thiếp nghĩ : Đường xuân thả bước, ngày thu thẹn thùng ; cơn có gì mà ông xanh thả sợi tơ hồng, đèn Phù Đổng đá cây thành hẹn ước. May mắn duyên sau thỏa nguyện ; đất Phù Ninh hoa cỏ đón chào người. Lòng lành sớm hợp duyên lành ; hội đẹp thành đôi lứa đẹp. Mấy độ trắng tà, đèn lạnh, thẹn hoa cung liễu ngư kém xuân ; mấy phen hẹn biển thể non, uống nhận trắng ửng xanh chịu mệnh. Tự lượng mình mà đợi bạn hiền, khắc ghi phó mặc người không hiểu ; sông lớn dù tin ngư chẳng có, giấc hổ gổi chiếc luống mơ màng. Lại mấy lần thuyền bách chèo từng, cùng hương phấn nơi trướng màn đã tỏ. Vạn nẻo liễu đường hoa, hận sao chim hồng bật cánh. Nay thì dây nợ tương tư, mộng dài vây quẩn. Hàn Hoàn⁽²⁾ liễu rủ, Ngọc kinh⁽³⁾ oanh ca. Nếu đem tình giữ ước, thì tiếng đế bên song⁽⁴⁾ cũng khó hợp nổi vui của mẹ ; còn muốn thỏa ý để tìm hoa thì cha mẹ trên nhà, phận con cái thuận tòng trái lẽ. Tình mấy độ đôi tuyết đông hoa hạ ;

- (1), (2) Toàn Đường thi thoại chép : Hàn Hoàn kết duyên cùng Liễu thị là người con gái ở phố Chương Đài, thành Trường An. Năm sau, Hàn về quê thăm nhà, kinh đô có biến, khi trở lại thì Liễu thị đã bị cướp bắt đi. Chàng bèn làm bài Chương Đài liễu và mang nhiều vàng bạc đi tìm vợ :

**Chương Đài liễu, Chương Đài liễu,
Tích nhật thanh thanh kim tại phủ ?
Túng sử trường điều tự cựu thù,
Giả ưng phan chiết tha nhân thủ.**

*(Liễu Chương Đài, liễu Chương Đài,
Ngày xưa xanh xanh nay còn không ?
Cho dù cành dài huống như cũ,
Có khi người khác bẻ vìn rồi).*

- (3) Ngọc kinh : chỉ kinh đô.

- (4) Tiếng đế bên song : lấy ý từ thơ Tất suất trong Kinh thi chỉ ngày tháng cứ trôi mau mà dịp vui chưa tới.

sầu khó tỏ bày cùng trăng nước hoa gương. Nơi để kinh chàng xem trọng lợi danh, thiếp đã rõ trượng phu chí cả ; chốn buồng hương sớm khuya trông đợi, chàng có hay tỏ nữ lòng son. Thư nói chẳng cạn lời, mong chàng thấu hiểu. Xin đừng !”.

Chàng xem xong, than thở : “Phàm văn tứ cần có xúc cảm, Ngô Nương vốn đa tình lắm mới làm được văn chương thế này”. Vài tháng sau, chàng lại sai tiểu đồng đến, đem tặng một chiếc quạt kinh kỳ kèm theo lời dặn : “Để bày tỏ nỗi lòng đang như đốt, như thiêu”.

Nàng mở quạt xem, không thấy đề chữ, nói :

– Há phải chàng Dương vẫn còn ôm nỗi buồn ly biệt, nhớ người đều ở chỗ không lời chăng ?

Nhân trời đã tối, giữ tiểu đồng lại. Sớm mai, trao cho đồng một tấm lụa trắng và bảo :

– Lòng chàng như quạt, đóng mở tùy thời ; ý thiếp như tơ, càng cuộn càng chặt.

Tiểu đồng quay về, sinh gỡ mối lụa, thấy dấu mực còn tươi, thật là nét bút muôn dạng. Trong lụa ghi năm điều chung tình, trên cùng lại có tiểu dẫn : “*Từ cách mặt đến nay, cỏ lành⁽¹⁾ đổi thay mấy độ, hoa nở lá rơi, đông qua hạ tới, toàn là những “vị nồng” làm héo lòng người. Cho nên chung đúc ở tình tất bày tỏ ở lời, trân trọng gửi chàng, gọi là chung tình năm điều*”.

1

MÃN ĐÌNH PHƯƠNG

Thiên ngoại chinh hồng,
Đình biên quá nhận ;
Thu sầu tự hải vô nhai nại.
Vũ văn triệt dạ nhiều Dương Đài,
Ô thước hà thời điền Bắc Hán ?
Thánh mẫu từ tiên,
Tổ Long miếu bạn ;
Đương sơ vị liễu phong hoa án.

(1) *Cỏ lành* : nguyên chữ là *minh giáp*, một thứ cỏ khi mọc là có điềm tốt.

**U tình hảo phó nguyệt minh tri,
Túc phạm nguyện tùy đông phong cán !**

*(Ngoài trời hồng bay,
Bên đình nhận liêng.
Sầu thu tựa bể không bờ bến.
Mây mưa đêm trợn quẩn Dương Đài⁽¹⁾,
Ô thước bắc cầu, bao giờ đến ?
Trước đèn Thánh mẫu,
Bên miếu Tổ Long,
Ngày ấy án phong hoa chữa vện.
U tình luống cậy ánh trăng soi,
Phận cũ theo gió xuân vẫn chuyển)^(*).*

II

TIỀN MAI CÁCH

**Úc tích đăng tiền nguyệt hạ thì,
Tinh bất khả chi,
Lạc bất khả chi.
Vu kim lan thất lân họa mi,
Nhân dã hồ nhi,
Nguyệt dã hồ nhi.
Uyên ương trưởng lý thị hà thì ?
Bội ngã tư duy,
Thiệt ngã tư duy.
Nghĩ hưởng ngư tín nhất tâm thì,
Dụng tả tương ti (tư),
Dụng biểu tương ti (tư).**

(1) Dương Đài : cũng như Non Vu, xem Chú thích 1, tr. 333, cùng truyện.

(*) Nguyễn Huệ Chi dịch.

(Nhớ lúc xưa trước đèn dưới nguyệt
Tình không thể cưỡng ;
Vui không thể cưỡng.
Đến nay buồn lan lười trang điểm,
Người đã ra sao ?
Trăng đã ra sao ?
Uyên ương trong trướng có khi nào ?
Khôn xiết nhớ mong,
Tha thiết nhớ mong.
Nghĩ gửi theo thư tín một lòng,
Tả nỗi nhớ nhau ;
Tỏ nỗi nhớ nhau).

III

VỌNG GIANG NAM CÁCH

**Triều vọng quân,
Mộ vọng quân,
Đông phòng phong nguyệt chuyển sâu tân ;
Hồng cân vạn điểm đề ngân.
Tọa thương thân,
Ngọa thương thân,
Trường An âm tín yếu đặc vân ;
Nhĩ Hà kỷ độ vấn tân.**

(Sớm mong chàng,
Tối mong chàng,
Trăng gió phòng Đông thêm nhớ thương ;
Khăn hồng muôn ngấn lệ vương !
Ngồi không đành,
Nằm không đành,
Trường An tin nhận vắng tanh !
Nhĩ Hà mấy độ hỏi chìm xanh)^(*).

(*) Nguyễn Huệ Chi dịch.

IV

TRƯỜNG TƯƠNG TƯ

Nhật tương tư,
 Nguyệt tương tư,
 Nhật nguyệt tương tư vị thù dư ?
 Nhật nguyệt như thoa tình bất đoạn,
 Tương tư nhật nguyệt hữu thù tri ?
 Lộ cách tình hà hoài biệt ly,
 Sở Vương yếu yếu lai Sở Giáp.
 Tây song kỷ độ đối tà huy,
 Nam viên mãn vọng nhân phi điệp,
 Viên phi hồ điệp lĩnh Tần vân.
 Nhân dao cảnh tại ngã hoài nhân,
 Khứ nhật tiệm đa lai nhật thiểu,
 Tâm đoan như cự sự đoan tân ;
 Chúc phòng quang cảnh nhân tri phủ ?
 Dạ bích tàn yên trệ vũ,
 Chương Đài như vấn liễu do thù ?
 Nguyên đắc nhất thiên trường đoản cú cú.
 Vưu nguyện quân xa cụ ngọt nghê,
 Mạc bả giai nhân khiêu lan hề.
 Thảo hoa vị liễu uyên ương trái,
 Ngô đồng thế đãi phượng hoàng thê.

(Ngày tương tư,
Tháng tương tư,
Ngày tháng tương tư vì ai chờ ?
Ngày tháng thôi đưa tình đau đáu !
Tương tư ngày tháng nào ai thấu ?
Cách trở sông Ngân sầu biệt ly,

Non Vu, Sở Vương bần bật dấu !
Song Tây mấy độ ngấm tà huy,
Vườn Nam khắp chốn bướm chao đảo.
Bướm vườn bay tới đỉnh mây Tân⁽¹⁾
Người xa, cảnh quạnh sầu cố nhân,
Ngày cũ nhiều thêm, ngày mới ít.
Lòng vẫn như xưa, đời chuyển vẫn !
Tình cảnh phòng thêu người có biết ?
Tường đêm, mưa động, khói vương,
Chương Đài như hỏi liễu còn hương ?
Mong được một bài trường đoản cú.
Lại mong xe chàng then chốt đủ,
Chớ để giai nhân chạnh luyến thương !
Cỏ hoa chưa trả nợ uyên ương,
Ngô đồng thể đợi phượng hoàng !^(*).

V

TRƯỜNG HẬN CA

Việt tông khách tuế,
Phượng đảo loan điền.
Hu ta hể cố quốc Trường An,
Thân cố quốc hể sâu mộng triền ;
Mục Trường An hể hận nan thuyền.
Dạ dạ mộng hồn hể,
Thiếp thân tặng tại quán biên.

(1) *Mây Tân* : đám mây trên núi Tân Lĩnh, xuất xứ từ câu thơ của Hàn Dũ (768 - 824) :
Vân hoành Tân Lĩnh gia hà tại ? (Mây vắt ngang núi Tân Lĩnh, nhà ta ở nơi nào ?),
sau dùng để diễn tả lòng nhớ quê, nhớ người xa.

(*) *Nguyễn Huệ Chi* dịch.

Nguyệt đình liễu ảnh,
Quân thân tại thiếp tiên.
Tương tố u tình ư ngọc thổ hể,
Thổ phách vị viên ;
Dục ký đa tình vu bạch nhận hể,
Nhận tín nạn truyền.
Thổ thăm nhiên,
Nhận thăm nhiên,
Tình dụng thăm nhiên.
Lộng kim hoàn hể,
Hoàn dũ chu tuyên.
Y bán chẩm hể,
Chẩm dũ tương miên.
Bán sinh tình tự,
Kỷ thức thuyên quyền.
Vấn chi nguyệt,
Nguyệt vô tri hể ;
Vấn chi thiên,
Thiên diệc vô tri hể ;
Vấn chi đề oán chi quyền.
Thử tình duyên,
Thử tình duyên ;
Tất cánh vấn chi quân tử,
Vi thị cận yên.
Bất tri thư ngô hoài giả,
Công hà thời cánh hà nhật ?
Hà nhật cánh hà nguyệt ?
Hà nguyệt cánh hà niên ?

(Từ thán năm đất khách,
Loan phượng đảo diên,
Ôi ! Trường An cố quốc,
Thán cố quốc chừ, sáu mộng triển miên,
Ngóng Trường An chừ, tình hận khôn thuyên.
Đêm đêm hồn mộng chừ,
Thán thiếp từng ở bên chàng.
Bóng liễu sân trăng,
Mình chàng như trước mặt.
Đem tỏ nỗi u tình cùng trăng chừ,
Trăng lại chưa tròn.
Muốn gửi mối tình dào dạt cùng nhận trăng chừ,
Tin nhận khó truyền.
Trăng thăm thê,
Nhận thăm thê,
Tình càng thăm thê.
Dồn vòng ngọc chừ,
Vòng ngọc xoay tròn.
Tựa nửa gối chừ,
Cùng gối ngủ yên.
Tình tự nửa đời,
Ai biết thuyên duyên.
Hỏi nơi trăng
Trăng chẳng biết chừ ;
Hỏi nơi trời,
Trời cũng không hay chừ ;
Hỏi nơi đồ duyên tiếng kêu oán hờn.
Này duyên tình,
Này tình duyên ;

Đành hỏi người quân tử,
 Mong được gần gũi hơn !
 Biết chăng ai làm ta bớt u hoài ?
 Chàng trở lại lúc nào hay ngày nào ?
 Ngày nào hay tháng nào ?
 Tháng nào hay năm nào ?).

Chàng đọc xong điệu từ của Ngô Nương đã hiểu hết tình cảnh nàng : “Thật là văn từ tuyệt diệu⁽¹⁾ vậy. Nhưng oán khí dâng đầy, mất hết cả ý thơ *Quan thư*⁽²⁾. Văn lựa của Tô Huệ⁽³⁾, gấm đề của Giáng Kiều⁽⁴⁾ há chẳng cũng như thế sao ! Người xưa nói : “Cái giống khó dạy trong thiên hạ là đàn bà, chính bởi vì xa nó thì nó oán⁽⁵⁾. Ta phải an ủi nàng mới được”. Bèn cầm bút viết lời dẫn, cùng năm bài thơ luật, mỗi bài lại đặt lời để hát. Tựa rằng : “*Ba sinh ước cũ, nhờ cây trời xanh ; Duyên trước trăm năm, đã đành theo mệnh. Lạ trắng trong đến còn nhớ, hoa xuân trước sân nữ phụ chẳng đưa hương ? Nhớ thơ trên gác vết còn in, tiền bạn dám quên nhành mai chiết !*⁽⁶⁾. Và lại, Bắc Nam còn có nạn, cần chi thương nhớ cho thêm phiền ? Huống hồ tâm ý tựa từng xanh, chớ giữ mãi hận tình vô nguyên cớ. Hãy thu lại mối tơ xuân, hát khúc *Vọng Giang Nam*⁽⁷⁾, thì chốn tình chung đúc, ngựa chẳng kêu sương mà chày sắt mài nên kim, tưởng cũng không quá khó. Nhân có thơ để tỏ ý. Lấy văn năm điệu trước làm năm văn”.

(1) Nguyên văn : *Hoàng quyền ấu phụ*, xuất phát từ *Thế thuyết* chép Ngụy Vũ Đế (155 - 220) đi qua tám bia Tào Nga, Dương Tu đọc sau bia thấy 8 chữ : “Hoàng quyền ấu phụ ngoại tôn tề cửu”, chiết tự thành *tuyệt diệu hảo tử*, nghĩa là : văn từ tuyệt diệu.

(2) *Quan thư* : tên bài thơ mở đầu *Kinh thi*, chỉ việc người quân tử tìm chọn vợ hiền.

(3) *Tô Huệ* : trước là vợ của Tấn Đậu Thao, người đất Thủy Bình, tự Nhược Lam, giỏi văn từ. Đậu Thao phải đi lính thú ở Lưu Sa dưới đời Bồ Kiên nhà Tấn (338 - 385). Tô Huệ ở nhà dệt thơ lên gấm thành bức *hối văn* để tỏ nỗi sầu hận.

(4) *Giáng Kiều* : người tiên, vợ Tú Uyên, xem truyện *Cuộc gặp gỡ kỳ lạ ở Bích Câu*, số 51, Tập II.

(5) Câu trong sách *Luận ngữ*, thiên *Dương Hóa*. Nguyên văn : “*Duy nữ tử dữ tiểu nhân, vi nan dưỡng dã. Cận chi tắc bất tổn, viễn chi tắc oán*” (Duy có đàn bà và tiểu nhân là khó bảo. Gần thì nó nhờn, xa thì nó oán).

(6) *Nhành mai chiết* (nguyên văn *mai tiền*) : có thể ý ở đây nhắc lại điệu từ thứ hai : “*Tiền mai cách*” ở phần trên.

(7) *Vọng Giang Nam* : tên một điệu từ khúc.

I

Việt tự Hàn y mãi tử hương,
Tình chung thù đoản hựu thù trường ?
Vu Sơn đại tiểu song triền mộng,
Hán Thủy Đông Tây cộng phiếm trường.
Tư ước vị vong kê báo vãn,
Thanh sầu hữu quản nhận đề sương.
Thử duyên quả đãi Đông phong cán,
Hà phụ như lan cổ bút phương.
*(Áo Hàn⁽¹⁾ từ thuở đến tìm hương,
Tình ái so ra ai đoản trường ?
Vu Giáp triền miên hai cõi mộng,
Hán Giang⁽²⁾ cùng chuốc chén quỳnh tương.
Ước riêng còn nhớ gà đưa tiếng,
Sầu nhẹ quên đâu nhận khóc sương.
Duyên ấy vẫn nhờ tay gió ấm,
Đồng tâm há phụ bút thơm hương)^(*).*

II

Ngoạn mai thử nhật báo Tây khai,
Sạ tướng Doanh Châu sạ nhập hoài.
Nhất tuyến hồng ty thiên thượng định,
Thập phân hoa trái nguyệt trung tài.
Chủ minh thặng hỷ dung nhưng tại,
Đỉnh ước tương kỳ thạch bất hồi.
Ngôi Lĩnh miễn tương kiên kính tiết,
Khán hoa nhân tạo vấn xuân mai.

(1) Áo Hàn (Hàn y) : ở đây chỉ nơ sinh.

(2) Vu Giáp, Hán Giang : ở đây cũng ám chỉ những nơi trai gái gặp gỡ.

(*) Băng Thanh dịch.

(Chơi mai Hương thi báo ngày khai,
 Chợt tưởng Doanh Châu⁽¹⁾ chợt mộng hoài.
 Một sợi tơ hồng trời xếp đặt
 Mười phân tờ nợ nguyệt an bài.
 Niềm vui nguyện ước cây còn đó,
 Kỳ hẹn chung tình, đá chẳng phai.
 Ngôi Linh⁽²⁾ mong nàng bền tiết cứng,
 Xem hoa sớm hỏi lúc xuân mai).

III

**Đa thiếu sâu trường xích tố giảm,
 Giảm sâu bản tự sản phong phàm.
 Thiên trường địa cửu nhân hoàn tại,
 Nhạn khứ ngư lai diện nhược đàm.
 Đối thỏ thệ tương hài nguyện ước,
 Cầu hoàng nhàn bả lộng cảm tam.
 Phù Ninh phong nguyệt La Thành tuyết,
 Lương địa quan hoài Bắc diệp Nam.**

(Nhờ bức thư nhân vội bớt sầu,
 Cánh bướm no gió đỡ buồn đau.
 Đất trời muôn thuở người còn đó,
 Ngư nhạn đi về tưởng thấy nhau.
 Đối nguyệt những thế tròn nguyện ước,
 Nắng đàn dạo khúc Phụng hoàng cầu.
 Phù Ninh trăng gió, La Thành tuyết,
 Nam Bắc đôi lòng có khác đâu !)^(*).

(1) *Doanh châu* : Theo *Thập di ký* là một trong ba nơi có tiên ở.

(2) *Ngôi Linh* : có thể là Mã Ngôi, tên một ngọn núi ở Thiểm Tây (Trung Quốc), nơi Đường Minh Hoàng (685 - 762) buộc phải giết Dương Quý Phi (756).

(*) *Băng Thanh* dịch.

IV

Thanh đang khiêu tận dạ miên trì,
Vân cách tiên kiều ký mục khuy.
Tác hợp ngưỡng bằng thiên hữu giám,
Chiếu lâm vật vị nguyệt vô tri.
Cập thì chỉ vị công danh vọng,
Thủ ước hưu giao phần đại bi.
Thử hậu thuyên quyền thân thượng sự,
Khước trừ tương tự nhậm trường ti.

*(Khêu tận đèn xanh khó ngủ thay,
Xa vời tiên nữ ngó xuyên mây.
Tác thành ngửa cây đèn trời xét,
Chiếu cố xin rằng ánh nguyệt hay.
Lúc gặp chỉ xem danh ấy nặng,
Gìn lời chớ để phần kia bay.
Mai này gái quý thành hôn sự,
Cất hẳn cho nhau chữ nhớ đây).*

V

Dung đao Hà Quảng bắt Ngân Hà,
Thùy vị nhân đao nhất phái ba.
Phượng đảo loan điền nguyên cự kính,
Ô phi thổ khứ độ khinh thoa.
Kế kỳ đoàn đặc Tây Sương nguyệt,
Hà sự hàm sâu Thượng Uyển hoa.
Tự cổ Vương Khôi tàng kỷ kiến,
Hưu giao sậu xưởng diệm di ca.

(Một lá thuyền sang chẳng Hán Hà,
 Một con sóng nhỏ người dàu xa.
 Phụng loan diên đảo còn gương cũ,
 Thỏ lặn ác bay ngày vút qua,
 Đã hẹn mái Tây⁽¹⁾ kẻ dưới nguyệt,
 Việc gì Thượng Uyển nào vì hoa ?
 Vương Khôi⁽²⁾ bội nghĩa xưa từng thấy,
 Chớ vội ngâm bài Di diễm ca⁽³⁾)*.

Viết xong gọi tiểu đồng giao thư và dặn :

– Người hãy thay ta nói với Ngô Nương, sống mà xa nhau thì nhớ, hẹn mà không đến thì lo, đó là điều tất yếu của tình người ; nhưng sống mà đến chỗ phải ly biệt, hẹn mà không thể đến, thì há phải điều tình người mong muốn đâu. Nhưng hãy trấn tĩnh để yên tâm thì có thể được vậy.

Tiểu đồng đi ngay đến gặp Ngô Nương, nói rõ tâm sự của chàng, rồi đưa thư cho Ngô Nương. Nàng xem thư rồi nói :

– Ngồi bút văn nhân biến hóa khôn lường ; chân giả thực hư, có chỗ không thể biết được ranh giới. *Kinh thi* có câu : “Chớ làm mảnh ruộng lớn, chỉ có cỏ vực ngạo nghệ. Đừng nhớ người ở xa, lòng ta nặng nề”⁽⁴⁾.

(1) *Mái Tây* : chỉ chái nhà phía Tây chùa Phổ Cứu, nơi tình tự của Trương Quân Thụy và Thôi Oanh Oanh trong *Hội Chấn ký* của Nguyên Chấn đời Đường và *Tây sương ký* của Vương Thực Phủ đời Nguyên.

(2) *Vương Khôi* : nhân vật hý kịch, thường hàn vi lấy Tiêu Quế Anh làm vợ, sau khi đỗ, chàng vong ân bội nghĩa lấy con gái một nhà quyền quý, Quế Anh phẫn uất tự vẫn, sau Vương Khôi bị oan hôn nàng trả oán.

(3) *Di diễm ca* (hay *Diễm di ca*) : Bách Lý Hề làm tướng nước Tấn, trong nhà thường tấu nhạc. Có người đàn bà làm nghề giặt thuê nói biết bản nhạc ấy và nhân đó mới cảm đàn, lựa cung mà ca rằng : “*Bách Lý Hề, ngũ dương bì / Ưc biệt ly, phan phục thư, xuy diễm di / Kim phú quý, vong ngã vi*” (Bách Lý Hề, đa năm đề / Nhớ biệt ly, lược gả ấp, bép kín cửa / Nay phú quý, quên ta ư ?). Hỏi thì hóa ra là vợ cũ, bèn rước trở lại làm vợ.

(4) Bài thơ này thuộc *Tế phong* trong *Kinh thi*, theo Chu Hy (1130 - 1200) bài thơ khuyên người đời nên làm những việc vừa sức với mình, đừng bỏ việc nhỏ mà ham việc to, bỏ việc gần mà mưu tính việc xa.

(*) *Nguyễn Huệ Chi, Bể Thanh dịch.*

Bấy giờ đưa hầu gái cất lời :

– Thơ vốn là tình người, có thể hưng, quan, quần, oán⁽¹⁾, dùng lời cảm người. Tiểu thư thương nhớ như ngáy, đâu như họ không hề lai vãng, thế thì cũng chẳng nên vui mừng, sầu khổ làm gì nữa.

Nàng nói :

– Xưa nay khổ nhất trong tình cảm người ta là chuyện tử biệt sinh ly, ta muốn không nói đến có được chăng ? !

Bèn lại nối vắn trước để đáp lại. Tiểu đồng trở về, chàng hỏi về tình trạng của Ngô Nương. Tiểu đồng đáp :

– Quan sát kỹ ý tứ của nàng, khi động khi tĩnh, nói năng hay im lặng, đều lộ vẻ muốn dùng văn chương để oán sự biệt ly.

Rồi đưa thơ của Ngô Nương cho chàng.

I

**Đài đầu vãng sự sĩ thâu hương,
Tương bả u tình hận ứng trường.
Liễu mạch dao ngưng tiền ngọc bộ,
Lan đài không phiếm thiển quỳnh trường.
Tri quân bản nại Trình môn tuyết,
Nại ngã hề kham huệ chẩm sương.
Tảo vãn nguyện đồng thân cự ước,
Mạc giao bồ liễu quyết tâm phương.**

*(Chuyện xưa hương giấu thẹn cùng người,
Nàng chén u tình hận mãi thôi.
Đường liễu còn dây chân ngọc bước,
Đài lan luống để chén quỳnh vơi.
Của Trình⁽²⁾ vốn biết chàng rèn chí,*

(1) Lấy ý từ câu Khổng Tử nhận xét về Kinh thi trong *Luận ngữ*, thiên *Dương Hóa* : “Thi khả dĩ hưng, Khả dĩ quan, khả dĩ quần, khả dĩ oán” (Thi có thể làm người ta hưng khởi, quan sát, hợp quần, ta oán).

(2) *Của Trình* : xem Chú thích 3, tr. 301, truyện *Nàng Bích Châu đi chơi cõi tiên*, số 149, cùng tập.

*Gối huệ⁽¹⁾ sao kham thiếp móc phơi.
Hôm sớm nguyện cùng câu ước cũ,
Chớ khuyên bỏ liễu chọn tìm nơi).*

II

**Hoa quan tỏa tỏa vị thùi khai,
Mặc tưởng trăm tư hận mãn hoài.
Kết phát sơn hà bằng nguyệt chiếu,
Khuyh quỳ thân thể hướng dương tài.
Nhĩ biên ước thệ do huyền tưởng,
Tâm thượng Châu Trần chí thiếu khôi.
Hà hạnh cập thời băng vị phán,
Thất tịch mặc bả thán phiêu mai.**

*(Cửa hoa thăm thăm, mở vì ai,
Lặng nhớ thăm thương hận đặc dài.
Kết tóc sơn hà trắng sáng tỏ,
Hướng dương thân thể ánh hồng soi.
Tai nghe thệ ước còn treo đấy,
Tâm nguyện Châu Trần vẫn chứa phai.
May kịp quay về băng vẫn đóng,
Đêm Ngâu chớ để thán mai rơi).*

III

**Xuân tứ lưu liên viện lý giâm,
Bách chu phiếm phiếm nhất cô phàm.
Châm ma điểm ngại tâm trung sự,
Kim đoạn không tư nguyệt hạ đàm.**

(1) *Gối huệ* : *huệ* hay *huệ* có là con ve sầu, có lẽ câu này ý nói thiếp như con ve sầu hứng chịu sương móc rơi hoài.

Hương ngọc đã kham cù trúc lục,
Thái châu chính thiết lão mai tam.
Bắc Châu như hữu Hàng giang vĩ
Đối thủy ninh dung hận Bắc Nam.

*(Người giam trong viện, tứ xuân trôi,
Thuyền bách lệnh đánh một lá côi.
Mài dưa, lòng riêng còn chút vương,
Sắt son, tưởng nhớ dưới trăng soi.
Thiết tha châu đẹp, mai gầy vóc,
Kham khổ ngọc lành, trúc kém tươi.
Bãi Bắc sông Hàng lau sậy đó,
Bắc Nam dòng chảy cắt đôi trời).*

IV

Lê hoa sương đã dạ trì trì,
Song hạ đa tình hứa nguyệt khuy.
Nhất phiến nhu trường thiên đoạn ước,
Bách hồi xuân mộng thốn tâm tri.
Hoàng đô phiêu diêu vãn trung vọng,
Hoa tứ bồi hồi nguyệt hạ bi.
Tạc dạ nhận lai tri kỷ bút,
Trường nhãn chi hạ hựu tương ti (tư).

*(Hoa lê sương tấp đêm dần trôi,
Song lọt đa tình bóng nguyệt soi.
Nghìn đoạn ước thể mềm khúc ruột,
Tấc lòng xuân biết mộng trăm hồi.
Kính thành mây khuất nhìn mờ mặt,
Tứ đẹp trăng buông thấy rồi bời.*

*Tri kỷ đêm qua thư bút nhận,
Ngày thừa nên nhịn, nhớ thương hoài).*

V

**Đương thử lang chu thiệp Nhĩ Hà,
Thử thân hận bất tác phong ba.
Điểm đăng tự thị Hằng Nga được,
Ý trử dung phao Chúc Nữ thoa.
Địa diện thiếu thiếu nan trịch quả,
Thiên tâm niểu niểu loạn phồn hoa.
Bằng thùy nhất vấn Hoàng Hà thủy
Vị tẩy tiền đầu oán hận ca.**

*(Đúng lúc thuyền chàng vượt Nhĩ Hà,
Thân này tiếc chẳng nổi phong ba.
Tựa khung lười thả thoi nàng Nữ,
Đèn thấp cây trông thuốc ả Nga.
Mặt đất mệnh mỏng khôn ném quả,
Lòng trời vời vơi rối tung hoa.
Nhờ ai kéo nước sông Hoàng lại,
Để rửa chuyện xưa bài hận ca).*

Chàng ngăm vịnh hồi lâu, còn định nối vần họa lại. Bỗng nghe bên ngoài có tin báo kỳ thi Hội mùa xuân năm nay đã định ngày. Bởi vậy trông ngoài cửa phía Nam sắc xuân rạng rỡ trên cành liễu mà ý định họa thơ không thành. Bấy giờ chàng vừa nghe chiếu của Thiên tử đã nẩy ý chiếm giải Trạng nguyên, nên mối tức duyên thưở ban đầu cũng không quá vương vấn nữa. Đến kỳ thi, chàng trở tài đua khéo trong trường văn trận bút. Tin báo truyền đi, cửa trời yết băng, chàng trúng khôi khoa Đệ nhất giáp Đệ tam danh. Sau khi đỗ đạt, chàng vào bái lạy mặt rồng, rồi bái tạ các bậc thầy học. Bạn bè đồng khoa mở hội ăn mừng, nhưng chàng vì còn chưa được đoàn tụ nên không vui cùng họ, ba ngày dạo chơi các phố, chàng cũng

không từng đặt chân. Sau đó riêng sai một viên lại phòng dâng bức tâm thư báo tin vui cho Ngô tiên sinh và xin bàn chuyện hôn nhân.

Tri phủ họ Ngô tiếp được thư báo, cho là trời đưa lại niềm vui, bèn nói với Đặng phu nhân :

– Vị Thám hoa tân khoa không triệu mà tới, nay ta nên lo liệu như thế nào ?

Bà Đặng đáp :

– Trên nhà bán sế, con gái lấy chồng, ai dám có điều dị nghị ?

Đến ngày vinh quy, chàng sai mấy tên phu kiệu, mang tiền trượng giáo kích về đón Ngô tiên sinh, bà họ Đặng và Ngô Nương lên kinh đô. Thật là một đoàn tiên khách ngời ngời trên đường về làng cũ Gia Lâm họp mặt. Khăn áo lộng tàn rực rỡ, cỗ hoa chào đón gót hài xuân. Xe êm ngựa ruổi, tân khách, bè bạn trông ngóng từng bước đi trên đường trần. Đến nhà, mọi lễ đã xong, chàng và nàng cùng bái lạy cha mẹ. Sau đó về phòng hoa trao chén rượu chuyện trò. Nàng nói :

– Sau kỳ thi Hương, mỗi người một phương không ngờ lại có ngày hôm nay mới tình thuở ban đầu được thành chuyện thực !

Chàng nói :

– Cò cây còn biết xuân về, ta há lại không hiểu được ý người sao ? Tuy vậy trong đêm tối nên sợ điều “bốn người biết”⁽¹⁾ ; lúc đi lén lút hãy biết điều “mười người nhìn”⁽²⁾ rất nghiêm, cho nên khăng khít mà đành phải tạm xa không nỡ để nàng phải làm cái việc của ả Hồng Phát⁽³⁾, đó gọi là bỏ qua tiểu tiết mà giữ được đại tín vậy. Hiểu được ta, có lẽ là thấy chăng !

(1) *Hậu Hán thư* chép chuyện Vương Mạt mang mười cân vàng đút lót cho Dương Chấn và nói : “Đang đêm chẳng ai biết việc này”, Chấn nói : “Trời biết, thần biết, ông biết, tôi biết, sao lại nói không ai biết ?”.

(2) *Mười người nhìn* (Thập thị) : có thể xuất phát từ ngôn ngữ : “Mười mắt trông một”.

(3) *Hồng Phát* : tên thật là Ứng Trần, là thiếp hầu của Dương Tổ (? - 606). Nàng có nhan sắc, hay chữ, khi đứng hầu thường cầm phất trần đỏ, vì thế thành tên. Một lần Lý Tĩnh (571 - 649) vào hầu Dương Tổ, hai người đưa mắt quyến luyến. Biết Lý là người tài, đang đêm nàng trốn đến chỗ Lý, tình nguyện xin đi theo. Khi đến nàng nói : “Thiếp là người cầm phất trần đỏ ở nhà họ Dương đây mà, xin đem thân cát đẳng nương bóng tòng quân”. Hai người bèn đưa nhau lên Thái Nguyên kết làm vợ chồng.

Đêm ấy đèn sáng thâu đêm, sắc hương đượm áo, Ngân Hán cầu thông, non Vu tỉnh mộng. Chàng đùa nàng :

– Gặp mặt đêm nay, có lẽ nào không có thơ ghi lại ?

Nàng lập tức ngâm :

**Ngẫu trung chi hợp, hợp trung ly,
Hồi tưởng nhân duyên nhất đoạn kỳ.
Hà xứ môi lai loan phượng chầu,
Bất tri kim tịch dạ hà kỳ !**

*(Ngẫu nhiên mà hợp, hợp rồi ly,
Hồi tưởng nhân duyên thật chuyện kỳ.
Mối lái xứ nào loan với phượng,
Đêm nay không biết cái đêm gì !).*

Chàng cũng ngâm theo :

**Bất tri kim tịch dạ hà kỳ,
Lam lộ tiên kiêu xuất giáng vi.
Tòng thử chi thường nam tử nguyện,
Xuân tiêu vạn cảnh nhất gia ti (tư).**

*(Đêm nay nào biết cái đêm gì,
Đường tới Lam Kiều mây ráng kỳ.
Xuân cảnh một nhà riêng chiếm trọn,
Từ nay đã thỏa nợ nam nhi)^(*).*

Nàng nói :

– Tân lang thắng nhanh nên kiêu, quên mất chuyện lúc ban đầu rồi.

Chàng hỏi :

– Chuyện gì vậy ?

(*) Băng Thanh dịch.

Nàng đáp :

– Trong màn duyên ương việc của hai nhà đã xong xuôi nhưng theo như chuyện ở đền Thánh mẫu thì chàng còn có một người sửa túi nâng khăn nữa. Nay muốn bảo nàng cùng về mà chưa biết nàng ở phương nào ? Chàng chưa nhớ đến nhưng thiệp lúc nào cũng lưu tâm vậy.

Chàng nói :

– Ta bình sinh từng trải đã nhiều, việc kỳ lạ dồn đến, đạo thần cực diệu huyền sao có thể lường đoán hết được ? Bao giờ việc đến sẽ rõ, hà tất phải nhọc lòng ?

Từ đó chàng hành đạo gặp thời, tham dự vào chính sự trong triều đình, việc công bề bộn, muôn việc ngổn ngang nên việc nước coi trọng mà tình nhà có bề xem nhẹ, lời mẹ cha thường gác lại một bên.

Thời gian thấm thoát tựa tên bay. Vào đầu đời Thuận Thiên, ở đạo Đà Giang châu Ninh Viễn có viên thổ tù là Cát Hãn⁽¹⁾ biệt chiếm các miền đất Tung Lăng, Hoang Lý, phía Nam thông với các nước Lão Qua, Hồ Tôn Tinh làm nơi ứng viện. Triều đình cho quân đánh phạt mà không thắng nổi. Các quan trong triều bàn tính đôi khi đến tận đêm khuya, có người nói cừ chàng làm Chiêu thảo sứ. Trong đám khoa giáp chàng là người tư chất dũng cảm, tiết tháo kiên cường, tự dẫn đại binh nhằm thẳng miền Hung Hóa tiến quân. Bấy giờ những tướng mượn oai trời thì việc quét trừ bề đảng sơn phi dân hèn vùng biên viễn có thể bề roi mà đánh được, nên chàng cho là không cần phải đề phòng gì. Lúc ấy Cát Hãn đóng binh ở Mộc Châu, chàng xua binh tiến lên phía trước, đánh liền mấy trận đều thắng, mở đường, bắc cầu ruổi dài, quân giặc thua chạy. Không ngờ Cát Hãn ngầm đặt phục binh ở đường hiểm đợi quân của chàng vừa tiến vào là bao vây bốn mặt. Chàng tuyệt đường tiến thoái bèn tả xung hữu đột nhưng chỉ thoát được một mình, chẳng biết đi theo hướng nào. Khi hoàng hôn xuống, chàng lên cao trông xa bốn phía, bỗng thấy về bên trái hiện ra một mái nhà có hòn núi giả, bề cận, thật là một khung cảnh đẹp mắt. Chàng xốc áo

(1) Theo *Đại Việt sử ký toàn thư*, Bản kỷ thực lục. Q. X, Kỷ nhà Lê thì tháng XI năm 1427 vua Lê sai Chủ thư thị sử Trần Hồ đi chiêu dụ châu Ninh Viễn. Phụ đạo Ninh Viễn là Đèo Cát Hãn đã quy thuận, mang voi và quân về theo.

bước nhanh vào, thấy trong nhà vắng lặng, chỉ có vài đứa nhỏ áo quần thô dân lại nói được tiếng Kinh. Chàng khát, xin nước uống. Lát sau thấy một thiếu nữ chừng mười tám, mười chín khăn áo chỉnh tề, đầu gài trâm bạc, mái tóc tựa mây, trông rất xinh đẹp. Chàng nghĩ cô gái là *càn sát*⁽¹⁾ không dám nhìn thẳng.

Cô gái bước đến hỏi :

– Quan lang⁽²⁾ từ đâu đến ?

Chàng đáp :

– Ta là Chiêu thảo sứ, hôm nay bị Tù trưởng người man đánh bại, hao binh tổn tướng, đường núi gập ghềnh may chạy được đến đây, xin cho nghỉ lại.

Cô gái giữ chàng lại khoản đãi rồi hạ giọng nói :

– Thiếp là người ở vùng hang động, địa thế này không phải là chỗ trú chân được nhưng cứ theo thiếp sẽ có đường sống.

Chàng hiểu ý bèn theo cô gái đi. Đến một nơi rừng cây rậm rạp, cô gái bảo :

– Thiếp là con Phụ đạo họ Xa. Tổ tiên vốn là con cháu của quốc vương Ai Lao. Vị tổ gần đây là Khả Tham⁽³⁾ đem quân phò giúp Lê Thái Tổ⁽³⁾ định yên thiên hạ nên được phong là Tư đồ quốc vương, hiệu Hắc y đế, hưởng thực ấp ở Mộc Châu đã nhiều năm. Trước đây bị Cát Hân dòn vào tình thế bó buộc, cha thiếp thành cộng sự của ông ta. Nay ngài đến đây, thế không thể che chở được nên thiếp động lòng thương xót của loài vượn mà chỉ cho đường về.

(1) *Càn sát* : Nguyên chú : ở vùng dân tộc thiểu số có loài tinh quỷ gọi là Thiên mẫu. Thiên mẫu có vợ có chồng, ban đêm có thể xỏ hai ngón chân vào lỗ mũi bay đi hút những thứ bẩn của người, người ta gọi chúng là *càn sát*. Chúng có thể biến thành mèo, chó. Loại này có nhiều ở châu Sơn La. Chú thêm : về sau người ta thường gọi là ma cà rồng.

(2) *Quan lang* : Nguyên chú : tiếng địa phương gọi các vị có chức sắc là *quan lang*.

(3) *Khả Tham* : tức Xa Khả Tham làm Phụ đạo Mường Mộc (gồm Mộc Châu, Sơn La), theo Lê Lợi tức Lê Thái Tổ (1385 - 1433) chống Minh, được phong Nhập nội tư không đồng bình chương sự tri Đà Giang, trấn thượng bạn và được ban quốc tính. *Lê Thái Tổ* : tức Lê Lợi, vua sáng nghiệp triều Lê, quê Lam Sơn, Thanh Hóa. Năm 1418 khởi binh chống Minh, năm 1427 giải phóng đất nước. Ở ngôi 1428 - 1433, niên hiệu Thuận Thiên.

Chàng hỏi :

– Có phải chuyện bà mẹ họ Xa dừng lại ở nơi nào hòn đá cất tiếng nói không ? Họ Xa ngày trước là con thứ của quốc vương Mang Trinh. Vua hứa ban cho thực ấp, ông tự nguyện đi tìm đất ở. Đi qua Vũ Giang ông nhặt hòn đá và khấn trời rằng : “Đến nơi nào đá có thể nói được thì ở lại”. Tới Mộc Châu, đá bỗng cất tiếng : “Ta nên ở đây !”, bèn định cư.

Cô gái đáp :

– Đúng vậy đó !

Chàng nói :

– Thấy người rơi xuống giếng mà động lòng trắc ẩn, đó là đầu mối của lòng nhân. Nay thân này núi cao đường cùng, không biết lối đi, về Bắc không có ngựa già⁽¹⁾, Kiếm Các thiếu Thiên Nhiên Lôi⁽²⁾. Nàng riêng chẳng giờ tay cứu giúp sao ? Vạn nhất một ngày tìm thấy đường ra, đi được yên ổn thì cái nghĩa của nàng ta sẽ khắc đá không quên.

Cô gái bèn vui vẻ đi cùng. Vượt suối rẽ cây, đường đi vòng vèo ; ngày phát lối tìm đường, đêm cùng nghỉ lại trên đá. Cô gái ở lâu nơi rừng suối, biết rõ các loại cây nên giữa đường mỗi khi đói lại hái quả cho chàng ăn. Đi chừng một tuần mà không hề thiếu đói. Đến một thôn dân, chàng và cô gái vào nghỉ lại. Đêm ấy, chàng nói với cô :

– Gặp gỡ hạt cải đầu kim⁽³⁾ từ xưa đã có, nàng đi theo ta, ân tình sâu nặng, há chẳng phải là ý trời muốn tạo mối dây sao !

Cô gái đáp :

– Cùng tư bốn há lại còn có lý lẽ nào mà quay về ! Từ nay về sau, tấm thân xin gửi chàng. Bướm bên hoa, uyên ương trên cảnh, thiếp sao còn được tự chủ nữa !

Trong lúc tựa gối, chàng nói :

(1) Nguyên chú : theo điển trong *Tả truyện*. Theo *Từ nguyên* thì sách *Hàn Phi Tử* ghi rằng Quán Trọng theo Hàn công đi đánh Cô Trúc, từ mùa xuân đến mùa đông mới về ; bị lạc đường, Trọng thả ngựa già cho đi trước, quả nhiên ngựa tìm lại được lối cũ.

(2) Nguyên chú : Thiên Nhiên Lôi là em của Vạn Xuân, lấy Chủng Cảnh Kỳ, điển này thấy ở *Cẩm hương đình ký*.

(3) *Hạt cải đầu kim* : Kinh dịch cho rằng không chỉ có những vật đồng loại mới có sự tương cảm nhau, ở đây chỉ sự gần bó.

– Không ngờ giữa chốn núi rừng hoang dã lại có cuộc gặp gỡ kỳ lạ này. Một mối tơ duyên đầu cứ phải kéo tơ nhện lá⁽¹⁾.

Cô gái đáp :

– Thiếp không hoàn toàn là người man di đâu, chàng sao khinh nhau quá thế !

Chàng hỏi :

– Sao vậy ?

Cô gái đáp :

– Mẹ thiếp là người Phụng Thành⁽²⁾. Nghe nói mẹ thiếp đi cầu tự đền Thiên Vương ở Tây Hồ. Miếu thờ Đổng Thiên Vương linh ứng nên đêm đến mộng thấy có con vượn trắng kéo tay, đủ ngày tháng thì sinh, nhân đó chọn đặt tên là Hoa Viên.

Chàng nghe vậy thốt kêu lên :

– Lời dạy của Thánh mẫu không dối ta vậy.

Cô gái cắt vắn căn do, chàng kể vắn tắt chuyện xưa ở đền thờ Thánh mẫu.

Cô gái nói :

– Thân thịt kiếp trần, làm sao lại có chuyện này ?

Chàng đáp :

– Sau này sẽ chứng nghiệm.

Bấy giờ, chàng sau khi bại trận, tay không vào làng, không nghĩ ra được kế gì, định quay về tạ tội.

Cô gái nói :

– Trận Mộc Châu, toàn bộ quân binh tan tác, nếu chàng một ngựa trở về thì mặt mũi nào mà gặp Thiên tử ? Chẳng bằng dâng biểu xin quân, lo việc báo thù về sau. Thiếp sẽ chuyển thư sang quận bên chiêu tập tàn binh,

(1) *Kéo tơ* : xem Chú thích 4, tr. 320, cùng truyện. *Nhện lá* : Thanh tóa cao nghi và Thái bình quảng ký chép chuyện cung nhân của vua Đường là Hàn thị từng viết thơ trên lá đỏ thả theo dòng nước ra ngoài. Vu Hựu nhặt được cất đi. Hựu cũng đề thơ lên một chiếc lá lại thả lại vào dòng nước. Sau vua Đường thả hai nghìn cung nữ, Hàn thị được ra và không ngờ lại được kết duyên cùng Vu Hựu. Trong lễ hợp hôn họ đem lá đỏ ra so, mới nhận ra nhau và coi lá đỏ là “bà mối”.

(2) *Phụng Thành* : chỉ kinh đô.

hoặc giả đánh mất vào buổi sáng mà thu lại được vào buổi chiều thì cũng đủ chuộc cái tội khi trước.

Chàng theo lời cô gái. Biểu về đến nơi, triều đình lại trọng dụng chàng, cấp thêm quân mạnh để trợ chiến. Cô gái cũng viết thư trên lá theo lối thổ ngữ kêu gọi dân trong châu quận, được nhiều người hưởng ứng. Kịp khi tàn binh ngày một thu thập về, chàng khai trương toan tính công việc, bàn kế tiến binh. Cô gái bàn :

– Đạo khiển binh có kỳ, có *chính*⁽¹⁾. Quân nhà Chu ở Mục Dã⁽²⁾ là *chính* mà Dung, Lư là kỳ ; quân Tề Hâu ở Thiệu Lăng⁽³⁾ là *chính* mà Giang, Hoàng là kỳ. Cứ theo đó mà hành binh thì trăm trận không thua. Nếu khinh suất ở Thượng Cốc thì Hán Cao Tổ⁽⁴⁾ sẽ có chuyện vây hãm bảy ngày ở Bạch Đằng ; treo quân ở Bạch Nham ấy là sai lầm của Đường Thái⁽⁵⁾, khó ở lại Giáp Lục. Trong *Vũ kinh*, Tôn Tử⁽⁶⁾ có nói : “Tướng mà không biết cầm quân thì sẽ đem lính cho giặc”. Sách *Thần kinh Yên Thủy*⁽⁷⁾ nói : “Bị kẻ địch mai phục, chưa hề không thua”. Việc bại trận của chàng ngày trước chính là như thế.

Chàng nghe nói kinh ngạc :

– Ta thường ngày đọc sách binh lược mà không tường những biến báo trong việc binh. Đàn bà con gái dạng nào mà được như vậy ? ! Thật là khách quý trong trường nơi trận mạc.

(1) Kỳ : trận pháp biến hóa ; *chính* : trận pháp theo đúng bài bản.

(2) *Quân nhà Chu ở Mục Dã* : Chu Vũ Vương đánh vua Trụ (nhà Thương) ở Mục Dã, nhà Thương bị diệt.

(3) *Tề Hâu ở Thiệu Lăng* : Tề Hoàn Công (685 - 643 tr. CN) đem quân đi đánh nước Sở ở Thiệu Lăng ; Sở thua phải sai người đến hội thề.

(4) *Hán Cao Tổ* (ở ngôi 206 - 195 tr. CN) : vua đầu nhà Hán, tên là Lưu Bang, người đất Bái, ấp Phong, vào lúc Tần mạt, cùng với Hạng Vũ dấy binh diệt Tần. Vũ vào thành trước phong ông làm Hán Vương, về sau ông tìm cách diệt được Hạng Vũ, thống nhất thiên hạ, lập ra nhà Hán.

(5) *Đường Thái* : tức Đường Thái Tông, vua đầu tiên của nhà Đường, tên là Thế Dân, ở ngôi 627 - 649, niên hiệu Trinh Quán.

(6) *Tôn Tử* : tức Tôn Vũ, nhà binh pháp học nổi tiếng, người nước Tề thời Xuân thu, làm tướng nước Ngô, có sách *Tôn Tử* gồm 13 thiên ; vẫn được coi là ông tổ binh pháp của Trung Quốc.

(7) *Sách Thần kinh Yên Thủy* : có lẽ cũng là một loại sách binh pháp ; chưa rõ nội dung và tác giả.

Cô gái đáp :

– Thiếp thường ngày đọc sách thích nhất cách làm người của Tiêu Hoàng hậu Huyền nữ⁽¹⁾ cho nên những ngày nhàn hạ trong chốn lâm tuyền, phàm thế trận *Nhâm thân*, *Thái át*, *Vũ lược*⁽²⁾ của Tôn Tử đều đã xem qua.

Chàng hỏi :

– Nay thế giặc đông, mạnh mà ta chỉ một toán cô quân ở đây thì nên dùng kế sách gì để có thể toàn thắng được ?

Cô gái đáp :

– Người giỏi dùng binh không ở số đông, cho nên Hoài, Phì có trăm vạn mà cuối cùng vẫn chịu thua một đội quân thảo mộc ; Xích Bích toàn quân thủy bị đốt ở chiến thuyền Mông Xung⁽³⁾. Nếu Cát Hãn này khu khu xua cá, đuổi chim, cưỡng bức người cày cuốc, quạ hợp thành đàn, kiến tụ thành bầy, chẳng qua vừa thắng một trận thì coi việc cướp bóc dân lành là dừng cảm, mà mới thua một nước thì tan tác lẫn vào rừng rú thôn dã chẳng sót một tên. Thiếp đã nắm vững kế sách bất giác rồi. Nay có thể chia quân ra thành ba đạo. Đạo quân chính đi ngay đến Hoa, Mộc đánh phía trước, lại sai một đạo nhỏ ngầm theo đường Lai Châu đánh phía sau, rồi sai hai viên tỳ tướng theo đường Mang Ách mai phục hai bên, chiều tối chuyển cây đá đắp đường đi, đợi quân Cát Hãn đến thì đốt cỏ bắn pháo làm cho chúng hoảng sợ, chúng tất sẽ rút theo mé trái mà rơi vào hố sâu.

Chàng làm theo. Bố trí quân lính đã xong, chàng liền cho tiến binh đến ba động của châu Phù Hoa. Vùng này vốn thừa thớt bỗng thành nơi cờ quạt tua tủa. Một trận cuồng phong từ phía Đông kéo tới, khối bụi mờ mịt.

Chàng hỏi :

– Gió này chủ việc dữ hay lành ?

(1) *Huyền Nữ* : nữ thần đời thượng cổ. Khi Hoàng Đế cùng vợ Xuy Vưu giao chiến, Huyền Nữ bày cho binh pháp. Nay các sách *Lục nhâm*, *Độn giáp* tương truyền đều do thần để lại, còn gọi là Cửu thiên Huyền Nữ. Nhưng ở đây nói về Huyền Nữ Hoàng hậu nhà Lương, chưa rõ sự tích.

(2) *Vũ lược* : chỉ sách binh pháp của Tôn Vũ.

(3) Chỉ việc Đông Ngô và Thục Hán liên kết với nhau phá tan trại quân của Tào Tháo trên sông Xích Bích thời Tam quốc.

Cô gái đáp :

– Gió này có tên Trấn Nhĩ Phong, chủ ở sự dịch quân kéo đến. Nhưng hôm nay là ngày Kỷ Ty, âm của nó thuộc *giác* mà gió này từ *Mão* tới, âm thuộc *vũ*, nước đến tưới cây là *Mẫu dục tử*⁽¹⁾, quân ta sẽ đại thắng. Và lại thiếp cũng đã bói một quẻ, *Mão* sang giờ *Ngọ* là bản mệnh của chàng, ba mươi một tuổi, hành niên tại *Dần*, năm đó lại xung khắc với *Câu* Trấn, *Bạch Hổ*⁽²⁾, mệnh xung khắc với *Huyền Vũ*, *Du Đô*⁽³⁾. Và lại *Nhật Can*⁽⁴⁾ khắc *Câu* Trấn, *Câu* Trấn khắc *Huyền Vũ*, ba cái đó truyền nhau thì không cứu được, vì vậy mà phải cuốn chiếu ruỗi dài cho đến *Dương Thần*⁽⁵⁾. Trên là kim, dưới là thủy, ắt sẽ theo đường đá mà nhảy xuống khe, đến đó sẽ bắt sống được *giác*, ngàn vạn không sót một. Duy có *Huyền Vũ*, *Dương Thần* hai lần đến đất sống, lại có tỳ tướng, tìm trước chốn xa nhân dật, lý sẽ tất nhiên như vậy. Nên dần binh đợi chúng.

Chàng hỏi :

– Nền dùng thế trận gì ?

Cô gái đáp :

– Ba động địa thế bằng phẳng, tốt nhất là bày thế trận bát quái.

Chàng bèn chỉ huy tỳ tướng bài binh bố trận bốn hướng bốn góc, sắc cờ phân biệt. Cô gái chỉ rồi nói với chàng :

– Đây là thế trận Thái Ất⁽⁶⁾ xưa. Lại mở “kỳ hành độn giáp”, âm dương thuận nghịch, cửa ngõ sáng sủa, thiên địa phong vân là bốn *chính*, long hổ diểu xà là bốn *kỳ* ; phương Cấn có tám cờ xanh, cửa sinh, sắc trắng ; phương Khôn là hai cờ vàng, là cửa tử vậy ; phương Tốn có bốn cờ đỏ, đóng ở cửa Thiên phố mà giữ ; phương Càn hội thì sáu cờ đen, mở hành Thiên tâm mà lập. Nếu *giác* xâm phạm bốn phương thì một đạo quân và hai

(1) *Mẫu dục tử* : chưa rõ điển.

(2) *Câu Trấn*, *Bạch Hổ* : tên các sao trong phép bói.

(3) *Huyền Vũ*, *Du Đô* : tên các sao trong phép bói.

(4) *Nhật can* : tức thập can, 10 can trong ngày : giáp, ất, bính, đinh,...

(5) *Dương Thần* : có lẽ cũng là tên sao trong phép bói.

(6) Nguyên chú : xem *Vũ bị chi*.

cánh có *chính* có ứng. Nếu giặc xâm phạm bốn góc thì kỳ có thể làm *chính*, *chính* có thể làm kỳ. Ngoài ra thì tùy cơ ứng biến, chỉ tùy thuộc vào thời điểm làm trận mà xử lý là được.

Lát sau quân man kéo đến. Thấy chàng bày thế trận nghiêm chỉnh, bốn mặt tám phương đều có cửa ngõ phòng bị, Phụ đạo họ Xa nói với Cát Hãn :

– Đây là thế trận bát quái, con gái ta là Viên Nương thường ngày tính toán đã quen. Nhưng hôm nay khai hành đổi cửa sinh Thái tuế, lại gặp Quyên thần⁽¹⁾, ngoài nơi đây không nên giao chiến. Ngài nên án binh bất động để xem trận thế biến chuyển ra sao.

Đến đầu giờ Mùi bỗng thấy cờ quạt của quân Cát Hãn rối loạn. Viên Nương nói :

– Ta ngờ là hậu binh đến rồi, có thể tung quân đánh được.

Cô gái ở trong quân cầm dùi trống, sai chàng đích thân đốc suất tiến quân biến thành thế rắn quạt mình trút xác tiến lên. Trèo lên vách núi cao, quả thấy binh mã ở Lai Châu đang tràn núi kéo đến. Hãn trong ngoài đều bị quân vây, bàng hoàng bỏ chạy, quân lính tan tác, sa hố sập hầm không biết bao nhiêu mà kể. Cát Hãn chỉ còn vài trăm lính thân cận, theo hẻm Mang Ách chạy trốn. Canh ba chạy tới đỉnh Cao Lãng, hai bên vách núi cheo leo, chỉ có một con đường nhỏ là có thể qua được. Bước được chừng một dặm, chỉ thấy giữa đường cây cối đất đá ngổn ngang không thể qua nổi, buộc phải vin vách đá tìm đường khác để toàn tính mệnh. Chợt nghe hàng ngàn tiếng pháo, hai bên bờ đước bật sáng trưng, rồi cờ xí quan quân hiện ra. Hãn lui binh nửa dặm lại thấy truy binh áp sát. Chỉ còn một con đường nhỏ phía trái, Hãn phải lẩn mò trong bóng tối chạy trốn. Mới được vài chục bước đã thấy đá chát ngổn ngang, trước mặt là hai hố lớn, Cát Hãn như cá thoát lưới, bước cao bước thấp rối loạn, rêu đá trơn tuột. Hãn cùng những người đi theo phải đẩy hết những tảng đá đó xuống. Quan quân cuối cùng đã kéo đến bao vây bắt sống toàn bộ, dẫn về nơi xảy ra chiến trận. Gần sáng, căn vận viên Tử trường thì biết đã bắt được hết không sót một ai, duy có Xa Phụ đạo là không thấy. Chàng nghi hoặc, cô gái nói :

(1) *Quyên thần* : có lẽ là tên một cửa trận. Quyên là chim đỗ quyên.

– Cha thiếp Hàn Lỗ⁽¹⁾ cũng biết chút ít về binh đao, chắc đã ở ngoài vòng binh hỏa. Nhưng Đễ Oanh⁽²⁾ tỳ thiếp nước Hán có thể chuộc tội cho cha, xin chàng xét cho.

Chàng nghe nói cười không đáp. Nguyên do Phụ đạo lúc quan sát thế trận, dám chắc trong quân có danh tướng am hiểu sâu sắc binh cơ, dám quân ô hợp chắc chắn không địch nổi, nên đã ngấm ra khỏi chiến trận, bí mật quay về trước. Đến nhà hỏi đầy tớ :

– Viên Nương đâu ?

Đầy tớ đáp :

– Hôm Chiêu thảo sứ đến đây, cô nhà đã bỏ trốn theo ông ta rồi.

Nhớ đến trận đồ bát quái, biết ngay là thủ đoạn của Viên Nương, Phụ đạo kêu lên :

– Ta nuôi con mười tám, mười chín năm, không ngờ hôm nay lại để cho họ Dương dùng. Nhưng con gái đẹp cho ở nhà vàng cũng là lẽ thường của tạo hóa, nơi cùng sơn hoang đã sao có thể giữ được !

Bấy giờ chàng Dương đã toàn thắng, định soạn tờ biểu lộ bố.

Cô gái nói :

– Thiếp xin thay chàng soạn thảo được chăng ?

Chàng đáp :

– Tài vũ lược của nàng xưa nay chỉ có một, nay lại nhả ngọc phun châu, thật đúng là bậc nữ tướng tài ba.

Cô gái bèn múa bút thành văn. Đại lược như sau :

“Từng nghe :

Quân kiêu dũng nhằm hướng Nam thẳng chỉ ;

(1) *Hàn Lỗ* : câu này có thể hiểu người con gái nói cha mình vốn dòng văn nho (*Hàn* chỉ nho sinh theo văn pháp *Hàn Dũ*, *Lỗ* chỉ nước *Lỗ* quê *Khổng Tử*) nhưng cũng biết chút ít binh võ.

(2) *Đễ Oanh* : người con gái có hiệu đời Hán Văn Đế (179 - 157 tr. CN). Cha nàng là *Thuần Vu Ý* bị tội khép vào nhục hình. *Ý* không có con trai phàn nàn rằng : “Giả có con trai lúc hoãn cấp còn giúp đỡ được”. *Đễ Oanh* nghe thấy cha khóc, về *Tràng An* dâng sớ xin chịu tội thay cha. *Văn Đế* cảm động tha cho cha nàng và từ đấy bãi bỏ nhục hình.

Đạo quang minh quét sạch mọi phong ba.
 Ấn hổ tướng đi sang hướng Tây ;
 Mặt trời sáng rọi khắp cùng lam chương.
 Ấy lẽ,
 Đội quân dấy loạn như hại người mà ta được ;
 Thì bẽ đẳng phạm đạo thường, trời đất cũng không dung.
 Nghịch và thuận, tỏ và mờ.
 Xưa nay cùng theo một lối.
 Quốc gia ta,
 Chiếu Đẩu, Ngưu thành địa phận đã lâu ;
 Cự Chấn, Dục mở cõi bờ đã định.
 Lam Sơn dấy đội quân hùng mạnh : Mộc Thạnh
 phải trốn, Trương Phụ phải thua,
 Hoàng Phúc phải về, Liễu Thăng bị chém,
 đẹp hết hai mươi thành trì,
 đánh thắng sài lang từ phía Nam đến ;
 Nước sông rền kiếm trời ban : định yên Diễn Châu,
 bình xong Thanh Hóa, đánh mạnh Đông Quan, san
 bằng Cổ Lộng, khai thác ba mươi châu trại,
 tuyên bố cương vực tận biển Bắc kia.
 Mua đúng thời giải cơn nước lửa, cứu sống dân lành ;
 Sấm uy vũ rửa nỗi nhục hờn, tạnh quang sông núi.
 Giữa khi Thang, Vũ có nhân⁽¹⁾, sách trời tỏ điểm lành
 chấn tượng ;
 Sau loạn Hán, Đường được nước, cơ đồ chính thống
 hợp vùng sao.
 Trăm dịch một lối xa thư ;
 Giậu phen tựa nương lớn nhỏ.

(1) Nguyên bản thiếu một chữ.

Ôi, dân xưa đội ơn phủ dụ, dám dẫu phụ ân ý tiên hoàng !
Làm môi răng có Xa Lý, Doanh Man, dấy động
hai mươi châu dân mạnh Hàn Lô ;
Quay lưng dựa Mã Hà, Tuấn Giáo, trộm lập thành
ba vạn bao quanh⁽¹⁾.
Quy Hóa⁽²⁾ sẵn thế như tầm ăn ;
An Tây⁽³⁾ núi khe như ong kiến.
Trước tiệc đêm khoác áo hộ quốc, trách mắng rồi
một lòng xót thương ;
Ghé ngủ bên giường ẩn cư, đất dân chúng
nào riêng một xứ.
Tầm thành tổ sao có ở Long Đê⁽⁴⁾ ;
Lông báo đổi hẹn tổ ở Ngưu Hống⁽⁵⁾.
Hoàng đế xuống lệnh cho quân thần,
Dựng cờ ngoài cõi, ruổi xe bờ chằm.
Quân nhà vua trên chiếu vài ngàn, rèn chí nuốt trâu
cứu nước ;
Giặc nước Thục nhìn ra nghìn dặm, thấy Ban Siêu
bắt hổ khiếp uy⁽⁶⁾.

(1) Nguyên chú : Thái Tổ nhà Lê dựng thành Tam Vạn, mỗi thành có thể chứa ba vạn người.

(2) Nguyên chú : tên man.

(3) Nguyên chú : tên phủ.

(4) Nguyên chú : đê Long Thủy tại Mộc Châu : có một bờ đá chắn ngang sông, nước đổ xuống đến bốn năm trượng, bên dưới có một hốc đá như miệng hổ há lên, tục gọi là lỗ đầu sâu.

(5) Nguyên chú : tên man cổ của Hưng Hóa là Ngưu Hống.

(6) Ban Siêu (32 - 102) : người An Lăng đời Hậu Hán, tự là Trọng Thăng. Thuở nhỏ nhà nghèo, từng ném bút than rằng : “Đại trượng phu nên bắt chước Phó Giới Tử, Trương Khiên lập công ở cõi lạ để được phong hầu, chứ sao có thể cặm cụi mãi ở chốn nghiên bút”. Thời Minh Đế (ở ngôi 57 - 74) ông đi sứ Tây Vực, thu phục được nhiều nước và ở lại đó trị nhậm hơn ba mươi năm, được phong tước Định Viễn hầu.

Vượt sông Đà⁽¹⁾ kiếm kích long lanh ;

Động uy trời tinh kỳ biến sắc.

Đương lúc :

Góc phía Đông hướng càn khôn,

Tạm vát vả húa rìu miền Đông.

Tuy nhiên :

Cõi ngoài vẫn phục uy thừa ;

Nam, Trung lại ban hiệu lệnh.

Khí giận quân thù sôi sục ;

Binh sĩ đồng lòng như bay.

Thế bẻ càn,

Uy lướt gió,

Núi Phi Long in dấu tiến quân⁽²⁾ ;

Sức chẻ tre,

Đề nghịch tặc,

Núi Trú Cổ ngấn nổi như gò gươm⁽³⁾.

Trèo Sơn La có càn sát ra uy ;

Vào sông Mã khiến Vu thần⁽⁴⁾ xa lẫn.

Thần đồng thổ địa bắt phải theo ;

(1) Nguyên chú : nguồn Đà Giang giáp với các sông Đại Man, Hắc Thủy, gọi là một chi lưu phía Tây của Nhĩ Hà.

(2) Nguyên chú : núi Phi Long tại đỉnh dãy Mộc Châu rất cao, lên đó nhìn rõ tứ phía ; trên nhìn lên tận Thuận Châu, dưới thấy cả Đà Giang, nhìn về Nam thấy : Thanh Hoa, sông Dương Nhục, Nghệ An, Quỳnh Lôi.

(3) Nguyên chú : núi Trú Cổ tại sách Thanh Châu, một thắng cảnh đẹp chạy ngang hơn trăm dặm, cao chỉ kém đỉnh Tần Viên, có 10 tòa giếng cổ, một cái hồ vuông rộng, nước cực trong lạnh, ở cạnh có lời thạch.

(4) Vu thần : Nguyên chú : châu Mã Nam có một loại vu thần, có thể chuyển đá vào bụng người ta, bụng đau mà chết.

*Gió núi đâu chờ được Dân, Mảo⁽¹⁾ ;
Diệp Công ở Chung Nam giúp thêm ;
Vượt bến cần đợi chi Tý, Ngọ⁽²⁾.
Để chặn thế của Xích Man, lại giỏi liệu cơ địch.
Trận đồ bát quái ở Hoa Châu, cờ xí làm tướng
Man mất mặt ;
Phục binh ở hai sườn Tung Lĩnh, tiếng pháo làm
tướng giặc kinh hồn.
Đã giải dân tới, lại đóng cũi đưa đi :
Lũ nghiệt đảng cùng đường, bọn hung tàn ngược chính.
Đã qua rồi tai nạn, cảnh tượng thái bình.
Đất man sáp nhập vào bản đồ ;
Biên giới trải tận cỏi Già Lũng⁽³⁾.
Bọn hung hãn chuyển làm dân cày ruộng ;
Săn thú rừng trở lại nghề xưa⁽⁴⁾.
Chiêng công trăm tiếng tự yên ;
Ốc, trống khải hoàn tấu khúc.
Ngày ấy đắp thành hồi tội ;
Tuyên uy nhờ sức đồng liêu.
Buổi đầu nhà Hán đẩy xe ;
Công thành bởi theo mệnh lớn.
Thần cần tấu lời "lộ bố" để bề trên nghe biết.*

(1), (2) Nguyên chú : chùa Mặc Lý ở Mộc Châu có ngôi tượng đồng đen cực lớn. Chùa có cái chiêng cổ cao 145 xích, tương truyền gõ vào thì chết. Người đi qua nơi ấy gặp vật màu vàng thì phải bỏ đi mà không dám đoái hoài. Lại ở đình dây Mộc Châu có một hang gió, sâu không thể đo được, khoảng giờ Tý, giờ Ngọ gió từ hang nổi lên chuyển động cả rừng núi, đến khoảng giờ Dần, giờ Mão thì tự ngừng. Ở huyện Trấn An có đền thờ Diệp phu nhân cạnh sông Thao, thường ra tai. Nay hàng năm theo tiết mà thờ cúng. Khí trời ở sông Thao thường âm u, duy chỉ đến khoảng giờ Tý, giờ Ngọ là có thể qua sông. Không Minh chính phạt phía Nam phải cầu đảo trời đất, chính là việc ấy.

(3) Nguyên chú : châu Ninh Viễn cũ là địa giới nước Ai Lao, đời vua trước tên là Già Lũng, vua sau (em Già Lũng) tên là Già Núi cũng lại chiếm cứ vùng đất này.

(4) Nguyên chú : châu này dân bướng bỉnh, hung tợn, quen thủy chiến. Trong châu có suối nước cuộn chảy, vị nước hơi mặn, các loài thú đến đêm thường xuống uống, thỏ dân dùng nó bắn được rất nhiều, gọi là "nhục khoáng" ("mỏ thịt").

Biểu về triều, vua sắc cho hồi quân. Chàng đưa Viên Nương về nhà, cùng vào gặp mặt Ngô Nương. Ngô Nương vừa thấy Viên Nương đã nhận ra ngay thể mạo và nốt ruồi trên má, liền nói :

– Lệnh đòi của Kim Liên chẳng phải người này sao ?

Chàng đáp :

– Đúng vậy !

Rồi kể lại đầu đuôi sự gặp gỡ và việc tham dự giúp rập binh nhung. Ngô Nương nói :

– Thị nữ của Thánh mẫu giáng sinh, kẻ phạm nhân không ai sánh được !

Mọi người đều mỉm cười. Nàng Viên Hoa nói :

– Đúng vậy ! Chuyện Vương Dương⁽¹⁾ tái thế không phải là hư huyền.

Ngô Nương bảo chàng :

– Họ Xa là bên vợ, lẽ nào lại vô ơn không báo đáp ?

Bấy giờ những người coi các châu theo Cát Hãn đa phần đều bị đổi đi chỗ khác. Chàng dâng biểu xin bảo đảm cho họ Xa và xin cho con cháu được nối đời tập ấm. Triều đình xét thấy tổ tiên họ Xa là Khả Tham, là bậc khai quốc công thần, nên chuẩn y. Viên Phụ đạo cảm ơn sâu dày bên về kinh bái cống, từ đó thường xuyên qua lại thông hiếu.

Vào những lúc rảnh rỗi việc quan, chàng thường cùng Ngô Nương uống rượu trong sân. Nhắc đến tuổi tác, Ngô Nương nói :

– Thiếp tuổi Thân, lại được họ Xa tuổi Tý, có thể gọi là tam hợp⁽²⁾ kỳ phùng được đấy !

Về sau chàng được quan tước hiển vinh, họ Ngô, họ Xa đều được rạng danh, đến nay con cháu còn đông đúc.

LẠI VĂN HÙNG - TRẦN HẢI YẾN dịch

(1) Vương Dương tái thế : chưa rõ điển.

(2) Tam hợp : chỉ tuổi hợp nhau theo hàng chi, ở đây là các tuổi Thân, Tý, Thìn.

154. MÌNH NGỌC BIẾN ẢO(*)

Loa Thành của nước Việt Thường xưa là một kiến trúc danh tiếng của Bắc Hà. Cuối đời Trưng Quang nhà Hậu Trần, ngọn núi phía bên phải tòa thành của nhà vua có một quang khí sắc đỏ bốc ngùn ngụt lên tận trời xanh, giống như ánh sáng của một bó đuốc. Người thôn ấp bên cạnh đều ngỡ là ma giỡn, từ người hái củi đến trẻ chăn trâu không ai dám đến gần, mấy năm sau vẫn như thế. Bấy giờ trong ngôi chùa trên núi có một vị cao tăng đoán rằng :

– Từ khi An Dương Vương⁽¹⁾ bắt đầu xây dựng Bắc Thành, lập phép đuổi người, oan hồn đầy dẫy, tích tụ năm tháng đã biến thành yêu. Ta nên đặt một giường thiên tử đại⁽²⁾, giăng kệ pháp lục như⁽³⁾ độ cho hết thầy ma quỷ trăm luân đều được siêu thăng, như thế cũng là một công đức lớn.

Bèn lập đàn tràng ngay tại nơi đó, tụng bộ kinh *Niết bàn* mấy lượt và làm số giải oan. Trong số có đoạn :

“Cảnh âm dương hao mòn tăng trưởng, hiển nhiên phận con ong cái kiến nổi chìm ; cõi trần lúc lại lúc qua, nào quả đóa hoa xuân tươi rồi phải héo.

(*) Nguyên văn : *Ngọc thân huyền hóa.*

(1) *An Dương Vương* : tên là Thục Phán, làm vua nước Âu Lạc 257 - 208 tr. CN. Bấy giờ, Triệu Đà mang quân sang đánh nhưng bị thua. Biết Thục Phán có nỏ thần, Đà xin giảng hòa, lại cho con trai là Trọng Thủy xin làm rể. Mỵ Châu tin chồng, nhờ vậy Thủy lấy được nỏ thần, An Dương Vương mất nước. Xem thêm *Truyện Rùa vàng*, số 4, Tập I, và truyện *Kim Quy hiến kế chém yêu tinh*, số 145, Tập III.

(2) *Tư đại* : đất, nước, lửa, gió ; bốn thứ kết hợp làm nên vạn vật.

(3) *Lục như* : cũng gọi là *lục dụ*. Kinh *Kim cương* có câu : “*Nhất thiết hữu vi pháp như mộng huyễn, như bào ảnh, như lộ diệt như điện, ư tác như thị quan*” ; nghĩa là : mọi pháp hữu vi đều như mộng ảo, bọt nước, bóng, sương và chớp, cần phải có cái nhìn như thế. Câu này lấy mộng, huyễn, bọt nước, bóng nắng, sương, chớp ví với thế gian, ý nói mọi vật đều vô thường, không vĩnh viễn.

Đại ngộ lẽ không không sắc sắc mới về nơi hóa hóa sinh sinh⁽¹⁾ ; nhờ vào ngọn nước cành dương, mới đạp nát con đường ba kiếp⁽²⁾”.

Pháp đàn mở suốt mười ngày mới tan. Đêm ấy thấy đàn tràng như một vầng trăng sáng trời lên từ mặt đất, dâng lên hạ xuống mấy lần rồi mới biến mất. Bấy giờ vị cao tăng từ xa nhìn thấy, bảo học trò rằng :

– Cội rễ yêu quái từ nay được giải hóa rồi.

Mấy hôm sau, sư đang ngồi thiền định trong phương trượng, bỗng thấy một người con gái đẹp chừng mười tám, mười chín tuổi, thịt da như ngọc, trắng lóa mịn màng, mắt biếc long lanh như gương trong vắt, xiêm áo lộng lẫy rõ ra vẻ người quyền quý, cất tiếng trong trẻo xin làm lễ sám hối. Sư nói :

– Quý nương người ở đâu ta mà không ngại đường sá gặp ghềnh, chẳng cần kẻ hầu người hạ, vất vả đến thăm nơi tịnh thổ⁽³⁾ này ?

Cô gái nói :

– Thiếp người Dạ Sơn, Đông Thành, trước gả làm thiếp, phía Nam vin cành cù mộc, phía Đông ngóng ngôi tiểu tịnh⁽⁴⁾. Chẳng ngờ cha chồng không thương mà chồng cũng ruồng bỏ, hoa vùi ngọc lấp, trái đã nhiều năm. Duyên hôn phận mỏng, mặc cho số phận vật vờ, coi rẻ vàng trong dâu mà tạm giữ ngọc nơi đường lớn⁽⁵⁾. Cúi xin đức Phật uy nghi rộng mở cửa tế độ. Tuy kiếp này đã qua không thể níu kéo lại, nhưng xin giúp kẻ nổi chìm để được sám hối việc kiếp sau.

Sư thấy nàng nói năng lạnh lợi có ý ngờ, bèn thác cố nhà sư quê mùa nơi rừng núi chỉ biết nổi đèn sớm hôm chưa giúp được việc chuyển đạt tâm ý. Cô gái xin giấy bút, tức khắc viết sớ văn. Sư đành miễn cưỡng làm lễ tâu xin.

(1) *Hóa sinh* : sống và chết. *Hóa hóa sinh sinh* : sống chết luân chuyển không bị câu nệ vào một quá trình.

(2) *Ba kiếp* (tam sinh) : quá khứ, hiện tại, vị lai (kiếp trước, kiếp này và kiếp sau).

(3) *Tịnh thổ* : chí đất Phật.

(4) *Cù mộc* : cây cành rũ xuống, chỉ vợ cả ; *tiểu tịnh* : chỉ vợ lẽ, nàng hầu. Cả hai nhóm từ này, cô gái đều nói bóng bẩy về phận lẽ mọn của mình. Có lẽ nàng, tức Mỹ Châu, nói thác đi cho khỏi lộ tung tích vì nàng nói được gả làm thiếp (dáng).

(5) Nguyên văn : *hạc thị tang trung chi kim nhi tạm thủ thông cù chi bảo*. Ý câu này rất khó hiểu. Trong văn học cổ, *tang trung* thường chỉ việc trai gái gặp gỡ không chính đáng, còn *thông cù* là ngã tư đường lớn. Có thể Mỹ Châu muốn nói dù nàng tự ý yêu đương và đem ngọc đi bán rao nhưng cũng không chịu để cho người đời sống sã ?

Cô gái đọc sớ trước án xong, lạy năm lạy rồi đứng dậy ra đi. Sự ngẩng nhìn theo thì gót sen thoát như lướt trên mặt đất, sự chấp tay bảo chú tiểu :

– Cô ta là yêu quái, không phải là người. Sớ văn đừng đốt, hãy cất đi để sau này nghiệm xem sao.

Cô gái ra đến tam quan, đề lên vách rằng :

Mạc thuyết vô nhân cánh hữu nhân,

Lai lai vãng vãng vãng lai thân ;

Nhân gian tảo ngộ luân hồi lý,

Các quá kim sinh mạc tự tần.

(Chớ bảo không nhân, nhân⁽¹⁾ vẫn đấy,

Đi đi đến đến, cũng thân này.

Luân hồi lẽ ấy như bừng tỏ,

Một kiếp qua đi chớ nhúu mày).

Nét bút sắc sảo, mềm mại như rồng rắn uốn lượn trên vách, những tao nhân mặc khách vãng cảnh đều không hiểu ý. Từ đó, cô gái du ngoạn khắp trong nước không nơi nào là không có dấu chân. Những nơi phồn hoa đô hội, người ta thường gặp nàng xuất khẩu thành thơ, bổng trầm ngâm ngợi. Có bài như :

Quần di Tương thủy, kẻ Ngô vân,

Vân xướng hương tàn ý hữu xuân.

Thân hứa bất từ Tam giáp bộ,

Lam Điền chủng ngọc hận vô nhân.

(Tóc : mây Ngô quốc ; áo : dòng Tương⁽²⁾,

Mây tản, hương tiêu, xuân ý vương.

(1) Trong bài này, cô gái nói đến *nhân* và *luân hồi*, hai phạm trù luận thuyết quan trọng của Phật giáo. *Nhân* tức là nguyên nhân, cái mầm mống để tạo ra một hiện tượng, quá trình khác (quả). *Luân hồi* : sự luân chuyển qua các kiếp của chúng sinh.

(2) *Mây Ngô quốc* : chưa rõ điển ; *dòng Tương* (Tương thủy) : tên sông ở vùng Hồ Nam, Quảng Tây (Trung Quốc). Có những huyền thoại gắn liền với con sông này như Tương Phi (Thần sông) hoặc Nga Hoàng, Nữ Anh khóc vua Thuấn ở sông làm cho những cây trúc thành sắc vẫn gọi là Tương Phi trúc. Có lẽ tác giả chỉ dùng để tả dung nhan, trang phục đẹp của Mỹ Châu.

*Thân đã qua miền Tam giáp⁽¹⁾ ấy,
Ngọc Lam Điền⁽²⁾, hận chẳng ai màng).*

Lại có bài :

**Giang Phi giải bội sự du du,
Kinh kỷ tình sương tục thử du ;
Thức mục tang điền thương hải hậu,
Bất tri thân thể tại trung châu.**

*(Giang Phi thoát bội⁽³⁾ chuyện mơ hồ,
Trải mấy tình sương lại lãng du.
Giục mắt, ruộng dâu thành biển biếc,
Trung châu, thân thể cũng đâu ngờ).*

Những bài thơ như thế nhiều không kể hết. Những nơi nàng đến, hoặc có người buông lời đùa cợt thì đem vòng vàng, hoa tai ngọc tặng cho ; còn nếu họ ân cần gần bó thì lấy cớ vô duyên mà tạ từ dứt khoát. Có người hiểu biết, cho nàng là yêu quái nhưng cũng không thể dò la ra tông tích. Chuyện đến đây chia làm hai mối⁽⁴⁾.

Bấy giờ có chàng học trò họ Vương người huyện Quỳnh Côi, Thái Bình được ngôi đất phát giàu có, nhưng tuổi trẻ phóng đãng, cha mẹ đều mất, lang bạt sông hồ đến nổi nhà trống như khánh treo, việc học hành phí tổn đến muôn nghìn mà tuyệt không thu được chút kiến thức gì. Chàng từng

(1) *Tam Giáp* : vùng ba hẻm núi nằm giữa con sông lớn thuộc địa phận nước Sở : Cù Đường giáp, Vu Sơn giáp, Tây Lăng giáp, dài 700 dặm, địa thế rất hiểm trở, tương truyền là nơi thần tiên ở. Về Vu Sơn giáp (còn gọi là Vu Sơn, Vu Giáp) : xem Chú thích 4, 5, tr. 331, truyện *Cuộc gặp gỡ kỳ lạ*, số 153, cùng tập.

(2) *Ngọc Lam Điền* : Lam Điền là tên một ngọn núi ở huyện Lam Điền, tỉnh Thiểm Tây, Trung Quốc, nơi sản sinh ra ngọc quý. Ngọc Lam Điền đây cũng là nói ngọc quý.

(3) *Giang Phi thoát bội* : Giang Phi là tiên nữ. Theo *Liệt tiên truyện*, Giang Phi nhị nữ chơi ở bên sông, gặp Trịnh Giao Phú liền cởi thắt lưng (giải bội) tặng. Giao Phú nhận rồi đi được mấy bước thì không thấy dải lưng và người đâu nữa.

(4) Theo cách kể chuyện cổ, câu này có nghĩa là đến đây chuyện chia làm hai mạch ý, hai mạch tình tiết.

than rằng : “Trời như lọng che, đất như cuộc cờ, cái lẽ phú bẩm⁽¹⁾ có sao lại không đến với riêng ta !”. Nghe nói thuật sĩ Nễ Châu là người giỏi xem số, chàng tìm đến hỏi. Thuật sĩ bảo :

– Số của ông có nhiều căn cơ tốt, đáng lẽ được ra vào cửa son nhà tía. Nhưng phải bỏ sự yếu đuối, gắng gỏi sự cứng rắn, tình cảnh này chỉ là nhất thời, đừng vì vận số trước mắt lằng đằng mà nản chí.

Gặp lúc người Minh mới mở trường học ở Giao Châu, chàng gói ghém đàn sách lên đường. Chính là : “*Lộ tả kiếp lưu ... Lý Cố ; Kiều đầu xa mã thế Tương Như*” ; nghĩa là : Bên đường mang cặp cuồi lừa [như] Lý Cố⁽²⁾ ; Đầu cầu nhón nhịp ngựa xe thế làm Tương Như⁽³⁾.

Bấy giờ đang giữa mùa hạ, đầu cành lửa lựu cháy, mặt nước dục tiền sen, khí nóng thiêu người, không thể bước tiếp được. Chiều xuống, chàng vào nghỉ trọ trong trạm dịch bên đường. Vừa khi tiếng người yên ắng bỗng nghe cách tường có tiếng con gái khe khẽ ngâm :

**Viêm Đế hồng lò trú nhiệt thiên,
Dạ vân dao phiến bất thành miên.
Ngọc nhan hân tẩy Tây hương đạm,
Giải uẩn, vô nhân cổ Thuấn huyền.**

*(Viêm Đế nung lò trời nóng ran ;
Tay không rời quạt, ngủ không an.
Mồ hôi lã chã nhòa son phấn,
Cung Thuấn, nhờ ai dạo khúc đàn⁽⁴⁾).*

(1) *Phú bẩm* : những khả năng mà trời ban cho từ lúc sơ sinh.

(2) *Lý Cố* : chưa rõ điển tích.

(3) *Tương Như* : tức Tư Mã Tương Như (? - 118 tr. CN) tự là Trường Khanh, người Thành Đô đời Hán. Xem thêm Chú thích 2, tr. 331, truyện *Cuộc gặp gỡ kỳ lạ*, số 153, cùng tập.

(4) *Cung Thuấn ... dạo khúc đàn* : theo *Khổng Tử gia ngữ*, vua Thuấn có cây đàn năm dây, có bài đàn ca ngợi gió Nam mát mẻ, ấm áp, giải nỗi buồn bực của dân, làm cho dân giàu. Ý của bài ca là ca ngợi cảnh thái bình thịnh trị, sau văn chương thường dùng điển này để nói về gió Nam mát mẻ giữa lúc nắng hè oi bức.

Chàng ghé kề vách nhìn trộm, thấy cô gái ngồi một mình dưới đèn, mắt đẹp mày thanh, đúng là người con gái hàng xóm phía Đông⁽¹⁾. So hoa, là hoa biết nói ; sánh ngọc, là ngọc sinh hương. Chàng định nói vãn nhưng lại sợ không người môi giới, không tiện khinh suất.

Sáng sớm, chàng trở dậy chải đầu rửa mặt, đã thấy cô gái nhằm hướng Đông cất bước. Bèn hỏi chủ quán thì họ bảo :

– Cô ấy qua lại đây, tự xưng là người bán ngọc.

Chàng liền giục tiểu đồng đuổi theo, gặp nàng giữa đường, vừa đi vừa đùa rằng :

– Châu ngọc trước mắt mới biết mình xấu xí.

Cô gái nói :

– Ông không phải Biện Hòa⁽²⁾ sao có thể biết được trong đá có ngọc ?

Chàng đáp :

– Có ngọc đẹp ở đây, cất đi chăng hay là đem bán chăng ?

Cô gái trả lời :

– Bán chứ ! Bán chứ ! Đợi được giá thì bán thôi !

Chàng nói :

– Ngọc Tần Đình giá đáng liền thành⁽³⁾, còn ngọc của nàng giá đáng bao nhiêu ?

Cô gái bảo :

– Vô giá !

(1) *Cô gái hàng xóm phía Đông* : theo bài *Đăng đố tử hiếu sắc phú* của Tống Ngọc (? - ?) thì đó là người con gái đẹp nhất nước Sở, cũng là đẹp nhất thiên hạ. Cô là hàng xóm phía Đông của Tống Ngọc. Cũng theo Tống Ngọc, cô kém đức hạnh vì đã trèo tường nhòm trộm ông. Ở đây, tác giả chỉ muốn nói cô gái phòng bên rất đẹp.

(2) *Biện Hòa* : theo *Hàn Phi Tử*, Biện Hòa người nước Sở, tìm được hòn đá có ngọc ở núi Kinh Sơn đem dâng Sở Lệ Vương. Vương cho là dối trá sai chặt chân bên trái. Chu Vũ Vương lên ngôi, Hòa lại đem dâng, cũng bị coi là dối trá, sai chặt nốt chân phải. Khi Văn Vương (689 - 672 tr. CN) lên ngôi, Hòa ôm hòn ngọc ngồi khóc dưới chân Kinh Sơn. Văn Vương hỏi, ông nói : “Tôi không buồn vì bị chặt chân. Ngọc quý mà bị coi là đá, kẻ sĩ ngay thẳng lại mang tiếng dối trá, cho nên tôi buồn”. Vua sai thợ mài thì quả được ngọc quý, bèn đặt tên là ngọc Biện Hòa.

(3) *Giá liền thành* : nước Triệu được viên ngọc Biện Hòa, Tần Chiêu Vương (306 - 251 tr. CN) gửi thư cho Triệu đòi đem mười lăm thành đổi ngọc. Sau văn học dùng thuật *ngũ liền thành* để chỉ ngọc quý, giá cao.

Chàng đáp lại :

– Vô giá là ở nơi vực sâu kia, nay đã đem bán ở chợ, há lại làm hoa mắt người ta mà cầu giá cao chăng ?

Cô gái nghe nói, đỏ mặt không đáp, nén giận mà đi. Chàng lẽo đẽo theo sau nói chửi :

– Vết của ngọc khuê trắng có thể mài đi, còn vết của lời vừa nói thì không làm thế nào chữa được nữa.

Cô gái dịu nét mặt mỉm cười :

– Nam Dung ba lần trả lại ngọc khuê trắng thì được gả con gái⁽¹⁾. Chàng mới trả có một lần !

Chàng thấy lời lẽ cô gái đã hơi thân mật liền đáp :

– Một cũng đủ, hà tất phải nghĩ đến ba.

Bấy giờ đường xa hơi mỏi, hai người vừa đi vừa đùa. Đến một chiếc cầu bắc qua con ngòi nhỏ, họ cùng ngồi nghỉ tạm. Chàng ước hỏi :

– Quý nương là người đẹp phương nào ? Dư phong của nhà vàng⁽²⁾ chẳng ? Hay là tổ nữ nơi cửa son ? Nay đường về vắng đặc, đơn côi khổ sao chịu nổi ?

Nàng đáp :

– Thiếp người Cổ Loa, ngày trước bị chồng ruồng bỏ, thiên hạ không dung, một mình lặn lội. Đi khắp đất nước, trời mệnh mông mà lòng nao nao, một tấm lòng trung, xấu hổ đối non xanh nước biếc. Nghĩ nay hoa đào vô chủ, mặc cho tung tích nổi trôi ; mắt gửi mây ngàn, lòng vương hoa ảnh. Muốn dâng ngọc chốn quê người lại sợ như ném đất xuống nước ; muốn trả châu về làng cũ lại e gặp cảnh nước đổ trên sân⁽³⁾. Chàng nếu đem lòng thương, xin đừng đòi hỏi đến hình hài của thiếp.

(1) *Nam Dung* : người nước Lỗ, thời Xuân thu, học trò Khổng Tử (551 - 479 tr. CN). Ông từng ba lần đem trả lại ngọc khuê trắng, Khổng Tử đem con gái của người anh gả cho.

(2) *Dư phong của nhà vàng* : ý nói con gái đẹp, quyền quý. Theo *Hán Vũ cổ sự*, khi Hán Vũ Đế (140 - 86 tr. CN) còn làm Thái tử, bà Trưởng công chúa muốn gả con gái cho, mới hỏi : “Lấy được A Kiêu có thích không ?”. Vũ Đế đáp : “Nếu được A Kiêu thì sẽ làm nhà vàng cho nàng ở”.

(3) *Nước đổ trên sân* : theo sách *Loại lâm*, Thái công Vọng lúc trẻ tuổi lấy vợ họ Mã. Nhưng đường công danh lặn lội, cho đến già, ông vẫn nghèo khó nên bị vợ bỏ. Sau gặp Văn Vương được trọng dụng. Một lần gặp một người đàn bà ngồi khóc bên đường, ông nhận ra vợ cũ, người đàn bà lạy ông xin cho đoàn tụ, ông đổ bát nước xuống đất bảo : nếu bốc lại được như cũ thì ông cho về. Sau thường dùng thành ngữ này để nói việc sai lầm không thể sửa chữa được.

Chàng nói :

– Giai nhân tài tử, trời cho kỳ ngộ, xin kết giải đồng tâm, được chăng ?

Nàng đáp :

– Cây mận héo bên đường, quả “phiếu mai” ngày muộn⁽¹⁾, con phượng lè trên cây ngô đồng, đây chính là lúc lòng mừng được chốn nương thân. Chỉ sợ khi đi đứng, lúc ra vào, không giống người ta, bánh vẽ trang kim, uống phí tình chàng quyến luyến.

Chàng nói :

– Khảm ly, trên lò lửa, ắt có âm dương⁽²⁾ ; động trăng chân trời, tự nhiên qua lại. Gặp nhau mà hợp, hãy giùm ta làm liếp đón gió lành, làm lưới giăng mưa ngọt. Lẽ nào đối mặt mà nhìn ta bằng đôi mắt lạnh lùng, nương tử cam tâm sao !

Nàng nói :

– Tự nghĩ hoa đại không hương, gân gà vô vị, ơn chàng không bỏ, lẽ nào không theo !

Chàng vui mừng, thu thập hành trang, nhằm hướng Thần Châu dẫn bước. Đến bến sông Vị Hoàng, thuê một con đò mà đi. Bấy giờ người ngọc in bóng xuống lòng sông hết như bông phù dung⁽³⁾ ánh nước ; khách tục thuyền tiên chẳng khác nào thân bay tới miền nước Nhược⁽⁴⁾. Chàng đùa chỉ nàng nói :

– Ngô Việt cùng thuyền là để đợi ngày Ngọc Kinh hội hợp. Nay giữa đường gặp gỡ, dưới trăng tao phùng, há chẳng đúng là hơn hẳn người trước hay sao ?

(1) Câu này ý Mỹ Châu nói nàng đã đến tuổi lấy chồng, đã muộn chồng. Xem thêm Chú thích 1, tr. 345, truyện *Cuộc gặp gỡ kỳ lạ*, số 153, cùng tập.

(2) *Khảm* và *ly* là hai quẻ trong 8 quẻ của *Kinh dịch*. *Ly* tượng trưng cho lửa, sáng, cho mặt trời, cho phượng Nam, vạn vật tốt tươi ; *Khảm* tượng trưng cho nước, cho sự hiểm trở, không thuận lợi. Nhưng cũng theo *Kinh dịch* thì âm dương có sự chuyển hóa lẫn nhau không ngừng, do đó tạo nên những biến đổi.

(3) *Phù dung* : một tên khác của hoa sen. *Phù dung ánh nước* đây là hoa sen in bóng dưới sông, nhưng cũng có thể là bóng hoa phù dung (mộc phù dung), cây phù dung cũng hay được trồng bên mé nước.

(4) *Nhược thủy* : theo *Sơn hải kinh*, là một dòng sông ở vùng cực Tây, Trung Quốc, sức nước rất yếu, dù một hạt cải cũng không thể nổi trên mặt nước ; tương truyền là nơi tiên ở.

Nàng nói :

– Vân Anh, Bùi Hàng⁽¹⁾ ở nơi tiên động, cùng dự vào chốn thanh hư, chiếm được miễn cực lạc vô cùng. Nay ngày xuân ngấn ngủi, cuộc đời này chưa biết ra sao, chàng vội gì chê người trước chẳng bằng mình ?

Bấy giờ sông lạnh, trăng mờ, chàng nói :

– Ba sao giữa trời, biết làm gì với đêm nay.

Cô gái nói :

– Người mới cảnh cũ, ý riêng chưa được giải bày, xin làm một khúc ca để tỏ chí, được chăng ?

Chàng nói :

– Xin được nghe.

Nàng liền gõ ván thuyền ca rằng :

**Cần khôn phân biệt thời khuê cách,
Hiếu kính nhất tâm nan lương bạch.
Loan phân ngọc kính yển thanh bi,
Long khứ Đỉnh Hồ giao lệ trích.**

*(Cần khôn riêng cỗi, thời xa cách,
Hiếu kính một lòng, khôn bộc bạch.
Gương loan bóng lẻ⁽²⁾, én kêu thương,
Rồng khuất Đỉnh Hồ lệ tỵ tách⁽³⁾).*

(1) Vân Anh, Bùi Hàng : xem Chú thích 1, 2, tr. 322, truyện *Cuộc gặp gỡ kỳ lạ*, số 153, cùng tập.

(2) *Gương loan bóng lẻ* : theo *Dị uẩn* vua nước Kế Tân bắt được một con chim loan, nuôi ba năm mà không kêu. Phu nhân nói chim loan chỉ kêu khi có bạn, hãy đem cho nó một cái gương cho nó thấy bạn. Quả nhiên, chim loan thấy bóng mình trong gương tưởng đồng loại liền cất tiếng kêu bi thương. Nhưng mãi không thấy bạn thực, nó cứ kêu cho đến chết.

(3) *Rồng khuất Đỉnh Hồ* : theo *Sử ký*, Hoàng Đế đúc một cái vạc lớn (đỉnh) ở núi Kinh Sơn, đúc xong có một con rồng râu râu xuống đón. Hoàng Đế cưỡi lên râu rồng, quần thần và hậu cung, hơn bảy chục người cũng ngồi lên. Bấy giờ rồng uốn mình bay lên, những người còn lại túm lấy râu rồng định theo, nhưng râu rồng rụng, rơi theo cả chiếc cung của Hoàng Đế. Bọn họ ôm cung và râu rồng gào khóc nhìn theo Hoàng Đế bay cao dần. Đời sau gọi nơi ấy là Đỉnh Hồ và dùng điển rồng bay khỏi Đỉnh Hồ (Long khứ Đỉnh Hồ) hoặc Đỉnh Hồ long nhiễm (râu rồng Đỉnh Hồ) để chỉ việc vua chết.

**Đan tâm hướng thuyết hải giang thiên,
Tòa ngọc mai hương lịch kỷ niên ?
Phá toái sơn hà đô thị hận,
Tàn hương dư phấn bất thành nghiên.**

*(Lòng son hồ giải biển sông trời,
Tòa ngọc vui hương đã mấy mươi.
Tan nát non sông là nỗi hận,
Hương thừa phấn thái kém màu tươi).*

**Nguyệt đôi hoa ảnh xuân tình khổ,
Trinh tiết sơn dung sầu vũ vũ.
Kiên cương duy hữu cần du tâm,
Ma trác toàn bằng anh hùng thủ.**

*(Trăng tỏa bóng hoa tàn mộng khổ,
Vẻ non trinh tiết sầu vô vô.
Duy lòng cứng cõi như ngọc du.
Còn đợi anh hùng mài giữa đó).*

Cô gái ca xong, chàng trầm ngâm nói :

– Tâm sự nàng vừa kể làm cho người nghe chạnh buồn, nhưng câu “Đình Hồ rồng đã khuất” và “Tan nát non sông”⁽¹⁾ tôi chưa hiểu ý thế nào ?

Cô gái nói :

– Ngụ ý về tình cảnh ngày trước thôi.

Lúc ấy trong thuyền chân sào tay lái, tai mắt rất đông, hai người kính nhau như khách, chưa từng có cử chỉ sống sã. Gặp lúc thuyền đi qua miếu Vũ Nương, huyện Nam Xương, bèn ngâm rằng :

**Thu giang ấn nguyệt, nguyệt man sương,
Nguyệt đàm giang hàn ức Vũ Nương ;**

(1) Hai câu này nói bóng đến việc An Dương Vương (làm vua khoảng 254 - 179 tr. CN) bị Trọng Thủy lấy trộm nỏ thần, thua trận, vua chết, nước mất, cuối truyện sẽ có lời giải.

**Nghiệp báo khả lân sinh Đản tử,
Ảnh phân hà tất tội Trương lang.
Nhan hồng tự cổ thiên đa đó,
Hạo khí... ⁽¹⁾ kim thủy dụ hương.
Xúc xứ ngã tương minh vãng sự,
Thiên thu luận... ⁽²⁾ đoạn nhân trường.**

*(Dòng thu trăng ngấn trăng dầm sương,
Sóng lạnh trăng mờ nhớ Vũ Nương.
Nghiệp báo thương thay sinh bé Đản,
Bóng in đâu nợ trách chàng Trương !
Hồng nhan tự cổ trời ghen ghét,
Hạo khí còn nay nước đượm hương.
Thấy cảnh những than cho chuyện cũ,
Ngàn thu bàn luận chỉ thêm thương⁽³⁾).*

Qua miếu thờ My Ê⁽⁴⁾ thì ngâm :

**Nguyệt đoạn Bàn Sơn thể giác cù,
Nhất ban tâm sự phó du du.
Long nhiêm hữu lệ bi Nam Ngự,
Hồ huyết vô đoan mỹ Bắc châu.
Di Địch hữu quân thiên địa biến,
Sơn hà chính khí Đẩu Ngưu thu.
Hữu giang khả tẩy cương thường cốt,
Lễ táng hà quan Lý tự tu.**

*(Trăng đứt Bàn Sơn gãy vóc mai,
Nỗi niềm tâm sự ngổ cùng ai.*

(1), (2) Nguyên văn đều mất một chữ.

(3) Xem truyện *Người con gái Nam Xương*, số 43, Tập II.

(4) Vợ vua Chiêm Thành Xà Đầu. Xem thêm truyện *Liệt nữ giấu kín vết nhơ*, số 147, Tập III.

*Râu rồng lệ nhỏ sầu Nam Ngự⁽¹⁾,
Thuật cáo không dung mê Bắc Đài⁽²⁾.
Di Địch có vua trời đất đổi,
Sơn hà, chính khí Đẩu Ngưu soi.
Cương thường để thẹn cho vua Lý,
Tẩy sạch xương trinh, nước tự trời⁽³⁾.*

Qua miếu thờ Tiên Dung ở Đa Hòa lại đùa ngâm rằng :

**Dạ Trạch thâm thâm thủy bích y,
Nhất trường kim cổ xúc nhân bi.
Vi lô chính hảo hài tiên lữ,
Thành quách nguyên phi cự phụ si (sư).
Dạ bán cụ phong thiên cổ sự,
Giang biên thu...⁽⁴⁾ ức niên tỳ (từ).
Viêm giao đế nữ nhan hà hậu,
Nam vọng sa đầu ám tự tri.**

*(Dạ Trạch đầm sâu gợn sóng biếc,
Một vùng kim cổ chạnh niềm xưa.
Bờ lau sắp đặt duyên đôi lứa,
Thành quách lòng đau con chống cha.*

(1) *Râu rồng* : chỉ việc Sạ Đẩu chết. Xem Chú thích 3, tr. 390, cùng truyện.

(2) *Thuật cáo* : Nguyên văn : *Hồ huyết vô doan mỹ Bắc Châu*, tác giả lấy hai chữ “hồ mỹ” có nghĩa là dùng cách mê hoặc người ta như hồ ly ma quỷ để lừa đảo có khi đến lấy cả thiên hạ. Ở đây ý nói không dung vua Lý bị mê hoặc bởi sắc đẹp đàn bà.

(3) Năm 1044, vua Lý Thái Tông (1000 - 1054) đi đánh Chiêm Thành giết được vua Chiêm Sạ Đẩu và bắt vợ cả, vợ lẽ của Sạ Đẩu cùng các cung nữ giỏi múa hát đem về Thăng Long. Đến hành điện Ly Nhân (thuộc Hà Nam ngày nay) vua cho đòi Mỹ Ê (phi của Sạ Đẩu) đến hầu. Mỹ Ê không chịu, quần chân vào người nhảy xuống sông tự tử. Lý Thái Tông “khen là trinh tiết, phong là Hiệp chính Hậu thiện phu nhân” (theo *Đại Việt sử ký toàn thư* ; Bản kỷ ; Quyển II). Sau này chỗ Mỹ Ê chết có miếu thờ. Xem thêm truyện *Liệt nữ giấu kín vết nhơ*, số 147, Tập III.

(4) Nguyên văn thiếu một chữ.

*Bão tố nửa đêm huyền thoại cũ,
Đền thiêng muôn thuở bến sông thu.
Ngâm suy, có thẹn chăng Công chúa ?
Xa ngóng bờ Nam – cát lạng tở⁽¹⁾).*

Đến sông Bồ Đề⁽²⁾ ngâm rằng :

**Thiên công khai tạc thái đa tình,
Uổng khổ càn khôn cửu chiến tranh.
Sa mãng kỷ mai Nam Bắc tướng,
Yên ba bán một cổ kim binh.
Lộ hà ảnh đoạn ngư ca thủy,
Điều đầu thanh trâm miết cổ thanh.
Thiên giả cố quân phương tiện đắc,
Hoán lai thanh thủy tẩy Nam tân.**

*(Thợ trời sắp đặt khéo đa tình,
Tan nát càn khôn bởi chiến chinh.
Lau cát vùi sâu Nam, Bắc tướng,
Sóng sông chìm đắm cổ, kim binh.
Cánh cò hóng dứt lời ca tắt,
Ốc mỡ thanh trâm lạng trống canh,
Trời giúp vua xưa phương tiện tốt ?
Bến Nam rửa giáo, kéo sông xanh).*

(1) Xem truyện *Đống Tử gặp duyên lành*, số 142, Tập III.

(2) *Bồ Đề* : tên làng và bến sông ở bờ Bắc sông Hồng. Trong thời Lý – Trần có thể ở đây đã xảy ra một vài trận đánh, ví như các lần kháng chiến chống quân Nguyên, nhưng phải đến sau cuộc thắng xâm lược Minh của Lê Lợi (1427), Bồ Đề mới thành một địa danh lịch sử.

Bấy giờ cô gái tới đâu cũng gặp cảnh sinh tình xuất khẩu thành thơ, chàng cứ dựa theo lời mà tán thưởng. Nhiều khi chàng cũng muốn nổi văn họa thơ nhưng trong mỗi bài ở câu kết dường như đều có ý tứ riêng mà chàng chưa hiểu thế nào. Đến Đình Long⁽¹⁾, cô gái bảo chàng :

– Phở xá ồn ào, phồn hoa khắp chốn, ta nên tìm một ngôi chùa vắng vẻ làm nơi đọc sách.

Bền đất nhau đến chùa Càn Đà⁽²⁾ ở trọ. Đất Nam Khang lồi lõm, trông ra núi Nhân ; sông Tô Lịch quanh co, nước ngay tầm mắt. Tháp xá lý cổ, tòa tháp tòa cao ; bia đá ngấn rêu, lờ mờ chữ triện. Thấu đêm trăng sáng giải lòng thiền ; phách trúc đàn thông hòa tiếng mõ. Đất vô hữu, phong tình gót tục, yến thưa oanh thốt gọi chày kinh. Chàng yêu thích cảnh vật trong vùng, bèn cất tranh dựng nhà làm nơi trú ngụ. Nhưng vốn là học trò nghèo, ngoài đàn sách, trong túi rỗng không, nên chuyện củi quế gạo châu chàng đành bỏ mặc mình nàng xoay xỏa. Một đêm kia, chàng bảo nàng :

– Trời giúp kẻ cùng đường gặp được giai nhân, là hoa trước mắt, là ngọc trên tay. Bấy nay lòng kính nể niềm yêu, nhưng từ lâu tình xuân đã thức, đêm nay xin được qua giấc mộng Vu Sơn⁽³⁾.

Nàng nói :

– Chàng lắm rồi. Thân danh là trọng, đèn sách dày công, thiếp không dám đem tình chân gối làm nản chí chàng. Hãy nán đợi ít lâu nữa cũng chẳng muộn gì.

Chàng không nghĩ được kế gì đành phải nghe theo. Lại một đêm cùng ngồi dưới đèn, chàng nhìn nàng chăm chăm, nàng nói :

– Thiếp đọc sách các nhà thấy chép : Liễu Hạ Huệ “cho ngồi lòng” mà không bối rối, người đàn ông nước Lỗ đóng cửa không cho vào⁽⁴⁾, bởi vì

(1) Đình Long : chưa rõ ở đâu, nhưng có lẽ ở gần Thăng Long vì đoạn dưới tác giả miêu tả sông Tô Lịch ở ngay trong tầm mắt.

(2) Càn Đà : cũng như núi Nhân, Nam Khang, có lẽ là những địa danh trong vùng Thăng Long.

(3) Xem Chú thích 4, 5, tr. 331, truyện Cuộc gặp gỡ kỳ lạ, số 153, cùng tập.

(4) Liễu Hạ Huệ : người nước Lỗ thời Xuân thu, ở Liễu Hạ, tên thụy là Huệ, được Mạnh Tử (372 - 289 tr. CN) khen là bậc “thánh chi hòa”. Người đàn ông nước Lỗ : ở một mình, hàng xóm của anh ta là một người đàn bà góa chồng cũng ở một mình. Một hôm mưa

sắc đẹp là nơi giấu kiếm, hương phấn là chốn dựng dao. Chàng của em đọc sách thánh hiền, há lại không biết phải ngửa lòng hiểu sắc hay sao ?

Chàng cãi :

– Lòng cứng rắn chẳng phải đá, lại đem lửa thiêu người. Cho nên đẹp đến như nàng cơ thứ tư⁽¹⁾, An Thạch với Bạch Vân, Đông Pha với Cẩm Tháo, Đào Cốc với Quân Lan⁽²⁾, chẳng phải là các bậc hiền đời xưa đã để lại cho ta cách quan niệm về sắc đó chăng ? Nhưng tình chung đúc, ý hòa hợp đến thế thì đương nhiên có điều lưu lại. Còn như nàng nay vốn không phải thế, vậy sẽ đặt ta vào cảnh ngộ nào đây ?

Nàng nói :

– Lầu Tần quán Sở⁽³⁾ là bể khổ đắm người ; ca kỹ đào nương hại người bằng hồ ly yêu quái. Miếng ngon trên tiệc, hà tất không màng. Kìa như Thảm Ước lung gậy⁽⁴⁾, Trương Xường vẽ mi⁽⁵⁾, Hàn Thọ trộm hương⁽⁶⁾,

bão nhà bị đổ, người đàn bà góa chạy sang kêu cứu, anh chàng nước Lỗ đóng cửa không cho vào, bảo : “Tôi nghe nói đàn ông, đàn bà dưới sáu mươi tuổi không được ở cùng nhà”. Người đàn bà nói : “Sao anh không làm như Liễu Hạ Huệ, cho con gái ngồi trong lòng mà người trong nước có ai bảo là sàm sỡ đâu”. Người nước Lỗ nói : “Liễu Hạ Huệ thì được, còn tôi thì không được. Tôi sẽ đem cái không được của mình học cái được của Liễu Hạ Huệ”. Nguyên là Liễu Hạ Huệ một đêm ngủ ở ngôi nhà ngoài cửa thành, về khuya có một người con gái đến cùng trọ. Liễu sợ người con gái chết cóng bèn cho ngồi lên lòng, như thế đến sáng mà tâm ông không chấn động. Sau người ta dùng điển này để chỉ người không hiểu sắc.

(1) *Nàng cơ thứ tư* : câu này cũng có thể hiểu là bốn nàng thiếp, chưa rõ nội dung truyện.

(2) *Bạch Vân* và *Quân Lan* : chưa rõ điển tích. *Cẩm Tháo* : là một kỹ nữ, khi Tô Đông Pha (1037 - 1101) làm quan ở Hàng Châu thường cùng nàng đi du ngoạn. Một lần hai người cùng tham Thiền, nàng bỗng ngộ đạo, thấu hiểu triết lý Thiền nên đã cắt tóc đi tu.

(3) *Lầu Tần quán Sở* : chỉ những nơi ca vũ.

(4) *Thảm Ước lung gậy* : Thảm Ước (441 - 531) người đời Lương, làm quan dưới thời Vũ Đế (464 - 549), giỏi thơ văn. Ông từng làm biểu trần tình xin nghỉ quan, nói rằng trong tuần nhật đây lưng lòng ra đến mấy nấc.

(5) Theo *Hán Thư*, Kinh triệu doãn là Trương Xường thường giúp vợ vẽ mào, vì thế người trong kinh đô truyền nhau gọi ông là “quan Kinh triệu nịnh lông mày”.

(6) *Hàn Thọ trộm hương* : Hàn Thọ (? - ?) người đất Đỗ Dương đời Tấn, dung nghi đẹp đẽ, được Giả Sung (217 - 282) cho làm thuộc lại. Con gái Sung trông thấy bằng lòng, bèn lấy trộm kỳ hương Tây Thành vua ban đem cho Thọ. Người xung quanh hỏi, Thọ nói của Sung. Sung gọi nữ tỳ của con gái tra vấn, chúng nói sự thực, Sung đành gả con gái cho Thọ.

Tương Như trộm ngọc⁽¹⁾, kẻ thì bia chép, kẻ thì miệng truyền, chàng với thiếp sẽ chọn cách nào đây ?

Chàng nói :

– Vậy ta có được nàng để làm gì ?

Nàng nói :

– Thiếp đến đây vốn định dựng lại cơ nghiệp cho chàng ; nếu chàng công chưa thành danh chưa toại, thiếp sẽ không thay đổi ý định. Nhân duyên của chúng ta sau rồi sẽ rõ.

Sau đó, kêu đèn lên giường nằm, kê hương tựa ngọc, nhưng Đào Nguyên⁽²⁾ trong gang tấc mà không khác gì vượt qua Hổ Lao của nước Trịnh, Kiếm Các của đất Thục⁽³⁾.

Bấy giờ tháng Bảy vùn vụt như tên bay, bất giác bè sao đã dần chuyển⁽⁴⁾, hè qua đông tới, chàng thường vẫn đến trường học, còn nàng vẫn toan lo đủ. Ban ngày thì chu toàn bếp núc, tối đến lại lên trước Phật đài cầu đảo, chàng vẫn không hay biết gì.

(1) *Tương Như* : xem Chú thích 25, tr. 331, truyện *Cuộc gặp gỡ kỳ lạ*, số 153, cùng tập, và Chú thích 3, tr. 386, cùng truyện. Nhóm từ “*thiết ngọc thâu hương*” (trộm ngọc cắp hương) dùng để chỉ những người đàn ông tính hạnh không chính đính. Vì Tư Mã Tương Như (? - 118 tr. CN) đã dùng khúc đàn *Phượng cầu hoàng* dụ được Trác Văn Quân trốn theo nên tác giả coi ông là kẻ “trộm ngọc”.

(2) *Đào Nguyên* : suối hoa đào chỉ vùng đất yên tĩnh có thể ở ẩn lánh đời, xuất phát từ câu chuyện kỳ ảo trong bài *Đào hoa nguyên ký* của Đào Tiềm (khoảng 365 - 427) đời Tấn. Có người đánh cá đất Vũ Lăng lạc vào suối hoa đào, gặp một xóm nhỏ ; người dân ở đây sống rất hòa thuận. Hỏi ra thì họ là dân tỵ nạn từ đời nhà Tần, hiện không biết ngoài đời đang là triều đại nào. Người đánh cá ra về, đánh dấu lối vào nhưng khi trở lại thì mọi dấu vết đã mất, không thể tìm lại được Đào Nguyên.

(3) *Hổ Lao, Kiếm Các* : *Hổ Lao* còn có tên là Thành Cao, là một địa điểm trọng yếu đối với nước Trịnh thời Xuân thu cũng như nước Hàn thời Chiến quốc. *Kiếm Các* là một nơi hiểm yếu của đất Thục, nay thuộc tỉnh Tứ Xuyên. Ở đây, tác giả ý nói đôi trai gái gần kề nhau nhưng Vương sinh không đi đến cuộc mây mưa được.

(4) *Bè sao đã dần chuyển* : theo thiên *Tạp thuyết hạ* trong sách *Bác vật chí* “thiên hà trên trời thông với biển, đời gần đây có một người ở bờ biển, cứ tháng Tám hằng năm thì cưỡi bè đi lại giữa hai nơi, không năm nào sai”. Ở đây, tác giả chỉ mượn để nói về sự chuyển vận của năm tháng.

Gặp lúc mưa dầm, bếp không đò lửa, chàng cầm bút đề một bài than nghèo rằng :

Vị ngọc, Vương Tôn nhất phạn nan,
Thư song ngọt tọa chuyển dư nhân.
Ngọc thành vị giải thiên công ý,
Kim tận hà như tráng sĩ nhan.
Tây chiếu⁽¹⁾ để tình khuy lậu ốc,
Khi nhân đông vũ tỏa tường quan.
Cùng trung tối khổ tâm trung sự,
Mỹ ngọc hình hài nhân để gian.

*(Lúc khó lưng cơm cũng khó khăn,
Bên song ngồi sống, rảnh tay chân.
Ý trời giữa ngọc⁽²⁾ còn chưa tỏ,
Tráng sĩ không tiền, mặt cũng nhăn.
Mưa lạnh, người khinh, trường đóng cửa,
Sao nghiêng, mái giọt, ánh lẫn tẩn.
Khi cùng khổ nhất niềm tâm sự,
Vóc ngọc thân ngà¹, mắt ngọc trân^(*)).*

Nàng ngồi trong phòng chau mày nói :

– Nghe lời tự than thở của chàng đến sắt đá cũng phải rơi lệ. Ở quê nhà thiếp còn một hạt minh châu, chính là của chồng cũ chôn giấu, giá rất cao. Nay thiên hạ có mặt mà không biết nhìn, nên thiếp quý vật báu trong mình mà chưa từng đem dâng ngọc cho chốn bần nhơ. Chàng hãy đi cùng thiếp, thiếp sẽ đem bán để chi dùng trong lúc khó khăn này.

(1) Nguyên văn : *chiếu Tây*, thất niêm, thất luật, có lẽ chép nhầm, chúng tôi tạm theo mạch ý chữa lại.

(2) *Giữa ngọc* : nguyên văn : *ngọc thành*, ý nói yêu thương mà rèn luyện, giúp cho thành tựu. Chữ này lấy ý từ một câu trong sách *Tây minh* : “*Bán tiện ưu thích dung ngọc như thành dã*” ; nghĩa là : nghèo hèn lo buồn là để giúp cho người thành ngọc vậy.

(*) *Nguyễn Huệ Chi, Băng Thanh dịch.*

Thế là hai người cùng về Cổ Loa, trọ ở ấp bên, nhân đêm trăng lên đi tắt lên đỉnh núi. Nàng chỉ tay nói :

– Đây rồi !

Chàng bèn đào sâu đến mấy thước, thấy đá lởm chởm, tiếp đó thấy một hạt dạ minh châu. Nàng bảo chàng nhặt lấy rồi lấp lại như cũ. Sáng sớm, hai người mang ngọc về chùa Cần Đà ngắm nghía rất lâu, vô cùng yêu quý. Bỗng nàng nói :

– Thiếp đi đường vất vả, cảm thấy khó chịu. Chàng hãy lập một đàn cúng, cúi nhờ phép Phật để giải vận hạn năm nay.

Chàng theo lời, nàng ngồi xếp bằng trước án, rập đầu làm lễ cát giải ba mươi sáu lần. Bỗng gió nhẹ thoảng vào phòng, khí lạnh rờn rợn, nàng tự nhiên ngã gục, toàn thân cứng đờ, như người động kinh. Chàng trở tay không kịp, thuốc thang vô hiệu, thương tiếc, đau xót khôn cùng. Vì đất khách quê người, không có cách nào nên chàng quần tạt nàng bên ngoài làng Quỳnh Lôi. Từ đó, vật còn người mất, nỗi buồn tha hương không chịu nổi, chàng lại tiếc ngọc thương hoa, đau đớn khôn nguôi. Từng làm thơ để tả nỗi oán hận :

Thạch thượng ma tâm ngọc dục thành,

Thiên biên tàn nguyệt bất thăng tình.

Giai nhân nhất biệt hồn vô mộng,

Dạ dạ hàn chung lạc chẩm thanh.

(Trên đá mài tâm, ngọc sắp thành,

Bên trời trăng lặn biết bao tình.

Một đi, người đẹp không vương mộng,

Chuông lạnh đêm đêm vắng gối mình).

Từ hàng phiếm phiếm độ trần duyên,

Hoảng nhập Thiên Thai cực lạc thiên.

Cực lạc cùng tiên tử khứ,

Duy dư tàn phấn mỗi trần chiên.

*(Bè từ nổi nổi độ trần duyên,
Cực lạc tìm mau về cõi tiên.
Cực lạc đường cùng tiên nữ khuất,
Nệm trần dư chút phần thừa hoen).*

**Bảo Vực tinh trâm nguyệt sắc minh,
Thư song tịch tịch mịch đồ quyền canh.
U tình tối khổ lâm...⁽¹⁾ cảnh,
Mặc mặc vô ngôn đỉnh hậu sinh.**

*(Sao Vực chìm rơi⁽²⁾, trăng nhạt màu,
Ngoài song tịch tịch, đồ quyền sầu.
Tình này cảnh ấy buồn khôn xiết,
Trâm mặc không lời, hẹn kiếp sau^(*)).*

**Khế khoát nguyên lai chỉ thị duyên,
Bất vụ Phật dã bất vụ thiên.
Ngã sinh nhĩ tử càn khôn tại,
Ký vấn hà nhân thị tục huyền.**

*(Xa cách nhường này chỉ tại duyên,
Dẫu rằng trời Phật, chẳng liên can.
Ta còn, nàng mất, càn khôn đó,
Xin hỏi cùng ai nói mối đàn ?).*

Bấy giờ chàng ở một mình trong thư phòng, cảm thấy lạnh lẽo. Chàng thu thập thơ từ của nàng, gói hạt minh châu lấy được ngấm nghĩa mãi, không nỡ đem bán. Lòng nhớ thương dằng dặc nên ngày dài như năm, thế mà ngoảnh đầu lại đã hai lần năm tàn, chàng ném đủ mọi mùi đăng cay

(1) Nguyên văn mất một chữ.

(2) *Sao Vực chìm rơi* (Bảo Vực tinh trâm) : Bảo Vực là tên sao, tức sao Vực Nữ, thường mượn để chỉ nữ thần, sau dùng để nói về phụ nữ nhà quyền quý. Bảo Vực tinh trâm nghĩa là người đẹp đã chết.

(*) *Nguyễn Huệ Chi* dịch.

của phong hoa tuyết nguyệt. Cuối năm, chàng sửa soạn cơm rượu về lại Quỳnh Lôi cúng tế. Theo phong tục, chàng định thu hài cốt người đã khuất về cải táng để trọn nghĩa tình. Chặng ngờ thật lạ, khi đào mộ lên, quan quách vẫn y nguyên mà bên trong không một mẫu xương tàn, duy chỉ thấy mảnh ván thất tình⁽¹⁾ để bốn câu thơ :

Bắc ngạn Nam thành hợp tác dung,

Tòng đầu phân phó thủy lưu Đông.

Thân tiên Ngọc Nữ thủy năng hội,

Ly hợp Quỳnh Chi tổng thị không.

(“Bắc ngạn Nam thành” làm về mặt,

Từ đầu phó mặc “nước về Đông”.

Thân xưa Ngọc Nữ ai hay biết,

Tan, hợp “Quỳnh Chi” thấy hóa không !).

Chàng vô cùng kinh ngạc, mơ màng tự nhủ : “Người ta gặp ngày trước là Ngọc Nữ vậy. Chỉ giận mình phúc mỏng nên cuối cùng lại hóa không. Duy có điều đáng ngờ : Ngọc Nữ là tiên trên trời, có sao chỗ đất này lại có ngọc ? Loa Thành không xa, hay là ta đến đó hỏi xem, may ra biết được căn nguyên”. Nhưng bấy giờ lại đúng lúc vua Trùng Quang chạy về Nam, đất Bắc vương việc binh lửa nên chuyện đành bỏ đó. Chàng bèn về quê nhà, ngồi ngây suy tưởng, chân đơn gối lẻ nhưng chưa nỡ nghĩ đến người khác. Hằng ngày chàng thường đem đi cáo của nàng ra ngâm ngợi, suy nghĩ mông lung, trăn trở mãi. Song những ý tứ nàng gửi gắm trong từng bài thơ vẫn mờ mịt không lý giải được. Chàng nghĩ người tiên có phép màu, tùy sinh tùy hóa, trăng đêm sương sớm, hy vọng sẽ có lúc được tái ngộ. Chàng kính cẩn niệm chú, tụng *Kinh A Di Đà*, *Kinh tiếp dẫn*⁽²⁾, nhưng chỉ

(1) *Ván thất tình* : một mảnh gỗ nhỏ đặt vào trong quan tài, có đục bảy lỗ nhỏ bằng đồng tiền, có rãnh nghiêng nối bảy lỗ với nhau.

(2) *A Di Đà Kinh* : tức *Phật thuyết A Di Đà kinh*, một quyển, là một trong ba bộ kinh của tông Tịnh Độ, do La Thập đời Tấn dịch. Kinh này xưng tụng công đức Phật A Di Đà, khuyến khích mọi người xưng tụng danh hiệu Phật một cách “nhất tâm bất loạn”. Ai thực hiện tốt thì khi lâm chung sẽ được tiếp dẫn về cõi cực lạc của A Di Đà. *Kinh tiếp dẫn* : tức *Kinh Vô Lượng Thọ* do Khang Tăng Khải (? - 280) đời Tào Ngụy dịch, là một trong ba bộ kinh của Tịnh Độ tông. Kinh này nói về công đức tu hành của Vô Lượng Thọ Phật, là nhiếp thụ hết thảy mọi chúng sinh về đất Phật.

là việc đuổi gió bắt bóng, chẳng chứng nghiệm gì. Nhân thế chàng than rằng : “Tình chân gối trước đây, há vô duyên hay sao mà sên không một lần cho hay tin tức ?”. Thế rồi ngâm thơ rằng :

**Ngân Hà Đông chuyển nhật tà tà (Tây),
Khách tứ nan cảm ngũ dạ kè.
Sắc ám Tần vân tòng xứ vọng,
Hồn tiêu Sở Giáp mộng canh mê.
Tha sinh hà tất hương căn tại,
Chung nhật na kham yến tử đề.
Dục hoán kiếm thư bằng nhất vấn,
Nhân gian ninh hữu giả phu thê.**

*(Trời Tây ác lặn, Đông Ngân Hà,
Khắc khoải năm canh lắng tiếng gà.
Sắc ảm mây Tần⁽¹⁾, nơi ngóng đợi,
Hồn tiêu non Sở⁽²⁾ giấc đương mơ.
Én kêu suốt buổi rầu khôn xiết,
Hương lửa thân sau biết có chờ !
Sách cũ muốn đem tìm chứng cứ,
Trong đời há có vợ chồng hờ ?).*

Sau đó lại ngâm :

**Quỹ ngọc trần tin cứu tất giao,
Đốt ta hà nhẫn thúc khinh phao.
Họa mi phong...⁽³⁾ lưu trần kính,
Kết phát sơn hà phó mộng đao.
Phật đạo huyền linh hoàn thị huyền,**

(1) *Mây Tần* : xem Chú thích 1, tr. 354, truyện *Cuộc gặp gỡ kỳ lạ*, số 153, cùng tập.

(2) *Non Sở* : xem Chú thích 1, tr. 385, cùng truyện.

(3) Nguyên văn mất một chữ.

Tiên hương phiêu diêu ngưỡng di cao.

Tam thiên nhân giới thành hoa lục,

Dục mật tình quang trám bích đào.

(Vợ chồng tình nặng, nghĩa sơn keo,

Sao bỗng xem khinh ném cái vèo !

Giúp vợ vẽ mây gương vẫn đó,

Chỉ non thể biển mộng quên sao !

Huyền linh phép Phật thành hư huyền,

Mờ mật làng Tiên với vợ cao.

Nhân giới ba nghìn ghi chuyện ảo,

Mong sao giục mắt thấy Nguồn Đào).

Thơ làm xong, chàng ngâm đi ngâm lại mà chẳng biết cuối cùng cơ sự sẽ ra sao !

Bấy giờ người Minh chiếm cứ nước ta, vợ vết ngọc vàng, tham lam vô độ. Chúng nghe nói Ngọc Sơn là nơi sản sinh ngọc trai liền bắt dân lặn xuống nước mò tìm ; công việc muôn phần khó nhọc, khiến cho tay người vì thế mà bị co quắp thành tật. Đang lúc ấy, Đào Trác cũng là một khách phong lưu, người huyện Thụy Anh nhân có việc đi qua vùng này. Người Minh ngờ chàng là người trong thôn liền bắt đi mò trai. Vì ngôn ngữ bất thông, không biết làm thế nào, chàng đành theo dân làng xuống biển. Nhưng khi Trác vừa lặn xuống chừng một dặm bỗng thấy nước mở ra một con đường lớn, có một nữ tiểu đồng đi trước dẫn đường, thùng thảng tiến bước. Trác ngần ngại không muốn đi nhưng đã ở dưới nước rồi không có cách nào quay lại. Đi chừng một dặm, nhìn phía trước thấy một tòa cung điện, vách bằng thủy tinh, cửa dát vàng ngọc. Nữ đồng vào trước bấm báo, lát sau dẫn Trác vào. Qua mấy lần rèm ngọc, phía trước thấy có vị tiên nương ngồi ngay ngắn, Trác vái chào thi lễ. Tiên nương cho phép chàng ngồi và báo :

– Ông về Thụy Anh, đường qua Quỳnh Côi, tiếp nhờ ông chuyển hộ lời hỏi thăm chuyện nhà chàng nho sinh họ Vương.

Trác không hiểu ý thừa :

– Vương sinh với tôi là chỗ đồng học, nhưng đấy bề đường trần, xa cách âm dương ; làm việc Liễu Nghị chuyển thư⁽¹⁾ lại không biết sẽ phải nói như thế nào ? Dám xin cho biết quý tính tôn danh, tôi đâu dám vì một chuyện đi mà ngại.

Nàng nói :

– Thiếp là Mỹ Châu, con gái An Dương Vương thuở trước ; u trăm oan khuất, khí hận không tan. Ngày nọ nhờ vị cao tăng làm phép cát giải, u hồn siêu thăng, huyền thân được hóa thành chân thân. Trước đây, nhân thấy chàng Vương côi cút nghèo túng, thiếp trộm phép thiên đình giúp chàng qua cơn quần bách. Nhưng đã cùng nhau chung sống, tình càng khó dứt ; thiếp đã đem thơ ca nói ý xa xôi. Nào ngờ trần tâm mê muội, chàng xem thơ mà chưa hiểu hết lẽ luân hồi. Bây giờ phiền ông nói lại hộ, ơn ấy không dám quên.

Trác lại hỏi :

– Tôi có đọc qua quốc sử, nhớ đại khái rằng tiên vương trước được gả cho Trọng Thủy, sau bị Rồng Vàng⁽²⁾ “bản rẻ”, nay lại thấy ở đây, xin hỏi tiên nương trông coi về việc gì ?

Tiên nữ nhún mày như không muốn giải thích, chỉ chậm rãi đáp :

– Chông trước của tôi có tính quỷ quyết, trong lòng không nghĩ đến vua, đã bị Hoàng thiên nhiều lần trích giáng xuống trần, tiền trình khá vất vả. Còn như sứ giả Thanh Giang, thiếp đã kiện lên đến Thiên đình. Người phán rằng : vì một lời nói vội vàng không rõ phải trái mà làm người chịu oan nên giao Hóa công làm tiêu tán hình hài, đồn thành núi Kim Long chịu người ta giẫm đạp. Ba ngàn năm sau, bãi bể biến thành nương dâu mới được trở lại tiền thân thuở trước. Thiếp bị người lừa, không được trọn đời

(1) *Truyện Liễu Nghị* (truyện kỳ đời Đường) : con gái vua Long Quân gả cho Kinh Dương ; bị Kinh Dương tình phụ phải đi chân dê ở bên hồ. Liễu Nghị thì trượt đi qua, nàng nhờ chuyển một bức thư cho vua hồ Động Đình. Liễu Nghị chuyển thư xong được tặng nhiều vật báu, sau chàng lấy người con gái họ Lư ở Quang Lăng, hỏi ra mới biết chính là người đã nhờ chàng chuyển thư. Ở với nhau hơn bốn mươi năm mà dung mạo vẫn không thay đổi, sau cả hai đều về Động Đình.

(2) Trong truyện *Kim quy ở Lĩnh Nam chí quái* thì Thanh Giang sứ là thần Kim Quy (Rùa vàng) nhưng ở đây tác giả viết là Rồng Vàng (Kim Long), xuống dưới cũng viết là Kim Long sơn (núi Rồng Vàng). Có lẽ do tác giả đã sáng tạo thêm tình tiết sứ Thanh Giang bị Thiên đình biến thành núi Kim Long nên mới để Trác hỏi như vậy chăng. Xem thêm *Truyện Rùa vàng*, số 4, Tập I.

thờ cha nên cho tạm giữ quyền cai quản ngọc trai để tỏ rõ sự trong trắng. Đợi đến khi chồng trước được mãn hạn đầy, niêm hương sám hối, bấy giờ đất trời được tái lập, đó là điều ông không thể biết được.

Trác định hỏi nữa, nhưng nàng ngăn lại :

– Thân thế của thiếp đã chép đầy đủ trong phần *Tiền biên*⁽¹⁾. Hãy về nói với Vương lang, thiên cơ chớ nên tiết lộ.

Rồi sai tiểu đồng lấy mười hạt trai nhỏ cho Trác làm tiền ăn đường. Còn lá thư ngọc có vài mươi chữ thì bỏ vào trong một lọ ngọc dán kín, để chữ, trao cho Trác và dặn :

– Nếu không phải chính tay chàng Vương thì không nên mở.

Sau đó sai tiểu đồng đưa Trác ra khỏi Thủy cung. Đi ước vài dặm, Trác hỏi :

– Đường đi gần, sao đường về xa vậy ?

Tiểu đồng bảo :

– Ông đang mang vật báu, cần tránh giặc Minh.

Đến bờ, đồng tử biệt, Trác trở về. Chàng bàng hoàng như vừa tỉnh mộng, nhìn kỹ hồi lâu mới nhận ra địa phận miền bờ biển xa xôi này. Trác mừng, rào bước về quê, chạy đến tìm chàng Vương báo tin và kể hết đầu đuôi mọi chuyện. Vương lúc đầu không tin, đến khi Trác đưa bình ngọc và nhìn Vương thử mở thì không sao mở được. Đêm ấy đã khuya, Vương ngồi một mình, đuổi hết mọi người ra ngoài, lấy tay mở nắp bình thì được ngay. Chàng thấy trong bình có một lá ngọc, đề rằng :

Đương nhật tao phùng thiếp dữ quán,

Phân minh đoan đích thị tiền nhân.

Phu thê kết phát đồ thành huyên,

Sinh tử tông đầu tổng vị chân.

Ái ngọc dư tình chung báo ngọc,

Hậu thân tĩn niệm tĩn tiền thân.

Hưu tương si tưởng ngâm sâu khổ,

Ngọc mẫu bàn đào khán vị chân.

(1) *Tiền biên* : 5 quyển đầu bộ *Khâm định Việt sử thông giám cương mục* do Quốc sử quán triều Nguyễn soạn.

(Thiếp chàng gặp gỡ tự bao giờ,
 Sân định nhân duyên chẳng chút ngờ.
 Chết sống từ đâu chưa hẳn thật,
 Vợ chồng kết tóc thấy là mơ.
 Trọn tình yêu ngọc, trao châu lại,
 Lặng ngấm thân sau, ngộ kiếp xưa.
 Sầu khổ thôi đừng si tưởng mãi,
 Bàn đào Ngọc Mẫu đã “chân” chưa ?(*)).

Đọc xong, nhận lại kỹ nét chữ, chàng thở dài, hiểu rõ mọi chuyện khi trước, bấy giờ mới tin những điều Trác nói chính là tin tức của nàng. Nhân thế chàng vụt hiểu những ý tứ nàng gửi gắm trong lời ca làm trên thuyền, trong ngôn từ các bài thơ khi ngâm vịnh, phần nhiều đều phù hợp với ghi chép của sử cũ. Còn câu ghi trên ván thất tình “Bắc ngạn Nam thành” và “nước về Đông” là nói nàng mất ở Đông Thành, Nghệ An, táng ở Đông Ngàn, Kinh Bắc, hợp lại mà biến thành dung nghi nàng vậy. Câu “Thân tiên Ngọc Nữ” là chữ “Châu”, theo bộ “ngọc”, chữ “My” theo bộ “nữ”, tiên thân tên là My Châu. Câu kết viết “Tan hợp Quỳnh Chi thủy hóa không, chính là nói gặp ta ở Quỳnh Côi, xa ta ở Quỳnh Lôi, đều chẳng phải là thân nàng mà chỉ là biến hóa ra đó thôi.

Từ đó, mối sầu được cởi, liền bán ngọc minh châu cho người Hồ được mấy chục vạn, trở thành một nhà cự phú. Sau vì cảm mối tình của My Nương, chàng đến thăm Cổ Loa. Chỉ thấy bia tàn mờ mịt, các bậc già cả thưa vắng. Chàng trở đi trở lại mấy ngày, muốn tìm người hiểu biết để trò chuyện, mới vào ngôi chùa có vị cao tăng trụ trì. Vừa vào đến phía ngoài tam quan, ngẩng lên đã thấy một bài thơ tứ tuyệt, chính là nét bút của nàng, liền đứng ngâm nga hồi lâu rồi cười bảo :

– Đây chính là My Nương để lại dạy ta vậy.

Chàng bèn vào tăng phòng, hỏi gốc tích, vị sư nói :

– Năm trước, có một cô gái tự xưng là người Đông Thành, đến xin làm lễ sám hối, khi đi để lại văn từ ở đây.

(*) Lại Văn Hùng dịch.

Sư bèn đưa bài số văn của nàng cho sinh. Chàng đọc thấy viết :

“Cúi nghĩ :

Điểm tốt tiệc mời, mở mười hai chốn mệnh móng bể khổ ;

Mây từ trước mắt, đốt ba nghìn nén tâm hương khẩn cầu.

Cảnh Phật không xa,

Linh đài trước mặt.

Nghĩ thiếp thân tàn trăm gãy, ngọc vết bụi vương ;

Gieo cầu rơi xuống Thục Sơn ;

Rụng ngọc thương thay Tấn nữ⁽¹⁾.

Màn trướng lầu son thuở ấy, chỉ hồng lá thắm đã xe duyên ;

Ai gây trận mạc bình đao, gấm đỏ bào xanh đành lỗi phận.

Sáo trời chạm bản tâm, than tiếc mãi ;

Kiếp Phật theo mây nước, chảy không cùng.

Cỏ bên thêm đổi thời Nghiêu⁽²⁾, thấm thoát tên bay

năm tháng vút ;

Hoa sông buồn khóc Tống⁽³⁾, hồi hồi phong cảnh động cờ tam.

Trong mơ dâu bể, dâu nữ quên tình ;

Gương chiếu phượng loan, chưa đến nguyện cũ.

Máy độ sinh sắc màu vui ánh sáng ;

Nỗi u hoài ngọc đá tỏ cùng ai ?

Tươi nhuận, ngọc giữa nên công, đất tịnh toàn nhờ

tai mắt Phật⁽⁴⁾ ;

(1) Gieo cầu non Thục : theo Tam hợp bảo kiếm, vua Hán Vũ Đế kén Phò mã bằng cách cho con gái ngồi trên lầu cao ném quả cầu xuống đám vương tôn công tử bên dưới ; người nào nhận được quả cầu thì được chọn. Ở đây, nói việc Mỵ Châu, con gái vua Thục, kén chồng.

Tấn nữ : có lẽ Mỵ Châu ví số phận mình với những cung nữ của nhà Tấn.

(2), (3) Chưa rõ diễn tích.

(4) Tai mắt Phật : Nguyên văn : Kim ngọc tướng : chỉ sắc tướng của nhà Phật.

Khẩn thiết tấc thành mong đạt, kính nhờ ngũ phân đức vun nên.

Nghìn tâm vạn dặm vời xa, bể khổ sông yêu chưa tỉnh ngộ ;

Thấu hết chín trời mưa đất, thiên căn nhân quả hiểu

nguồn cơn.

Ngọc chi tươi tốt sạch oan khiên, cây sắt trở hoa nhuần

dương mãi ;

Sắc tướng diêu huyền tư tại, bè từ tế đô vượt trần hoàn.

Tiếng vàng hời đến xa nghe, gọi tỉnh đường mê lên cõi giác ;

Mắt tuê nhìn lên sáng láng, hãy còn nhào đúc thân này.

Cúi xin chứng giám lòng son, ơn nhờ tái tạo !

Một lay sám hối ;

Tiệc quỳnh theo tiên chúa, báo tình xưa tiếc ngọc thương hương.

Hai lay sám hôi ;

Ngân Hán chở chàng Ngưu, hen hoi lớn vàng pha được ánh.

Ba lay sám hối ;

Thủy ngọc hàn không góc rẽ, côi cực lạc đường mây kim cổ trẻ.

Bốn lay sám hối :

Vương Dương duyên tái hợp⁽¹⁾, mỗi đồng tâm khảm khít

đất trời già.

Năm lay sám hối ;

Nước sạch bụi không vấn, đông thanh sáng hằng thường ;

“Hiếu tâm” theo một lý, “ý cứu” sửa tam cương⁽²⁾.

Khảm chảy Cẩn dừng⁽³⁾ muôn thuở non sông ;

(1) *Duyên Vương Dương tái hợp* : chưa rõ diễn cố này nói gì.

(2) *Hiếu tân* : thích học theo cái mới, cái cách, đối lập với *y cựu* tuân theo cái cũ. *Tam cương* : ba giếng mỗi lớn : vua tôi, cha con, vợ chồng.

(3) *Khảm chảy Cấn dừng* : *Khảm* và *Cấn* là hai quẻ trong tám quẻ của *Kinh dịch*. *Khảm* tượng trưng cho nước nên chảy (lưu) ; *Cấn* tượng trưng cho núi, nên dừng (chỉ) ; lời *duyên* của quẻ là *chỉ* (dừng).

Phục lớn Cấu tiêu⁽¹⁾, ba sinh hương lửa.

Thiếp vốn lòng son trong trắng, giải tỏ giữa đất trời ;

Mạo muội tới thêm lưu ly bày giải ngọc cơ⁽²⁾,

ngẩng trông tòa báu.

Đơn côi vô võ, kính dâng sớ để lượng trên xét soi”.

Sinh đọc sớ xong, bất giác rơi lệ. Nhà sư hỏi duyên do, chàng kể hết đầu đuôi mọi chuyện, từ buổi gặp gỡ sum vầy đến lúc chia lìa huyền hóa. Nhà sư nói :

– Nhìn cung cách⁽³⁾ tôi vốn biết nàng là yêu quái nhưng không nghĩ lại có thể đến như thế.

Sinh nhân dịp liền hỏi :

– Tôi bình sinh theo đòi cửa Khổng, bỏ sự quái đản mà kính tin thánh thần. Hòa thượng quán thông cửu giáo⁽⁴⁾ thấu hết tam đồ⁽⁵⁾, câu chuyện Mỵ Nương huyền hóa, có thể được nghe dẫn dụ chăng ?

Sư nói :

– Bản chất người ta là âm dương toàn thể, trời đất hợp hình. Khí tụ thì cử động mà thành cơ thể sống, khí tan thì rời rã mà ra hình chết. Nhưng có khi oan khiên uất kết thì trong cõi thình không bằng bạc, lên xuống không tiêu. Tháng năm tích tụ đã dày thì biến thành yêu quái. Cho nên một lần đọc chú *Di Đà* thì có thể giải nổi oan chứa chất ; trong ngày đọc một bài kinh, có thể hiểu thấu lẽ luân hồi. Mỵ Nương là cô gái vô tội, một lời thề

(1) *Phục* : một trong 64 quẻ của *Kinh dịch*, tượng trưng cho sấm còn đang trong lòng đất, đang lớn dần lên ; *Cấu* : một trong 64 quẻ của *Kinh dịch* ; lời tượng giải : *thiên hạ hữu phong* (gió thổi khắp thiên hạ), có gió thì không vật gì không gặp, vì vậy *Cấu* tượng trưng cho sự gặp gỡ.

(2) *Ngọc cơ* : ngọc châu không tròn hình.

(3) *Nhìn cung cách* : nguyên văn “tụng truyền cấu địa” : không hiểu nghĩa câu diễn đạt ý gì, tạm theo mạch văn mà dịch như trên.

(4) *Cửu giáo* : có lẽ là *cửu lưu*, chín học phái của Trung Quốc cổ đại : Nho gia, Đạo gia, Âm dương gia, Pháp gia, Danh gia, Mặc gia, Tung hoành gia, Tạp gia, Nông gia.

(5) *Tam đồ* : ba đường dưới cõi địa ngục mà những người có tội phải đi qua : *Hỏa đồ* : đường lửa thiêu đốt tội nhân ; *Huyết đồ* : đường máu, nơi súc sinh ăn thịt lẫn nhau ; *Đao đồ* : đường gươm dao, gây gộc bức bách.

trên bãi biển uất kết càng sâu. Tuy tinh huyết biến thành ngọc trai nhưng hồn phách vẫn chôn vùi trong mộ. Từ khi được cầu nguyện ở đàn tràng trên núi thì u hồn đã được siêu thăng. Có nước phép Càn Đà⁽¹⁾ mát trong thì từ đó huyền thân được thoát hóa. Còn như các chuyện về yêu ma thì không thể nói hết được.

Sinh chấp tay thưa :

– Kính xin vâng lời dạy bảo.

Thế rồi chàng xin sư cho đi thăm khắp các di tích cổ. Đến đầu núi, chàng hỏi :

– Đây là gò đồng gì ?

Sư nói :

– Tương truyền là mộ My Châu xưa.

Sinh ngẫm nhớ lại lúc đào ngọc, tự bảo : “Sách *Chích quái*⁽²⁾ ghi “Hình hài My Nương hóa thành ngọc trai”, đúng thay !”.

Chàng bèn chọn một khu đất lập miếu thờ để tỏ lòng quyến luyến. Sau chàng lấy em gái Đào Trắc, con cháu đây đàn, vui thú điền viên, tháng ngày thanh thản. Có người ngờ chàng là hậu thân của Trọng Thủy.

TRẦN THỊ BĂNG THANH dịch

(1) *Nước phép Càn Đà* : Càn Đà là tên phiên âm núi Yugamdhara, ngọn thứ nhất trong bảy ngọn núi Kim Sơn, những núi bao quanh ngọn Tu Di, trung tâm của một tiểu thế giới theo quan niệm nhà Phật. Ở đây chỉ Phật.

(2) *Chích quái* : tức sách *Lĩnh Nam chích quái* của Trần Thế Pháp (đời Trần) ; Vũ Quỳnh (1452 - 1516) và Kiều Phú (1446 - ?) đời Lê chỉnh lý. Xem thêm “Tiểu dẫn”, *Lĩnh Nam chích quái*, Tập I và “Tiểu dẫn”, *Tân định Lĩnh Nam chích quái*, Tập III.

HOA VIÊN KỲ NGỘ TẬP

花園奇遇集

Tác giả : chưa rõ tên tuổi và tiểu sử.

Văn bản Hoa viên kỳ ngộ, hiện có ở thư viện Viện Hán Nôm, là bản chép tay duy nhất, ký hiệu A. 2829, giấy dó, 46 trang khổ 27 x 15cm, trang đầu có dấu thư viện Viễn Đông Bác cổ Pháp và bị rách mất một số dòng chữ, trang cuối cũng mất. Sách không có tựa, bìa, chữ viết theo lối thảo, nét bút khá bay bướm. Có hai đoạn : từ trang 9 đến trang 18 và từ trang 23 đến giữa trang 29 nét bút non hơn. Có thể do một người khác chép. Tác phẩm cho biết chuyện xảy ra “vào thời Cảnh Hưng triều Lê ta”, trong nội dung tác phẩm cũng có hai địa danh Nam Xang và Sơn Nam là tên một trường thi nơi nhân vật Triệu công tử đỗ Giải nguyên, được đặt từ đời Lê (theo Việt sử thông giám cương mục và Đại Nam nhất thống chí). Cũng có thể truyện được viết vào khoảng cuối Lê đầu Nguyễn và theo khảo sát của Phạm Văn Ánh, truyện này chịu ảnh hưởng của hai truyện Lưu sinh mịch liên ký 劉生覓蓮記 và Tâm phương nhĩ tập 尋芳雅集 trong bộ tổng tập lớn là Quốc sắc thiên hương 國色天香 của Ngô Kinh Sở 吳敬所 đời Minh.

Bản dịch dưới đây là của Phan Văn Các, NXB Văn học, Hà Nội, 1998 in lại có chỉnh lý trong Tổng tập tiểu thuyết chữ Hán Việt Nam, Tập I, NXB Thế giới, Hà Nội, 1997. Nhóm biên soạn xin lược bớt phần dịch nghĩa ở các bài thơ, điều chỉnh một số từ Hán Việt và bổ sung phần chú thích vốn không có trong các lần in trước.

155. CUỘC GẶP GỠ KỲ THỨ Ở VƯỜN HOA^(*)

Vào đời Cảnh Hưng triều Lê ta, có công tử đất Nam Xang họ Triệu, tên Kiệu, là con trai thứ hai của Triệu Đông Chính, tính cách hiền ngang, văn từ diễm lệ, quả đáng gọi là “tài cao bảy bước, học chứa năm xe”, lại thêm khí vũ siêu quần, phong tư xuất chúng...⁽¹⁾

Phàm những sách hay chuyện lạ xưa nay không có thứ nào không xem hết. Một hôm nhàn rỗi xem...⁽²⁾

Ngô Đình Chương⁽³⁾ gặp gỡ như vậy, không uống danh hiệu là Tầm Phương Chủ Nhân (Chủ nhân tìm kiếm hương thơm)...⁽⁴⁾

Nếu như được cảnh gặp gỡ tốt lành ấy thì thật chẳng phụ Sinh này vậy. Bèn lấy Tầm Phương...⁽⁵⁾ đến phường Bích Câu, xa trông thấy một chiếc cầu phao...⁽⁶⁾

mấy đóa sen, run rẩy trước gió, bèn dời chân...⁽⁷⁾

ngồi tựa lan can. Chỉ thấy tường quanh vườn vừa...⁽⁸⁾ cây cối nhấp nhò. Bấy giờ đang giữa mùa xuân...⁽⁹⁾

(*) Nguyên văn : *Hoa viên kỳ ngộ*.

(1) Nguyên bản mất 1 dòng.

(2) Nguyên bản mất 2 dòng.

(3) *Ngô Đình Chương* : tên nhân vật chính trong truyện *Tầm phương nhĩ tập*, thuộc bộ *Quốc sắc thiên hương* của Ngô Kính Sở đã nhắc trong phần “Lời dẫn”.

(4) Nguyên bản mất 2 dòng.

(5) Nguyên bản mất 2 dòng.

(6) Nguyên bản mất 2 dòng.

(7) Nguyên bản mất 1 dòng.

(8) Nguyên bản mất một số chữ.

(9) Nguyên bản mất 2 dòng.

lấy Tầm Phương làm tên hiệu...⁽¹⁾. Nay cảnh này : xà vẽ, cửa thêu biếc hồng, rành rành là phủ đệ của bậc khanh sĩ, chẳng hay trong đó quả có Phụng, Loan⁽²⁾ chăng. Bèn ngấm một thiên tứ tuyệt rằng :

**Phấn bích chu môn sắc sắc phù,
Ỗ lan kiều thượng sĩ tình du.
Bất tri viên lý kỳ hoa hạ,
Quả hữu Loan thư Phụng muội vô ?**

*(Cửa son tường phấn, sắc tươi hồng,
Đứng tựa lan can, khách động lòng.
Chẳng biết trong vườn hoa cỏ lạ,
Chị Loan, em Phụng có hay không ?)*⁽³⁾

Ngấm xong, đi đi lại lại, nhìn ngấm xung quanh, như có phần ngượng ngùng, chợt nghe trong vườn có tiếng cười nói, ghé mắt nhìn vào thấy mấy thiếu nữ cùng nhau du ngoạn trong vườn hoa, đều là những trang giai nhân tuyệt sắc, hiếm có trên đời. Một nàng mặc áo tím...⁽⁴⁾ khoảng mười bảy tuổi, sắc đẹp áp cả ba ngàn cung nữ, một nụ môi son hết như bông hoa tươi thắm, hai nét mày ngài xanh biếc. Từng nghe...⁽⁵⁾, miệng nhỏ, lưng eo, không đủ để hình dung nàng trong muôn một.

Một nàng mặc áo đỏ, trạc tuổi mười sáu, dáng vẻ kiều diễm, thái độ u nhàn, mày biếc *xuân sơn*⁽⁶⁾, mắt trong *thu thủy*⁽⁷⁾, sen vàng giọt ngọc, khác nào Đò Cơ nước Tấn⁽⁸⁾ ; mấn mọc kết băng, hết như cung nữ Tống triều.

(1) Nguyên bản mất mấy chữ.

(2) Tên hai chị em nhân vật nữ xinh đẹp, tình nhân của Ngô Đình Chương trong truyện *Tầm phương nhĩ tập*.

(3) Nguyễn Huệ Chi dịch.

(4) Nguyên bản mất 4, 5 chữ.

(5) Nguyên bản mất 6, 7 chữ.

(6) Dáng núi mùa xuân.

(7) Làn nước mùa thu.

(8) Chưa rõ là người nào. Nổi tiếng là người đẹp nước Tấn thì có nàng Ly Cơ thời Xuân thu, có thể bản sao chép nhầm.

Xưa rằng nhận sa cá lặn, nguyệt thẹn hoa nhường, mà nay được thấy vậy.
Lại có mấy cô thị nữ áo xanh hái hoa đến tặng.

Sinh nhìn hồi lâu, lòng như vạc dầu sôi. Quả nhiên :

**Thanh phi vông la nắng vùn khách,
Sắc bất ba đào dị nịch nhân.**

*(Thanh chẳng lười chẳng thường nín khách,
Sắc không sóng gió dễ chìm người).*

Bèn trở lại cầu ngắt mấy đoá hoa đào ném vào trong tường. Hai cô thị nữ trông thấy nhìn nhau cười rằng :

– Lạ thay cơn gió nào thổi đưa hoa đào vào đây ?

Bèn nhác trông ra mé ngoài tường, nhìn thấy Triệu sinh, lại ngồi mà nói rằng :

– Chàng ở ngoài thành mà đẹp như Quan Ngọc⁽¹⁾, phải Hà Yển⁽²⁾ chăng, hay Phan An⁽³⁾ chăng ? Chàng có dụng tâm trộm ngọc cấp hương chăng ?

Hai nàng nghe nói đều trở gót sen nhưng cửa đã đóng rồi, không còn thấy tung tích người ngọc đâu nữa.

Sinh lại đến giữa cầu, ngồi tựa lan can, bất giác bóng hờn xóm vắng, tiếng chuông chùa xa, sắc hoàng hôn lúc này đã muộn. Bèn rảo bước trở về, trần trọc không ngủ được. Chàng ngâm một thiên tứ tuyệt cùng một điệu từ để gửi gắm nỗi u hoài :

**Khán liễu phòng tư đoạn tận trường,
Vô đoan phong vũ nảo Tương Vương.
Hà thời Tư Mã loan cầm tấu ?
Giai khước xuân phong sĩ tử thương !**

(1) *Quan Ngọc* : chưa rõ là ai, có lẽ nhầm với Tống Ngọc, nhà từ phú nổi tiếng thời Đông Hán, cũng là người nổi tiếng phong lưu.

(2) *Hà Yển* : (190 - 249), người nước Ngụy thời Tam quốc, tự Bình Thúc, nổi tiếng là bậc thiếu niên tài hoa tuấn tú.

(3) *Phan An* : tức Phan Nhạ (247 - 300), người đời Tấn, tương truyền có dung mạo rất đẹp.

(Được thấy hồng nhan luống đoạn trường,
Không dung mưa gió nã Tương Vương⁽¹⁾.
Đàn loan Tư Mã⁽²⁾ bao giờ tấu?
Vãn khách lòng xuân khỏi vết thương !).

**Chính ý hoa lan kiều thượng,
Hốt kiến ngọc nhân âm hưởng,
Tiềm bộ khán phương tư,
Bất cố hoàn thanh lượng.
Tâm tưởng, tâm tưởng,
Hà nhật viên hoa ngoạn thưởng.**

(Nhu mộng lệnh tử)

(Đứng tựa lan can cầu vắng,
Người ngọc tiếng cười vang vọng.
Rén bước ngấm dung nhan,
Chợt ngọc hoàn vang động.
Vấn vương tâm tưởng,
Nào buổi hoa vườn ngoạn thưởng).

Hôm sau lại đến chỗ cũ chỉ thấy cây gấm gió lay, cửa son khóa chặt, còn chẳng thấy bóng dáng hai kiều đầu nữa. Nhìn quanh một lúc, rồi vào quán uống mấy chén, nhân tiện hỏi thăm chủ quán rằng :

– Bên ngoài tường kia là nhà người nào vậy, có thể nói là u nhân.

Chủ quán đáp :

– Đó là nhà quan Ngự sử họ Kiều.

...⁽³⁾

(1) *Tương Vương* : tức Sở Tương Vương. Theo bài phú *Cao Đường* của Tống Ngọc, Sở Tương Vương đi chơi ở đầm Vân Mộng, từng nói tiên vương ông là Hoài Vương được gặp gỡ, hoan ái cùng thần nữ Vu Sơn. Xem thêm Chú thích 1, tr. 385, truyện *Minh ngọc biến ảo*, số 154, cùng tập.

(2) *Tư Mã* : tức Tư Mã Tương Như (? - 118 tr. CN) tự là Trường Khanh, người Thành Đô đời Hán, từng gảy khúc *Phượng cầu hoàng* để dụ người đẹp Trác Văn Quân theo mình. Xem thêm Chú thích 2, tr. 331, truyện *Cuộc gặp gỡ kỳ lạ*, số 153, cùng tập.

(3) Chỗ này nguyên bản chép sót câu hỏi của Sinh.

Thưa rằng :

– Phải.

Sinh nói :

– Ngài có con cái không ?

– Ngài không có con trai, chỉ có hai cô con gái, cô chị tên gọi Lan Nương, cô em tên gọi Huệ Nương, đều có nhan sắc nghiêng nước nghiêng thành, cầm kỳ thi họa không thiếu tài gì (nghề nào cũng khéo), đến kim chỉ thêu thùa lại càng khéo.

Sinh nghe nói thần hồn phiêu dăng, không ghìm được mình, bèn dọn đến ngụ ở nhà hàng xóm sau vườn hoa, mong được thỏa chí nguyện bình sinh.

Lại nói Lan Nương từ sau khi trông thấy chàng trai ở ngoài tường, thở than rằng :

– Chàng quá là trang phong lưu tài tử, đáng để cùng ta sánh duyên thành vợ chồng, nhưng chẳng có người mối lái, Dương Đài⁽¹⁾ cách trở xa xôi.

Bèn nhanh gót quay về, vừa chợt thấy một cặp chim én sánh nhau cùng bay đôi, càng cảm thấy buồn bã, liền ngâm :

Đình tiền hoa thảo chính ly ly,

Tú khốn thê lương độc yểm phi.

Hà sự viên trung song yến tử

Khước thành sâu khách nhân tiền phi.

(Hoa cỏ trước thềm vẻ sớm sơ,

Phòng thêu quạnh vắng, một rèm thưa.

Cớ chi chim én trong vườn nọ,

Bay liệng thành đôi trước mắt ta ?).

Sau biết chàng đến trọ ở cạnh nhà thì nàng càng động xuân tâm, mỗi lần dạo gót vườn sau, thường đưa mắt dõi nhìn.

Sinh dầu biết nàng có ý, nhưng lại e mình là kẻ lữ ngụ tha hương nên không dám ra mắt. Còn Lan Nương thì tình càng tha thiết.

(1) Dương Đài : theo bài Cao Đường phú của Tống Ngọc, là nơi ở của thần nữ Vu Sơn, sau chỉ nơi nam nữ hẹn hò tình tứ. Xem Chú thích 1, tr. 333, truyện Cuộc gặp gỡ kỳ lạ, số 153, cùng tập.

Một hôm Kiều công có việc đi xa, đến đêm chưa về, trăng sao nửa tỏ nửa mờ, Lan Nương bèn dắt thị nữ Xuân Hòa đi ngoạn cảnh vườn sau, muốn kiếm cơ để trộm nhìn người mà mình thầm yêu trộm nhớ. Bỗng nghe tiếng đàn thánh thót như nước mưa nhỏ giọt trên cây ngô đồng, như chim hạc hót trên chín tầng mây, khi hờn oán khi bi thương như khóc như than, quả là nghe mà rung động ruột gan. Lan bèn xuyên vách nhòm vào, thấy sinh đang ngồi trùm chăn, vỗ giường mà đàn, hương xanh nghi ngút, đuốc sáng lập lòe, nhìn xa khác nào trong cảnh thần tiên, tận thiện tận mỹ. Bỗng thấy sinh bỏ đàn đứng dậy, thở dài một tiếng mà rằng :

Ngã túc dục miên, quân thả khứ !

Minh triều khả phủ bảo cầm lai ?

(Ta say buồn ngủ, người về nhé !

Mai sáng ôm đàn lại đến chăng ?)

Đoạn, Lan bèn đi nhanh về phòng, nằm trần trọc mãi không ngủ được, ngâm thành một bài thơ tứ tuyệt :

Đình niêu hoa viên bộ nguyệt nhân,

Hốt văn nguyệt hạ số thành đàn.

Ngẫu thành nhất khúc Dương xuân điệu,

Lưu dữ tài lang tử tế khan.

(Thuốt tha dưới nguyệt dạo vườn hoa,

Mấy tiếng đàn hương trong ánh tà.

Bất chợt Dương xuân⁽¹⁾ thành khúc điệu,

Để người tài tử đọc giùm ta).

với một bài từ :

Nguyệt hạ giai nhân ngoạn cảnh,

Phong tiền tài tử dao cầm.

Từ từ khả bộ tiệp khuy,

Hốt kiến thôi đàn kịch khởi.

(1) *Dương Xuân* : tên một khúc nhạc thời cổ. Đây chỉ dùng với nghĩa là khúc nhạc nói chung. Xem thêm Chú thích 3, tr. 97, truyện *Nguyễn Quỳnh*, số 76, Tập III.

Trường thán nhất thanh hà hận,

Dục thành bách tuế giai kỳ.

Hà thời quân tử toại sơ tâm,

Bất phụ Tương Như nhất khúc ?

(Tây giang nguyệt điệu)

(Dưới nguyệt giai nhân ngoạn cảnh,

Trong phòng tài tử gảy đàn.

Dừng chân thông thả ngó xem,

Chợt thấy xô đàn bật dậy.

Một tiếng thở dài sầu hận,

Muốn thành nguyện ước trăm năm.

Bao giờ quân tử được như lòng,

Để khúc Tương Như⁽¹⁾ chẳng phụ ?)

Qua mấy hôm, khí trời trong trẻo, Lan cùng Xuân Hoa lại đến vườn sau, hái hoa hải đường. Hồi lâu, không thể nín được, sinh nhìn thấy, bèn thẳng tới.

Lan thấy sinh, vội lui, đánh rơi một chiếc vòng vàng. Sinh lảng lạng bước tới nhặt lên. Bỗng thấy Xuân Hoa đến vườn sau, đi đi lại lại, vẻ như tìm kiếm vật gì. Sinh cười mà rằng :

– Nàng làm gì vậy, phải chăng có vật gì đánh rơi ?

Hoa thưa :

– Vừa rồi cô tôi đánh rơi một chiếc vòng vàng, bởi thế tôi đến đây tìm, chẳng hay tiên sinh do đâu mà biết được ?

Sinh rằng :

– Tôi có một chiếc dây, phiên nàng xem cho, có giống như chiếc vòng của cô chủ nàng chăng ?

(1) Ý nói đến khúc đàn *Phượng cầu hoàng* của Tư Mã Tương Như. Xem thêm Chú thích 2, tr. 416, cùng truyện.

Hoa xem kỹ hồi lâu rồi nói :

– Quả đúng là vật của cô tôi đánh rơi, tiên sinh bắt được ở đâu vậy ?

Sinh cười, rằng :

– Buồng thêu của khuê nữ với thư phòng của tôi ngăn cách, vậy mà nay chiếc vòng lại đến tay, không thể nói là không có duyên với nhau. Tôi có một bài thơ, phiên nàng dâng lên nương tử, thì chiếc vòng này lại trở về tay cô chủ của nàng.

Hoa thấy Sinh phong lưu tài mạo hơn người, hơn nữa chiếc vòng vàng còn ở trong tay chàng, không dám từ chối, bèn nhận thư về đệ trình Lan Nương. Lan mở xem, thơ rằng :

**Hoa viên nhất ngộ chí ư cầm (kim),
Hân mộ kiều tư tưởng mộng thâm.
Địa viễn hữu hoài cầu phượng chí,
Tường cao vô lộ phổng tri âm.
Sơn đầu dĩ quái tam canh nguyệt,
Án hạ không dao nhất khúc cầm.
Huê thủ hà thời song thưởng tuyết,
Ngoạ vân hiên hạ nhất đàm tâm ?**

*(Từ phen kỳ ngộ giữa vườn hoa,
Mộ vẻ yêu kiều trộm nhớ là...
Dặm thẳm như lòng toan kiếm phượng,
Tường cao không lối đến nghe ca.
Đầu non đêm vắng ba canh nguyệt,
Bên án đàn sông một khúc hòa.
Biết đến ngày nào cùng thưởng tuyết,
Giãi bày tâm sự dưới hiên hoa ?)*

Lan xem xong, hỏi Hoa rằng :

– Em ở dưới thấy thế nào ?

Hoa thưa :

– Chàng này xem ra tài hoa rất mực, văn từ diễm lệ, quả đáng gọi là văn chương Ban Mã⁽¹⁾, phong nguyệt Trương Hàn⁽²⁾. Em thấy cô văn tài siêu việt, gần đây chẳng gặp người xướng hoạ, chi bằng hãy đáp lại một bài thơ, âu cũng là một phen kỳ ngộ tao phùng vậy.

Lan cho là phải, bèn vẩy tay trên mảnh hoa tiên màu hồng đào, họa một bài thơ rằng :

**Phương tâm cánh thử tích nhi cầm (kim),
Tú khốn hương khuê khả vị thâm.
Nhật thính ngọc sinh anh vũ ngữ,
Dạ văn kim ốc suất thiên âm.
Tuy phong tài tử thành long bút,
Khảng thính Trường Khanh Lục ý cầm.
Kỷ ngữ thư phòng liêu tịch khách,
Mạc hoài phong nguyệt quán phương tâm !**

*(Xưa nay gìn giữ một lòng hoa,
Sâu kín hương khuê giấu rủ là...
Sinh ngọc ngày nghe lời vệt nói,
Nhà vàng đêm lắng khúc ve ca.
Còn chờ tài tử tay tiên bút,
Há để Trường Khanh⁽³⁾ khúc nhạc hòa.
Nhấn khách thư phòng hieu quạnh ấy,
Chớ đem phong nguyệt gán lòng hoa !)*

Thư viết xong lại sai Hoa đưa cho sinh.

(1) Ban Mã : tức Ban Cố (32 - 92) và Tư Mã Thiên (145 - 86 tr. CN), hai sử gia lỗi lạc thời Hán.

(2) Trương Hàn : Trương tức Trương Quán Thụy, nhân vật chính trong tác phẩm *Hội chân ký* và *Tây sương ký*. Xem thêm Chú thích 1, tr. 361, truyện *Cuộc gặp gỡ kỳ lạ*, số 153, cùng tập .

(3) Trường Khanh : tức Tư Mã Tương Như. Xem Chú thích 2, tr.416, cùng truyện.

Sinh mở xem rồi bảo Hoa rằng :

– Cô chủ nài tài mạo song toàn, thật là bậc kiệt xuất trong nữ giới, nay xin bái hoàn vật rơi cho chủ cũ. Nhưng tiểu sinh tôi lại có bài thơ vịnh về, dám phiền nàng đệ chuyển, nếu được đoái trông thì Hàn Vương tôn sẽ không phụ ơn Phiếu Mẫu⁽¹⁾, sẽ có hậu tạ.

Hoa nhận lời, sinh bèn đưa thơ cho Hoa và dặn rằng :

– Nàng là người thông minh, xin hãy giúp chu toàn cho kẻ sấu khách, đừng để cho cá khô phải mòn mỏi chờ nước.

Hoa gật đầu, rằng :

– Há dám phụ lời uỷ thác của công tử sao ?

Bèn đem vòng và thơ trình lên.

Lan mở xem thấy trên đó viết rằng : “Từ khi được thấy dáng kiều thơm, vô cùng ngưỡng mộ, kính đề một bài thơ vịnh về, xin may mắn được ban cho giai âm :

**Hoa tiên tự kiến nữ trung anh,
Tâm tưởng y hy mộng bất thành.
Thúy bút dao đề thi nhất luật,
Tàn hồng không chiếu nguyệt tam canh.
Kim hoàn nhất ngoạn tâm như thị,
Ngọc trân tần chám túy vị tình.
Bất giác giai nhân thanh miện phủ ?
Hốt linh Tư Mã thán vô tình.**

*(Trước hoa từ gặp được tài anh,
Dạ nhớ đình ninh, mộng chẳng thành.
Bút thúy xa đề thơ một bức,
Đèn tàn sương rọi nguyệt ba canh.
Vòng vàng ngắm ngĩa, sấu trong dạ,
Chén ngọc say sưa chuốc dưới màn.*

(1) *Phiếu Mẫu* : người đàn bà giặt vải. Hàn Vương tôn tức Hàn Tín (? - 196 tr. CN) người đất Hoài Âm cuối đời Tần, sau giúp Lưu Bang làm nên nghiệp lớn. Hàn Tín khi hàn vi thường được bà Phiếu Mẫu cho cơm ăn. Sau khi thành danh, Tín mang ngàn vàng đến để tạ ơn.

Có lọt mắt xanh người đẹp ấy ?

Riêng chàng Tư Mã⁽¹⁾ thở than tình).

Lan xem xong, đặt xuống lại cầm lên mấy lần, bèn thở dài một tiếng, bảo Hoa rằng :

– Lời văn đẹp dễ, điệu khúc mới lạ, quả là hoa lan hoa huệ của thời nay. Muốn không theo lời, thì tâm thần ta đã bị chàng đoạt lấy, nếu muốn dễ dãi nghe theo thì e rằng mặt dày xấu hổ khó coi. Kể hay lúc này, em thấy thế nào ?

Hoa thưa :

– Công tử họ Triệu nhân vật hiền ngang, văn chương diễm lệ, tương lai nếu như lên cửa Kim Mã⁽²⁾ chắc chắn tên chiếm bảng vàng, chàng không thể ở mãi dưới mọi người. Xét tài mao của nương tử quả là tài tử giai nhân, nương tử là người thông minh biết tự mình làm chủ, nếu có điều sai bảo thì kẻ tôi tớ sẽ không tiếc sức mọn để toại điều ước hẹn Tấn Tần.

Lan cho là phải, bèn họa một bài Đường luật. Hoa lĩnh lấy đem đi, ra đến vườn sau lớn tiếng gọi.

Sinh nghe tiếng vội ra, thấy Hoa bước tới đưa cho sinh mà nói rằng :

– Xin lang quân hãy xem kỹ, trong thơ ý vị ra sao.

Thư rằng :

Chàng khí tiết như tùng trúc, phong tư thẹn liễu bồ, tài lang không nở bò, bút mực tỏ chung tình. Thiếp nay dám xin họa lại văn thơ đẹp của chàng, mong chàng xem xét :

Lam Kiều nhất tiểu ngộ Vân Anh,

Hữu chí tu tri sự cánh thành.

Thư thất hoa tiên huy noãn bút,

Hương khuê đăng ảnh chiếu hàn canh.

Thi đề phần chỉ quân như túy,

Nguyệt chiếu sa song thiếp dĩ tình (tĩnh).

(1) *Tư Mã* : Xem Chú thích 2, tr. 416, cùng truyện.

(2) *Cửa Kim Mã* : là nơi tuyên chiếu trong cung ; cũng dùng chỉ nơi triều đình, quan thự nói chung.

**Hữu nhật khả hài phi điều thương,
Hoa viên tài tử mạc thương tình.**

*(Lam Kiều từ buổi gặp Vân Anh⁽¹⁾,
Có chí rồi ra việc sẽ thành.
Phòng sách tờ hoa nồng mấy nét,
Buồng khuê đèn hạnh lạnh năm canh.
Chàng say thơ vịnh tay vung bút,
Thiếp tỉnh song the nguyệt đợi mình.
Duyên đẹp hẹn ngày tung cánh phượng,
Xin đừng rầu rĩ héo hon tình !)*

Sinh gượng bảo Hoa rằng :

– Xin đa tạ. Nàng hãy về rồi ngày mai lại đến đây, tôi sẽ có lời.

Sinh bèn làm một bài thơ Đường luật để tự an ủi :

**Nhất đồ trang đài loạn thốn tâm,
Hà kỳ kim nhật ngộ tri âm.
Loan thanh hữu nhật đàn thanh lượng,
Bất phụ xuân tiêu nhất khúc cầm.**

*(Mất thấy giai nhân, dạ rối tơ,
Tri âm được gặp, có ai ngờ.
Mai ngày vang tiếng loan cầm ấy,
Chẳng phụ đêm xuân khúc nhạc đưa).*

Hôm sau Xuân Hoa lại đến, sinh bèn bảo :

– Tôi có một bài từ, lại phiền nàng chuyển đệ giúp cho. Phiền nàng nói thêm rằng tôi nương thân ở đây chẳng phải là không có nhà. Từ phen ngoài tường nhìn thấy bóng dáng người thơm, chợt nảy ý muốn vin hoa, hên liểu

(1) Tương truyền Bùi Hằng đời Đường từng gặp được nàng tiên Vân Anh tại Lam Kiều. Lam Kiều nay thuộc huyện Lam Điền, tỉnh Thiểm Tây, Trung Quốc. Xem thêm Chú thích 1, 2, tr. 322, truyện *Cuộc gặp gỡ kỳ lạ*, số 153, cùng tập.

nghe tiếng nói cười, may được kết bạn đề thơ. Dẫu rằng hai nơi chẳng có mối manh nghĩ cũng là duyên nợ ba sinh. Hiềm đã gửi hai thư nhưng chưa được nói nửa lời. Kể lữ tình này không thể nào quên tình cho được. Xin nàng chuyển đệ hoa tiên cho tiểu thư rằng nghìn mối ngổn ngang nhìn vào trong đó.

Hoa bèn nhận lấy bài từ ra về, đem lời sinh nói thưa lại với Lan. Lan bèn mở bài từ ra xem :

**Nhất đồ kiều tư trường dục đoạn,
Mãn xoang tâm sự dữ thù bi ?
Thiên tư vạn tượng ước giai kỳ,
Viên trung hoa như cảm,
Nguyệt hạ khách như si.
Ngã dục tương tâm thư vị tố,
Đệ hoài nhất thử tân thi,
Khách tình vô liễu bội thê kỳ.
Đân nguyện hoa tiên nhất thoại,
Giải ngã thôn tâm bi.**

(Lâm giang tiên điệu)

*(Từ gặp kiều thơm toan dứt ruột,
Một bầu tâm sự ngổ cùng ai ?
Ngàn tư vạn tượng ước duyên hài,
Trong vườn hoa như cảm,
Dưới nguyệt khách như ngây.
Những nỗi tâm thư chưa tỏ hết,
Gửi bài thơ mới tả tình hoài,
Khách tình vô liễu thật bi ai.
Ước nguyện một lời hoa ấy,
Giải tỏ nỗi lòng này).*

Lan xem xong chỉ mỉm cười không nói.

Hoa thưa rằng :

– Triệu công tử là bậc tuấn kiệt trong kẻ sĩ, còn tiểu thư là bậc anh hoa trong nữ nhi. Một khi đã yêu nhau thì thật có thể tương thân, không thể chấp nê để trở ngại cái chí anh hùng.

Lan rằng :

– Lời em cũng rất có lý, nhưng vì trộm ngọc cắp hương thì không phải với điều răn dạy của gia đình, mà vén mây gạt mưa cũng chẳng phải việc làm của người thực nữ. Nếu cửa đóng then cài để tuyệt đường đi lại bướm ong, thì về danh nghĩa được đấy nhưng đối lòng quân tử ra sao ? Nếu nhất ý vâng theo để đáp lại lòng chàng thì lời gia huấn ra sao ? Chính đó là điều khiến ta tiến thoái lưỡng nan, phiền em góp một lời bàn.

Hoa thưa :

– Người ta quý ở trinh liệt, danh nghĩa sở truyền, thiệp không dám nói. Người con gái sinh ở đời, hồn gửi trăng hoa thì tình hoài phong nguyệt, người ta đều có. Công tử họ Triệu tài cao, quả là báu vật trên đời, còn tiểu thư nhan sắc hơn ba ngàn phi tần, ngọc còn đợi giá, há chẳng phải quý giá duyên trời sao ? Người xưa yêu tài gửi phận, thiên cổ chẳng coi là vết, biết người biết của như nàng Văn Quân⁽¹⁾ người đời sau coi là duyên đẹp. Mà sao tiểu thư lại chấp nê như vậy.

Lan nghe lời Hoa bèn viết một bài từ trao cho Hoa và dặn rằng :

– Em hãy thưa với Triệu công tử rằng cô tôi xin vâng mệnh công tử.

Hoa bèn nhận lấy bài từ rồi lui ra đưa cho Triệu sinh mà nói :

– Trong bài từ, cô tôi xin vâng mệnh công tử.

Sinh mừng rỡ bóc ra xem. Bài từ của Lan viết :

Thư thất liêu dao vi hoài,

Lang quân xuân mộng túy.

Nhật chiếu hồng song,

Hương khuê nhân lãn khí (khởi).

Cầm trướng xuân hàn,

Đổ quyền thanh đáo nhĩ.

(1) Văn Quân : tức Trác Văn Quân, người vì cảm tài tình của Tư Mã Tương Như nên bỏ nhà trốn theo. Xem Chú thích 2, tr. 321, truyện *Cuộc gặp gỡ kỳ lạ*, số 153, cùng tập.

**Cô khám lý,
Bàng hoàng tư bĩ.
Nhàn hương xuân lan,
Ỗ song đàn thuần nhuế.**

*(Phòng khách nơi xa nao lòng,
Say chàng xuân mộng ấy.
Nắng đợi song hồng,
Buồng hương em biếng dậy.
Trường gấm xuân hàn,
Tiếng quyên ca khắc khoải.
Chăn trống trái,
Mơ người trai ấy.
Nhàn hương xuân lan,
Tựa song đàn thấm gầy).*

Cuối trang có một câu thơ cổ :

**Kim tịch hương phòng xuân bất tỏa,
Nguyệt di hoa cận ngọc nhân lai.**

*(Đêm nay phòng hương xuân chẳng khóa,
Trăng nhích hoa gần, người ngọc sang).*

Sinh xem xong bài từ, mặt mày hớn hờ, hận một nỗi không thể đẩy mặt trời đến Hàm Châu, dựng Thanh Quang nơi Thạch Thất⁽¹⁾. Thế rồi hoa đỏ hàm tiếu, cây xanh thưa tiếng, sinh sửa sang quần áo rồi vượt vườn sau mà vào. Đã thấy Xuân Hoa đứng đợi, cười bảo sinh rằng :

– Chờ đợi đã lâu rồi.

Đoạn dẫn sinh đến phòng Lan. Bấy giờ Lan đang tựa bức bình phong mà ngồi, thấy sinh đến vội đứng lên chào :

– Chàng đã đến đây.

(1) Ý nói hận vì không thể khiến thời gian qua nhanh hơn.

Sinh cười, rằng :

– Vâng lệnh đến !

Lan liền mời sinh ngồi và nói :

– Từ phen được thấy mặt ở ngoài tường, tự nhủ rằng bỏ liễu phận thường, không đáng để tài tử nhớ đến. Nào ngờ chàng vẫn không quên, ban tặng giai âm khiến chốn phòng the u tình không bày tỏ được. Toàn khóa chặt mấy lần cửa để tỏ lòng trinh liệt nữ lưu, chỉ e rằng uống công đi lại thêm phiền lòng công tử, mà cam đi đến lời hẹn ước “trên Bộc trong dâu⁽¹⁾”. Xin quân tử hiểu cho.

Nói đoạn cùng sinh rót rượu đối ẩm.

Sinh nhiều lần liếc nhìn thấy nàng hai má hoa đào, đôi mày lá liễu, hơi men ngáy ngất khác nào Dương Phi⁽²⁾ đón gió đông nơi Trầm Hương đình. Bấy giờ, Triệu công tử trong lòng ngáy ngất, thần tứ phiêu diêu, hồn phách khác nào trong mộng, bèn đặt chén xuống bàn mà nói :

– Đêm đã khuya, rượu đã say. Ý xuân sao mà thúc giục trong lòng người vậy !

Lan thưa :

– Ai mà không nghĩ, mong được chung tình. Song chưa từng nghe, quân tử sao mà nóng vội như vậy.

Sinh nói :

– Tưởng từ phen gặp gỡ ở vườn hoa, tình dứt lòng sâu, tự nhủ rằng phận học trò nghèo ít lộc, không thành được chí bình sinh. Nào ngờ một bài thơ vụng may mà được lọt mắt xanh, lên thêm yết kiến tiên nga, thật lấy làm may mắn vô cùng. Dâu dấm đem lòng trắng gió ra điều vén mây gạt mưa. Nhưng nghĩ rằng Thất Sơn⁽³⁾ tụt tay, chẳng đủ để gọi tình hoan ái.

(1) *Trên Bộc trong dâu* : trong ruộng dâu bên sông Bộc là nơi trai gái tự tình. Đây ý nói tự ý quan hệ với nhau.

(2) *Dương Phi* : tức Dương Quý Phi tên thực là Dương Ngọc Hoàn (719 - 756) người đẹp đời Đường, ái phi của Đường Huyền Tông. Khi An Lộc Sơn khởi loạn, triều đình rút chạy, bà bị giết ở Mã Ngôi (756).

(3) Chưa rõ điển tích.

Lan rằng :

– Lời quân tử nói cũng phải. Song sợ rằng gương vỡ rồi không sao chắp cánh lại, trăng khuyết đi không thể lại tròn, thì đã hợp duyên ương e chẳng phải kể sách lâu dài. Xin chàng hãy gác chuyện mây mưa mà bắt chước Tống Ngọc, Trường Khanh⁽¹⁾, thì chàng sẽ được là bậc anh hoa trong kẻ sĩ mà thiếp cũng không thẹn là anh kiệt nữ nhi. Còn nếu như sau lúc vâng mệnh chàng, mà đại nhân chẳng chịu, mẹ già lại ụng nơi khác, còn chàng phong tư đa tình thì chốn phòng thêu khiến ai luống quay đầu than thở. Lúc đó há chẳng phiền não lòng người lắm sao ?

Sinh rằng :

– Ôi ! Sao lại nói vậy ! Sinh con trai thì mong dựng vợ, sinh con gái thì mong gả chồng, đó là chí tình của cha mẹ vậy. Nay nàng đã đến tuổi cập kê mà chưa ước hẹn Châu Trần⁽²⁾, tôn ông chẳng được kén Đông sàng⁽³⁾ hay sao ? Tôi nay đã tuổi cập quan⁽⁴⁾, chưa từng phối hợp. Dầu chẳng có tài bảy bước, học năm xe, nhưng Doanh Châu⁽⁵⁾ có lỗi, Quảng Tổ⁽⁶⁾ không xa, cũng là hợp với điều kén chọn của tôn ông. Vạn nhất mà trời chẳng chiều người, việc đôi lứa chẳng thành, thì tôi quyết làm kẻ tội đồ Câu Tiễn, khiến nàng làm người đàn bà kiều bạc. Văn Quân quyết nhịn Chu Diên Chương khiến Kiều Loan khỏi mối trường hận trăm năm⁽⁷⁾. Xin nàng chẳng phụ thanh xuân khiến kiêu hà ý ngọc thì tơ hồng có ý, lá thắm đa tình, trời xanh thăm thăm trên cao quyết không phụ cuộc đời bé nhỏ.

Lan cúi đầu mỉm cười rằng :

– Lời quân tử khéo thổ than khiến ai cũng rầu lòng đứt ruột !

(1) Xem Chú thích 1, tr. 415 và Chú thích 2, tr. 416, cùng truyện.

(2) *Châu Trần* : xem Chú thích 2, tr. 323, truyện *Cuộc gặp gỡ kỳ lạ*, số 153, cùng tập.

(3) *Đông sàng* : giường phía Đông. Đây chỉ con rể.

(4) *Cập quan* : có lẽ là chữ “cập môn” chép nhầm. *Cập môn* : đến tuổi vào trường thụ nghiệp.

(5) *Doanh Châu* : xem Chú thích 1, tr. 359, truyện *Cuộc gặp gỡ kỳ lạ*, số 153, cùng tập.

(6) *Quảng Tổ* : chỉ cung Quảng Hàn, nơi ở của Tổ Nga, tức cung trăng.

(7) Đoạn này không rõ lấy từ điển nào.

Bên bảo Xuân Hoa thu dọn tiệc rượu, hai người cầm tay nhau sánh vai lên lầu vàng đến bên giường ngọc, vào màn thục được, trai gái hành xuân đến nơi giai hội.

Lan bảo sinh rằng :

– Thiếp đã say rượu lại mê hoa, chàng khá gọi là người trong rượu hoa đó.

Bên cười thất lung lựa ra, cùng sinh vào trong chăn gối. Trong khi giao hợp chỉ thấy sen vàng nửa rụng, mình ngọc sát kề, mắt lim dim mà dùi ngọc nhịp nhàng, hồn phiêu diêu mà lười như vừa nhú, lòng hoa mới biết má nghiêng như Hằng Nga giữa tháng, miệng đào ngậm thơm, mày chau như Tây Thi tám bệnh. Lan tuổi vừa lớn, ví như hạn lâu được gặp mưa dầm, sinh đã xa lâu khác nào như bướm gặp hoa xuân. Hai tình phiêu đảng như liễu biếc nồng say gió ấm, một ý phiêu diêu, như giọt sương đọng đầu hoa sớm. Quả là kỳ duyên trên đời, lạ thú trần gian hiếm có. Phút chốc mây vén sương tan, hai người đều sửa sang xiêm áo đứng lên.

Lan bảo sinh rằng :

– Thiếp là trinh nữ hương khuê, gia đình huấn dưỡng, những mong việc nhân duyên Vương Tạ⁽¹⁾, chẳng muốn gặp cảnh Thôi Trương⁽²⁾. Thấy quân tử phong lưu tuấn nhã, tài học thanh cao nên mới nảy sinh ý phiêu mai, cam lòng đến cuộc hội tang bồng. Nhưng thân này trao gửi cho chàng là chung thủy làm vợ chàng rồi. Xin chàng một đừng thiên lậu, hai đừng bỏ rơi, cho hương khuê khỏi phải ngoảnh đầu than thở thì thiếp thật đội ơn khôn xiết !

Sinh nói:

– Tôi may được mỗi tương ngộ này, như bắt được ngọc quý, làm sao có ý thiên lậu hoặc bỏ rơi được.

Thế là hai người lại kề đầu gác vế, chuyện trò tâm sự. Đồng hồ điểm giọt canh ba, Lan bảo sinh rằng :

(1) *Nhân duyên Vương Tạ* : hai họ Vương và họ Tạ thời Lục triều đều ở trong một vùng nổi tiếng danh gia thế tộc, con trai con gái chỉ kết duyên với nhau không lấy người họ khác.

(2) *Gặp cảnh Thôi Trương* : mối tình giữa Trương Quân Thụy và Thôi Oanh Oanh trong *Hội chân ký* về sau tan vỡ. Còn trong *Tây Sương ký*, hồi cuối hai người sum họp, tuy vậy có người nghi vấn đó là phần người sau thêm vào tác phẩm của Vương Thực Phủ.

– Thiếp từ nhỏ đọc sách, theo đòi việc bút nghiên, xin chàng làm phú làm thơ, thiếp xin phụng họa như chuyện Hồi Sinh, Quỳnh Thử⁽¹⁾ cũng là một cuộc kỳ ngộ trong số phận.

Sinh bèn đề một bài thơ :

**Tàn bộ hoa nhai đáo Bích Câu,
Dao chiêm tố nữ, ám tình sầu.
Hán nhiên đề cảm truyền kim ốc,
Kịch nhĩ thùi thanh túy ngọc lâu.
Bách kế khả kỳ tiên dĩ liệu,
Tam sinh hữu hạnh cánh lai cầu.
Thử hoan thử lạc chân vô tỷ,
Vương Tạ phong lưu nhượng nhất đầu.**

*(Đạo bước đường hoa đến Bích Câu,
Xa nhìn tố nữ đã thâm yêu.
Gấm đề hoan hỷ nơi kim ốc,
Bồng được say sưa chốn ngọc lâu.
Bách tuế nên duyên đã liệu trước,
Ba sinh có phúc được sang cầu.
Nường này hoan lạc không gì sánh,
Vương Tạ phong lưu cũng cúi đầu).*

Thơ thành, Lan đáp :

– Thơ chàng diễm lệ thơm tho, thực đáng bậc Đông Pha⁽²⁾ thái công. Tiệp thiếp chữ nghĩa kém cỏi chỉ đáng làm trò cười.

Nói xong, liền họa :

**Bất bả hồng liên phóng ngự câu,
Thử gian khước bị hữu tình sầu.**

(1) Đây là các nhân vật trong tập *Quốc sắc thiên hương* của Ngô Kính Sở.

(2) *Đông Pha* : tức Tô Thức (1036 - 1101) nhà thơ, nhà văn, từ gia, thư pháp gia nổi tiếng thời Bắc Tống.

**Ân ân thí tống thiên hàng tự,
Nghị nghị sáu oanh bách xích lâu.
Loan phượng tảo hải quân thị hạnh,
Uyên ương dã hợp thiếp phi cầu.
Thủy chung dân nguyện tâm thường nhất,
Mạc sử thâm khuê thán bạch đầu.**

*(Không thả sen hồng chốn ngự câu,
Nơi đây có kẻ trộm tình yêu.
Ái ân thơ tặng ngàn hàng chữ,
Vương vấn sáu dăng trăm thước lâu.
Loan phượng hải duyên chàng những ước,
Uyên ương dã hợp thiếp không cầu.
Mong chàng giữ trọn lòng chung thủy,
Chớ để phòng khuê luống bạc đầu).*

Thơ xong, sinh khen rằng :

– Nhan sắc át cả Tây Thi⁽¹⁾, tài cao hơn nàng họ Trác⁽²⁾, quả là bậc anh tú chốn hương khuê.

Bền cùng nhau cười nói cho đến tận canh năm, sinh mới từ biệt ra về, sinh bảo Lan rằng :

– Ngày mai lại đến.

Lan rằng :

– Nô tỳ đông như kiến, đầy tớ nhiều như mây. Nếu tiện, thiếp sẽ sai Xuân Hoa mời chàng, nhất thiết đừng nên vội vã, để khỏi chui vào bụng cá.

Sinh nói :

– Xin vâng lời dạy.

Cáo từ ra về.

(1) Tây Thi : (506 tr. CN - ?). Xem Chú thích 1, tr. 336, truyện *Cuộc gặp gỡ kỳ lạ*, số 153, cùng tập.

(2) Túc Trác Văn Quân. Xem Chú thích 2, tr. 416, cùng truyện.

Từ đó tình ý hai bên càng sâu nặng.

Lại nói Kiều công, tuổi già quá tuần biết mệnh trời, thấy con gái tuổi đã cập kê, trong lòng chăm chăm nghĩ điều kén rể, bèn ra bài sách văn để tuyển. Bao nhiêu sĩ tử bốn phương nghe tin đều đến dự khảo, viết nên những lời cảm tú đầy thiên, ngọc cơ nặng quyển. Kiều công thấy vậy mừng lắm. Đến ngày phát quyển bèn gọi sinh mà bảo rằng :

– Công tử áp ủ chí kinh luân, tương lai hẳn sẽ là bảo bối của quốc gia, chẳng hay tôn ông ở nhà đã có hẹn ước Châu Trần hay chưa ?

Sinh thưa :

– Nhà tiểu sinh vốn dòng dõi trăm anh, nếp nhà thi lễ, nếu có vin cành thế hoa, e có phương hại đến công phu đèn sách. Cho nên hãy tạm hoãn kỳ hoa chúc để dành năm tháng song mây.

Kiều công nói :

– Công tử thanh niên tuấn nhã, tài học thanh cao, có thể so với Hiệt Tu, Từ Kiến⁽¹⁾. Ý lão phu muốn lưu công tử ở trong hàn xá này đọc sách. Nếu như một mai công tử được cưỡi ngựa dạo phố hoa, tên truyền trên điện ngọc thì lão phu cũng được chia niềm vinh dự.

Sinh nghe nói mừng thầm, thưa rằng :

– Tiểu sinh học chẳng được như Yến Bình, tài chẳng như Văn Thủy⁽²⁾, đâu dám ước mơ như vậy. Nhưng may được lão ông thương yêu, mở cho con đường tiến thân, há dám không vâng mệnh.

Kiều công cả mừng, bèn lệnh cho gia đồng quét dọn hiên mai để làm nơi đọc sách.

Sinh từ ngày ở trong nhà Kiều công, lấy chữ hòa đối đãi với tôi tớ, lấy lễ thờ người trên, rõ ra phong thái người quân tử. Kiều công trong lòng rất mực yêu mến, dầu trước mặt đại phu hay hai kiểu cũng thường tỏ ý mong chàng thành mỹ khí quốc gia, song việc kén rể thì tuyệt chưa từng nhắc tới.

(1) Ý nói có tài học, không khác những danh tài kiểu Tào Tử Kiến, tức Tào Thục (129 - 232), nhà thơ nổi tiếng, con thứ Tào Tháo khi xưa. *Hiệt Tu* chưa rõ là người nào.

(2) Ý nói mình không có tài năng xuất chúng, không có khả năng khuông phò xã tắc như Yến Bình tức Yến Anh (? - 500 tr. CN), Tế tướng nước Tề thời Xuân thu. *Văn Thủy* chưa rõ là người nào.

Còn sinh từ sau khi đến đó, tin tức chưa hề thông tỏ mấy may, lòng vẫn nhớ tới đêm nao khoái lạc.

Lan sai Xuân Hoa mời sinh. Sinh đến, Lan nói :

– Chàng có biết ý cha em giữ chàng ở đây không ?

– Không.

– Thiếp nay vừa lớn, cha thiếp chăm chăm một điều kén rể, chẳng phải một sớm một chiều. Nhưng nhiều lần ra đề mà chưa chọn được tài cao, lòng vẫn buồn rầu. Từ sau khi xem văn từ của chàng thì vui mừng thư thái, niềm vui hiện lên nét mặt. Nay người giữ chàng ở đây chính là cái kế tìm đông sàng đó, há chẳng phải hai phen kỳ ngộ mà được mối duyên lành hay sao.

Sinh nói :

– Quả thật như vậy thì điều nói rằng ta đã trúng ý tôn ông kén chọn không phải là điều đồn đại suông.

Lan chưa kịp đáp bỗng thấy Hoa báo rằng :

– Huệ Nương đã đến.

Sinh bèn lánh vào sau bức bình phong.

Huệ vào, Lan bảo rằng :

– Gió hiu hiu, trăng trong vàng vạc, đang muốn nói chuyện phiếm một lúc cho khuây niềm hiu quạnh, vừa hay em đến đây thật trúng với điều ta mong muốn.

Huệ nói :

– Trăng trong gió mát, đêm đẹp thế này vì sao mà có ? Hãy tạm làm Vân Hiên⁽¹⁾ đối nguyệt vậy.

Lan nói :

– Vân Hiên đối nguyệt, sao lại không có Ngô Nhữ Ngọc⁽²⁾ ?

(1) *Vân Hiên* : hiên trong nhà Loan, Phượng, thuộc truyện *Tám phương nhĩ tập*.

(2) *Ngô Nhữ Ngọc* : tức Ngô Đình Chương (tự là Nhữ Ngọc), nhân vật nam phong lưu trong truyện *Tám phương nhĩ tập*.

Huệ nói :

– Nếu có Nhữ Ngọc thì em không chịu đến đây.

Nói đoạn, Huệ bàn :

– Ánh trăng vàng vặc, khí thơm phưng phức, chị em mình có thể ngâm một bài thơ để ghi lại cảnh đẹp đêm nay.

Lan vịnh nguyệt, Huệ vịnh hương. Thơ rằng :

**Ái đệ lô tiên khí khả nhân,
Mãn đình hà xứ bất nhân uân.
Y hy ký đắc Văn Hiên sự,
Loan phượng hà tăng giảm khước xuân.**

*(Nghỉ ngút lò xông khí tuyết trần,
Hương thơm phưng phức tỏa đầy sân.
Văn Hiên chuyện cũ còn môn một,
Loan phượng đâu từng giảm ý xuân).*

Thơ Huệ đọc xong, Lan nói :

– Hay lắm ! Thơ vịnh nguyệt của chị không thể nào theo kịp trong muôn một.

Bèn cầm bút viết rằng :

**Hạo nguyệt đương không nhất giám phù,
Thiên sơn vạn thủy nhất luân thu.
Hà nhân tại hạ dao cầm tấu,
Tĩnh dã du du tứ dã du.**

*(Giữa trời vàng vặc tấm gương treo,
Muôn núi ngàn sông thu hết vào.
Ai ở dưới trần đàn dạo nhạc ?
Tĩnh mênh mông rộng, tứ thâm sâu).*

Thơ Lan ngâm xong, Huệ cười nói :

– Giá như Hoàng triều mở nữ chế khoa⁽¹⁾, thì chị em mình mong sẽ tranh tiêu đoạt gấm, em cùng chị lên Doanh Châu, sẽ làm cánh nam tử thời nay phải hổ thẹn đến chết.

Đoạn rồi từ biệt Lan mà trở về phòng. Lan bèn cùng sinh đối ẩm, đem hai bài thơ hương, nguyệt ra nhờ sinh nhuận sắc.

Sinh nói :

– Đẹp thay. Đủ mọi vẻ hay rồi. Xem thơ khúc điệu thanh tân, thật là tuyệt cú Lương Can⁽²⁾. Thế gian có bậc nữ anh hùng như vậy sao ? Tư dung kiêu diễm, thật là nàng Mỹ Cơ thành Dương⁽³⁾. Thế gian có bậc quốc sắc như vậy sao ? Ở lại khiến người ta yêu, rời đi khiến người ta sầu não, khiến thần tử ta bay vượt không sao tự giữ được. Người con gái ấy, nếu được may mắn cùng nàng xương họa, thì kiếp sống này chẳng đến nỗi uổng hoài. Tôi nay được đất Lũng rồi lại ngóng sang đất Thục⁽⁴⁾, nên thế nào đây ?

Lan thưa :

– Như chàng, có thể gọi là đa tình vậy.

Sinh nói :

– Tôi từ được thấy hai nàng đều đã chú ý. Thấy mặt tướng đào, bởi có lòng này nên mới được kết tóc cùng phương khanh. Mà nay lại nhớ đến ai, quả là dám vượt phận mình mà cầu ước viễn vông vậy. Song thần trí tôi đã bị ai tước đoạt mất rồi, xin nàng giúp cho một mưu kế lạ để cứu lấy giấc mơ tàn cho tôi.

Lan đáp :

– Chàng đã tự coi là Tô Thuấn⁽⁵⁾, thiếp há dám không tự mình xử sự như Chính Khanh⁽⁶⁾ hay sao ? Nhưng chỉ e chàng được cá quên nôm, được thỏ quên móng đó thôi.

Sinh nói :

(1) *Chế khoa* : khoa thi, khác với thường khoa, là khoa thi mở theo định kỳ, chế khoa là khoa thi mở một cách bất thường, còn gọi là ân khoa.

(2) *Lương Can* : chưa rõ.

(3) Chưa rõ.

(4) Ý nói đã được người nọ lại muốn chinh phục thêm người kia.

(5), (6) Chưa rõ.

– Nếu ngày sau mà có lòng nào thì sao tránh khỏi trời sai sét đánh. Xin nàng hãy vì tôi mà tác thành công việc.

Lan thưa :

– Cô này tính vốn kiên trinh, luôn theo lẽ nghĩa, chưa dễ mà tính chuyện ngay được. Nhưng có cô hầu yêu tên là Thu Nguyệt, tính tình cô chủ ra sao Nguyệt đều biết rõ. Nếu như có thể dùng kế lôi kéo được Nguyệt thì cũng có cơ gặp được Huệ. Vậy chàng chớ nên nóng vội, e việc không thành.

Sinh cả mừng, đưa tay vuốt ve Lan mà nói rằng :

– Nàng hết lòng vì tôi như vậy, có thể gọi là con người hữu tâm đó.

Bèn kéo Lan vào lòng, một tay kéo đùi nàng, tay kia mân mê đôi vú cười mà bảo rằng :

– Tuyệt thật, vừa mềm vừa ấm, hết như thịt đầu gà.

Lúc này Lan cũng đã động tình bèn cùng sinh vào màn, cùng nhau giao hoan.

Lan với sinh từng đã tương tri, chẳng còn vẻ ngượng ngùng e lệ, mà hai tình gắn bó keo sơn mật thiết, một ý phiêu diêu như gió chuyên cành liễu. Xưa còn chút ngại ngùng bẽn lẽn, nay rất mực da diết yêu kiều. Mãi đến khi khắc lậu chuông vang mới tan cuộc mây mưa, bèn cùng ôm nhau như uyên ương chụm đầu. Tiêu lâu vang lên năm tiếng mới từ biệt ra về.

Sinh lại dặn Lan rằng :

– Xin nàng ghi khắc vào lòng, chớ nên lần lữa để phụ nỗi trông mong của kẻ du tử.

Lan rằng :

– Xin lĩnh mệnh chàng. Chàng nên tùy cơ mà tiến, đợi thời mà hành động, không thể nóng vội.

Sinh đáp :

– Xin vâng lời dạy.

Bèn sai Xuân Hoa tiễn sinh ra về. Đến giữa vườn xuân, Xuân Hoa vỗ vào lưng Sinh mà nói :

– Công tử thật là vô tình lắm, nếu không có em thì công tử làm sao biết được chốn này.

Sinh biết Hoa có tình ý với mình bèn đáp :

– Không phải Ngụy Vô Tri⁽¹⁾, bẽ tôi sao dám tiến. Ta phải lấy lễ thành liên báo đáp Vân Anh⁽²⁾ mà báo đáp nàng vậy.

Hoa thưa :

– Không dám.

Sinh cười rằng :

– Nói rằng không dám nhưng vốn lòng đã sẵn nguyện.

Bèn dắt Hoa đến giường, cùng nhau hoan lạc. Khi ngắt hái nụ hoa, rõ ràng lại được thêm một gái đồng trinh nữa.

Từ đó, phàm đi đứng nằm ngồi, Sinh chẳng lúc nào không mơ tưởng Huệ Nương. Tình ý nhớ thương, giải bày trong những vần thơ. Xin tạm thuật dưới đây một vài bài :

Bài 1 : *Thịnh hoài*

Thê phong tứ khởi dạ điều điều,

Lăn yểm trai phi oán tịch liêu.

Nghĩ hương Đào Nguyên tiên tử vấn,

Ngọc kinh hà xứ thị Lam Kiều ?

(Đêm dài vắng dặc, gió dịu hiu,

Biếng thả rèm thưa, oán tịch liêu.

Muốn hỏi nguồn đào⁽³⁾ tiên nữ ấy,

Ngọc kinh đâu tá chốn Lam Kiều⁽⁴⁾).

(1) *Ngụy Vô Tri* : người đã tiến cử Trần Bình cho Lưu Bang, sau Bình làm đến Thừa tướng nhà Hán.

(2) Có lẽ là Xuân Anh, thị nữ của Loạn Nương trong truyện *Tám phương nhĩ tập*, người đã giúp Ngô Đình Chương chinh phục cô chủ của mình, sau được Ngô Đình Chương thương đến.

(3) *Nguồn đào* : xem Chú thích 2, tr. 397, truyện *Mình ngọc biển đào*, số 154, cùng tập.

(4) *Lam Kiều* : xem Chú thích 1, 2, tr. 322, truyện *Cuộc gặp gỡ kỳ lạ*, số 153, cùng tập.

Bài 2 : *Thơ năm chữ*

Nhất đồ kiêu kiêu mạo,
Phương tâm bất tự trì.
Sầu lai điều dĩ một,
Muộn trực yến sơ quy.
Ỗ kỷ trường tá nguyệt,
Bằng loan đoản thán phi.
Tam thiên tần nhiều mộng,
Hà nhật tự giai kỳ ?

(Từ được nhìn người đẹp,
Khôn kìm nổi dạ này.
Sầu về chim đã chết,
Muộn đuổi én mau bay.
Tựa kỷ, than cùng nguyệt,
Bên hiên, thơ với mây.
Trời xa vương vấn mộng,
Ước hẹn ngày nào đây ?)

Bài 3 : *Trường đoản cú*

Tứ cố thiên đề mạc cảm thù,
Hàn mai phong nhiều tuyết phi phi.
Sầu ngộ trung thu lai,
Phương tâm liêu loạn.
Tâm liêu loạn hoàng hôn tịch tịch thì,
Liêm tiên thặng hữu yến sơ quy.
Yến sơ quy thì tâm tự túy,
Tâm tự túy hề ý như si.
Nguyệt tác tử dục dữ liên chi,
Mạc dao lương địa khổ tương ty (tư).

(Bốn phía trời buông trướng gấm phơi,
Mai gầy gió cuồn, tuyết rơi rơi.
Sầu gặp giữa thu về,
Lòng ta thêm rối.
Lòng thêm rối, hoàng hôn tịch mịch dài,
Bên rèm sót lại én về đây.
Én về đây mà lòng tự say,
Lòng tự say mà ta ngất ngây.
Xin được liễn cánh với liễn cây,
Chớ xui cách trở khổ lòng này).

Bài 4 : Bài từ điệu *Nam liễu tử*

**Viễn tự chung thanh hưởng,
Y hy mộng bất thành.
Du tiên thần nhiều dạ tam canh,
Yểm quyền trường ta đoán ức hoa sinh,
Quế thụ phiêu phiêu lục,
Trường không hao hao thanh.
Thu phong thu nguyệt thái vô tình,
Không bảo nhất xoang u hận,
Túy lao đình.**

(Chùa xa chuông vắng đến,
Mồn một, mộng không thành.
Phiêu diêu thần trí đã ba canh,
Gấp quyền, than dài thở ngắn,
Hoa sinh cây quế xanh mơn mớn,
Trời cao bát ngát xanh.
Đêm thu trăng gió quá vô tình,
Ôm một bầu sương niềm u hận,
Say tí một mình).

Phong phát phát,
Nguyệt dung dung.
Hoa xán xán,
Diệp trùng trùng.
Dạ điều điều,
Canh tịch tịch,
Tình liễu liễu,
Tứ dung dung.
Như tư tịch tịch thùy khả tố,
Ý lan vô ngữ oán đông phong.

(Hiu hiu gió,
Văng vặc trăng,
Hoa rục rỡ,
Lá trập trùng,
Đém mệnh mỏng,
Canh vắng ngắt,
Tình man mác,
Tứ mỏng lung.
Nỗi này hiu quạnh cùng ai ngổ,
Thâm lặng bên thêm, oán gió đông).

Một hôm dậy sớm, ngồi tựa lan can, thấy Thu Nguyệt tới thăm hoa hải đường.

Sinh nói :

– Hoa thu ngăn ngắt, khí lạnh ghê người, nàng hái hoa sao đến sớm vậy ?

Nguyệt im lặng một lúc rồi đáp :

– Muốn thì người khác sẽ hái mất.

Sinh nói :

– Gió sương rét buốt, không hề e sợ, tấm lòng yêu hoa của nàng quả là tha thiết.

Nguyệt nói :

– Bởi yêu quý làn hương thơm phức đó!

Sinh cười rằng :

– Làn hương thơm phức. Nàng chỉ biết người yêu hoa rục rĩ yêu kiều, riêng chẳng biết hoa cũng yêu người sao ?

Nguyệt nói :

– Hoa vô tình, làm sao có thể yêu người ?

Sinh nói :

– Làm sao có thể yêu hoa mà không yêu người được ? Vạn nhất có lòng yêu ấy thì nàng nghĩ thế nào ?

Nguyệt rẽ hoa mà đi.

Sinh làm nhanh một bài từ rằng :

**Vân hoàn bán chinh
Liên bộ khinh di
Hoa tiên nhất đổ Tây Thi,
Phương tâm bất tự trì.
Đạm thường Nga mi
Thu Nguyệt miến hề
Di linh du tử tình si
Hà xứ thị giai kỳ ?**

*(Tóc mây nửa búi
Gót sen rời đi
Trước hoa được ngắm Tây Thi,
Không nên được lòng này.
Hằng Nga nhạt nét mày
Thu Nguyệt đưa mắt
Khiến lòng du tử ngất ngây
Hẹn ước chốn nào đây ?)*

Hôm sau, Thu Nguyệt lại đến. Sinh nói :

– Hái lần đầu thì hoa còn nhiều, nhưng hái đến lần thứ hai thì hoa đã thưa, sao nàng lại không rõ điều đó ?

Nguyệt nói :

– Đã đành là hái lần thứ hai thì hoa thưa đi, song tự hoa cũng có thể từ thưa thớt trở nên chỉ chút.

Sinh nói :

– Ta có lòng với người yêu hoa từ lâu. Nhưng hoa nở đầy sân mà chưa thăm người hái bẻ hoa để bày tỏ chút lòng. Hôm nay được gặp nàng xin được gửi chút hương thừa, thì lấy làm may mắn lắm.

Nguyệt thưa :

– Người hái hoa thật may mắn, hoa bắt tất phải trình lên.

Bèn ngắt mấy đóa trao cho Sinh. Sinh cầm hoa và nắm luôn tay Nguyệt, nói :

– Nàng là người thông minh mà sao chẳng nhận biết ru ? Lòng ta mong nhớ, tưởng chừng đứt ruột từ lâu.

Nguyệt thưa :

– Quân tử có lòng hồi đến kẻ tôi đòi, thật lấy làm may mắn, hà tất phải như vậy.

Sinh nói :

– Ta mang hòm sách đến Kinh đô, may được đại nhân có lòng yêu mến, thật quá điều ta mong đợi, biết lấy chi báo đền, đâu dám vượt lễ. Nhưng nhân bởi đầu tường nghe tiếng nói cười, nảy sinh điều nguyện kết tóc, dưới hoa thấy bóng dáng thướt tha, chợt đem lòng ao ước lương duyên. Nhưng tiếc thay Nguyệt hạ lão nhân⁽¹⁾ tìm đâu cho thấy ! Việc này muốn thành, chỉ biết nhờ nàng. Sao nàng chẳng bắt chước Hồng Nương⁽²⁾ lựa lời nói giúp. Một mai món nợ mây mưa trả được, thì đầu bỏ mình để đền đáp, phỏng có tiếc gì. Xin nàng hãy vì ta mà trù liệu trước.

(1) *Nguyệt hạ lão nhân* : chỉ người làm mối. Xem thêm Chú thích 4, tr. 320, truyện *Cuộc gặp gỡ kỳ lạ*, số 153, cùng tập.

(2) *Hồng Nương* : thị nữ của Liên Nương, người đã giúp Lưu Nhất Xuân chinh phục cô chủ mình trong *Lưu sinh mịch liên ký*.

Nguyệt đáp :

– Nương tử tôi vốn tính kiên trinh, cao hơn hẳn cô gái trong truyện *Tây sương*⁽¹⁾, lòng trọng nghĩa vượt xa các trang quốc sắc, thật khó đem những hành vi trái nghĩa mà khuyên cho được. Nhưng nay công tử đã có lời ừ thối thì tôi há dám không hết lòng.

Sinh mừng rỡ lấy ra một đôi vòng vàng nói :

– Gọi là chút quà mọn để bày tỏ tác lòng.

Nguyệt nói :

– Tôi thấy quân tử là bậc phong lưu, với nương tử tôi thực xứng đôi loan phượng cho nên mới dám bày tỏ một lời hứa của người Quý Bô⁽²⁾, đâu có được là ơn Phiếu Mẫu⁽³⁾, thì kim hoàn kia nghĩa không dám nhận.

Sinh bèn thôi. Nguyệt mới từ biệt ra về.

Sinh nói :

– Xin nàng hãy nhớ cho, chớ để ta phải ôm sông kiếp sống vô vị.

Nguyệt nói :

– Há dám không tìm cách dẫn công tử lên cung Quảng Hàn.

Sinh mừng rỡ làm một bài từ để tự mừng mình :

**Hàn chung báo hiếu,
Ngọc nữ thám hoa hà tảo !
Nhất ngôn giải đắc tám đầu não,
An dụng tín truyền thanh điều !
Lưu sinh do thác Tiểu Hồng,
Hướng ngó sở ngộ tương đồng.
Bất nhật giai âm báo đáo,
Chinh y đăng Quảng Hàn cung.**

(Thanh bình lạc điệu)

(1) *Tây sương* : tức tác phẩm *Tây sương ký* của Vương Thực Phủ đời Nguyên.

(2) *Quý Bô* : một tráng sĩ thời Hán – Sở.

(3) *Phiếu Mẫu* : xem Chú thích 2, tr. 422, cùng truyện.

*(Chuông mai lành lạnh,
Ngọc nữ thăm hoa sớm thế!
Một lời như cỏi lòng ta vậy,
Chi phải chim xanh nhẩn tới!
Lưu sinh còn cậy Tiểu Hồng⁽¹⁾,
Huống ta cảnh ngộ tương đồng.
Bất chợt tin vui báo đến,
Sửa xiêm lên Quảng Hàn cung).*

Tối hôm đó sinh vào phòng Lan, kể lại việc Thu Nguyệt nhận lời giúp đỡ, Lan nói :

– Chàng có thể gọi là “thâu hương lão thủ”, tay sành nghề trộm lấy hương thơm đó.

Bèn nhìn nhau cùng cười.

Lát sau bèn cùng dắt tay nhau vào màn, hai người lại giờ trò ong bướm âu yếm giao xuân, không thể ghi lại hết thấy. Đến canh năm mới cáo từ ra về.

Qua mấy hôm Thu Nguyệt lại đến vườn.

Sinh nói :

– Kể từ sau khi nghe được lời vàng, thân như mộng ảo, lòng tựa đá đeo. Mong nàng tới khác nào cá khô mong nước. Mà nàng chẳng hề chiếu cố, sao mà nhẩn tâm đến vậy ?

Nguyệt thưa :

– Nương tử tôi là bạc phong lưu, nên không thể lại đến.

Sinh hỏi :

– Sự thế ra sao ?

Thưa :

– Dần dà năm tháng thì rồi ra có thể được.

(1) Xem Chú thích 2, tr. 443, cùng truyện.

Sinh nói :

– Nếu quả như lời nàng, thì khác nào chờ gạo ngoài muôn dặm để cứu kẻ chết đói vậy.

Nguyệt im lặng hồi lâu rồi đáp :

– Huệ Nương là người biết chữ, chàng hãy làm một bài thơ chuyển tới xem sao.

Sinh nói :

– Hay lắm.

Bèn cùng Nguyệt đi ra vườn.

Sinh vừa tìm bút vừa suy nghĩ, nhìn thấy Nguyệt mắt long lanh, tóc mây tha thướt, bèn vút bút nói rằng :

– Tứ thơ chưa đến, tứ xuân đến trước. Nàng chính là bài thơ của ta.

Sinh bèn kéo Nguyệt đến bên gối.

Nguyệt tìm cách chống chế, cố thoát thân nhưng bị sinh dùng hai vai ép chặt, đẩy xuống giường. Nguyệt bất đắc dĩ khẽ thắm thì :

– Thiếp còn thơ đại, chưa đáng đập vùi, xin công tử thương đến mà lấy lòng nhân tha cho, thì may lắm.

Sinh nói :

– Ta đã hiểu rồi.

Chỉ thấy trong đám lá, cánh hồng rơi như mưa đập hoa xuân, lá động cành lay như gió vùi thu liễu.

Nguyệt cắn chặt môi, thần hồn phiêu dăng hồi lâu mới nói rằng :

– Công tử chỉ biết tìm thú vui nơi người khác, chứ không chịu đoái thương thân danh của thiếp hay sao ? Không sống lại được nữa.

Sinh nói :

– Trận đầu thắng, trận sau thắng, cho đến khi thừa thắng ruỗi dài, đến đâu mà chẳng được. Việc hôm nay chính do lỗi của nàng đó.

Chốc lát, mù tan mây tạnh, sinh bèn viết thơ đưa cho Nguyệt. Nguyệt nhận thơ quay về bảo Huệ Nương rằng :

– Em bắt được bài thơ ở ngoài vườn, chưa kịp mở ra, không biết ý tứ gì, nghĩ là Lan Nương hẹn gặp, nương tử hãy xem thơ xem sao.

Huệ mở thơ ra xem. Thơ rằng :

**Kiều diễm phương phi hương nhật tài,
Huệ lan xán xán lục danh giai.
Khai thời vạn học hương phong tống,
Khán thử linh nhân vấn xứ hồi.**

*(Thơ tho kiều diễm tự lâu rồi,
Lan huệ đầy thêm nở tốt tươi.
Theo gió tỏa đưa hương vạn học,
Người xem tìm hỏi dạ hồi hồi).*

Huệ xem xong ra vẻ giận dữ nói :

– Người nhật được ở đâu về mà dám giở trò trước mặt ta ?

Nguyệt thưa :

– Thơ này, thiếp bắt được dưới cây hải đường, nương tử cố chi nổi giận. Trong thơ đề rõ bốn chữ “Kiều Huệ khai khán” (nàng Huệ mở ra xem).

– Người coi ta là món hàng bán rao đó sao ? Để cho chàng Triệu sinh kia khua môi múa mép ?

Nguyệt thưa :

– Tiểu thư hãy nguôi giận, cho kẻ tôi tớ được tỏ lời. Thơ này quả thật thiếp nhật ở sau hiên gần gốc hải đường, quả là thơ của Triệu sinh không sai, thiếp không biết mà nhật về, quả là có tội. Nhưng tài mao của người ấy, dầu nghe có bận mà tụt giày, trường tôn mài mực cũng không đủ để ghi hết sở trường của chàng. Ở hiên mai thừa lúc buồn bã mà treo thơ dưới cây, chẳng phải là không có ý gì với tiểu thư. Hơn nữa ông nhà yêu chàng như hòn ngọc trên tay, hẵn Lam Kiều có duyên ngũ bách, có khi rồi Văn Anh có thể đến với Bùi Hàng⁽¹⁾. Chi bằng nương tử hãy dùng thơ đáp lại, ngô hầu không phụ lòng ai đeo đẳng.

Huệ nói :

– Chớ nên nhiều lời. Ta phải làm thơ cự tuyệt, để khỏi bị chàng cười ta là quần thoa bất tài vậy.

(1) Xem Chú thích 1, 2, tr. 322, truyện *Cuộc gặp gỡ kỳ lạ*, số 153, cùng tập.

Bèn đáp một bài thơ :

**Mộ thu nhất phượng chính cao phi,
Hoài bão không lao nhất thủ thi !
Phong tống y không hoài biệt hận,
Nguyệt minh thùy khảng đính giai kỳ.
Uổng lao xuân tín truyền thanh điệu,
Khí liễu thư phong tống tử quy !
Phương điệp phi lai không tự khứ,
Tâm hoài huyết thạch khảng khinh đi ?**

*(Phượng cuối mùa thu nhẹ cánh bay,
Nhọc công vô ích thảo thơ này !
Gió đưa hận biệt về trời đó,
Trăng tỏ duyên hài ai hận đây.
Cánh nhận tin xuân thêm phí sức,
Tử quy gió cuốn có ai hay !
Bướm thơ bay đến, bay đi nhé,
Sơn sắt lòng ta há chuyển lay ?)*

Bỏ vào phong bì đưa cho Nguyệt mà nói rằng :

– Một lần lầm lỗi chứ không thể cho phép tái phạm, đau lòng hãy để cho chàng nản lòng. Người từ nay không được bắt chước Lâm Hồng⁽¹⁾ nữa.

Nguyệt bèn đưa thơ cho sinh mà bảo rằng :

– Thiếp đưa thơ của công tử, Huệ Nương nổi giận, làm thơ tạ tuyệt và nghiêm khắc răn thiếp. Công tử dầu có thơ hay, thiếp cũng không dám làm như lần trước.

Sinh nói :

– Như vậy thì làm sao ?

(1) Ý nói không được bắt chước những kẻ tỳ nữ "nói giáo cho giặc", toan thuyết phục chủ mình hộ kẻ khác.

Đáp :

– Huệ Nương thường bách bộ ra vườn hoa, công tử có thể tùy cơ ứng biến. Thiếp thường ngày hầu ở tả hữu, nếu có dịp thuận tiện sẽ báo tin hay, chắc việc này cũng không khó lắm.

Sinh đáp :

– Xin vâng lời.

Bèn mở thư ra xem, liền tiếp than rằng :

– Ta gửi đi bốn chữ “Kiều Huệ khai khán” mà nàng lại đáp rằng “Mạc hoài phong nguyệt uống phí phương tâm”. Lời lẽ lạ kỳ cấu tứ khéo léo, dấu là Sơn Lân⁽¹⁾ cũng không thể giỏi hơn nàng được.

Lại nói Huệ Nương từ sau khi gửi thư, tuy nói là làm thơ tạ tuyệt, nhưng nổi lòng chẳng phải như lời thơ đã ghi. Lúc thanh nhàn vắng vẻ, khẩu chiếm thơ từ rất nhiều, chỉ tạm chép một đôi bài :

**Ý lan dao vọng yển sơ quy,
Cửu khúc nhu trường loạn nhược ti.
Khiêu tạn tàn đăng canh dĩ điểm,
Bạn nhân duy hữu lậu trì trì !**

*(Vời trông cánh én tự phương xa,
Chín đoạn ruột mềm rồi tựa tơ.
Khêu hết bắc đèn, canh đã điểm,
Hiếu ta duy có giọt đồng hồ !)*

**Viên trung đào liễu chính phi phương,
Phong tống lâm thê lương.
Liễu nhân lưu thuế,
Đào tai hàm lệ.
Đoạn tạn nhân trường,**

(1) *Sơn Lân* : có lẽ chỉ các nhân vật nổi tiếng thơ văn, tài hoa trong tiểu thuyết *Bình Sơn Lân Yển* của Hoạch Ngạn Tàn Nhân đời Thanh.

Lục mai phi nhiễm tuyết sương,
U khuê nhất đoạn trường.
Thu tứ nhược thủy,
Xuân tâm tự túy,
Biệt hận không tương nhân nhi mỹ.
Tình đầu thương Ngân Hà,
Trường thiên vạn lý xa.
Ỗ các phong phiêu khả hận,
Sa song nguyệt chiếu kham ta.
Tú khâm lao bảo,
Phương tâm như túy,
Sầu loạn như ma.
Phủ chẩm trường ta đoản thán
Cố thê tương nại như hà.

(Triều thiên thác)

(Trong vườn đào liễu ngát thơm hương,
Trước gió cảnh thê lương.
Mất liễu nhòa sương,
Má đào đẫm lệ.
Buốt nhói can trường,
Cành mai nhuốm vẻ tuyết sương,
Phòng khuê luống đoạn trường.
Tứ thu như nước,
Lòng xuân ngáy ngất,
Hận biệt ly mất ai nhòa ướt.
Sao sáng dải Ngân Hà,
Trời cao vạn dặm xa.
Tựa gác gió đưa nỗi hận,
Buồn thay nguyệt rọi song sa.

*Chăn thêu cuộn chặt,
Lòng say ngây ngất,
Ruột rối vò tơ.
Vỗ gỏi than dài thở vắn,
Cô đơn ủ rũ lòng ta).*

Mấy hôm sau, khí xuân ấm áp. Sinh ở hiên mai càng thấy buồn tẻ, bèn đi bách bộ ra vườn hoa, đứng dưới bóng liễu, vừa lúc đó thấy Huệ đến xem hoa. Sinh tạm lánh. Huệ đã biết rồi, nhưng vờ ra vẻ không thấy, đưa tay ngắt một cành hoa đi tới.

Sinh bèn đi đến trước mặt, nói :

– Kiều nữ đã tới ư, tôi đợi chờ đã bao ngày.

Huệ thưa :

– Tôi ở chốn thâm khuê, chàng ở bên phòng sách, hai bên không đi lại, sao có thể nói như vậy ?

Sinh đáp :

– Đêm qua mơ thấy lên cung Quảng Hàn, đến điện Hằng Nga, cùng một tiên nga hội ngộ, nên mới ra đây chờ, không ngờ được gặp nàng cũng vừa tới, quả có thể gọi là duyên trời vậy.

Huệ thẹn thùng không đáp, chỉ ghé mắt nhìn sinh. Sinh nhìn thẳng vào mặt nàng, thấy má phấn như hoa tươi thơm ngát, bèn đáp rằng :

**Tiên cơ hoa hạ sính kiều nghiên,
Đã giác xuân hoa diệu nhượng tiên.
Hạ sát Dương Thành hà túc tiễn,
Anh đào nhất tiểu cánh yên nhiên.**

*(Dưới hoa kiều điểm kia tiên nữ,
Mới biết hoa xuân vẫn kém người.
Nhìn xuống Dương Thành⁽¹⁾ không đáng ước,
Anh đào hàm tiểu nét càng tươi).*

Huệ thưa :

– Chàng ngợi khen thái quá, lại không sợ hoa kia trách móc ư ?

(1) Dương Thành : chưa rõ.

Sinh nói :

– Vậy là nàng đã yêu tôi rồi đó.

Huệ đưa quạt lên che mặt toan về. Sinh nói :

– Khó khăn biết bao mới được buổi hôm nay. Gặp gỡ dưới hoa thật hết sức may mắn. Dầu là gan sắt dạ đá cũng phải động lòng, vậy mà nàng chẳng nán ở lại thêm một chút, sao có thể nhẫn tâm như vậy ?

Nói rồi bước tới giữ lấy quạt. Huệ khẽ thưa :

– Là người đọc sách sao lại thiếu kín đáo như vậy ? Lại không e sợ tai mắt người ta hay sao ?

Sinh nói :

– Xung quanh không có ai, chỉ tôi biết với nàng biết mà thôi.

Huệ nói :

– Có Trời biết, Đất biết nữa thì sao ?

Sinh nói :

– Trời có chim liền cánh, Đất có cây liền cành, Trời Đất cũng chẳng cấm ngăn được cuộc kỳ ngộ của hai ta.

Vừa nói đến đây thì Thu Nguyệt đến. Huệ cùng Nguyệt ra về, hồi lâu mới bảo Nguyệt rằng :

– Chàng ấy tài tình nhanh nhẹn, gặp việc gì cũng làm thơ được, phải chăng miệng chàng như gấm thêu, nói ra là thành thơ, tài khéo lạ thường !

Nguyệt mỉm cười, không đáp.

Huệ giận mà nói rằng :

– Người muốn bắt chước Quế Hồng đối đãi với ta như Bích Liên⁽¹⁾ chăng?

Nguyệt thưa :

– Thiếp thấy nương tử trước ngạo mạn sau cung kính nên không thể tự xử như Quế Hồng.

Huệ thông thả về phòng. Nguyệt bèn mật báo cho sinh rằng :

– Ý Huệ Nương đã thay đổi. Cơ hội mà chàng mưu tính không thể để lỡ.

(1) Đều là các nhân vật trong tác phẩm *Quốc sắc thiên hương*.

Sinh đáp :

– Phải !

Sáng sớm hôm sau, sinh dạo bước đến phòng Huệ. Huệ Nương vừa dậy, tóc mây chưa chải, càng thêm vẻ yêu kiều, khác nào đóa hải đường ngủ chưa đầy giấc, như cảnh dương liễu trong mơ mới tỉnh. Nàng thấy sinh đến bèn hỏi :

– Cả nhà còn đang trong giấc mộng, sao chàng dậy sớm vậy ?

Sinh buồn rầu đáp :

– Nửa chân hương lạnh, gió buốt tái tê, muốn được yên gối thật khó.

Huệ nghe sinh nói cũng cảm thấy thê lương, mới lại hỏi sinh rằng :

– Hương phòng với thư thất cách xa trời vực, chàng đến đây có việc gì ?

Sinh đáp :

– Gió tây dữ quá, càng cảm thấy tái tê, nên cứ thần thơ đi, bất giác đến đây.

Huệ nói :

– Theo lẽ thì nam nữ không tiện gặp nhau, song chàng đã đến, thì không có lý để chàng về không.

Bèn sai Thu Nguyệt mời sinh ngồi. Sinh thấy trên bàn có một bộ *Liệt nữ truyện*⁽¹⁾ bèn bảo Huệ :

– Cuốn truyện ký này không hấp dẫn bằng *Thiên hương*⁽²⁾.

Huệ nói :

– *Thiên hương* ư ? Truyện ấy không đoan chính.

Sinh nói :

– Vậy truyện *Lưu sinh mệnh*⁽³⁾ thì sao ?

(1) *Liệt nữ truyện* : truyện về các liệt nữ, tương truyền là bộ sách của Lưu Hưởng đời Tây Hán.

(2) *Thiên hương* : tức bộ *Quốc sắc thiên hương* của Ngô Kính Sở.

(3) *Lưu sinh mệnh* : tức *Lưu sinh mệnh liên ký*, một trong các truyện trong bộ *Quốc sắc thiên hương*.

Huệ đáp :

– Đều là những truyện thương phong bại tục, nhắc đến làm gì.

Sinh nói :

– Lưu sinh là loại phong lưu thoải bản, khỏi phải bàn. Còn Loan Phượng với Nhữ Ngọc, Quỳnh Kỳ với Cảnh Vân dẫu lúc gặp nhau buổi đầu có phần suồng sã, song trong hoàn nạn chẳng đổi thay lòng, dẫu chẳng muốn như Phòng Phụ chộc mắt, nhưng một tiếng tỳ bà trong màn còn đủ làm rung cảm người sau, dẫu chẳng thể như Ngọc Cơ chặt tay nhưng một bài thơ viên hạc trên vách cũng đủ sáng ngời thiên cổ. Bằng như tự hội Lan Trì, *Chung tình lệ tập*, mấy phen nhả lời nhục nhã, mà Tương Vương nghĩa chẳng nỡ quên thì tiết nghĩa của Thụy Lan là thế nào ? Nếu so tiết nghĩa thì *Thiên hương* nào khác chi *Liệt nữ*, nếu bàn phong lưu, thì *Liệt nữ* còn kém cả *Thiên hương* lang tử. Nếu chê cười nàng là bất chính, thì tôi nguyện vì nàng mà giải tiếng oan⁽¹⁾.

Huệ lặng im không đáp. Trước sân có chiếc bồn nhỏ, tự trồng một đóa hoa sen. Huệ sai Thu Nguyệt tưới nước và bảo sinh rằng :

– Vị đã thanh mà hương lại xa, thoát thân từ bùn mà không nhiễm hơi tanh của bùn, thật đáng gọi là bậc quân tử trong các loài hoa.

Sinh nói :

– Lãng Ba tiên tử⁽²⁾, hoa non hương dịu, dẫu có thể thương tâm ngoạn mục, nhưng nếu không kịp thời hái lấy thì hoa tàn nhị rũ, cũng chẳng qua như cây lan mọc ở rừng sâu, như cỏ chi mọc trong khe vắng, người ta cũng chẳng biết đến mùi hương vậy.

Huệ hiểu ý không đáp. Bỗng thấy Thu Nguyệt báo rằng :

– Lan Nương đã tới.

Huệ đưa mắt cho sinh, sinh bèn đi ra. Lan vào, cười bảo Huệ :

– Hôm qua, quan Thị lang họ Vũ nhờ người mới đến cầu thân, em được kết duyên với người cao môn vọng tộc, lòng chị mừng vui khôn xiết, lại nghe nói chàng ta phong tư tuấn nhã, gia nghiệp giàu có nên chị phải đến đây báo tin mừng.

(1) Đoạn này đều nhắc đến các tác phẩm, nhân vật thuộc bộ *Quốc sắc thiên hương*.

(2) Tức hoa sen.

Huệ nói :

– Phong tư tuần tú, biết đâu được rằng bên trong quả có tài học hay không. Hôm nay giàu sang biết đâu được mai sau sẽ phải nghèo hèn. Em vốn không có ý nhòm ngó chốn cao môn.

Lan cười mà rằng :

– Em nói đúng lắm ! Chị chỉ thử em đó thôi. Gần đây nghe nói cha mẹ cho Triệu sinh ở nhờ, muốn sẽ gả em cho chàng. Nhưng nghe đâu chàng ta tính tình hơi kiêu căng, chẳng hay có đúng như vậy chăng ?

Huệ nói :

– Chàng là công tử nhà hào môn, tuổi còn rất trẻ. Huống chi múa bút rồng bay, văn như nước chảy, tương lai hẳn sẽ thành nghiệp lớn, trách chi có vẻ kiêu căng.

Lan biết Huệ có lòng yêu quý, bèn nói :

– Ý cha gả em cho Triệu sinh, em thấy thế nào, có chịu nghe lời không ?

Huệ đáp :

– Lá thắm chỉ hồng, duyên lành là bởi trời xe, phận gái em chưa dám nghe chuyện ấy.

Lan bèn về phòng sai Xuân Hoa mời sinh. Sinh đến, Lan bảo sinh rằng :

– Thiếp trò chuyện cùng Huệ Nương, thấy tình Huệ với chàng rất nồng hậu. Chỉ e khi việc đã thành mà cha già chẳng bằng lòng để cho đôi chim cùng bay, thì lúc ấy biết làm thế nào ?

Sinh đáp :

– Nếu lão đại phu chẳng rủ lòng thương, thì ta sẽ có kế hay, chẳng phiền nàng quá điều lo lắng.

Bèn từ biệt ra về, lại nhớ đến dung nhan Huệ Nương, trong lòng như mòng mị, những lúc ngâm vịnh thành lời, chép lại như sau :

Yểm phiên độc tọa ý thư song,

Dao vọng trang lâu vạn sự dung.

Dương liễu phong phiêu tình ích thiết,

Ân cần dân nguyệt tảo tương phòng.

*(Một mình che quạt tựa thư song,
Mọi việc lầu trang chẳng bận lòng.
Cành liễu gió lay, tình chí thiết,
Đăm đăm nguyện ước sớm trùng phùng).*

**Đào hoa tiếu,
Đào hoa khóc tự y niên thiếu.
Y niên thiếu,
Niều na kiêu kiêu,
Thanh tân yếu điệu.
Bát tự song mi hàm tuấn tiếu,
Nhất kiến linh nhân tăng vạn sầu vạn não.
Tăng vạn não,
U hận thêm tân.
Du thần tiên nhiều,
Nhất kiến Quảng Hàn.
Tiên tử ta mỹ,
Củ củ sầu tâm loạn ý,
Đối cảnh quan hoài nan dĩ.
Hưu hận tương tư như thủy,
Ý biến tà dương không ức bĩ.
Hà thời trừ mâu phi thúy ?
Tá vãn Lam Kiều hà xứ thị,
Giải ngã phương tâm túy.**

(Đào hoa ức cố nhân)

*(Hoa đào nở,
Hoa đào chẳng khác nàng tiên nữ.
Nàng tiên nữ,
Thướt tha rực rỡ,
Yếu điệu thanh tân.*

Đôi mi chữ “bát” đượm sắc xuân,
Gặp được, khiến ta thêm vạn lần sầu nã.
Thêm sầu nã,
U hận bội phần.
Đạo gót cảnh tiên,
Được thấy Quảng Hàn.
Tiên cũng ngại ca,
Sợ sợ tơ sầu bối rối,
Cảnh ấy lòng này mãi mãi.
Tương tư hận như nước chảy,
Trong ánh tà dương luống nhớ ai,
Ngày nào được chung phỉ thúy ?
Thử hỏi Lam Kiều đâu chốn ấy,
Giải được nỗi lòng ta bấy ?)

Hôm sau, sinh đứng dưới cây hải đường ngóng nhìn về phía phòng Huệ, thấy Huệ đứng giữa thềm bảo Nguyệt rằng :

– Trời đất an bài thật xác đáng.

Sinh bèn bước đến nói :

– Nàng có biết cho lòng ta chẳng, tìm mọi cách vì ta phải đâu không có nhà mà mượn hiên mai đọc sách. Vì hâm mộ người đẹp mà vâng lệnh tôn ông. Dem ví với hoa thì sao có thể hoa lạ đầy sân mà không được ngửi, dem ví với nước thì sao có thể nước trong leo lẻo mà không được mức. Nay Nguyệt diện không xa, non Vu trong gang tấc mà Nghê Thường⁽¹⁾ không được múa, Vân Phiến⁽²⁾ không được che, sao nàng không thể khiến ta như Sở Tương Vương⁽³⁾ mà chỉ có thể khiến ta làm chú thỏ trong trăng ? Nói đến tình đầu bất giác lệ rơi.

(1) Nghê Thường : tức Nghê Thường vũ, một điệu múa ở cõi tiên.

(2) Vân Phiến : quạt mây, một cách nói tượng trưng chỉ loại quạt thần tiên thường dùng.

(3) Sở Tương Vương : xem Chú thích 1, tr. 385, truyện *Mình ngọc biển ảo*, số 154, cùng tập.

Huệ nói :

– Thiếp há phải loài cỏ cây ru ? Một chút lòng thom từ lâu đã thuộc về chàng, nhưng trộm ngọc cắp hương đâu phải là kẻ sách trăm năm của người con gái chính chuyên. Hơn nữa thân phụ thiếp cho đón chàng đến ở chẳng phải là vô cớ. Nếu được mệnh vu quy, một chén hợp cẩn thì mới có thể có được niềm vui lâu dài, việc thiếp giữ gìn hôm nay cũng là gìn giữ cho chàng, sao chàng không hiểu cho như vậy.

Sinh nói :

– Việc đời nhiều ngang trái, tình người khó đo được. Nếu chẳng may một mai tôn ông đổi thay ý nghĩ, nàng cũng nghe theo mà thay lòng đổi dạ. Lúc bấy giờ đôi tình xa cách, nửa đường đứt gánh, lúc bấy giờ đâu có hàng ngàn chữ nhận cũng không thể kéo vạt áo nàng mà giữ chung tình được.

Huệ nói :

– “Tòng nhất nhi chung”⁽¹⁾ là đạo của người phụ nữ. Dẫu thiếp với chàng chưa có trao đào trả mặn, nhưng một lời đã hẹn ước trăm năm, quyết chẳng phụ lời thề non hẹn biển.

Nói xong, nghe ngoài cửa có tiếng giày, sinh bèn vội ra. Từ đó càng da diết nhớ Huệ, ngày càng như ngày đại, mê si, ăn chẳng biết ngon, ngủ chẳng biết yên, bất giác thành bệnh. Kiều công mời người cất thuốc trừ tà đều không ứng nghiệm.

Lan sai Xuân Hoa ngày ngày chăm sóc thuốc thang. Huệ sai Thu Nguyệt vấn an. Sinh bảo Nguyệt rằng :

– Bệnh của ta, người đã biết rồi. Ta có một bộ tiểu bình phong, người có thể đem cho nàng để làm vật thắng lành khi nhàn rồi, đến tuổi vàng cũng không còn hối tiếc nữa.

Nguyệt ứa nước mắt đón nhận. Sinh ngủ thiếp đi. Nguyệt thấy trên bàn có một bức vân tiên, bỏ vào ống tay áo mang về, đem lời của sinh thưa lại Huệ Nương. Huệ nghe xong bất giác đôi hàng lệ trào tuôn. Rồi mở bức bình phong ra xem thấy lầu đài trùng điệp, có nàng mỹ nữ ngồi ở trong lầu. Trong lầu có một ngôi đình nhỏ để là “Văn Quân đình”, trong có một thừ sinh trùm áo mà nằm như người ốm nặng, trên đó ghi rõ :

(1) Thùy chung với một người cho đến cùng.

VĂN AN HÒA PHỤC HỮU VĂN AN THI

**Văn Quân phục chằm dĩ nhụy chi,
Vọng đoạn kim lâu bất tự trì.
Ngọc kính tiên đài tư vãng sự,
Thương tâm thử hữu nguyệt minh tri.**

*(Văn Quân ôm gối đã thành cây,
Nhìn khắp lầu vàng luống ngất ngây.
Gương ngọc trước đài mơ chuyện cũ,
Đau lòng chỉ có ánh trăng hay).*

Lại mở thơ sinh ra xem, thấy trên đó có hai thiên tứ tuyệt :

Bài thứ nhất

**Đối nguyệt mang nhiên ức Tố Nga,
Du du không tự đoán trường ta.
Sầu lai đoạn tự khuynh thành sắc,
Vô nại y nhân nhân ngã hà.**

*(Man mác nhìn trăng nhớ Tố Nga,
Than dài thở ngắn luống vào ra.
Sầu này bởi sắc khuynh thành ấy,
Sao nỡ đành lòng để phụ ta).*

Bài thứ hai

**Tân xuân phong lãnh ý lan can,
Dao vọng xuân lâu lưỡng lệ đàn.
Đạm nguyệt kính hoa tuy thậm hảo,
Bất năng nhập thủ chỉ năng khan.**

*(Đầu xuân gió lạnh tựa lan can,
Xa ngóng lầu xuân mắt lệ tràn.
Trăng nhạt hoa gương tuy đẹp lắm,
Tay không với được chỉ nhìn sang).*

Xem xong, Huệ bèn cùng thu Nguyệt đến hỏi sinh. Sinh nhìn thấy Huệ bèn nói :

– Kể hàn sĩ chốn sài phi những tưởng vĩnh quyền, nào ngờ nàng ruột lòng thương lại còn đến đây thăm hỏi, thân này đâu có héo tàn nơi gió bụi cũng đâu dám tiếc.

Huệ đáp :

– Người tốt thì được Trời phù hộ, cố chi huynh lại nói những lời bất lợi như vậy ?

Sinh nói :

– Ta vì nàng mà bệnh tình thêm nặng, thân tứ đã bay vượt đi ! Ôi người ta sống ở trên đời khác nào hạt bụi trên sân cỏ mềm, như hòn đất tự nén tan đi, như chim xanh bay vút trời cao. Nếu nàng không chịu đoái thương thì chẳng khỏi một khắc hóa thành thiên cổ. Mà các điều nàng nói rằng gìn giữ cho ta lại hóa ra gìn giữ cho người khác vậy.

Nói đoạn rung rung nước mắt. Huệ cũng không cầm được đôi dòng lệ, bèn lấy khăn hồng ra lau khô nước mắt mà an ủi sinh rằng :

– Thiếp đã biết lỗi rồi, xin chàng hãy gắng ăn uống cho lại sức, từ nay xin vâng mệnh, không dám cố chấp để lụy cho nhau nữa.

Một lát sau, từ biệt ra về, để lại một mảnh khăn hồng mà bảo sinh rằng :

– Khăn này hầu chàng, khác nào như luôn có thiếp bên cạnh vậy.

Sinh đưa mắt tiễn nàng. Huệ Nương quay lại nhìn chàng, lưu luyến mãi hồi lâu không nỡ rời chân đi.

Huệ về phòng hầm cháo hạt sen, sai Nguyệt bưng sang cho sinh. Sinh nghĩ là Huệ đã nhận lời nghe theo mình, lấy làm mừng lắm. Bệnh cũng dần lui. Ở thêm một hai ngày nữa, rồi rời chân sang buồng Huệ. Bấy giờ Huệ đang tựa cửa sổ thêu thùa. Thấy sinh đến, Huệ cười nói :

– Bệnh tình đang rất nặng, rất nguy, thuốc hay không hiệu nghiệm, vậy mà chỉ một lời của thiếp, bệnh đã khỏi ngay, quả có thể nói là thầy thuốc cao tay vậy.

Sinh muốn ép nài. Huệ không chịu. Sinh nói :

– Đã mấy bận về không, ruột tằm đứt đoạn, mà nàng chẳng hề lưu giữ thêm khoảnh khắc, những gì nàng đã nói bên giường không còn nhớ hay sao ?

Huệ bèn ôm vào lòng mà nói :

– Thiếp há phải người bất cận nhân tình ru ? Nhưng chàng bệnh nặng vừa thuyên giảm, không thể vội vàng đam mê việc mây mưa. Nay nếu như giữ chữ tín với lời hôm nọ thì ví như người đang ốm mà bắt gánh nặng đi xa, há chẳng là cố tình hại chàng đó ư, sao chàng không lượng xét.

Sinh nghe lời Huệ càng cảm thấy trân trọng. Lúc này không nỡ cưỡng đoạt.

Hôm sau lại đến, thấy Huệ đang ngủ trên giường. Sinh đến bên ôm nghiêng người, quyết ý cầu hoan. Huệ bất đắc dĩ chớm hé môi son, nói với Sinh rằng :

– Tình thiếp đối với chàng chẳng phải một ngày một bữa, phen này ắt không khiến chàng phải về không. Nhưng giữa ban ngày ban mặt, hãy cho thiếp được đóng cửa buồng rồi sẽ cùng chàng đi ngủ.

Sinh bèn buông tay, Huệ thừa cơ tẩu thoát. Sinh buồn bã tiu nghỉu ra về. Từ đó đến phòng Lan, tuyệt không đi lại với Huệ nữa.

Bảy giờ là tháng Hai, Kiều công nhân việc sinh ốm nặng vừa khỏi cho mở tiệc rượu chúc mừng. Đến khuya tiệc tan, sinh say khướt ra về. Huệ sai Thu Nguyệt mang viên cát căn hoàn cho sinh. Sinh nhai viên thuốc một lúc thì thấy tỉnh táo như cũ bèn đến phòng Huệ. Huệ nói :

– Chàng đang bận, sao lại rồi rã mà đến đây ?

Sinh nói :

– Kẻ bị ruồng bỏ còn mặt mũi nào lại đến xin gặp. Nay vì được phương thuốc chống say, nên phải đến cảm tạ đó thôi.

Huệ nói :

– Thiếp thấy chàng sức không đương nổi rượu nồng nên phải cho người mang thuốc tặng chàng để giải chất men đó thôi.

Sinh nói :

– Say men rượu có thể giải được, nhưng say men lòng thì không thể tỉnh. Ta lòng say men nàng đã lâu, mà nàng lại tiếc rẻ không được một lần tỉnh hay sao ?

Huệ không đáp, sinh lại nói :

– Tôi yêu nàng tha thiết mà sao nàng chẳng đoái hoài ?

Huệ thấy lời Sinh khẩn khoản như vậy, bèn nói :

– Chàng đã nói như vậy, thiếp đâu dám cưỡng lời, nhưng xin hãy đợi đến tối mai vậy.

Lúc này lòng dục của Sinh chợt nổi lên. Chàng bước tới ôm lấy mà nói :

– Nàng đâu có giữ lời hứa như Quý Bố⁽¹⁾, tôi đã biết rồi. Phen này tôi quyết chẳng chịu ra về tay không nữa.

Nói xong cố sức đẩy Huệ xuống gối. Huệ cũng không cố chống cự.

Trong đêm phù dung hải đường nhuộm máu, dưới chân phỉ thúy, đàn quế hương bay. Mây ngài liên hồi chớp chớp, mặc cho bướm lượn săn tìm, mắt phượng lim dim mơ màng, không cấm ong bay hút mật. Xiêm màu pháp phối khác nào mưa trút hoa sen, tóc mây rối bời, hết như gió thổi cành dương. Thật là một khắc ngàn vàng, chỉ giận đêm vui quá ngắn.

Đêm ấy, sinh đã mê mẩn vì tình, cho mãi đến khi mặt trời chiếu hồng song cửa mà sinh với Huệ Nương còn chụm đầu áp má say sưa.

Thu Nguyệt vén màn, khẽ nói :

– Dương Đài còn chưa tỉnh sao ?

Huệ mới giật mình thức dậy. Sinh cũng từ biệt ra về.

Đoạn tới phòng Lan, đem việc đã chiếm được Huệ nói cho Lan hay và bảo rằng :

– Lòng ta nay thuộc hai nàng, sau này nên tính liệu ra sao ?

Lan nói :

– Chàng đã như vậy, tự thiếp sẽ có cách.

Sinh lui ra. Lan bèn đến phòng Huệ, thấy Huệ đang soi gương kẻ lông mày. Lan cười bảo :

– Xin chúc mừng !

Huệ nói :

– Mừng gì cơ ?

Lan cười :

(1) Quý Bố : xem Chú thích 2, tr. 444, cùng truyện.

– Bất tất phải giấu chị. “Uyên ương trưởng lý bão tân lang”, ôm chàng sau trưởng uyên ương, chị đã biết cả rồi. Việc em với Triệu sinh cũng giống như chị, sao còn hiểm nghi ?

Huệ đáp :

– Quả là có như vậy. Anh hùng hào kiệt sở kiến tương đồng. Chị tôi có thể gọi là biết người biết của. Lòng vả cũng như lòng sung. Chị em ta thờ một bậc anh hùng, đáng ngợi ca muôn thuở.

Nói chưa xong câu chuyện thì sinh vừa đến. Lan và Huệ kể lại đầu đuôi, sinh mừng rỡ nói rằng :

– Trong cõi tình ái, người ta thường khó xử. Hai nàng khác nào Nga Cơ cùng với Anh Cơ⁽¹⁾, một ngày mới đẹp làm sao !

Tối hôm đó sinh đến phòng Huệ, sai Nguyệt mời Lan cùng vào trướng gấm. Sinh muốn cầu hoan với Huệ, Huệ thưa :

– Mọi việc phải nhường bậc tôn trưởng, thiếp không dám hưởng trước.

Sinh ôm Lan vào lòng, cầu hoan với Lan. Lan cũng ngượng ngùng :

– Thiếp không dám !

Hai nàng nhường nhau hồi lâu, sinh cũng không thể tự chủ được nữa bèn một tay kéo lấy vai Lan, tay kia mân mê vú Huệ, mặc sức đùa cợt trong chăn phỉ thúy, tận hưởng cuộc hoan lạc trong cõi nhân gian, không biết sinh là sinh, Lan Huệ là Lan Huệ nữa. Nửa đêm, sinh nói :

– Đây quả thật là cuộc kỳ ngộ, chúng ta nên có thơ ghi lại.

Lan nói :

– Chúng ta mỗi người góp một câu, nên chăng ?

Sinh nói :

– Như vậy còn gì bằng !

Đoạn bèn thù xướng ngay trên gối, Lan Huệ ngâm nối theo lời của sinh rằng :

(1) Tức Nga Hoàng và Nữ Anh, hai người vợ của vua Thuấn, đồng thời cũng là hai chị em ruột. Xem thêm Chú thích 2, tr. 384, truyện *Minh ngọc biển đảo*, số 154, cùng tập

Triệu :

Chính trọng xuân chi giai hậu hê,

Đào hàm tiểu liễu dương mi

(Giữa ngày xuân tiết đẹp đây,

Đào chúm chím, liễu dương mày).

Lan :

Đương thanh minh chi mỹ cảnh hê,

Điệp nhiều nhụy nhi giao phi.

(Đang thanh minh cảnh đẹp thay,

Bướm vờn nhụy mà cùng bay).

Huê :

Khán thiếu quang chi cửu thập hê,

Đỏ hồng lục chi phương phi.

(Kìa thiếu quang chín chục,

Ngắm hồng lục⁽¹⁾ ngắt ngáy).

Triệu :

Đang thư lâu nhi miễn vọng hê,

Họa phong cảnh nhi y y.

(Lên lầu sách mà xa ngóng,

Nhìn phong cảnh vẫn như xưa).

Lan :

Ỗ sa song nhi tịch tịch hê,

Liên yến tử chi nam ni.

(Dựa song' the vắng vẻ,

Thương chim én tí tít).

(1) *Hồng* : là màu hồng, *lục* là màu xanh, ý chỉ áo xiêm rực rỡ của người đẹp.

Huệ :

**Vọng Hành Dương chi vân cảnh hê,
Hoài cô nhạn chi Nam phi.**

*(Ngóng cảnh chiều chốn Hành Dương ấy,
Thương nhạn lẻ hướng Nam bay).*

Triệu :

**Miến thử sinh chi hà hạnh hê,
Ngộ hàn các chi tiền cơ.**

*(Nghĩ chàng thư sinh sao thật may,
Gặp nàng tiên nơi cung mây).*

Lan :

**Khánh đằng la chi đắc thái hê,
Nãi thiên hạ chi anh kỳ.**

*(Mừng đằng la được ủy thác,
Thật kỳ lạ dưới trời này).*

Huệ :

**Dữ anh hùng nhi tác ngộ hê,
Nghĩ tịch thượng chi châu ky (cơ).**

*(Được gặp gỡ bậc anh hùng,
Như hạt ngọc trên mâm đầy).*

Triệu :

**Ỗ thư song nhi đối nguyệt hê,
U hoài vi chi thu tịch.**

*(Dựa thư song mà ngắm trăng,
Nỗi u hoài trong đêm thu vắng).*

Lan :

**Lập sơ liêm nhi dao thuế hê,
Thất la y nhi cố ảnh.**

*(Đứng bên rèm thưa mà khóc chốn xa,
Phủ áo lụa mà quay nhìn bóng).*

Huệ :

**Vọng mai hiên nhi bất kiến hề,
Đồ hư tứ nhi tự tỉnh.**

*(Ngóng hiên mai mà chẳng thấy,
Luống lo nghĩ mà tự xét mình).*

Triệu :

**Đỏ xuân mai chi kiều diễm hề,
Đồ tư nhân chi thương thương.**

*(Thấy của mai xuân vẻ kiều diễm,
Lại nhớ dáng người thanh thanh).*

Lan :

**Khán văn chương chi tuyệt diệu hề,
Hương trang đài nhi lân chinh.**

*(Xem văn chương tuyệt diệu,
Hương đài trang mà biếng chinh).*

Huệ :

**Kiến vân trung chi tử dục hề,
Nguyệt giai kỳ chi tảo đính.**

*(Thấy chim liền cánh trong mây kia,
Mong ngày lành ta sớm định).*

Triệu :

**Hoa Nguyệt kỳ công chi thủ hề,
Đẳng cao Vu Sơn chi lĩnh.**

*(Công đầu của nàng Hoa nàng Nguyệt,
Vượt lên ngọn Vu Sơn).*

Lan :

**Quân tự thái điệp luyện hoa hề,
Bạng nhật biên chi hồng hạnh.**

*(Chàng yêu hoa như cánh bướm,
Đóa hồng hạnh cạnh mặt trời).*

Huệ :

**Thiếp tự quỳ hoa sơ khai hề,
Hương thái dương chi mỹ cảnh.**

*(Thiếp như đóa hoa quỳ mới nở,
Hương cảnh đẹp vắng dương soi).*

Triệu :

**Vấn hà tư nhi chí thử hề,
Nghĩ Lưu, Nguyễn chi Thiên Thai.**

*(Hỏi làm sao mà đến chốn này,
Nghĩ Lưu, Nguyễn lạc đến Thiên Thai).*

Lan :

**Thành nhân gian chi kỳ ngộ hề,
Như Vương Mẫu chi Dao Trì.**

*(Quả là kỳ ngộ ở trên đời,
Như Dao Trì của bà Vương Mẫu)⁽¹⁾.*

Huệ :

**Cảm Lưu lang nhi động niệm hề,
Nan diễn nhĩ ư Bồng Lai.**

*(Cảm tấm lòng của Lưu lang,
Sao điểm nhiên được chốn Bồng Lai⁽²⁾).*

(1) Dao Trì của Vương Mẫu : nơi ở của bà tiên Tây Vương Mẫu. Xem thêm Chú thích 1, tr. 337, truyện *Cuộc gặp gỡ kỳ lạ*, số 153, cùng tập.

(2) Xem thêm Chú thích 1, tr. 141, truyện *Tháp hào ân*, số 96, Tập III.

Triệu :

Chỉ cửu thiên nhi vi thế hê,

Kỳ bất phụ ư tương lai.

(Trở chín tầng trời mà thế rằng,

Không phụ bạc trong tương lai).

Lan :

Đan tâm bích hải thiên tâm hê,

An cảm lân ư u hoài.

(Lòng son bể biếc lòng trời,

Dám đâu trễ nãi bởi u hoài).

Huệ :

Thiên nhật vân sương kỳ chứng hê,

Nhân thiếu phụ ư anh tài.

(Xin mặt trời mây sương chứng giám,

Nỡ chút phụ với anh tài).

Triệu :

Nhất điểm phương tâm như thử hê,

Kỳ tịch kế chi liên khai.

(Một chút lòng thơm như vậy,

Mong sen tịnh đế sẽ nở tươi).

Lan :

Nguyện tác vô vong cự ước hê,

Tắc hồng diệp thị lương môi.

(Nguyện rằng không quên lời ước cũ,

Thì lá thắm là mối mai).

Huệ :

Kỳ vô quyền giám nhật hê,

Đắc hợp cần chi kim bôi.

(Gương trời vắng vặc không sai,

Sẽ được chén vàng hợp cần).

Thơ xong, Sinh cười nói :

– Từ chương ý tứ đã rất mực ảo diệu, có thể nói trong ngàn vạn người chỉ có hai nàng.

Bèn cùng nhau sánh đầu mà ngủ, mãi đến khi lấu canh báo sáng mới cáo từ ra về.

Một đêm ánh trăng trong trẻo, hai nàng bèn sai Hoa, Nguyệt đi mời sinh. Sinh đến, Lan bảo :

– Đêm nay cảnh xuân dần đến, trăng sáng giữa trời, cho nên chị em thiếp thiết tiệc mời chàng, gọi là Lan Đình⁽¹⁾ thắng hội.

Sinh nói :

– Đối ẩm trước hoa, vào xuân dưới trăng có thể gọi là việc vui thú trên đời đó. Nhưng ta nay được cuộc gặp gỡ tốt lành này, thì cô Hoa cô Nguyệt quả là có công. Đêm nay hãy cùng các cô chung vui, hai nàng thấy thế nào ?

Hai nàng đều đồng ý.

Bèn cho rải đệm Phù Lưu, rót chén thủy tinh, ba người vào tiệc.

Rượu đã ngà ngà, sinh ôm Lan vào lòng, sai Hoa, Nguyệt chúc rượu. Huệ thì hát mời sinh, hát rằng :

Hoa chính khai hê, nguyệt chính phù,

Hàm ngọc trần hê, túy tâm du du.

Kim tịch hà tịch hê, hữu thử lạc,

Thử địa hà địa hê, hữu thử du.

(1) *Lan Đình* : nơi các văn nhân thời Tấn trong đó có danh sĩ Vương Hy Chi thường hay lui tới.

**Nghĩa trọng khâu sơn hề, trích hoa tương tặng,
Tình thâm uyên hải hề, chúc tử tương thù.
Hải đường hoa nguyệt hề, ca giát ngọc,
Phù Lưu nhục lý hề, bảo minh châu.
Ta ! Thiếp hà tu hề,
Hữu thử dữ quân tương ngộ hề.
Hề cầu nhất triệu hề,
Khả vị bách tuế tam bôi hề.
Kỳ kết thiên thu.
Quân kỳ cử tửu hề khuyến ẩm,
Thiếp kỳ ca hề ca du,
Chân khả vị lạc hề thử phượng loan.**

*(Hoa đang nở chừ, trăng đang trôi,
Say chén ngọc chừ, hơi men ngất ngây.
Đêm nay đêm gì, chừ, thú vui đó,
Chốn này chốn nào, chừ, cuộc chơi này.
Nghĩa nặng hơn non chừ, bể hoa cùng tặng,
Tình sâu hơn biển chừ, rót rượu cùng mời.
Hải đường hoa nguyệt chừ, ca phách ngọc,
Trong đêm Phù Lưu chừ, ôm mình châu.
Ôi ! Thiếp bởi đâu,
Được cùng chàng gặp nhau.
Đâu phải một ngày một buổi,
Có thể gọi là ba chén trăm năm.
Kết chặt nghìn thu.
Chàng nâng chén chừ, mời uống,
Thiếp hát ca chừ, vui thâu,
Thật sướng vui chừ, loan phượng bên nhau).*

Ca vừa xong thì sinh kéo Huệ đề xuống. Huệ nói :

– Trăng sáng giữa trời thế kia, sao có thể làm vậy ?

Sinh nói :

– Bể biếc trời xanh cũng chiều lòng, Quảng Hàn muốn vậy mà không được, há lại ghen nhau sao ?

Rồi đẩy ngã vào trong đệm, phỉ sức mây mưa. Xong rồi Sinh lại kéo Lan, Lan cũng không chống lại. Bất chước theo hình dáng chim âu chim vù, phỏng học theo tư thái uyên ương, quả là niềm cực lạc trong cõi nhân gian. Sau đó đến Xuân Hoa. Lúc Xuân Hoa giao hợp với Sinh, lòng xuân rạo rực, mặc cho Sinh muốn làm gì, không hề mảy may khó khăn. Sau đó đến Nguyệt, Nguyệt không chịu. Sinh nói :

– Đất đai trong thiên hạ, mười phần ta đã có được tám chín, nay chỉ còn mảnh đất nhỏ bằng viên đạn, sao dám chống cự vương sư ?

Rồi bế vào trong đệm, mặc sức mây mưa. Hoa bình nguyệt trận, nhưng mã tung hoành. Giao hoan xong, sinh lại cùng hai nàng đối ẩm. Uống mãi cho đến khi trăng lặn sau núi, bất giác say mềm. Các nàng vực chàng vào ngủ.

Từ khi đó, hoặc đến phòng Lan, hoặc sang phòng Huệ, hoặc cùng Xuân Hoa tương hợp, hoặc cùng Thu Nguyệt giao hoan. Một thân Triệu sinh chìm đắm trong phần son the lụa, không còn biết đến gì khác nữa.

Thời giờ thấm thoát, ngày tháng trôi đưa, bất giác đã hết mùa đông. Năm ấy có kỳ tiểu khảo, Đông Chính có lệnh cho Sinh sửa soạn hành trang đi thi. Sinh bèn yết kiến Kiều công. Công nói :

– “Văn chương khô thủ ý mã vạn ngôn”, tức đứng tựa lưng ngựa có thể viết nên bài văn vạn chữ. Mùa thu này ất sẽ đỗ cao.

Bèn xuất ba mươi lạng bạc bảo sinh :

– Chút lộ phí gọi là bày tỏ tấm lòng của lão phu !

Sinh liền bái lĩnh.

Kiều công bảo :

– Ngày mai, hai mươi tháng Chín, chính ngày tốt để công tử lên đường.

Sinh bèn bái mệnh về phòng.

Sinh lại sang phòng Lan thì vừa thấy hai nàng đang ngồi đối diện ở đó.

Sinh nói :

– Cuộc kỳ ngộ của ta với hai nàng quả không phải ngẫu nhiên. Mối chung tình thỏa niềm ân ái. Nhưng nay thu vi⁽¹⁾ đã gần kề, không thể nán ná ở lại, khiến chân thêu hương lạnh, màn gấm xuân hàn, thật muôn phần cảm khái. Nhưng việc công danh trọng đại, tự xưa tình vất vả ngược xuôi, cũng là việc thường tình của người ta. Ta đi chuyến này bất quá trong vòng một tháng, sẽ mau chóng trở về, bảo hai nàng từng có ước xưa chốn khuê phòng tịch mịch, tắt đèn quá đỗi buồn rầu để đến nỗi tàn hoa gầy ngọc.

Hai nàng nghe nói, bất giác lệ sa đầm áo.

Lan cố kìm nước mắt nói :

– Lang quân hôm nào lên đường ?

Sinh nói :

– Chỉ trong sáng mai.

Huệ nói :

– Chúng em thân phận liễu bồ mong chàng tranh giành khôi giáp, đoạt được áo gấm, sớm ngày trở lại, đừng bắt chước các công tử Trường An say mê quên về khiến thần tiên phải mòn mỏi chờ đợi.

Sinh nói :

– “Tằng kinh’ thương hải nan vi thủy/ Trừ khước Vu Sơn bất thị vân”, nghĩa là “Đã qua biển biếc, khôn làm nước/ Trừ bỏ non Vu, chẳng phải mây”. Lòng hai nàng chẳng khác ý ta, bất tất phải nghĩ ngợi nhiều.

Nói xong thì thấy trên bàn có sẵn bút nghiên, bèn đề một bài thơ để tặng hai nàng. Thơ rằng :

**Cửu mục giang sơn lệ ám thủy,
Ta dư viễn khứ bội thê kỳ.
Hoa cù diểu diểu oanh thanh nào,
Liễu mạch du du mã cước trì.
Ân ái tình thâm tuy thậm thiết,
Công danh sự đại cảm khiên kỳ.**

(1) *Thu vi* : tức kỳ thi Hương, thường tổ chức vào tháng Tám.

**Bi hoan thù lệ nhân thường sự,
Sương lãnh phong thê mạc trung bi.**

*(Viễn khách lên đường dạ héo hon,
Ngước nhìn sông núi lệ thấm tuôn.
Đường hoa tấp nập lời oanh rộn,
Dặm liễu xa xăm vó ngựa chồn.
Ân ái tình sâu da diết lắm,
Công danh việc lớn phải lo tròn.
Bi hoan ly hợp là thường sự,
Sương gió mong ai chớ héo mòn).*

Lan xem xong bất giác nước mắt như mưa.

Huệ nói :

– Chàng đã có một trái núi những lời châu ngọc tặng chúng em, chúng em há dám không đáp lại bằng những lời vụng dại, bèn đề một bài thơ tặng sinh. Bài thơ rằng :

**Dương Tiên Nam vãng oán lâm kỳ,
Tú thất sầu ai độc yểm phi.
Mã lãnh tửu kỳ quân vị vãng,
Oanh đề hoa ngọc thiếp kỳ bi.
Phan hoa dĩ tín tòng nhân thủ,
Đoạt cảm phương tri bất thế kỳ !
Thử khứ nguyện quân như tố uẩn :
Quảng Hàn cao chiết quế cao chi.**

*(Lên đường, hận nỗi phải xa nhau,
Phòng lạnh, rèm buông, dạ đón đau.
Quán rượu ngựa run, chàng bịn rịn,
Đài hoa oanh hót, thiếp u sầu.*

*Bẻ hoa, tin ở tay hiền sĩ,
Đoạt gấm, vẫn hay việc lạ nao !
Xin trở tài lành hằng ấp ủ :
Quảng Hàn bẻ quế, bẻ cành cao).*

Huệ viết xong, Lan cũng nối lời ca rằng :

**Nam lộ văn quân xúc mã trình,
Du nhiên trưởng hận bất thăng tình.
Lan do mã vấn tam gian bạch,
Thiếp dĩ tâm phi nhất đoá thanh.
Đãn nguyện tảo siêu tam cấp lãng,
Mạc giao không ức kỳ tàn canh.
Tự thị cô khâm khan lạc lệ,
Thái quân vô lực tự giang anh.**

*(Nghe chàng giục ngựa ruổi hành trình,
Dằng dặc khôn người hận biệt tình.
Dùng dằng ngựa chàng trong khoảng trắng,
Nhớ thương lòng thiếp vút mây xanh.
Mong chàng sớm vượt ba tầng sóng,
Để thiếp thôi sầu mấy trống canh.
Chăn lẻ từ đây tràn nước mắt,
Xiêm màu khôn hãm lệ tuôn nhanh).*

Sinh xem xong thì khóc nức nở. Lan, Huệ bất giác trào tuôn nước mắt. Tình quyến luyến của sinh không nói cũng biết rồi.

Đêm đó, sinh ngủ lại chỗ hai nàng, cùng Lan, Huệ má kề gối ấp. Tình xuân không thể nào ghi chép hết.

Hôm sau vội dậy sửa soạn hành trang lên đường. Lan, Huệ đều sai thị nữ mỗi người một bọc áo lụa với một bài thơ tứ tuyệt đến tặng sinh. Sinh mở ra xem ngay.

Thơ Lan rằng :

**Trường đình phong lạc tuyết phi phi,
Sâu tứ na kham lương biệt thì.
Dao vọng tiên trần tâm tự hỏa,
Thử thân cấp hận bất du ti.**

*(Trường đình⁽¹⁾ gió nổi tuyết li ti,
Sâu hận không người nổi biệt ly.
Dậm bụi xa trông, lòng lửa đốt,
Thân này hận chẳng được theo đi).*

Lại mở thơ Huệ ra xem, cũng là một bài tuyệt cú. Thơ rằng :

**Hoa lưu động khẩu thủy nhân gian,
Tòng thử u khuê thúy mãn hàn.
Hận bất hoàng anh thê giáp kính,
Cao chi hiếu khách hưởng thần man.**

*(Nước đời cửa động cánh hoa trôi,
Lạnh lẽo phòng khuê búi tóc lơ.
Giận kém vàng anh trên lối hẹp,
Cành cao gọi khách liú lo hoài).*

Sinh xem xong, lệ đầm chính yên, tắc lòng muốn dứt, vội vàng giục ngựa lên đường. Suốt chặng đường xa, mỗi lần thấy ráng chiều bay, cánh cò lẻ⁽²⁾, sông thu, trời rộng, trước cảnh ấy vẫn ngược mắt có núi sông đổi khác, ngậm nga trầm mồi đoạn trường, không lời nào tả xiết. Nỗi lòng sinh nhớ nhung hai nàng cũng giống như nỗi hai nàng nhớ sinh vậy.

Lại nói về hai nàng từ sau khi sinh lên đường, bội hoàn biếng đeo, phấn son trễ nải, nhưng là nhìn trăng thì bi ca sầu não, trước gió thì thở vắn than dài, chẳng có gì ngoài việc đối cảnh mà thương tình.

(1) Trường đình : cứ 10 dặm đường người ta lại lập một ngôi đình làm nơi đưa tiễn, hoặc nơi cho khách bộ hành nghỉ chân, gọi là trường đình.

(2) Xuất ý từ hai câu : “Lạc hà dữ cô lộ tể phi / Thu thủy cộng trường thiên nhất sắc” trong bài *Đăng Vương các tự* của Vương Bột (650 - 676) đời Đường.

Một hôm, Huệ tựa song ngồi một mình thấy gió lay cành liễu biếc, mưa gọi đóa mai vàng, trên xà chim từ yến riu ran, trên đài hoa chim hoàng oanh liu lo, càng xót thương cảnh thê lương của viễn khách, càng tăng nỗi oán hận góc biển chân trời. Xúc cảnh sinh tình, bèn ngâm bài *Khuê oán* theo vần từ “nhất động” đến “Thập ngũ san”, mười lăm bài tuyệt cú để tự mình than thở. Mười lăm bài thơ ấy nay chép hết ra đây :

1. Bạc khâm hương lãnh oán thê phòng,
Vãng sự phiền thành nhất mộng trung.
Thôi án tỉnh lai không tự thán,
Lân tương liên chữ phú lâu Đông.
2. Nhiên hương không tự ức phương dung,
Cự hữu thê lương hận chuyển nùng.
Bạch tuyết phi phi mai điệp thượng,
Tranh như khuê nữ oán hàn đông.
3. Lân tương kim kính đối tân trang,
Độc xử u khuê đoạn tận trường.
Đăng bĩ cao lâu dao vọng đoạn,
Nhất xoang sầu tự mãn lô giang.
4. Khuê đình lạc lệ trúc tà chi,
Thặng hữu song song yến tử phi.
Bất thị tương tư vô diệu cú,
Tàn đông phi tuyết dữ nan chi.
5. Liễu mạch can can khắp tử kỳ,
Hương khuê nhân sáu bất thăng bi.
Đạ thâm viễn tự chung thanh đoạn,
Nhất chủng tình sầu chiếu tử vi.
6. Hiếu lai đối kính mấn dung sơ,
Nhật tỏa song mi liễu bất thư.
Hà nhật thu kỳ liên báo tiếp,
Phong hồi xích tố phụ song ngư.
7. Lân bả vân tiên phát đỉnh tu,
Khán hoa không tự đoạn trường hu.

Phong xâm tú các tầng sâu tứ,
Hà nhật song song hiệu hữu lô.

8. Liên tiền phong động bích thê thê,
Miên thụ chi chi điều loạn đề.
Đôi kính sinh tình nan nhãn nại,
Sầu đoan đôi tích dữ sơn tề.

9. Vạn chủng tư lương vạn thốn hoài,
Vọng phu dao đệ cách thiên nhai.
Tương tư lân bả văn chương oán,
Mạc hận thi đề cú bất giai.

10. Thi nhiều tam thiên mộng xứ hồi,
Phù dung trưởng lãnh cộng thù ôi.
Hàn canh bán chẩm thê lương xứ,
Kỷ độ phương tâm phiến phiến hồi.

11. Bách thảo hàm phương cảnh sắc tân,
Bất kham sâu trúc lương mi tân.
Mộng hồi thần nhiều tam thiên giới,
Hội đắc quân nhan bất thị chân.

12. Thử khứ tranh tiêu thiếp nguyệt quân,
Mã đề ụng tảo bộ thanh vân.
Lộc minh dưng được thành sơ chí,
Phi thúy chung thành cảm thương vân.

13. Kỷ độ lâm phong kỷ đoan hôn,
Ly sâu dục ngữ phục thôn ngôn.
Nguyệt quân xúc mã đăng trình hậu,
Đới đắc hồi lai nhất Giải nguyên.

14. Nam lâu đãi nguyệt ỷ lan can,
Dao vọng Nam sơn lệ ám đàn.
Vạn chủng tình sầu do liễu loạn,
Tây phong hà sự bức nhân hàn.

**15. Chương bình phong ác nguyệt khê loan,
Lân hướng trang đài vấn ả hoàn.
Dục bả tiền thi trùng bút trước,
Nại hà tình loạn bất năng san.**

- (1. Chấn mộng tái tề ngọn gió lửa,
Chuyện xưa nào khác một cơn mơ.
Xô bàn tỉnh dậy mình than thở,
Chẳng muốn gửi lòng với ý thơ.
2. Thấp hương trạnh nhớ tiếc phương dung,
Chuyện cũ thê lương, oán hận nồng.
Tuyết trắng cành mai hay lá tả,
Tranh cùng khuê nữ oán trời đông.
3. Lẽ loi biếng ngắm cả gương vàng,
Đứt ruột phòng khuê ngại điểm trang.
Trèo tận lầu cao trông tít tắp,
Một bầu sầu cảm ngập Lô giang.
4. Đình nghiêng cành trúc, lệ tuôn rơi,
Sốt lại cặp chim én liệng đôi.
Chẳng phải tương tư, thơ khó viết,
Chống sao tật bệnh tuyết đông rồi.
5. Bờ liễu loi thoi, quán rượu khuya,
Ốm buồn khôn xiết, khách phòng khuê.
Chùa xa đêm vắng hồi chuông vọng,
Một mối tình sầu soi tử vị.
6. Sớm ra biếng chải trước gương soi,
Mày liễu hôm mai ủ dột hoài.
Yết bảng thu kỳ ngày báo tiếp,
Mổ phanh bụng cá lụy thư dài.
7. Ngại đem đỉnh vạc lấy thư lau,
Mắt lệ nhìn hoa đứt ruột sầu.
Gió lọt phòng thêu tăng khí lạnh,
Ngày nào mới được sánh đôi nhau.

8. Trước rèm cảnh biếc gió lao xao,
Cây gạo chim về hót gọi nhau.
Tinh nạng soi gương không chịu nổi,
Mối sầu chứa chất tựa non cao.
9. Muôn mối sầu vương dạ biếng khuấy,
Mong chàng xa ngóng cách trời mây.
Tương tư chẳng trách văn chương dở,
Đừng hận thơ để thiếu tứ hay.
10. Thơ quanh côi mộng vấn vương hoài,
Màn lạnh phù dung biết tựa ai ?
Đêm mộng thê lương dầu chéch gối,
Lòng này bao độ tái tê rồi !
11. Cỏ thơm cây lạ cảnh tươi màu,
Cau có mây chau bởi oán sầu.
Côi mộng ba ngàn, hỗn lộn vờn,
Cùng chàng giáp mặt : hóa chiêm bao.
12. Thiếp ước mong chàng đoạt giải cao,
Mây xanh vó ngựa sớm phi vào.
Lộc mình đạt được lời xưa nguyện,
Phỉ thúy chẵn kia dặt gấm màu.
13. Gặp gói đút hồn đã mấy phen,
Ly sáu toan kể lại thời liên.
Mong chàng sau buổi ra roi ngựa,
Mang được về đây cái Giải nguyên.
14. Lầu Nam đợi nguyệt tựa lan can,
Vọng tới Nam Sơn suối lệ tràn.
Muôn mối tình sầu còn bồi hồi,
Gió Tây sao rét tận tim gan.
15. Trăng treo đầu núi, núi giăng màn,
Biếng ngắm dài trang, hỡi ả hoàn.
Thơ cũ ngày xưa, toan viết lại,
Làm sao viết được, ý lan man).

Lan thấy vậy nói :

– Em có lòng như vậy, chị há lẽ vô tình sao ? Chị không thể họa được, em hẳn biết.

Bèn làm bài *Khuê oán* từ “nhất tiên” cho đến “thập ngũ hàm”, cũng xin chép hết ra đây để cùng xem :

1. Hương khuê nhân sáu quyển kim liên,

Đình niêu hoa gian bộ bất tiên.

Lục mấn dung sơ hồn tự lân,

Phương tâm bất nhược vị phùng tiên.

2. Đào hoa hàm lệ thấp hồng tiêu,

Độc đối thanh phong oán tịch liêu.

Nhàn ý sơ liêm tình thiết xử,

Hoàng hoa lưỡng điểm chính tiêu tiêu.

3. Ngọc phong cô hạc lập tùng sao,

Phi nhiều hương gian yến tử sào.

Thiết niệm dư tình nan dĩ dĩ,

Hà thời đối thủ cộng phân hào.

4. Ngọc phong xuy nhiều địch thanh cao,

Lệ sái hồng băng thấp cảm giao.

An đắc Nam Sơn vô hạn trúc,

Thủ thư phi nhận ký anh hào.

5. Vô đoan nhật nguyệt tỏa song nga,

Lân bả kim liên lý lục hoa.

Ỗ các phong phiêu sương lãnh giáng,

Bằng lan không tự xứng bi ca.

6. Sơn đầu yểm ánh nhật tương tà,

Nhất chẩm đề quyền nại nhược hà ?

Ảnh chiếu sa song tình dữ thiết,

Mãn xoang tâm sự loạn như ma.

7. Nhất bôi xuân sắc tắm hà hương,
Nhất đoạn tương tư nhất đoạn trường.
Thử cảnh thử tình thê thiết xử,
Dục giao cô nhận phó Hành Dương.

8. Tiêu lâu phong tống nguyệt tam canh,
Hương lãnh khâm cô mộng bất thành.
Khiêu tạn tàn đăng thê thiết thậm,
Nhất xoang sầu tự chiếu trường canh.

9. Nghênh phong độc tỏa ỷ lan đình,
Nhàn hương sa song triển họa bình.
Đôi cảnh quân hoài tâm tự túy,
Sầu mi hà thức viễn sơn thanh.

10. U hoài thâm khái lệ ngưng băng,
Nảo hận ti ông lạn xích thành.
Ngọc kích tiền đài phong nhiễu hưởng,
Tàn đông tâm thực lệ sầu chung.

11. Lương biệt do dư vạn chủng sầu,
Thậm thời bôi tửu túy tương thù.
Hà nhân xảo thiết đa ma tự,
Kim nhật khan lai thị thủ vưu.

12. Sa đà nhất phiến ái quân tâm,
Lân hương trang đài chinh ngọc trâm.
Hồi thủ chu lan tình cánh thiết,
Dục tương cảm tự phó ngư đảm.

13. Hàn phong sắt sắt thấu sơ liêm,
Độc lập đình giai lệ ám triêm.
Phỉ thị văn Thiều vong nhục vị,
Si tình tam nguyệt bất tri diêm.

14. Lệ điểm đào tai thấp tụ sam,
Tình đồng lưu thủy nhiều cô phàm.
Nghĩ tương án thượng dao cầm tấu,
Vô nại dư âm quý Nguyễn Hàm.

(1. Khuê nhân gầy guộc, chốn rèm vàng,
Lững thững bên hoa bước ngập ngừng.
Biếng chải tóc xanh người uể oải,
Chẳng như khi chưa được quen chàng.

2. Má đào, áo lụa, lệ chan hòa,
Oán nổi cô liêu, gió lững lờ.
Luống tựa rèm thưa, tình da diết,
Hoa vàng mấy chấm, cảnh tiêu sơ.

3. Lẻ loi chim hạc ngọn tùng cao,
Làm tổ xà nhà, cánh én mau.
Tha thiết tình ta không thể dứt,
Ngày nào trăn vị gấp mời nhau.

4. Gió đưa tiếng sáo vút lên cao,
Lệ tưới hồng băng ướt áo đào.
Ước được Nam Sơn rừng sẵn trúc,
Để thư gửi nhận tới anh hào.

5. Tháng ngày vô cơ khóa song nga,
Chân biếng mang hài, biếng lại qua.

Gác vắng gió đưa sương lạnh xuống,
Một mình tựa cửa hát bi ca.

6. Đâu non lấp ló ánh dương tà,
Gõ lê quyền kê luống thẩn thờ.
Bóng dọi song the tình thắm thiết,
Một bầu tâm sự rối như tơ.

7. Rượu xuân một chén tẩm sen hương,
Một mối tương tư, một đoạn trường.
Cánh ấy tình này, thê thiết nhẽ,
Muốn sai cánh nhạn đến Hành Dương.

8. Chòi canh gió rít nguyệt ba canh,
Hương lạnh, chần cỗi, mộng chẳng thành.
Khêu ngọn đèn tàn, bi thiết bấy,
Một bầu sầu não rọi năm canh.

9. Một mình hóng gió tựa lan đình,
Nhàn rồi hén song mở bức tranh.
Ngây ngất lòng này trong cảnh ấy,
Mất sầu đâu thấy núi xa xanh.

10. U hoài sâu lắng, lệ thành băng,
Buồn giận Ông Tơ tiếc xích thằng.
Gương ngọc trước đài nghe gió cuốn,
Đông tàn nấu ruột, lệ sáu chưng.

11. Ly biệt còn dư vụn mối sầu,
Ngày nào chén ngọc chuốc say nhau ?
Khen ai khéo đặt nên câu chữ,
Xem lại hôm nay đáng dím đầu.

12. Yêu chàng yêu trọn tám băng tám,
Đứng trước đài trang biếng sửa trang.
Hiên đỏ quang nhìn, tình thắm thiết,
Muốn đem chữ gấm ném ra đằm.

13. Rèm thưa gió lọt, xạc xào buồn,
Đứng lặng bên thềm, nước mắt tuôn.
Chẳng phải nhạc Thiếu quên vị thịt,
Si tình ba tháng muối quên luôn.

14. Lệ điểm hồng nhan, áo ướt đầm,
Tình như nước chảy lượn quanh huồm.
Trên bàn sẵn có đàn toan gảy,
Lại nghĩ dư âm thẹn Nguyễn Hàm⁽¹⁾.

Lại nói sau khi đến Sơn Nam thì tứ trường trúng được Giải nguyên ngôi cao, sinh bèn sai người về báo với Kiều công, đồng thời kín đáo gửi thư cho hai nàng rằng :

“Triệu sinh anh kính thư tới hai nàng :

Từ sau khi lên đường, nỗi lòng biệt ly dằng dặc, mối sầu đơn chiếc, đêm nào cũng mộng tưởng đi về. Thân anh ở Sơn Nam nhưng hồn đã phiêu dăng, không khi nào không ở cạnh hai nàng. Mỗi lần gió nổi ở tiêu lâu thì càng tăng thêm mối sầu ly biệt, tiếng chuông chùa xa càng khắc sâu nỗi hận chia ly. Thấy chim hồng về Bắc, nhận lẻ vào Nam, thường động mối suy nghĩ vẩn vơ của văn nhân. Ai ngờ lòng trời nhiều phần thương mến, anh may đã được giải nhất. Điều ước của anh đã toại nguyện mà hai nàng cũng đã phỉ nguyện. Chỉ nội nhật nay mai anh sẽ sửa soạn hành trang để về với lời ước “tâm phương”⁽²⁾. Chốn hương khuê tịch mịch, xin ai chớ lo nghĩ nhiều mà e nát ngọc thương hoa. Nỗi lòng dằng dặc, thư không kể xiết”.

(1) Nguyễn Hàm : (? - ?) tự Trọng Dung, một trong các nhân vật thuộc nhóm Trúc lâm thất hiền đời Tấn, nổi tiếng là người có tài âm nhạc, tính tình phóng túng.

(2) Tâm phương : tâm thơm, ý nói tìm người đẹp.

Hai nàng được thư mừng lắm, bèn hậu thưởng cho gia nhân chàng, đồng thời biên thư trả lời chàng. Thư rằng :

“Chúng em Lan – Huệ xin chấp tay vái chào quan tân Giải nguyên Triệu lang nhân, cúi xin chàng soi xét :

Từ sau ngày chàng ra đi, chúng em lòng dạ rối bời, cảm xúc man mác, tâm thần lằng lằng cõi tiên, chẳng lúc nào không tưởng nhớ chàng. Thấy cánh én tím liệng bay trên xà nhà luống tưng thương cảm, nghe oanh vàng riu rít trên đài hoa, những thêm tha thiết nỗi thương nhớ người ở xa. Kể với trăng, trăng không hề biết hỏi ; hỏi cùng hoa, hoa chẳng đáp lời. Chỉ còn biết tự nhủ lòng mình. Duy trong mộng được về, chẳng phải nguồn vui có thật. Chàng có thấu chăng lòng này ? Hôm nay tin vui báo về, chúng em mừng vui khôn xiết. Chỉ mong chàng sớm trở về để an ủi người tựa cửa chờ mong. Xin chàng soi xét”.

Sinh nhận được thư bèn chỉnh đốn hành trang, lên đường trở về ngay ngày hôm đó.

Đêm ấy, sinh ngâm trên gối một bài thơ luật để tự chúc mừng. Thơ rằng :

**Tài tú lãng vân khí thổ hùng,
Tranh tiêu đoạt cảm tiểu đàm trung.
Giao long phi thị trì trung vật,
Vân vũ lai thời giá mệnh xung.**

*(Tài tú vượt mây, mở mặt mây,
Tranh tài đoạt cảm cuộc vui này.
Giao long đâu ở ao tù đọng,
Xông thẳng trời cao đón gió mây).*

Hôm sau, Kiều công nhân sinh vừa chiếm được Giải nguyên trở về, bèn mở tiệc chúc mừng, sai người mời sinh. Sinh đến, Kiều Công bảo :

– Công tử nhất cử thành danh, thực quả là cây kiêu cây sở trong ngàn thảo mộc vậy.

Sinh thưa :

– Tiểu sinh may được lão ông ban ơn trợ giúp cho vậy.

Bèn vào cuộc rượu. Rượu đã ngà ngà, Kiều công bèn bảo sinh rằng :

– Lão phu cho công tử trọ trong nhà vốn không có ý gì khác. Chỉ vì bóng xế tang du mà chưa có con trai, chỉ có hai mụn con gái, cha già yêu quý như hạt ngọc trên tay, mong chọn được rể hiền, mà chưa gặp người. Thấy công tử có tài văn chương, nên có ý mong được vịn cây cao bóng cả, bèn đón công tử về đây. Trước kia nghĩ công tử đang thời dùi mài, e rằng phương hại đến công tử đèn sách. Nay công tử danh lớn đã lập, lão phu muốn đem con gái lớn gả cho công tử để nâng khăn sửa túi cho công tử, công tử thấy thế nào ?

Sinh đáp :

– Đa tạ đại nhân đã thương đến, đã giúp cho tiểu sinh sách sử học hành lập được công danh, nay lại tác thành cho việc hôn nhân, ơn đức của tôn ông dẫu núi kia bằng hòn đá mài, sông kia hẹp như dải lụa, tiểu sinh cũng chẳng dám quên.

Kiều công cả mừng, nhân trên vách có một bức tranh “Song khanh đồ bút”⁽¹⁾, bèn bảo sinh rằng :

– Đây là bức tranh phối hợp lương duyên, đủ vui đến ngàn thu. Mong công tử đừng tiếc lời châu ngọc để cho một bài thơ vịnh.

Sinh vâng mệnh bèn cầm bút đề một bài tứ tuyệt. Thơ rằng :

**Du du thiên tải ngưỡng phong lưu,
Duy hữu “Song khanh” nhất họa đồ.
Nhất niệm Hoa sinh vô xứ mịch,
Đồ linh thi khách đoản trường hu.**

*(Dằng dặc ngàn năm ngưỡng mộ tài,
Họa đồ một bức “Song khanh” thôi.
Hoa sinh chợt nghĩ tìm đâu thấy,
Những khiến thi nhân lưỡng thử dài).*

(1) *Song khanh đồ bút* : bức vẽ hai người con gái đẹp, lấy ý từ truyện *Song khanh bút ký* trong *Thiên duyên kỳ ngộ*. Ở đây Kiều công muốn gả hai con gái cho Triệu sinh nên hỏi dò ý chàng.

Kiều công cười rằng :

– Tài tình hẳn tiếp, hạ bút thành thơ, quả là bậc tài tử vậy.

Ông nhân hỏi ý câu thơ của sinh.

...⁽¹⁾

Thiên hạ dẫu rộng lớn, văn sĩ dẫu có nhiều, song đa linh, đa lợi, đa mỹ, đa tài thì không có ai vượt nổi công tử. Được như lời con út lão cũng có...⁽²⁾

Có gì là không được. Nhưng vì công tử danh lớn vừa lập mà gả ngay hai con gái, chỉ e những kẻ đa sự đàm tiếu...⁽³⁾

Sinh nhân lúc say nói rằng :

– Tiểu sinh được lão phụ thương đến mà gả hai con gái cho, thật lấy làm vạn hạnh, đâu dám vượt thân phận mà cầu mong quá mức.

...⁽⁴⁾. Tiểu sinh tài sơ trí thiển...⁽⁵⁾ tuy không dám sánh với cổ nhân...⁽⁶⁾.

PHAN VĂN CÁC dịch

(1), (2), (3), (4), (5), (6) Nguyên bản đều bị mất chữ.

VÂN NANG TIỂU SỬ

雲囊小史

Tác giả : **Phạm Đình Dục** 范廷煜 (1850 ? - khoảng 1905 - 1910), còn có tên là Phạm Đình Lập 范廷立 tự Mộng Bồng 夢捧, hiệu Loát Trúc đạo nhân 剝竹道人, vốn quê ở xã Đan Loan 丹鑾, huyện Đường An 唐安, tỉnh Hải Dương, cư trú tại Nam Định 南定. Năm Tự Đức thứ 29 (1876), ông đi thi đỗ Tú tài, sau đó được bổ Huấn đạo các huyện Chân Định 真定 và Thư Trì 舒池. Đến đầu đời Thành Thái (1889) thì bị cách, về ở nhờ nhà người anh em họ cho đến khi mất.

Tác phẩm : Vân nang tiểu sử 雲囊小史 được viết trong khoảng thời gian tác giả làm Huấn đạo ở Chân Định và hoàn thành vào mùa thu năm Bính Tuất (1886). Sau đó, hai con trai là Mạnh Thiệu 孟勣 và Trọng Liên 仲連 cùng hiệu chính. Vân nang tiểu sử ghi chép những chuyện kỳ lạ trong dân gian, từ những nhân vật hiếu hạnh tiết nghĩa, sức khỏe hơn người đến những chuyện về hồ ly, hổ báo, rắn rùa, chuyện thần linh, ma quỷ và chuyện các thầy tướng số, đạo sĩ,... Sách hiện vẫn ở dạng bản chữ Hán chép tay, ký hiệu A. 872 và A. 1179, gồm 2 bài Tựa : một của Trương Vân Hoa 張雲花, Hoa kiều nữ học sinh của tác giả, để ở Xung Hư quán, núi Tiểu Sơn ngày 14 tháng Tám năm Đinh Dậu, niên hiệu Quang Tự (1897), và một của chính tác giả, để mùa thu năm Bính Tuất, niên hiệu Đồng Khánh (1886), tiếp đến là hai bài thơ thất ngôn bát cú của tác giả cùng hai bài nữa của người em trai là Trọng Văn 仲文, Phạm Đình Phú 范廷富 để ở nhà học huyện Thư Trì ngày 15 tháng Mười niên hiệu Thành Thái

thứ tám (1896), và 5 quyển, nhưng quyển V chỉ còn lại tên truyện. Số truyện hiện còn là 86. Dưới các truyện thường có lời bình của Văn Sử Thị, cũng chính là tác giả, nhưng theo lời đề đầu sách thì còn có cả Trọng Văn Phạm Đình Phú, Đình Thần Nguyễn Thượng Hiền 鼎臣阮尙賢 và Chỉ Hồ Nghiêm Sĩ Đôn 止湖嚴士敦 cùng bình xen vào. Chúng tôi chọn 31 truyện theo trình tự : quyển I : 10 truyện, quyển II : 11 truyện, quyển III : 8 truyện và quyển IV : 2 truyện, do Nguyễn Đức Vân và Nguyễn Huệ Chi dịch. Một số truyện của Nguyễn Đức Vân dịch đều ở dạng bản thảo chưa in nên Nhóm biên soạn xin đối chiếu lại với nguyên văn để khảo dị giữa hai bản, nhằm hiệu chỉnh ít nhiều về câu chữ và bổ sung thêm chú thích.

156. NGẢI TRĂM NGÀY^(*)(1)

Phượng Nam có giống cỏ thiêng, gọi là “ngải” mà thực chẳng phải là cây ngải. Thổ dân trong Nam có phép niệm thần chú vào lá cây luôn trong trăm ngày thì hóa thành giống ngải thiêng ấy⁽²⁾. Người miền núi miệng ngậm ngải ấy vào rừng thì thú dữ tránh xa, mắt nhìn rõ mọi nơi dưới đất, biết đúng chỗ nào có trầm hương, kỳ nam. Nhưng nếu quá trăm ngày không về thì ngải lọt vào cổ họng, lông và đuôi mọc ra mà hóa luôn thành thú.

Ở dưới chân núi Hoành Sơn có một chàng *Mỗ* ngậm ngải vào núi, luôn ba tháng không có tăm hơi gì, người nhà đều đoán là đã bỏ mạng. Bỗng một chiều, anh ta trở về, ôm chầm lấy con. Người vợ từ ngoài đi vào, trông thấy bên vai trái anh ta còn đeo cái tay nải đựng trầm, nhưng thân thể đã mọc lông, tay chân đã sinh vuốt mà áo quần thì rách tướp. Chị rùng rờ kêu lên :

– Hùm beo đùa giỡn, đến cây, cáo còn chịu không nổi, huống nữa là người ! Móng tay anh sắc thế, khéo mà giết mất con.

Nghe nói, anh ta bèn dịch con ra, rồi lững thững đi xuống thêm, mài vuốt vào đá xoèn xoẹt. Người vợ thừa cơ, ẵm lấy con, trèo tuốt lên nhà sàn, kêu râm lên. Láng giếng tấp nập đổ tới. Người ta vớt cả thịt chín lẫn thịt

(*) Nguyên văn : *Bách nhật ngải*.

(1) Nguyên chú : do Thượng thư Nguyễn tương công, người Liên Bạt thuật lại. Chú thêm : tức Nguyễn Thượng Phiên (1829 - ?), thân phụ Nguyễn Thượng Hiền (1868 - 1925). Người xã Liên Bạt, huyện Sơn Minh, tỉnh Hà Nội, nay thuộc huyện Ứng Hòa, Hà Nội. Đỗ Đệ nhị giáp tiến sĩ xuất thân (Hoàng giáp) năm 37 tuổi. Làm quan đến Thượng thư Bộ Hình.

(2) Câu này nguyên văn viết dưới dạng chú thích. Chúng tôi cho là người chép sách lầm, nên đưa vào chính văn.

sống trước mặt anh ta để thử xem là người hay thú. Anh ta ăn cả hai thứ. Nhiều người muốn dùng cung tên diệt cho chết, nhưng có người ngăn lại mà nói :

– Ngươi này còn tiếc của, luyện con, lại cũng ăn thức ăn chín, thế là chỉ mới nửa người nửa thú. Người hóa được thành thú biết đâu thú lại không trở lại thành người. Nên kíp chữa trị cho hắn, đừng có giết.

Nghe lời, mọi người bèn sấn vào bắt trời. Anh ta vùng quẫy, cắn xé hết như loài thú. Họ vật lộn mãi mới bắt được, rồi lấy que lửa vào cổ họng anh ta, chốc lát nôn thốc lá ngải ra, bèn tìm thuốc cho uống và đem cơm cho ăn, mãi nửa năm mới khỏi. Anh ta tên là Hy, hiện nay vẫn còn.

Ván Sử Thị bàn rằng : Anh *Mỗ* kia lúc về đến nhà còn là nửa người nửa thú, nhờ chạy chữa mới trở lại thành người, dân làng chẳng phải là thầy hay, bạn tốt đấy ư ? Có người hỏi : “Cũng có loại người biết tiếc của, thương con, lại không có lông, có sừng mà hành vi cử chỉ rõ ràng là loài thú, thì có nên chữa không ?”. Ta nói : “Nên thí cho một nhất”.

NGUYỄN ĐỨC VÂN dịch

157. XỬ TỘI CHUỘT^(*)(1)

Các động Man miền thượng du thường có nhiều thuật lạ. Một anh thổ dân ở phủ Đoan Hùng có lần đem nhung hươu về biếu quan đầu phủ. Về tới sở lý thì cửa thành đã đóng, đành ngủ trọ lại ở quán hàng. Mờ sáng hôm sau trở dậy, thấy nhung đã bị cụt mất một tác, còn để lại vết răng lờm chờm. Anh ta nghi cho chủ nhà, bèn dòi bồi thường. Chủ nhà cầm nhung xem lúc lâu, rồi hỏi :

– Hồi đêm anh đặt nhung ở chỗ nào ?

Anh bảo :

– Để đầu giường.

Chủ nhà cười, nói :

– Ngốc quá cái anh này ! Không biết giống chuột hay gặm sừng ư ? Bấy giờ lại sinh chuyện chuột ăn trộm người phải đền, sao mà ngược đời thế !

Nghe nói, chàng nọ im lặng. Đoan lấy hai chiếc dũa cầm xuống giữa sân, làm thành cái cửa hình chữ *nhân* 人, cắt giấy dán ở giữa như treo cờ, rồi thắp hương, miệng lẩm nhẩm đọc thần chú. Chốc lát, một bầy chuột lũ lượt kéo đến, theo thứ tự đứng nép về bên trái, châu đầu hướng vào phía cửa, chân chụm hết lên, miệng có ý chờ đợi. Chàng nọ cất tiếng hỏi :

– Đã đầy đủ chưa ?

Rồi lại lẩm nhẩm đọc chú. Bầy chuột bèn theo thứ tự đi lần qua cửa sang bên phải, rồi lại quay mình đứng hướng vào cửa, chụm chân chờ đợi như lúc trước. Sau rốt, có một con chuột lớn vướng mảnh giấy đứng lại,

(*) Nguyên văn : *Nghiên thử*.

(1) Nguyên chú : do Đình nguyên Đỗ Huy Liêu (1844 - ?), người xã La Ngạn thuật lại.

quấy đập mãi không sao thoát ra được, miệng kêu chít chít liên hồi. Chàng nọ quát bảo :

– Ăn trộm của tao thì ra là mày à ? Hãy ném mũi dao của tao đây này !

Rồi anh vung dao chém sả con chuột đến lòi nhung ra. Xong xuôi, anh nhỏ hương cắm ở thêm vút đi. Bầy chuột liền nhảy nhót loạn xạ, một chốc tẩu tán hết sạch. Người xem đều cười rộ.

Vân Sử thị bàn rằng : Anh nọ độc thần chú mà chuột túm tụm lại ; chuột ăn trộm mà bị gông vào trong cửa, ấy là bậc thần rồi đấy ! Nếu người xử án ai cũng được như vậy thì trong chốn đao búa gông cùm làm gì còn có người chịu oan !

Có người nói : “Phép thuật mới diệu thay ! Hễ là kẻ trộm cắp thì có vùng quấy mấy cũng không sao thoát nổi”.

NGUYỄN ĐỨC VÂN *dịch*

158. TIẾT PHỤ HAI CHỒNG^(*)(1)

Đời nhà Lý, ở xã nọ thuộc huyện Nam Chân, có một nhà sinh được người con gái, từ lúc tóc còn tết bím đã thông minh xinh xắn không mấy người đọ nổi, lại biết chữ nghĩa và không hay buông thả nói cười. Cha nàng lấy làm lạ, lúc sắp mất dặn lại vợ rằng :

– Con gái ta lớn lên, thế nào cũng phải gả về anh nho sinh *Mỗ* ở làng nọ.

Rồi ông quay sang nói với con :

– Con hãy nhớ lấy lời cha, đừng gả nghĩa với ai khác.

Nói xong, ông tắt nghỉ.

Về sau, chàng nho sinh *Mỗ* nghe tin, bèn đến xin hỏi cô gái làm vợ. Vợ chồng rất tương đắc. Nhưng chỉ được ít lâu, chàng bỗng mắc bệnh hủi, không ai dám tới gần, mọi việc đều cậy nhờ vào vợ. Vợ một niềm kính yêu săn sóc, không chút nề hà. Đám trai trẻ tỉnh quái ở trong làng gặp nàng giữa đường thường nhại bài thơ của *Bạch Cư Dị*⁽²⁾ để giễu :

**Lưu Cương dữ phụ cộng thăng tiên,
Lộng Ngọc tùy phu diệc thượng thiên.
Hà tự nhi gia phụ phụ hảo,
Hà cò Lý lão hợp sàng miên⁽³⁾.**

*(Lưu Cương cùng vợ lên tiên,
Theo chồng Lộng Ngọc cũng lên cõi trời.*

(*) Nguyên văn : *Lưỡng phu trình tiết*.

(1) Nguyên chú : do ông Nguyễn Quân Tĩnh, Huấn đạo Cổ Nông thuật lại.

(2) *Bạch Cư Dị* (772 - 846) : thi hào lớn đời Đường. Tự Lạc Thiên, quê ở Hạ Khuê, nay thuộc tỉnh Thiểm Tây, Trung Quốc.

(3) Theo Nguyên chú, bài thơ của *Bạch Cư Dị* chỉ khác hai câu sau : “*Hà dĩ Sa Kha lĩnh Thôi tẩu! Bích du chàng dẫn hướng Tấn Xuyên*” ; nghĩa là : “Sao lại như Sa Kha đưa chị họ Thôi đi/ Cờ biếc dẫn tới đất Tấn Xuyên”. Các tên Lưu Cương, Lộng Ngọc, Hà cô, Lý lão trong bài thơ phóng tác đều là nhân vật thần tiên.

*Ai như nhà chị tốt đời,
Cô Hà lão Lý cùng ngồi một giường)*

Người chồng biết chuyện, thẹn mình mắc chứng bệnh lạ lùng làm lụy đến vợ, bèn cho phép vợ cải giá. Nàng khóc lóc mà nói :

– Còn lời cha trăng trối đấy thì sao ? Chẳng lẽ khi lành lặn thì ở với nhau, gặp lúc ốm đau lại chia lìa, thân nào chứng cho !

Rồi nàng nhất quyết không nghe. Chồng bèn thừa cơ trốn đi. Cả nhà tìm khắp, nhưng biệt tăm chẳng còn tung tích. Dẫu thế, nàng vẫn thể không đổi tiết. Mẹ đẻ nàng rất bức, nói dối :

– Chồng mày bị tàn tật, mà nay cũng còn đâu nữa. Mày định làm bà vãi ư ? Thì tao biết nương tựa vào ai bây giờ ?

Vừa lúc ấy có anh học trò cũng người trong quận đến xin hỏi, bà mẹ bắt ép nàng phải nhận lời. Được vài năm, nàng sinh hai con trai, rồi người chồng lại thi đỗ, trải thăng đến chức Đề hình tỉnh Sơn Tây.

Gặp năm đói kém, quan Đề hình phụng mệnh vua đi phát chẩn cho dân. Bấy giờ người ăn xin tụ tập đông như quạ, cả người học trò bị bệnh hủi kia cũng có mặt ở đấy. Khi phát gạo cho anh, anh không nhận, nói :

– Tôi ốm yếu đã lâu, không nấu nướng được, và cũng không có nồi, lấy gạo làm gì ?

Đề hình nghe, lấy làm lạ, gọi anh đến hỏi :

– Anh là học trò ư ? Là học trò hẳn cũng biết, người xưa những ai từng phải đi ăn xin chứ ?

Chàng hủi lần lượt kể tên các ông Ngũ Viên, Đào Tiềm, Vương Bá, v.v.⁽¹⁾ để đáp lại, lời lẽ rất trôi chảy. Quan lại càng lấy làm lạ, cấp cho một ít tiền, và sau khi về dinh rồi, vẫn còn than thở mãi. Thấy thế, phu nhân gạn hỏi lý do, ông nói :

– Vừa rồi, tôi đi phát chẩn, có người ăn xin là học trò lại bị bệnh hủi, tôi đặt mấy câu hỏi khó, anh ta đều ứng đối được cả⁽²⁾ ; tội nghiệp con người như thế mà sao lại mắc bệnh hiểm nghèo thế chẳng biết !

(1) *Ngũ Viên* (? - 484 tr. CN) : người đời Xuân thu ; *Đào Tiềm* (khoảng 365 - 427) : ẩn sĩ Trung Quốc đời Tấn ; *Vương Bá* : người đời Đường. Cả ba đều là người hiền tài gặp vận đen phải tạm ăn nhờ người khác.

(2) Câu này bản A. 872 chép sai nên không rõ nghĩa. Chúng tôi dựa vào A. 1179 để hiệu chỉnh.

Nàng nghe, ngờ là chồng cũ của mình, bèn lựa lời bảo chồng :

– Chí thành là đức của người danh sĩ. Ông tiếc gì một chút công khó, nỡ để cho người có học phải lụy với kiếp phong trần ư ?

Quan thấy thế, liền cho gọi anh học trò hùi đến. Nàng dòm trộm thì quả là chồng cũ của mình, bèn khuyên ông cho anh ở nhờ trong nhà, và chu cấp rất hậu. Từ đó, bao giờ nàng cũng bận quần lót, thắt dây lưng thật chặt và không chịu chung chăn gối với chồng nữa, chẳng ai hiểu là vì duyên cớ gì.

Một đêm kia, chàng hùi bỗng mắc bệnh đau bụng tháo dạ, mình nóng miệng khát, phải lần mò ra sân vực xuống uống nước trong một cái ang. Thế rồi, sáng hôm sau, bệnh hùi bỗng biến đau mất. Xem lại thì ra trong ang có con rắn trắng chết nằm trong ấy. Quan Đề hình biết lấy làm mừng lắm, khuyên anh dự kỳ thi Hương. Khoa ấy anh đỗ Hiếu liêm⁽¹⁾, rồi mùa xuân năm sau, lại đỗ luôn Tiến sĩ. Tin mừng về đến dinh, phu nhân bỗng ăn mặc chỉnh tề, bước ra nhà ngoài, lạy chồng mà nói :

– Thiếp là người không giữ tiết, chẳng đáng sống nữa làm gì, may được hầu khan lược, đã có hai con trai, nay con lớn để lại thờ chàng, xin để đứa con thứ hai cho quan Nghè mới, được thế, thiếp không còn ân hận gì nữa.

Dứt lời, nàng nuốt liều thuốc độc chết ngay. Chồng rất đổi kinh ngạc. Đến khi vị tân khoa Tiến sĩ vinh quy về tới nhà, nói chuyện với nhau, mới rõ nguồn cơn, bèn đem việc ấy tâu lên triều đình. Vua bèn ban cờ biển đề mấy chữ : “*Luông phu trinh tiết*”, nghĩa là : “Tiết phụ hai chồng”.

Ván Sử thị bàn rằng : Đã lấy hai chồng sao lại được gọi là trinh tiết ? Vì có lấy hai chồng mới rõ tiết tháo của nàng. Nếu lấy anh chồng hùi mà trọn đời hài hòa cảm sát thì cũng chỉ là cặp vợ chồng tốt mà thôi, chứ sao rõ ra được là người trinh tiết ? Ta thấy người đời được lựa quên sồi, có mới nới cũ, có người lại còn ôm tả ấp hữu, ngủ Đông ăn Tây, dĩ già hoàn lương mà chồng còn cho là trinh. Đời mạt ít có người hoàn toàn thì gọi là “tiết phụ hai chồng” cũng được.

NGUYỄN ĐỨC VÂN dịch

(1) *Hiếu liêm* : tức Cừ nhân.

159. MA TRÀNH^(*)

Miền núi Hoan Châu có nhiều hổ, dân chúng sợ hãi, trời vừa nhá nhem đã đóng cửa. Vây quanh nhà là hàng rào tre rất dày. Có anh Ất nọ ý mình lực lưỡng, vốn xem thường hổ, dựng nhà ngay giữa rừng mà ở. Chiều đến, thường có một con hổ lượn quanh bờ rào nhà anh rình mò, thỉnh thoảng lại thò đuôi qua hàng rào có ý chèo kéo người ta. Ất chỉ cầm dao để phòng chứ chẳng dám trêu vào nó. Nhưng nó cứ làm mãi, coi thế là chuyện thường. Ất giận quá, chặt một nhát đứt băng cả khúc đuôi. Hổ kêu rống lên rồi vọt đi. Ất biết thế nào nó cũng trở lại, bèn chuyển vợ con đi nơi khác, một mình ở lại chờ xem. Đêm ấy, hổ quả lại mò đến, sục sạo ngoài bờ rào, chân dẫm loạn soạt. Ất canh giữ ráo riết, hổ vào không được, tình mớ mới bỏ đi. Ất mệt mỏi vì phải chống chọi rất căng, sáng ra bèn đóng cửa nằm ngủ. Chợt anh mộng thấy một người tới trước mặt nói :

– Dậy, dậy, ta là ma trành⁽¹⁾ đây. Đêm nay nó sẽ kêu cả bấy đồ xô đến, anh không chống nổi đâu, hãy kíp tránh đi.

Ất hỏi :

– Người không nương tựa vào hổ nữa sao ?

Đáp :

– Đuôi nó không còn thì ta còn biết bám vào đâu ? Vì chuyện ấy mà ta cảm ơn đức của anh nên đến đây báo tin cho anh biết.

Ất kinh hãi tỉnh giấc, rồi chọn một cây to ở trước nhà ôm lấy trèo lên, đón xem sự lạ. Đến đêm, quả thật hổ kéo tới cả đàn, anh nhắm đếm được

(*) Nguyên văn : *Hổ trành*.

(1) *Ma trành* : sách *Bác vật chí* chép : Khi người bị hổ ăn thịt, hồn phải nương vào mình hổ và bảo vệ cho hổ, gọi là “ma trành”, nhưng ma trành chỉ biết bám vào đuôi hổ, nếu hổ mất đuôi thì ma mất chỗ nương náu.

đến hơn mười con, trong số ấy có cả con hổ mất đuôi. Chúng rống gầm, vỗ nháy, tiếng vang động cả núi rừng. Nhà cửa, vườn tược cho chí đồ đạc của Ất không một thứ nào còn nguyên vẹn. Anh cứ phải nín hơi, nằm mẹp trên cây, cho đến lúc mặt trời lên ba cây sào, trên đường người qua kẻ lại tập nập, bấy hổ mới tản đi.

Từ đó, Ất cũng bỏ trang trại về làng ở.

Ván Sử Thị bàn rằng : Ta căn cứ vào sách *Bác vật chí* thấy nói, người bị hổ ăn thịt, hóa làm ma thành, phải quấn quanh bên mình hổ để hộ vệ nó. Than ôi ! Thân đã làm thức ăn cho hổ mà hồn lại phục dịch hổ, cái kiếp ma thành có xuẩn không chứ ! Thành ngu ở việc hầu hạ hổ, lại còn tíat mất với bà chua. Vì thế hổ mới dạn dĩ trước cạm bẫy, thản nhiên trước hầm chông⁽¹⁾. Nếu không thế thì hổ đã hung hãn, ma thành lại tỉnh khôn, cư dân miền núi sẽ không còn sót một mống. Ma thành nọ hiểu rõ thời cơ và biết đáp đền ơn đức, thế đâu còn ngu và tối nữa. Người có sức vóc nên chặt đuôi hổ để cứu ma thành là đúng vậy.

NGUYỄN HUỆ CHI dịch

(1) Nguyên chú : theo sách *Bác vật chí*, “Vật loại chí”, ma thành thích đồ chua. Vì thế, khi làm bẫy hổ phải tẩm ô mai với đồ chua, thành ăn vào sẽ tối tăm không còn biết gì, bấy giờ hổ dễ sa bẫy.

160. CHỊ EM ĐỐI CON^(*)(1)

Vào đời Tiên Lê, ở làng Vĩnh Đông, nhà ông Giáp có hai cô con gái. Viên Thái sử *Mỗ* người cùng làng, thuở còn nghèo khó cưới người chị làm vợ, còn cô em thì gả về cửa làng chài. Cô này đẻ liền ba con trai, còn bà Thái sử thì khổ vì nổi sinh toàn con gái, mấy lần sinh lại không nuôi được. Về sau, cả hai chị em đều có thai một lần, đẻ hai bé trai cùng một ngày. Bà Thái sử bèn thâm tính kế cùng mẹ đẻ, ôm con mình trao vào con của em. Thái sử chẳng hay, mà vợ chồng làng chài lại càng mù mờ không biết. Được ít lâu, Thái sử đường khoa danh hiển đạt, vào triều làm quan suốt mười mấy năm. Con trai ông lớn dần, không ham đèn sách, mỗi khi bắt cấp cập đến trường thì trốn lủi, chỉ thích bơi lội suốt ngày. Thái sử được tin, biết lỗi mình thiếu công phu rèn cặp, bèn xin trí sĩ, trở về vườn cũ để dạy dỗ con. Nhưng dẫu dòn vọt đã nhiều phen, cậu ta chứng nào vắn tật ấy. Thái sử thường tự nhủ thâm, nhà mình suốt mấy đời thi thư, thật chẳng đáng phải rơi vào nông nổi ấy. Dẫu biết việc dòng dõi là trọng đại, nhưng ông cũng chẳng biết làm thế nào.

Một lần, Thái sử bị ốm. Năm hết tết đến, có lễ cúng gia tiên, ông giao cho con đứng chủ tế. Bấy giờ ông nằm mơ thấy chỗ từ đường nhà mình có mấy người mang nơm, mang lưới, để mình trần đang ngồi trong đấy, còn tổ tiên mình thì cân đai mũ áo nhện suông, đứng tận ngoài sân. Lúc tỉnh dậy, nghi ngờ vợ tư tình với người làng chài, ông bèn tra hỏi rất gắt. Phu nhân đành kể hết tình đầu với chồng. Ông tức tốc tìm đến túp nhà người em đồng hao, thấy ba người con dẫu của ông này đều theo nghiệp chài lưới, người nào cũng bơi lội rất thiện nghệ. Duy có người con út, dáng dấp khác

(*) Nguyên văn : *Tỷ muội dịch nhi.*

(1) Nguyên chú : do ông Phủ người xã Tri Chì là Nghiêm Sĩ Đôn thuật lại.

người, là có phong thái một văn nhân. Hồi đến học nghiệp thì rất tinh tường. Ông bèn gọi người làng chài đến bảo rằng :

– Ôi ! Chú chăm bẵm lắm con tôi mà tôi nuôi nấng lắm con chú rồi.

Vợ chồng người làng chài ngơ ngác không hiểu. Ông bèn nói rõ duyên cớ và ép phải đổi lại. Người làng chài nói :

– Hồi nó mới sinh ra, vợ chồng tôi có đổi chác gì đâu, hỏi ai đổi vào đây được ? Với lại, nòi nào giống ấy là chuyện đã đành rồi, nhưng há lại không có lúc nòi đen mà vẫn đẻ ra giống đỏ ấy à ? Dẫu cho quan lớn nói phải tôi cũng không dám vâng mệnh.

Thái sử đem việc ấy tâu lên triều đình, người làng chài vẫn khẳng khái giữ ý mình, không ai lay chuyển nổi. Lúc bấy giờ bà mẹ cũng đã chết, không còn ai làm người đổi chác, triều đình bàn luận mãi mà không sao quyết được. Rốt cuộc, bà Thái sử già yếu, tắt đường sinh nở, đám vợ lẽ nàng hầu cũng chẳng người nào có con, thế là dòng dõi văn chương nhà Thái sử trở nên mai một. Còn người con út nhà làng chài thì thi đỗ làm quan, rạng vẻ thanh vân, con cháu cũng nối đời khoa hoạn, sánh ngang với họ nhà Thái sử

Văn Sử Thị bàn rằng : Vì con mình nhiều lần chết yếu mà đem đổi cho em, người đàn bà kia thật là tham và ác quá lắm vậy. Chả thế mà quý thân giận dữ, làm cho giống nòi khoa hoạn tiêu ma. Đáng sợ lắm thay ! Nếu con ông Thái sử đứng chủ tế mà người mang nôm, mang lưới, mình trấn ngồi trên bàn thờ thì khi con người làng chài cúng tế, biết đâu lại không phải người mang áo mũ tới hưởng ? Do tham lam độc ác, người đàn bà tráo con, thành ra tráo mất cả tổ tiên, thật đáng đau xót.

NGUYỄN HUỆ CHI dịch

161. VINH HIỂN Ở CỐI ÂM^(*)

Người chú thứ hai của tôi tính tình chất phác, ngay thẳng, đáng người đạo mạo, hiên ngang, ai trông thấy cũng sinh lòng kính trọng. Ông cần cù đọc sách đã năm mươi năm, học trò ông người đồ Tiến sĩ, người đồ Hiếu liêm⁽¹⁾, người trúng Tú tài, từ cửa trường ông mà xưng hùng xưng bá trong làng khoa cử rất nhiều. Riêng ông bao phen lận đận mãi vì văn bài nơi trường ốc, hồng rồi lại thi, tưởng leo lên chốn Bông Lai rồi lại gặp gió chướng ngăn trở kể đã nhiều lần. Ông đành đem số mệnh ra an ủi, không nghĩ gì đến trường văn trận bút nữa. Năm Canh Ngọ (1870), ông mở trường dạy học ở làng Lam Kiều, Nam Xương. Làng ấy có một ngôi miếu thờ thần rất thiêng, gặp việc gì thường phụ vào người để mách bảo. Một hôm, đang lúc thần ngự, ông đứng lẫn trong đám đông, thần chợt trông thấy, vội vàng đứng dậy mời cùng đàm đạo, thái độ rất kính cẩn. Một hôm khác, thần lại ngự, nhân ông không có mặt ở đấy, người làng hỏi rằng :

– Tiên sinh hôm trước phải chăng là người sẽ thành đạt lớn ?

Thần nói :

– Chẳng phải thế đâu, nhưng đấy là người quang minh, lỗi lạc, không có thói hư tật xấu, chính là người sẽ quý hiển ở cối âm đấy. Hễ ai sẵn có thiên tính từ trước chứ không phải tình cờ mà có thì đều được thượng giới và cối âm kính trọng ; còn bọn trâm bào, mũ lọng mà sa vào kiếp luân hồi nào có thiếu gì !

Trong năm Tân Mão (1891), trước lúc chết vài tháng, bỗng nghe ông nói với con cháu rằng :

(*) Nguyên văn : *Mình quý*.

(1) *Hiếu liêm* : xem Chú thích 1, tr. 497, truyện *Tiết phụ hai chồng*, số 158, cùng tập.

– Mẹ ta chết vào ngày Phật đản⁽¹⁾, chờ qua ngày giỗ, ta cũng sẽ đi.

Quả nhiên đến ngày 11 tháng Tư năm ấy, ông mất.

Sau đấy vài ngày, tôi nằm chiêm bao, thấy ông cưỡi ngựa hồng cùng bốn người hầu từ ngoài đi vào. Quên rằng ông đã chết, tôi mừng rỡ chào hỏi :

– Chú nay quý hiển rồi sao ?

Ông cười, trả lời :

– Ở cõi âm không có chuyện đứt lót, chạy vạy đâu.

Tôi thốt khóc lên, bỗng nhiên tỉnh dậy, nhớ lại thần nói trước kia, bèn ghi ra giấy.

Ông húy là Đức Hanh, tự là Trọng Gia, hiệu là Đan Hồ cư sĩ.

Vân Sử Thị bàn rằng : Hễ là người có bẩm chất trời sinh chứ không phải tình cờ thì đều được thượng giới và cõi âm kính trọng. Lời nói ấy chí lý thay ! Thế thì những người giàu sang ở thế gian này, sống thì còn, chết thì mất đều chẳng đủ cho trời khinh hoặc trọng vậy. Thường thấy bọn áo mũ, trăm hốt mà o ép khảo đả, cướp bóc sinh linh, bội bạc, gian dâm, làm loạn kỷ cương thì đều không được trọn kiếp, lại chịu tội luân hồi, hóa thành trâu ngựa, ác nghiệt còn lây đến con cháu, công danh tài sắc xưa nay nào có ăn thua gì. Chú ta trung hậu, nhân đức, trội hẳn trong làng nước, sáu mươi năm lận đận, rốt cuộc thua ít mà được nhiều, phàm con cháu ta đều nên gắng gỏi.

NGUYỄN ĐỨC VÂN dịch

(1) Ngày Phật đản : tức ngày mồng 8 tháng Tư hằng năm.

162. QUẬN CÔNG LUỐT GIÓ^(*)

Vào đời Hồng Đức triều Lê, ở kinh thành Thăng Long, có tay bợm, người ta thường gọi là “Quận công Luốt Gió”, ý nói hành tích của anh ta như gió, không cửa ngõ kiên cố nào không lọt được vào, thật chẳng khác gì tay “Diệu Thủ Không Không” đời trước⁽¹⁾. Triều đình muốn nghị tội, nhưng không sao nắm bắt được chứng cứ đích xác. Nhà vua cũng nghe tiếng anh nghĩa hiệp, chỉ lấy của cải của những kẻ bất nhân mà giàu có để giúp đỡ đám học trò nghèo, còn nhà anh thì gia tư chưa đến bậc trung, vợ con áo chỉ vừa đủ ấm, trẻ nhỏ trong nhà cũng đành phận rau dưa.

Năm ấy, đúng vào ngày trừ tịch⁽²⁾ nhà vua ăn mặc rách rưới, tới gõ cửa nhà anh ta, kêu than rằng :

– Tôi là hàn sĩ, làm nghề dạy học, năm cùng tháng tận mới trở về quê, chẳng may giữa đường gặp quân cường khấu, tư trang bị vét nhẵn. Cả một nhà không còn chút gì mà cầm cự với cái Tết. Dám mong ông nhón tay làm phúc⁽³⁾.

Luốt Gió đáp :

– Xem đáng đáp thấy, bề ngoài không có vẻ gì là phạm tục, hẳn không phải kẻ chuyên săn tìm miếng ăn. Nhưng gần đây những người gặp cảnh

(*) Nguyên văn : *Phong Lậu Quận công*.

(1) *Diệu Thủ Không Không* : Nguyên chú : theo *Kiểm hiệp truyện*, là tên một nhân vật kiếm hiệp tuyệt nghệ đời xưa, người không biết rõ hình tích, mà cũng không biết rõ dấu tích.

(2) *Trừ tịch* : đêm 30 tết Âm lịch.

(3) Câu này nguyên văn là “*Tây Giang bất viễn, khát tế Ba Thần*” 西江不遠乞濟波臣 ; nghĩa là : Sông Tây không xa, xin giúp cho kẻ “ba thần” này, lấy điển ở thiên *Ngoại vật* của Trang Tử (khoảng 369 - 286 tr. CN), chúng tôi dịch thoát.

ngộ như thầy cũng có đến mấy chục. Tôi không làm mặt bủn xỉn với họ được, nên nay trong túi khánh kiệt, chẳng còn làm thế nào được !

Vua cứ giả cách cầu khẩn mãi không thôi. Anh bèn nói :

– Thôi thì hẵng cứ nán lại đây, tôi sẽ vì thầy mà thử tính xem.

Đoạn, gọi đem rượu mời vua cùng uống. Uống được lừng chai, Lướt Gió nói tiếp :

– Nói thực với thầy, tôi có chút thuật nhón của người để giúp người cơ cực, nhưng những gì mình lấy đều là của phi nghĩa cả. Không thế thì dầu của rơi của vãi dọc đường tôi cũng chẳng thèm. Thầy có biết quanh đây có nhà nào bất nghĩa mà giàu không ?

Vua nói :

– Nhà anh *Mổ* kia.

Anh đáp :

– Đây là nhà buôn, vốn mẹ đẻ lãi con mười phần chỉ được một, sao lại gọi là bất nghĩa ?

Vua lại nói :

– Vậy thì nhà anh *Mổ* nọ !

Anh lại nói :

– Đây là nhà nông, khéo tần tiện để dành. Không được đâu !

Vua nói :

– Ngoài hai nhà ấy, ai nữa tôi cũng không biết.

Một lúc lâu Lướt Gió mới nói :

– Đây này.

Vua hỏi :

– Ai vậy ?

Đáp :

– Có viên quan *Mổ*, trông coi kho tàng, lại chuyên cuỗm của nước mà trở nên giàu sụ. Nó ăn trộm để béo riêng mình nó, ta trộm lại của nó để cứu giúp người, thế mới đáng chứ !

Vua hỏi :

– Thật thế à ?

Anh đáp :

– Kho nọ của cái rò rỉ hết ra ngoài, đến nỗi bên trong trống trơn, hạng mục kia chỉ còn trưng không cái tên chứ thực là thiếu hụt, tôi có vu cho ai đâu !

Đêm xuống, anh liền ra đi, đến tận nửa đêm mới về, gọi nhà vua :

– Dậy ! Dậy !

Rồi rút trong ống tay áo ra năm nén bạc, và nói :

– Chùng này để tặng thầy.

Vua hỏi :

– Ông chỉ lấy có thế thôi ư ?

– Tôi mở hòm xiềng nhà nó ra, vàng bạc không biết bao nhiêu nhưng chỉ lấy vừa đủ để cứu cấp cho thầy thôi ; thế rồi lại khóa lại mà đi ra, chẳng một ai phát giác cả.

Vua cảm lấy, cảm tạ anh và từ biệt, rồi ngấm đem bạc đến chôn dưới chân thành.

Hôm sau, triều đình họp mặt mừng năm mới, vua nhân đấy hỏi viên quan *Mỗ* :

– Nhà ngươi có bị mất trộm không ?

Tâu rằng :

– Bẩm không.

Vua nói :

– Hòm xiềng nhà ngươi có chùng ấy vàng bạc, năm nén đã không cánh mà bay rồi.

Rồi vua đặc sai một viên Trung sứ dẫn ông ta đến dưới chân thành đào lên. Viên quan *Mỗ* mặt mày thất đảm. Sau cùng, giao xuống triều đình bàn nghị, khế y vào điều luật “làm Giám thủ kho tàng mà đi trộm kho”. Còn chàng Lướt Gió thì vua tự tay đề lên tám biển thếp vàng mấy chữ : “*Đạo tặc hóa vì quân tử*” ; nghĩa là : trộm cướp hóa ra người hiền, để nêu khen.

Vân Sử Thị bàn rằng : Chàng Lướt Gió có lẽ cũng là một khách Râu Quăn⁽¹⁾ chăng. Chàng xem của cải thế gian thấy đều như của chính mình gửi ở kho ngoài, nên không lấy nhiều làm gì. Nhà vua muốn tra xét tội của anh ta, rồi cuộc lại phát hiện ra tội của viên quan *Mổ*. Kỳ thay ! Giá thử vua không bày kế tìm đến nhà thì đâu biết được kẻ chuyên mở nắp hòm không phải là trộm, mà chính bọn đeo đai vàng cài hốt mới thật là phường trộm cắp đấy sao ! Phàm lấy của cải của những kẻ bất lương giàu có để giúp đỡ người lương thiện mà nghèo, đích thực là hành vi của trang hiệp sĩ, dù là ăn trộm cũng chẳng hại gì. Gọi đó là “đạo tặc” có thoả đáng không ? Tuy nhiên, đem món của cải không phải của mình mà tặng người khác cũng đâu phải là người quân tử ! Vậy thì như thế nào mới đúng ? Thì cứ gọi anh ta là “hiệp sĩ biết nghĩa”⁽²⁾ cũng được.

NGUYỄN HUỆ CHI dịch

(1) *Chàng Râu Quăn* : cuối đời nhà Tùy, Trương Trọng Kiên râu đỏ mà quăn, thường gọi là Cù nhiêm khách ; nổi tiếng là hiệp sĩ vì đã từng giúp đỡ Lý Tĩnh và Hồng Phát. Ông là người có tài cao, chí lớn. Bấy giờ thiên hạ đang loạn, ông muốn khởi sự ở Trung nguyên để thống nhất giang sơn, nhưng khi nhìn thấy Đường Thái Tông (ở ngôi 627 - 650) biết là chân thiên tử, bèn bỏ đi. Về sau làm vua nước Phù Dư. Xem thêm Chú thích 1, tr. 63, truyện *Nguyễn Giám sinh làm vua đất Bắc*, số 63, Tập III.

(2) *Hiệp sĩ biết nghĩa* : La Đại Kinh đời Tống gọi Trương Lương (? - 186 tr. CN) là “hiệp sĩ biết nghĩa”, ở đây dùng điển ấy. Xem thêm Chú thích 1, tr. 14, truyện *Tìm đất đến ơn*, số 50, Tập III.

163. CỌP DẠY^(*)

Ở phủ Lâm Thao, có núi Thiết Sơn, dưới chân núi có rừng, là sào huyệt của loài hổ. Từ sáng chí tối dẫu hổ chẳng chịt trên đường, cỏ cây khắp vùng dính vết máu người và máu súc vật đỏ như sơn. Lửa trời đầy mặt đất, xương chất như gò đồng, cách xa mấy mươi dặm còn ngửi thấy mùi tanh. Mọi người đều tránh xa, coi đó là con đường vào cửa tử. Thằng hoặc có lai vãng thì cũng phải tụ họp mấy chục người cùng với trống, thanh la, giáo mác.

Ở làng kế bên có anh chàng Ất, rong chơi liều mạng, vượt mọi khuôn phép, lại đam mê bài bạc, trộm cắp, thói xấu nào cũng có. Có người cáo giác lên quan, quan trừng trị, rồi đưa về cho họ tộc cai quản. Nhưng nói mấy Ất ta vẫn không chuyển, làm cho họ hàng mấy lần bị quan phạt. Ai cũng bức bối, muốn thí cho Ất một nhát cho rồi đời. Có người nói :

– Hắn ta là phường vô lại thật, nhưng cũng là máu mủ nhà mình, nữ nào nhìn nó run bắn lên khi chịu trận ? Đều là chết cả thì thà đẩy quách nó đến trước miệng hổ còn hơn.

Cả họ đều tán thành, bèn trói Ất lại, chờ đến chiều tối mới khởi sự. Họ bảo nhau đề phòng cẩn thận, dẫn đi rồi phục rượu thịt cho Ất no say, sau đấy, buộc anh vào giữa khu rừng nhiều hổ, và dặn :

– Mày có làm ma “trầnh” thì cũng chớ bạc ác với họ hàng nhé !

Thế rồi, họ hò hét nhau tẩu tán.

Ngày hôm sau, một vị kỳ lão trong họ nói :

– Nó tính nết như loài hổ lang, có bị hổ hành cũng chẳng tiếc gì. Tuy thế, chẳng đùng nên bỏ mặc nắm xương tàn của nó lăn lóc giữa rừng thì dưới suối vàng mối hận của nó mới tiêu đi được.

(*) Nguyên văn : *Hổ giáo*.

Mọi người lại tụ tập khí giới kéo vào rừng. Thì ra Ất vẫn còn sống, thân thể không bị thương tích gì, duy mớ tóc trên đầu đã nhẵn thín như ai gọt, cạnh chỗ anh ta còn thấy một đồng tóc dính bết với nước dãi hổ. Hỏi thì Ất đáp :

– Tôi say rượu ngủ thiếp đi, mở mắt ra, thấy hổ đã liếm mất mái tóc, và đang ngồi xồm bên cạnh, mãi sau mới bỏ đi.

Nghe nói ai nấy không nhịn được cười, bèn cời trói đưa anh ta về. Từ đó, Ất dần dần đổi hẳn tính nết, cuối cùng trở thành một người tốt.

Vân Sĩ Thị bàn rằng : Họ tộc rắn đe, quan trên quả phạt nhiều phen vẫn chứng nào tặc ấy, Ất kia cũng là tên bọm thậm cứng cổ ! Thế mà khi bị hổ liếm trọc đầu lại như đổi hẳn ruột gan, thế thì cái lưỡi của chúa rừng dạy người há không hay gấp vạn lần việc lặn lội tìm thầy học đạo hay sao. Đời xưa có chuyện hổ làm mối⁽¹⁾, hổ thừa tự⁽²⁾, thì việc này cũng nên gọi là hổ gọt đầu. Tiếc không mở trường cho hổ giữa rừng để bọn con em ngỗ nghịch trong thế gian đến hầu trước chiếu, nhuần thấm chút nước bọt của “thầy hổ”. Có người nói rằng : “Hổ gọt đầu, hổ dạy phép tắc cho như vậy, đáng gọi là Thiên sư hổ”. Ôi, lạ thật !

NGUYỄN ĐỨC VÂN dịch

(1) *Hổ làm mối* : *Tình sử chép* : Xưa có nhà họ Trần ở núi Nghĩa Hưng, đêm nghe có tiếng hổ gầm, sáng dậy thấy có người con gái để sẵn ngoài cửa, bèn cưới làm vợ cho người con út, người đời gọi là “bà mối”.

(2) *Hổ thừa tự* : theo *Thư dị Tống Sơn cổ sự*, xưa có bà già nọ chỉ có một người con trai bị hổ vồ, sau người làng bắt được hổ, hỏi : “Có phải mày giết con bà ấy không ?”. Hổ lại gật đầu. Người ta bèn thả hổ ra, từ đó, hổ đến ở nhà bà góa và bắt hươu nai cung đốn cho bà.

164. PHÙNG PHỤ⁽¹⁾ ĐẤT VIỆT^(*)

Vùng núi Đoan Châu, nạn hổ rất nguy kịch. Quan trên cho mộ người có tài, hễ bắt hay giết được một con hổ thì được thưởng tiền ba chục quan⁽²⁾. Dân bản có người tên là Hùng, sống về nghề bắt hổ. Hai trai và một gái trong nhà đều sở trường nghề ấy.

Một hôm, ở làng bên có con hổ vằn già mò đến. Hơn một trăm người rừng rừng giáo mác chạy ra khua đuổi. Một người trong đám, cầm cả gươm lẫn giáo, tưởng chừng địch dư trăm người, nào ngờ bị hổ nhảy tới và chết ngay. Mọi người lo trốn tránh, chẳng còn biết tính kế nào, bèn cầm cọc vây bủa thật kiên cố, rồi báo với quan châu. Quan cho gọi Hùng, thì Hùng với người con trưởng đã nhận lời mời đi bắt hổ ở châu khác, chỉ có người con trai út vác ngạnh và người con gái cầm đao vâng mệnh mà đến. Quan hỏi :

– Người có cần thêm người hoặc giáo mác, gỗ, lưới gì không ?

Đáp rằng :

– Xin cho tiền mua rượu quây theo đầu gậy thời, ngoài ra chẳng cần gì cả.

Quan hứa cho, rồi sai người đi báo tin dẫn anh em họ cùng về. Chàng trai vừa đi vừa uống rượu. Khi tới nơi, người dẫn đường chỉ vào lùm cây rậm rạp thì chỉ còn cách mười bước nữa là đến. Bấy giờ anh con trai đã khật khưỡng, bèn trao ngạnh lại cho em gái, và bảo :

– Anh say mất rồi, mày có làm thay anh được không ?

(*) Nguyên văn : *Việt Nam phùng phụ*.

(1) *Phùng Phụ* : theo sách *Mạnh Tử*, Phùng Phụ người nước Tần, là người có tài giết hổ.

(2) Nguyên văn : *tam thiên mãn* 三千緡, nghĩa là ba nghìn quan. Có lẽ bản sao chép nhầm, tạm sửa lại theo bản A.1179.

Người em gái bảo : “Được”. Rồi nàng thất lung thật chặt, bước tới sát lùm cây, chân bấm xuống đất, co chân trước lại, choãi chân sau ra, tay trái cầm cây ngạnh, chênh chếch chĩa mũi nhọn vào bụi, tay phải nhô vai lên đỡ lấy sống dao, đoạn miệng quát to, chọc cho hổ phải ló ra. Hổ giận lắm, quật đuôi, nhảy qua bên trái, cô gái vội khoát cây ngạnh nhảy phắt sang bên phải. Hổ nhảy sang phải thì cô lại nhảy sang trái. Hai bên đang quăng quật tới tấp, bỗng nghe cô gái thét lên một tiếng, thì hổ đã lăn ra chết. Người xem đông đặc như bức tường, nhưng chẳng một ai kịp nhìn rõ. Hóa ra hổ vô phải mũi ngạnh, cào khỏe vùng quẫy, ngạnh cào thọc lút chỗ phạm.

Cô gái khẽ đến lay anh mà nói :

– Đã xong việc rồi, còn không về ư ?

Người anh đang ngủ lơ mơ, cất tiếng hỏi :

– Mà có thực đâm mũi dao trúng vào lỗ tai bên trái và mũi ngạnh vào xương sườn thứ ba không đấy ?

Cô trả lời :

– Không thế thì sao nó chết được ?

Người trong châu lồi xác hổ về, xem lại, quả không sai.

Vân Sử Thị bàn rằng : Thừa sức khiêng trâu và tiếng gầm rung động cả núi non, khỏe nhất trong loài vật không gì bằng hổ. Thế mà chỉ đâm một ngạnh đã ngã quay, thì chắc lỗ tai bên trái và đốt xương sườn thứ ba là nơi hiểm nhất của hổ rồi. Ôi, ngạnh và dao không dễ xác định mà hổ vô cũng khó lường, thế mà trúng được tai trái và đốt xương sườn thứ ba, ngón nghề mới thần tình làm sao ! Nhưng không phải con trai mà lại là con gái, thì càng kỳ thay !

NGUYỄN HUỆ CHI dịch

165. CỌP GIỮ BÌNH HỒ(*)⁽¹⁾

Vùng ven châu Hoan có trạm Khoa Trường, sát vách với rừng rậm. Các quán xá hai bên đường, vừa xế bóng đã sập cửa, sáng banh mới dám mở. Thường có dấu chân hổ đi lại vòng quanh nhà nên mọi người đều hết sức đề phòng.

Bấy giờ, có nhà hàng nọ, khách trọ rất đông, đến đêm, bèn bày trò đánh bạc. Mặt ngoài ngôi nhà có cái cửa sổ vuông, không có chấn song, chỉ treo chiếc áo toi lá che tạm. Có con hổ ngồi chống hai chân, mắt nhòm vào cửa sổ, nhưng vì sợ cái áo toi dung đưa thành tiếng, nên chưa dám giở trò. Trong đám con bạc có anh thợ kim hoàn bị thua trắng, bèn giải khuây bằng mấy chén rượu. Quá chén, anh chàng bỏ ra ngoài đi đại tiện. Lúc quay vào, giữa bóng tối nhập nhòa, lại phiền muộn, mắt say đắm quá, không nhận ra hổ ngồi đó, anh bèn vỗ vào lưng nó mà quát lên :

– Có lưng vốn thì vào mà đánh, không thì téch, ngồi rình mò gì ở đây ?

Hổ đang mãi nhòm về phía trước, không kịp để ý phía sau, bất đồ bị cú đánh của anh thợ bạc, giật mình, vội găm một tiếng, chồm qua chiếc áo toi nhảy vọt vào bên trong. Các con bạc ai nấy hồn vía lên mây, đều bò lết xuống dưới giường, giường rung lắc thành tiếng. Còn hổ ta thì cứ ngồi xồm quặp lấy bình hồ. Trong đám khách có người sinh trưởng ở miền rừng, biết rằng mắt hổ phát ra tia sáng, bị ánh đèn làm cho lóa, nên không tìm thấy lối ra, bèn ngấm dùm cây sào chọc tắt ngọn đèn. Hổ liền bước ra ngoài, cả chiếu bạc không ai việc gì cả. Khi đã trấn tĩnh lại được, ai nấy ôm bụng mà

(*) Nguyên văn : *Hổ thủ hôn dẫu*.

(1) *Bình hồ* : Nguyên chú : “Bình đựng tiền làm tiền nước. Theo *Dung Trai tùy bút*, là cái bình đặt ở sông bạc để kiếm lợi tức”. Chú thêm : mỗi canh bạc, người được đều tùy theo số tiền được ít hay nhiều mà bỏ một ít tiền vào bình cho chủ sông.

cười. Cho tìm người thợ bạc thì anh ta đang nằm chết giấc ngoài cửa sổ, cứu chữa hồi lâu mới tỉnh. Sau đó, anh ốm hơn một tháng mới lại sức.

Vân Sử Thị bàn rằng : Hồ nhòm qua cửa sổ, có ý dòm dò đám đông, không ngờ lại bị võ đến giật thột. Không khéo hồ ta lại tưởng bàn tay anh thợ bạc là lưới bẫy hay mũi giáo cũng nên, mà mình thoát nạn được là cũng nhờ may mắn, thôi từ nay sao còn dám rình mò trong bóng tối nữa. Tuy vậy, nhờ giỡn mặt một phen mà tan luôn đám bạc, thì cứ cho là chúa sơn lâm đến tróc nã con bạc cũng được.

NGUYỄN HUỆ CHI dịch

166. NGƯỜI MẶC VỎ CÂY^(*)

Hồi quốc sơ⁽¹⁾, có nhà sư kỳ dị cùng hai đồ đệ, không rõ người ở đâu, tu hành ở núi Linh Phong, Bàn Thành, không rõ tên họ là gì, chỉ thấy ông sống trên núi, nên mọi người gọi là ông Núi. Thường mặc một chiếc áo bằng vỏ cây, quanh năm không thay đổi. Ở trong núi sâu, rừng dày, dấu chân không đặt đến chốn bụi hồng bao giờ. Đến năm đầu niên hiệu Minh Mệnh (1820), nhà vua cho triệu ông.

Sứ thần mang chiếu đi vào núi. Đường đi bật dấu chân người, phải vịn cây trèo lên tận đỉnh. Nhìn thấy ba gian nhà tranh, giữa kê cái giường đá, đó là nơi ông Núi tu hành. Chỉ có một pho tượng Phật nhỏ xíu bằng hai ngón tay, để cạnh góc nhà. Nhà không cửa không vách, đêm đến hổ báo gầm rống, gió lạnh thổi thốc khắp rừng. Sứ giả hết sức kinh sợ. Ông Núi nói :

– Đừng lo ! Đừng lo ! Chúng đã quen với tôi, không hề gì đâu.

Hôm sau, sứ thần giục gấp. Ông nói :

– Kẻ lười biếng này không bước chân đến nơi náo nhiệt đã gần trăm năm rồi, hình hài đã như gỗ đá, chẳng còn dám làm cái bước, cái nhót cho triều đình.

Rồi ông nhất quyết viện cớ ốm đau để khước từ, đem khoai rừng⁽²⁾, nước suối ra thiết sứ giả và bảo đồ đệ đưa xuống núi.

Đến năm Minh Mệnh thứ hai mươi (1839), thì ông viên tịch. Hai người đồ đệ chôn ông ở chân núi, rồi sau không biết đi đâu. Vài chục năm sau,

(*) Nguyên văn : *Mộc y tử*.

(1) Tức khoảng đầu triều Nguyễn.

(2) Nguyên văn bản A. 872 là *hoàng tửu* 黃酒, tức một loại rượu, không hợp lý, vì nhà sư đã mời sứ giả uống nước suối, hơn nữa sống trong cảnh đạm bạc của rừng sâu ông khó có rượu để mời. Ở đây tham khảo bản A. 1179, chép *hoàng độc* 黃獨 là một loại khoai rừng, cũng gọi là *thổ dự* 土芋.

có người ngờ ông Núi đã thoát xác. Quan Chế phủ sở tại cho khai quật quan tài lên thì chỉ còn có cái áo vỏ cây, như ve lột xác, phía dưới có hai chiếc ấn bằng đá, một chiếc còn đọc được bốn chữ : “*Thạch trung kiến ngữ*” ; nghĩa là : trong đá thấy ta, giống hệt lối chữ “tiểu triện” của Lý Tư⁽¹⁾, bút lực già dặn cổ kính, bèn tâu lên triều đình.

Văn Sở Thị bàn rằng : Mùa thu năm Bính Thân (1896), ta gặp Thái sử Mai Sơn⁽²⁾ ở Long thành, nghe ông kể chuyện người mặc áo vỏ cây tỷ mỉ, và khuyên ta viết thành truyện. Ta cười, nói : người mặc áo vỏ cây cũng như con rồng chằng ? Dẫu có tay thợ giỏi trên đời muốn vẽ rồng, chẳng qua cũng chỉ là nhìn đám mây phía Đông tưởng cái vảy, nhìn đám mây phía Tây tưởng cái vuốt, bút pháp dù hết sức hào hùng phóng khoáng cũng không sao lột hết mọi biến ảo thần kỳ của rồng để mô phỏng và ấn chứng nó được. Đối với người đã không bao giờ đặt chân đến chốn bụi hồng thì thân thể nào ai biết được ; nếu tuyệt không có họ tên thì tung tích nào ai xét được ; nếu nóng hay lạnh cũng chỉ một chiếc áo thì khí âm, khí dương nào có thể xâm nhiễm được ; còn nếu đã thoát xác, bỏ lại chiếc quan tài trống rỗng, thì hình hài nào tìm lại được. Người và trời đều là chuyện nhỏ, sắc và tướng đều là không không, ta làm sao viết được câu chuyện về người mặc áo vỏ cây ! Chỉ có lời văn trên chiếc ấn đá thì nét nhỏ nét to còn có thể mừng tượng được mặt mũi. Từng đọc sách *Ngũ sơn tân chí*, thấy nói sau khi nhà Minh mất nước, có hai đạo sĩ áo sắt, giáp đồng⁽³⁾, tung tích nguy trang rất kín, nhưng để tâm xét kỹ thì họ có vẻ như những bậc trung thần lẫn trốn, phải thay đổi hình hài bốn ba ngoài lưới giặc mà thôi. Ôi ! Người mặc áo vỏ cây cũng là hạng người như thế, hay không phải là hạng người như thế ?

NGUYỄN HUỆ CHI dịch

(1) *Lý Tư* (246 - 210 tr. CN) : Tể tướng đời Tần Trung Quốc.

(2) *Mai Sơn* : Nguyên chú : tức Nguyễn Thượng Hiền, người Liên Bạt, tự Đình Thân, hiệu Mai Sơn, đỗ Hoàng giáp năm 1889. Chú thêm (1868 - 1925), đọc nhiều tân thư Trung Quốc, sau xuất dương sang Nhật và Trung Quốc trong phong trào Đông du. Chết ở Trung Quốc. Xem thêm “Tiểu dẫn”, *Hát Đông thư dị*, cùng tập.

(3) *Đạo sĩ áo sắt, giáp đồng* : sau khi nhà Minh mất nước, ở Trung Quốc có người đạo sĩ mang sắt đầy người, nói việc họa phúc có nhiều điều đúng, lại có người đạo sĩ ở Ba Thục kết đồng làm áo, hai người thường cùng nhau uống rượu, say thì khóc to, người đời gọi là thần tiên.

167. KHOẢN ƯỚC CHẾT THUÊ^(*)

Ở xã Niệm Hạ, huyện Chân Định có anh Ất, khỏe như vâm, chuyên đi làm mướn. Một nhà trông vào đó mà không còn phải lo chết đói chết rét. Khoảng năm Đinh Hợi (1887), bệnh dịch hoành hành. Một đêm, Ất nằm mộng, thấy một người giống như lính lệ, đến làng bắt phu, đưa tờ trát cho Ất xem, thì số người bị trên đòi có đến bảy, tám, mà Ất cũng nằm trong số ấy. Tên người nào, bị gọi ngày nào, trát ghi chú rất rõ, trước sau ước chừng một tháng. Ất thì được xếp vào thời hạn cuối. Thảng thốt mà tỉnh giấc, anh thầm nghĩ : cả nhà chỉ trông vào một mình mình dầm sương gió mà có manh cơm tấm áo, nếu mình chết rồi, thì còn biết dựa vào đâu ? Nước mắt ứa ra, vật vờ không ngủ tiếp được, bất chợt nảy ra một mẹo. Ngày hôm sau, anh kháo với mọi người rằng :

– Đêm qua tôi được sung vào chân đầu sai lâm thời cho Âm phủ⁽¹⁾. Ngày nọ ngày kia thì người nọ người kia phải chết.

Đại để anh ta nhắc lại đúng những cái tên đã kê trong tờ trát, duy chỉ giấu biến tên mình đi mà thế vào đó tên của một phú ông. Bấy giờ, những người anh kể tên ra vẫn chưa ai việc gì, nên làng nước đều cho Ất là phùng tước tảo. Nhưng rồi sau, lời anh nói đa phần đều khớp với ngày chết của người nào người nấy. Tính lại, cũng đã sắp đến kỳ hạn phú ông kia tận số. Quần quá, hắn đành phải tìm tới hỏi kế ở Ất. Ất bảo :

– Diêm Vương đã định ra cái hạn như thế, tôi thì ăn thua gì !

Anh nhà giàu khóc rống, nài Ất. Ất cười nói :

– Ông đưa tôi ngàn vàng, tôi sẽ liệu làm Kỷ Tín⁽²⁾ cho ông.

(*) Nguyên văn : *Cố tử khoán*.

(1) Câu này dịch thoát mấy chữ *Tẩu vô thường* 走毋常. Nguyên chú : sách *Ngữ quái lục* của Doãn Minh chép : Khi dưới Âm phủ thiếu lính ma, thì Diêm Vương bắt hồn người sống đi làm việc quan, xong việc lại trở về dương gian, gọi là “tẩu vô thường”.

(2) *Kỷ Tín* : bề tôi Hán Cao Tổ (256 hoặc 247 - 195 tr. CN). Khi Hán Cao Tổ bị Hạng Vũ vây ở Huỳnh Dương, Kỷ Tín giả làm Hán Cao Tổ chạy ra cho Hạng Vũ (232 - 202 tr. CN) bắt và giết, nhờ đó Hán Cao Tổ thoát chết. Ở đây dùng điển Kỷ Tín để nói việc chết thay.

Thấy anh nhà giàu bán tín bán nghi, Ất bảo :

– Tôi có chết thay ông xong thì mới nhận đền bù, bằng không thì chẳng đụng đến. Bạc vẫn cứ đặt ở nhà ông. Đời thuở nào lại không có công lênh gì mà dám tước đoạt của người.

Người trong làng đều cố sức khuyên giải phú ông rằng :

– Ông giàu về tiền của, nếu bất chợt chết đi thì một đồng cũng chẳng đem theo được, có gì mà phải sợ ?

Phú ông bèn y ước, dùng ba mẫu ruộng và ba trăm quan tiền để thuê Ất chết thay. Ất nhờ các vị kỳ mục trong làng làm chứng vào tờ khoán ước. Vợ con Ất khóc lóc không chịu cầm tờ giấy. Ất cười, nói :

– Đường xuống Âm phủ mịt mù, đi hay về là ở ta, hơi đâu mà lo !

Cả nhà đành phải thuận. Đến ngày hẹn, quả anh chết. Người nhà giàu lo liệu tống táng ma chay rất to. Sau đó, vợ con anh cầm tờ khoán đến lấy đủ số, còn phú ông thì cả nhà đều hơn hởi, chúc mừng nhau. Từ đó về sau, hễ trong làng có việc tế tự, cầu đảo gì, hần ta đều không dám ký tên, vì sợ mình đã trốn số ma. Có người không rõ chỗ mưu trí của Ất, chép miệng nói : “Đổi mạng lấy của, cái lão Ất có đỡ hơi không chứ ?”.

Văn Sử Thị bàn rằng : Anh Ất xem chừng là kẻ si tình mà cũng say vì chút bả⁽¹⁾. Việc anh ta chịu chui vào áo quan cũng như nhà sư Lãn Tàn⁽²⁾ quệt nước mắt, có phải vì bọn người phạm tục đâu. Quỷ thần nhân đó mới xót thương mà hé lộ cơ trời, để anh đem cái chết hù dọa người đời, khiến vợ con được nương dựa. Than ôi ! Thế mà có người lại cho Ất là ngốc, thì đó chỉ là những đấng “trượng phu” quen mang ơn, nấp bóng vợ con ở giữa cõi thế gian này mà thôi.

NGUYỄN HUỆ CHI dịch

(1) Dịch thoát từ thành ngữ “âm truy diệc tủy” trong *Giáo phường ký*, là câu nói để chửi kẻ chỉ tham tiền, không biết gì si nhục.

(2) *Lãn Tàn* : Nguyên chú : theo *Chỉ nguyệt lục*, đời Đường ở chùa Hành Nhạc có nhà sư tính lười mà ăn rất phạm, hiệu là Lãn Tàn Hòa thượng. Vua Đường Đức Tông (742 - 805) sai người đến triệu, ông nói : “Ta hơi đâu mà quệt nước mắt vì bọn người tục”. Chú thêm : ở đây dùng điển ấy để nói Ất chết chỉ vì mình chứ không phải vì ai.

168. TƯỚNG Ở XƯƠNG^(*)

Ở Hà thành, có bà già mù, giỏi nghề xem tướng ở xương. Quan Chế phủ⁽¹⁾ nọ muốn thử thuật của bà, bèn bảo một thuộc hạ ngồi trước bàn mình rồi cho triệu bà vào xem tướng, còn ông đứng hầu ở bên cạnh. Bà mù vào, hỏi :

– Tướng công ở đâu ?

Viên thuộc hạ nói :

– Ta ở đây.

Bà sờ nắn anh ta cùng khắp rồi cười, nói :

– Tướng xương kiểu này chỉ hợp với loại cai quản trăm phu, sao có thể làm ông quan thay mặt quốc gia trị nhậm một phương.

Tả hữu đều bật cười. Quan bấy giờ mới bước lên chỗ ngồi, và bảo bà ta xem tướng cho mình. Bà mù lại sờ nắn cùng khắp, rồi nói :

– Mắt già mù, nhưng thần trí già không mù. Bỏ vào thuật của già mà xét thì người này chỉ là một gã ăn mày, sao gọi là quý hiển được ?

Mọi người đứng quanh đều thất sắc nói :

– Đây chính là người được phong cấp đất đai, ban biển vàng, ngồi trên tòa cao nắm quyền sinh quyền sát, chứ có phải là cá khoác lột rỗng đầu. Chớ có nói quàng ! Đừng đùa với dao gậy đấy.

Bà ta khảng khái đáp :

– Già này nắm chắc thuật của mình, hành nghề khắp trong Nam ngoài Bắc trên ba chục năm dư. Già này có phải là đứa trẻ mới nứt mắt đầu mà sợ dao với gậy !

(*) Nguyên văn : *Tướng cốt*.

(1) *Chế phủ* : tức vị quan đứng đầu một tỉnh hay trấn, có quyền mở phủ. Đời Nguyễn quan đầu tỉnh là Tổng đốc, vậy Chế phủ cũng như Tổng đốc.

Quan bèn đưa mắt ngăn mọi người lại, rồi nói :

– Mười tướng hèn, lẽ nào không có một tướng sang, bà thử xem kỹ lại xem.

Bà đáp :

– Tướng xương bẻ ngoài đã hèn thì bên trong cũng hèn mà thôi. May ra át được tướng xấu này là ở tâm chẳng ? Mà tinh túy của ngũ tạng thì lại nằm ở mắt.

Nói rồi bà bèn sờ nắn lại đôi mắt của ông, lại hỏi kỹ người bên cạnh về vị trí của lòng đen, lòng trắng, rồi bỗng thốt lên :

– Lạ nhỉ, xương thì là xương kẻ ăn mày mà sao mắt lại là mắt rồng ? Có lẽ cái tướng ăn cao lương mỹ vị ở đây mà ra chăng ?

Quan cười mà gật đầu, rồi thưởng cho bà lão mười lạng bạc.

Sau đó, mọi người dò hỏi nguồn cơn, thì ra xưa kia, cụ thân sinh ra quan, vì hiếm muộn về đường tử tức, bèn cầu tự ở chùa. Đêm, nằm chiêm bao thấy có người dắt mình đi tới một nơi, trên tòa cao có một người đang ngồi, thần sắc rất uy nghi, dũng mãnh, quay lại bảo những kẻ tả hữu ở phía dưới rằng :

– Người này cầu tự, nên cho ông ta một đứa.

Bọn chúng thưa bẩm, không rõ điều gì. Người ngồi trên quát tháo :

– Nhà nó tu nhân tích đức mà lại cho nó đứa ăn mày mù hay sao ? Như không có mắt thì lấy mắt rồng mà thế vào.

Tả hữu vội khoát tay bảo cụ ra, mơ màng chợt tỉnh thì vừa lúc phu nhân sinh hạ được ông. Sáng hôm sau, người thủ tự của làng báo tin có người hành khất chết trước cửa chùa, đang đêm bị cáo, chuột cắn mất đôi mắt. Cụ nghe, bèn bố thí chiếc quan tài để chôn người ấy. Trong bụng lấy làm kỳ dị, cụ tới chùa làm lễ tạ.

Ôi ! Bà kia mắt mù mà đôi tay lại có "con mắt tuệ"⁽¹⁾, ngón xem tướng sao mà thần tình đến thế, cũng là Viên Cương⁽²⁾ của nước Nam vậy.

NGUYỄN HUỆ CHI dịch

(1) Con mắt tuệ : chữ nhà Phật, ý nói con mắt sáng suốt, nhìn thấy những điều huyền vi.

(2) Viên Cương : tức Viên Thiên Cương, nhà xem tướng nổi tiếng đời Đường.

169. VÚT DAO ĐỒ TẾ^(*)(1)

Ngoài cửa phủ Thái Bình có ngôi chùa, sát bên vách chùa là nhà hàng thịt. Mỗi đêm, gần sáng, hễ nghe tiếng chuông sớm trên chùa thì bên này cũng trở dậy để mổ thịt, rang ngày thịt đã ra đến chợ, việc đó đã thành lệ. Tuy vậy, hàng thịt và nhà chùa bên nào việc ấy, hai bên chẳng hề qua lại với nhau.

Một hôm, người hàng thịt mua được con lợn hoạn, không biết là có chữa, trói lại chờ giết thịt. Canh hai đêm ấy, nhà sư nằm mộng thấy một người đàn bà dắt mấy đứa con đàn hàng phục lạy ở trước mặt mà nói : "Hòa thượng làm việc thiện, nghe chuông thì dậy, không biết rằng người khác là cái máy giết, cũng thức dậy nhờ tiếng chuông. Chuông "cảnh tỉnh mê muội" mà không khéo lại hóa ra lục lạc "cắt đứt linh hồn" hay nã bạt "đuổi bắt sinh mạng"⁽²⁾ đấy. Dám xin ngài đêm nay đừng vội thúc chày kinh, để cứu chút mạng tàn của mẹ con tôi". Sư gật đầu, thì cũng vừa tỉnh giấc, bụng lấy làm lạ, bèn ngấm dạn sư sãi đến canh năm nhớ đừng đánh chuông, để xem có gì lạ hay không. Đêm đó, người hàng thịt mãi chẳng nghe tiếng chuông, nên không trở dậy làm thịt. Khi thức giấc thì trời đã sáng, mổ thịt cũng không kịp nữa, bèn nghỉ một phiên. Đến lúc mặt trời lên ba cây sào thì con lợn tính giết thịt ấy đẻ ra mấy chú lợn con. Người hàng thịt

(*) Nguyên văn : *Phóng đồ đao*.

(1) *Vút dao đồ tế* : tương truyền đời xưa ở Trung Quốc có người hàng thịt tính tình hung dữ. Một hôm bắt gặp vợ đang ngoại tình với một người láng giềng, anh vung cây dao giết thịt lên định chém, cả hai tội nhân kêu khóc van lơn, anh bỗng ha hả cười to, rồi vút dao xuống đất, và đến chùa tu hành, sau được thành Phật. Vì thế, cổ ngữ có câu : "*Phóng hạ đồ đao, lập địa thành Phật*" 放下屠刀立地成佛; nghĩa là : "Vút dao giết thịt đi, lập tức thành Phật" (chú thích mượn của Nguyễn Đức Vân).

(2) Nguyên văn : *Cảnh mê* : cảnh tỉnh mê muội ; *Đoạn hồn* : đứt hồn vía, tắt thờ ; *Thôi mệnh* : giục bắt sinh mệnh, hay giục bắt phải chết.

lấy làm may, nhưng cũng cho rằng bên chùa không thỉnh chuông chỉ thỉnh cờ thôi, nên chưa coi là chuyện gì quái lạ.

Đến quá Ngọ, nhà sư ngồi đau đầu, trở trần mải về giấc mộng đêm qua, đoán rằng hẳn đây là chuyện bên nhà hàng thịt, bèn gọi anh ta sang kể rõ tình đầu. Bấy giờ, người hàng thịt mới thất kinh, tự nghĩ, lâu nay việc mình mổ giết thật đã gây nên oan nghiệt rất nặng. Bèn mời sư sang nhà, dựng đàn chay, làm lễ độ già ba ngày đêm, rồi đổi sang nghề khác, không làm đồ tể nữa. Con cháu vì thế trở nên đông đúc, đến nay vẫn còn.

Vân Sư Thị bàn rằng : Trời dùng sấm sét để gióng lên cho muôn vật động; Phật dùng chuông to để đánh thức cho mộng lớn tỉnh ra, nhà sư dựa vào tiếng chuông mà khơi mở thiện tâm, còn nhà hàng thịt cũng dựa vào dấy mà tàn hại sinh mệnh. Cái điều gọi bằng : "Gà gáy trở dậy, ngay ngáy làm điều thiện, gà gáy trở dậy ngay ngáy làm điều ác"⁽¹⁾, có lẽ là thế chăng? May sao, anh đồ tể kia, tức căn còn dày, nên vừa nghe được giấc mộng của nhà sư đã lập tức vứt dao đồ tể đi, về sau con cháu mới hưng thịnh lên được. Nếu không thế, cứ theo đuổi nghiệp giết chóc thì trời cũng lấy giết chóc mà đáp lại, nghiệp giết chóc cứ thế truyền nhau không dừng ! Như câu chuyện nhà hàng thịt vừa kể ở phần trước truyện này, ác báo sao thấm đến vậy⁽²⁾ ? Vậy mà "nghiệp ác" cứ cha truyền con nối thì phúc phận về sau, còn hỏi vào đâu ? Từ một ý nghĩ khác nhau, dẫn đến sự thịnh suy khác xa nhau như thế đấy.

NGUYỄN HUỆ CHI dịch

(1) Hai câu này rút trong thiên *Vạn chương* sách *Mạnh Tử*.

(2) Tác giả muốn nói đến truyện *Đồ gia nghiệp báo* (Ác báo nhà hàng thịt) chép tước truyện này. Chuyện kể rằng có một người nhờ làm nghề mổ trâu mà giàu có. Nhiều người khuyên anh ta nên bỏ nghề, anh không nghe. Sau nhà anh bị cháy, hai vợ chồng đều chết vì lửa, hai con trai, đứa thì bị trâu húc mù mắt, đứa thì bị tội chết chém. Tác giả cho rằng đó là do nghiệp báo. Ở đây chúng tôi không chọn.

170. MA THẮT CỔ(*)

Xã Trình Phố, huyện Chân Định có anh chàng Đinh góa vợ, hàng ngày làm nghề nấu rượu. Vốn kẻ cận với ma men nên đâm ra thân thiện, hễ ngà ngà say là chửi mắng người ngồi trước mặt, vì thế người ta đều cho là kẻ "cuồng rượu", chẳng ai dám dính dáng tới, nên lủi lủi một thân, thường một mình tự uống, một mình tự nói với mình.

Một hôm, hàng xóm nghe anh ta vừa uống rượu, vừa chuyện trò, như đang nói với một người nào đó rằng :

– Tôi đi theo đội quân "phá thành sấu"⁽¹⁾ nổi tiếng vô địch, dẫu có tu ừng ực đến trăm be, cũng quyết không dưng cờ hàng. Bác tuy tửu lượng rất hào, nhưng hơn sao được tôi !

Mọi người vì đã quen thấy anh ta hoa mắt nói lảm nhảm như thế là thường, nên không lấy làm lạ nữa. Chốc lát, lại nghe anh ta nói :

– Đâm đầu vào trong đó để tự trối mình lại, ngu gì hơn thế nữa, lão say này đầu phải là gốc mà chịu làm như thế.

Lát sau, bỗng nghe ở cái ao gần đấy, có tiếng "ùm" rất mạnh, mọi người cùng thất kinh nói :

– Ôi ! Lão say xuống mò trắng rồi ! Không ai cứu nó với sao !

Cả bọn liền bẻ hàng rào, xông vào nhà thì thấy anh ta đang bơi bì bõm trên mặt ao, còn trên ngọn cây sung thì treo lồng thông một sợi dây, bèn kéo anh ta lên mà hỏi. Đinh nói :

– Hôm nay có người khách lạ đến, ngồi uống rượu trò chuyện với tôi rất vui. Uống xong, khuyên tôi cột dây lưng lên trên cây cạnh ao, rồi kéo

(*) Nguyên văn : *Ái quý*.

(1) Uống rượu có tác dụng làm khuấy khỏa nỗi buồn, nên gọi người uống rượu là "đội quân phá thành sấu".

đầu tôi vào đấy. Tôi không chịu, nó cứ ấn đầu tôi vào, tôi cố sức giãy ra bèn rơi tõm xuống ao. Nghe tiếng các ông tới, nó liền biến đâu mất, không rõ là loại thần gì.

Nhiều người nói :

– Làng ta vốn có con ma thất cổ, có lẽ là nó chẳng ?

Hồi đó, tôi làm việc quan gần đấy, nghe rõ như thế.

Than ôi ! Mây trắng núi xanh, may mà anh kia trong bụng tự mình còn hiểu rõ, nếu không thì ma bảo sao đầu gật vậy, chẳng gần như kẻ vác thuổng đi theo ư⁽¹⁾ ? Kẻ kia khi cơn khiếp sợ đã qua, định thần lại rồi, nếu còn có rượu, cũng nên làm một chén lớn.

NGUYỄN ĐỨC VÂN dịch

(1) Nguyên chú : Lưu Linh (? - ?) đời Tấn rất thích rượu, lúc ra đường thường sai người vác thuổng đi theo, và dặn : "Hễ ta say có chết thì chôn luôn".

171. GIỮA ĐỒNG ÉP CUỘC MÂY MƯA^(*)

Nguyên quan Chế phủ⁽¹⁾ châu Hải Đông Nguyễn Trọng Chiêu⁽²⁾, thuở chưa gặp thời, tính buông tuồng, không gò bó, rất nghiện trò gió trăng, tuy còn trong cảnh nghèo hèn mà cuộc rượu, châu hát, dựa thúy, kê hồng, đã có thể gọi là một vị giáo chủ tốt bậc phong lưu.

Có nàng ca kỹ nọ, là trang quốc sắc, nhưng tính nết quá nghiêm nghị, ít ai được ghé mắt vào nơi buồng the gối phượng của nàng⁽³⁾. Ông vì cố học trò nghèo bị người đẹp cấm cửa⁽⁴⁾, lấy làm nhục lắm, thầm nghĩ : muốn đoạt được vào tay bông hoa thắm ắt phải giở đến ngón thần thông quý quyết mới xong. Bèn giả dạng một kẻ nghèo khó đến cửa nàng xin làm tôi tớ. Nhờ ngón đánh đàn, gõ phách rất điệu nghệ, nên mỗi lần nàng ca kỹ đi hát ở đâu, ông đều được quảy gánh cùng một chú bé mang đàn theo hầu. Một hôm, ông cố tình để dây đàn ở nhà. Đi được chừng hai dặm, đến một nơi đồng không mông quạnh, ông bỗng vờ làm ra vẻ thảng thốt. Nàng ca kỹ căn vặn, thì đáp rằng :

– Quên mang theo dây đàn mất rồi. Biết làm thế nào đây ?

(*) Nguyên văn : *Dã chiếm uyên ương*.

(1) *Chế phủ* : xem Chú thích 1, tr. 526, truyện *Tướng ở xương*, số 168, cùng tập.

(2) *Nguyễn Trọng Chiêu* : tức Nguyễn Công Trứ (1778 - 1858), nhà thơ và nhà hoạt động xã hội nổi tiếng triều Nguyễn, người đất Nghi Xuân, Hoan Châu, nay là Hà Tĩnh.

(3) Nguyên văn : "*Nhân hân đắc kiến thần kê chẩm gối*" 人罕得見神雞枕者 ; nghĩa là : Ít ai được thấy gối thần kê của nàng. Gối thần kê ở đây rút từ điển nàng Sứ Phượng, ca kỹ ở Tuyên Thành, có gối Thần Kê và động Mê Lương, nhưng lại cấm cửa các vị khách nghèo hèn (*Ván tiên tạp ký*). Chúng tôi dịch thoát.

(4) Nguyên văn : "*ngật bế môn canh*", nghĩa là ăn canh cấm cửa, cũng rút ở điển Sứ Phượng nói trên.

Nàng bảo chú bé quay về nhà lấy. Chờ chú đi một quãng thật xa, ông mới đặt gánh xuống, ép nàng giở cuộc mây mưa. Nàng ca kỹ nhòai người chống cự, nhưng không sao thoát được, đành mặc cho ông làm gì thì làm. Trong lúc hành sự, thỉnh thoảng nàng chỉ rên lên mấy tiếng : "Ứ hự", có ý như nửa miễn cưỡng, nửa bằng lòng.

Xong việc, ông tìm đường đi mất, người đẹp cũng chẳng rõ ông là người thế nào.

Mãi đến khi ông đã vinh hiển, được bổ về trấn nhậm đất Hải Đông, nhân ngày sinh nhật bèn cho triệu con hát nổi tiếng ở các nơi đến giúp vui, nàng ca kỹ nọ cũng trong số đó. Nhòm trộm lên người đeo kim bài ngồi trên công đường, nàng đã nhận ra ngay anh dầy tớ năm trước. Còn ông, mới đầu vẫn không nhận ra nàng. Nàng bèn bước đến trước bàn tiệc, hát rằng :

Nguyên đã thanh thanh,

Tình trọng đảm khinh.

Số thanh "đốt tích",

Úc phủ Kỳ Khanh ?

(Đồng nội xanh xanh,

Nhẹ gánh, nặng tình.

Mấy lời "Ứ hự",

Nhớ hỡi Kỳ Khanh⁽¹⁾ ?)

Có bản chép như sau :

Hoang nguyên nhất đảm chung tình,

Số thanh "đốt tích" Kỳ Khanh ức phủ ?

Diễn ra âm Nôm là :

Giang sơn một gánh giữa đồng

Cái cơ "Ứ hự" anh hùng nhớ không ?⁽²⁾

(1) Kỳ Khanh : theo *Tình sử*, Liễu Kỳ Khanh đời Tống từng ngắm sai người đêm chở thuyền cho mình ra giữa sông để cưỡng dâm người kỹ nữ danh tiếng. Xong xuôi ông lại làm thơ tặng nàng.

(2) Hai câu thơ Nôm này có trong nguyên văn.

Ông nghe mấy câu hát ấy giật mình chợt nhớ ra, bèn hỏi rằng :

– Nàng chính là cô ca kỹ năm nào đấy ư ? Vẫn chưa gá nghĩa cùng ai chứ ?

Nàng đáp rằng :

– Vẫn chưa !

Ông cười to nói rằng :

– Ôi ! Vai ta như rùa⁽¹⁾, còn nàng thì răng ngựa đã dài thêm rồi đấy⁽²⁾.

Bèn bỏ ra nghìn vàng cưới nàng làm vợ lẽ.

Ván Sĩ Thị bàn rằng : Đại trượng phu đương lúc đắc chí, mặt hoa da phấn đầy nhà, cũng là chuyện thường thôi. Còn trong cảnh lưu lạc phong trần, cũng có người tìm được ý trung nhân đấy, nhưng giấc mộng Dương Đài hôm sớm thì vẫn thuộc quyền Sở Tương Vương⁽³⁾, chứ mấy ai chịu sẽ gối cùng anh hàn sĩ ? Cũng có người thoát được bẽ hoa xong là lòng đã không còn gì vương vấn, như hạng Lý Ích, Trương Củng⁽⁴⁾, chung quy đều là phường kiêu bạc. Ít người chung tình được như câu chuyện này. Cũng vì thế mà người giai nhân và bậc danh sĩ đã thành mây khói từ lâu, vậy mà những chuyện phóng dật, ly kỳ của họ vẫn còn là những thiên giai thoại muôn đời vậy⁽⁵⁾.

NGUYỄN HUỆ CHI dịch

(1) *Vai rùa* : đời Đường, quan chức đều được đeo túi hình con rùa. Quan tam phẩm : rùa vàng, tứ phẩm : rùa bạc, ngũ phẩm : rùa đồng. Ở đây, Nguyễn Công Trứ nói đến vai rùa là một cách trào lộng ý nghị để nói rằng mình đã nên quan.

(2) *Răng ngựa* : xuất xứ từ lời của Tấn Hiến Công (? - 651 tr. CN) nói với Tuấn Túc trong *Công Dương truyện* : răng ngựa dài rồi ; ý nói : tuổi đã nhiều vì ngựa càng nhiều tuổi thì răng càng dài ra. Về sau, hai chữ răng ngựa được dùng để chỉ tuổi tác. Đem ngựa đối với rùa cũng là cách chơi chữ.

(3) Trong bài phú *Cao Đường* của Tống Ngọc (? - ?) thời Chiến quốc có nói chuyện Sở Vương (Tống Ngọc dùng chữ *tiên vương*, tức là vua trước của Sở Tương Vương) chiếm bao gập cô gái thần ở Dương Đài rồi ân ái với nàng, đây dùng ý ấy. Xem thêm Chú thích 4, 5, tr. 331, truyện *Cuộc gặp gỡ kỳ lạ*, số 153, cùng tập.

(4) *Lý Ích* (748 - 827) : người đời Đường, người tình của nàng Hoắc Tiểu Ngọc ; *Trương Củng* : là nhân vật trong truyện *Hội Chân ký* của Nguyên Chấn (779 - 831) đời Đường, người tình của nàng Thôi Oanh Oanh ; sau cả hai đều ruồng bỏ người yêu.

(5) Lược bỏ bài văn biến ngẫu cuối phần này.

172. HAM ĐIỀU NHÂN RUỐC TAI HỌA^(*)

Trong khoảng đời Tự Đức, có Tôn Thất Tăng là người khảng khái, rất thích việc bố thí. Cả nhà ông cũng bị lôi cuốn theo, vì thế không một ai có tính keo kiệt đến tận xương. Ông nhờ đỗ trong kỳ thi tuyển, được nhận chức Tri huyện ở một huyện nọ thuộc tỉnh Quảng Ngãi. Gặp năm mất mùa, trên đường, người đói trông nhau mà chết. Ông rất thương. Thường ngày khi trống chầu đã điểm trên công đường ông vẫn còn bận rộn đi xem xét tình cảnh người đói, và lo việc cứu giúp họ⁽¹⁾. Vì thế, người ăn xin chen nhau đông đặc như bức tường trước cửa huyện, các loại đơn từ kiện tụng của dân không sao chuyển vào được. Lính lệ xô đẩy họ thì ông quát, bảo :

– Kiện tụng chỉ phá nhà người ta thôi, còn phát chẩn thì mới thực là vun trồng cây phúc cho mình đây.

Rốt cuộc ông vẫn không chút chây lười với việc thiện. Hai bữa ăn hằng ngày ở nhà ông cũng phải chia bớt để đập thêm vào thức ăn cứu trợ, nấu bao nhiêu lần chia bớt bấy nhiêu, việc ăn uống phần lớn trở nên thất thường. Người nhà khổ vì đói mà vẫn không có sắc giận. Vợ và con gái cũng bớt đồ trang sức vàng bạc, đem cầm bán để tác thành cho ý nguyện của ông, không tiếc xót gì.

(*) Nguyên văn : *Hiếu nhân tốc cứu*.

(1) Nguyên văn : "*khan cơ dân Trịnh Hiệp đói, hành Trịnh Công công thực sự*" ; nghĩa là : xem bức tranh người dân đói của Trịnh Hiệp, thực hành những việc công vụ thiết thực của Trịnh Công. Trịnh Hiệp (1041 - 1119) là vị quan đời Tống, gặp năm mất mùa đói kém đã cho vẽ bức tranh người dân chết đói dâng lên Tống Thần Tông (ở ngôi 1068 - 1086) và tổ chức cứu chẩn cho dân. Chúng tôi dịch thoát.

Thế rồi, trong vòng một tháng, những người ăn xin ở khắp nơi nghe tiếng, đập đầu kéo đến đông như đàn quạ. Khổ tâm vì mình không còn chu cấp nổi cho họ, ông phải bấm báo lên trên, xin giạt tiền công khổ để sung vào việc cứu giúp cho đến mùa lúa mới. Phí tổn chừng vài nghìn nhưng tính ra việc đó cứu sống được đến nghìn vạn người. Ít lâu sau, trên Bộ báo xuống bắt phải bồi hoàn. Nhưng bao nhiêu của cải tích góp của nhà ông đều đã gửi hết vào "kho thần"⁽¹⁾ lưu động của đám người đói rách. Không còn cách gì trang trải, ông liền bị khởi tố và cách chức.

Phàm người nào thuộc dòng dõi hoàng phái thì theo lệ vẫn được cấp thêm bổng. Từ con trai, con gái đến cháu và con dâu nhà ông mỗi tháng cũng được cấp trăm quan. Nhưng luôn trong nhiều năm món tiền này bị khấu trừ vào số nợ mà vẫn chưa hết được ba phần mười. Và chàng Khiên Ngưu ta đành cứ phải treo lên đó món tiền của nhà trời⁽²⁾. Cuối cùng, vì việc này, nhà ông rơi vào cảnh trăm luan không vượng lên được nữa. Từ niên hiệu Đồng Khánh về sau vì già yếu lại bản bách, ông phải dắt gia đình đến ở đậu nơi công quán tại kinh thành.

Ông Thái sử Mai Sơn⁽³⁾ ghé thăm, ông mặc áo vải ra mời khách, trên mặt dường như vẫn có sắc xuân. Ngồi giữa nhà, thấy đàn bà con gái qua lại tuy xuyên trúc, thoa gai nhưng đều có dáng tươi vui hồn hậu. Thái sử hỏi đùa rằng :

– Nay nghĩ lại ông có thấy hối không ?

Ông đáp :

– Trời đã không ban cho thiện duyên thì đâu có vị Phật cười⁽⁴⁾ cũng chịu, không thể mưa com xuống cho người ta được. Cũng may mà họ lại mượn được cái phần dư ra của tôi. Số mệnh cả đấy, có gì mà phải hối ?

Hỏi :

– Thế người nhà có phàn nàn gì không ?

(1) *Kho thần* : Nguyên chú : Y học gọi dạ dày người là kho thần.

(2) Nguyên văn : *Hà Táy lang* : tức là Khiên Ngưu, chàng giữ trâu ở phía Tây sông Ngân Hà, theo truyền thuyết là người vay của trời số tiền mười vạn quan.

(3) *Thái sử Mai Sơn* : tức Nguyễn Thượng Hiền, xem Chú thích 2, tr. 515 truyện *Người mặc vỏ cây*, số 166, cùng tập.

(4) *Phật cười* : Phật Di Lặc. Nguyên chú : Kinh Phật có nói trong thành Hộ Thế có lần trời mưa xuống com ngon.

– Chúng nó vẫn không mất vẻ nhẹ nhàng tươi tắn, hiển hiện ngay trước mắt ông đấy thôi, cần gì nói nữa !

Đến mùa thu năm Giáp Thân (1896), tôi gặp lại ông Mai Sơn. Hỏi về tình cảnh ông gần đây thì Thái sử buồn rầu đáp :

– Vẫn nghèo như trước song cuối cùng đã quy tiên rồi.

Văn Sử Thị bàn rằng : Ngốc thay ông già đó ! Đã vắt mỡ của mình để nuôi béo người dân mà vẫn không cho là đủ, lại còn lấy của nhà đập thêm vào. *Đấy chẳng phải là hạng người mà đời nay gọi là "quan lại thuần lương" đâu ! Làm sao mà thắng tiến cho được ! Đành cứ ôm lấy nghèo nàn, bệnh tật, cũng là chuyện tự nhiên ! Thế nhưng, kinh điển nhà Phật có thuyết "thiện quả" thì sao "quả" của ông ta lại không phải quả lành ? Có người nói : "Trên căn gác gỗ nhà tôi có hai cái thùng gỗ, một rỗng một đầy. Đến khi chúng rơi, cái đầy vỡ tan còn cái rỗng thì toàn vẹn. Lẽ đen trắng của Hóa công, anh làm sao mà biết được ?". Ta bất giác thẹn thùng quay lui, vái mà nói : "Vâng, vâng".

NGUYỄN HUỆ CHI dịch

173. TREO MO CAU BÁN BA BA^(*)(1)

Thuở tôi còn nhỏ vẫn nghe nói giữa hai huyện Thượng Phúc và Phú Xuyên có cái đầm, đáy sâu trăm thước, loài ba ba sinh sản đông đúc ở dưới ấy. Trên bờ đầm, có anh làng chài dựng nhà ở, là người rất giỏi bơi lặn, hằng ngày lấy mo cau khô cắt theo hình ba ba, lớn nhỏ khác nhau, treo ở bên ngoài. Nếu có người đến mua ba ba thì cứ chỉ vào hình mo cau mà định giá. Giá ngã rồi, anh làng chài bèn lặn xuống nước, chốc sau đã bắt con ba ba đem lên, lớn nhỏ đúng hết như mẫu, không sai một ly nào.

Đôi khi có người thấy anh bắt như bỡn muốn bớt tiền đi một ít, hoặc giả, con ba ba bắt lên hơi lớn hơn mẫu đã định mà họ không chịu thêm tiền, thì anh chàng liền vứt ngay ba ba xuống nước, không bán nữa. Đến khi người mua không đòi bớt tiền nữa hoặc chịu trả thêm đúng giá thì anh lại lặn xuống bắt ba ba lên trao cho họ.

Một hôm, có người khách ăn vận theo kiểu đạo sĩ, nhìn thấy thế, bảo anh làng chài rằng :

– Tạo vật sinh ra con người, thì cũng cấp thức ăn cho nó, các loài cá, ba ba từ đó mới sinh ra. Ba ba có phải là vật nuôi trong nhà của anh đâu. Bán rẻ mà bán nhiều lần chẳng hơn là lặn xuống ư ! Thế mà anh lại đi học theo Hàn Bá Hưu⁽²⁾ không bán hai giá, sao ham hố thế ? Vả lại, thần Hà bá

(*) Nguyên văn : *Huyền lang mĩ miết*.

(1) Nguyên chú : trích lại *Cổ vọng lục*, vì có người thực việc thực như vậy.

(2) *Hàn Bá Hưu* : Nguyên chú : theo *Cao sĩ truyện* thì Hàn Bá Khang ở ẩn giữa chợ Cối Kê, bán thuốc, có cô gái đến mua thuốc không bán, giận nói với ông rằng : "Ông là Hàn Bá Hưu sao lại cứ bán một giá như vậy ?". Khang bùi ngùi than rằng : "Ta vốn trốn tên đi, vậy mà cô gái ở giữa chợ này lại biết rõ tên ta, thế thì ẩn sao được nữa ?". Bèn vào núi Cối Kê, sau không biết chết chỗ nào. Chú thêm : Hàn Bá Hưu người đời Tấn.

lấy loài có vảy có mai làm dân, lấy nước sông nước hồ làm nước, hằng ngày anh bắt trộm dân ông ta để kiếm lợi, không lo gặp điều chẳng lành hay sao ? Dựa vào sở kiến gì vậy ?

Anh làng chài nói :

– Loài ba ba, dẫu là tạo vật cấp cho để nuôi sống người, nhưng ai bắt được thì lợi về người ấy. Đắm nước rộng ngút mắt này có khác gì cái ruộng, cái dãy của tôi, nếu không thế thì sao người đánh lưới, người cất vó đến đây nướm nượp, mà có ai cướp được lợi của tôi đâu nào ? Việc gì tôi phải bán rẻ ! Hơn nữa lợi này tôi an hưởng đã nửa đời rồi mà chưa thấy Hà Bá hiềm nghi gì. Nếu rồng mà hóa làm cá thì cũng cứ bán⁽¹⁾, những việc vật kia đâu có đáng sợ.

Nghe nói thế, vị khách cười nhạt bỏ đi. Vài năm sau, người làng chài quả vì nạn ba ba mà chết đuối.

Than ôi ! Dẫu có của cải từ ông tăng tổ để lại còn không thể bo bo giữ lấy để đời, huống hồ là những thứ tạo hóa cấp cho nhu cầu của con người, cốt nuôi con người đủ sống, thế mà kẻ kia lại muốn giành cùng kiệt mỗi lợi riêng cho mình. Treo giá bán hàng, tham lam vét cho đầy túi, không chịu cho một người thứ hai, phải chăng vì thế mà gặp chuyện không lành ? Nhưng nửa đời giành hết lợi của người, một mình đặt giá mà không ai tranh nổi, kẻ cũng lạ thật.

NGUYỄN HUỆ CHI dịch

(1) *Rồng mà hóa làm cá* : sách *Thuyết uyển* chép chuyện thần Bạch Long xuống đầm Thanh Lân hóa làm cá đi chơi. Người đánh cá Dự Thư bắn trúng mắt. Bạch Long về mách Trời, Trời nói : "Cá vốn là giống vật để cho người săn bắt, Dự Thư có lỗi gì đâu ?". Ở đây, anh làng chài đưa câu chuyện này có ý muốn nói việc mình bắt ba ba là đương nhiên, không có gì phải sợ thần Hà Bá.

174. TAY LUỒN HỌNG CỌP^(*)

Ở xã nọ thuộc huyện Gia Viễn, có anh Giáp, vốn là người mạnh tợn, xông xáo hơn người.

Một hôm, đang cày ruộng, thấy có bầy quạ lượn kêu táo tác quanh nơi bụi rậm, Giáp thấy ngờ ngợ, nói : "Chẳng lẽ chúa rừng ẩn nấu trong bụi sao ?", bèn vác bấp cày xông thẳng tới, quả nhiên có con hổ trán trắng đang phục xuống ngủ. Giáp muốn bắt sống nó, bèn dùng sức đè bấp cày chèn ngang họng hổ. Hổ thoát tỉnh, nhảy dựng lên, hất mất bấp cày. Giáp chỉ còn tay không, phải thoái lui. Hổ thoăn thoắt đuổi theo, đến bên khe nước, găm lên, dùng sức vả vào Giáp. Giáp liền nhảy phắt lên lưng hổ, tay trái quay lại túm đuôi, tay phải ráng sức nắm mạnh. Hổ quay cổ lại định cắn, mồm há ra, Giáp thọc ngay tay phải vào họng hổ, nắm lấy lưỡi nó, vặn thật lực. Hổ đau quá, hai hàm răng không ngậm lại được. Máu người hòa cùng máu hổ loang đầy mặt đất. Hai bên kìm giữ nhau đến nửa ngày, người làng vác giáo mác rừng rùng rùng kéo đến, nhưng sợ đâm trúng Giáp, đành đứng dựa hàng rào tre gỗ mà nhìn. Giáp bảo hổ :

– Tao với mày kình chống đã lâu, chưa bên nào ăn đứt bên nào, mà sức đều mỗi rồi. Hãy rời nhau ra nghỉ một chốc rồi lại đấu, được không ?

Hổ gật, Giáp buông tay ra, nhảy vọt qua bên kia khe ngòi thờ, còn hổ thì không thụt được lưỡi vào, máu nhỏ ròng ròng. Trong làng có ông Cử nhân võ, cầm gậy sắt, chào hổ, nói :

– Nơi cỏ rậm rừng sâu có ai giành giật với ngài, sao lại lần mò đến phần đất chúng ta đây ? Nếu lắm rồi thì chi hơn là ngài tẩu đi, bằng không sẽ xin hầu ngài.

(*) Nguyên văn : *Thủ thám hổ hầu.*

Hổ nổi giận, vô tới, anh ta liền vung gậy lên quật ngang trúng hổ, rơi xuống khe, đánh thêm ba gậy nữa mới chết.

Người làng diu Giáp về, vết thương bị chất độc lưỡi hổ ngấm vào, chữa bằng mấy hộc tằm sống mới khỏi. Về sau, từng có lúc Giáp say rượu nằm giữa rừng cạnh chân núi, thú dữ đều cúp đuôi chạy trốn, chẳng loài nào dám động đến chàng.

Văn Sử Thị bàn rằng : Tay không chơi nhau với hổ mà nanh vuốt không phạm được đến mình, há chỉ cậy sức mà được đâu ! Phải nài trí khôn mới tóm đúng chỗ hiểm của hổ. Họng và lưỡi đã bị sờ đến thì vuốt nanh cũng bằng thừa thôi. Đó là cái uy của người tay không trị được mãnh thú. Khi người ta đã nâng gậy sắt vái chào, đáng lẽ nên cúp đuôi nói lời cáo từ, thế mà rút cuộc vẫn sinh ngón hung hăng, ngang ngạnh, thật không biết lượng sức. Hoặc giả hổ uất vì miệng mình còn thừa thịt, nên mới cậy rằng lưỡi vẫn còn⁽¹⁾ chẳng ?

NGUYỄN HUỆ CHI dịch

(1) Trương Nghi (? - 310 tr. CN) đời Chiến quốc bị người Sở đánh thừa sống thiếu chết, về nhà há miệng hỏi vợ : "Lưỡi ta có còn không ?". Vợ nói : "Còn". Ông ta nói : " Thế thì không lo". Ở đây, dùng điển này để giễu cợt con hổ.

175. GỌI NGƯỜI KHÁC BẰNG CHA^(*)

Ông Nguyễn, người xã Hoàng Nghĩa tỉnh Thanh Hóa, cứng tuổi mới thành lập gia thất. Người vợ mới có thai thì bỗng sinh chuyện ngứa mắt. Nguyễn đâm phần hận, thề bỏ nhà đi biệt, bèn vay của người hàng xóm là Ất một quan tiền, rồi cứ thế theo đường lên phía Bắc. Giữa đường, gặp một người cũng trạc tuổi mình, mà sắc mặt có vẻ khác, bèn mon men trò chuyện, mới biết người này họ Lưu, người ở xã *Mỗ* thuộc huyện Thọ Xuân. Hỏi kỹ nguyên ủy thì cũng là một kẻ đang đi trốn nạn vợ. Đòi bên xem ra không có gì trái ý, bèn kết thâm giao, và cùng đưa nhau đến tỉnh Bắc, tìm nơi dạy học, chỗ ở không xa nhau là mấy. Vì cùng cảnh thui thủi như cá đớp bóng, nên hai người sớm tối có nhau. Cuối năm, không còn chỗ nào để về, hai người cùng mang tiền gạo đến Chùa Ngọc Sơn ở Hồ Gươm để xin tá túc lúc năm hết tết đến. Đầu năm mới, họ lại trở về trường học, hết như ngày xưa Lưu, Nguyễn vào rừng hái thuốc⁽¹⁾, không còn chút âm hao gì của gia đình nữa.

Chẳng bao lâu, ông Nguyễn lâm bệnh, tự biết không qua khỏi, bèn lấy một tờ giấy, kê rõ quê quán, nhà cửa, tên vợ, tên húy cha ông, tên họ các người láng giềng, cùng với việc vay tiền của Ất, phần cuối là chuyện gặp gỡ và kết bạn với Lưu, v.v... rồi gọi Lưu đến trao cho, và nói lời vĩnh quyết với anh rằng :

– Tôi lúc bỏ nhà đi, vợ có mang đã được ba tháng rồi. May mà sinh con trai, ngày sau nó có nên ông nọ bà kia mà đi tìm nắm xương tàn của cha, thì anh hãy vì tôi bảo cho nó biết, không thì đành vậy.

Nói rồi bèn nhắm mắt. Chủ nhà trọ lo toan tống táng chu tất, Lưu ghi chép nơi chôn cất rồi đi.

Hơn ba năm sau, Lưu cũng không trở về quê, người vợ ông cưới ở tỉnh Bắc chẳng may vô sinh và cũng đã chết ; ông một mình trong cảnh góa bụa,

(*) Nguyên văn : *Vị tha nhân phụ*.

(1) Lưu Thần và Nguyễn Triệu người đời Đông Hán, vào núi Thiên Thai hái thuốc, gặp hai nàng tiên, ở lại một thời gian, sau về nhà thì con cháu đã qua bảy đời.

lại lai vãng đến ngôi chùa ở Hồ Guom, gặp lúc có một lái buôn người xã Hoàng Nghĩa đang trọ ở chùa này. Lưu nhận ra giọng nói người xã ấy, bèn hỏi :

– Ông sinh trưởng ở xứ Thanh chứ gì ?

– Đúng đấy.

– Ở xã nào thế ?

– Hoàng Nghĩa.

Lưu hỏi :

– Thế có biết trong làng có bác Nguyễn Mỗ không ? Vợ con giờ đây thế nào ?

Anh lái buôn đáp :

– Có biết, nhưng nghe đâu ông ta bỏ nhà đi đã bốn mươi năm, rừng sâu núi thẳm, không ai bảo đảm còn sống hay đã chết. Bà vợ sinh con trai, đỗ đầu thi Hương, nay vừa hết tang mẹ, được bổ về tri nhậm ở huyện nọ, ngày ngày rửa mặt bằng nước mắt vì hận rằng mình vô phúc chẳng tìm lại được cha⁽¹⁾. Ông có tung tích của ông ấy không ?

Đáp :

Có biết đấy, nhưng hãy đợi quan huyện đã, rồi từ từ sẽ nói sau.

Hóa ra ông lão từ sau khi trò chuyện với người khách buôn, cứ vương vấn về nỗi nhà mình hiện nay tan tác, rồi lại thấy thêm cảnh phú quý của người con ông Nguyễn, bất giác nảy bụng trí trá. Còn người khách buôn từ tỉnh Bắc trở về, quả nhiên đem chuyện nói lại với viên Tri huyện. Tri huyện cả mừng, xin nghỉ việc, tìm tới chùa Ngọc Sơn. Đến nơi thì ông lão đã đi rồi. Hỏi thăm, nhà sư nói :

– Ông ấy vẫn thường đến đây, nghe loáng thoáng đâu như dạy học ở vùng Tiên Du thì phải. Ông cứ chịu khó tìm sang đấy.

Tri huyện lần đường dò hỏi, quả tìm ra ông lão. Khi hỏi chuyện lão thì lão vờ nói :

– Tao bực mẹ mày, chẳng còn niềm vui sống, đành mượn ông Ất một quan tiền mà đi. May mà trời còn để cho có mày, làm hưng vượng được gia môn. Tao đã bỏ đi, còn quay về làm gì nữa.

(1) Nguyên văn : "Nhật hữu tẩy diện lệ, hận vô Lã Thượng phúc" 日有洗面淚恨無呂尚福 ; nghĩa là : ngày đêm than khóc, vì không có phúc của Lã Thượng. Lã Thượng người đời Tấn, sử chép ông ta mất cha, sau lại tìm được.

Nhân đó, Lưu kể tường tận họ tên cha, ông, xóm giềng, tên nào cũng khớp. Tri huyện mừng cuống, một hai xin Lưu cùng mình về nhà, hết mực thờ phụng. Thân hào hàng huyện thấy đều mừng rỡ, họp nhau đưa lễ vật và thơ văn đến chia vui. Trong làng bấy giờ, những bậc già cả trạc tuổi Nguyễn đều đã chết cả, người vợ xe tơ kết tóc cũng không còn, nên việc man trá chẳng còn ai biết. Mà tờ giấy chúc thư thì Lưu giấu ở chiếc khăn trong rương, thỉnh thoảng lại đem ra đọc, để cho khỏi quên⁽¹⁾, vì sợ mình già nua, lú lẫn, nhớ có sơ suất mà lời đuối ra thì khốn. Một hôm, lão ngẫu nhiên uống rượu say, bỏ tờ giấy ấy lăn lóc chưa kịp giấu. Người con Tri huyện tò mò nhòm được thất kinh, vội trộm lấy đem mách với cha :

– Ôi, người này có phải là ông nội ta đâu ! Ông nội ta đã nằm trong quan tài dưới mộ lâu rồi, nhưng không rõ nơi chôn cất thì làm thế nào ?

Tri huyện ngạc nhiên hỏi :

– Mà sao biết được điều đó ?

Người con chìa lá thư ra. Tri huyện rầu rĩ, cầm thư tới gần hời hợt, lão ngây ra như gỗ, không nói không rằng. Đến nay đã một năm, Tri huyện cũng không dám nhả tâm với lão, vì còn muốn tính đường êm thấm để hỏi tìm hài cốt của cha.

Vân Sử Thị bàn rằng : Ông huyện kia sinh ra không biết cha, sau ba năm, phú quý gõ cửa, bỗng lại có được nỗi mừng đoàn tụ, còn gì vui bằng. Đâu ngờ lại rước nhảm một ông cha "phượng", rồi cuộc muốn tìm nắm xương tàn của người để ra mình mà cũng không xong, thế thì vui kia chẳng địch lại với sầu này. Lão già đó nếu ném luôn bức di thư vào lửa thì còn dựa vào đâu mà phát giác được. Ấu cũng do ông trời ghét sự man trá, cố ý làm cho lão xiêu hồn lạc phách mà giữ bức thư lại, và đứa con ông huyện cũng là người có lòng, nên mới thành một câu chuyện lạ. Vậy thì chung cục nên đối xử với lão thế nào ? Có người nói : "Việc ấy mà tâu lên trên thì sau một phen nếm mùi ngon ngọt, lão sẽ rước lấy xiềng gông !". Gian trá làm gì kia chứ ! Chẳng thà cứ nhận là bạn của cha người còn hơn.

NGUYỄN HUỆ CHI dịch

(1) Nguyên văn : "Thần phục há duyệt, tác ký sự châu" 辰復把閱作記事珠 ; nghĩa là : Thỉnh thoảng lại đem ra đọc để làm hạt châu ký sự, Nguyên chú : Đường thư chép : Trương Duyệt (667 - 730) làm Tướng quốc, có người biếu một hạt châu lạ, hễ quên việc gì, đem hạt châu ra cầm chơi một chốc thì nhớ lại ngay, nên gọi là "ký sự châu".

176. CHÚA SƠN LÂM ĐO ĐẾM(*)

Bạn tôi là Tri huyện Quỳnh Côi Nguyễn Tử Thục, thuở hàn vi từng đến đất Thanh Lâm đóng bè. Thoạt tiên phải cầm tiền đến nhà thổ hào trong núi, định giá cả xong thì họ giúp mình kết tre gỗ lại, làm thành bè, dựng cho cái lều trên đó rồi mình mới chống bè về xuôi. Bấy giờ lều đã dựng rồi, chàng Nguyễn khổ vì nóng nực vội xuống bè cho mát. Trời dần tối, nhà bè buộc dây neo lại để nghỉ ngơi. Trăng sáng như ban ngày, từ xa nhìn thấy một con hổ trên núi đi xuống, bước thẳng vào rừng tre. Người chống bè nói :

— Nó sắp đến bè ta bây giờ đây, không sợ đâu, thận trọng chớ có lên tiếng.

Rồi anh chốt chặt cửa lều nâng cửa sổ lên, cầm lấy con dao và nắm sẵn dây neo. Một lúc thấy hổ quắp một cây tre dài, dò dẫm đến bờ sông, từ từ thả cây tre từ bờ ra, vắt ngang qua dòng nước, thì ngọn tre vừa chấm bè. Thế rồi, nó kéo cây tre đặt lên bờ, và quật đuôi nhảy từ gốc tre đến đầu ngọn tre, phóc qua phóc lại như thế đến ba lần. Chàng Nguyễn, khế bám người chống bè, nhưng anh ta xua xua tay, ngăn chàng lại. Nguyễn nhìn con hổ thì thấy nó lại thả cây tre, lên mặt nước như lần trước, rồi lại kéo tre lên bờ, cứ thế mà nhảy. Đúng lúc ấy, người chống bè liền chặt đứt dây neo, nước cuốn bè trôi ra xa chỗ cũ chừng một trượng. Hổ lúc ấy mới bỏ tre ra, từ trên bờ lấy đà nhảy một cái, kết cục rơi tòm xuống sông, như vật gì nặng hàng trăm cân ném xuống, dội lên một tiếng “thùm” kinh hồn. Mọi người vừa gõ tới tấp vào tre gỗ vừa hò reo. Hổ cụp tai, băng ngang dòng nước trốn mất. Ban đầu, chàng Nguyễn rất hoảng, đến đấy cũng phải ôm bụng mà cười.

(*) Nguyên văn : *Sơn quân quyền đặc*.

Vân Sử Thị bàn rằng : Hồ nháy ắt phải đến bè, còn thử làm gì nữa ? Có lẽ nó sợ nhảy mạnh quá sẽ vượt qua bè nên muốn tìm cách ém sức mình lại. Đã thử rồi lại thử lại thì sự tính toán, đắn đo cẩn thận không còn gì hơn. Vậy mà người chống bè sinh trưởng ở rừng sâu, biết rõ ngón nghề xưa nay của nó. Chung quy, vì muốn ghìm bớt sức mà hồ bị hố to. Thế thì nói "Trí khôn của chúa sơn lâm cũng là chỗ ngu si của nó" cũng đúng vậy.

NGUYỄN HUỆ CHI dịch

171. GÁI THẦN^(*)

Thời Tiền Lý, ở xã Lạc Thổ, trấn Thanh Hóa, có ba anh em họ Đỗ, vượt ngàn dặm đường đi du học, đến sống ở xã Phương Xá vùng Phụ Phụng, thụ nghiệp với người làng ấy là Dương tiên sinh. Ba anh em sớm chiều cần cù học tập, lại luyện thêm võ nghệ.

Một đêm, đang đọc sách, bỗng thấy một cô gái đẹp, ăn vận kiêu trong cung, đường đột vào thư phòng, ngồi xuống và nói :

– Các vị đêm thanh mà ngồi bó gối thế, chẳng cũng quạnh vắng lắm sao ? Xin hãy cùng đàm luận văn chương ; để tôi cũng không phải nhường cô hầu gái lăm lỏi của Khang Thành⁽¹⁾ là mấy đâu.

Anh em họ Đỗ ngỡ là con gái nhà quan hoặc nhà hào phú bèn nghiêm sắc mặt từ chối :

– Chúc phận của nhi nữ cần gì biết đến thi thư. Vả lại mối hiểm ruộng đưa gốc mặn, như vậy đâu có được !

Người đẹp nói :

– Thì đến người đàn bà có danh như Chúc Nữ vốn chẳng phải ở gần Văn Xương⁽²⁾ là gì ? Hoặc giả bậc nữ lưu trong cung nhà Trần thuở trước

(*) Nguyên văn : *Thần nữ*.

(1) *Trịnh Khang Thành* : học giả đời Đông Hán. Tương truyền hầu gái trong nhà ông đều thuộc lầu Kinh thi. *Cô hầu gái lăm lỏi của Khang Thành* : Nguyên chú : theo *Hán thư*, một cô hầu gái nhà ông có tội, bị phạt đứng dưới sân. Một hầu gái khác đi qua hỏi rằng : “Vì sao lại đứng trong bùn ?”. Đáp : “Lời lẽ khinh bạc, chê bai chuyện cũ, bị chủ nhân giận dữ”.

(2) *Chúc Nữ* : tên ngôi sao, theo truyền thuyết là nàng cung nữ trên thiên đình chuyên dệt vải. *Văn Xương* : ngôi sao tượng trưng cho văn chương.

chẳng đã từng nổi danh học sĩ đấy ư⁽¹⁾ ? Cô nương treo trướng gấm trong nhà chẳng đã từng gỡ bí cho em đấy ư⁽²⁾ ? Người mẹ ngồi sau bức màn the chẳng tha hồ để nhò sinh hỏi nghĩa đấy ư⁽³⁾ ? Lại như việc gió lay quạt Hán⁽⁴⁾, nắng rọi lầu Tần⁽⁵⁾, bài ca *La Hồng*⁽⁶⁾, khúc dẫn *Không hầu*⁽⁷⁾,... những lời tuyệt diệu xưa nay phần nửa sản sinh từ nơi khuê phòng, sao lại nói đàn bà không biết gì thi thư ? Các vị hãy nên cẩn trọng, đừng vì câu "mặt xinh như hoa, nhẹ dạ như cỏ bông"⁽⁸⁾ mà bài bác người đời.

Anh em họ Đỗ thấy cô gái lời lẽ sâu xa lại nhã nhặn, đều lấy làm lạ. Bèn hỏi :

– Người thư hương khuê các hạ cố đến đây hẳn có điều gì cần chỉ giáo ?

Nàng đáp :

– Các vị khổ công cầu học, mục đích để làm gì ?

Đáp :

– Chỉ muốn được lòng xanh tằm tía, nếu không thì cũng vin cửa rồng để lưu lại tiếng tăm⁽⁹⁾.

(1) Nguyên chú : theo *Nam sử*, nàng Viên Đại Xả làm Nữ học sĩ trong cung nhà Trần.

(2) Nguyên chú : theo *Thế thuyết tân ngữ*, chàng Vương Hiến Chi (344 - 386) mỗi lúc đàm đạo với khách đến chỗ bí, thì nàng Tạ Đạo Uẩn (khoảng 376 - ?) sai thị nữ treo bức trướng lên rồi ngồi sau trướng biện hộ cho em chồng, khách đều chịu phục.

(3) Nguyên chú : theo *Tấn thư*, bà Tống thị, mẹ Vi Sính, hiệu là Văn Nghi, mở trường dạy học, học trò đến mấy trăm người ; bà thường ngồi sau bức màn the mà giảng dạy.

(4) *Quạt Hán* : Nguyên chú : nàng Ban Tiệp Dư đời Hán khi không được vua sủng ái nữa đã làm một bài thơ vịnh quạt để ám chỉ tình cảnh của mình.

(5) *Lầu Tần* : Nguyên chú : theo *Nhạc lục*, nàng La Phu nước Triệu làm bài ca *Mạch thượng tang*, trong có câu : "Mặt trời mọc bên góc Đông Nam / Chiếu vào lầu Tần ta".

(6) *La Hồng* : Nguyên chú : theo *Cổ kim nhạc phủ*, nàng Lưu Thái Xuân đời Đường làm bài ca *Vọng phu*, cũng gọi là khúc *La hồng*.

(7) *Không hầu* : Nguyên chú : theo *Cổ kim nhạc phủ*, nàng Hoắc thị thấy người diên nhảy xuống sông tự tử, bèn làm bài *Không hầu dẫn*, than thở cho ông ta.

(8) Nguyên văn : *Hoa mạo bông tằm*. Nguyên chú : thơ đời Thanh có câu : "*Bóng tằm bất xứng như hoa mạo*" ; nghĩa là : Lòng dạ nhẹ như cỏ bông, không tương xứng với khuôn mặt đẹp như hoa. Ý nói : người đẹp mà dạ dột.

(9) Ý muốn nói : mong thi đỗ làm quan, và làm văn chương để tiếng ở đời.

Cô gái cười bảo :

– Sao mà lầm vậy ! Cửa rồng lay sóng hoa đào, ba năm mới một lần mở⁽¹⁾, đã khó tránh khỏi tai tiếng kẻ lòi đuôi thi hồng lại còn bị bắt khoan bắt nhặt về tư cách, rồi lúi thủi một chức thư lại giữa cõi trần lấm bụi, dễ gì mà đời sông trong⁽²⁾. Thật đáng cho người ta rầu rĩ. Huống gì những chuyện cuối ngựa xem hoa, sa trường lóe nắng⁽³⁾, có rõ ràng chắc chắn gì đâu ? Xưa, Trương Tử nhận sách của Hoàng Thạch⁽⁴⁾, nào phải vì mưu chuyện văn chương, Phòng và Đỗ nổi nghiệp ở Hà Phán⁽⁵⁾, đâu cốt làm nghề trước thuật. Hiện nay ven biển có bọn cường khấu hoành hành, triều đình đang tìm người tài giỏi, đó là cơ may làm nên phú quý, chẳng phải là thời của kẻ nam nhi phỉ chí đầy sao ? Các vị khá nhân dịp này như mũi dùi thò ra khỏi túi⁽⁶⁾, tưởng còn hơn làm một sách đến già, hắt hiu lửa đóm bên cửa sổ⁽⁷⁾ gấp vạn lần ấy chứ !

(1) Ý muốn nói : ba năm mới có một khoa thi.

(2) *Sông trong* : tương truyền sông Hoàng Hà năm trăm năm mới trong một lần, lúc bấy giờ sẽ có thánh nhân xuất hiện, thiên hạ thái bình.

(3) *Cuối ngựa xem hoa* : Nguyên chú : thơ đời Thanh : "*Mã loát hoa dung nan biện sắc*" ; nghĩa là : ngựa chạy vòng quanh vườn, khó lòng phân biệt màu sắc bông hoa. *Sa trường lóe nắng* : Nguyên chú : thơ Tô Thức (1037 - 1101) : "*Bình sinh mạn thuyết cổ chiến trường / Quá nhân hoàn mễ nhật ngũ sắc*" ; nghĩa là : bình sinh cứ nói lan man về cảnh chiến trường xưa ; Khi mắt được nhìn tận nơi mới bị lóa lên về năm sắc mặt trời chiếu rọi. Chú thêm : Cả hai ý trên đem ví với chuyện văn chương thì cứ để nói đây là một cái gì mơ hồ, không chắc chắn.

(4) *Trương Tử Phòng* : tức Trương Lương (? - 186 tr. CN) đời Hán, theo truyền thuyết từng gặp ông tiên Hoàng Thạch Củng ở Hạ Bì, được ông ta cho quyển sách, nhờ đó Trương giúp Lưu Bang (tức Hán Cao Tổ, ở ngôi 206 - 195 tr. CN) bình định thiên hạ lập nên nhà Hán.

(5) Xưa Vương Thông dạy học ở Hà Phán, Đỗ Như Hối (585 - 630) và Phòng Huyền Linh (579 - 648) đều là học trò của ông. Sau hai người không ra thi cử mà giúp Lý Thế Dân (ở ngôi 626 - 649) bình định thiên hạ, lập nên nhà Đường.

(6) *Mũi dùi thò ra khỏi túi* : Mao Toại, nghĩa sĩ thời Chiến quốc, là thực khách của Bình Nguyên Quân (? - 251 tr. CN), tự ví mình như mũi dùi nằm trong túi, lúc cần có thể xả thân vì tri kỷ giống như mũi dùi thò ra khỏi túi.

(7) Câu này mượn điển từ hai câu trong cổ thi : "*Đổ thủ thanh biên lão nhất kinh / Án đầu khô tú độc thư huỳnh*" ; nghĩa là : Con một giữ sách chết già trên một trang kinh sách / Đầu án, con đom đóm đọc sách chết khô. Ý nói : đọc sách vất vả suốt đời mà không làm nên công cán gì.

Nói xong nàng từ giã ra đi. Ra đến ngoài sân liền biến mất, không biết đi phương nào. Anh em họ Đỗ kinh sợ, bèn theo lời, ném bút đầu quân, dần dần nhờ chiến công đều được phong chức tước. Họ cùng dâng biểu xin lấy làng mình làm thái ấp, rồi dựng đền thờ nàng.

Vân Sử Thị bàn rằng : "Hàm én đầu hùm" vốn chẳng phải là hạng quan lại trông coi sổ sách, giữ thành trì để kiếm miếng thịt⁽¹⁾, nhưng nếu không được làng sơn phấn mở mắt cho thì biết đâu những người mang cốt tướng phong hầu kia lại không có kẻ phải than thở rằng đã trót để lầm lỡ cả một đời ? Thiết tưởng nàng ta cũng là một trang "mặt hoa da phấn mà cốt cách trượng phu" như Ẩn Nương, Hồng Phát⁽²⁾ vậy. Than ôi ! Đường đời dang dặc, biết gặp được nàng ở nơi nào !

NGUYỄN HUỆ CHI dịch

(1) Câu này lấy ý từ một câu trong *Hán thư* : "Yến hán hổ đầu phi nhi thực nhục" ; nghĩa là : Hàm én đầu hùm bay mà ăn thịt, nhằm chỉ người có tướng làm quan võ.

(2) Ẩn Nương : tức Nhiếp Ẩn Nương, nữ hiệp khách đời Đường giúp việc cho Lưu Ngộ. Hồng Phát : xem Chú thích 3, tr. 366, truyện *Cuộc gặp gỡ kỳ lạ*, số 153, cùng tập.

178. CÁ TRẮM GIÀN DUA^(*)(1)

Ở xã Bình An, huyện Thư Trì, tỉnh Thái Bình có bảy tám cái ao tiếp liền nhau. Ao nọ chỉ ngăn cách ao kia có cái bờ chắn cá, rộng khoảng một thước. Lâu nay, loài cá sống ở các ao hồ ấy tự nhiên tuyệt giống, đôi khi ngan, vịt bơi lội trên ao, cũng bỗng dưng mất tích. Người trong xóm lần lượt dùng gàu tát cạn từng ao, chỉ bắt được vài con cá trắm, hình vóc cũng như giống cá thường, không thể nào là địch thủ của loài ngan, vịt được. Có ông già tên là Vược, bàn với mọi người rằng :

– Đây hẳn có điều gì lạ rồi. Nhưng ao của ta nằm kề nhau, tát ao này cạn thì ao kia đầy, nên vẫn có đường cho nó thoát. Ngày mai, nên đắp kè, dẫn nước ra đồng, rồi tát cả cùng tát một lần, để xem có gì không.

Đêm ấy, cụ Vược nằm chiêm bao, thấy một người đàn bà có thai mặc áo đen, thân hình to lớn lạ thường, đến trước mặt cụ, lạy mà nói :

– Tôi nhờ ơn che chở, được trú chỗ chằm lớn đã mấy năm nay. Ôn của chủ nhân lan đến cả con cháu. Nay nghe sắp sửa tát hết ao đầm⁽²⁾, chẳng hóa ra thất đức ? Xin hãy tạm hoãn cho vài tháng thì tình nghĩa cư mang đùm bọc không gì sâu hơn.

(*) Nguyên văn : *Qua bằng hữu lễ*.

(1) *Qua bằng hữu lễ* 瓜棚有鯉 : theo *Từ nguyên* : lễ là loài cá rất lớn, mình tròn và dài, đầu và đuôi gần như nhau, vây nhỏ mà đen, có vằn, bụng và lưng đều nổi sọc chạy dài suốt từ đầu đến đuôi, cũng gọi là cá đồng, hay cá quạ. Ở Việt Nam có hai loại cá chày và cá trắm gần giống loài cá này, chúng tôi tạm dịch là cá trắm.

(2) Nguyên văn : "*Kim văn tương thi Tây Vực thần thông*" 今間將施西域神通 ; nghĩa là : Nay nghe sắp thi hành phép thần thông của sư Tây Vực. Nguyên chú : theo *Long cung cấm phương*, ở ao Côn Minh có con rồng, nhà sư Tây Vực muốn bắt để làm thuốc, bèn mượn tiếng cầu mưa, làm cho ao ấy mỗi ngày cạn đi ba thước nước. Chúng tôi dịch thoát.

Cụ già nghe đến đó, chợt tỉnh giấc, lấy làm lạ, nhưng là người thôn dân chất phác, hiểu biết hẹp hòi, nên cụ không ngờ đó là con vật dưới ao ửng mộng. Ngày hôm sau, lúc các ao đã cạn rồi, thấy tình trạng cũng chẳng khác gì các lần tát trước, ai nấy lấy làm kỳ, hỏi nhau :

– Các loài cá rô, cá giếc hoặc giả vì nhỏ bé mà bị cá trắm ăn cũng nên, còn cá chép to tày thước, thì nó nuốt sao nổi ? Thế mà đến cả loài ngan, vịt cũng thường biến mất, hay là bị bọn vảy đỏ⁽¹⁾ nuốt chửng ?

Rồi họ họp nhau về uống rượu ở nhà cụ già. Chốc lát, bỗng nghe tiếng đàn bà con gái nghỉ ở trong vườn kêu la thất thanh. Mọi người kinh ngạc đổ ra nhìn, thì thấy một con cá trắm dài gần ba thước, vảy xám như sắt, mắt lồi như đặc ngựa, đang nép mình dưới giàn dưa, miệng cắn lá cây để che thân. Thì ra, lâu nay hễ gặp lúc tát ao, ao này cạn thì nó chuồn sang ao đấy kể bên. Đến nay, biết người ta mưu tính tát hết các ao, nên nó trườn lên ăn trên vườn.

Liền đó, gậy gộc quây lại đánh chết con cá, dùng dao xẻ ra nấu được một nồi lớn. Bấy giờ mọi nghi ngờ mới hết hẳn.

Ôi ! Cá trắm đầu lớn cũng là trong khuôn khổ của hình khí đức nên thôi. Thế mà cũng biết than thở rằng : "Trương công sắp đến, làm thế nào đây ?"⁽²⁾, thì cũng là thần trong loài vật vậy !

Nhưng đầu thì châu sao Đẩu⁽³⁾, mà miệng lại cắn đồng loại để đến nỗi ao đầm kiệt nước, cuối cùng phải núp cạn dưới giàn dưa, chẳng ai thí cho chút bọt nước, phải van lơn với ông lão nhà quê mà cái chết cũng không tránh được, còn gì ngu hơn ! Than ôi ! Thịt kẻ hèn yếu đã hết sạch thì kẻ mạnh hay ăn thịt cũng đâu còn ? Những kẻ hung hãn chiếm cứ chốn khe đầm, sao không biết nghĩ ?

NGUYỄN ĐỨC VÂN dịch

(1) Nguyên chú : theo *Sưu thần ký*, loài vảy đỏ là loài rắn.

(2) Nguyên chú : đời Nam Tống có người làng chài ở Tây Hồ, đêm thấy có hai người bé nhỏ, đứng chụm lại trên bãi cát khóc than rằng : "Ngày mai ông Trương đến, biết làm sao đây ?". Hôm sau, quả nhiên có người dân chài là Trương công bắt được ở chỗ ấy một con ba ba rất lớn.

(3) *Châu sao Đẩu* : Nguyên chú : theo *Nhĩ nhĩ*, cá trắm ban đêm hướng đầu về sao Bắc Đẩu, nên gọi là "cá châu sao Đẩu".

179. CHUYỆN LẠ NÚI NƯA^(*)(1)

Núi Nưa ở Thanh Hóa, hình thế quanh co một dải, rừng rậm ghênh đá tiếp liền, có tiếng là linh thiêng, kỳ dị. Tương truyền đời nhà Lê, có ông Trần Tung⁽²⁾ tu ở đấy, luyện đan thành tiên rồi không về nhà nữa mà thường dạo chơi ở chốn nhân gian, có nhiều sự tích kỳ dị.

Một hôm, ở phía ngoài tỉnh thành, một nhà phú ông có đứa con bị bệnh đậu thập tử nhất sinh. Bỗng nhác thấy một ông mày râu trắng xóa, đến xin ăn trước cửa. Có người trách rằng :

– Nhà đó có người lên đậu sắp chết, còn lòng đau mà bố thí, ông lão thật chẳng hiểu cơ sự gì cả. Sao không đi nhà khác đi !

Ông lão nói :

– Thế thì tôi có thể chữa được.

Cả nhà mừng rỡ mời vào. Lão liền đưa ra một viên hoàn đan, hòa vào nước, dùng đũa sắt cạy miệng đứa bé ra rót thuốc vào họng, nghe có tiếng ồng ọc, khoảnh khắc đã tỉnh. Cả nhà mừng quýnh, hỏi :

– Ông ở xứ nào đến đây ?

Đáp :

– Tôi người núi Nưa.

Định bày cỗ thịnh soạn khoản đãi, lão bảo :

– Hãy đợi đã, tôi đi lấy cái túi, sẽ trở lại ngay.

Vừa ra khỏi cửa đã biến luôn, chẳng thấy tung tích đâu nữa.

(*) Nguyên văn : *Na Sơn kỳ tích*.

(1) Xem thêm truyện *Ông sư tiên núi Nưa*, số 118, Tập III.

(2) *Trần Tung* : chưa rõ là ai.

Lại ở huyện Nông Cống có bác nông dân giàu có họ Nguyễn, mắc bệnh hủi, phần hạn hết muốn sống, bèn phân phát gia sản rồi bỏ nhà vào núi Nưa tìm thuốc, định bụng không khỏi thì vùi thân nơi ngôi rãnh cho xong.

Đi đến lúc phía Tây bóng chiều sắp tắt, bốn bề hun hút, không còn tìm đâu ra một dấu chân người, thế mà một mình vẫn mãi mê dần bước. Bỗng thấy ở rìa núi có túp lều tranh, một cụ già ngồi trong đấy. Cụ giật giọng kêu lên :

– Ông kia vì sao mà đến đây ? Trời thì tối, núi lại sâu, hùm sói dễ sợ lắm đấy !

Ông ta đáp :

– Tôi bị bệnh hiểm nghèo, thuốc thang đã khắp, nay muốn đi tìm đức Phật núi Nưa, nếu không được thế, gặp chuyện gì cũng đành cam, không hối hận gì hết.

Cụ già cười, nói :

– Ngụ thậm là ngu ! Chuyện hoang đường đã lâu rồi, còn biết nơi nào mà tìm ông Phật núi Nưa ? Thế anh không đói ư ?

Cụ già đưa tay bẻ một củ khoai lạ, hết như hình đứa trẻ, vừa bẻ ăn, vừa bảo :

– Anh hãy ăn cái này.

Ông hủi hết cả hồn vía, vội nói :

– Cụ thương xin làm ơn cho lưng cơm, còn cái ấy, tôi chưa đắc đạo, ném cũng chả dám.

Cụ già nói :

– Già đây nướng nấu ở trong núi, ăn chỉ có thế, còn cơm gạo thì không dễ tìm đâu, nhưng để già băng rừng xuống dưới làng thử xem có kiếm được cho anh không.

Củ khoai vừa ăn còn thừa một khúc, cụ bèn treo lên góc nhà, rồi ra đi.

Mãi đến tận đêm không thấy cụ về, ông hủi đâm nghi hoặc, bụng bảo dạ : "Ông lão này đi kiếm gạo, không chừng làm mồi cho lang sói mất rồi". Ngồi một mình, đói không chịu nổi, ông ta với lấy phần khoai còn lại,

dem lên mũi người thì ra là củ sâm, nếm một miếng thấy vị rất thơm, ngon, bèn ăn bằng hết. Ăn xong, bát giác ngủ say. Sáng mai tỉnh dậy, tự nhiên thấy tinh thần thư thái lạ lùng, mó vào các vết hủi lở, thì đều đã đóng vảy. Nhưng từ chỗ nằm nhìn lên, tịnh chẳng còn nhà cửa đâu cả. Thất kinh, chợt hiểu ra, người mình gặp đây chính là ông Phật núi Nua ; ông bèn quay mặt vào núi vái luôn hai vái rồi ra về. Về đến nhà, lại dập đầu làm lễ tạ. Từ đó, bệnh tật khỏi hẳn và sống lâu, đến nay vẫn còn.

Vân Sử Thị bàn rằng : Phu tử ta không nói những việc kỳ quái, nhưng lại có ghi chép việc "đá nói"⁽¹⁾, bởi lẽ những điều kỳ quái không thể là việc bình thường, tuy thế cũng là việc hẳn có xảy ra ở trong trời đất. Ở phương Bắc, những chuyện thần tiên vốn được lưu truyền rất rộng, lẽ nào những vùng ở phía ngoài sao Dục, sao Chấn⁽²⁾ lại không có ? Chỉ vì sách vở không lưu truyền, nên mới thành ra không có mà thôi. Trần công ra vào chốn hư vô, dấu lạ còn rành rành, "chơi đùa là tiên, từ bi tức Phật".

NGUYỄN HUỆ CHI dịch

(1) *Đá nói* : xem Chú thích 1, tr. 340, truyện *Cuộc gặp gỡ kỳ lạ*, số 153, cùng tập.

(2) Chỉ những vùng đất ở phương Nam như Việt Nam, vì sao Dục, sao Chấn nằm về hướng Nam.

180. CON CÂY CÓ NGHĨA(*)

Tầng tổ bên ngoại tôi có năm người con trai, ông Phạm Niên là con út, và là em ruột bà tôi, thích rượu và ham săn bắn. Nhà ông ở sát cánh đồng hoang, có đôi cây hương, đêm đêm vẫn mò vào vườn, cạnh bờ rào thường thấy dấu chân của chúng. Ông bèn lấy cái bẫy cung đem ra giăng sát bờ rào, trên có treo mấy mảnh sành để khi mắc bẫy, con vật cố sức giãy giụa thì sành, sứ va chạm thành tiếng, báo hiệu cho mình biết.

Chừng canh hai, nghe tiếng sành sứ lách cách, ông đốt đuốc ra xem thì thấy con cây đực mắc bẫy. Ông tháo con vật đưa vào nhà thì con cây cái đuổi theo giăng xé mồi, không chịu buông. Ông đánh luôn mấy cái không trúng, bèn xách con đực vào nhà, đóng cửa lại. Ngoài sân nghe tiếng con cái chạy quanh kêu gào, đến nửa đêm vẫn không dứt. Ông ngủ không nổi, dậy xem thì con đực đã chết rồi, bèn đặt xác nó ra ngoài cửa, chốc sau tiếng kêu lặng bặt. Sáng mai, ra nhìn, thì con cái cũng đã chết nằm một bên. Ông hết sức thương cảm, từ đó không làm chàng thợ săn mò mẫm giết chóc ngoài đồng nữa.

Ván Sĩ Thị bàn rằng : Cắn xé không buông và kêu gào quanh sân là có ý muốn cho con đực thoát chết, khi thấy đã chết rồi, thì cùng chết mới cam lòng, đó thật là nàng Lễ Tu⁽¹⁾ trong loài vật vậy. Tôi thấy có kẻ rành rành là người vậy mà đã lỗi thể đồng huyết lại còn đi xáy những "giếng tình" khác, thậm chí đang lúc kết mối đồng tâm mà bên theo trai, bên chim gái⁽²⁾, than ôi, thật không bằng loài vật !

NGUYỄN ĐỨC VÂN dịch

(*) Nguyên văn : *Nghĩa lý*.

(1) *Lễ Tu* : Nguyên chú : Trương Lễ Tu là vợ Triệu Cao, khi Cao bị giặc giết, chị ta cầm dao xông tới giết giặc, ý chí rất quyết liệt.

(2) Ở đây, tác giả dùng hai điển trong *Phi Yến ngoại truyện* và *Tả truyện* để nói chuyện ngoại tình. Chúng tôi dịch thoát.

181. NHÀ GIÀU TƯỚNG HÀNH KHẮT^(*)

Ở phố Hàng Đồng, Nam Châu⁽¹⁾, xưa kia có người đàn bà góa, vốn là vợ một viên thư lại, nhà tích chứa ngàn vàng mà keo lặn thành tính, lúc sinh thời một đồng tiền cũng coi như mạng mình. Từng có người học trò xem tướng cho bà ta, lấy làm lạ, nói :

– Trời, bà này tướng không nghèo, sao lại là hành khất ?

Người trong nhà cho là lời nói quàng, bèn bảo :

– Chẳng cần sinh lãi, cứ thung dung như vậy bà đây cũng đủ an hưởng tuổi đời. Lời anh phán sao mà cần rõ thậm tệ thế !

Nói rồi bèn đuổi thẳng.

Khoảng những năm Giáp Tý (1864), Ất Sửu (1865), tỉnh Nam mùa mất trắng, trên đường người ngó nhau mà chết, người ăn xin kéo về tỉnh thành có đến hàng vạn. Quan Tổng đốc họ Đào khuyên những nhà còn có tài lực ở quanh thành góp tiền giúp việc cứu tế. Khi đánh tiếng đến bà góa kia thì bà ta mượn cớ đói khổ từ chối, khẳng khăng không chịu bỏ ra chút gì. Mấy lần quan cho gọi vào công đường để khuyên lơn hiểu dụ, bà vẫn một mực không chịu. Quan nổi giận, nói :

– Nếu mụ quả thật cơ cùng thì cũng không ai ép. Ta sẽ còn chần cấp cho mụ, không để mụ phải khổ vì đói đau.

Rồi sai公差 bà ta lại, ngày ngày giải ra nơi phát chẩn, lĩnh phần cơm, và ngồi lẫn vào đám hành khất bên đường mà ăn. Có người trở vào mặt bà nói :

(*) Nguyên văn : *Phú gia khất tướng.*

(1) Tức Nam Định ngày nay.

– Mới hôm trước đây, ta đến xin tại nhà mụ, mụ còn mắng mỏ, không bố thí cho ta một mẩu, bây giờ lại đến đây chia chút cơm chần của chúng ta à ?

Họ tranh nhau chửi mắng bà ta. Con cái bà trai có gái có, mang thức ăn ngon lành tới đầu đường, đều không thể trao tận tay bà được.

Gần một tháng sau, việc phát chẩn chấm dứt, bà ta mới được về nhà. Đã uất lại thẹn, bà rũ ra mà chết.

Gia đình bà làm lễ đưa tang, nhưng các đồ phúng viếng vừa ra đến đồng đã bị đám hành khất quây vào như lũ quạ cướp sạch, người nhà không ai dám xua đuổi họ.

Ôi ! Đài Hoài Thanh⁽¹⁾ đời Tần, chẳng phải cũng là từ người đàn bà góa dư dật tiền tài đấy ư, sao lại về vang thế ? Còn bà này thì từ trong trường bị gây đến ngoài bãi tha ma, lũ quỷ đói trước sau đều gây tai nạn cho mình. Sao lại nhục nhã thế ? Cho hay, những kẻ "bụng thờ hơi đồng, tướng trông cốt sắt" trong thế gian đều có "túc oan" với người ăn xin cả. Kinh Phật có câu : "Một đồng đem theo không được, chỉ đem theo nghiệp chướng mà thôi". Ôi ! Nên lấy làm răn !

NGUYỄN HUỆ CHI dịch

(1) *Hoài Thanh* : Nguyên chú : *Sử ký* chép người đàn bà góa đất Thục tên là Hoài Thanh, nhà rất giàu, dùng tiền của để tự vệ, không ai dám phạm đến, được Tần Thủy Hoàng (259 - 210 tr. CN) khen là trinh phụ, và dựng cho cái đài, lấy tên là đài Hoài Thanh.

182. MẸ NÀO CON ẤY(*)

Thân mẫu quan Bố chánh Nguyễn Cao⁽¹⁾ là người làng Cách Bi, tỉnh Bắc Ninh. Lúc thiếu thời, xinh như ngọc, trong trắng như băng. Sinh ông được bảy tháng thì góa chồng, bà gắng cày vài mẫu ruộng, giữ tiết nuôi con. Trong làng có viên hương chính nọ, em viên hương chức, là một tay hào phú, có tật mê gái, từ lâu đã rắp tâm gầy đàn cầm đàn sắt, muốn được đánh bạn với mặt hoa. Nhân kỳ nộp thuế, y đến nhà bà, hỏi :

– Thuế điền thổ và thuế vải đã liệu đủ chưa ?

Bà nói :

– Đủ rồi.

Y bảo :

– Chưa gấp lắm đâu, hãy để đấy.

Hôm khác y lại đến và nói :

– Tôi đã đóng thuế thay chị rồi.

Bà liền hoàn lại đủ số và nghiêm sắc mặt mà nói :

– Tôi thì chồng chết, mà con còn nhỏ, ông làm gì phiền phức như thế, thiên hạ đông mắt, lắm miệng, sẽ cho là thế nào ?

(*) Nguyên văn : *Thử mẫu thử tử*.

(1) *Nguyễn Cao* (1828 - 1887) : nhà chí sĩ, người làng Cách Bi, huyện Quế Dương, tỉnh Bắc Ninh, sớm mồ côi cha, mẹ bị tên cường hào là Tổng Trì ép duyên, không chịu, về sau để giữ tiết, bà cắt vú tự tử. Lúc nhỏ, ông được bên ngoại nuôi dưỡng. Năm Đinh Mão (1867) đời Tự Đức, thi đỗ Giải nguyên, làm quan đến chức Bố chánh tỉnh Thái Nguyên. Sau khi triều đình Huế đầu hàng thực dân Pháp, ông khởi binh đánh Pháp, thua trận, trốn ở động Hương Tích. Tháng Tư năm Đinh Hợi (1887), ông bị giặc bắt, cấn lưỡi không chết, bèn lấy dao rạch bụng, moi ruột ra mà chết. Sau con ông là Nguyễn Hào mưu đồ khởi nghĩa, bị tên Nguyễn Kiện báo với giặc, Hào bị giặc giết. Bà vợ ông Cao cũng tự vẫn chết.

Hắn ta ngò ý muốn bắc nhịp cầu ô thước để bà đi bước nữa. Bà nói :

– Tôi còn trẻ, vội gì. Nếu tái giá, ngoài ông ra còn ai hơn. Nhưng hãy chờ đến ngày mãn phục cũng chưa muộn. Nhược bằng vội vã phá tang⁽¹⁾, cải tiết, có hay gì cho ông.

Bà dùng lời nói mềm mỏng cốt để khỏi xảy ra những chuyện lời thôi về sau. Không ngờ thói quen chốn cửa quyền tích tụ mãi nên sinh thói lỗ. Một hôm, bà đi chợ sớm, y nấp sẵn bên đường, toan giờ trò cường bức. Y vừa chạm vào một bên vú thì bà đã cố sức giằng ra rồi chạy thoát. Hôm sau, bà sửa lễ cúng chồng, lại mời cả họ cùng đến. Ăn uống xong, bà đem sổ sách kế ước đặt trước mặt rồi nói :

– Tôi thì góa bụa, con lại ấu thơ, nay tôi định đi nương cửa chùa, hết thấy cơ nghiệp đều xin giao lại cho họ.

Nói rồi, bà bế con đi ngay, họ hàng chẳng hiểu lý do thế nào, đành phải tạm giữ cho bà. Sau đó, dò la tung tích, thì bà đã đến ở chùa Kim Giang. Chùa này có một ni cô trụ trì, cảnh vật lại thanh nhã, tĩnh mịch. Đến năm ông Cao lên bảy, bà bỗng bế con về làng, họ hàng lại cùng nhau hoàn lại gia sản, ruộng ao và hoa lợi hàng năm, không thiếu một ly. Viên hương chính họ nghe tin liền tìm đến, hỏi :

– Lời hẹn trước thế nào, chị còn nhớ không ?

Bà cười đáp :

– Nhớ chứ. Bây giờ đứa bé trong tã, trong nôi đã biết đòi ăn, đòi uống, không có mẹ cũng sống được rồi. Tôi định trả nó cho họ tộc để thực hiện lời ước với ông đây. Hôm sau, tôi sẽ sửa bữa cỗ mời khách, ông hãy nhớ đến cho đúng hẹn, đừng để người khác đến trước.

Y vui mừng nhận lời ra về. Quả nhiên, đến hôm ấy, bà cho mổ bò mời họ hàng, già trẻ đều đến cả, hương chính ta cũng ăn mặc bảnh bao mà đến. Rượu được nửa chừng, bà liền cởi áo, tay cầm dao bước ra nói :

– Thưa với cả họ, hãy lắng nghe tôi nói.

Rồi bà cầm dao chỉ vào mặt viên hương chính mà nói :

– Ngày ấy, tháng ấy trên con đường họ, mày đụng đến vú tao, làm tao mất trinh. Tao có thể chết ngay, nhưng đứa con còn khóc oe oe không biết

(1) *Phá tang* : nguyên văn là *doãn tang*. Theo lễ giáo phong kiến, cha mẹ hoặc người thân chết chưa thành phục mà làm lễ kết hôn cho con cháu gọi là "chạy tang", thành phục rồi mới kết hôn gọi là "phá tang", phá tang nhất thiết là trái lễ.

dựa vào ai, sợ chồng tao tuyệt tự. Mà ở lại nhà thì không mặt mũi nào nhìn lên bài vị của chồng, nên tao đành nhẫn nhục nương nhờ cửa Phật, để nuôi con khôn lớn. Nay ý nguyện đã thỏa, tao phải liêu với mũi dao để tạ họ hàng.

Dứt lời, bà cắt ngang một vú rồi lăn ra chết. Cả họ liền trối viên hương chính lại giải tới cửa quan, và chứng thực lời nói của bà, lại tâu xin nêu khen ở làng, còn tên kia thì bị khép vào trọng pháp.

Ông Nguyễn Cao lớn lên, đỗ Giải nguyên khoảng đời Tự Đức, làm quan đến chức Bộ chánh. Ít lâu sau, ông cáo quan về vườn, xõa tóc, khoác áo, nhàn tản đó đây, tuyệt nhiên không để tâm đến việc gì khác. Nhưng ông bị tên Tổng Phúc Trạch hãm hại, vu cho làm tướng giặc. Ở trong ngục, ông dùng tay không rạch bụng, lõi ruột ra, máu me lênh láng, đưa cho mọi người xem, rồi cười mà nói :

– Các ông xem đây, làm gì có chuyện ấy !

Rồi cắn lưỡi tự tử.

Than ôi ! Mẹ cắt vú, con rạch ruột, trinh tiết, uy phong, muôn thuở chói lòa. Người đời Tấn khen mẹ ông Đào Khản rằng : "Không phải bà mẹ ấy không sinh được người con ấy"⁽¹⁾. Đối với phu nhân, tôi cũng nói như thế.

Văn Sử Thị bàn rằng : Đàn bà góa và kẻ cường bạo, hôm sớm đối mặt nhau, thật là oan gia thứ nhất không thể giải tỏ ở đời, ngoài cửa Phật ra, còn biết tính kể gì khác nữa. Lời nói nhẫn nhục lần trước, cốt để cho con được toàn sinh, lời nói ngọt ngào lần sau cốt đưa tên bợm vào chỗ chết. Phu nhân lắm liệt thay ! Tiết của mình vẹn tròn, mà lưỡi dao lại chém vào đầu địch thủ. Vú đã bị hoen, tay tự cầm dao cắt bỏ, quân dâm ác chết có sá gì ! Trong khoảng ngàn xưa, không ai mưu trí được như thế, không ai thung dung được như thế, mà cũng không có nhân vật nào như thế. Cả mẹ và con đều là vậy ! Tuy nhiên, người trung trinh thành danh chính là một điều không may cho đời vậy.

NGUYỄN ĐỨC VĂN dịch

(1) Đào Khản người đời Đông Tấn, làm quan đến chức Chinh Tây đại tướng quân, Kinh, Tương Đô đốc quân sự và Quảng Châu Thứ sử, được đương thời sánh với Gia Cát Khổng Minh (181 - 234). Phạm Quỳnh có nói : "Không phải mẹ ấy không sinh được người con ấy".

183. MẸO LỪA^(*)

Bạn đồng song với tôi là Mậu tài⁽¹⁾ Nguyễn Văn Chính ở Nam Du, người nhà có mở cửa hàng kim hoàn. Một hôm, có người khách trong Nam, ăn vận rất sang, đẩy tớ theo hầu như bạc quyền quý, vào hàng bán bạc. Vài ngày sau lại đến mua mười lạng vàng. Ngã giá xong, nhìn sắc vàng thấy già, anh ta liền đưa ra một cái hộp gỗ trắc nhỏ, khóa bằng bạc, đặt vàng vào, niêm phong bên ngoài, không còn hở một khe nhỏ, rồi khóa lại và nói :

– Chúng tôi ở trong Nam gần đất nhà vua, pháp luật rất nghiêm, lo lót việc gì thật không phải dễ, cho nên đưa trăm lạng bạc không bằng một lạng vàng, nhưng dầu là vàng, mang theo vẫn khó, không thể để lộ.

Thế rồi, anh ta bỏ cái hộp vàng vào túi đeo lưng, ra hiệu cho mọi người thấy và nói :

– Vật nhỏ thế này dễ mang cũng dễ đưa, có thể bày tỏ lòng thành của ta, làm cho việc ta trôi chảy.

Dứt lời, anh ta lại lấy hộp vàng ra, có người cầm lấy thì thấy vẫn nặng như trước. Một chốc, người khách mua vàng lại nói :

– Tiền của tôi lấy ở nhà ông quan *Mỗ*, vừa rồi bận việc, chưa kịp ngỏ lời với ông ta, nay hãy để vàng lại đây, và xin gửi thêm một chiếc nón kinh cùng vài chục quan tiền để làm tin, ngày mai đem đủ tiền sẽ lấy vàng cũng không muộn.

Bấy giờ, có một vị khách ngồi ở đấy, là người lão luyện việc đời, liền nói :

– Được, nhưng cần mở hộp ra xem lại cho kỹ thì xin vàng lời.

(*) Nguyên văn : *Phiến cục*.

(1) *Mậu tài* : tức là học vị Tú tài, cách gọi của nhà Đông Hán.

Nghe nói, ông khách bực bội ra mặt, lại bỏ hộp vàng vào túi đeo lưng và nói :

– Mắt anh nhỏ như hạt đậu, tôi bỏ vào đây là để tỏ ý tiện lợi mà thôi, há lẽ vàng có thể có cánh bay mất hay sao ?

Đoạn anh ta lấy hộp ra, mở hộp thì vàng vẫn ở đấy. Rồi bọn họ kéo nhau đi, sau đó chẳng còn thấy tăm hơi đâu cả.

Ồi ! Hộp gỗ, nón kinh, tiền đồng đều bỏ không lấy, thì gian trá đã rõ ràng. Chắc là trong túi đeo lưng của chúng đã giấu sẵn một cái hộp khác giống hệt như thế mà bên trong đựng đá hoặc chì, nếu không kiểm lại, biết đâu lại không mắc phải mẹo lừa của chúng ! Đó là chỗ giảo hoạt trong trò lừa đảo đấy ! Tuy vậy, mẹo lừa chưa thành, mà túi tham đã sạch. Tục ngữ có câu : "Không gian dối, làm gì nên tội"⁽¹⁾. Ồi ! Cũng là điều mà bọn "xoay vàng chuyển lưc"⁽²⁾, nên lấy làm răn.

Lại có một người có vẻ chất phác, dân dòn vào hàng bạc mua một nén bạc, ngã giá chưa xong, anh ta đi ra, một chốc lại quay trở lại. Đang lúc anh ta cầm nén bạc ngắm nghía màu sắc lóng lánh thì vừa có mục hành khát đến xin trước cửa hàng, đuổi mấy cũng không đi. Anh tức quá, vứt nén bạc vào bị còi của mục mà nói :

– Cho mục đấy.

Mục hoảng hốt, vội tìm nén bạc đưa trả và nói :

– Già đói khổ, chỉ muốn xin một đồng tiền, đâu dám mơ tưởng đến vàng bạc của ngài mà giảm mất phúc phận.

Rồi nét mặt của mục lộ vẻ ảo não. Anh mua bạc cười, nói :

– Thế thì cút đi, tiền không sẵn đâu.

(1) Nguyên văn : "Vô gian khi đa đắc ngật khuỵ" 無奸欺多得吃虧 ; nghĩa là : không dối trá hay bị thiệt thòi. Có lẽ chữ *đa* (多) ở đây là chữ *na* (那) viết lầm. Chúng tôi dịch theo nghĩa sửa lại để khớp với ý đoạn văn.

(2) *Xoay vàng chuyển lưc* : Nguyên chú : *Nhạc phủ* có câu : "Hồi hoàng chuyển lưc vô định kỳ ; Thế sự phiến phúc quân sở tri" ; nghĩa là : xoay vàng chuyển lưc không có kỳ hạn nhất định ; Việc đời diên đảo anh cũng biết. Chú thêm : Ở đây, tác giả mượn mấy chữ "hoàng lưc" để chỉ tiền và vàng (vì *hoàng* là màu của vàng, *lưc* là màu tiền đồng). Xoay vàng chuyển lưc là muốn chỉ những kẻ gian trá trong khi mua bán vàng bạc.

Mụ hành khát bỏ đi, miệng còn lẩm bẩm những lời oán trách. Anh ta lại cò kè thêm bớt hồi lâu, rồi cũng bỏ đi. Chị bán hàng xem lại nén bạc thì hình sắc vẫn như cũ, nhưng đến khi nhìn kỹ thì ra bạc giả.

Vân Sử Thị bàn rằng : Ban đầu giờ giọng cò kè thêm bớt là cốt nhận cho rõ sắc bạc ; đến khi cười, xua đuổi, giận, vứt bạc, đóng trò vờ vĩnh tuyệt khéo, ít ai khám phá ra chỗ gian. Nhưng mẹo lừa của bọn trước là ở cái túi lưng của người sang. Còn mẹo lừa của bọn sau, là ở cái bị rách của người cùng túng. Chỗ đáng quý của người ta là biết giữ trọn liêm sỉ và thiên lương, nếu không thì bất cứ sang giàu hay nghèo đói, trong túi trong bị của họ không chỗ nào không đầy mưu gian.

NGUYỄN ĐỨC VÂN dịch

184. HÀI CỐT NỮ HIỆP DUỚI GỐC HỒNG MAI^(*)(1)

Cuối đời Lê, có vị tướng công nọ ở trong Nam vốn là người đảm lược, lúc chưa gặp thời du học ở Thăng Long. Đang lúc ông định đi tìm một nơi chùa quán để trọ, chợt thấy có tòa nhà ngói ở phường Thuận Mỹ, chừng như rộng rãi lắm, nhưng cửa ngõ khóa kỹ, vắng lặng không người. Ông muốn xin vào trọ, người hương chức đứng đầu phường ấy nói :

– Ngôi nhà này không yên, thỉnh thoảng lại có tiếng kêu gào trên xà nhà, và bóng ma dòm ngó nơi cửa sổ. Thấy có cách gì trấn an được thì cứ đến, không phải thuê mướn gì cả.

Ông mừng, bèn dắt theo một chú gia đồng đến, quét dọn nhà ngoài mà ở, treo gương và đàn lên vách, lại khóa cửa trong lại để không phải đặt chân tới khu nhà, vườn phía sau.

Một đêm, ông đang khêu đèn đọc sách, gia đồng thì thông đầu gà gặt, chợt thấy trên gác có con ma, mặt mũi cực dữ tợn, lộ đầu nhòm xuống mà cười. Ông không đổi sắc mặt, thong thả cất tiếng ngâm :

(*) Nguyên văn : *Hồng mai hiệp cốt*.

(1) *Hồng Mai* : vốn là tên một truyện truyền kỳ do Châu Triều Tuấn đời Minh soạn, chép sự tích hôn nàng Lý Tuệ, thiếp của Giả Bình Chương cứu Bùi Thuần Khanh. Ở đây, tác giả dùng lại hai chữ hồng mai nhưng đã lồng vào một cốt truyện khác.

Phong thanh nguyệt bạch dạ song hư,

Hữu quý lai khuy tiểu độc thư⁽¹⁾.

(Gió mát, song thưa, trăng sáng ngời,

Nhòm ta đọc sách, quý ma cười).

Con ma rút đầu lại, rồi mọi tiếng động bỗng lặng phắc. Đêm sau, ông đã lên giường, thốt nghe ở phía cửa trong có tiếng động khóa lách cách, rồi cánh cửa đột ngột mở ra. Thấy một cô nàng tuyệt đẹp, cầm chiếc đèn lồng the từ trong bước ra, rõ là một giai nhân đôi tám, cách mười bước đã tỏa ngát mùi hương lan xạ ; yếu điệu thướt tha, long lanh ngọc biếc, chẳng khác gì dáng dấp thần tiên. Nàng tiến đến trước mặt e ấp nói :

– Nhà chúng tôi may được bậc thiên quý đến trấn giữ bảo bọc cho, rạng rỡ khôn xiết ! Nay gặp đêm thanh, xin kính cẩn nghiêng đầu vái tạ.

Ông thấy nàng cài trâm, búi tóc lại nói giọng trong Nam, bèn nói :

– Tôi từ Nam ra, với cô vốn cũng cùng một thung thổ đấy. Chẳng hay quý thể dòng dõi cửa nào ? Anh linh nương tựa chốn này đã bao nhiêu năm ? Âm dương khác nẻo sao còn tranh chỗ sáng của nhau ?

Người đẹp nói :

– Thiếp vốn người làng *Mỗ* đất *Bàn Thành*⁽²⁾. Thuở ấu thơ nhờ cậy đôi chút sáng láng, lại được sinh vào cửa hào môn, năm hai mươi tuổi, cha mẹ cho mang khá nhiều vốn liếng ra mở cửa hàng ở kinh thành để tiện kén chồng. Cơ ngơi này do tay thiếp xây cất. Chẳng ngờ tuổi xuân sớm tàn lụi,

(1) Nguyên chú : bài thơ trong sách *Tổng thư* như sau :

Phong thanh nguyệt bạch dạ song hư,

Hữu nữ lai khuy tiểu độc thư.

Dục bả cầm tâm thông nhất ngữ,

Thập niên tiền dĩ bạch Tương Như.

(Trăng thanh gió mát ngoài song vắng,

Nàng đến cười ta đọc sách ư ?

Muốn mượn đàn cầm thông một tiếng,

Hiếm vì đã trôi mìa Tương Như).

(Lại Văn Hùng dịch)

(2) Tức thành *Đồ Bàn*, tỉnh *Bình Định*.

đứa hầu gái cũng chết yếu, chiếc cô hồn quần quanh nơi đất lạ, dầu dấm chìm trong vòng u tối vẫn chẳng tiêu tan. Bọn tục tử cõi trần đã vấy bẩn lên nhà cửa của thiếp, lại cứ như chọc vào mắt thiếp, nên không thể dung thứ. Đêm trước, nhòm ngó từ trên gác chính là con hầu gái ngu ngốc, không biết tướng công, mới dám liều lĩnh giờ trò ranh mãnh như vậy. Ngược xin được mở lòng tha thứ.

Ông cười, nói :

– Kẻ hèn này được người u minh hạ cố cho gặp mặt, hẳn có điều gì muốn chỉ bảo ?

Cô gái nói :

– Bản tâm muốn phiền ngài một việc hệ trọng, xin cho được lần lượt thưa gửi. Lúc thiếp mệnh một, vẫn còn đến vài trăm lạng vàng và bạc, chôn ở nhà trong, còn lữ thần thì nằm dưới gốc cây hồng mai. Mong ngài đào của chôn ấy lên, đem dùng vào việc đưa hài cốt của thiếp về Nam, ơn trạch thăm đến hoàng tuyền, kỳ dư Hồng Phát⁽¹⁾ này xin dành làm phí tổn cho người hầu, xe ngựa của ngài.

Nói xong, cô đưa ông vào nhà trong, chỉ nơi chôn của, rồi lại dẫn ông ra vườn sau, thì thấy hoa và nước thật tinh mịch um tùm. Một cây hồng mai, hoa kết thành chùm, đang tỏa hương thơm ngát. Cô chỉ xuống gốc cây mà nói :

– Đây là chỗ ở kín đáo của thiếp, bên cạnh là mộ con hầu.

Rồi cô dặn thêm :

– Muôn vạn lần xin tướng công để tâm giúp thiếp, đừng phụ lời khẩn cầu của cõi âm. Mai sau gặp thời buổi tung hoành của rồng hổ, gió mây, thì chính là lúc mà tấm thân bạc mệnh này ngậm vành, kết cỏ đầy⁽²⁾.

Đoạn, nàng cầm khăn thấm giọt lệ, vái chào rồi biến mất.

(1) *Hồng Phát* : xem Chú thích 3, tr. 336, truyện *Cuộc gặp gỡ kỳ lạ*, số 153, cùng tập.

(2) *Ngậm vành kết cỏ* : Ngụy Thủ thời Xuân thu vì xử tốt với người gái hầu của cha, sau đánh giặc Tần, được linh hồn người cha của nàng *kết cỏ*, làm vương chân tướng giặc, nên ông ta bắt được. Theo *Tục Tể hải ký*, đời xưa có người thiếu niên tên là Dương Bảo, bảo hộ cho con chim sẻ thoát nạn, sau nó *ngậm vành* ngọc trắng đến tạ ơn, xưng mình là sứ giả của Tây Vương Mẫu.

Ông bèn đào chỗ nàng đã chôn, quả nhiên thu được số vàng bạc như lời nàng nói, đem bán đi một phần mười, lấy tiền đưa hài cốt của nàng về Nam. Nhà nàng giàu vào bậc nhất trong làng, cha mẹ còn tại thế, nhận được nắm xương tàn của con, sầu và vui lẫn lộn, coi ông như con rể. Về sau ông nghe lời chỉ dẫn của họ, tay cầm roi ngựa đến phò tá nơi cửa quân. Bên phía gia đình nàng cũng xuất ra không ít của cải bạc tiền để ông toại chí. Cuối cùng, ông được ban tước phong ấp⁽¹⁾. Quả tình, trong mấy năm ruổi rong lưng ngựa chiến, lẫn lộn với lửa dóm giữa rừng, lập nên công trạng, ông được âm hồn nàng phù hộ rất nhiều.

Văn Sử Thị bàn rằng : Lửa dóm, ngựa chiến, vốn cũng tự lòng trời, phách đẹp hồn thơm, nhờ thế mà bất hủ. Trong bọn ma quỷ nàng là một Hồng Phát chăng ? Xét lẽ thì linh thiêng đủ làm cho sắc đẹp hiển hiện, tài trí đủ giúp cho người chinh chiến nên công, vậy mà không thể dám sương giãi gió trở về báo mộng với gia hương, có lẽ hồn ma ở nơi đất khách cũng có các sở ty cai quản, không thể tự ý lìa bỏ hình hài bay đi được. Than ôi ! Khi trời đã mở vận thì quỷ thần, sông núi không đâu là không phù hộ độ trì. Sao kiến thức của những kẻ mày râu hần hoi, lại kém bọn mặt hoa da phấn trong chốn u minh vậy ?

NGUYỄN HUỆ CHI dịch

(1) Nguyên văn là “mao thổ” 茅土, một hình thức tượng trưng, lấy cỏ tranh gói một cục đất có màu sắc quy định phương hướng, do thiên tử trao cho chư hầu, để biểu thị ý ban phong chức tước và thái ấp.

185. HUỐNG ĐẤT VÀ LUẬT TRỜI^(*)

Cai quản đất Bắc có viên quan nọ, vốn xuất thân từ cửa nghèo hèn. Thuở xưa, cụ thân sinh ra ông vì nghèo, phải sống nương náu dưới tay viên Chánh tổng *Mỗ* người cùng làng. Chánh tổng nổi đời giàu có, nhưng lại hiểm hoi về đường tử tức, nên không tiếc tiền của, mời một ông thầy địa lý người nước Thanh, rất tinh về dò tìm đất cát⁽¹⁾, để tìm một ngôi huyệt phát phúc. Thầy địa lý đã già, ho khục khặc. Cụ hầu hạ thầy rất kính cẩn, thường theo thầy ra đồng. Xét biết tình ý, thầy hỏi cụ rằng :

– Ông muốn điều gì chăng ?

Cụ đáp :

– Tôi có một đứa con còn thơ dại, muốn sau này nó được dự vào chốn rừng văn, đình có theo gót cha nó làm nô bộc, thế là đủ, còn thì cam phận nghèo, không cầu cạnh gì mà cũng không có điều gì hối tiếc cả.

Thầy cười, khẽ gật, rồi kín đáo trở đất cho cụ và nói :

– Nhớ chôn sâu vào, làm ngược lại thì vẫn là tội tở người ta đấy !

Cái huyệt thầy địa lý chỉ cho viên Chánh tổng là ở chỗ khúc cây đánh dấu trên đồng cao mà huyệt chỉ cho cụ thì ở dưới đồng thấp, chỗ bóng khúc cây chiếu xuống. Cụ theo lời, ngấm dùi mộ tổ đặt vào đấy.

Được mấy năm, con cụ lớn dần, học nhờ nơi trường tư nhà viên Chánh tổng, đình ngộ dị thường. Còn người con viên Chánh tổng thì ngu đần,

(*) Nguyên văn : *Địa lý thiên lý*.

(1) Nguyên văn là “thanh diểu” 青鳥, tức là diểu con chim xanh của Tây Vương Mẫu, về sau dùng để chỉ người đưa tin tức, hoặc người làm mối. Không hiểu sao ở đây lại dùng diển này. Có lẽ diển này còn muốn chỉ việc đoán trước được chuyện tương lai, họa phúc, vì trong câu chuyện, Đông Phương Sóc (154 - 93 tr. CN) là người đoán trước được con chim xanh của Tây Vương Mẫu sẽ tới thăm Hán Vũ Đế. Về “chim xanh”, xem thêm Chú thích I, tr. 337, truyện *Cuộc gặp gỡ kỳ lạ*, số 153, cùng tập.

không sao vực lên được. Chánh tổng lấy làm lạ. Có người đem chuyện thầy địa lý nói hớ ra, lão nổi giận, nói :

– Lão rùa lừa đảo kia sao dám dối gạt phụ lòng ta vậy ? Ta lấy lễ mời nó và trả công rất hậu, thế mà ở đất Tần nó lại mưu toan cho Sở, mới ngang ngược làm sao !

Cụ biết trước sau gì Chánh tổng cũng chẳng giữ mình nữa rồi, bèn dắt díu cả nhà đi nơi khác. Liên đó, viên Chánh tổng mật bảo người hầu rằng :

– Lão già mặt kiếp, chịu ơn ta, lại tranh mất phúc của ta, nay téch đi rồi, thế là hấn bội bạc với ta sâu lắm. Chờ đêm xuống, chúng bay hãy ra quật mộ nhà hấn ném cho thần Hà Bá, rồi cứ hướng ấy mà tráo hài cốt của phụ thân ta vào.

Hai người hầu vâng lời, vác thuổng ra đồng, lén đào mộ tổ nhà cụ lên, nhưng đào xuống ba thước vẫn chẳng thấy quan tài đâu, bèn ngắm bảo nhau :

– Lão này trước đây là người cùng bọn với mình, cha lão khác gì cha mình. Nay chủ bảo phải vâng, nhưng hà tất phải ném hài cốt của người ta đi mới được.

Hai người liền tính kế đào quan tài của cha Chánh tổng mang đến chôn chồng lên trên đó, rồi trở về vờ nói với chủ là đã vâng lệnh.

Chưa được bao lâu thì con trai ông cụ thi đỗ, về bái yết phần mộ tổ tiên, vẫn không hề biết là có mộ mới đã chồng lên, còn gia đình viên Chánh tổng thì cứ âm thầm trông nom mộ địa mà nào có hay, mộ cũ của người vẫn còn nguyên bên dưới đấy.

Đến năm Nhâm Tuất⁽¹⁾, cường khấu nổi dậy. Các ngài “Hiệu úy”⁽²⁾ chuyên săn tìm vàng đã đào mộ nhà Chánh tổng ở trên gò. Con trai ông cụ vâng mệnh cầm quân đánh chúng. Chúng phong thanh rằng ông hiền đạt là nhờ ngôi mộ nọ, bèn cũng tìm xuống đào lên vớt nốt. Đến khi bình được giặc, ông trở về thì không còn mộ tổ nữa, trong lòng thảng thốt không yên. Bấy giờ nhà ông phú quý rất mực, mà nhà viên Chánh tổng đã trở nên bần hàn. Hai người đây tớ từng đào mộ thuở xưa bèn tìm đến nhà ông kể rõ sự tình. Ông vui mừng, thử đi xem xét lại, thì đúng là phần mộ tổ tiên mình vẫn còn đấy thật. Rốt cuộc không oán hận gì họ, ông còn hàm ơn họ.

NGUYỄN HUỆ CHI dịch

(1) Chưa rõ là năm Nhâm Tuất nào.

(2) *Hiệu úy* : một chức quan võ có từ thời Tần. Ở đây tác giả chế giễu bọn người dùng vũ lực đi đào trộm của là Hiệu úy.

186. HỔ LÀM LÝ TRƯỞNG(*)

Vào dịp trung thu năm Bính Thân (1896), ông Mậu tài⁽¹⁾ đất Châu Giang là Bùi Tử Mai gặp tôi ở trong Nam, có kể cho tôi nghe rằng :

Từng nghe thân phụ ông nói, xã nọ thuộc tỉnh Khánh Hòa⁽²⁾, dân cư ở lẫn giữa rừng núi, mỗi năm, cứ đến ngày trừ tịch⁽³⁾ lại họp các bậc già cả trong làng, cùng nhau làm tờ giấy cam kết, bầu chúa sơn lâm làm Lý trưởng, rồi sắm một con lợn luộc, cùng với xôi và rượu, đặt giấy lên trên, đem bày ở giữa rừng. Đúng sáng Nguyên đán, cho người tới thám thính, thì y như mâm, hũ và tờ giấy bầu năm ngoái đều được trả lại. Thế rồi, trong suốt một năm, người dân làng ấy chui luôn trong rừng để lấy củi, đào củ mài, hoặc mót lúa nương⁽⁴⁾, hề nghe tiếng cây rừng sột soạt, thì gọi gấp :

– Ông Lý ơi ! Ông Lý ơi ! Tôi là người xã *Mỗ* đây, chớ có lầm đấy.

Chỉ cần nói thế là không việc gì nữa. Bởi thế làng ấy xưa nay không người nào bị khốn vì nạn hổ. Có khi người làng lùng được ít nhiều sản vật chất thành đồng trong rừng, thì họ lại gọi lớn :

– Này, của cải của người xã *Mỗ* gửi ở rừng xã *Mỗ* nhớ ! Đừng để ai lấy trộm, mong ông Lý làm ơn giúp cho.

Thế là đầu sản vật có lẫn lóc giữa trời mây ngày, cũng không ai còn dám phạm đến. Hoặc nếu có kẻ nào lấy trộm thì thế nào cũng bị hổ

(*) Nguyên văn : *Hổ vi Lý trưởng*.

(1) *Mậu tài* : xem Chú thích 1, tr. 563, truyện *Mẹo lừa*, số 183, cùng tập.

(2) Nguyên chú : ông Bùi là con quan Trung thừa Thuận Khánh, chính ngài trị nhậm đất ấy, có nói rõ tên xã, nhưng ông Bùi quên mất.

(3) *Trừ tịch* : xem Chú thích 2, truyện *Quận công lướt gió*, số 162, cùng tập.

(4) Nguyên văn : *vũ dư lương* 禹餘糧 là một loại lúa mạch mọc hoang, cũng gọi là *tự nhiên cốc*. Chúng tôi dịch thoát.

truy đuổi. Các khoảnh ruộng ở bìa núi dễ bị loài khỉ núi quấy phá thì bảo với người chức dịch trong làng lên chỗ thật cao mà gào cho lớn tiếng :

– Khỉ ra trầy phá, làm hư hại ruộng nương chúng tôi, tai mắt ông Lý không tỏ tường hay sao mà để sinh chuyện tai quái như vậy ?

Ngày hôm sau, thế nào cũng có mười con khỉ chết ở bờ lũng, nhờ đấy trừ được tai nạn mùa màng cho dân.

Than ôi ! Mỗi làng có một viên Lý trưởng, là bắt đầu từ niên hiệu Khai Hoàng đời nhà Tùy⁽¹⁾, nhưng bọn họ thường hay lộng hành nơi thôn xóm, róc thịt người hèn yếu để mặc sức cướp, nuốt ; thu trộm thuế đinh, điền một tăng gấp ba, cốt cho đầy túi tham. Trong đám dân đen có ai hơi trái ý, thì họ vu cho trốn công dịch không chịu nộp thuế ; quan trên bị chúng gian trá che mắt, gà mờ không xét, rồi tăng thêm cùm kẹp, đề đầu chẹn cổ làm cho vạn miệng phải nín khe ; những kẻ đó thân xác là người mà tàn ngược thì là hổ vậy. Chúa sơn lâm xưa nay hung dữ thế mà sao lại biết đem nguồn vui mới lợi đến cho khắp cả một làng. Hóa ra đầu thú mà tính người. Ôi, con lợn, hũ rượu, lễ tiết quá liêm ! Những kẻ làm cho dân điều đúng thì chẳng thà để hổ và chết cho xong !

NGUYỄN HUỆ CHI dịch

(1) Nguyên chú : theo sách *Thông giám*, tháng Hai năm thứ chín niên hiệu Khai Hoàng nhà Tùy (600), Tô Uy (540 - 621) đặt lệ, một trăm hộ làm một làng, mỗi làng đặt một Lý trưởng.

THÍNH VĂN DỊ LỤC

聽聞異錄

Tác giả : chưa rõ tên tuổi và tiểu sử.

Sách gồm hai bản viết tay (ký hiệu A.2954 ; A.593), mỗi bản có số truyện khác nhau (37 truyện và 52 truyện), một lời tựa, văn bản có xen chữ Nôm, chưa rõ thời điểm xuất hiện. Toàn bộ tác phẩm tổng hợp giữa hai bản sao gồm 54 truyện, tập trung vào mấy loại sau :

– Những mẩu chuyện về cảnh vật núi sông như hồ Ba Bể, núi Kim Nhan,...

– Những chuyện nhân vật lịch sử, nhân vật truyền thuyết như Nguyễn Xi, Phùng Khắc Khoan, Trần Danh Án, công chúa Liễu Hạnh, Nguyễn Tả Ao,...

– Những chuyện có tính chất kỳ dị như khách chôn của, con tiệc gà chôn mẹ, chó trắng ba chân,... còn nhiều chất mộc mạc của truyện dân gian.

Cốt truyện và văn chương phần lớn tương tự với các tập truyện ra đời trong các thế kỷ XVIII – XIX, nếu có xuất nhập chỉ là tỷ chút, trong đó, ảnh hưởng đậm nhất là Đại Nam hiển ứng truyện 大南顯應傳 (hoặc những tập truyện cùng một nhóm văn bản như Đại Nam kỳ truyện 大南奇傳). Một số truyện còn nhắc đến các nhân vật và sự kiện thuộc triều đại Nguyễn. Vì vậy, ngờ đây là tập sách xuất hiện rất muộn, có thể vào cuối thế kỷ XIX hoặc đầu thế kỷ XX, cùng thời với Nam thiên trần dị tập.

Dưới đây, chúng tôi chọn 3 truyện do Phạm Ngọc Lan dịch, Nhóm biên soạn hiệu chỉnh.

187. NGUYỄN TẢ AO^(*)

Tả Ao, người xã Tả Ao, huyện Nghi Xuân, họ Nguyễn, tự Đức Huyền. Thuở nhỏ nhà nghèo, lấy việc làm mướn để sinh nhai. Ông thường qua sông Phù Thạch. Có lần, một người khách Bắc quốc suýt chết đuối, được ông cứu sống. Khách tặng ông trăm quan tiền nhưng ông không nhận. Khách cố nài ông nhận một nửa, ông cũng không chịu. Người khách khen ngợi lòng tốt của ông và nói :

– Xem ông thật có tướng tiên phong đạo cốt, chẳng phải là người có dáng hèn hạ, chỉ bằng theo tôi về đất Bắc, học lấy nghề địa lý chính truyền có được chăng ?

Ông lập tức theo người khách đến Quảng Đông. Vì ông không biết chữ, thầy phải tìm cách truyền nghề, thường lấy gạo làm hình dạng núi sông, rồng, hổ để giảng giải. Nhưng vốn là người thông minh, nên chỉ trong ba năm, ông đã tinh thông mọi thuật xem đất cát, bèn xin thầy cho trở về. Bấy giờ thầy sai lấy gạo làm một trăm cái huyệt, giấu đồng tiền ở dưới rồi sai ông tìm chỗ nào có tiền thì điểm vào đó. Ông điểm trúng chín mươi chín huyệt, duy chỉ sai một huyệt mà thôi. Thấy vui mừng nói :

– Đạo của ta sang Nam rồi.

Ông bèn lạy chào từ biệt. Thầy lại đem một "con long"⁽¹⁾ và mấy đạo bùa trấn áp quỷ thần, giao tất cả cho ông rồi nói :

– Những thứ này nước Nam không có, con nên giữ kín.

Thầy còn dặn :

(*) Nguyên văn : Nguyễn Tả Ao ký.

(1) Con long : nguyên văn là tróc long, có lẽ là một dụng cụ của thầy địa lý để tìm huyệt đất.

– Ở Chân Phúc, Nghệ An có một cái huyệt lớn. Không nên khinh suất cấm cho người ; nếu không sẽ lụy đến thầy.

Ông về nhà vẫn muốn dời mộ ông nội đi táng ở chỗ khác, nhưng anh em trong nhà không ai bằng lòng. Một hôm nhớ lời thầy, ông đến Chân Phúc tìm đất. Đến xứ Đồng Ngạc, ông tìm thấy một ngôi huyệt, mạch chạy từ Hồng Lĩnh ra, có ba mươi sáu con rồng châu lại, thật là ngôi đất lớn. Nếu táng vào đó thì mười tám nước chư hầu đến châu, nghiệp đế vương đời nối đời không dứt. Ông để tâm giữ kín, không chịu táng cho một ai.

Nhân vì muốn dời phần mộ ông nội mà không được, ông bèn bỏ đi du ngoạn khắp nơi. Đến xã Bút Sơn, huyện Hoằng Hóa, ông tự nghĩ : "Ta nếu không thử tài nghệ một chút thì chẳng lấy gì cho người khác tin", bèn nói với người xã ấy rằng :

– Ở đây, có một ngôi huyệt, *Dần* táng thì *Mão* sẽ phát, nếu táng vào đây mà được của thì chia cho tôi một phần mười.

Có người xin theo lời. Sáng sớm, ông đem mộ của mẹ người nọ táng vào ngôi đất đó. Táng xong vào lúc mặt trời đỏ rực vừa ló lên, người nọ vác mai ra đi, xuống rửa chân ở bến sông, bỗng gặp xác một người chết đuối, vớt lên định đem chôn, tình cờ thấy ở trong bọc cạnh thân ma có hai cái túi, nhìn xem thì đều là bạc trắng, được năm mươi hốt. Tả Ao bèn nhận năm hốt rồi ra đi.

Đến Thanh Liêm tìm thấy một ngôi huyệt Quận công, ông đánh tiếng với mọi người :

– Xứ này có một ngôi huyệt, táng vào đó, một tháng sẽ được ban tước Quận công. Nếu mộ phát thì phải cho ta một trăm quan tiền.

Có một phú ông nghe nói lấy làm lạ liền xin ngôi huyệt đó. Bấy giờ tướng của nhà Mạc là Mạc Kính Đặc giao chiến ở Kim Bảng bị thua to, Kính Đặc chạy trốn, có chỉ truyền nếu bắt được Kính Đặc đem nộp sẽ được triều đình ban cho một đời Quận công. Táng mộ tổ vừa được hai mươi ngày, phú ông bỗng thấy có một người vào nhà bảo :

– Ta là Mạc Kính Đặc, tướng của nhà Mạc chạy trốn đến đây, ông cho ta một bữa no, ta xin nộp mạng để báo đền.

Phú ông bắt ngay ông ta trói lại. Bấy giờ chúa Trịnh tiến quân đóng đồn ở Châu Cầu, sai giải Kính Đặc đến cửa quân. Triều đình nhận mặt thì quả đúng là Kính Đặc, bèn ban cho phú ông tước Quận công. Phú ông

nhận sắc chỉ trở về nhà chỉ vừa đầy một tháng. Ông ta đem một trăm quan tiền tạ ơn Tả Ao nhưng ông chỉ nhận ba quan làm tiền đi đường mà thôi. Từ đó, Tả Ao nổi tiếng trong thiên hạ.

Ông chu du khắp bốn trấn, trong vòng hai mươi năm, các nơi như Gia Định, Nhân Hữu, Bảo Lục, Trác Bút, Từ Liêm, Yên Khoái, Đông Ngàn, Ông Mặc, Hà Lỗ, Lương Tài, Đào Xá, An Lạc, Lý Hải, Siêu Loại, Đại Trạch, Gia Lâm, Yên Lãng, Kim Thước,... lớn thì được Thượng thư, Tiến sĩ, Phò mã, cung phi, bé thì trúng khoa trường, cự phú, đều là đất do ông tắng cho cả, không thể đếm hết được. Khi đến Thiên Mỗ, huyện Từ Liêm tìm được một ngôi huyệt lớn, ông muốn để mộ cho nhà họ Trần. Đến khi đặt "con long" xuống đất thì bị lật lại ba lần. Ông lập tức niệm chú triệu thần thổ địa đến hỏi, vị thần nọ trả lời :

– Đất này sẽ phát ba đời Đại vương, Quốc sư, con cháu công hầu không dứt, trời đã định ban cho nhà quý tộc họ Nguyễn, họ Trần đức mỏng, không xứng được phúc ấy, nếu ông làm trái ý trời để mộ họ Trần vào đó, ắt sẽ lụy đến mình. Vả ông chu du thiên hạ, làm phúc cho người rất nhiều mà không một tác đất tốt để chôn cất cha mẹ, hãy nên nghĩ tiếc phúc đức mới được.

Ông từ đó không đi tìm đất cho ai nữa mà trở về quê cũ.

Ông sinh được hai con trai, cửa nhà tưng bấn, bởi vì ông tìm đất cát cho người nhưng không lấy tiền bạc của bất kỳ ai. Năm sáu mươi lăm tuổi, ông bị ốm nặng, sai hai con khiêng đến xứ Đông Ngạc, muốn phân kim điểm huyệt để chôn cất cho mình. Không ngờ đến nửa đường thì ông mất.

Ôi, thuật địa lý ở nước Nam, chẳng ai giỏi bằng Tả Ao. Ông có thể mang lại phú quý cho người mà lại không thể cứu nổi con mình khỏi nghèo hèn. Thế thì người ta lấy việc tu nhân tích đức làm gốc, còn như chỉ chăm chăm về việc đất cát cũng là cạn hẹp vậy.

PHẠM NGỌC LAN dịch

188. CHÓ TRẮNG BA CHÂN^(*)

Ở huyện Lập Thạch, Sơn Tây có hai anh em, gia cảnh thật nghèo, sống dưới chân núi, hằng ngày hái củi để kiếm kế sinh nhai. Nhà họ có một con chó để được một chú chó con lông trắng, ba chân. Mọi người đều cho là vật không lành, khuyên vứt đi, nhưng hai anh em không chịu. Một hôm có hai người khách phương Bắc hình hài như cây khô đất nẻ đến xin ăn trước cửa. Hai anh em đem cơm canh khoản đãi. Khách nói :

– Ta thực không phải là người mà là thần giữ của. Ngày trước, Mã Kỳ nhà Minh⁽¹⁾ có chôn giấu ở xứ này một nghìn cân vàng, năm vạn cân bạc, sai bọn ta trông giữ, hẹn một trăm năm sẽ đến lấy. Đến nay đã quá kỳ hạn rồi mà chẳng có người nào đến nhận cả. Bọn ta muốn bỏ đây mà về, lại tiếc hòm bạc hố vàng không biết rồi sẽ thuộc về nhà nào. Nay xem anh em người thực có lòng tốt, nên bọn ta muốn đem hố vàng này tặng cho. Nhưng cần phải có chó trắng ba chân làm cỗ tế thì mới lấy được.

Anh em nhà họ bèn đem chó trắng ba chân ra cho khách xem. Khách nói :

– Thế này thì đích thực là trời đem tặng anh em người đây. Đoạn bảo họ mang chó trắng ba chân đến tế ở một nơi họ. Vừa xong thì không nhìn thấy khách đâu nữa, mà bỗng thấy cửa đá nứt toác ra, nhìn bên trong, vàng bạc chất như núi. Hai anh em bèn đợi đến đêm ra khuôn vàng đem về.

Bấy giờ Mạc Đăng Dung⁽²⁾ vừa mới tiếm ngôi, hai người mang vàng trăm cân, bạc nghìn cân nhờ nội thần dâng lên làm lễ mừng vua mới đăng quang. Đăng Dung rất mừng, phong cho hai anh em làm Quận công. Hai ông trở về, mở mang nhà cao vườn rộng, cơ nghiệp ngày một sinh sôi, giàu có sánh ngang vương hầu.

Hai năm sau lại có năm, sáu người khách phương Bắc tìm đến nơi ấy, nằm lăn ra gào khóc. Hai anh em thấy vậy bèn hỏi duyên cớ, họ nói :

(*) Nguyên văn : *Bạch khuyển tam túc truyện*.

(1) Mã Kỳ : một trong những viên tướng của nhà Minh trong đạo quân xâm lược Việt Nam thế kỷ XV, bị Lê Lợi đánh bại.

(2) Mạc Đăng Dung (1483 - 1541) : vua đầu nhà Mạc, ở ngôi 1527 - 1529.

– Bọn tôi là con cháu Mã Kỳ. Trước đây, ông tổ chúng tôi chôn vàng nơi này, còn chúc thư để lại, thế mà nay chẳng biết người nào đã đào lấy mất rồi.

Hai người nói :

– Bọn ta được số vàng đó.

Khách bảo :

– Muốn lấy số vàng ấy lên ắt phải có chó trắng ba chân làm lễ tế mới lấy nổi. Các ngài làm sao có được ?

Hai anh em đáp :

– Nhà ta trước đây có một con chó mẹ sinh được một chó con lông trắng, ba chân, mọi người đều cho là quái vật muốn giết đi. Bọn ta không chịu, bởi vậy được hố vàng này.

Khách nói :

– Thế thì thực là trời cho các ngài rồi. Phàm chó trắng ba chân chỉ ở Kiềm Châu, Quảng Tây mới có, nay chó lại sinh ra ở nhà các ngài, chẳng phải do trời thì là gì ?

Nhân đó khách dẫn con chó trắng ba chân mang theo đưa cho hai anh em xem. Hai người bèn lấy ba mươi cân vàng, một trăm cân bạc tặng khách làm tiền đi đường. Khách bái tạ rồi đi.

Về sau, nhà Lê phục quốc, người làng tố cáo việc hai anh em đem vàng đào được dâng cho triều Mạc, được triều đình phong chức tước, vì thế ruộng đất tài sản của hai ông hết thảy đều bị sung công. Hai người lại không khỏi lâm vào cảnh cơ hàn. Như vậy, việc anh em nhà nọ được chó trắng ba chân cũng chỉ là câu chuyện ngựa tái ông⁽¹⁾, họa phúc ai mà lường trước được ?

Ôi ! Nhà Trần mất ngôi, người Minh sang chiếm đất đai nước ta, cướp hết của cải của ta, tích trữ, chôn giấu làm của riêng để lại cho con cháu họ. Nhưng trước thì nhà Mạc dùng tiền ấy, sau thì nhà Lê dùng, mà hai anh em nhà nọ ở huyện Lập Thạch cũng không thể suốt đời giữ được để truyền lại cho con cháu. Tài sản của nước Nam cuối cùng lại thuộc sở hữu của người nước Nam, đạo trời tuần hoàn, không cái gì đi mà không trở lại, thật đáng sợ vậy !

PHẠM NGỌC LAN dịch

(1) Tái ông : tức Tái ông thất mã, xưa có một ông ở nơi biên tái bị mất ngựa, có người phân năn cho ông, ông nói : "Chưa chắc không phải là phúc đâu". Được ít lâu, ngựa tự về, người ta mừng cho ông, ông nói : "Chưa chắc không phải là họa đâu". Không lâu sau con ông bị ngã ngựa gãy chân, người ta đến thăm, ông nói : "Chưa chắc không phải là phúc đâu". Về sau, nước bị giặc Hồ tàn công, quân lính đi đánh giặc chết hết, con ông vì què chân không phải ra trận. Vì thế, người ta dùng điển "Tái ông thất mã" để nói họa phúc đáp đối cho nhau khó mà biết trước được.

189. TIẾN SĨ LÝ TRẦN DỰ^(*)(1)

Lý Trần Dự người Kim Hoàng, Từ Liêm. Cha là Đặng Trần Diễm đi cầu tự tại đền thờ Lý Ông Trọng⁽²⁾ ở Thụy Hương nên sinh được ông và anh của ông là Trần Quán⁽³⁾, bởi vậy mới đổi sang họ Lý. Cha mẹ ông nương nhờ bên ngoại, trước nhà có một gò đất, tục gọi là “gò thần đồng”. Trước khi sinh ông, thường lúc đêm khuya người vắng, thân mẫu ông vẫn nghe có tiếng đọc sách ở trên gò. Từ sau khi sinh ông thì không nghe thấy nữa. Đến khi lớn, ông chỉ nghịch ngợm rong chơi không chịu học hành. Năm ông mười ba, mười bốn tuổi, người anh đã đỗ Hương cống, mở trường dạy học, học trò rất đông. Người anh từng bảo ông đứng dựa cột nhà, lấy vôi đánh dấu phía trên đầu rồi bảo :

– Mày thử nhìn xem đã cao lớn chưa ?

Ông cười, nói :

– Không ngờ bây giờ đã lớn rồi !

Người anh nói :

– Mày tự biết đã lớn rồi sao không chịu khai tâm đọc sách, giữ lấy nghiệp nhà, cứ ngu ngơ làm một đứa lười nhác, cùng bọn trẻ con chơi đùa, không biết xấu hổ sao ?

(*) Nguyên văn : *Tiến sĩ Lý Trần Dự ký*.

(1) *Lý Trần Dự* : (1746 - ?) : người xã Văn Canh, huyện Từ Liêm, nay là huyện Hoài Đức, Hà Nội. Đỗ Đệ tam giáp đồng tiến sĩ xuất thân khoa Kỷ Sửu (1769). Làm quan đến chức Đô cấp sự trung, Đốc đồng Lạng Sơn.

(2) *Lý Ông Trọng* : người xã Thụy Hương, huyện Từ Liêm, Hà Nội, theo truyền thuyết sống vào thời An Dương Vương, là người khổng lồ từng làm Hung Nô khiếp sợ.

(3) *Lý Trần Quán* (1735 - 1786) : đỗ Đệ tam giáp đồng tiến sĩ xuất thân khoa Bính Tuất (1766), khi chúa Trịnh Khải bị người học trò bắt nộp cho Tây Sơn, ông tự chôn sống, chết theo chúa.

Ông nói :

– Vâng, vâng, từ nay em xin bắt đầu học.

Rồi từ đó suốt ngày ông chuyên cần đọc sách, ban đêm lại đốt đèn dầu học tiếp ; việc học hành mỗi năm một tấn tới. Khi mới đi học còn tối tăm không hiểu, về sau thì rộng mở thông suốt, chỉ trong ba năm mà học nghiệp tinh thông, sách nào cũng am hiểu. Năm mười sáu tuổi ông đi thi, đỗ Giải nguyên trường thi Sơn Tây. Khoa thi Hương đó xā ông có Cống sinh họ Lê cũng ở trong số người trúng tuyển. Ông này học lực lão luyện, tuổi lại cao, thấy ông đỗ đầu rất bất bình, bèn tâu lên vương thượng rằng quan Chủ khảo không công minh, lạm lấy ông đỗ đầu, mong được thi lại để xem học lực. Vương thượng lập tức truyền cho quan kiểm sát bắt quan Chủ khảo hạ ngục, lại cử quan Chủ khảo khác mở kỳ thi lại, phàm những Cống sinh đã trúng tuyển đều phải đến trường thi. Ở kỳ trước, văn chương của ông bay bướm mượt mà, đến kỳ thi này lại trở nên già giặn tinh luyện. Quan Phúc khảo chấm quyển nói :

– Quyển này át của người lão luyện cao tuổi.

Bèn lấy đỗ đầu. Đến khi giáp phách yết bảng, Giải nguyên vẫn là tên ông. Vương thượng rất khen ngợi.

Năm sau, hai anh em cùng đi thi Hội. Khi vào kỳ đối sách, ông quên mất một đoạn, bèn hỏi anh. Anh không bảo mà lại nói :

– Người cùng thi với tôi là chú, thường ngày sao không chịu học kỹ ? Tôi chỉ hơn chú ở chỗ chú quên mà thôi.

Ông giận bực khôn xiết, bèn ném quyển vào bụi rậm rồi đi ra, nuốt hận về nhà thưa với mẹ rằng :

– Người ta sở dĩ vui là ở chỗ có cha anh hiền tài để đem cái trúng bồi bổ cái không trúng của mình, đem cái tài mà bồi bổ cái chưa tài của mình. Nay con vào trường thi, chỉ quên một đoạn sách, đem hỏi anh, anh không những không mách lại còn đem chuyện con không chăm học ra để làm nhục. Con không dám oán nhưng cũng ức lắm.

Mẹ ông khẽ cười, nói :

– Anh mắng con không học cũng là phải. Phàm ngày xưa, người ta tám tuổi đã vào tiểu học, mười lăm tuổi vào đại học. Nước ta từ cổ đến nay, những nhà theo đòi nghiên bút thì con sinh ra năm, sáu tuổi đã cho đi học,

đến tuổi trưởng thành tự khắc mọi kinh sách đều đã thông suốt. Cho nên khi vào trường thi làm văn, ý tứ cứ từ trong lòng phát ra, đâu cần phải nhờ người khác giúp đỡ. Nay con lúc nhỏ chỉ ham vui chơi, đến năm mười ba tuổi mới lưu tâm đến sách vở, may mà có tên trong hàng Hương cống, đấy cũng là nhờ sự khuyên dỗ của anh con. Con phải gắng công học hành, dùi mài để đợi khoa sau. Sự gặp gỡ của người ta sớm hay muộn đều có số cả, giận dỗi mà làm gì ?

Năm ấy anh của ông là Lý Trần Quán đỗ Tiến sĩ. Ngày anh vinh quy, ông cùng bọn trẻ con cứ đùa nghịch trên đường làm rối loạn cuộc vui. Khi tiệc mừng đã xong, bà mẹ thuật lại hết những lời ông nói để trách Lý Trần Quán. Quán nói :

– Mẹ lấy nghĩa để trách con, con xin vâng lời mẹ dạy. Nhưng so tài học giữa Dụ và con thì cũng không xa nhau bao nhiêu, nếu giả sử con bảo Dụ thì anh em cùng đỗ một bảng, niềm vui áo gấm vinh quy mẹ chỉ có một lần. Cho nên chậm chậm để em Dụ đỗ khoa thi tới thì niềm vui ấy mẹ sẽ có được hai lần, đó chẳng phải cũng vẻ vang sao.

Mẹ nói :

– Phải !

Quả nhiên khoa thi sau Lý Trần Dụ hai mươi tuổi đỗ Tiến sĩ, sau một năm được bổ Tri phủ phủ Lạng Giang. Ông đến nơi làm việc chưa được bao lâu, mẹ ông ở nhà ngẫu nhiên một đêm lại nghe thấy ở gò đất trước nhà có tiếng đọc sách, bèn gọi gia đồng đến bảo rằng :

– Quan Tri phủ phủ Lạng đã mất rồi !

Sáng hôm sau quả nhiên có người nhà trở về báo tin ông đã tạ thế. Lấy việc này để suy nghiệm lời thơ : “*Duy nhạc giáng trần*” (Núi non giáng bậc thần thông) thực là phù hợp vậy.

PHẠM NGỌC LAN dịch

HÁT ĐÔNG THU DỊ

喝東書異

Tác giả : **Nguyễn Thượng Hiền** 阮尙賢 (1868 - 1925) tên tự Đình Thân 鼎臣, sau khi xuất dương đổi là Đình Nam 鼎南, hiệu Mai Sơn 梅山. Người xã Liên Bạt 聯拔, huyện Sơn Lãng 山浪, nay là Ứng Hòa, Hà Nội. Năm hai mươi lăm tuổi, ông đỗ Hoàng giáp nhưng không chịu ra làm quan với triều đình Đồng Khánh, về ở ẩn tại vùng Thanh Hóa. Sau đó, ông bị gọi ra nhận chức Toàn tu quốc sử, rồi Đốc học Nam Định. Nhưng đến năm 1907, sau khi bố chết, ông bỏ quan xuất dương dấn thân vào phong trào Đông Du. Tác phẩm gồm :

- Hạc thụ ngâm biên 鶴墅吟編
- Hát Đông thư dị 喝東書異
- Nam Chi tập 南枝集
- Mai Sơn hợp toán thi tập 梅山合算詩集
- Mai Sơn ngâm thảo 梅山吟草

và nhiều thơ văn tuyên truyền cho phong trào yêu nước cách mạng đầu thế kỷ XX.

Hát Đông thư dị là tập truyện bằng chữ Hán (ký hiệu VHV. 2382 gồm 2 bản giống hệt nhau), được viết trong thời kỳ Nguyễn Thượng Hiền xin về ở ẩn, bao gồm 66 truyện kỳ dị xảy ra ở vùng Hát Đông, tức phía Đông sông Hát, quê hương tác giả, phần nhiều còn đậm màu sắc những mẩu chuyện dân gian. Một số truyện do chính Nguyễn Thượng Hiền tóm tắt lại từ các truyện trong Công dư tiệp ký. Chúng tôi chọn 10 truyện, do Đặng Thị Hảo và Phạm Tú Châu dịch. Nhóm biên soạn hiệu chỉnh.

190. ĐIỆN LONG VƯƠNG^(*)

Ở xã Nam Hoa, huyện Thanh Đàm có một người thợ mộc rất tài hoa. Ông ta có thể đóng được những đồ dùng hết sức tinh xảo. Người đương thời cho rằng ông có con mắt của ông Ban⁽¹⁾, ông Lữ⁽²⁾.

Một hôm trong lúc đang ngồi một mình, ông bỗng thấy hai người áo xanh đi đến trước mặt và nói :

– Đại vương có lệnh triệu ông tới.

Người thợ mộc lấy làm lạ, viện cớ chối từ.

Người áo xanh đe :

– Nếu ông không đi, sau này sẽ gặp tai họa đấy. Vả lại, xong việc thì về, có tổn hại gì đâu mà ngại.

Họ liền dẫn ông đi ngay. Lúc đến bên bờ một con sông, họ xốc lấy ông nhảy xuống nước. Sóng nước bèn rẽ ra mở đường. Đi được mấy dặm thì thấy thành quách cung điện dưới nước đều lợp bằng ngói đỏ. Các vị quan lại rùa, ba ba đứng đông như rừng trước cửa điện. Người thợ mộc bước vào vái lạy. Nhà vua đội mũ miện ngồi chính giữa, ban rượu cho uống, rồi ra lệnh cho ông sửa sang lại chính điện và các cung thất của thái tử, vương phi.

Ba năm sau mọi việc hoàn thành, nhà vua cho ông một chiếc hòm, bọc lại kỹ lưỡng, rồi cho tiễn ông trở về và dặn phải giữ kín mọi chuyện.

(*) Nguyên văn : *Long vương điện*.

(1) Ông Ban : tức Công Thâu Ban, người nước Lỗ, sách *Mặc Tử* chép ông là người rất giỏi về nghề mộc và về kỹ xảo, binh pháp.

(2) Ông Lữ : có lẽ do chữ Lỗ viết nhầm. Lỗ Ban cũng là người xảo diệu thời cổ. Có người cho Lỗ Ban và Công Thâu Ban là một.

Người áo xanh ngày trước lại dẫn ông về đến tận nhà, rồi chỉ trong nháy mắt đã không thấy anh ta đâu nữa.

Gia nhân thấy người thợ mộc mất tích đã lâu, nay đột ngột xuất hiện, liền thi nhau hỏi han nguyên do, song ông tuyệt không kể gì. Khi mở hòm ra xem thì thấy trong đó chứa hàng ngàn hạt ngọc châu ; chọn ra đem bán, mỗi hạt được năm trăm quan tiền. Từ đó, nhà ông trở thành đại phú.

Năm bảy mươi lăm tuổi, vào lúc bệnh tình nguy kịch, ông gọi vợ con tới kể cho nghe câu chuyện kỳ lạ của mình. Nói xong ông mất. Những hạt ngọc châu còn lại không rõ vì sao cũng tự nhiên biến mất cả.

ĐẶNG THỊ HẢO dịch

191. CUỘC HÔN NHÂN Ở ÂM PHỦ^(*)

Họ Nguyễn ở làng Đồng Kỵ có một cô gái nhan sắc hiếm thấy trên đời. Năm hai mươi tuổi, cô chết yểu. Dân làng dựng đền thờ gọi là miếu Công chúa. Cách miếu mấy bước là ngôi đền thờ thần. Vị thần ở đền ấy rất thiêng.

Bỗng một năm trong làng xảy ra nạn dịch rất lớn. Đến cầu khẩn ở đền thì nghe có tiếng nói từ trên không vọng xuống :

– Ta với Công chúa vốn có mối nhân duyên từ xưa, các ngươi hãy xe duyên cho ta.

Dân chúng vái lạy vâng lời, chọn ngày lành tụ tập ở miếu Công chúa, nổi trống tấu nhạc để rước dâu. Rước đến trước cửa đền thờ thì làm lễ hợp cẩn và khấn :

– Nguyện trăm năm không chia lìa.

Mười năm sau, một hôm vào khoảng gần nửa đêm, có người tới gõ cửa nhà một bà đỡ trong làng mời bà đi giúp. Người đó dẫn bà đi đến một nơi thì thấy nhiều tầng cửa đã rộng mở, đèn nến chiếu lóa mắt. Một trang thiếu niên đội mũ mang đai, trạng mạo kỳ vĩ ngồi ở trên. Người áo xanh dẫn đường bảo :

– Đến rồi !

(*) Nguyên văn : *Mình hôn*.

Ở nhà trên, bức trướng thêu khế được vén lên. Phu nhân đang lâm bồn. Bà đỡ bước vào, chốc sau có tiếng trẻ khóc, mọi người dòm vào thì thấy đó là một bé trai cầm rộng, trán cao. Cả nhà mừng reo và bảo bà mụ :

– Bà đã vất vả làm phúc, thế nào cũng được báo đáp.

Rồi sai người đưa bà sang ngôi nhà phía Tây. Nằm nghỉ một lát, bà mụ chợt ngủ thiếp đi, khi tỉnh giấc thì trời đã sáng. Bà kinh ngạc nhìn khắp chẳng thấy nhà cửa đâu cả còn mình thì đang nằm trên ngôi mộ của cô gái. Bà bèn trở về nhà thì thấy trong sân có vàng. Hẳn đó là quà của thần ban cho vậy.

ĐẶNG THỊ HẢO dịch

192. NGƯỜI CON GÁI MANG LỐT RỪA^(*)

Ông Sính Tô lúc chưa đỗ đạt, trọ ở Trường An. Một hôm ông đang đi vắng vợ bên bờ sông thì thấy một người bắt được một con rùa đang định làm thịt. Ông Sính bèn hỏi mua rồi đem về thả ở sân nhà. Một hôm khi đi từ ngoài về, ông trông thấy một cô gái từ trong con rùa bước ra, nhìn xem thì thật là một giai nhân tuyệt thế, đang bước lên nhà trên quét dọn. Ông Sính thấy thế liền chạy lên phía trước lấy lột rùa giấu đi. Bất đắc dĩ cô gái giải bày :

– Thiếp là con gái của phu nhân ở Nam Hải, ngẫu nhiên cùng đám chị em mượn lột rùa đi chơi, bị người đánh cá bắt, may được nhờ nghĩa cả của ngài, nhưng cũng là do có mối duyên xưa vậy.

Từ đó, hai người trở thành vợ chồng.

Ít lâu sau, cô gái bảo chồng :

– Thiếp ở đây cùng chàng, tai mắt dòm ngó nhiều lắm. Nhà thiếp không xa, chàng có thể đến thăm thân mẫu thiếp một lần được không ?

Ông đáp :

– Ta đang bận học hành, sợ ảnh hưởng đến việc đèn sách sớm tối.

Cô gái lại nói :

– Xin chàng cứ đến, chỗ thiếp ở cũng có một vị tiên sinh, đó là Trạng nguyên họ Lương⁽¹⁾ triều trước.

(*) Nguyên văn : *Quy nữ*.

(1) *Trạng nguyên họ Lương* : tức Lương Thế Vinh (1441 - ?), người thôn Cao Hương, huyện Thiên Bản, nay là thôn Cao Phương, xã Liên Bảo, huyện Vụ Bản, tỉnh Nam Định. Đỗ Đệ nhất giáp tiến sĩ cập đệ đệ nhất danh (Trạng nguyên) khoa Quý Mùi (1463), nổi tiếng thần đồng, làm quan đến chức Hàn lâm viện Thị giảng chương viện sự.

Nghe nói thế ông rất lấy làm lạ, bèn cùng đi. Chợt không thấy cô gái đâu nữa. Ông bỏ rùa vào trong tay áo. Đến bên bờ sông, rùa bèn nhảy xuống nước, ông cũng theo sau. Đi được mấy bước thì nhìn thấy cung điện, các thị nữ áo xanh chạy ra đón. Chẳng bao lâu đã vào đến tòa trên, nơi phu nhân ngồi, có bốn thiếu nữ đứng hầu. Cô gái rùa bước vào lạy mẹ và thưa :

– Chàng đã đến rồi !

Phu nhân rất mừng rỡ, liền sai mở tiệc thết đãi như nghi lễ đối với con rể.

Vài ngày sau, chàng đến trường, thấy vị tiên sinh đang ngồi trên cao giảng *Kinh dịch*. Tiên sinh hỏi han :

– Anh từ đâu tới ?

Chàng kể hết mọi chuyện.

Tiên sinh đáp :

– Ta trông anh khí cốt thanh tao, thần thái khoáng đạt, chẳng phải là kẻ chỉ có danh suông đâu. Mới đây, yết kiến Thượng đế, ta thấy tên anh được ghi trong sổ Trạng nguyên rồi.

Nghe xong chàng ra về. Ở nhà vợ một thời gian ngắn, chàng thưa với phu nhân xin cho phép về nhà đi thi, hẹn có ngày trở lại. Phu nhân cười chấp thuận. Cô gái bày tiệc rượu vừa khóc vừa nói :

– Đây chính là lúc thiệp cùng chàng vĩnh quyết !

Sau khi thi đỗ đầu bảng, chàng Sính đến Cao Hương lễ tạ ở đền Lương Trạng nguyên. Về sau, nhiều lần chàng đến bên bờ sông tìm vợ nhưng rốt cuộc cô gái vẫn không xuất hiện.

ĐẶNG THỊ HẢO dịch

193. NGƯỜI ĐẦY TỚ CỦA HỔ(*)

Một nhà nọ ở Thanh Hóa nghèo túng, phải làm nghề bán nổi đất, thường qua lại giữa hai trấn Thanh Hóa và Ninh Bình. Một hôm tới Điệp Sơn thì lạc lối. Trời đã tối, không có nơi nào nghỉ trọ, bèn men theo núi đi về hướng Tây, khoảng canh hai, thấy một ông già dựa vào gốc thông mà đứng dưới ánh trăng, râu tóc bạc phơ. Người hàng nổi bước tới hỏi thăm đường, ông già bảo :

– Bác vào quá sâu trong rừng núi, ở đây chẳng có làng xóm nào. Nhà lão không xa, đến nghỉ ở nhà lão, được không ?

Người hàng nổi mừng rỡ cảm tạ, theo ông già mà đi. Cây cối cao lút người, đường như chưa ai đặt chân đến. Người ấy sợ lắm, răng va lập cập. Ông già giơ tay trở trước mặt bảo rằng :

– Tối nơi rồi.

Khom lưng bước vào thấy nhà rất tối, chỉ là một cái hang, bẻ cành thông lấy nhựa đốt lên cho sáng. Ông già bảo :

– Thức ăn chột hết cả, chỉ còn một đùi nai, khách có đủ no không ?

Bèn nướng mà đưa lên. Người hàng nổi đang đói, chẳng kịp kén chọn. Ăn xong anh ta ngả lưng trên ổ mà ngủ. Giữa đêm lạnh quá, thấy có người lấy áo đắp cho rồi lại ngủ thiếp đi. Trời sáng anh ta trở dậy nghe tiếng gáy như sấm, ngó sang bên thấy con hổ nằm đó, sợ quá bỏ chạy.

Hổ thức giấc gọi bảo rằng :

– Hãy nhìn thân mình xem sao !

Anh ta nhìn lại mình thì đuôi, vằn, răng nhọn như răng cưa, thì ra đã hóa hổ. Thấy bụng đói meo, hổ vẫy lại bảo :

– Theo ta ăn cỏ ăn.

(*) Nguyên văn : *Hổ học*.

Anh ta tự nghĩ mình đã hóa hổ thì còn sợ gì nữa, bèn đi theo. Đi chừng nửa dặm có con thỏ chạy qua trước mặt, hổ vọt lên vồ lấy cho anh ta một nửa nướng lên ăn. Từ đấy hổ dạy cách vồ, cách núp, săn đuổi, ngày ngày lấy làm thường. Lâu dần hổ sai anh ta :

– Hằng ngày kiếm lấy mấy con thú cho ta ăn, không theo lệnh thì nanh vuốt của ta sẽ cho mà biết.

Anh ta kính cẩn vâng lời, đi khắp bốn phía tìm kiếm, nhưng hề thấy người thì tránh. Kiếm được con mồi nào lại dâng lên, thưa mới đến phần mình. Hổ nằm thong dong trong hang bắt anh phải nuôi, chẳng khác nào chủ tớ. Một hôm anh ta đi tìm mồi, đến một đỉnh núi kia thấy đá cổ bên chùa lẫn giữa lùm cây, dường như đã từng qua lại chốn này, nhìn kỹ, thì ra quả núi đằng sau làng mình, bèn nhanh chân tìm về. Gặp một người họ hàng trên đường bèn gọi rồi đến gần. Người làng bỏ chạy, kêu ầm lên : “Hổ, hổ”, mọi người trong làng khua trống, thanh la đánh đuổi. Anh ta bỏ chạy lên núi nằm phục, tới nửa đêm mới theo đường tìm về nhà, núp náu nhìn qua khe cửa sổ, thấy vợ đang bế con, mặc áo tang khóc trước bàn thờ. Anh ta tự nghĩ mình đã thành giống khác, bất giác rơi nước mắt, nằm cuộn tròn. Sáng ra lại lên núi, tâm trí bàng hoàng không còn lòng dạ nào đi kiếm mồi nữa. Đến lúc gặp chúa hổ không có gì nộp. Hổ cả giận túm lấy nói :

– Thằng đây tớ dám để ông đói à ?

Bèn chồm đến chộp lấy áo, áo rách toạc, người hàng nổi thoát ra được bỏ chạy, nhìn lại mình, kinh ngạc thấy mặt mũi như xưa. Loanh quanh tìm về, vợ sợ hãi nói :

– Anh đi đâu mất đến hơn năm trời nay !

Người làng kéo đến vây quanh. Người hàng nổi kể lại nguyên do, lại bảo :

– Tôi còn để nổi đất ở bên bờ suối ngày nọ, không tin xin cứ đến đấy lấy về.

Người làng theo lời tìm thấy nổi, lau cỏ đã mọc tràn cả lên. Anh hàng nổi thường kể khi làm hổ thì lúc ăn lúc ngủ đều giống như hổ, chỉ tâm địa không phải loài thú mà thôi. Sau, nhà anh ta cũng không xảy ra chuyện gì khác.

PHẠM TÚ CHÂU dịch

194. NHẠN BIỂN^(*)

Một người lái buôn đường biển, có lần đỗ thuyền ở một hòn đảo, tình cờ lên bờ dạo chơi. Chốc sau bỗng gió nổi lên, chiếc thuyền tuột dây neo trôi đi mất. Người lái buôn trông ra biển cả kêu gào thảm thiết. Khóc đã lâu, ông ta bỗng thấy lửa đỏi còn cào đốt bụng, bèn trèo lên núi kiếm cái ăn. Núi non trọc lóc chẳng tìm được thứ gì. Người lái buôn ngó lên một cây cổ thụ thấy có cái tổ chim bèn thò tay vào tìm hoa quả còn sót lại ăn tạm để cầm hơi. Trời đã về chiều, ông thấy một con nhạn đen từ phía biển Đông bay về, đỗ xuống cái tổ trên cây cổ thụ. Người lái buôn bèn dựa vào gốc cây đó mà ngủ. Con nhạn thì sớm bay đi tối bay về, tích góp được khá nhiều thức ăn. Người lái buôn dần dà đã quen với chú nhạn. Thường cười nhạn du ngoạn trên chóp núi.

Hơn một tháng sau, anh ta bèn chặt một sợi dây mây dài rồi tự buộc mình lên thân chim bay đến một nơi hoa lá, cây cối che khuất cả nắng trời. Chú nhạn đỗ xuống, người lái buôn cỡi dây buộc, tìm đường đi về hướng Tây. Đi được nửa ngày, ông ta trông thấy một ngôi chùa cổ, gõ cửa hỏi lâu, có một nhà sư chống gậy bước ra. Ông kể rõ duyên cớ, nhà sư liền dọn cơm chay cho ăn. Ăn xong ông lại đi tiếp, được chừng hơn hai chục dặm thì thấy dân chúng và thành quách. Đó là nước Nam Chường. Người lái buôn hỏi thăm đường về, đi đến mấy tháng mới tới nhà.

ĐẶNG THỊ HẢO dịch

(*) Nguyên văn : *Hải nhạn*.

195. THƯỢNG THU BÁN CAM^(*)

Ông *Mỗ* ở huyện Thanh Trì thuở nhỏ nhà nghèo phải đi bán cam kiếm sống. Nhà có mấy miệng ăn đều trông vào nghề bán cam cả. Tính tình ông rất rộng rãi.

Một hôm trên đường đi chợ, gặp một cụ già, cụ nhìn ông cười và bảo :

– Quả ngon như thế có thể cho lão một trái được không ?

Mỗ lập tức nghiêng giỏ quỳ biếu ông. Ông già bốc hết cả cam nhưng chỉ ăn có một quả. Thấy thế *Mỗ* hỏi :

– Sao cụ không ăn no đi ?

Ông lão vỗ bụng đáp :

– No rồi, anh là người có đức. Ta cũng biết chút ít thuật chim xanh⁽¹⁾ có thể giúp người trở nên phú quý. Anh hãy nói điều mong ước của mình, ta sẽ làm cho anh đạt được điều đó.

Mỗ đáp :

– Con từ thuở nhỏ không được học hành. Con nhớ trong làng có một người được gọi là Thượng thư, có nhà đẹp, ruộng tốt, đi đâu cũng có ngựa đi hầu, con chỉ mong có thể cũng đủ mãn nguyện lắm rồi.

Ông lão bèn cho đào mộ của cha *Mỗ* dời đến một nơi khác, rồi nói :

– Anh hãy bỏ nghề, lên làm thuê ở kinh đô. Đến giờ ấy, ngày ấy, tháng ấy, thì đứng ở bờ hồ nơi ngoài mé cửa Đông, khi nào trông thấy một người đội mũ vàng, mặc áo thêu thì công mà chạy. Nếu làm theo lời ta, anh sẽ được toại nguyện.

(*) Nguyên văn : *Mại cam Thượng thư*.

(1) Xem Chú thích 1, tr. 561, truyện *Mạch đất mạch trời*, số 185, cùng tập.

Mỗ nghe lời, lên kinh đô làm nghề gánh nước thuê ở bên hồ. Đến một ngày, phủ chúa Trịnh bị đốt cháy, nhà chúa⁽¹⁾ một thân một mình chạy ra, nhìn thấy Mỗ, gọi :

– Lại đây ! Lại đây ! Đưa ta đến cái lầu cao ở trong hồ kia, ta sẽ cho ngươi làm quan.

Mỗ xin chúc Thượng thư, chúa gặt đầu. Chốc sau, lửa được dập tắt, bách quan mang xa giá đến đón chúa về. Mỗ lạy đi lạy lại và tâu :

– Lời hứa lúc nãy, chúa đã quên rồi sao ?

Chúa bèn phong cho Mỗ hàm Thượng thư, lại ban cho thái ấp, lập dinh cơ tại quê hương.

ĐẶNG THỊ HẢO dịch

(1) Nhà chúa : không rõ là chúa Trịnh nào.

196. QUỶ NÚI(*)

Dưới chân núi Sài Sơn, cây cối mọc rậm rì. Quỷ thường ra dọa người ngay giữa ban ngày. Một bác nông phu trời chiều nhập nhoạng đi qua chỗ đó, bỗng có một con quỷ gầy và cao lêu nghêu dang tay chặn đường. Nó lúi bác sang bên trái, lại có hai con quỷ con kéo về bên phải. Cuối cùng chúng đặt người nông phu lên một ngọn cây cao, buộc tay bác lại rồi chằng dây xung quanh người để giữ.

Người nhà thấy mất bác nông phu liền đi ven đường tìm kiếm. Đến dưới gốc cây, ngược mắt nhìn bác ta mà như không thấy gì cả. Bác nông phu thì muốn gọi họ nhưng không thể mở miệng được. Bụng đói quá, bác tự nhủ có lẽ mình sẽ chết vì quỷ mất.

Mấy hôm sau, chùa trên núi giống chuông, con quỷ cao lớn bảo với đồng bọn :

– Hòa thượng cho ta đây, chúng mày hãy trông nó, tao đi một tí về ngay, nếu được gì ăn sẽ chia phần cho chúng mày.

Bác nông phu liếc mắt thấy hai con quỷ con ở bên cạnh, khinh chúng yếu ớt, bèn đánh chúng rồi tụt từ trên cây xuống chạy về, mạng nhện, phân chim sẽ dính đầy áo. Người nhà đóng kín cửa để giữ bác. Bác chẳng nói chẳng rằng, cũng chẳng ngủ, chỉ thường xoa tóc giống như bộ dạng quỷ. Chạy chữa thuốc men đến nửa năm mới khỏi.

ĐẶNG THỊ HẢO dịch

(*) Nguyên văn : *Sơn quỷ*.

197. BẢNG NHÃN HỌ HÀ^(*)

Ông Hà Tông Huân⁽¹⁾ người xã Kim Thành, huyện An Định, thuở nhỏ theo học Tiến sĩ *Mỗ*. Đường đến trường phải qua một con sông. Một hôm thấy có người thả thuyền giấy xuống sông làm lễ tế quan Âm phủ, chiếc thuyền thuận theo dòng nước trôi xuôi. Thấy thế, Huân kêu lên :

– Tướng công ra lệnh, thuyền hãy dừng lại !

Con thuyền đột nhiên đứng yên bất động, đỗ ngay ở đám lau lách trên sông.

Sau khi Huân đi rồi, người và gia súc ở các thôn ấp ven sông bị một nạn dịch rất lớn. Dân chúng phải làm lễ tế “sinh”⁽²⁾ để cầu cúng. Thần linh nhập vào một người, phán :

– Thuyền của quan đi qua đây, Tướng công răn bảo bắt dừng. Vì thiếu lương ăn nên phải đến đòi các làng xã. Nếu muốn chúng ta rời khỏi nơi này thì phải được lệnh của Tướng công.

Dân chúng cho rằng việc này là do tiên sinh *Mỗ* gây ra bèn chạy đến cầu xin. Tiên sinh hết sức ngạc nhiên nhưng rồi cũng đoán biết là tại Huân. Ông gọi Huân đến mắng :

– Mày khinh mạn cả thần linh, hãy cho thuyền đi ngay, không được gây tai họa cho dân nữa !

Huân vâng dạ đi ra, đến bờ sông hướng xuống nước mà hô :

– Tướng công ra lệnh, thuyền có thể đi được !

(*) Nguyên văn : *Hà Bảng nhãn*.

(1) Hà Tông Huân (1697 - 1766) : người xã Kim Vực, huyện Yên Định, nay thuộc Thiệu Hóa, Thanh Hóa. Đỗ Đệ nhất giáp tiến sĩ cập đệ đệ nhị danh (Bảng nhãn), khoa Giáp Thìn (1724), làm quan đến Tham tụng Thượng thư Bộ Binh, về trí sĩ.

(2) Lễ tế “sinh” : lễ tế long trọng, dùng bò, dê và lợn làm đồ tế.

Vừa dứt lời thì gió nổi lên đẩy con thuyền chuyển động. Sau đó bỗng chẳng trông thấy nó đâu nữa. Người và gia súc lại được bình yên.

Tiến sĩ *Mỗ* từ sự việc đó càng cho Huân là một người kỳ lạ. Nhà có ba cô con gái thì đã gả hai cô chị cho hai anh Cống sĩ trong đám học trò, còn cô út, ông định đem gả cho Huân. Một hôm, sau giờ học, tiên sinh bảo ba người ở lại chép sách cho thầy, rồi dọn cơm mời họ ăn. Phần mỗi người là một liễn cơm, một liễn muối và một liễn thịt ếch. Hai chàng Cống sĩ đem thịt ếch chia nhỏ ra, sau khi ăn no nê mà vẫn thừa đến một nửa. Còn Huân vừa ngồi vào ăn đã lấy ngay dưa xiên ngang con ếch cho vào miệng ăn trước rồi mới trộn cơm với muối để ăn. Chốc sau đã hết nhẩn. Hai người chị đứng sau tấm rèm nhìn ra, trông thấy thế cười ngặt nghèo, giễu cô em :

– Em tôi lấy được ông chồng quý hóa quá, ngày sau đến đốc sách cơ nghiệp cũng chẳng đủ mà ăn.

Cô út khóc lóc kể lại với cha. Tiên sinh an ủi :

– Chúng nó không biết đẩy thôi, tiền đồ anh này chẳng những hai cậu Cống sĩ kia không theo kịp mà chính cha cũng còn thua xa nó đấy.

Rốt cuộc, tiên sinh cho Huân làm rể. Đến khi trưởng thành, Huân đỗ Khôi giáp, làm quan đến chức Đài phụ.

ĐẶNG THỊ HẢO dịch

198. CHIM KHUỐU^(*)

Một người trong làng tên là *Mỗ*, nuôi được con chim khuốu⁽¹⁾. Chú chim nói tiếng người rất sôi, lại khéo chiều ý chủ. Sai nó đi thăm dò tin tức xa ngoài trăm dặm, nó vẫn thực hiện đúng lệnh.

Một hôm sáng sớm dậy, chú chim gọi :

– Anh *Mỗ* ơi, kẻ nô bộc này khi đêm mơ bị hổ vồ, e không phải là điềm lành.

Mỗ chỉ cười không để tâm đến chuyện đó. Vào giờ Ngọ hôm ấy, anh sai chim sang nhà hàng xóm mượn cái kim, mãi không thấy chim về. Bỗng trông thấy một con mèo cấp chú chim nhảy qua tường nhà mà chạy. Chú chim từ xa quay đầu về phía chủ kêu :

– Kẻ nô bộc này gặp nạn mèo rồi. Kim để ở trên cây táo bên tường phía Đông, hãy đến đấy mà lấy.

Mỗ hốt hoảng vùng dậy cứu chim nhưng không kịp, nhìn lên cây tìm thì quả thấy cây kim. Thì ra, chú chim lúc từ nhà người hàng xóm trở về, trông thấy cây táo sai quả liền gài cái kim vào lá cây để ăn quả nên bị mèo vồ. Nghe chuyện, ai cũng lấy làm tiếc.

ĐẶNG THỊ HẢO dịch

(*) Nguyên văn : *Tán cát liêu*.

(1) *Chim khuốu* : tiếng Hán là *tán cát liêu*, một loài chim tương tự như chim sáo, mình đen, chân vàng, mỏ đỏ, đuôi mắt có một núm thịt màu vàng. Rất giỏi học nói tiếng người.

199. TỔNG ĐỐC HỌ NGUYỄN^(*)

Thời kỳ Tổng đốc Nguyễn Đăng Giai⁽¹⁾ trị nhậm ở Bắc Ninh, tổng *Mỗ* còn khuyết chức Cai tổng. Viên Lý trưởng Giáp ở thôn Đông chạy chọt được chức đó, trên đường đi qua ấp của Phó tổng *Mỗ* thì trời đã xẩm tối, bị mấy người từ trong bụi rậm xông ra đâm chết. Tên hầu sợ hãi kêu cứu, hần chạy được mấy dặm ngoái cổ lại nhìn thì thấy viên Phó tổng cùng mấy kẻ cầm binh khí đứng ở đấy, bèn đi báo quan. Tổng đốc đồ rằng Phó tổng không được cất nhắc vào chức Cai tổng nên đã cam tâm giết Lý trưởng Giáp, bèn quyết án chém.

Một thời gian sau, thuyền Tổng đốc đang đi trên sông thì gặp cướp, bắt được một tên cướp ít tuổi đem về, tra xét nghiêm ngặt, hần bèn kêu lên :

– Đàng nào cũng chết, nhận tội không thì chẳng bằng tôi xin khai thực. Việc cướp thuyền, tôi không can dự. Duy có việc ngày đó, tháng đó, năm đó, tôi có cùng Lý trưởng Ất ở thôn Tây mưu sát ông Giáp ở chỗ đó.

Tổng đốc rất ngạc nhiên, cho bắt Ất tới. Ất liền thú nhận hết sự thực. Vì hần cùng Lý trưởng Giáp tranh giành chức Cai tổng không được, tức quá bèn phục sẵn trên đường giết chết Giáp. Phó tổng nghe tiếng kêu cứu vội chạy tới, không ngờ bị tên đầy tớ cáo quan. Tổng đốc rất hối hận, hàng ngày làm lễ giải oan cho viên Phó tổng.

Về sau, công tử Diễn, con Tổng đốc đỗ Tiến sĩ, làm quan ở tỉnh ngoài, đi tiểu giặc. Bọn giặc đều là dân trong vùng cai quản cũ của Tổng đốc, cảm ân đức của ngài nên hễ thấy cờ của Diễn đều bỏ chạy hết. Có một viên đồng sự nghi ngờ việc này, ra lệnh đổi cờ hiệu, giặc bèn ập đến, giết chết con trai Tổng đốc. Khi biết là nhầm, chúng làm lễ chôn cất, khóc lóc thảm thiết. Dân chúng cho rằng đấy là báo oán việc giết oan người vô tội ngày trước.

ĐẶNG THỊ HẢO dịch

(*) Nguyên văn : *Nguyễn Tổng đốc*.

(1) *Nguyễn Đăng Giai* : (1697 - ?) : người xã Hương Triệu, huyện Gia Bình, nay là xã Nhân Thắng, huyện Gia Lương, tỉnh Bắc Ninh. Đỗ Đệ tam giáp đồng tiến sĩ xuất thân khoa Tân Sửu (1721). Làm quan đến chức Hàn lâm đài chế.

NAM THIÊN TRẦN DỊ TẬP

南天珍異集

Tác giả : chưa rõ tên tuổi và tiểu sử.

Theo Lời tựa của sách thì người soạn Nam thiên trần dị tập đã dựa vào Công dư tiệp ký 公餘捷記 của Vũ Phương Đề 武芳提 để biên tập lại. Nhưng trên thực tế, sách này còn thu thập cả phần “Tục biên” và “Bổ di” của Công dư tiệp ký, cũng lấy khá nhiều truyện trong cuốn Đại Nam hiển ứng truyện 六南顯應傳 (hoặc những tác phẩm cùng một nhóm văn bản như Đại Nam kỳ truyện 大南奇傳, Thính văn dị lục 聽聞異錄), ngoài ra, có 2 truyện lấy từ Lĩnh Nam chích quái liệt truyện 嶺南摘怪列傳, Cổ quái bốc sư truyện 古怪卜師傅 và 4 truyện chưa rõ xuất xứ. Cách biên soạn của tác giả là rút lược lại nguyên bản, nhất là đối với Công dư tiệp ký. Sách hoàn thành vào năm Khải Định thứ hai (1917), ký hiệu A. 1517, gồm 2 quyển : quyển I có 72 truyện, quyển II có 66 truyện, tổng cộng là 138 truyện. Nội dung các truyện là cuộc đời, công tích, hành trạng của danh nho, danh thần, các sự tích, thắng tích có màu sắc kỳ dị, hoang đường,... lưu truyền trong dân gian.

Ở đây, chúng tôi chọn 9 truyện do Trần Hải Yến, Trần Thị Băng Thanh dịch, Nhóm biên soạn hiệu chỉnh.

200. CHÂN NHÂN PHẠM VIÊN^(*)

Phạm Viên⁽¹⁾, người An Bài, Đông Thành, ông cha vốn làm nghề nông lại dốc lòng vì việc thiện. Bấy giờ có một người khách phương Bắc chọn cho một ngôi đất tốt để dời mộ rồi đoán rằng :

– Ngôi đất này sẽ phát một đời Tiến sĩ, một đời Chân nhân.

Sau khi sinh được Phạm Chất⁽²⁾, ba mươi tuổi đỗ Hoàng giáp khoa Nhâm Thìn (1652) niên hiệu Khánh Đức, làm quan tới chức Tả thị lang. Ông Chất sinh hai con trai, con cả là Phạm Tấn, con thứ là Phạm Viên. Phạm Viên mười tám tuổi vẫn lười học, cha thường đem chuyện nghiệp nhà trách cứ. Ông thưa :

– Người ta sinh ra ở đời cốt được thỏa chí, năm chục năm giàu sang chẳng qua chỉ là một giấc mộng kê vàng⁽³⁾ mà thôi !

Rồi đó mang tờ nón đi vào núi Hồng Lĩnh hái thuốc. Đi được chừng ba ngày, đến giữa rừng sâu thì gặp một lão trượng chống gậy trúc, mặc áo Đạo sĩ, ông đoán đây chính là vị Chân nhân đắc đạo, liền đến trước mặt quỳ lạy, bày tỏ chí hướng của mình. Lão trượng bèn dẫn về. Đi chừng

(*) Nguyên văn : *Tiên nhân Phạm Viên ký*.

(1) *Phạm Viên* : xem thêm truyện *Phạm Viên*, số 77, Tập III.

(2) *Phạm Chất* (1623 - ?) : xem thêm Chú thích 1, tr. 99, truyện *Phạm Viên*, số 77, Tập III, và Chú thích 3, tr. 189, truyện *Ông sư tiên núi Nưa*, số 118, Tập III.

(3) *Giấc mộng kê vàng* : Lư sinh đời Đường nghỉ trong quán trọ ở Hàm Đan, gặp đạo sĩ họ Lã, chàng phàn nàn về sự nghèo túng. Đạo sĩ đưa cho chiếc gối bảo gối lên sẽ được vinh hiển như mong ước. Bấy giờ chủ nhà đặt lên bếp một nồi kê, bắt đầu nấu. Lư làm theo lời đạo sĩ, chàng mơ thấy mình lấy con gái họ Thôi, đỗ Tiến sĩ, làm tướng mười năm, đẹp giấc lập công, cực vinh hiển, con cháu đông đúc, thông gia đều là những họ lớn quan cao. Lư sống đến tám mươi tuổi thì mất. Bấy giờ tỉnh dậy, nồi kê còn chưa chín. Đạo sĩ cười bảo : “Việc đời cũng vậy thôi”.

nửa dặm, thì thấy mấy gian nhà cỏ ; ông theo lão bước chân vào chỉ thấy trên án có một quyển sách nhỏ, bên cạnh có một bát nước, văng vể không kẻ hầu người hạ. Lão trượng mức nước đưa ông, bảo phải uống cho hết, sau đó lại trao cho ông một cái túi rồi nói :

– Đem về tìm trong đó ắt thừa thầy dạy.

Nói rồi cả người và nhà đều biến mất. Phạm Viên theo hướng mặt trời mọc mà quay về, chỉ chốc lát đã thấy làng xóm. Khi đến nhà, bấm đốt tay tính đã qua mười hai năm !

Bấy giờ ông ba mươi tuổi, họ hàng, làng xóm đều cho việc ấy là lạ nhưng không biết ông đã thành tiên. Ông thường có khi ngủ đến hơn chục ngày mới dậy, có khi một, hai ngày chỉ húp vài bát cháo, quan Thị lang thường gọi là thằng “cuồng sĩ”.

Ông có bà cô ruột đã ngoài tám mươi tuổi, ở góa không có con. Ông biếu bà hai mươi đồng tiền và dặn :

– Nếu dùng số tiền này mua sắm gì thì phải giữ lại một đồng. Như thế có thể đủ dùng trọn đời.

Người cô theo lời, cứ buổi sáng đem tiền đi mua thì buổi chiều tiền lại về. Được một năm, bà cô chết, tiền cũng biến mất.

Phạm Viên một lần đi chơi ở huyện Ngọc Sơn, buổi tối nghỉ trong quán trọ, ông bảo bà lão bán hàng :

– Vùng này sẽ có hỏa hoạn, tôi cho bà một vò rượu, khi nào thấy lửa cháy thì đem rượu mà tưới. Nếu không, nhà bên lửa sẽ không có cách nào cứu đâu.

Sau đó, xã ấy quả bị cháy, lại gặp lúc gió nổi, lửa không tài nào dập tắt được. Bà lão nhớ lời ông đem vò rượu ra tưới, bỗng nhiên mưa như đổ nước, lửa theo đó mà tắt, nước mưa thơm mùi rượu, ba ngày mới hết.

Lần khác, ông qua huyện Hoàng Hóa, gặp một ông lão ăn mày. Ông thương người ấy già nua, cho một cây gậy và dặn :

– Đến chợ ấy nơi ấy thì cầm chiếc gậy này bên vệ đường, người đi qua trông thấy ắt sẽ treo tiền lên đầu gậy mà cho. Cứ đủ một trăm đồng tiền thì lại đi nơi khác.

Ông lão làm theo lời, nhờ thế mà cơm áo no đủ. Được ba năm, ông lão chết, chiếc gậy cũng biến mất.

Kỳ thi Hội khoa Bính Thân (1656) niên hiệu Thịnh Đức, Cống sĩ Nghệ An lên kinh dự thi có đến trăm người, ông ngồi trong quán Hoàng Mai⁽¹⁾ bảo mọi người :

– Ba khoa tới đây, Nghệ An chưa có Tiến sĩ đâu, các ông thi chỉ phí tiền đi về mà thôi.

Cả bọn đều cười, cho là lời nói của anh dở người. Sau đó, ba khoa Bính Thân, Kỷ Hợi, Tân Sửu⁽²⁾ quả không một ai thi đỗ.

Phạm Viên từng dạy một anh học trò trong xã, đã gần ba năm chỉ cho học hai chữ “cát cao”. Anh học trò xin học chữ khác, ông bảo :

– Chuyện giàu sang sau này, chỉ cần hai chữ ấy là đủ.

Không bao lâu, anh học trò xã ấy đi lính, làm việc canh giữ thuyền công. Vừa lúc chúa Trịnh đi kinh lý, sai kê khai tất cả vật dụng trong thuyền. Đến cái gàu múc nước, người biên chép không biết ghi thế nào, hỏi khắp cũng không ai biết. Bấy giờ quan Tham tụng Hà Tông Mục⁽³⁾ cũng có mặt, anh liền thưa :

– Bẩm lúc nhỏ tôi đi học nhớ rằng chiếc gàu múc nước sách ghi là “cát cao”.

Quan Tham tụng nghe xong, cho anh là người có học vấn sâu sắc. Chuyện đến tai chúa, anh được ban hàm quan chánh lục phẩm.

Đến năm Phạm Viên bốn mươi tuổi, quan Thị lang được thăng Nhập thị bồi tụng, được chúa rất yêu mến. Lúc đó, Phạm Viên đang ở nhà, bỗng sai gấp rút xây nhà thờ, làm đồ thờ, may sắm tang phục, gậy chống, gói ghém cả lại đem lên kinh. Được mấy hôm thì quan Thị lang qua đời, phu nhân định đưa linh cữu xuống thuyền vượt biển về quê. Ông không nghe, sai làm xe lớn, xe nhỏ và hương án, còn các đồ nghi thức của tang lễ đều

(1) Quán Hoàng Mai : thuộc huyện Quỳnh Lưu, Nghệ An.

(2) Túc các khoa : Bính Thân (1656), Kỷ Hợi (1659), Tân Sửu (1661) đều dưới thời Lê Thần Tông (ở ngôi 1619 - 1643 và 1649 - 1662).

(3) Hà Tông Mục (1653 - ?) : người xã Tĩnh Thạch, huyện Thiên Lộc, nay thuộc huyện Can Lộc, tỉnh Hà Tĩnh. Đỗ Đệ tam giáp đồng tiến sĩ xuất thân khoa Mậu Thìn (1688). Làm quan đến chức Bồi tụng, Tả thị lang Bộ Hình. Sau khi mất, được tặng chức Thượng thư Bộ Hộ.

đã đầy đủ. Hẹn ngày ấy lúc gà gáy thì khởi hành. Thế mà khi mặt trời vừa mọc đã đến địa phận An Liễu⁽¹⁾. Mọi người đều kinh lạ, mới biết ông có thuật thần tiên kỳ diệu. Tang lễ xong, ông lạy mẹ từ biệt ra đi, từ đó không thấy tung tích đâu nữa.

Năm năm trôi qua, phu nhân mất, việc mai táng vừa xong, ban đêm ông về khóc trước mộ, để lại một chiếc hòm rồi đi. Hôm sau, người nhà trông thấy mở ra xem thì bên trong trầu, dẻ, gà, lợn, xôi, bánh nhiều không kể hết, lại có ba trăm quan tiền, một trăm cân bạc, trên nắp hòm ghi : “Đồ lễ của đứa con côi đau buồn Phạm Viên”.

Từ đó về sau, có người gặp ông ở Thăng Long, có người gặp ông ở Thân Phù nhưng chỉ khoanh tay mà không nói một lời.

Khoảng niên hiệu Bảo Thái, Trương Hữu Điều, người xã Xuân Canh mở trường dạy học ở kinh sư, học trò đông đến vài trăm người. Một hôm đề bài văn tập trên lớp ra là “Biểu tạ của bốn ông già được về núi Thương Sơn” (*Tứ hạo quy Thương Sơn tạ biểu*).

Ông quần áo lam lũ, khúm núm đi vào, tự xin được làm văn thử, mọi người thấy thế đều cười. Nhưng chỉ một khắc, bài văn của ông đã xong, còn ông thì không thấy đâu nữa. Thấy học cầm quyển lên xem, kinh ngạc than :

– Văn có phong cách nhà tiên, tất là ông Phạm Viên đùa ta rồi !

Khoa thi Hội năm Giáp Tuất (1754) niên hiệu Cảnh Hưng, viên Huấn đạo Đông Thành cùng Lê Tân, người Nông Cống lên kinh thi Hội, gặp ông ở địa phận huyện Kim Bảng. Ông cầm tay Huấn đạo nói :

– Tôi là người đồng huyện với ông, sao đã sớm quên nhau thế ?

Nói rồi lấy từ trong áo ra một tờ giấy gói ghém cẩn thận, dặn Huấn đạo rằng :

– Chớ tùy tiện mở ra, đợi vào đến đệ tam trường⁽²⁾ mới được mở xem.

Nói xong rồi đi. Ông Huấn đạo làm theo lời dặn. Nhưng mới vào đến đệ nhị trường, khi treo bảng đã không có tên, ông buồn giận uống rượu đến

(1) An Liễu : có lẽ chỉ An Bài, quê Phạm Chất.

(2) Nguyên văn là đệ nhị trường, ở đây chúng tôi theo mạch văn sửa lại.

say khướt. Hôm sau, học trò từ trong trường ra, hỏi thì họ nói đề bài là *Thiên hạ đại đồng phú* (bài phú nói về thiên hạ đại đồng). Huấn đạo chợt nhớ lại lời ông, mở tờ giấy cất trong vạt áo ra xem thì đúng là bài phú bát vận *Thiên hạ đại đồng*, mới biết người cùng huyện hôm trước chính là Phạm Viên vậy.

Lời bình⁽¹⁾ : Vinh hạnh của việc lên tiên vốn khó, so với nó sự đắc đạo thành tiên vẫn là dễ. Người tiên họ Phạm há chẳng làm được cái việc dễ ấy sao ? Đất đai phát phúc mà ra như vậy.

TRẦN THỊ BĂNG THANH dịch

(1) Trong nguyên bản các *Lời bình* đặt ở đầu truyện nhưng để cho thống nhất về quy cách của cả tập sách, chúng tôi đều chuyển xuống cuối truyện.

201. TIẾN SĨ TRẦN DANH TIÊU^(*)(1)

Trần Danh Tiêu người Yên Sở, Đan Phượng. Lúc nhỏ học ở nhà Tiến sĩ Văn Canh Trần Hiền⁽²⁾. Tiêu không đĩnh ngộ, văn tứ tầm thường.

Năm hai mươi một tuổi đỗ Sinh đồ hạng xoàng. Năm hai mươi tư tuổi đã hơi biết làm văn. Hiệu quan cho là văn quá kém, không lấy trúng cách. Đêm ấy Trần Hiền mộng thấy vị thần bảo : “Sớm mai, ngươi hãy quét dọn cửa nhà, sân vườn để đón Tiến sĩ đồng khoa đến”. Sáng sớm ông đã ra ngoài hiên đứng đợi. Lúc lâu, bỗng thấy Danh Tiêu khúm núm đi vào bèn hỏi :

– Sao ngươi đến đây sớm vậy ?

Đáp :

– Hôm qua đi thi ở trường huyện, tên ngoài Tôn Sơn⁽³⁾. Mong thầy cứu giúp, may được dự một tên thì đệ tử vô cùng đội ơn.

Ông bằng lòng. Bèn lấy mười ba quan tiền khẩn khoản xin hiệu quan. Hiệu quan nhận, điền tên vào cuối bảng. Sau có người huyện khác thi trượt

(*) Nguyên văn : *Tiến sĩ Trần Danh Tiêu ký.*

(1) *Trần Danh Tiêu* (1709 - ?) : người xã Yên Sở, huyện Đan Phượng, nay thuộc Hà Nội. Đỗ Đệ tam giáp đồng tiến sĩ xuất thân khoa Quý Sửu (1733). Làm quan đến chức Đồng các đại học sĩ, về trí sĩ.

(2) *Trần Hiền* (1684 - ?) : người xã Văn Canh, huyện Từ Liêm, nay là xã Văn Canh, huyện Hoài Đức, Hà Nội. Đỗ Đệ tam giáp đồng tiến sĩ xuất thân khoa Quý Sửu (1733). Làm quan đến chức Hàn lâm viện đãi chế.

(3) *Tên ngoài Tôn Sơn* : tương truyền Tôn Sơn, người nước Ngô, cùng một người làng đi thi. Tôn Sơn đậu cuối cùng. Khi về, dân làng hỏi thăm người kia có đỗ hay không. Tôn Sơn đáp : “Đứng cuối cùng là Tôn Sơn, còn hiền lang ở ngoài Tôn Sơn”. Từ đó trở đi, người ta gọi những người không đỗ là *đanh ngoại Tôn Sơn*.

đưa đơn đến hiệu quan xin xét. Tên chưa xướng, trời bỗng đổ mưa to, người ấy bị sét đánh chết, Danh Tiêu do vậy không phải xét hỏi nữa.

Khoa ấy vào đến đệ tứ trường, Danh Tiêu mộng thấy thần bảo “*Thiên Vũ cống*⁽¹⁾ hãy thuộc cho kỹ”. Tỉnh dậy liền chép kỹ lưỡng những điều về đất đai thuế khóa của chín châu trong thiên *Vũ cống*, nhét vào ống tay áo đem vào trường thi. Quả nhiên đề ra đều lấy từ *Vũ cống*. Danh Tiêu làm được hết nhưng vẫn từ nhạt nhẽo, ý tứ chẳng có gì hay ho, quan Nội trường không lấy đỗ, quyển bị loại. Bấy giờ quan Đề điệu Phạm Khiêm Ích phúc khảo những quyển rớt, thấy quyển của Danh Tiêu vẫn tuy không hào hùng nhưng *Vũ cống* câu nào cũng làm được cặn kẽ. Xem ra không phải người học vấn sâu sắc không thể làm nổi, bèn phê lại cho đỗ trúng cách, điền tên vào thứ bốn mươi mốt.

Năm Quý Sửu (1733) vùng Đan Phượng bệnh dịch hoành hành. Người Yên Sở đêm nằm mộng thấy trong đám hàng quán có hàng trăm quỷ dạ xoa⁽²⁾ ngồi nghỉ. Một đứa quỷ sở nói :

– Đây là địa giới Yên Sở, hôm nay đến lượt. Nhưng tháng Ba năm nay Trần Danh Tiêu thi đỗ Tiến sĩ nên phải giúp cho họ được bình yên để còn rước Tiến sĩ vinh quy.

Nói rồi tức tốc đi sang vùng khác.

Tới kỳ thi Đình, đi đến cầu Văn Canh, Tiêu vào nghỉ trong quán. Lúc ấy đã có hơn ba mươi chàng Cống sĩ Sơn Tây tụ tập. Bỗng một người mặt mũi cổ quái đến nắm tay Danh Tiêu, bảo :

– Khoa thi Quý Sửu Long Đức năm thứ hai này, số đỗ Tiến sĩ có ba phần thì họ nhà ngài chiếm một.

Nói xong không thấy đâu nữa. Mọi người đều cho là kỳ lạ. Ngày vào đệ tứ trường, Trần Hiền đem chuyện nằm mộng đầu cùng khoa ngày trước ra kể với bọn Trần Đồng⁽³⁾.

(1) *Vũ Cống* : thiên sách trong *Kinh thư* nói về thuế khóa, đất đai.

(2) *Dạ xoa* : một loại quỷ hung ác, mặt mũi xấu xí.

(3) *Trần Đồng* (1708 - ?) : người xã Đan Phượng, huyện Đan Phượng, Hà Nội. Đỗ Đệ tam giáp đồng tiến sĩ xuất thân khoa Quý Sửu (1733). Làm quan đến chức Tư huấn.

– Tuổi tôi ba mươi mà thần bảo đồng khoa với Trần Tiêu. Vậy thì năm sáu người bọn ta nên giúp Danh Tiêu thành danh. May được cùng đỗ để ứng với giấc mộng đồng khoa.

Cả bọn đều y lời. Đến ngày yết bảng, Danh Tiêu, Sinh đồ hai mươi lăm tuổi, đã vượt cấp được đỗ Tiến sĩ. Khoa ấy mười tám người đỗ Tiến sĩ thì có Trần Hiền người Văn Canh, Từ Liêm, Trần Mô⁽¹⁾ người Di Ái, Đan Phượng, Trần Đồng người Đan Phượng, Trần Trọng⁽²⁾ người Văn Giáp, Thượng Phúc, Trần Công Hân⁽³⁾ người Cổ Am, Vĩnh Lại và Trần Danh Tiêu. Họ Trần cả thảy được sáu người. Lời thần nói quả không sai.

Về sau Danh Tiêu bị viên quan hoạn gần gũi ghen ghét, năm bảy mươi tuổi về trí sĩ với chức quan Hàn lâm, được tặng Đông các đại học sĩ.

Lời bình : Tiến sĩ đồng khoa lại là kẻ học trò thi trượt, Trần Hiền cũng thật nhiệt tâm. Danh Tiêu đã có tên trên bảng trời, thần và người sao lại không hết sức giúp đỡ cho thành công được !

TRẦN HẢI YẾN dịch

(1) *Trần Mô* (1694 - ?) : người Di Ái, huyện Đan Phượng, nay thuộc huyện Hoài Đức, Hà Nội. Đỗ Đệ tam giáp đồng tiến sĩ xuất thân khoa Quý Sửu (1733). Làm quan đến chức Thị độc, tước bá, về trí sĩ.

(2) *Trần Trọng Liêu* (1695 - ?) : người xã Văn Giáp, huyện Thượng Phúc, nay thuộc huyện Thường Tín, Hà Nội. Đỗ Đệ nhị giáp tiến sĩ xuất thân khoa Quý Sửu (1733) tức Hoàng giáp, chứ không phải Tiến sĩ như trong truyện. Làm quan đến chức Đông các học sĩ.

(3) *Trần Công Hân* (1702 - ?) : người xã Cổ Am, huyện Vĩnh Lại, nay thuộc huyện Vĩnh Bảo, Hải Phòng. Đỗ Đệ tam giáp đồng tiến sĩ xuất thân khoa Quý Sửu (1733). Làm quan đến chức Hàn lâm viện đãi chế. Sau khi từ trần được tặng chức Đông các đại học sĩ.

202. LÊ KÍNH^(*)(1)

Lê Kính người Khai Trung, Đông Thành, lúc trẻ, đi thi đỗ Hương cống nhưng ba lần thi Hội không đỗ, bèn ở nhà dạy trẻ chừng hai mươi năm, không mơ màng gì đến việc thi cử nữa.

Năm Mậu Thìn (1628) niên hiệu Vĩnh Tộ, trong làng dịch đậu mùa hành hoành. Hàng xóm có hai đứa trẻ chết vì bệnh dịch ấy. Cha mẹ chúng đem bỏ ra ngoài chuồng trâu, không chôn cất. Ông bèn sai người nhà dùng chiếu bó lại, đem chôn ngoài đồng. Tháng Ba năm ấy có sắc chỉ mở kỳ thi Hội. Ông mộng thấy hai đứa trẻ nọ đến nói :

– Khoa này ông đi thi Hội tất đỗ Tiến sĩ.

Lê Kính trả lời :

– Hai mươi năm nay lòng ta đã nguội lạnh, bút mực văn ý khó trôi chảy, dự thi Hội sẽ ngầy ngầy như mù chẳng trông thấy gì, chẳng dám đâu mơ ước viễn vông.

Hai đứa trẻ lại nói :

– Chúng tôi chính là tiểu đại của Tinh tào, túc trực bên Nam tào, thấy chọn khoa này mười bảy Tiến sĩ, đã ghi lên bảng yết ở cửa trời. Chúng tôi cảm cái ơn của ông ngày trước, ra sức tiến cử : “Ngài Lê Kính ở Khai Trung một lòng làm điều thiện, không biểu dương người ấy thì lấy gì mà khuyến khích người đời ?”, may được chấp thuận. Tên ông đã ghi, tận mắt được thấy, nay đến báo tin mừng, xin thận trọng chớ để lộ ra.

(*) Nguyên văn : *Lê Kính ký*.

(1) *Lê Kính* (1587 - 1659) : người huyện Đông Thành, nay là huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An. Đỗ Đệ tam giáp đồng tiến sĩ xuất thân khoa Mậu Thìn (1628). Làm quan đến chức Công Bộ Thượng thư.

Ngày thi đến, ông lệnh cho đầy tớ sửa soạn lên đường trẩy kinh. Người làng nhìn thấy không ai không cười nhạo. Ông vào thi, đến đệ tam trường, bài thi làm thì thơ thất niêm, phú trùng vận. Bọn bè thấy vậy đều bảo chẳng có bài nào trúng cách ; nên sớm sớm mà quay về cho đỡ tốn phí. Ông nói :

– Bành Tổ không chết yếu, các anh hãy chờ xem.

Lúc chấm điểm, quyển của ông bị đánh rớt nhưng khi khớp phách, viên lại phòng viết nhầm tên ông vào quyển của người ở Yên Phong, xứ Kinh Bắc nên khi treo bảng ông quả đậu. Ngày hôm sau, vào đệ tứ trường, nhìn đề bài ra, câu chữ ông đều quên hết. Bỗng nhiên thấy hai đứa trẻ soạn nhật vắn từ đưa đến cho, ông bèn tập hợp thành quyển. Đến ngày yết bảng, mười tám người đỗ Tiến sĩ thì ông đứng thứ mười. Lúc ấy ông bốn mươi mốt tuổi. Sau ông làm quan đến Công Bộ Thượng thư, tước Thạc tung hầu, được tặng Thái bảo Thạc Quận công. Sinh con là Lê Học Trung⁽¹⁾, khoa thi Quý Mùi (1643) triều Lê Chân Tông, niên hiệu Phúc Thái, đỗ Nhị giáp tiến sĩ, làm quan đến Lễ Bộ Thượng thư, tước Hầu.

Ôi, cái việc ông làm là ơn huệ nhỏ mà được báo đáp đến như vậy thì câu nói cổ xưa : “Chớ vì việc thiện nhỏ mà không làm” thật là đúng vậy !

Lời bình : Thạc Quận công một lòng làm điều thiện được biểu dương ở hai Tỉnh tào không phải chỉ vì riêng một việc chôn đứa trẻ hàng xóm. Nếu không thế thì người chăm lo nghĩa chủng⁽²⁾ ở đời đông vô vàn sao không đỗ hết Tiến sĩ, hưởng tước công hầu như nhà họ Lê !

TRẦN HẢI YẾN dịch

(1) Sách *Đăng khoa lục* chép là Lê Hiệu (1617 - ?).

(2) *Nghĩa chủng* : chôn cất những người chết vô thừa nhận.

203. ĐẠI VƯƠNG ỐC^(*)

Xưa, vào năm Hồng Đức thứ mười hai (1481) triều Lê Thánh Tông, Nghệ An có chàng Giám sinh họ Trần ở Nghi Xuân và Giám sinh họ Dương ở Thiên Lộc ra kinh đô thi Hội. Đến Hào Môn thuộc Ngọc Sơn bắt được một con ốc to, bèn đùa làm sắc phong Đại vương Ốc, rồi đặt trong cái bình, thả xuống nước.

Năm ấy, hai chàng vào thi đều không đỗ, lưu lại kinh đô ba năm. Khi trở về, đến chỗ nọ, thấy đền đài chót vót, miếu mạo nguy nga. Vào nghỉ ở quán, hỏi một cụ già rằng :

– Chỗ này ba năm trước chỉ là một bãi đất bằng, nay bỗng thấy một tòa lâu đài. Sao trước không có mà nay lại có vậy ?

Ông lão đáp :

– Ba năm trước có hai người học trò bắt được một con ốc, đùa làm sắc phong thần. Vài ngày sau, ốc trở nên đẹp kỳ lạ, cho nên xã đây lập miếu thờ...

Ông lão nói chưa xong bỗng thấy một nữ tỳ đến thưa với hai chàng :

– Tôi vâng lệnh đến đón hai quan.

Hai người đi theo đến miếu nọ. Thần Ốc đang ngự trên chính điện liền bước xuống thêm nghênh tiếp. Hai người ngồi bên trái, thần ngồi bên phải, nói :

– Thiếp vốn là em gái Long vương ở Nam Hải, nhân có việc đi xa, bị lạc đường, theo nước triều đến đây, may gặp được nét bút linh diệu của hai ngài.

Nói rồi lệnh cho người thủ từ chuẩn bị chiếu rợp, bày thức ngon vật lạ khoản đãi. Hai chàng hỏi :

– Đại vương hết sức anh minh, vậy phạm cái việc kẻ sĩ ứng thí có thể biết trước chăng ?

(*) Nguyên văn : *Loa Đại vương truyện ký*.

Thần Ốc đáp :

– Định danh Tiến sĩ là việc trên trời, Long quân không can dự vào. Nhưng ba năm một lần, Ngọc Hoàng giao cho Tinh tào xuống Thủy phủ lấy sổ ghi tên kẻ sĩ, xem xét văn chương, đức hạnh, quan sát âm đức của tổ phụ, sau đó mới yết bảng nơi cửa trời, chuyện đó thì thiếp từng biết. Hai ngài nếu muốn biết việc đỗ đạt khoa tới thì tháng Giêng sang năm đến đây, thiếp nguyện vì hai ngài mà tiến cử, may chăng báo đáp được trong muôn một ơn nghĩa hai ngài.

Ở ít ngày, hai chàng cáo từ trở về. Thần biếu quần áo một bộ, bạc tiền trăm xâu và nói :

– Chút ít nhuận bút này cũng chỉ để đi đường mà thôi.

Đến tháng Giêng năm Hồng Đức thứ mười lăm (1484), hai chàng theo lời dặn đến thăm ngôi miếu nọ. Thần Ốc mời hai người tạm nghỉ ở đó, đợi nàng về báo tin. Rồi đó thần Ốc đến yết kiến Thượng đế. Đúng lúc ngài vừa lấy mười lăm người đỗ Tiến sĩ. Thần Ốc bèn tiến cử hai Giám sinh. Quan coi sóc việc thi cử ở phương Nam lấy sổ ra xem thì thấy cha của Giám sinh họ Trần ở Nghi Xuân là một cự phú, tâm địa riết róng, không chịu cứu vớt bất cứ kẻ nghèo khó nào ; còn ông của Giám sinh họ Dương ở Thiên Lộc là Tri huyện đã tráo trở án mệnh, thêm bớt khi xử tội. Nhưng vì hai người nỗ lực học hành nên Thượng đế không phụ, sẽ chỉ làm được Tri huyện mà thôi.

Thần Ốc quay về, kể lại đầy đủ, và nói khoa thi Giáp Thìn này có bốn mươi bốn người đỗ Tiến sĩ, Trạng nguyên là Nguyễn Quang Bật⁽¹⁾ người Bình Ngô, huyện Gia Bình, còn hai ngài không đỗ.

Về sau yết bảng, quả đúng như vậy. Sau này hai chàng đều làm đến Tri huyện, đúng như lời thông báo của thần.

Lời bình : Họ Trần, họ Dương mượn tài của kẻ học trò, đùa phong được thần Ốc, nhưng Ốc không thể dùng tước Thượng đẳng thần để tiến cử Tiến sĩ. Như thế thì có thể biết rằng đại khoa của trời để đãi bậc đại đức, tư ân không thể cậy xằng.

TRẦN HẢI YẾN dịch

(1) Nguyễn Quang Bật (1464 - ?) : người xã Bình Ngô, huyện Gia Định, nay là xã An Bình, huyện Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh. Đỗ Đệ nhất giáp tiến sĩ cập đệ đệ nhất danh (Trạng nguyên) khoa Giáp Thìn (1484). Làm quan đến chức Đô ngự sử.

204. BỐN CON CÙNG ĐỒ^(*)

Ở vùng Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa, có một người lúc trẻ tính tình hào hiệp, không ưa những chuyện nhỏ nhặt. Trong làng có con trai vị Quận công cậy thế bề tôi có công lấn lướt dân làng, cưỡng đoạt con gái, cướp không tài sản của người ta. Dân làng hết sức khốn khổ, không biết kêu cầu vào đâu. Người nọ phần uất không chịu nổi, một đêm mang dao đột nhập vào nhà kia, đâm chết con trai vị Quận công.

Sáng hôm sau từ biệt người nhà, chạy trốn ra trấn Sơn Nam. Đến Thiên Bản làm thuê cho phú ông. Con gái phú ông thấy anh chàng linh lợi, cùng tư thông, sau đó có mang được ba bốn tháng, phú ông biết chuyện, lập tức đuổi đi không cho ở nữa. Về sau, cô gái sinh được con trai. Người ấy bèn ghi tên họ, quê quán của mình để lại cho cô gái rồi đi đến chợ An Dương, xứ Hải Dương sống bằng nghề buôn bán. Ở đây, người ấy lấy cô gái họ Đào, lại sinh con trai. Sống với vợ không hòa thuận, bèn bỏ lên huyện Lang Tài, Kinh Bắc lấy vợ ở đó và lại sinh một trai. Được vài năm lại bỏ đến vùng Thạch Thất, Sơn Tây, lấy con gái họ Phan, cũng sinh một trai. Rồi vì không quen thủy thổ, người ấy bỏ đến kinh đô làm thuê làm mướn để sinh nhai.

Về sau, bốn người con trai trưởng thành, đều đỗ Tiến sĩ triều Mạc, cùng không biết tông tích cha mình ở đâu, còn mắt như thế nào, chỉ nhớ lời mẹ đẻ dặn mà biết tên họ quê quán người cha.

Năm người ấy tám mươi tuổi, bị kẻ khác vu oan, án từ chuyển lên Ngự sử đài. Lúc đó người con ở Thiên Bản là quan Đô đài, người con ở An Dương là quan Phó đô, người con ở Kinh Bắc là quan Thiêm đô, người con

(*) Nguyên văn : *Tứ tử đồng khoa truyện*.

ở Thạch Thất là quan Giám sát, đều đến công đường tra án. Trông thấy ông lão nọ, họ cùng nói :

– Ta xem bản án, người này ắt bị vu oan, vả lại già lão đến thế, tình cảnh thật đáng thương.

Hỏi ông lão :

– Tuổi tác bao nhiêu, sinh được mấy con ?

Ông lão đáp :

– Thân lúc trẻ phóng đảng giang hồ, đi khắp bốn trấn, từng sinh được bốn con trai, nhưng đã lâu không trở lại những nơi đó. Nay gần tám mươi chỉ nhớ huyện xã mà thôi, không biết con cái làm nghề nghiệp gì.

Bốn viên quan lệnh cho khai rõ quê quán cùng những nơi lấy vợ là đâu. Ông lão nhất nhất tâu trình đầu đuôi. Bốn viên quan kinh ngạc, cùng nhìn nhau, rồi ôm lấy ông lão mà khóc to :

– Đây đúng là cha chúng ta rồi !

Rồi đó đem chuyện trình lên vua Mạc. Vua Mạc cho gọi ông lão vào hỏi rồi ban y phục, lại phong tước vào hàng quan tam phẩm. Vài năm sau thì ông lão qua đời.

Lời bình : Ông chặt gai góc, trồng được bốn chồi đàn quế. Trời tạm cho ông cái áo thừa chính là để vinh phong ông vậy. Có kim chỉ ấy thì mới có thể dệt nên bốn mảnh Đông Tây Nam Bắc⁽¹⁾ của chiếc áo bào, làm bạc lãnh tụ một nhà.

TRẦN HẢI YẾN dịch

(1) Nguyên văn thiếu một chữ, ngữ chữ *Bắc*, tạm thêm vào.

205. DÌ GHỀ BỊ QUẢ BÁO^(*)

Người mẹ độc ác ấy là mẹ kế⁽¹⁾. Xưa, ở vùng La Sơn có ông Giám sinh họ Nguyễn lấy vợ trước sinh được ba trai. Năm tháng qua đi, ba người con lớn lên vẫn không bỏ nghiệp đèn sách.

Khi vợ qua đời, Nguyễn Giám sinh lấy con gái họ Trần trong làng làm kế thất. Trần thị là người đố kỵ và cay nghiệt, Giám sinh không ngăn cản được, mọi lời nói của Trần thị Giám sinh đều nhất nhất nghe theo. Ai cũng cười chê là bị sư tử gặm⁽²⁾. Trần thị nói với Giám sinh :

– Nhà có con trai không sớm lo làm ăn, ban ngày chưa đủ lại đốt đèn thâu đêm, nhong nhóng ra mãi, ngộ nhỡ gặp năm đói kém thì biết trông cậy vào đâu ! ?

Rồi bắt vứt bỏ chuyện học hành. Người con cả phải vào núi hái củi, anh con thứ xuống sông bắt cá, cậu con út đi chăn trâu cho người. Anh em khổ sở khôn xiết, nhưng nhất nhất đều vâng lời cha mẹ. Người hái củi thân đen sạm, người đánh cá tóc đỏ hoe, cậu út chăn trâu gầy guộc, vẫn không hề phàn nàn về nỗi mặc áo cỏ lau⁽³⁾.

Được vài năm, Trần thị sinh con trai. Anh em nhà nọ bàn nhau :

– Cha ta đã có người nối dõi, lũ ta có thể đi được rồi. Nếu không, kho nghiêng giếng cạn⁽⁴⁾ hối làm sao kịp.

(*) Nguyên văn : *Quỷ mầu báo phục truyện*.

(1) Nguyên chú : Doãn Cát Phủ đời Chu lấy người vợ sau là Khôi thị. Khôi thị độc ác, đối với con vợ trước là Bá Kỳ hết sức nghiệt ngã. Bá Kỳ nói với mọi người : “Tôi chịu đựng đủ cả”. Vì thế *quỷ mầu* là mượn chữ *khôi* 魁 để viết chữ *quỷ* 鬼 vậy.

(2) *Bị sư tử gặm* : chỉ đàn ông sợ vợ.

(3) Nguyên văn : *Lô hoa giám* (tắm gương hoa lau). Mẫn Tử Khiên bị mẹ ghẻ đối xử cay nghiệt, mùa đông phải lấy hoa lau thay bông lau làm áo rét. Một hôm cha sai đánh xe, Mẫn rét đến nỗi đánh rơi roi ngựa. Cha nổi giận định đánh con, khi chạm vào lưng mới biết con chỉ được mặc áo hoa lau, bèn đuổi người vợ kế đi. Mẫn Tử Khiên thấy vậy xin cha : “Mẹ còn thì mình con phải mặc áo hoa lau, mẹ đi thì cả ba chúng con đều đói rét”.

(4) Nguyên văn : *Lâm trắc tỉnh nê, phê tể hà cập*.

Rồi cùng nhau bỏ trốn đến vùng ngoại Sơn Nam, sống ở chợ Giao Thủy. Ban ngày làm thuê kiếm ăn, đêm đến anh em đọc sách, thâu canh không nghỉ. Dân trong vùng hỏi học để làm gì thì đều giấu không nói. Ai cũng lấy làm lạ về việc họ làm nhưng đều yêu mến đức hạnh của họ. Người ta làm mấy gian nhà tranh cho anh em ở. Trong có một năm mà tiền bay vào nhà đến ba, bốn mươi vạn. Phú ông trong làng gả con gái cho người anh. Ba anh em vẫn ở chung, cùng lo làm ăn, mở rộng nhà cửa, vườn tược ; nhà ngói đến mấy chục gian, ruộng đất rộng năm sáu mẫu, trở thành nhà cự phú trong huyện.

Lại nói, Trần thị sau khi sinh con trai, ông Giám sinh qua đời, của nả trong nhà khánh kiệt, không có chỗ nhờ cậy, phải dắt con đi ăn xin ở Giao Thủy, Sơn Nam. Vào nhà giàu nọ, tự mình xin làm đứa ở chuyên giặt giũ, còn đứa con nhỏ cho đi chăn trâu kiếm ăn. Người nhà bằng lòng cho ở dưới bếp được khoảng một năm. Ba anh em nhà giàu không hề xuống bếp nên không biết chuyện. Một hôm Trần thị giặt giũ đánh mất năm chiếc áo lụa, vợ người anh cả tính cay nghiệt, nhân cơ hội ấy đánh cho một trận. Vừa lúc người chồng xuống bếp, thấy vậy liền hỏi, người đàn bà kể hết sự tình. Anh nghe giọng, đúng tiếng vùng Nghệ An, xem diện mạo tựa như Trần Thị, trong lòng hơi nghi hoặc, bèn bảo tha tội cho, lại dịu giọng an ủi rồi hỏi kỹ căn nguyên. Người ấy nói :

– Tôi là người La Sơn, Nghệ An, lấy Giám sinh họ Nguyễn. Ông trước đã có ba con trai nhưng không biết đi đâu, hai mươi năm nay bật vô âm tín. Tôi sinh được một trai, không may chồng chết, cảnh nhà đơn chiếc, nghèo khó nên mới phải quên thân đến đây.

Anh bèn nhận ra Trần thị.

Hôm sau, anh bảo vợ đem cho mười quan tiền, một bộ quần áo rồi để hai mẹ con đi chỗ khác. Trần thị không đoán được nguyên do, hỏi người xă ấy, nghe họ kể đầu đuôi mới biết đó là các con chồng. Thị lấy làm xấu hổ mà chết.

Anh em nhà giàu biết tin cha đã mất liền sắm sửa đồ đạc trở về làm lễ tế cha.

Lời bình : Câu ngôn ngữ “Mẹ gà, con vịt” là câu cửa miệng về cảnh mẹ ghẻ độc ác. Đại để như vậy chứ chưa từng có chuyện sư tử gầm. [Cho nên] việc Trần thị bị quá báo nhãn tiền có thể làm gương cho chuyện mẹ ghẻ con chồng⁽¹⁾ vậy !

TRẦN HẢI YẾN dịch

(1) Nguyên văn chữ Hán nghĩa là : một tấm gương hoa lau. Dựa vào Chú thích 3, tr. 609 cùng truyện, chúng tôi dịch thoát.

206. KHÁCH CHÔN CỦA(*)

Một người vùng Quảng Đông, Bắc quốc, họ Hoàng, đến sống ở Vạn Lai Triều, Kim Động, Sơn Nam. Của cải sánh được với đấng quân vương, nhà cửa trên cả bạc công hầu, bạc vàng, châu báu tính đến ức vạn. Nghe nói trong huyện có em gái Giám sinh, nhan sắc khá đẹp, tuổi chừng mười tám, bèn dùng trăm nén vàng mua về.

Được ba năm, người con gái ấy về thăm cha. Giám sinh hỏi :

– Em lấy chồng ba năm rồi, sao con cái muộn vậy ?

Cô em gái kể :

– Từ ngày em về nhà chồng đến nay, người ấy đặt riêng cho một giường, chưa từng trò chuyện ái ân, phàm thịt cá đều không cho ăn, duy chỉ có ba tháng cho một bộ quần áo mới và ở riêng thôi.

Giám sinh nói :

– Một ngày nào đó hẳn sẽ dùng em làm thần giữ cửa, chắc không sai đâu ! Vậy em thấy gia nhân nhà ấy thường làm những gì ?

Cô gái đáp :

– Trước đó, cứ chiều tối cơm nước xong là đi ngủ, vài tháng nay đêm đến đều thấy bố con nhà ấy vác cuốc khuôn gạch đem đi.

Giám sinh nói :

– Ngày ấy đã sắp đến rồi.

Lập tức cho em gái quay về, lại ngấm lấy một gói hạt dẻ và hạt cải trắng đưa cho em và dặn :

– Hễ sắp bị đem chôn thì rắc những hạt này xuống đất làm dấu.

(*) Nguyên văn : *Khách nhân mai kim truyện.*

Từ đấy người Giám sinh thường xuyên đến nhà em rể thăm dò. Một lần, sau mười ngày quay lại thấy em gái không có nhà, hỏi thì người khách trả lời :

– Vài ngày trước sai lên kinh mua hàng hóa.

Giám sinh lặng ngẫm đi ra sau vườn, thấy hạt gai hạt cải đã mọc thành cây. Liền đến gặp quan Trấn thủ trình bày rành rẽ sự việc. Quan Trấn thủ lập tức dẫn năm trăm tên lính đến bắt giữ. Giám sinh đi trước dẫn đường, vào đến sau nhà, nhận rõ nơi đánh dấu bằng cải gai, đi chừng năm mươi trượng, thấy một cái am, tường vách vừa trát xong, đoán chắc là nơi này không còn nghi ngờ gì nữa. Tên khách cãi, không chịu nhận. Quan Trấn thủ lệnh cho hai bên làm cam kết. Tên khách vẫn cố tình không nghe. Lập tức quan Trấn thủ lệnh cho khai quật. Trên mặt đất thấy đây một tấm gỗ gắn bằng gian nhà. Ngoài dùng gạch Bát Tràng, trát bằng bùn trộn với vôi vữa rất kiên cố. Quân lính mở hết bên trong, quả thấy hai ngọn đèn còn chưa tắt. Người con gái ngồi trên một ghế đá, miệng bịt kín, trong ngậm sâm Cao Ly, hai tay bị trói vào ghế. Hai chân cô gái đặt trên hai chiếc bát to, ghi : “một ngàn cân”. Bên phải để mười bát to, bên trái để mười bát to. Trên mỗi chiếc ghi “năm mươi cân”. Hai chân đèn bằng kim ngân. Hỏi người con gái bị chôn đã mấy ngày rồi. Trả lời đã hai mươi ngày.

Quan Trấn thủ lấy một phần của cải ấy cho cô gái, còn lại nộp lên quan trên, tên khách bị trị tội nặng.

Lời bình : Khách phương Bắc dùng người sống làm thần giữ cửa, tâm địa ấy thật tàn nhẫn ! Em gái Giám sinh phúc nhà thật lớn, nếu không chẳng thể ra khỏi được nơi giam giữ.

TRẦN HẢI YẾN dịch

207. THÁI THỨ DIỄN CHÂU^(*)

Thái thú người La Sơn, lấy vợ họ Dương, sinh sáu bảy lần mà không nuôi được. Khi đến nhậm sở ở Diễn Châu, vợ lại có mang. Được bảy tám tháng, đêm nằm mộng thấy có vị thần đến bảo :

– Ngày mai sẽ cho người lười tâm sét, tháng sau sinh con trai thì làm vòng khóa chân nó lại.

Sáng dậy quả được lười tâm sét, sau đó sinh con trai, bèn sai thợ làm hai cái vòng để đeo vào chân con. Đến năm sáu tuổi đứa trẻ dĩnh ngộ phi thường, mới đặt tên là Kim Tích. Năm mười bảy tuổi, Kim Tích thi Hương đậu Cống sĩ. Một hôm chàng thưa với cha mẹ rằng :

– Con nay đã đến tuổi trưởng thành, lại được lạm dự vào hàng Giám sinh. Hẳn kiếp trước có chuyện gì mà nay luôn phải đeo vòng sắt như một tù nhân để bạn bè cười nhạo ?

Người cha cho là con nói phải bèn sai tháo bỏ đi. Tức thì Kim Tích ngã ra đất mà chết. Thái thú vô cùng đau đớn, để tang con như để tang bố mẹ.

Khi Kim Tích còn sống, thôn bên có một người con gái bán trâu cau⁽¹⁾ chàng vẫn qua lại rất thường xuyên. Một hôm Thái thú đi qua nhà đó, người con gái thấy ông mặc tang phục, lấy làm lạ, hỏi thăm. Thái thú trả lời :

– Giám sinh con tôi chết đã ba tháng rồi, cô không biết sao ?

Cô gái nói :

– Cách đây mấy hôm, Giám sinh vẫn còn cơ mà, sao ngài nói lạ vậy ? Nhưng bây giờ Giám sinh đã có xe ngựa, kẻ hầu, khác hẳn ngày trước. Không biết làm chức quan gì ?

(*) Nguyên văn : *Diễn Châu Thái thú ký*.

(1) Nguyên văn : *thường phù lưu* (tặng thường trâu không) chưa thật rõ ý câu văn. Ở đây, chúng tôi theo *Đại Nam hiến ứng truyện* : *mại phù lưu*.

Thái thú cho là nói dối. Cô gái bảo :

– Chàng hẹn hai ngày nữa sẽ đến vào sáng sớm. Hôm ấy ngài có thể nắp trong nhà xem sao.

Đến ngày, Thái thú y hẹn tới, nắp chờ chừng một canh thì thấy Kim Tích quả đến đó. Người con gái bèn bảo Kim Tích :

– Có quan Thái thú đợi chàng đã lâu rồi.

Kim Tích thấy mặt Thái thú liền chỉ mặt máng to :

– Người trói buộc ta mười bảy năm trời ở cõi trần, chỉ hận không chém được người, còn mặt mũi nào mà nhận cha con !

Nói xong không thấy đâu nữa. Thái thú bèn cởi quần áo, giày mũ đốt hết ngay tại đó rồi ra về. Từ đấy trở đi không đau buồn nữa.

Lời bình : Vòng bằng lưới tằm sét trói buộc⁽¹⁾ được Cống sĩ mười bảy năm. Nhưng xem lời mắng nhiếc ắt thấy kiếp trước chàng và Thái thú có thù oán với nhau. Sau này khi sinh con, người ta thường làm vòng vàng bạc, vốn là vì vậy.

TRẦN HẢI YẾN dịch

(1) Nguyên văn thiếu một chữ, chúng tôi dựa vào nội dung câu truyện tạm dịch như vậy.

208. THẦY BÓI QUÁI DỊ

(Tục gọi là thầy đạo)^(*)

Thời nhà Lê, niên hiệu Vĩnh Hựu năm thứ nhất (1735) đời vua Gia Sùng⁽¹⁾, vua là em Hoàng đế Long Đức, vì quan hệ hôn nhân với phủ chúa Trịnh nên được lên ngôi, lòng người trong nước không phục, trộm cắp nổi lên khắp nơi. Bấy giờ Trịnh Toàn vương⁽²⁾ nắm chính sự mắc bệnh tim. Quan Nội thị là Nguyễn Bào, kẻ thân cận trong cung, để chúa sống trong một căn nhà hầm. Mọi việc lớn nhỏ do Bào quyết định. Lòng người mong có sự đổi thay.

Lúc bấy giờ, Giám sinh Đông Ngạc là Đỗ Thế Giai, nhiều lần thi Hội không đỗ, nhà nghèo nhưng hiếu khách, cùng Nội thị Hoàng Ngũ Phúc⁽³⁾ người Phụng Công, Nguyễn Xuân Trương người Cao Mỗ kết bạn từ thuở

(*) Nguyên văn : *Cổ quái bích sự truyện (Tục danh thầy đạo)*.

(1) *Gia Sùng* : tức Lê Ý Tông, tên là Duy Thì (1719 - 1759), vua thứ mười lăm nhà Hậu Lê, ở ngôi 1735 - 1740. Niên hiệu Vĩnh Hựu. Được tôn lên làm vua thay cho anh là Lê Thuần Tông (ở ngôi 1732 - 1735, niên hiệu Long Đức), sau lại bị ép nhường ngôi cho cháu là Lê Hiến Tông (ở ngôi 1740 - 1786, niên hiệu Cảnh Hưng).

(2) *Trịnh Toàn vương* : tức Uy Nam vương Trịnh Giang, ở ngôi chúa 1729 - 1740, vì bệnh hoạn nên nhóm Hoàng Ngũ Phúc ngấm mưu với Bính Trung công phế bỏ để lập Trịnh Doanh lên thay năm 1740, như trong câu chuyện này.

(3) *Hoàng Ngũ Phúc* : người xã Phụng Công, huyện Yên Dũng, trấn Kinh Bắc, nay thuộc Bắc Giang. Xuất thân hoạn quan nhưng có mưu lược và giỏi dùng người, từng tham gia đánh dẹp nhiều cuộc nổi dậy như Nguyễn Hữu Cầu (? - 1751), Nguyễn Danh Phương, Lê Duy Mật,... 1774, Hoàng Ngũ Phúc đã về nghỉ nhưng vì việc đánh Nam Hà lại được khởi phục, ông nhận chức Đại tướng, đem quân đi đánh. 1775, sau khi bình định Thuận Hóa, Ngũ Phúc được trao chức Đại trấn thủ. Thời Trịnh Sâm (ở ngôi chúa 1767 - 1782), Ngũ Phúc là một đại thần, thế rất lớn, tước Việp Quận công.

bản hàn. Dựa vào quẻ *Đoài* có câu nói về “khu đất thanh tịnh”⁽¹⁾ họ đã tìm kiếm khắp nơi mà hơn tháng rồi vẫn chưa thấy. Một hôm đi qua lữ điểm ở vùng Yên Lãng thấy một thầy bói hiệu là Cổ Quái tiên sinh đang xem bói lấy tiền ở đó. Ba người cùng vào điểm tránh nắng. Cũng muốn tìm chỗ mát để nghỉ ngơi nhưng vì tiền hết không dám đi tiếp mà ngồi lâu lại sợ làm người ta khó chịu. Nhân đó mới chuyện phiếm cùng thầy bói. Thế Giai nói :

– Tôi là một Giám sinh nghèo. Hai người này cũng là Nội thị nghèo, một lữ phiêu bạt đang làm cuộc Tây du⁽²⁾. Ngày nay thế nước, lòng người đang lúc rối ren, muốn tìm một cảnh chùa mà chưa thấy, lương tiền cạn hết. Tiên sinh thử bói cho chúng tôi một quẻ, sau này nếu được như ý sẽ xin hậu tạ, chẳng hay ý tiên sinh thế nào ?

Thầy bói nghe nói, cười lớn :

– Lão cũng là kẻ sĩ, thi Hội không đỗ, lấy bói toán làm nghề, không thể chọc mù hai con mắt để thành thầy bói như người đời vẫn nghĩ. Tiên sinh đã là người trong đạo, hai quan Nội thị cũng là khách quý, nay chịu nhún mình hỏi nhau, tôi sẽ nói thực tình. Lòng thành thì sẽ linh ứng, đâu nệ chuyện lễ hậu bạc !

Thế Giai bèn lấy trong túi vài đồng tiền mua mấy miếng trầu. Ba người thì thăm câu khấn. Khấn xong, thầy bói nói :

– Thuật bói toán tôi có biết qua, nhưng riêng lối chiết tự tôi tinh thông nhất. Các ngài mỗi người hãy viết một chữ đưa tôi xem thử.

Thế Giai nghĩ thầm : “Chắc do ta lễ bạc nên mới dùng phép mọn này để suy đoán. Nhưng cứ thử xem phép thuật của ông ta ra sao ?”. Bèn rút bút định viết bốn chữ *càn khôn nhất tú* 乾坤一袖, nghĩa là một túi càn khôn. Vừa viết xong chữ *càn* 乾 định viết tiếp chữ *khôn* 坤. Ngũ Phúc đã giạt phất lấy bút, nói :

– Tiên sinh đã bảo mỗi người viết một chữ, sao dám trái lời ?

Nói rồi, Phúc cầm bút viết chữ *nguyên* 元 đoạn đưa bút cho Xuân Trương. Xuân Trương viết chữ *hanh* 享. Viết xong, Xuân Trương sửa sang

(1) *Khu đất thanh tịnh* : ý nói một ngôi chùa để tu hành. *Đất thanh* cũng có khi chỉ đạo quán của Đạo giáo.

(2) *Cuộc Tây du* : Thế Giai dùng điển tích Tây du của Đường Tăng (600 - 664) để nói ý muốn đi lánh đời của ba người.

tay áo, nâng tờ giấy có chữ viết lên ngang trán, quỳ trước mặt thầy bói, thưa :

– Vâng lời tiên sinh, mỗi người viết một chữ, xin được dâng lên.

Thầy bói nhúm dây, cầm tờ giấy, vỗ tay cười lớn :

– Nước ta có người rồi ! Quốc gia sẽ vô sự, thiên hạ sẽ thái bình. Giám sinh là cận thần, hai Nội thị làm Đại tướng. Ta sẽ làm quân sư cho ba khách quý, chớ đi đâu nữa. Vì các ngài, ta sẽ lên kinh giúp làm nên công nghiệp.

Ba người nghe nói hết sức kinh ngạc. Đỗ Thế Giai nhân đó nói :

– Lũ chúng tôi nghe tiên sinh nói như vừa chợt tỉnh cơn mộng. Dám phiền chỉ vẽ cận kề mới mong hiểu được con đường phía trước.

Thầy bói đáp :

– *Càn* là trời, là vua, là cha. *Nguyên, hanh* là đức của *càn*. Ba chữ ấy liên quan đến nhau, có cái ý giúp rập việc chinh đồn của tạo hóa. Giám sinh viết chữ *càn* cho nên sẽ ban chức Cận thần, hai quan Nội thị viết *nguyên, hanh* cho nên sẽ ban chức Đại tướng. *Kinh dịch* quý ở chỗ thông biến, đâu phải những nét vạch tầm thường, vụn vặt. Lời ta không sai, các ngài sẽ tự thấy. Các ngài đã đưa ba chữ này đến trước mặt ta thì người giúp tạo nên sự nghiệp của các ngài chính là ta vậy.

Nói xong, cầm thẻ bói bỏ vào túi, hích vai Đỗ Thế Giai bảo :

– Ba trò hãy cùng thầy lên đường.

Bọn họ chưa tin nhưng miễn cưỡng đi theo. Đến Đông Ngạc, ở lại phòng sách của Thế Giai một đêm. Sáng hôm sau đi Thăng Long. Tới cửa Đoan Môn, trời rất nóng. Thầy bói cùng ba người tránh nắng trong cửa Ngũ Môn. Đang ngủ rất say, thầy bói bỗng tỉnh dậy nói với ba người :

– Ta phải nhanh chóng lên điện Kính Thiên xem sấm sét.

Lúc ấy đông người đang tránh nắng, nghe vậy rất lấy làm lạ, tranh nhau chạy trước cùng thầy bói. Ra ngoài cửa Ngũ Môn, mặt trời đúng đỉnh đầu, nóng như rang, ai nấy đều che miệng cười. Tiên sinh ngoảnh lại bảo ba người :

– Đi nhanh, chậm sẽ không kịp.

Bèn vội vàng lên điện Kính Thiên. Vừa đứng xong thì thấy một đám mây đen, một tiếng sét nhằm đúng đỉnh điện mà đánh, phá vỡ một góc điện.

Tiếng sét lạ lùng mà nắng nóng vẫn như cũ, những người đứng xem ai nấy đều lè lưỡi. Tiếng đồn vào đến trong điện, vua Vĩnh Hựu vội cho mời thầy bói vào gặp, ba người đi theo. Vua hỏi :

– Trời đang nắng nóng mà có sấm sét, tiên sinh làm sao mà biết trước được ?

Thầy bói đáp :

– Ngẫu nhiên nằm mơ thấy vậy.

Vua cho rằng người này là bậc cao nhân đắc đạo không chịu lộ bí mật, bèn hỏi phép thuật, thầy bói đem chuyện chiết tự ra trả lời. Vua nhân đó viết một chữ ý 意. Thầy bói xem kỹ rồi cúi đầu đáp :

– Bệ hạ xá tội, thần mới dám nói.

Vua nói :

– Bậc quân tử hỏi việc tai ách, không hỏi việc phúc lành. Ngươi cứ nói, không phải giấu.

Thầy bói đáp :

– Cứ theo thiên kiến của thần thì Hoàng đế không rũ áo, rồng không vẩy đuôi, bệ hạ dè chừng có điềm thoái lui. Chỉ vì lập kẻ đứng đầu không đúng chính.

Vua hỏi lại :

– Quốc gia hữu sự chăng ?

Đáp :

– Quốc gia yên ổn như bàn thạch.

Vua lại hỏi :

– Tự trăm hữu sự chăng ?

Đáp :

– Bệ hạ thọ như Nam Sơn.

– Vậy có sao lại thoái lui ?

Đáp :

– Chữ này rất tôn nghiêm, rất đoan chính, rất yên ổn. Nét trên dài mà ngay ngắn, nét dưới uốn mà tròn, lại có ba dấu chấm phụ đỡ, thế nước

mạng thánh thầy đều không phải lo nghĩ gì. Nhưng sự thoái lui sau đó là do lòng muốn mà thôi.

Vua nghe vậy rất vừa lòng, ban cho ăn uống, sau đó thưởng hậu rồi cho lui. Ba người thoát đầu thấy sấm sét ứng nghiệm, sau lại thấy việc bói chữ ý, bất giác tâm phục. Từ đó trở đi, tên tuổi thầy bói chấn động khắp kinh thành, người đến bói đông như chợ, không điều gì là không ứng nghiệm. Ba người theo hầu, không rời nửa bước.

Bấy giờ Quốc cữu Bính Trung công là em mẹ Trịnh Toàn vương, cai quản quân cấm binh. Thế Giai, Ngũ Phúc, Xuân Trương thường là khách trong nhà, nhân thế nói với Trung công :

– Có thầy bói giỏi như Quách Phác, Kinh Phòng⁽¹⁾. Quốc cữu muốn hỏi quốc gia an nguy nên thử xem một quẻ.

Trung công đáp :

– Ta nay đang ở vào thế chênh vênh bị nghi ngờ, nếu hỏi thầy bói chuyện lành dữ, nghịch đảng sẽ sinh nghi, thế ắt không bền. Nay có Hoàng đệ thứ tư, khí tiết và phẩm cách không xoàng, ta sẽ đem đại sự bảo ông ấy viết cho một chữ để thầy bói phán quyết ra sao ?

Bèn lấy danh nghĩa mệnh vua bảo Hoàng đệ viết một chữ. Hoàng đệ vui vẻ cầm bút viết chữ *thắng* 勝⁽²⁾. Thế Giai cầm chữ này về hỏi thầy bói. Vừa trông thấy chữ ấy, thầy bói liền dán ngay lên tường, sửa sang áo quần, vái bốn vái, rồi bảo Thế Giai :

– *Trẫm có lực* đó thực là bậc chúa anh minh. *Lực* ở dưới *trẫm* đó là hào *cửu nhị đại nhân*⁽³⁾, nhưng chưa phải là hào *cửu ngũ đại nhân*⁽⁴⁾. Muốn có hào *cửu ngũ* phải tìm kiếm thêm nữa.

Thế Giai kể lại chuyện đó cho Trung công. Trung công cũng hết sức thần phục, lại bảo Thế Giai :

(1) Quách Phác (276 - 324), Kinh Phòng (77 - 37 tr. CN) : hai thầy bói giỏi của Trung Hoa xưa.

(2) Chữ *thắng* 勝 chiết tự ra sẽ thành chữ *trẫm* 朕 và chữ *lực* 力.

(3), (4) *Cửu nhị đại nhân*, *cửu ngũ đại nhân* : hai quẻ trong *Kinh dịch*. Quẻ *Cửu nhị* nói việc gặp được thánh nhân nhưng còn tiềm ẩn ; quẻ *Cửu ngũ* cũng nói việc gặp được thánh nhân nhưng đã xuất hiện.

– Nay có Hoàng thái tử vua Long Đức⁽¹⁾ bị giam ở đây, khanh nên xin Hoàng tử viết một chữ thử xem có thể ứng được với hào *cửu ngũ đại nhân* không.

Thế Giai vâng mệnh đến nơi giam Hoàng tử kể nguyên do rồi chọn trong sách từ vựng được chữ *cảnh* 景 bảo Hoàng tử viết. Thế Giai lại đem chữ ấy về hỏi thầy. Thầy bói dán lên mái nhà, rạp đầu vái năm vái rồi hô : “Vạn tuế ! Vạn tuế !”. Thế Giai hết sức kinh hãi, nói :

– Vì sao tiên sinh biết vậy ?

Thầy bói đáp :

– Mặt trời chiếu kinh sư⁽²⁾, chẳng phải *cửu ngũ* là gì ? Nhưng ngày thì ngắn mà kinh đô dài, mặt trời thì nhỏ mà kinh đô thì lớn, tuy được hưởng nước lâu dài, mà quyền bính không tránh khỏi rơi vào tay kẻ dưới.

Thế Giai cúi đầu bái phục, lại đem lời thầy về báo cho Trung công. Trung công cũng rất khen phục.

Bấy giờ, Toàn vương ở Tiên cung⁽³⁾ đã được hơn một năm. Mẹ vương là Thái phi không được gặp mặt. Một hôm Thái phi ngồi xe đến ngoài cửa Tiên cung. Quan Nội thị là Bào đón ở bên ngoài cửa, nói :

– Xa giá nên quay về, vương đang ngủ say.

Thái phi không chịu, vào thẳng nơi ngủ, thấy trong lớp màn trướng có tiếng thở khò khè. Thái phi ngồi đợi. Một lúc khá lâu không thấy động tĩnh gì. Bào cũng đứng hầu bên cạnh. Nhân lúc Bào ra ngoài, Thái phi ngấm vén màn thì thấy có người trong chiếc chăn gấm. Thái phi khẽ gọi, người ấy không trả lời. Thái phi kéo mép chăn sờ chân người ấy thấy lông chân rậm rì, vội rút tay, chạy ra ngoài, lên xe quay về, kể đầu đuôi cho Trung công nghe, rồi cả bọn Thế Giai, Ngũ Phúc ngấm bàn chuyện phế lập. Thế Giai nói với Trung công rằng :

– Khi xem Hoàng thượng viết chữ ý, thầy bói đã nói rõ chữ *tâm* có hai chấm bên phải bên trái, bên trái một chấm là văn, bên phải một chấm là vũ, nhưng khi hạ bút thì trước hết phải có kẻ sĩ dưới trướng mới có thể

(1) Túc Lê Hiến Tông (ở ngôi 1740 - 1786). Xem thêm Chú thích 1, tr. 615, cùng truyện.

(2) Chữ *cảnh* 景 chiết tự ra sẽ thành chữ *nhật* 日 ở trên và chữ *kinh* 京 ở dưới.

(3) Chỉ Trại Giang và nơi ở của ông.

điểm được⁽¹⁾, muốn làm việc lớn tất cần tìm người biết bỏ tối theo sáng. Nay quan sát đám bề tôi trong triều duy có Nguyễn Quý Kính là người Thiên Mỗ đời đời nhận quốc ân, là thầy chung của chúa thượng đương kim, chúa em và nghịch tử Bào, là chỗ hết sức thân tín của Bào ; nên nhận ý chỉ của Thái phi, ngấm triệu những người đó lại, dùng quốc ân đại nghĩa dụ bảo, họ có thể bỏ chỗ tối hướng tới sáng, như thế việc ta sẽ thành công.

Trung công bằng lòng, lấy danh nghĩa nội cung cho gọi Quý Kính. Quý Kính nhân đêm tối mà đến dinh thất của Trung công. Thái phi đến nhà em, Quý Kính bái kiến. Thái phi nói rõ ý định, Quý Kính khóc lóc, buồn bã đáp lại :

– Việc này Kính không thể làm được, nhưng mưu tính không giữ kín việc tất không thành. Nay đã vâng nhận ý chỉ trước Thái phi, xin người hạ bút ban mệnh, thần sẽ xem xét thời cơ mà hành động, không câu nệ tuần tháng ; hễ ngày mai khởi sự, chiều tối sẽ báo tin. Nếu như tin tức qua lại, vạn nhất sẽ lộ ra, vì vậy xin đóng kín cửa để không lọt điều gì.

Thái phi bằng lòng, đích thân viết ý chỉ trao cho Quý Kính. Quý Kính bái nhận, đêm khuya mới trở về. Trung công nhân đó nói với bọn Thế Giai rằng :

– Thầy bói thực là bậc thần, việc của chúng ta có thể xong được.

Ngũ Phúc nói riêng với Thế Giai :

– Từ trước đến nay, những lời đoán của thầy thường trúng cả. Nhưng mấy chữ *cận*, *nguyên*, *hanh* cùng chữ *thắng*, chữ *cảnh* đều thuộc tương lai, còn chức vị nói là cận thần, đại tướng, đế vương c đều là những thứ đi theo đó cả, chưa thể tin hoàn toàn. Nay hãy đem việc trước mắt đến cho thầy bói một quẻ, thử xem có linh nghiệm hay không ?

Bấy giờ bên cạnh có một người đàn bà góa mà lại mang thai. Chị ta có biết chút ít chữ nghĩa. Ba người bèn bảo chị ta viết chữ *dã* 也 rồi mang đến hỏi thầy. Thầy bói nhìn chữ, cả cười nói :

– Là thay ! Đàn bà không chồng mà chữa. Mọi người đều nói có quan hệ với một người nhưng anh ta không biết đã để lại đứa con trong bụng người đàn bà. Đợi đến lúc sinh nở, sai một bà già đến xem đứa bé, thấy

(1) Chưa rõ ý nghĩa.

mặt mũi giống hệt cha thì mối nghi ngờ của người đã ôm ấp ái ân sẽ được cởi bỏ. Người cha ấy chỉ có một đứa con trai, ruộng đồng đất đai sẽ thuộc về đứa nhỏ này. Nhưng việc các người có ý đem cái chữ này đến hỏi ta thì không phải vì thằng bé đó mà chỉ vì việc bói toán lâu nay đa phần là chuyện về mai hậu, cho nên mới đem việc này hỏi để nghiệm xem ta nói có linh không. Các người hãy bảo vệ nuôi dưỡng lấy người đàn bà ấy thì sẽ biết linh nghiệm thế nào. Nay ta khoác túi về núi, các người hãy lưu lại kinh đô. Mùa xuân sang năm việc ắt thành.

Nói xong, thầy khoác túi theo đường nhỏ quay về, ba người lay tạ. Quý Kính từ sau khi trở về nhà, ngày đêm lo tính. Nghịch tử Bào tự cho mình là hoạn quan mà được cất nhắc, không xứng làm chủ thiên hạ, muốn nhường ngôi cho anh là Thực, hỏi Quý Kính kế sách. Quý Kính nói :

– Nay quyền hành lớn của thiên hạ đều ở trong tay ngài, làm việc ấy không khó, nhưng Ưu binh đều là người xứ Thanh, e không phải là chỗ dụng của ngài, [vì thế] nên chọn trong bốn trấn một đội quân, số quân ngang với số lính Thanh. Gặp khi có việc dấy lên, một chọi một, lo gì không thành.

Bào cho là phải, hạ lệnh tuyển chọn một đội quân bằng số quân của Ưu binh. Quý Kính lại nói với Bào :

– Quân bốn trấn khó tập trung thường xuyên, còn bốn khu ngoại kinh đô và phủ việc trưng quân có khác, chỉ duy ở kinh thành là “điểm dân vi binh”⁽¹⁾ e phải dựa vào đó để đối địch. Nên truyền xuống tứ phủ và dựa vào số quân của Sóc Quận công, cho luyện tập trước, gọi là Hương binh, lệnh cho các xã tự trông coi, trao cho quyền cai quản, gặp lúc nông nhàn thì luyện tập để chờ dùng vào việc bảo vệ. Thêm nữa, để tiện cho sự trưng phát lại truyền cho các quan quản binh mỗi viên tự mộ đinh tráng tứ trấn làm nghĩa binh, mỗi đội một trăm tên, cấp lương ăn để dùng khi hữu sự.

Bào nhất nhất theo kế này. Quý Kính thâu đêm suy tính, bị mắc bệnh ly mấy tháng không đỡ. Có một thầy bói xem số bằng bói sao, đoán việc sống chết đúng như in. Quý Kính cho gọi vào, đưa ngày giờ tháng năm sinh ra hỏi :

– Sống được chăng ?

(1) Nghĩa là bắt dân làm lính.

Thầy bói đáp :

– Sống.

Quý Kính hỏi :

– Nếu như sống thì nên vào ngày giờ nào, nên dùng phương thuật gì ?

Thầy bói không bằng lòng, nói :

– Tôi hiểu ý ngài hỏi. Chỉ vì ngài trong lòng đang có đại sự, không chịu nói rõ cho mọi người. Tôi cũng là người tầm thường, há dám để lộ bí mật của tạo hóa. Tháng Giêng năm tới, trời sẽ gửi gắm nơi ngài việc lớn thiên hạ, ngài chết sao được.

Nhân đó đề mấy chữ⁽¹⁾ : *Cán thi tạo hóa, trụ thạch càn khôn*⁽²⁾. Viết xong, phát áo bỏ đi. Quý Kính sợ điều suy nghĩ lộ ra, không dám nhận. Cuối năm, Toàn vương bệnh càng nguy kịch, nghịch tử Bào đem chuyện nhường ngôi hỏi Quý Kính. Quý Kính nói :

– Đêm nọ xem tượng quẻ *càn* thấy ứng vào mùa xuân tới, xin hãy đợi đến đầu xuân cũng chưa muộn gì.

Năm Canh Thân (1740), tháng Giêng, Quý Kính đang ở nhà nghịch tử Bào thì có công văn cấp báo của Thái Nguyên. Quý Kính mở ra xem thấy tin báo có quân binh Bắc quốc đến xâm chiếm đất đai Thái Nguyên, binh mã rất đông. Quý Kính nói với nghịch tử Bào :

– Nước ta nguy rồi.

Bào vội nói :

– Nước Nam ta mỗi khi tình hình bất ổn liền có ngay quân đội phía Bắc đến và sẽ bị chúng thôn tính. Nay tình thế như thế này, họ thừa cơ kéo vào thì cái việc đánh bại nhà Trần, cầm tù nhà Hồ⁽³⁾ sẽ thấy ngay bây giờ đây ! Công lao mười năm tiêu tan trong một sớm. Thật đáng tiếc ! Thật đáng tiếc !

(1) Nguyên văn : “*để ư số cục nội viết*” 題於數局內□, chưa rõ nghĩa, xin tạm lược bỏ.

(2) Nguyên chú : tám chữ này hiện còn lưu trong gia phả Thiên Mỗ. Chúng tôi đoán chữ *thi* 施 là chữ *toàn* 旋 vì đoạn trên đã có câu *cán toàn tạo hóa* chỉ ý 幹旋造化之意. Tám chữ này ý nói : Kính là bậc giúp sự xoay chuyển của tạo hóa, là cột đá chống trời đất.

(3) Chỉ việc giặc Minh bắt hai cha con Hồ Quý Ly (1407) đưa về Trung Quốc

Nói xong, tự lăn ra giường, thở than phần uất một hồi rồi bỗng ngồi phát dậy, cười lớn :

– Đây là trời muốn cho ta thành sự vậy.

Nghịch tử Bào lại nhắc lại câu hỏi lúc trước. Quý Kính nói :

– Xưa Liêu, Hán liên binh, Thái Tổ nhà Tống đến Trần Kiều, tự lên ngôi vua rồi quay về. Nay giặc Bắc đến, tướng quân nên đem tất cả binh lính trong kinh thành đi đánh, lấy bản doanh Kinh Bắc làm trạm Trần Kiều, đại binh đã nắm trong tay, ai dám không theo. Ngài là bậc đại nhân, tôi sẽ làm quân sư truyền lệnh.

Bào nghe nói cả mừng liền hỏi :

– Nay người nào nên đi, người nào nên ở lại ?

Quý Kính bảo bây giờ nên vét hết quân kinh sư đi, không để một người nào ở lại, Tiên cung có một người con bác trông giữ là đủ. Trung công lười nhác không đáng phải lo ngại. Tướng quân nên gấp đi trước, sớm muộn cũng thành công, nhưng quân đội đã vượt qua sông thì không cho phép một ai thua quay thuyền trở lại nữa, như thế may chi mới hết nỗi lo phải nghĩ lại.

Bào rót rượu cho Quý Kính và nói :

– Phú quý nên cùng hưởng nhưng kinh đô là gốc rễ của thiên hạ, cần được một người ở lại coi giữ.

Quý Kính nói :

– Xin tướng quân tự chọn.

Bào nói :

– Cùng chia sẻ công việc chẳng ai bằng tiên sinh, phiền tiên sinh vì ta mà ở lại, được không ?

Quý Kính nói :

– Đội ơn ngài không bỏ, xin được tùy nghi hành sự, ngài hãy trao ngay cho tôi chức Thượng thư Lục bộ.

Bào truyền chọn ngày rồi sai mật báo đến Quý Kính : “Mai tốt ngày hãy coi giữ Lục bộ”. Sau đó ra lệnh sáng hôm sau nữa xuất quân, còn Quý Kính ở lại nắm giữ công việc trong phủ, quyền chém giết đều được tùy nghi định đoạt. Quý Kính đích thân đưa nghịch tử Bào qua sông. Khi đã

qua sông rồi, liền hạ lệnh thuyền không được sang ngang, nếu không có lệnh của tướng quân và ấn của Chương phủ. Quý Kính dùng vũ hịch trưng tập đình tráng các khu gần kinh kỳ tụ họp ở thành Thăng Long, phân chia đóng giữ các nơi quan trọng, kẻ nào không có dấu ấn của Chương phủ mà dám đi ngang đường sẽ chém.

Chiều hôm ấy, Quý Kính tháp tùng Thái phi đến nhà Trung công triệu tập các quan luận bàn. Quý Kính nói :

– Nay chúa thượng không được khỏe, không gánh vác nổi việc quốc gia, vâng ý chỉ của Thái phi đón lập vương tử thứ tư là Trịnh Doanh lên ngôi chúa, các ngài bàn bạc ra sao ?

Thượng thư họ Nguyễn, húy Tiên người Phật Tích⁽¹⁾ phản đối :

– Chúa thượng đang tại vị, bề tôi sao dám bàn xằng chuyện phế lập !

Quý Kính nghiêm giọng nói :

– Đây là bề đảng của nghịch tử Bào, lệnh kiếm sĩ tống ngục ngay.

Tiếp đó, hỏi Tham tụng Nguyễn Công Thái⁽²⁾ người Kim Lũ. Công Thái thấy Thượng thư Phật Tích Tiên đã bị nguy bèn nói :

– Xưa phạm quốc gia đại sự chỉ có quan đại thần trong họ và người có công lao quyết định, Tham tụng, Bồi tụng cùng bách quan không được dự bàn.

Quý Kính nói :

– Ông Tham tụng đã gửi gắm, tổ tiên ta đời đời là bậc quốc sư thì ta là kẻ thân thích có công lao quyết định thực thi đại sự.

Bèn lệnh cho Trung tướng công bắt ba trăm nghĩa binh, ban cho ấn của Chương phủ sự, đến bao vây Tiên cung, không cho một ai ra vào. Tham tụng Nguyễn Công cầm bút nghiên, Hoàng Ngũ Phúc cầm kiếm vàng phò vương tử thứ tư lên ngôi. Người đã định xong, dẫn ba trăm quân hầu cận

(1) *Phật Tích* : thuộc huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh.

(2) *Nguyễn Công Thái* (1684 - 1758) : người xã Kim Lũ, huyện Thanh Trì, nay thuộc xã Đại Kim, huyện Thanh Trì, Hà Nội. Đỗ Đệ tam giáp đồng tiến sĩ xuất thân niên. hiệu Vĩnh Thịnh thứ mười một (1715). Làm Tế tửu Quốc tử giám. Năm 1740 dự vào việc tôn lập Trịnh Doanh (ở ngôi chúa 1740 - 1767) lên làm chúa thay Trịnh Giang nên được phong làm Tham tụng Thượng thư Bộ Lại, lập Công thần, về trí sĩ. Ông là người ngay thẳng, cứng cỏi và công tâm.

đi thẳng vào phủ chúa. Tàng sáng, lệnh cho Nguyễn Xuân Trương đánh trống ở Trách các khởi sự⁽¹⁾. Đánh ba hồi trống xong, người hầu lại leo thang đi xuống. Quý Kính đỡ vương tử lên long sàng, mình ngồi phía sau, lệnh cho Xuân Trương đánh tiếp mấy tiếng trống. Phía ngoài phủ náo động, tin phi báo là nghịch tử Thực đem quân đến đánh. Vương tử vừa được đỡ lên long sàng, trăm quan liền đứng theo thứ bậc, Công Thái cúi lạy chưa kịp ngẩng lên bỗng nghe tin gấp liền lật đật nhổm dậy. Quý Kính truyền lệnh đóng cửa phủ, tuyên bố Trung công phá cửa vào Tiên cung, đưa Hoàng thượng đến, ngoài ra, bất kể lớn bé, trai gái đều chém. Quan giữ phủ đóng chặt cửa cung dù một người một ngựa ra vào đều chém, trăm quan cứ hành lễ đứng như nghi thức.

Lúc ấy, vương tử nghe nói có biến, thảng thốt muốn chạy. Quý Kính nắm vai vương, rút kiếm nói :

– Ngồi đây hưởng lộc trời, bỏ đây đi sẽ chết.

Vương tử miễn cưỡng ngồi lại. Trung công đã đột nhập Tiên cung, sai người bêu đầu nghịch tử Thực phía ngoài phủ Đông. Trăm quan lạy mừng, kinh sư trở lại yên ổn. Việc xong, Quý Kính xuống giường bái tạ chúc mừng. Vương ngoảnh lại nói với Công Thái :

– Có thể trao chức Thượng thư Quận công quốc sư cho người này.

Công Thái truyền cho Quý Kính lạy tạ. Nghịch tử Bào còn ở bờ Bắc sông là mối lo không nhỏ. Quý Kính nói :

– Nghịch tử Bào không bao lâu nữa sẽ bỏ trốn, nếu không sẽ bị bắt làm tù binh. Sáu quân sớm chiều phải đến châu, đừng để thánh chúa nhọc lòng lo lắng.

Hôm sau, nghịch tử Bào nghe tin, bỏ quân lính trốn đi, hai đội quân Thanh binh, Nghĩa binh đều đến bờ sông Nhị Hà xin về triều, trong ngoài đều hết sức vui mừng. Đỗ Thế Giai được trao chức Hành phủ sự. Xuân Trương vì công đánh trống được trông coi đội Cấm binh. Hoàng Ngũ Phúc cũng được thăng thưởng không kém gì. Ba người bàn với Trung công rằng :

(1) Nguyên chú : điện gác có lầu bay chín tầng, tầng thứ hai treo một trống lớn, có nhiều thang kiểu cách mới, người được lệnh học đánh trống mỗi lần leo lên một tầng là tự nhắc bỏ thang của tầng ấy.

– Chử *thắng* nghiệm rồi, còn chử *cảnh* thì như thế nào, phải đem việc đó thưa với ông Thiên Mỗ mới được.

Bèn đem chuyện nói với Quý Kính. Quý Kính do đó mời Trung công vào nhà trong, nói :

– Hãy lấy một thúng gạo thơm, ba cái nồi đồng điều to, nấu cháo ở nội thất, đưa đến chỗ giam Hoàng tử, vẩy cháo lên ngói làm hình con rồng, sáng ra, Trung công đến phủ nhận tội ta sẽ tương kế tựu kế.

Trung công y lời, dùng cháo vẩy khắp mái ngói rồi vào phủ cời mũ tạ tội. Vua vội triệu Quý Kính đến kể rõ nguyên do. Quý Kính nói :

– Đây là khí tượng của đấng quân vương, Trung công là kẻ bề tôi không xứng với điềm đó. Xin Vương thượng đích thân đến nhà hấn để biện rõ thật giả.

Vua liền lệnh xa giá đến. Tới bên điện, thấy hình rồng hiển hiện, lệnh cho Nội thần trèo lên mái lấy nước rãi xuống, ngửi thấy thơm. Quý Kính nói :

– Rãi rắn tanh, rãi rồng thơm, e Trung công sẽ làm việc phi thường, tội đáng chém.

Trung công rạp đầu bái tạ. Lệnh đặt giường đội xe kiệu đến, đuổi hết tả hữu ra ngoài, duy có Hoàng tử của vua Long Đức mang gong thị vệ không dám đuổi đi. Vua lên giường, ngoảnh lại thấy bên tả có người bị gong, hỏi Quý Kính :

– Ai vậy ?

Quý Kính liền bước đến trước, lạy nói :

– Quốc cữu vô tội. Đây là khí tượng của Hoàng thái tử. Rãi rồng ở ngay nơi giam Hoàng tử thì chính [Hoàng tử] là hình tượng rồng vậy.

Minh vương⁽¹⁾ tính rất cung kính liền đến lạy trước gong, ra lệnh mở gong để ngồi lên một chiếc giường khác, rồi cùng Trung công, Quý Kính dâng lên thượng điện nói rằng Hoàng thượng là thứ chi nối dõi. Nay Hoàng tử tuổi tác và đức độ đều đã trưởng thành, bệ hạ nên vui tuổi thọ, phó thác vạn sự cho Hoàng tử để thỏa lòng mong đợi của thần dân. Hoàng đế nghe biểu, nhớ lại điềm báo chử ý liền làm tờ tấu nhường ngôi cho Hoàng thái tử,

(1) Minh vương : tức Minh Đô vương Trịnh Doanh.

lui về ở cung Cần Thọ. Triều thần đình nghị cải nguyên cho Hoàng đế mới, trước lấy chữ *cảnh* 景 sau thêm chữ *hung* 興. Thầy bói nghe tin nói :

– Xem riêng thì chữ *hung* có tượng của bốn mươi tám năm, nhưng đầu chữ *hung* cần có ba chữ *nhật* mà sắc mặt trời đều bị xâm thực, khoảng giữa hơi cao, mặt trời hai bên hơi thấp, hưởng lộc chỉ đến ba đời.

Từ Hoàng tử, chân *cần* mất đã được chấn hưng lại. Minh vương trong thì sửa sang chính trị, ngoài thì dẹp yên giặc cướp. Thế Giai làm quan đến chức Thự phủ sự, tước Luyện Quận công là bậc cận thần luôn ở cạnh chúa. Hoàng Ngũ Phúc làm Bình Nam Thượng tướng quân. Nguyễn Xuân Trương làm Bình Ninh Thượng tướng quân. Tất cả đều đúng như lời bói trước kia.

Xét Cổ Quái tiên sinh là một người nhà quê, nhân ba chữ *cần*, *nguyên*, *hanh* mà biết được sự tôn an của thế nước, nghiệm sự vinh sủng của ba người cùng hai chữ *thắng*, *cảnh* mà tìm được vua, cái kỳ tích đại loại như thế há chẳng tốt đẹp sao !

TRẦN HẢI YẾN dịch

DÃ SỬ 野史

Tác giả : chưa rõ tên tuổi và tiểu sử.

Sách Dã sử 野史 gồm một bản viết tay, ký hiệu A.1303, 331 tờ, khổ 30 x 20cm có một lời đề dẫn không ghi lạc khoản. Gồm 3 phần : 1. Dã sử ; 2. Dã sử tục biên, 3. Dã sử bổ di. Nội dung là một tập hợp thơ văn không có hệ thống chặt chẽ, bao gồm khá nhiều thể loại, được trích từ nhiều sách vở khác nhau : thơ của các nhà thơ triều Nguyễn, các bài tựa, bạt, tựa, biểu, tặng đáp của các vị triều thần nhà Nguyễn, một số dã sử rút từ sách Hoàng Việt xuân thu và các sách khác, số lớn nhất là những ghi chép về nhiều sự việc xảy ra trong khoảng cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX, sau khi Pháp đã chiếm Việt Nam, như việc thi cử, việc đi sứ nước Pháp, đào kênh ở Ai Cập, hạ thủy chiếc tàu chạy bằng hơi nước ở Hải Phòng, chích thuốc phòng bệnh chó dại, việc phát hành nhật báo, việc tổ chức hội xuân ở Hồ Gươm, việc chủng đậu, cái chết của một viên Toàn quyền người Pháp, chúc thọ vua Thành Thái, cả những bài nhằm ca ngợi và truyền bá cái hay, cái lạ của văn minh kỹ thuật phương Tây,... Xen vào giữa những ghi chép nói trên, tập Dã sử cũng có chép một số truyện truyền kỳ và ngụ ngôn của Văn Sử Thị 雲史氏 (Phạm Đình Dục), Dị Sử Thị 異史氏 (Lương Khắc Ninh, 1862 - 1943), Dật Sử Thị 逸史氏 (?), Nguyễn Thượng Hiền 阮尙賢 trong đó có cả những truyện dịch của nước ngoài và có thể có cả những truyện của chính người sưu tập nên bộ sách mà ta chưa rõ là ai.

Dưới đây chúng tôi chọn dịch 6 truyện, gồm 5 truyện ở phần Dã sử và 1 truyện ở phần Bổ di, do Nguyễn Huệ Chi và Trần Hải Yến dịch, Nhóm biên soạn hiệu chỉnh.

209. CHUYỆN LẠ ĐÁNG GHI^(*)

Xưa, có một con hổ cư ngụ trong phòng sách nhà nọ vài chục năm, trò chuyện được với người nhưng tuyệt nhiên không lộ hình tích. Mỗi khi khách khứa đến nhà tụ tập bút nghiên hoặc ngả nghiêng chiếu rượu, hổ đều cùng tham gia thù tạc. Một hôm vào cuộc rượu, cùng tuyên bố luật uống, giao ước rằng mỗi người phải nói cái sợ của mình, ai nói không có lý sẽ bị phạt mà ai không nói được cái sợ của riêng mình cũng bị phạt. Thế rồi, người nói sợ kẻ sĩ danh tiếng, người nói sợ bậc quyền quý, người nói sợ kẻ ưa nịnh hót, người nói sợ kẻ quá khiêm nhường, người nói sợ lẽ pháp chặt chẽ, người bảo sợ kẻ cẩn trọng kín lời ít tiếng. Cuối cùng, mới hỏi đến hổ. Hổ đáp :

– Sợ hổ !

Cả bọn cười âm, nói :

– Người sợ hổ còn có thể được, chứ người là đồng loại thì sợ cái gì ? Xin phạt một chén lớn.

Hổ cười mỉm, đáp :

– Trong thiên hạ duy có kẻ đồng loại là đáng sợ hơn cả. Phàm kẻ tranh chấp tài sản tất là con cùng cha ; kẻ tranh giành được yêu tất là đám vợ chung chồng ; kẻ giành giật lợi lộc tất là người cùng nghề nghiệp. Vị thế, gần gũi thì sẽ cản trở nhau, đã cản trở nhau thì sẽ lấn lướt nhau. Như kẻ bắn chim trĩ dùng chính loài trĩ làm mồi chứ không dùng gà, dùng chim ; kẻ bắt hươu nai mượn chính hươu nai làm bẫy chứ không mượn dê, mượn heo. Phàm nội ứng phản gián ắt phải dùng đồng loại, nếu không phải đồng loại thì không thể nhằm trúng sở thích của đối phương mà đánh vào,

(*) Nguyên văn : *Dị văn khá kỳ.*

không thể rình được kẽ hở của đối phương mà công kích. Cứ theo đó mà suy thì hồ sao không sợ hồ cho được ?

Khách ngồi nghe đều khen là rất có lý, chỉ riêng một vị rót rượu đến trước hồ nói :

– Lời bác nói đúng lắm, nhưng đó không phải là nỗi sợ của riêng bác. Vẫn phải phạt một chén lớn.

TRẦN HẢI YẾN dịch

210. HAI THẦN TRANH KIỆN^(*)

Có một người bình sinh làm điều thiện ; về già, cái ăn cái mặc chẳng đủ, ngày một thêm khốn quẫn, buồn bực không nguôi. Khi bệnh đã lâm nguy, dặn vợ rằng :

–Ta chết cực chẳng đã, đừng có liệm vội. Ta có việc bất bình, sẽ đem kêu trước Diêm vương, hoặc giả có linh ứng cũng chưa biết chừng.

Ba hôm sau quả nhiên sống lại, kể rằng :

– Sau khi chết xuống âm ty⁽¹⁾ đến đâu cũng thấy dân chúng người qua kẻ lại chẳng khác gì trên dương thế. Nghe tin có vị thần họ Lý chuyên coi những chuyện thưởng phạt người thiện, kẻ ác trên dương gian, tôi bèn cậy người dẫn tới. Nhìn thấy ở đây cung điện thật tráng lệ, tôi bước vào, tự cung khai tên họ, rồi đem những việc bình sinh làm điều thiện mà chẳng được báo đáp, nhất nhất tâu lên, lại trách thần không linh. Thần cười đáp rằng :

– Người làm điều thiện hay điều ác, ta đều biết cả, nhưng người bán bách gian truân thì ta nào có biết, cũng chẳng thuộc phần ta trông nom.

Tôi hỏi :

– Vậy là vị thần nào ?

Đáp :

–Thần Lâu vương.

Bèn nhờ ông thần họ Lý dẫn đến tận nơi để hỏi cho ra nhẽ. Thần họ Lý bảo :

(*) Nguyên văn : *Lưỡng thần tương tụng*.

(1) Nguyên văn : *dương gian* 陽間 không có nghĩa. Có lẽ bản sao chép nhầm chữ "Âm gian" hay "Âm phủ", vì vậy tạm theo lô gích câu văn để sửa lại.

– Chỗ Lâu vương ở nghiêm ngặt lắm chứ chẳng như chỗ ta ở đây đâu. Chính ta cũng đang có việc phải bàn với Lâu vương, người có thể theo ta đến đó.

Đi được nửa đường, thấy có những người đi theo, người thì máu tuôn rờn rờn bảo rằng : "Oan kia chất chứa mà chưa được báo" ; người thì nghiêng răng mà rằng : "Thì mãi không đậu" ; người thì áo quần lam lũ nói : "Tài cao lại phải chịu phạt khuất" ; người thì : "Vợ đẹp lấy phải chồng xấu" ; người thì : "Vợ chồng trót lấy lẫn nhau",... cùng lao xao lũ lượt tới bày tỏ khúc nhôi với thần họ Lý. Tới lúc ấy mới biết những nỗi bất bình ở thế gian thì ra còn lắm chuyện tày đình, còn như cảnh cùng quần của mình chẳng qua là một việc mọn, khí tức nhờ thế vơi bớt đi.

Chốc sau, nghe tiếng Lâu vương trên đường đi tới. Ông thần họ Lý vội đứng dậy nghênh tiếp, rồi họ đứng ngay giữa đường mà bàn bạc. Mới đầu nói năng còn nhỏ nhẹ, kể đấy đã đâm bản với nhau, nhao nhao tranh cãi không còn phân biệt được ai với ai. Sau cùng, hai thần xông vào ẩu đả. Họ Lý dần dần yếu thế, mọi người vội xúm lại trợ lực. Tới cũng bằng mình tới tiếp cứu, song rốt cuộc vẫn không thắng nổi. Thần họ Lý giận lắm, bảo rằng :

– Các người hãy theo ta lên tàu với Ngọc Hoàng để đợi ngài phân xử.

Tức thì cuội mây bay vụt lên, chẳng ai thấy hai thần đâu nữa. Chỉ trong giây lát có hai vị tiên nữ từ trên mây theo nhau bay xuống tay cầm bình vàng, chén ngọc, truyền chỉ rằng :

– Đức Ngọc Hoàng cai quản ba mươi sáu cõi trời, công việc có thư nhàn đâu mà nghe những chuyện kiện cáo vặt vãnh như vậy. Nay ban cho hai thần một hồ rượu, tất cả mười chén, ai có sức uống được nhiều thì việc mới xét.

Lý cả mừng nói : "Ta đây từ lượng vốn bợm đây". Thế nhưng chỉ uống mới đến chén thứ ba thì đã chực nôn, phải ôm lấy bụng. Còn họ Lâu uống đến chén thứ bảy mà vẫn chẳng mùi mễ gì. Tiên nữ bèn bảo :

– Các ngài đừng đi vội, hãy chờ tôi bắm mệnh đã.

Khoảnh khắc đã có chiếu chỉ của Ngọc Hoàng truyền xuống : "Lý không thắng được số vẫn là chuyện thường xưa nay. Cứ xem từ lượng ở cuộc rượu này, các người cũng đoán được đại thể. Các người sao không

biết rằng phạm tất cả anh hùng hào kiệt, tài tử giai nhân trên đời dù người được sủng ái hay người thất thế, người vinh hay kẻ nhục, cứ Lý vương cai quản ba phần thì Lâu vương cai quản bảy phần ! Tửu lượng vào hạng như Lâu vương thì không khỏi có lúc say cuồng, rờn rở đến cả ba mươi sáu nghìn thế giới của ta, làm giông làm gió gì ta đây còn không chi phối được, huống hồ là Lý vương ?

Nói cho cùng, Lý vương chỉ đủ sức uống trôi ba chén rượu, thì lòng người và lẽ trời cũng chỉ giành được ba phần. Còn đạo công bằng thì muôn đời cứ nhùng nhằng thế chứ có bao giờ giải quyết cho rõ trắng đen. Ông *Mô* kia tuổi thọ tuy đã hết, nhưng nếu tin tức ở nơi này không có ai mang về nhân gian hiểu dụ một chuyến thì những chuyện kiện cáo về sau tất lại càng nhiều. Vậy hãy gia ân cho ông tăng thọ thêm một kỷ". Tôi nghe xong thì tỉnh lại.

NGUYỄN HUỆ CHI dịch

211. ĐUÔI ƯƠI BIẾT NÓI^(*)

Trong vùng núi Tuyên Quang, Hưng Hóa, có loài thú tên là dã nữ, thân vượn mặt người, dáng nhu mì, tính nhanh nhẩu, bắt chước tiếng người như đứa trẻ học nói, người ta săn bắt được thường dạy nó trò chuyện, giọng nghe thật rành rọt, có người nuôi để làm trò vui, nên quen gọi là đuôi ươi.

Long Biên là nơi đế đô cũ, dân tứ chiếng sống lẫn với nhau, phong tục đã quen đối trá và xu phụng. Việc thù tiếp giữa người này người khác, thường tranh nhau khoe cửa rộng, nhà cao. Đám nhà buôn lại càng thậm tệ, nhà nào cũng thích giao du với người sang giàu. Hoặc giả có người nào ra vẻ quan dạng đến nhà thì tiếp đón như thần; được ủy thác cho mua vật dụng chỉ chốc lát đã biện đủ. Đang ngồi trong cửa hàng nhìn thấy khách rào qua trên đường phố là chèo kéo vào xem hàng, tay và miệng không lúc nào chịu nghỉ. Người có vẻ tuấn tú thì gọi là "cậu cả", người ra dáng bề thế thì gọi bằng "đức ông", đàn bà trang sức hoa mỹ thì gọi bằng "nương nương", cứ nhìn áo quần mà định sang hèn, chẳng cần biết người ấy họ gì, chức gì, tước lộc những gì nữa. Cơi trầu, chén nước mời mọc tựa hồ quen biết đã lâu, khiến người đã vào hàng rồi khó lòng dứt áo đứng dậy cho được.

Vào hồi quốc sơ⁽¹⁾, có đặt chức Bắc Thành tổng trấn, cả mười ba thừa tuyên cùng các Bộ Lại, Binh, Hình đều lệ thuộc vào đó. Bấy giờ quan lại còn trọng về đường võ, tướng tá thấy đều là người trong Nam⁽²⁾, nhà ở quần tụ một nơi, hầu thiếp đều học cách đi đứng của người kinh đô. Tô mày vẽ mặt, khéo đẹp lòng người, dạ dạ vâng vâng, dáng thật yếu điệu. Kiếng vàng, vòng xuyên, mỗi lúc ra ngoài lanh canh tiếng ngọc, tỳ thiếp lũ lượt như mây. Có một nhà kia chuyên buôn tạp hóa, tuy chưa phải hàng lạ đầy nhà nhưng cũng toàn là thứ khó kiếm⁽³⁾. Chủ nhân đứng trông hàng

(*) Nguyên văn : *Tinh tinh năng ngôn*.

(1) Tức là đầu triều Nguyễn (1802).

(2) Nguyên văn : Nam Trục 南直, sợ nhầm.

(3) Câu này nguyên văn "bất viết thập kỳ toàn thất tắc viết nhị phiêu phu nhân" 不曰十奇全室則曰二鏢夫人. Chưa rõ "nhị phiêu phu nhân" là điển gì nên chúng tôi tạm dịch.

vốn là người sành buôn bán, dù có nâng giá lên chút đỉnh khách cũng cứ y số mà trả, không chút cò kè thêm bớt. Các nhà buôn quanh phố thấy đám khách này thừa toàn hàng quý, nên cũng có khi cho họ chở hàng về đến tận nhà rồi mới nhận tiền ; vì thế mà nào láng Ngõ, gấm Thục, vật dụng Tô Châu, Hàng Châu,... không một loại hàng nào bị ứ đọng.

Chợt một hôm có chiếc kiệu lam cánh một vị phu nhân đến tiệm. Quanh kiệu buông rèm, hoa vàng phượng vẽ giáp giới sáng chói cả mắt. Theo hầu có chừng hơn mười người đều mặc áo nẹp đỏ, cổ viền kim tuyến vây quanh châu chực, muốn nói gì cũng chỉ rướn mày đưa mắt, ra hiệu cho nhau. Lại có một người hầu gái trông lanh lợi, chừng là người cầm đầu, vào loại có chút nhan sắc, cách rèm khe thưa bắm. Trong rèm truyền ra giọng không được rõ, chỉ nghe mấy tiếng "nhiều nữa"⁽¹⁾ và "được được" mà thôi. Người hầu quay sang phía chủ hiệu nói rằng :

– Phu nhân vừa bị cảm mạo phong hàn không tiện xuống kiệu gặp ngài, muốn dùng vóc thêu và sa hoa, cùng mấy món đồ chơi tinh xảo ở Quảng Châu và Dương Châu, mỗi thứ chừng vài chục, xin phiền mang giúp ra cho.

Chủ hiệu dốc hết rương hòm mà vẫn còn thiếu một ít, phải chạy đi khắp các nhà có hàng trong phố⁽²⁾ mới lấy đủ. Người hầu vén rèm châu mời phu nhân ngó xem, thứ nào cũng khen : "Được được". Chủ hiệu tính ra giá bạc, tất cả không dưới vài trăm lạng. Người hầu bảo :

– Phu nhân đây là thứ thất của quan Lãnh binh mới đến nhiệm sở, tư dinh ở cách nha Tổng trấn mười ba nhà về hướng Nam. Muốn lấy tiền hay bạc xin cứ đến đây tùy mình đổi lấy chẳng ngại gì đâu.

Chủ hiệu đáp : "Được". Liền đó đám gia nhân kẻ ôm vóc thêu, người mang sa hoa, người khuân các món đồ chơi tinh xảo đem ra xếp lên cả trước và sau kiệu, rồi khiêng kiệu đi như bay. Chủ hiệu cất bước theo sau. Khi qua cửa thành, lính gác tường là quý quan nào, không dám xét hỏi. Đến một nơi, tường thấp bao quanh, cửa giữa cài chặt, bên trong là mấy nếp nhà, ngói tranh xen lẫn, chừng như dinh quan Trường cơ, đám phu kiệu bèn dừng lại, toan mời phu nhân xuống. Một người hầu gắt :

– Phu nhân đang ngủ, chớ có làm huyền nao. Hãy lấy mấy cây ngọc gác kiệu lên, từ từ đợi cho tỉnh đã. Bọn bay cứ trông coi ở đây. Còn ngài

(1) Nguyên văn : *Nhiều tha* 饒他, cũng có thể là chữ Nôm *nhiều thế* nói theo giọng con dười ươi. Tuy vậy, ở đây chúng tôi vẫn dịch theo nghĩa Hán.

(2) Nguyên văn : viết chữ *bô* 舖 trong sách này nhiều chỗ dùng để viết chữ *phố* 鋪.

chủ hiệu đây xin hãy sang quán trà bên cạnh cửa nghỉ ngơi một tí, đợi vào gặp sau. Máy chúng tôi tạm mang hàng hóa vào gặp ngài Lãnh binh trước, sẽ chiếu theo giá mà trả tiền.

Nói rồi, họ liền vào dinh. Lúc lâu, bọn người hầu còn ở ngoài cửa bảo nhau :

– Quán với cái gì mà không thạo việc, để chủ hiệu phải đợi lâu thế ! Thế rồi, từng đưa một cứ nhả nha, lĩnh vào bằng sạch, chỉ còn trơ lại chiếc kiệu lam và ông chủ hiệu mà thôi.

Đến mấy khắc sau không thấy một ai ra cả, chủ hiệu kinh lạ quá, vội vén rèm nom vào bên trong thì một con dưới ươi vận y phục đàn bà, thấy người biến cả sắc mặt và giọng nói, chỉ phát ra được những tiếng lí nhí. Hỏi đến, nó chỉ lập đi lập lại có mấy tiếng "nhiều nữa" và "được được" nheo nheo mãi không ngừng. Chủ hiệu đẩy cửa vào bên trong, thì ra là một dinh thự bỏ trống.

Cửa sau có thể thông ra con đường người qua kẻ lại, mới biết đã bị bọn kia bày kế để cuỗm hàng hóa của mình. Dở khóc dở cười, ông đành thuê người gánh chiếc kiệu lam trở về. Đã giận lại thẹn, chỉ còn biết quật cho dưới ươi một trận, quát mắng ăm ỉ là quân lừa đảo bất lương mà thôi.

Ván Sứ Thị bàn rằng : Giống cáo giời nịnh, giống khỉ khéo chiều, dựa vào loài vật để làm đầy hầu bao, rồi phải sa chân vào lưới bẫy, chỗ của chúng cố nhiên là ở đấy. Chứ dưới ươi nào có biết cầu mong gì đâu ! Bát quá cũng chỉ một bát rượu đục, một đôi dếp thô, rót cuộc máu tuồn đầm áo, kể cũng thường thay ! Thế mà đầu thú giọng người còn nheo nheo nói mãi làm gì ! Lại cũng không thể khua môi múa lưỡi, biện bác chỗ phải trái với người ta, chỉ ung dung được mấy khắc ngủ yên trong kiệu, làm cái mỗi câu cho bọn lương gạt, sao mà ngu thế ! Đờn nếu không có bác áo vàng⁽¹⁾ cứu gỡ thì còn ai giúp cho ra khỏi phen lồng ? *Lẽ* ký chép rằng : "Không thoát khỏi loài cầm thú", thực đúng thay ! Tuy nhiên, trong ba mươi sáu phố phường mỗi ngày bọn gian tế tung hoành có đến trăm phương ngàn kế, hẳn không phải lúc nào chúng cũng cần đến dưới ươi.

NGUYỄN HUỆ CHI dịch

(1) *Bác áo vàng* : có lẽ để chỉ nhà sư Đường Huyền Trang, người đã cứu Tôn Ngộ Không thoát khỏi nơi giam cầm trong *Tây du ký*.

212. DÒNG DỐI TIÊN HƯƠNG(*)

Ông tiên hương, người ở Cao Bằng, họ tên không tra cứu được, là người chí hiếu. Mẹ ốm, thấy thuốc bảo nếu không có sữa hương thì đành bó tay. ông tìm khắp nơi không đâu có, bèn vào sâu trong núi, gào khóc ba ngày. Chợt thấy một đạo nhân đội mũ vàng đi tới, ông bèn vái chào rồi kể hết những điều mình mong muốn. Đạo nhân bảo :

– Hương thấy người là vùng dậy ngay, sữa đâu có dễ kiếm. Muốn kiếm được phi hóa thân thành hương thì không còn cách nào cả.

Ông đáp :

– Chỉ mong bệnh mẹ qua khỏi, thân hóa thành hương nào có ngại gì.

Đạo nhân bèn mở túi, lấy một bộ da hương trao cho, lại dặn rằng :

– Người vào giữa đàn hương chớ có nói tiếng người. Chỉ cần "tác" lên mấy tiếng "êu êu" gọi bấy cùng đùa vui là có thể được đấy. Tên của người nay đã đăng vào sổ sách họ nhà hương rồi, ngày sau phải theo ta rong chơi, nhớ kỹ lấy đừng quên !

Ông bèn mặc áo da hương vào, rồi sống lẫn với bấy hương, lấy được sữa về, dâng cho mẹ làm thuốc, bệnh mẹ quả nhiên khỏi.

Mãi đến khi mẹ trăm tuổi, ông làm lễ chôn cất thật chu đáo rồi bỏ nhà ra đi, chẳng ai biết đi đâu. Người con trai đi tìm luôn mấy ngày không thấy, ngờ ông đã chết. Một hôm, con vào núi hái củi, gặp một con hương đứng thẳng lên như người, nói rằng :

– Ta là bố của người đây, nay đã biến đổi hình hài về núi. Nghĩ đến tình cha con, nên đến đây bảo cho người biết và cho người chút tài sản để làm kế sinh nhai. Đừng vì thấy ta khác loài mà sinh điều nghi ngại.

(*) Nguyên văn : *Lộc tiên di truyện*.

Nói rồi, bèn húc đầu vào cây bẻ một nhánh sừng trao cho con, dặn rằng :

– Hãy lấy cái sừng này buộc vào một đoạn thừng dài, dùng nó kéo đi khắp rừng núi, đến nơi nào sừng bị vướng lại thì đó là đất sinh sống được, lại còn tìm được vợ đẹp nữa.

Người con nhận sừng trở về, vâng theo lời, kéo sừng đi. Đến một nơi sừng vướng lại không đi được, bèn cất nhà để ở. Đất đai ở đây màu mỡ, trồng trọt ngũ cốc quả thu được lợi to. Mỗi ngày cày cuốc xong trở về, sáng hôm sau quay lại đã thấy hàng luống ngay ngắn, sạch sẽ, dường như có người nào vì mình mà ra tay làm giúp. Chàng rất dỗi kinh lạ nhưng cũng không hiểu do đâu. Bèn nấp trong bụi rậm nhìn xem. Mãi đến chiều, thấy một cô gái từ tít trên đường viên một dải mây đang nhẹ nhàng vén mây bay xuống. Nàng tháo đôi cánh lông chim ra rồi đặt vào một hốc cây cổ thụ ở đầu thung lũng. Thừa dịp, chàng lên đến, trộm luôn bộ cánh mang về giấu trong đụn thóc, đoạn quay lại đám ruộng của mình. Cô gái thoát thấy chàng liền giật mình kinh hãi, loạng choạng như bị rụng mất hai tay. Tìm đến cánh không thấy đâu nữa, không làm cách nào để bay lên được, đành thuận để cho chàng dắt về kết duyên vợ chồng. Tình nghĩa hai người muôn phần nồng đượm, nhưng hễ cần vận nàng từ đâu đến, nàng chỉ cười mà không nói.

Được mấy năm, nàng sinh hạ một con trai, vợ chồng yêu quý như vàng. Mỗi khi vợ ra ngoài làm lụng thì chồng ở nhà dỗ con. Chàng lấy đôi cánh giấu trong đụn thóc ra, xỏ hai cánh tay vào, múa lượn như cánh bướm, giập giờn bay lên khỏi mặt đất chừng hai ba thước để cùng đùa vui với con. Lâu ngày cũng cho làm thường. Gặp lúc chồng vắng nhà, vợ bế con, con cứ chỉ vào đụn thóc khóc hoài không nín, dường như đòi tìm vật gì trong đó. Lục tìm thì nhìn thấy đôi cánh Nàng bèn bón cho con ăn thật no, đặt con xuống một cái hố thật chắc chắn, rồi khoác cánh vào, bay đi. Chồng về thấy đứa bé đang ngẩng lên trời vừa chỉ vừa khóc, biết vợ đã tìm được cánh bỏ đi rồi.

Chàng râu rĩ rất lâu, đêm không sao ngủ được, cứ chong đèn ngồi mãi. Bỗng nghe ngoài cửa sổ có tiếng chân bước⁽¹⁾. Nhìn ra, thì vợ đang đứng ở trước thềm. Nàng bảo chồng rằng :

(1) Câu này nguyên bản chép 蹣蹣 không có nghĩa, ngờ là *thiếp điệp* 蹣蹣 viết lầm, tạm chữa lại.

– Thiếp là gái chim hạc. Ông thân chàng là tiên chúa dòng hương, sai thiếp xuống trần đỡ đàn chàng lo toan cơ nghiệp. Tới nay, duyên phận đã mãn, sắp phải đi rồi, muốn mời chàng cùng thiếp đến gặp ông một phen để chia biệt.

Bèn cùng nhau cưỡi xe lông chim vùn vụt đi đến động. Cha chàng đang ngồi chống hai chân trước⁽¹⁾ trên giường, đàn hương châu vòng quanh có đến mười mấy con. Vợ chồng bước đến trước mặt vái chào, kể lễ hàn huyên, đem chuyện sắp từ giã nhau hỏi ý ông. Ông không nói gì được chỉ cúi đầu hất hàm mấy cái. Rồi chỉ vào bình sữa hương ra hiệu bảo uống. Uống xong, ông khoát khoát tay bảo đi đi.

Vợ chồng lại đưa nhau trở về. Chợt nghe tiếng gà gáy, người vợ vội đẩy chồng xuống khỏi xe thì trời đã rạng sáng. Chàng đứng giữa sân ngó quanh quất bốn phía, tịnh không thấy tăm hơi đâu nữa. Mở cửa vào, thì đứa con nhỏ đã trưởng thành, phong cảnh ruộng vườn phần lớn không còn gì giống đêm hôm trước. Hỏi con, con cho biết mình ra đi cách nay đã ba mươi năm rồi. Bèn kể tỷ mỉ đầu đuôi mọi chuyện, con bấy giờ mới hiểu ra.

Từ đấy, càng chăm lo làm lụng, gia tư cơ nghiệp ngày thêm sung túc, trải mấy đời vẫn thịnh vượng. Người ta cho là nhờ hiếu hạnh mà được đền đáp. Nay, tỉnh Cao Bằng có thôn Tiên, ruộng ở đấy vẫn còn gọi là ruộng hương.

NGUYỄN HUỆ CHI dịch

(1) Câu này nguyên bản viết một chữ Nôm đi kèm một chữ Hán là *đứng tọa* 蹲坐. Chúng tôi tạm dịch là ngồi chống hai chân trước (cách ngồi của hương).

213. QUÂN TỬ KẾT GIAO^(*)(1)

Chuột đồng kết bạn cùng chuột nhà. Một hôm nhân gặp nhau ở một hang bên đường xuyên Nam Bắc bèn đứng thẳng như người, trò chuyện về cái chí của mỗi bên. Chuột đồng tự xưng là Xã trưởng đồng quê. Chuột nhà tự xưng là Chủ bạ thành thị.

Xã trưởng nói :

– Tôi sinh trưởng ở chốn quê mùa, chưa từng đặt chân tới cửa quyền quý. Còn bác từ thành thị tới, đường qua lối lại hẳn biết rõ cả. Liệu có thể kể cho tôi được rõ những chỗ giống nhau chăng ?

Chủ bạ đáp :

– Đại để cũng như hang lỗ của chúng tôi thôi, không thể bịt lấp hết được. Ngày nằm ỉn, tối hoạt động, thấy mối lợi thì tranh giành nhau ; cái liêm sỉ của con người cũng giống như chúng ta vậy !

Xã trưởng lại hỏi :

– Vậy thì bậc quân tử sống thế có vui chăng ?

Chủ bạ đáp :

– Vui lắm chứ ! Nơi chúng tôi ở tường nhà lớp lớp, cái chúng tôi ăn gạo thơm thịt béo, kho lẫm chất đầy, nổi chỗ thừa mứa món ăn.

Xã trưởng hỏi tiếp :

– Nhưng quân tử cũng có nỗi sợ chứ ?

(*) Nguyên văn : *Quân tử chi giao*.

(1) Chúng tôi ngờ đây là truyện lược dịch và Việt hóa từ một truyện ngắn của L. Tolstoi (1828 - 1910), nhưng điều đó cũng cho thấy nguồn gốc truyện truyền kỳ Việt Nam không chỉ có ở Trung Quốc, nhất là thời cận đại.

Đáp :

– Có con mèo nhà họ Lý tinh khôn mà giảo quyết, con chó nhà họ Trương kín tiếng mà dữ dằn. Mỗi hận khoét vách, khởi đầu từ vuốt nanh của chúng. Thừa lúc nguy ngập, chúng lại phục sẵn nơi khe kẽ gập ghềnh. Làm sao mà không sợ cho được ?

Xã trưởng nói :

– Dám hỏi cơ mưu để ẩn thân của bác ra sao ? Đáp :

– Mượn nền tế miếu, nấu vào vật đựng đồ tế, không tranh khỏe, không khoe khéo.

Xã trưởng khen :

– Giỏi thay ! Còn cái vui của chúng tôi chẳng giống như bác, nhưng cũng không có nỗi sợ của bác. Nướng nấu chốn lau cỏ, rong ruổi trong đầm lầy ; khát thì uống nước sông, đói thì ăn thóc ruộng ; áo nâu, mũ lá, lối cò, nhà sương ; no bụng rồi thì nhẩy nhót thỏa thích. So với cái vui của bác, vất vả nhàn hạ chẳng khác nhau sao ! Bọn chúng tôi sống giữa khoảng trời đất, như kho lớn thóc đầy, ví thử được thượng thọ cũng có thể đến ba trăm tuổi nhưng rốt cuộc đều về nơi cát bụi. Nếu cứ phải ngay ngáy sợ người thì sao bằng ngao du nơi đồng ruộng, đi hay dừng đều được tự do, há chẳng hơn sao !

Chủ bạ đáp :

– Lời bác đúng lắm, ý tôi cũng vậy thôi. Không phải không muốn thay đổi tâm tính, đem phòng ốc đổi lấy sự ngao du bên ngoài, song vì "đấu gạo khom lưng" đã thành thói quen, con tạo kia đã trói buộc vào những thứ đó rồi. Ta cũng phải biến hóa theo nó mà sống qua ngày đây thôi.

Thế rồi, hai con chuột cùng trông nhau mà cười. Hai bên kết bạn tám giao. Dem *Kinh dịch* ra bốc thì được quẻ Cấn chuyển sang quẻ Phê hợp⁽¹⁾. Xã trưởng bèn mời Chủ bạ đến nhà mình hạ giường cỏ, giữ bụi nệm, giã thóc làm cơm, múc nước lạnh làm rượu, đơm cua mò ốc làm mâm cao cỗ đầy. Khoanh tay, hai ba lượt khấn khoản mời bạn. Chủ bạ cảm tấm thịnh tình nhưng không sao nuốt nổi, mới đứng dậy, nói :

(1) *Quẻ Cấn, Phê hợp* : quẻ Cấn tượng trưng cho sự ngăn cách, dừng lại, quẻ Phê hợp tượng trưng cho việc "cấn" bỏ sự ngăn trở để đi đến *hợp*, ngầm, có nghĩa là ăn.

– Lúc trước, bác chề nổi vất vả của tôi, giờ tôi cười cái nhàn dạt của bác. Bọn chúng tôi sinh giữa chốn trần ai, tục duyên chưa lảng, không thể leo cao lên nhà tiên, ở tíu mãi giữa gò thần được. Và còn đương vượt rầu cứng, mặc áo mỏng ra vào chốn đài các để hưởng cái vui của người đời thì việc gì phải khổ sở chui mình nơi hang hốc, lấy chén thừa, miếng nguội để qua một kiếp sống.

Nhân đó, mời Xã trưởng lên xe cùng đi. Ngày đã muộn, đến cửa thành thì cửa đã đóng. Có một cái hốc, hai con bèn nằm bẹp xuống mà chui vào. Bên trong là lầu gác nguy nga, rèm son cột chạm, ngựa xe rộn ràng, tôi tớ sang trọng. Trên nhà, đèn đuốc sáng trưng, vừa có tiệc lớn, khách mới ra về nên rượu còn bày la liệt, thức ăn chất chồng. Chủ bạ liền dẫn Xã trưởng vào, mời ngồi ở chiếu trên rồi nói :

– Đây là tiệc của ông Đông đạo chủ nhân chúng tôi bày sẵn riêng chờ ta đến đó.

Rồi vỗ án gọi. Khách khứa lũ lượt kéo ra, ai nấy đều nhảy nhót hơn hờ, chuyện trò vui vẻ. Có kẻ xưng Điện tiền lục sự, có kẻ xưng Trì đạo đô úy, có kẻ là trợ lý văn thư ở Nam cung và sử quan ở phủ Tư văn. Phân ngôi chủ khách xong, bắt đầu uống rượu. Con nào con nấy dốc chén mà uống, hai chân trước đưa thịt vào miệng dùng răng xé cắn, đuôi vẫy, râu rung, rúc ra rúc rích, tỏ vẻ đắc ý lắm. Nhưng giữa lúc đang gật gù, co kéo, chưa kịp nếm hết các món ăn thì đã nghe tiếng dép lịch kịch. Chủ nhân đến. Chủ bạ liền chạy nấp dưới gầm giường, khách khứa thì tẩu tán các nơi. Xã trưởng cuống quýt chạy theo thì lại nghe từ trên kèo nhà có tiếng kêu như sư tử gầm vọng xuống. Một con vật đột ngột xuất hiện. Thân mình vàng trắng nằm màu xen nhau, nhe nanh múa vuốt, đảo mắt nhìn bốn phía sáng quắc như ánh chớp. Chủ bạ vội bảo Xã trưởng :

– Nổi kinh hoàng đến rồi đó ! Chúng ta chuẩn thôi. Tôi có ba cái hang⁽¹⁾ không phải lo gì cả.

Xã trưởng thất kinh, cuống cuống theo lỗ hổng chạy ra. Ngoảnh tìm lối cũ thấy cửa đã cài then. Trèo lên kèo nhà, chui qua bậu cửa, chạy được vài bước thì nghe tiếng gầm gừ đã tạm xa, song chân cẳng vẫn còn run lẩy bẩy.

(1) Nguyên văn : *tam quật*, ý nói người biết lo xa để tránh mọi tai họa.

Xã trưởng ngoảnh lại cảm tạ Chủ bạ :

– Mang ơn một bữa ăn, hôm nay tưởng chừng không khỏi chết, may mà còn thoát được. Từ nay xin cáo từ, không chịu nổi những tiếng gầm gào đâu.

Chủ bạ đáp lời :

– Được khách quý hạ cố đến chơi thực khác nào rồng đến nhà tôm⁽¹⁾ ? Vừa mới định nối đêm trò chuyện, bày tỏ nỗi lòng, cơ sao vì một chút biến cố mà đã vội cáo biệt vậy ? Còn như chỗ chúng tôi đầy chuyện sợ hãi vẫn xảy ra luôn nhưng tốt cuộc đều bình an cả, nào phải riêng bác lo sợ đâu ?

Xã trưởng nói :

– Không phải thế ! Bác bằng lòng với thành thị, tôi bằng lòng với điền dã. Bác không thể sống theo tôi mà tôi cũng không thể sống theo bác. Mỗi người có riêng chỗ phù hợp với mình vậy. Bác hãy gắng ăn nhiều, không lơ là ở cái sợ, không xem nhẹ chỗ giấu thân, không quên chịu khó làm ăn để hưởng mãi cái vui của bác. Còn nỗi vất vả chân lấm tay bùn, chúng tôi tự bằng lòng với nó. Bác đừng bận lòng vì tôi nữa. Thôi tôi đi đây.

Nói rồi nó chậm rãi xuống thêm, vãi một vãi cáo biệt và đọc bài *Thạc thứ*⁽²⁾. Chủ bạ tiễn Xã trưởng đến bên ngoài cửa thành, đọc tặng bài *Tường thứ*⁽³⁾.

TRẦN HẢI YẾN dịch

(1) Nguyên văn : *không cóc tức ám*, lấy chữ trong *Từ vô quý* của Trang Tử (369 - 286 tr. CN), ý nói : trốn trong hang sâu mà nghe được tiếng chân người đi thì thật vui. Chúng tôi dịch thoát ý.

(2) *Thạc thứ* : tên một thiên trong phần “Ngụy phong” của *Kinh thi* nói về con chuột to, ngụ ý phúng thích kẻ tham lam, đục khoét tàn hại dân.

(3) *Tường thứ* : tên một thiên trong phần “Dung phong” của *Kinh thi*, chê trách kẻ vô lễ.

214. CHUYỆN NGƯỜI THỢ ĐÁ^(*)

Có người thợ đá làm lụng suốt ngày, quên mất cả tên, vì nghề nghiệp dính dáng với đá nên dùng đá để gọi tên. Nhà anh không tích góp được chút gì, ngày ngày cùng chúng bạn vác búa vào núi, đục đá kiếm ăn. Nào ghè nào đẽo nào chạm nào mài, cả một ngày khó nhọc mà chút lợi thu được chẳng bao nhiêu. Cái ăn thường khi không đủ, mặc thì vá chùm vá đụp không chỗ nào lành. Mỗi khi công việc xong, một mình nằm nghỉ, cảm thương thân thể, thường buồn bã không vui, rồi đổ lỗi cho ông trời bất công.

Có lần anh nghỉ ngơi trong núi, gối đầu lên tảng đá định chợp mắt, bụng bảo dạ : "Giàu có mới khoái làm sao ! Thóc lúa như núi, châu ngọc thành gò, đi ra có xe ngựa, sống ở trong lầu đài, mặc áo đỏ, đội mũ cao, chân thêu nệm gấm, mồ hôi không thấm đến mình, bụi bặm không dính đến chân, ngấm lại trên thế gian này không gì sánh được với giàu. Cả như thân ta làm sao mà với tới đó ! Cầu mong sao trời cho ta được làm phú ông một chuyến !". Nghĩ chưa dứt thì Thiên thần đã từ trên trời bay xuống, vỗ vào Đá bảo rằng :

– Thượng đế nghe mấy lời anh than thở, rất lấy làm bất bình. Rồi sẽ giúp cho anh được như nguyện. Từ rày về sau, anh chẳng phải vất vả vì đá nữa. Chỉ sợ có lúc anh lại cầu khẩn làm người thợ đá mà không được đấy thôi !

Đá ta nghe thần nói bỗng đâm hoang mang, vừa mừng vừa sợ. Mới đầu còn chưa tin, đến khi về nhìn vào nhà mình thì cửa cái châu báu đã chất cao như núi. Thóc gạo cũng đang ngả màu sắp mục. Nhìn vào mình thì áo khoác trên người, tay áo rộng thùng thình. Vợ con đều vận đồ tơ lụa. Chỗ

(*) Nguyên văn : *Thạch nhân truyện*.

nằm thì rực rỡ sạch bóng, ấm cúng, đẹp đẽ, trên phủ đệm lông ngỗng. Đá bèn mặc nhiên lấy tên Thạch Quý Luân để tự đặt cho mình. Chàng mua nhiều nàng hầu, đưa ỡ, mở mang cơ nghiệp, làm vườn, xây đình, tuyển ca nhi, vũ nữ, thường sai họ đàn hát để giúp vui trong yến ẩm.

Bỗng nghe có tiếng hô ở ngoài đường :

– Xe loan đang đến !

Đá liền nằm rạp xuống bên trái đường, ngẩng mắt nhìn lên, thấy sáu con rồng phò xa giá, hàng muôn ngựa ruổi trên đường, cờ xí rợp trời, mũ lọng nối nhau, dũng sĩ giỏi cung kiếm chạy sau chạy trước hộ vệ, nghiêm mật không thể nào phạm đến được. Chính giữa là một bậc vương giả, xiêm cổn áo rồng, mũ dát ngọc, vừa hơi nhích má, tả hữu đã răm rắp tuân lời. Đá trong bụng cho là tuyệt mỹ, bảo rằng :

– Nay ta mới biết làm Hoàng đế là sang thật ! Gọi đấy là kẻ gìn giữ "hố vàng"⁽¹⁾ hay là "tên tù giữ tiền"⁽²⁾ chẳng hóa ra xấu hổ với bậc đại trượng phu ư ? Hơn nữa, làm đế vương nào phải là nhờ vào thân quyến. Trời cho được thì được thôi ! Ông trời sao không cho tôi được làm thiên tử một phen.

Thiên thần đáp :

– Điều đó cũng chẳng khó.

Bèn lấy mũ dát ngọc đội lên đầu Đá và khoác áo hoàng bào lên người chàng, cho ngồi luôn xe thúy, hai đạo quân Cẩm y và Long vũ mang kiếm đứng châu vòng quanh, trăm quan văn võ dâng biểu hoan nghênh, tiếng tung hô dậy ran khe núi. Quả nhiên, Đá đã được lên ngôi báu.

Trong bọn người bày trò xu nịnh có kẻ lấy đá trắng dưới đáy giếng đem lên dựng bia đá tạc trên đỉnh núi Thái Sơn⁽³⁾ để làm phù ấn chịu mệnh trời.

(1) *Kẻ gìn giữ hố vàng* : ý nói vua chúa chỉ biết nâng đỡ hoàng thân quốc thích. Theo *Hậu Hán thư*, em trai Hoàng hậu họ Quách tên là Huống, được sung chức Đại hồng lô, vua nhiều lần đến nhà ban cho châu báu, vàng, lụa, giàu sang bậc nhất, người đương thời gọi Huống là cái "hố vàng".

(2) *Tên tù giữ tiền* : chỉ người keo lặt. Theo *Hậu Hán thư*, Mã Viện từng nói, những kẻ có tài sản sinh lợi lớn nếu không dùng để chẩn cấp cho dân thì chỉ là "tên tù giữ tiền".

(3) *Thái Sơn* : tức núi Đông Nhạc, một ngọn núi danh tiếng, là một trong Ngũ Nhạc, cao hơn bốn mươi dặm, tại huyện Thái An, tỉnh Sơn Đông, Trung Quốc.

Bấy giờ đang vào tháng đầu hạ trong năm. Mặt trời tỏa hơi nóng ngọt ngào. Lúa má trên đồng khô cháy, tỉnh nào cũng đem tình trạng hạn hán phi báo về triều. Đá đang ngự trên diện coi châu, thế mà ánh nắng cũng lọt qua khe, chiếu vào mắt làm hoa cả mắt. Đá phẫn khích than rằng .

– Làm thiên tử mà làm gì ! Có ruộng thì cạn khô, có mắt thì quáng lòa. Nhà vàng chỉ tôn vẫn còn thấp hơn núi đá. Ban ngày ban mặt ta có dùng được thiên hạ làm gì đâu ? Xin trời hãy thu ngôi vua của ta lại mà ban cho ta được làm mặt trời.

Thiên thần mới đầu coi bộ khó khăn, một lúc mới chậm rãi nói :

– Ngài cứ tự làm đi ? Không phải là không được đâu !

Đá bèn tắm ở vực Ngu Uyên⁽¹⁾, rửa ánh sáng ở ao Hàm Trì⁽²⁾, tiếp đãi tân khách ở động Dương Cốc⁽³⁾, rồi lên miền Nhược Mộc⁽⁴⁾, cưỡi xe Rồng Trúc⁽⁵⁾, bay liệng Qua Vàng⁽⁶⁾, cầm vàng lửa sáng lóa⁽⁷⁾, đánh chiêng đồng rền vang⁽⁸⁾. Xa xa nghe mọi người nói với nhau :

– Lão áo vàng đã đến kia rồi.

Đá lại càng thích chí, ra sức trở cái oai nóng bức, tai ngược thiêu đốt từ trên bầu trời cao, đồng diễn nghìn dặm cháy đỏ, dân chúng không một ai không sợ hãi tránh xa.

(1) *Ngư Uyên* : một địa danh huyền thoại, chỉ nơi mặt trời đến. Theo *Hoài Nam tử*, mặt trời đến Ngư Uyên là hoàng hôn.

(2) *Hàm Trì* : một địa danh huyền thoại. Cũng theo *Hoài Nam tử*, mặt trời xuất hiện ở Dương Cốc, đến tắm ở Hàm Trì.

(3) *Dương Cốc* : một địa danh huyền thoại. Xem Chú thích 2, cùng truyện.

(4) *Nhược mộc* : một địa danh huyền thoại. Theo *Sơn hải kinh* là nơi mặt trời về nghỉ.

(5) *Rồng trúc* : nguyên văn *Trúc long* là chiếc bè đồ sộ kết bằng trúc do vua Thế Tông đời Ngũ đại sáng chế để quân sĩ theo nước sông tiến vào đánh thành Thọ Châu. Trúc long còn là những cây trúc nối nhau bằng hàng nghìn ngọn núi để dẫn nước do chùa Khánh An đời Minh sáng chế. Chưa hiểu ở đây dùng điển nào.

(6) *Qua vàng* : nguyên văn *Kim ô*, tức mặt trời. Người xưa tương truyền rằng trong mặt trời có con quạ vàng ba chân.

(7) *Cầm vàng lửa sáng lóa* : nguyên văn *tháp hỏa tán*. *Hỏa tán* là ám dụ ánh sáng chói lọi của mặt trời.

(8) *Đánh chiêng đồng rền vang* : nguyên văn *minh đồng chinh*. *Đồng chinh* cũng là hình ảnh dùng để chỉ mặt trời.

Bồng có đám mây từ phía Đông bay tới che kín mặt trời. Mây dày lớp lớp, thể bay rất gấp. Giữa lúc hứng đang bông bột, ánh mặt trời bỗng bị mây che khuất, không làm sao xuyên thủng được. Đá uất đến cực điểm, kêu với Thiên thần rằng :

– Đã cho ta làm mặt trời sao lại không cho ta làm mây ?

Thượng đế bèn sai thần nữ Cao Đường⁽¹⁾ dâng gỏi mây mưa cùng Đá. Thoắt chốc có đám mây đen như mực trong gang tấc đã bao trùm tứ phía, cuộn cuộn, đùn đùn, ngỡ như mây mà không phải là mây, nhìn kỹ thì ra là Đá. Đá đã hóa làm mây rồi, bèn lên rong chơi trên giang sơn của Thượng đế. Rồi bám vào không trung tuôn mưa xuống, hơn mười ngày không ngừng. Nước tràn ngập khắp sông ngòi, ghềnh thác, tuôn như trút. Cá lớn, cây cỏ trôi nổi từng bầy, số chết chìm không biết bao nhiêu mà kể. Bồng nhớ đến núi cũ, mây bèn bay về quê hương. Nhìn thấy một khối đá cực to dựng thẳng trên sóng dữ, mưa gió bao nhiêu cũng không chút lung lay, một mình sừng sững giữa dòng. Mây ta bỗng thấm ước được như thế, nói : "Cái kiếp phù du như mình thì sao có thể vững vàng cứng rắn mà bền lâu được !", bèn khẩn nguyện với trời. Thiên thần bảo :

– Đám ấy với anh vốn có túc duyên đấy !

Vừa đưa mắt nhìn vào cột đá, ngoảnh lại thì thân mình đã hóa đá rồi. Từ đây chàng với đá như có mối thâm giao, hồi tưởng lại mọi vật trên cõi đời, thấy thấy đều coi như gạch ngói. Tự bảo từ nay giữ lòng cứng cỏi, không gì có thể thay đổi được nữa.

Chưa được bao lâu, bỗng có một người cầm búa đi đến, mặt mũi gầy đen, áo quần lam lũ, mà tài nghệ dững mãnh, thủ thuật điêu luyện lạ thường. Anh ta nhằm vào các kẽ nứt của đá mà quai búa, rồi lại dùng dùi mà đục, làm thành các đồ vật, nào bàn, nào ghế, nào trống, nào khánh, nào cột, nào kệ, nào là hòn đạn, tấm bia, trụ mốc,... muôn hình vạn trạng kỳ lạ, ai thấy cũng phải thích mắt. Đá vừa sợ hãi lại vừa hâm mộ, tự nghĩ : "Kỳ vĩ thay anh chàng kia ! Bàn tay mới thành thực mà tâm tính mới lịch duyệt làm sao ? Ta trải đời đã nhiều mà chính mình vẫn chưa chế ngự được mình như cái anh này. Lại cũng chẳng phải phiền lụy đến ai ! Nghề anh ta chọn

(1) *Thần nữ Cao Đường* : một nhân vật huyền thoại trong bài *Cao Đường phú* của Tống Ngọc (? - ?). Xem thêm Chú thích 4, 5, tr. 331, truyện *Cuộc gặp gỡ kỳ lạ*, số 153, cùng tập.

sao mà tỉnh đến thế ! Nay ta được lui về thanh thoi sống trong nghề đó thì suốt đời không ân hận". Rồi vẫn chưa hề biết nguồn gốc thân thế của mình vốn có duyên gì với con người đang quần quật trên đá hay không, Đá đã vội giữ lòng chay tịnh, thắm khấn nguyện và quỳ rạp trước mặt Thiên thần mà không nói. Thiên thần đỡ chàng dậy hỏi :

– Đá lại có điều gì cầu xin phải không ?

Đáp :

– Không dám xin nữa đâu. Chỉ là trong lòng còn chút áy náy chưa toại mà thôi.

Thiên thần hỏi :

– Lại muốn làm mây ư ? Làm mặt trời ư ? Làm thiên tử ư ? Hay là làm phú ông ? Muốn gì ta đều có thể lại cho được như ý.

Đá đáp :

– Không, không ? Chỉ xin được trong tay cầm một cán búa sắc sắc sống già nơi núi sâu, mãi mãi làm người thợ đá là đủ.

– Chuyện đó thì không được. Đó đâu phải là sở trường của anh ! Ví thử có là sở trường thì chẳng bao lâu anh lại oán hận ta thôi mà ?

Đá cứ cố nài xin. Thiên thần nổi giận, giật lấy cái búa của thần Sấm, nhảm vào đầu Đá bốp một cú như tiếng sét chát chúa. Đá kinh hoàng bùng tỉnh, thì ra mình đang nằm trên một tảng đá, ánh trời tà rơi vào người, còn đồng bọn thì vẫn làm việc tấp nập, kẻ đục, người đẽo, họ trách Đá mãi ngủ quá !

Đá chợt cảm thấy khoan khoái như người vừa trút sạch mọi phiền muộn bấy lâu. Từ đấy không dám kêu ca, oán thán gì nữa.

NGUYỄN HUỆ CHI dịch

CÁC BẢNG TRA CỨU TẬP III

I

TRA CỨU TÊN TRUYỆN

(Chữ Việt)

A - B

Ác báo (Ác báo), 57

Anh kẻ trộm làng Lâm Hộ (Lâm Hộ đạo), 132

Bà đồng (Vu ầu), 88

Bà phu nhân Lan Quận công (Lan Quận công phu nhân), 89

Biết chuyện kiếp trước (Ngộ tiền sinh), 104

Bố già lặn xuống vực tìm con gái (Lão ông phụ thần uyên cầu nhi nữ), 64

C

Cá thần (Thần ngư), 85

Cá voi (Nhân ngư), 138

Chôn xương bụng ngựa (Táng thần mã, Đinh thị dĩ khắc thắng nhất dư đồ), 65

Chúa ác tự hại (Tích ác tự bại), 115

Chুষột dây mắt, biết điểm lành dữ (Thử phúc diện, tai tường tiên kiến), 70

Chuyện khỉ (Hầu), 86

Chuyện quan Quận ở Liên Hồ (Liên Hồ Quận quân), 93

Chuyện tình ở Thanh Trì (Thanh Trì tình trái), 84

Con chó nhà nghèo có nghĩa (Bần gia nghĩa khuyển truyện), 111

Con gái (Nguyên), 106

Con hổ nghĩa hiệp (Hiệp hổ), 87

Con lai rắn (Xà sinh), 74

Cô đào họ Nguyễn (Nguyễn ca kỹ), 83

Cờ vàng cắm trên lầu thi (Hoàng kỳ tiêu tọa lung), 113

D - Đ

Dốc Lôi Thủ (Lôi Thủ pha), 72

Dóng ngựa thi thơ (Liên bí lưỡng khôi tranh tổ đạo ; Ước thi tiên tự nhượng huynh hành), 54

Dùng nhan sắc, nhà Trần lấy thiên hạ (Chăm hậu tượng, Trần gia dĩ nhan sắc đắc thiên hạ), 66

Đánh nhau với quỷ (Đấu quỷ), 110

Đền thờ thần họ Bồ núi Vĩnh Lâm (Vĩnh Lâm Bồ từ truyện), 141

Điểm báo trước (Tiên trung), 91

Đóng Tử gặp duyên lành (Du hải ngoại Tiên Dung tưng dật ; Tàng sa trung Chữ Tử kỳ phùng), 42

Động Hải Sơn (Hải Sơn động), 103

Động Hồ Công (Hồ Công động), 119

G - H

Gấu, hổ chọi nhau (Hùng hổ đấu), 99

Giao long ngủ nhờ (Tá túc giao long hình, lương tâm mẫu hoạch khai giác lộ), 68

Giác mộng lạ (Kỳ mộng), 98

Hai truyện hổ có nghĩa (Nghĩa hổ), 79

Hàng dầu hương lộc trời (Điện giang tâm cửu trùng thanh địa tích ; mại du gia nhất đối hưởng thiên ân), 148

Họ Trương cao cờ (Trương tinh kỳ, trần trung thức tôn nhan lão tiên), 58

Hổ có lòng nhân (Nhân hổ), 94

K - L

- Kẻ trộm lừa thần thánh** (Quang còn hán trí mạn linh từ), 62
- Không được ! Không được !** (Bất khả ! Bất khả !), 114
- Kiếp sau của sư Bất sô** (Bất sô tăng kiếp hậu vi vọng quốc Hoàng đế), 59
- Kim quy hiến kế chém yêu tinh** (Trúc Loa thành An Dương phí lực ; Trảm yêu phân quy tử thân du), 145
- Liệt nữ giấu kín vết nhơ** (Báo quốc nạn trinh nhân chính danh phạm ; Điểm mỹ ngọc liệt nữ nặc vi hà), 147

M - N

- Man thị cầu quả phúc** (Pháp thái sư thốn hoài như sở ước ; Man tiểu thư nhất niệm quả tông tâm), 146
- Mẹ ranh càn sát** (Càn sát quỷ mẫu), 136
- Nghệ mọn nên quan** (Huyết tại thiêm thừ ảnh, bạc nghệ nhân đắc nhập vương cung), 67
- Ngọc Nữ ở Sơn Trang** (Sơn Trang Ngọc Nữ), 122
- Người khổng lồ** (Đại nhân), 105
- Người nông phu ở Như Kinh và người nông phu ở An Mô** (Như Kinh nông phu [dữ] An Mô nông phu), 125
- Nguyễn Danh Dục** (Nguyễn Danh Dục), 103
- Nguyễn Giám sinh làm vua đất Bắc** (Nguyễn Giám sinh tác vọng quốc Hoàng đế), 63
- Nguyễn Quỳnh** (Nguyễn Quỳnh), 76
- Nhân duyên xấu hóa nhân duyên tốt** (Tiền phúc quả triệu lai hậu phúc quả ; Ác nhân duyên hoàn thị hảo nhân duyên), 144
- Nhận ra mẹ đẻ** (Đồng khí tương cầu, Giáp Trạng nguyên vãng Văn Giang nhận mẫu), 53
- Nhớ được ba kiếp** (Ký tam sinh), 92
- Nội đạo tràng** (Nội đạo tràng), 131

O

- Ông Hồ** (Lang dã tâm ân dưỡng nan thuận), 69
Ông Lê Trãi (Lê công Trãi), 133
Ông Nguyễn Hoàn (Nguyễn công Hoàn), 127
Ông Nguyễn Duy Thì (Nguyễn công Duy Thì), 123
Ông Nguyễn Trát (Nguyễn Trát), 95
Ông Nguyễn Trọng Thường (Nguyễn công Trọng Thường), 128
Ông Nguyễn Văn Giai (Nguyễn công Văn Giai), 124
Ông sư tiên núi Nưa (Na Sơn tiên tăng), 118
Ông tiên ăn mây (Cái tiên), 78
Ông Trạng họ Nguyễn (Nguyễn Trạng nguyên), 92

P - Q - R

- Phạm Viên** (Phạm Viên), 77
Quan Thượng họ Đỗ (Đỗ Thượng thư), 90
Rắn thân (Linh xà), 100

S - T

- Sinh đẻ kỳ lạ** (Sản dị), 80
Sông Dừng (Dụng giang), 130
Sông Độc (Độc giang), 135
Sống lại (Tái sinh), 81
Sư chăn trâu linh thông (Mục牛郎 tăng mặc hội linh thông), 60
Sư chùa núi Yên Tử (Yên Tử sơn tự tăng), 116
Tên ăn trộm (Thâu nhi), 82
Thác oan (Uổng thác), 39
Thám hoa được giáng xuống Phù Khê (Chư tào hội nghị, Phù Khê thiên giáng Thám hoa), 56

- Thám hoa Nguyễn Đăng Cảo** (Tiên Du Hoài Bão Thám hoa Đông các Nguyễn công Đăng Cảo), 71
- Thành Đạo Tử** (Thành Đạo Tử), 126
- Thánh Tông Hoàng đế** (Thánh Tông Hoàng đế), 137
- Tháp Báo Ân** (Báo Ân tháp), 96
- Thần Chiêu Trưng** (Chiêu Trưng thần), 102
- Thần của Cẩn Hải** (Cẩn Hải thần), 73
- Thần giữ của** (Tàng thần), 107
- Thần hồ Động Đình** (Động Đình hồ thần), 140
- Thần miếu Kim Tung** (Kim Tung thần miếu hội đề tòa Điện Quận), 61
- Thầy xem tướng** (Tướng sĩ), 101
- Thi đồ do tiên định** (Khoa danh tiên định), 112
- Thủ khoa mặt đẹp** (Mạo thủ khoa, cửu trùng đặc chỉ), 51
- Thường dân thi đồ** (Dân hạng đăng đệ), 120
- Thượng thư Lương Hữu Khánh** (Tân quan phú, Lương danh thần chí quyết hướng minh), 52
- Tiên ngoài hải đảo** (Hải đảo tiên), 75
- Tiến sĩ ăn khỏe** (Đồng niên song tiến thoại gia tư ; kỳ nhật nhất lâm cung nhất đón), 55
- Tìm đất đến ơn** (Ngân khách tâm địa báo hiếu tâm nhân), 50
- Trạng nguyên Đạo sĩ** (Đạo sĩ Trạng nguyên), 117
- Tướng quân Đoàn Thượng** (Đoàn Tướng quân Thượng), 129
- Tượng Già lam ở ngôi chùa ngoài đồng** (Dã tự Già lam), 134

X - Y

- Xử án cốt ở sự thực** (Đoán ngục dĩ tình), 121
- Xương Cuồng ý thế** (Ngạo thiên uy, Xương Cuồng ý thế ; Thi diệu toán, nghệ tử kiến công), 143
- Yêu quái trên cây** (Thụ yêu), 109

II

TRA CỨU TÊN TRUYỆN

(Chữ Hán)

A - B

Ác báo 惡報 (Ác báo), 57

Báo Ân tháp 報恩塔 (Tháp Báo Ân), 96

Báo quốc nạn trình nhân chính danh phận ; Điểm mỹ ngọc liệt nữ nặc vi hà 報國難貞人正名分 ; 玷美玉烈女匿微瑕 (Liệt nữ giấu kín vết nhơ), 42

Bần gia nghĩa khuyển truyện 貧家義犬傳 (Con chó nhà nghèo có nghĩa), 111

Bất khả ! Bất khả ! 不可不可 (Không được ! Không được !), 114

Bật sô tăng kiếp hậu vi vong quốc Hoàng đế 苾芻僧劫後爲望國皇帝 (Kiếp sau của sư Bật sô), 59

C

Cái tiên 丐仙 (Ông tiên ăn mày), 78

Càn sát quỷ mẫu 乾刹鬼母 (Mẹ ranh càn sát), 136

Cần Hải thần 芹海神 (Thần của Cần Hải), 73

Chăm hậu tượng, Trần gia dĩ nhan sắc đắc thiên hạ 枕後象陳家以顏色得天下 (Dùng nhan sắc, nhà Trần lấy thiên hạ), 66

Chiêu Trưng thần 招徵神 (Thần Chiêu Trưng), 102

Chư tào hội nghị, Phù Khê thiên giáng Thám hoa 諸曹會議浮溪天降探花 (Thám hoa được giáng xuống Phù Khê), 56

D - Đ

- Dã tự Già lam** 野寺伽藍 (Tượng Già lam ở ngôi chùa ngoài đồng), 134
- Dân hạng đăng đệ** 民項登弟 (Thường dân thi đỗ), 120
- Du hải ngoại Tiên Dung túng dật ; Tàng sa trung Chủ Tử kỳ phùng** 遊海外仙容縱逸 ; 藏沙中櫛子奇逢 (Đồng Tử gặp duyên lành), 142
- Dụng giang** 用江 (Sông Dừng), 130
- Đại nhân** 大人 (Người khổng lồ), 105
- Đạo sĩ Trạng nguyên** 道上狀元 (Trạng Nguyên Đạo sĩ), 117
- Đấu quỷ** 鬥鬼 (Đánh nhau với quỷ), 110
- Điền giang tâm cửu trùng thanh địa tích ; Mại du gia nhất đối hưởng thiên ân** 填江心九重清地瘠 ; 賣油家一對享天恩 (Hàng dầu hưởng lộc trời), 148
- Đoàn Tướng quân Thượng** 段將軍尙 (Tướng quân Đoàn Thượng), 129
- Đoán ngục dĩ tình** 斷獄以情 (Xử án cốt ở sự thực), 121
- Đỗ Thượng thư** 杜尙書 (Quan Thượng họ Đỗ), 90
- Độc giang** 瀆江 (Sông độc), 135
- Đồng khí tương cầu, Giáp Trạng nguyên vãng Văn Giang nhận mẫu** 同氣相求甲狀元往文江認母 (Nhận ra mẹ đẻ), 53
- Đồng niên song tiến thoại gia tư ; Kỳ nhật nhất lâm cung nhất đốn** 同年雙進話家資 ; 期日一臨供一頓 (Tiến sĩ ăn khỏe), 55
- Động Đình hồ thần** 洞庭湖神 (Thần hồ Động Đình), 140

H

- Hải đảo tiên** 海島仙 (Tiên ngoài hải đảo), 75
- Hải Sơn động** 海山洞 (Động Hải Sơn), 103
- Hầu** 猴 (Chuyện khỉ), 86
- Hiệp hổ** 俠虎 (Con hổ nghĩa hiệp), 87

Hồ Công động 壺公洞 (Động Hồ Công), 119

Hoàng kỳ tiêu tọa lung 黃旗標坐籠 (Cờ vàng cắm trên lều thi), 113

Hùng hổ đấu 熊虎鬥 (Gấu, hổ chọi nhau), 99

Huyết tại thiêm thử ảnh, bạc nghệ nhân đắc nhập vương cung 穴在蟾蜍影薄藝人得入王宮 (Nghề mọn nên quan), 67

K

Khoa danh tiền định 科名前定 (Thi đỗ do tiền định), 112

Kim Tung thần miếu hội đề tảo Điện Quận

(Thần miếu Kim Tung), 61

Kỳ mộng 奇夢 (Giấc mộng lạ), 98

Ký tam sinh 記三生 (Nhớ được ba kiếp), 92

L

Lâm Hộ đạo 林戶盜 (Anh kẻ trộm làng Lâm Hộ), 132

Lan Quận công phu nhân 蘭郡公夫人 (Bà phu nhân Lan Quận công), 89

Lang dã tâm ân dưỡng nan thuần 狼野心恩養難馴 (Ông Hổ), 69

Lão ông phụ tù uyên cầu nhi nữ 老翁父沅淵求兒女 (Bố già lặn xuống vực tìm con gái), 64

Lê công Trãi 黎公鷹 (Ông Lê Trãi), 133

Liên bí lưỡng khôi tranh tổ đạo ; Ước thi tiên tặc nhượng huynh hành
聯轡兩魁爭祖道 ; 約詩先就讓兄行 (Dóng ngựa thi thơ), 54

Liên Hồ Quận quân 蓮湖郡君 (Chuyện quan Quận ở Liên Hồ), 93

Linh xà 靈蛇 (Rắn thần), 98

Lôi Thủ pha 雷首坡 (Đốc Lôi Thủ), 72

M - N

- Mạo thủ khoa, cửu trùng đặc chỉ** 貌首科九重特旨 (Thủ khoa mặt đẹp), 51
- Mục ngư tăng mặc hội linh thông** 牧牛僧默會靈通 (Sư chăn trâu linh thông), 60
- Na Sơn tiên tăng** 那山仙僧 (Ông sư tiên núi Nưa), 118
- Ngân khách tâm địa báo hiếu tâm nhân** 銀客尋地報好心人 (Tìm đất đền ơn), 50
- Ngạo thiên uy, Xương Cuồng ý thế ; Thi diệu toán, nghệ tử kiến công** 邀天威猖狂倚勢 ; 施妙算倪子建功 (Xương Cuồng ý thế), 143
- Nghĩa hổ** 義虎 (Hai truyện hổ có nghĩa), 79
- Ngộ tiền sinh** 悟前生 (Biết chuyện kiếp trước), 104
- Nguyên** 獬 (Con giải), 106
- Nguyễn ca kỹ** 阮歌妓 (Cò đào họ Nguyễn), 83
- Nguyễn công Duy Thi** 阮公維時 (Ông Nguyễn Duy Thi), 123
- Nguyễn công Hoàn** 阮公完 (Ông Nguyễn Công Hoàn), 127
- Nguyễn công Trọng Thường** 阮公仲常 (Ông Nguyễn Trọng Thường), 128
- Nguyễn công Văn Giai** 阮公文階 (Ông Nguyễn Văn Giai), 124
- Nguyễn Danh Dực** 阮名躍 (Nguyễn Danh Dực), 108
- Nguyễn Giám sinh tác vọng quốc Hoàng đế** 阮監生作望國皇帝 (Nguyễn Giám Sinh làm vua đất bắc), 63
- Nguyễn Quỳnh** 阮瓊 (Nguyễn Quỳnh), 76
- Nguyễn Trọng nguyên** 阮狀元 (Ông Trọng họ Nguyễn), 97
- Nguyễn Trật** 阮秩 (Ông Nguyễn Trật), 95
- Nhân hổ** 仁虎 (Hổ có lòng nhân), 94
- Nhân ngư** 仁魚 (Cá voi), 138
- Như Kinh nông phu [dữ] An Mô nông phu** 如京農夫[與]安謨農夫 (Người nông phu ở Như Kinh và Người nông phu ở An Mô), 125
- Nội đạo tràng** 內道場 (Nội đạo tràng), 131

P - Q - S

Phạm Viên 范員 (Phạm Viên), 77

Pháp thái sư thốn hoàn như sở ước ; Man tiểu thư nhất niệm quả tòng tâm
法太師寸懷如所約 ; 蠻小姐一念果從心 (Man thị cầu quả phúc), 146

Quang côn hán trí mạn linh từ 桃棍漢智瞞靈祠 (Kẻ trộm lừa thần thánh), 62

Sản dị 產異 (Sinh đẻ kỳ lạ), 80

Sơn Trang Ngọc Nữ 山莊玉女 (Ngọc Nữ ở Sơn Trang), 122

T

Tá túc giao long hình, lương tâm mẫu hoạch khai giác lộ 借宿蛟龍形良心母獲開覺路 (Giao long ngủ nhờ), 68

Tái sinh 再生 (Sống lại), 81

Tàng thần 藏神 (Thần giữ của), 107

Táng thần mã, Đinh thị dĩ khắc thắng nhất dư đồ 葬神馬丁氏以克勝輿圖 (Chôn xương bụng ngựa), 65

Tân quan phú, Lương danh thần chí quyết hướng minh 秦關賦梁名臣志決向明 (Thượng thư Lương Hữu Khánh), 52

Thanh Trì tình trái 清池情蹟 (Chuyện tình ở Thanh Trì), 84

Thành Đạo Tử 成道子 (Thành đạo Tử), 126

Thánh Tông Hoàng đế 聖宗皇帝 (Thánh Tông Hoàng đế), 137

Thần ngư 神魚 (Cá thần), 85

Thâu nhi 偷兒 (Tên ăn trộm), 82

Thụ yêu 樹妖 (Yêu quái trên cây), 109

Thử phúc diện tai tường tiên kiến 鼠覆面災祥先見 (Chuột dầy mặt, biết điểm lành dữ), 70

Tích ác tự bại 積惡自敗 (Chứa ác tự hại), 115

Tiên Du Hoài Bão Thám hoa Đông các Nguyễn công Đăng Cảo 僊懷抱
探花東閣阮公登縞 (Thám hoa Nguyễn Đăng Cảo), 71

**Tiền phúc quả triệu lai hậu phúc quả ; Ác nhân duyên hoàn thị hảo
nhân duyên** 前福果肇來後福果 ; 惡姻緣還是好姻緣 (Nhân duyên
xấu hóa nhân duyên tốt), 144

Tiền trung 前徵 (Điềm báo trước), 91

Trúc Loa thành An Dương phí lực ; Trảm yêu phần quy tử thần du 築螺
城安陽費力 ; 斬妖氛 龜子神猷 (Kim quy hiến kế chém yêu tinh),
140

Trương tinh kỳ, trần trung thức tôn nhan lão tiên 張精基塵中識尊顏老
仙 (Họ Trương cao cờ), 58

Tướng sĩ 相士 (Thầy xem tướng), 101

U - V

Uổng thác 柱托 (Thác oan), 139

Vĩnh Lâm Bồ trừ truyện 永林蒲疇傳 (Đền thờ thần họ Bồ núi Vĩnh Lâm), 141

Vu ẩu 巫媼 (Bà đồng), 88

X - Y

Xà sinh 蛇生 (Con lai rắn), 74

Yên Tử sơn tự tăng 安子山寺僧 (Sư chùa núi Yên tử), 116

III

TRA CỨU NIÊN HIỆU

Cảnh Hưng (1740 - 1786) : niên hiệu của Lê Hiến Tông (1716 - 1786), vua thứ hai mươi bảy nhà Lê.

Cảnh Thống (1498 - 1504) : niên hiệu của Lê Hiến Tông (1461 - 1504), vua thứ sáu nhà Lê.

Cảnh Trị (1663 - 1671) : niên hiệu của Lê Huyền Tông (1654 - 1671), vua thứ hai mươi nhà Lê.

Chiêu Thống (1787 - 1788) : niên hiệu của Lê Duy Kỳ (1766 - 1793), vua cuối cùng nhà Lê.

Chính Hòa (1680 - 1705) : niên hiệu của Lê Hy Tông (1664 - 1717), vua thứ hai mươi hai nhà Lê.

Dương Đức (1672 - 1783) : niên hiệu của Lê Gia Tông (1661 - 1675), vua thứ hai mươi mốt nhà Lê.

Đại Chính (1530 - 1540) : niên hiệu của Mạc Đăng Doanh (? - 1540), vua thứ hai nhà Mạc.

Hoàng Định (1601 - 1619) : niên hiệu của Lê Kính Tông (1588 - 1619), vua thứ mười sáu nhà Lê.

Hồng Đức (1470 - 1497) : niên hiệu của Lê Thánh Tông (1442 - 1497), vua thứ năm nhà Lê.

Hưng Long (1293 - 1314) : niên hiệu của Trần Anh Tông (1276 - 1230), vua thứ tư nhà Trần.

Minh Đức (1527 - 1529) : niên hiệu của Mạc Đăng Dung (1480 - 1541), vua đầu nhà Mạc.

Phúc Thái (1643 - 1649) : niên hiệu của Lê Chân Tông (1630 - 1649), vua thứ mười tám nhà Lê.

Quang Bảo (1554 - 1561) : niên hiệu của Mạc Phúc Nguyên (? - 1564), vua thứ tư nhà Mạc.

Quang Hưng (1578 - 1599) : niên hiệu của Lê Thế Tông (1568 - 1600), vua thứ mười lăm nhà Lê.

Quang Thuận (1460 - 1469) : niên hiệu của Lê Thánh Tông (1442 - 1497), vua thứ năm nhà Lê.

Quảng Hòa (1541 - 1546) : niên hiệu của Mạc Phúc Hải (? - 1546), vua thứ ba nhà Mạc.

Sùng Khang (1566 - 1577) : niên hiệu của Mạc Mậu Hợp (1561 - 1592), vua thứ năm nhà Mạc.

Thái Hòa (1443 - 1453) : niên hiệu của Lê Nhân Tông (1441 - 1459), vua thứ ba nhà Lê.

Thiệu Bình (1434 - 1439) : niên hiệu của Lê Thái Tông (1423 - 1442), vua thứ hai nhà Lê.

Thuần Phúc (1562 - 1565) : niên hiệu của Mạc Mậu Hợp (1561 - 1592), vua thứ năm nhà Mạc.

Trùng Hưng (1285 - 1293) : niên hiệu của Trần Nhân Tông (1258 - 1308), vua thứ ba nhà Trần.

Vĩnh Hựu (1735 - 1740) : niên hiệu của Lê Ý Tông (1719 - 1759), vua thứ hai mươi sáu nhà Lê.

Vĩnh Khánh (1729 - 1732) : niên hiệu của Lê Duy Phường (1708 - 1736), vua thứ hai mươi tư nhà Lê.

Vĩnh Thịnh (1705 - 1719) : niên hiệu của Lê Dụ Tông (1680 - 1731), vua thứ hai mươi ba nhà Lê.

Vĩnh Tộ (1619 - 1628) : niên hiệu của Lê Thần Tông (1607 - 1662), vua thứ mười bảy nhà Lê.

IV

TRA CỨU TÊN ĐẤT

Âi Lao (nước) : nước Lào ngày nay.

Ái (châu) : đời Trần là Thanh Hoa ; đời Hồ là trấn Thanh Đô ; đời Lê đổi làm thừa tuyên, gồm 6 phủ : Thiệu Thiên, Hà Trung, Tĩnh Gia, Thanh Đô, Trường Yên, Thiên Quang ; nay là tỉnh Thanh Hóa và một phần tỉnh Ninh Bình.

Ải Bắc : cửa ải phía Bắc. Xem **Nam Quan**.

An Chiếu (xã) : thời Lê - Mạc thuộc huyện Tiên Lữ, phủ Khoái Châu, trấn Sơn Nam thượng ; nay thuộc tỉnh Hưng Yên.

An Định (huyện) : còn đọc là Yên Định ; đời Lê thuộc phủ Thiệu Thiên, trấn Thanh Hoa ; nay thuộc tỉnh Thanh Hóa.

An Đông (làng) : thuộc huyện Quảng Xương. Xem **Quảng Xương**.

An Mô (huyện) : tức Mô Độ xưa, còn gọi là Yên Mô ; đời Lê thuộc phủ Trường Yên, Thanh Hoa ngoại ; nay thuộc tỉnh Ninh Bình.

An Mô (xã) : chưa rõ.

An Nhân (làng) : thuộc trấn Hải Dương ; nay thuộc tỉnh Hải Dương.

An Nhân (sông) : khúc sông Nhị chảy qua làng An Nhân

An Quảng (trấn) : đời Trần là lộ Hải Đông, sau là lộ An Bang ; đầu đời Lê (năm 1466) đổi làm thừa tuyên An Bang ; đến Lê Trung hưng đổi làm trấn Quảng Yên ; đời Nguyễn đổi lại thành trấn An Quảng ; nay là tỉnh Quảng Ninh.

An Sơn (huyện) : đời Trần thuộc châu Quốc Oai, lộ Đông Đô ; đời Lê sơ đổi làm Ninh Sơn, Lê Trung hưng lấy lại tên Yên Sơn thuộc phủ Quốc Oai, trấn Sơn Tây ; nay là huyện Quốc Oai, Hà Nội.

An Tân (xã) : đời Lê vùng đất mang tên An Tân có ở các huyện : Cẩm Giàng, Gia Lộc, Nam Sách (Hải Dương) ; Yên Phong (Kinh Bắc) ; Tiên Yên (An Quảng) ; nay có ở các tỉnh Bắc Ninh, Hải Dương, Quảng Ninh.

An Trường (phủ) : thời Lê - Mạc thuộc Thụy Nguyên, phủ Thiệu Thiên, trấn Thanh Hóa ; nay là huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa.

Âu Lạc : tên nước Việt Nam thời An Dương Vương.

B

Ba Bể (hồ) : thuộc địa phận xã Nam Mẫu, châu Bạch Thông, phủ Thông Hóa, trấn Thái Nguyên ; nay thuộc tỉnh Bắc Cạn.

Ba Thục (đất) : xưa vốn là một nước riêng, sau bị nhà Tần diệt rồi đặt thành một quận gọi là Thục quận, gồm các phủ Thành Đô, Long An, Đồng Xuyên, Nhã Châu cũ của tỉnh Tứ Xuyên, Trung Quốc.

Bà Lộ : có thể là phía Tây huyện Diên Châu, tỉnh Nghệ An ngày nay.

Bạch Hạc (cửa sông) : nay thuộc thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ.

Bạch Thông (châu) : đời Lê thuộc phủ Thông Hóa, trấn Thái Nguyên ; nay một phần thuộc tỉnh Thái Nguyên.

Bái Ân (phường) : đời Lê thuộc huyện Vĩnh Thuận, kinh thành Thăng Long.

Bảo Đà (xã) : đời Lê thuộc huyện Thanh Oai, phủ ứng Thiên, trấn Sơn Nam thượng ; nay thuộc Hà Nội.

Bảo Lộc (huyện) : đời Lê thuộc phủ Lạng Giang, trấn Kinh Bắc ; nay thuộc tỉnh Lạng Sơn.

Bảo Ngũ (làng) : đời Lê thuộc huyện Thiên Bản, phủ Nghĩa Hưng, trấn Sơn Nam hạ ; nay thuộc tỉnh Nam Định.

Bảo Triện (làng) : thuộc huyện Gia Định. Xem **Gia Định** (huyện).

Bạt Trạc (xã) : đời Lê Trung hưng thuộc huyện Thiên Lộc, phủ Đức Quang, trấn Nghệ An ; nay thuộc tỉnh Hà Tĩnh.

Bát Tràng (xã) : thời Lê – Nguyễn thuộc huyện Gia Lâm, phủ Thuận An, trấn Kinh Bắc ; nay thuộc Hà Nội.

Bắc (tỉnh) : tức Kinh Bắc. Xem **Kinh Bắc**.

Bắc Giang (lộ) : đời Trần gồm các huyện : Siêu Loại, Gia Lâm và các châu : Gia Lâm, Vũ Ninh, Bắc Giang ; tương đương với một phần đất Bắc Giang, Bắc Ninh và Vĩnh Yên ngày nay.

Bắc Trấn : trấn Kinh Bắc ; nay là các tỉnh Bắc Giang, Bắc Ninh.

Biển Sơn (núi) : chưa rõ thuộc vùng nào của Trung Quốc.

Bình Giang (sông) : tức sông Đuống, một nhánh của sông Cái chảy qua Hà Nội, Bắc Ninh, Hải Dương, Hải Phòng ra biển.

Bình Quan (xã) : đời Lê thuộc huyện Cẩm Giàng, trấn Hải Dương ; nay thuộc tỉnh Hải Dương.

Bố Hải (cửa biển) : cửa Bố Chính đời Lê thuộc phủ Tân Bình, xứ Thuận Hóa ; nay thuộc tỉnh Quảng Bình.

Bố Vệ (làng) : thuộc tổng Thọ Hạc, huyện Đông Sơn. Xem **Đông Sơn**.

Bồi Khê (xã) : đời Lê thuộc huyện Thanh Oai, phủ ứng Thiên, trấn Sơn Nam thượng, nay thuộc Hà Nội.

Bột Thái (xã) : thời Lê – Mạc thuộc huyện Hoằng Hóa, phủ Hà Trung, trấn Thanh Hoa ; nay thuộc tỉnh Thanh Hóa.

Bột Thượng (làng) : thuộc huyện Hoằng Hóa. Xem **Hoằng Hóa**.

C

Cái (sông) : tức sông Hồng, bắt nguồn từ Vân Nam, Trung Quốc ; chảy qua Lào Cai, Phú Thọ, Hà Nội, Hà Nam, Hưng Yên, Nam Định, Thái Bình ra biển.

Cao Bằng : đời Lê là phủ Bắc Bình, sau đổi là Cao Bình, tức Cao Bằng, có thời kỳ thuộc trấn Thái Nguyên ; đời Lê Trung hưng đổi làm trấn ; đời Nguyễn đổi tên thành phủ Trùng Khánh, sau đổi thành tỉnh Cao Bằng ; nay là tỉnh Cao Bằng

Cao Lãng (núi) : thuộc huyện Cao Lãng, phủ Khoái Châu, trấn Sơn Nam ; nay là huyện Tiên Lữ, thuộc tỉnh Hưng Yên.

Cao Xá (xã) : thuộc huyện Kim Động, đời Trần thuộc lộ Khoái Châu ; thời Lê – Nguyễn thuộc phủ Khoái Châu, trấn Sơn Nam ; nay thuộc huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên.

Cẩm Chương (xã) : thời Lê – Trịnh thuộc huyện Đông Ngàn. Xem **Đông Ngàn**.

Cầm Giàng (huyện) : đời Trần có tên là Đa Cầm, thuộc châu Thượng Hồng, lộ Lạng Giang ; đời Lê là phủ Thượng Hồng, trấn Hải Dương ; nay thuộc tỉnh Hải Dương.

Cần Hải (cửa bể) : còn gọi là Cần Hải, hoặc Cửa Cồn ; đời Lê thuộc huyện Quỳnh Lưu, phủ Diễn Châu, trấn Nghệ An ; nay thuộc tỉnh Nghệ An.

Chí Linh (huyện) : đời Lê thuộc phủ Nam Sách, trấn Hải Dương ; nay thuộc tỉnh Hải Dương.

Chiêm Thành : tên một quốc gia cổ ở phía Nam Việt Nam.

Chứ Xá (làng) : ở bến Đại Bái, thuộc huyện Văn Giang, phủ Thuận An, trấn Kinh Bắc, nay thuộc huyện Gia Lâm, Hà Nội.

Chương Đức (huyện) : đời Lê thuộc phủ Ứng Thiên, trấn Sơn Nam thượng, nay là huyện Chương Mỹ, Hà Nội.

Cổ Bi : thời Lê – Nguyễn thuộc huyện Gia Lâm, trấn Kinh Bắc ; nay thuộc Hà Nội.

Cổ Đô (làng) : thuộc huyện Tiên Phong. Xem **Tiên Phong**.

Cổ Đồi (xã) : thời Lê – Nguyễn thuộc huyện Nông Cống, phủ Tĩnh Gia, trấn Thanh Hoa ; nay thuộc tỉnh Thanh Hóa.

Cổ Hiên : thời Lê – Nguyễn thuộc huyện Thượng Phúc, phủ Thường Tín, trấn Sơn Nam thượng ; nay thuộc Hà Nội.

Cối Kê : ở tỉnh Chiết Giang, Trung Quốc.

Côn Luân (núi) : phát mạch từ Tuyên Quang đến châu Bạch Thông ; nay thuộc tỉnh Thái Nguyên.

Côn Sơn : thuộc huyện Phượng Nhãn ; đời Trần thuộc trấn Kinh Bắc ; nay thuộc huyện Chí Linh, tỉnh Hải Dương.

Công Luận (xã) : thời Lê – Nguyễn thuộc huyện Văn Giang, phủ Thuận An, trấn Kinh Bắc ; nay thuộc tỉnh Hưng Yên.

Cửa Nam (phố) : ở Hà Nội.

D

Dạ Sơn (núi) : tức Huê Tân Sơn, tức núi Mụ Dạ ; đời Lê thuộc huyện Đông Thành, phủ Diễn Châu, trấn Nghệ An ; nay thuộc tỉnh Nghệ An.

Dạ Trạch (đầm) : còn gọi là đầm Nhất Dạ ; nay thuộc xã Dạ Trạch, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên.

Dịch Vọng (xã) : đời Lê thuộc huyện Từ Liêm, trấn Sơn Tây ; nay thuộc Hà Nội.

Dĩnh Kế (xã) : thuộc huyện Phượng Nhãn, phủ Lạng Giang, trấn Kinh Bắc ; nay thuộc huyện Chí Linh, tỉnh Hải Dương.

Du Anh (núi) : tức núi Hý Mã, ở huyện Vĩnh Ninh, đời Lê về trước thuộc phủ Thiệu Thiên, trấn Thanh Hoa ; nay thuộc huyện Vĩnh Lộc, tỉnh Thanh Hóa.

Dùng (sông) : đời Lê thuộc huyện Nam Đường, trấn Nghệ An. Nam Đường, nay là hai huyện Anh Sơn và Nam Đàn, tỉnh Nghệ An.

Duy Tiên (huyện) : đời Lê thuộc phủ Ly Nhân, trấn Sơn Nam thượng ; nay thuộc tỉnh Hà Nam.

Đ

Đa Giá (làng) : thuộc huyện Gia Viễn. Xem **Gia Viễn**.

Đà Giang (đạo) : đời Trần là đạo ; đời Minh là huyện Tứ Mang, nay là huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La.

Đại An (huyện) : đời Lê thuộc phủ Nghĩa Hưng, trấn Sơn Nam hạ ; nay thuộc tỉnh Nam Định

Đại Đồng (làng) : nơi có sông Dùng ở huyện Nam Đường chảy qua. Xem **Nam Đường**.

Đan Phượng (huyện) : đời Trần thuộc châu Từ Liêm ; đời Lê thuộc trấn Sơn Tây ; đời Nguyễn thuộc tỉnh Sơn Tây ; nay thuộc Hà Nội.

Đàn Viên (xã) : đời Lê thuộc huyện Thanh Oai, phủ ứng Thiên, trấn Sơn Nam thượng ; nay thuộc Hà Nội.

Đào Úc (sách) : đời Đinh, *Đại Việt sử ký toàn thư* ghi là "Sách Đào Áo", thuộc huyện Gia Viễn, phủ Trường Yên ; nay thuộc tỉnh Ninh Bình.

Đặng Xá (xã) : có ở hai nơi :

1. Đời Trần thuộc huyện Đại Đường, lộ Đông Đô ; đời Lê thuộc huyện Hoài An, phủ Thường Tín ; nay là xã Đặng Giang, huyện Ứng Hòa, Hà Nội.

2. Đồi Trần thuộc huyện Hưng Nhân, phủ Tiên Hưng, trấn Sơn Nam hạ ; nay thuộc tỉnh Thái Bình.

Đình Ngang (phố) : nay là phố Đình Ngang, ở gần phố Cửa Nam, Hà Nội.

Đoài (xứ) : chỉ vùng Sơn Tây. Xem **Sơn Tây**.

Đoàn Lâm (xã) : đời Lê thuộc huyện Gia Phúc, phủ Hạ Hồng, xứ Hải Dương ; nay thuộc huyện Ninh Thanh, tỉnh Hải Dương.

Đốc Tín (làng) : thuộc huyện Kim Bảng. Xem **Kim Bảng**.

Độc (sông) : ở xứ Sơn Nam, không rõ nay là sông gì.

Đông (tỉnh, xứ) : tức Hải Dương. Xem **Hải Dương**.

Đông Bình : có lẽ là xã Đông Bình, đời Lê thuộc huyện Gia Định, phủ Thuận An, xứ Kinh Bắc ; nay thuộc tỉnh Bắc Ninh.

Đông Đô (thành) : tên kinh thành Thăng Long đời Hồ ; nay là Hà Nội.

Đông Lâu (xã) : đời Lê thuộc huyện Yên Phong, trấn Kinh Bắc ; nay thuộc tỉnh Bắc Giang.

Đông Liệt (đám) : đời Lê Trung hưng ở huyện Nam Đường, trấn Nghệ An. Xem thêm **Nam Đường**.

Đông Ngàn (huyện) : đời Lê về trước thuộc xứ Kinh Bắc ; nay thuộc tỉnh Bắc Ninh.

Đông Sơn (huyện) : đời Trần thuộc trấn Thanh Đô ; thời Lê – Nguyễn là trấn Thanh Hoa, nay thuộc tỉnh Thanh Hóa.

Đông Thành (huyện) : đời Trần thuộc châu Hoan, phủ lộ Nghệ An ; đời Lê thuộc phủ Diễn Châu, trấn Nghệ An ; nay thuộc tỉnh Nghệ An.

Đông Triều (huyện) : đời Trần là châu Đông Triều thuộc phủ lộ Tân Hưng ; đời Lê thuộc phủ Kinh Môn ; nay là huyện Đông Triều, thuộc tỉnh Quảng Ninh.

Đông Xuất : thuộc huyện Đông Ngàn. Xem **Đông Ngàn**

Đồng Luân (làng) : nơi có sông Dùng ở huyện Nam Đường chảy qua. Xem **Nam Đường**.

Động Đình (hồ) : ở địa phận tỉnh Hồ Nam, Trung Quốc.

Động Hải : đời Lê thuộc châu Bố Chính, phủ Tân Bình, xứ Thuận Hóa ; nay là thị xã Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình.

Đường Hào (huyện) : đời Lê thuộc trấn Hải Dương ; nay thuộc tỉnh Hải Dương.

G

Gia Định (huyện) : năm 1820 đổi là Gia Bình, phủ Thuận An, trấn Kinh Bắc ; nay là huyện Gia Lương, tỉnh Bắc Ninh.

Gia Định (tỉnh) : nay thuộc Thành phố Hồ Chí Minh.

Gia Lâm (huyện) : đời Trần thuộc lộ Bắc Giang ; từ đời Lê thuộc phủ Thuận An, trấn Kinh Bắc ; nay là Hà Nội.

Gia Phúc (huyện) : đời Lê thuộc phủ Hạ Hồng, trấn Hải Dương ; nay là huyện Ninh Thanh, tỉnh Hải Dương.

Gia Viễn (huyện) : đời Trần thuộc lộ Trường Yên ; đời Lê thuộc phủ Trường Yên, trấn Sơn Nam ; nay thuộc tỉnh Ninh Bình.

Giang Bắc : tên đất đời Lê, chưa rõ vùng nào.

Giang Đông (tỉnh) : xưa là căn cứ địa của Ngô Tôn Quyền, nay thuộc phía Nam sông Trường Giang, Trung Quốc.

Giao Châu (quận) : địa danh thời Bắc thuộc, bao gồm 8 huyện : Tống Bình (phía Nam sông Đuống và sông Hồng), Nam Định (phần đất tỉnh Bắc Ninh, phía Nam sông Đuống), Thái Bình (huyện Quốc Oai ngày nay), Giao Chỉ (giữa Hoài Đức và thị xã Sơn Tây), Chu Diên (vùng Hải Dương ngày nay), Long Biên (Tiên Du, Từ Sơn, Quế Võ), Bình Đạo (khoảng giữa Đông Anh và Vĩnh Phúc ngày nay), Vũ Bình (tức Hà Tây cũ, thuộc Hà Nội ngày nay).

Giao Nam : chỉ nước Việt Nam cổ.

Giao Thủy (huyện) : thời Trần – Lê thuộc phủ Thiên Trường ; nay là hai huyện Xuân Trường và Giao Thủy, tỉnh Nam Định.

H

Hà Dương (xã) : đời Lê thuộc huyện Hoàng Hóa. Xem **Hoàng Hóa**.

Hà Khẩu (phường) : nay là phố Hàng Buồm, Hà Nội.

Hà Liễu (xã) : đời Trần thuộc huyện Ngự Thiên, phủ lộ Long Hưng ; đời Nguyễn đổi là Hưng Nhân, thuộc phủ Tiên Hưng, trấn Sơn Nam hạ ; nay thuộc tỉnh Thái Bình.

Hà Lỗ : đời Nguyễn thuộc huyện Đông Ngàn. Xem **Đông Ngàn**.

Hà Lương (phố) : thuộc khu vực đầm Nhất Dạ. Xem **Đa Trạch**.

Hạ Hội (làng) : thuộc huyện Từ Liêm. Xem **Từ Liêm**.

Hải Dương (xứ) : thời Lý – Trần là lộ Hồng Châu, cuối đời Trần đổi làm trấn Hải Đông ; đời Lê sơ đổi làm thừa tuyên Hải Dương ; đời Minh Mạng đổi làm tỉnh Hải Dương ; nay là tỉnh Hải Dương.

Hàng Chiếu (phố) : ở Hà Nội.

Hàng Bông (phố) : ở Hà Nội.

Hát (sông) : một nhánh của sông Hồng, còn gọi là sông Đáy, chảy từ phía Tây Bắc tỉnh Hà Đông cũ về Ninh Bình.

Hậu Bổng (xã) : thuộc huyện Gia Phúc. Xem **Gia Phúc**.

Hoa Lư (động) : đời Trần thuộc huyện Yên Mô, lộ Trường Yên ; đời Lê thuộc phủ Trường Yên ; nay thuộc tỉnh Ninh Bình.

Hoa Yên (núi) : tức núi Yên Tử. Xem **Yên Tử**.

Hóa Giang (sông) : sông chảy qua huyện Hữu Lũng. Xem **Hữu Lũng**.

Hòa Lạc (xã) : thuộc huyện Hữu Lũng. Xem **Hữu Lũng**.

Hoạch Trạch (xã) : thời Lê – Nguyễn thuộc huyện Đường An, phủ Thượng Hồng, trấn Hải Dương ; nay thuộc tỉnh Hải Dương.

Hoài : tức sông Hoài Thủy, một trong bốn sông lớn của Trung Quốc, phát nguyên từ núi Đồng Bạch, tỉnh Hà Nam.

Hoài An (huyện) : thời Lê – Nguyễn thuộc phủ ứng Thiên, trấn Sơn Nam thượng ; nay là huyện Ứng Hòa, Hà Nội.

Hoài Bão (xã) : tức thôn Nội Duệ, đời Lê thuộc huyện Tiên Du. Xem **Tiên Du**.

Hoài Lãng (châu) : tức huyện Hoài An. Xem **Hoài An**.

Hoan (châu) : thời Bắc thuộc là vùng sông Lam ; Trần thuộc phủ lộ Nghệ An, gồm các huyện bên tả ngạn sông Lam ; nay thuộc các tỉnh Nghệ An, Hà Tĩnh.

Hoàng Giang (sông) : một nhánh của sông Thanh Quyết chảy qua vùng Gia Viễn, Nho Quan, tỉnh Ninh Bình ; cũng là tên khúc sông chảy qua huyện Nam Xương, trấn Sơn Nam đời Trần.

Hoắc Sa (làng) : thuộc vùng Sơn Tây xưa, nay là Hà Nội.

Hoàng Hóa (huyện) : đời Trần thuộc trấn Thanh Đô ; đời Lê thuộc phủ Hà Trung nay thuộc tỉnh Thanh Hóa.

Hội Trào (xã) : thuộc huyện Hoàng Hóa. Xem **Hoàng Hóa**.

Hồng Châu : đời Trần là lộ, cuối Trần đổi làm trấn Hải Đông. Xem thêm **Hải Dương**.

Hồng Môn : thuộc tỉnh Thiểm Tây, Trung Quốc.

Hồng Thị (làng) : thuộc huyện Trường Tân. Xem **Trường Tân**.

Huê Tân Sơn : tức Dạ Sơn. Xem **Dạ Sơn**.

Hưng Hóa (trấn) : tên trấn có từ đời Lê, nay đã bị bỏ. Gồm một số huyện của Vĩnh Yên, Phú Thọ, Hòa Bình, Nghĩa Lộ, Sơn La ngày nay.

Hưng Nguyên (huyện) : đời Trần là huyện Thượng Lộ hay Lộ Bình thuộc châu Hoan ; đời Lê thuộc phủ Anh Đô, trấn Nghệ An ; nay thuộc tỉnh Nghệ An.

Hữu Lũng (huyện) : còn gọi là Cổ Lũng ; đời Trần thuộc lộ Lạng Giang đời Lê thuộc trấn Kinh Bắc ; nay thuộc tỉnh Lạng Sơn.

Hữu Vĩnh (xã) : thuộc huyện Hoài An. Xem **Hoài An**.

Hý Mã (núi) : ở huyện Vĩnh Ninh. Xem **Du Anh**.

K

Kê Châu (xã) : thuộc huyện Kim Động. Xem **Kim Động**.

Khả Lãng : tức Hà Lương ; đời Lê thuộc huyện Vĩnh Ninh, sau đổi làm Vĩnh Phúc, thuộc phủ Thiệu Thiên, trấn Thanh Hoa ; nay thuộc huyện Vĩnh Lộc, tỉnh Thanh Hóa.

Khôi Trì (xã) : tức xã Cối Trì, đời Lê Trung hưng thuộc huyện Yên Mô, phủ Trường Yên, trấn Thanh Hoa ; nay thuộc huyện Tam Điệp, tỉnh Ninh Bình.

Kiên Lao (xã) : thuộc huyện Giao Thủy, thời Trần – Lê thuộc phủ Thiên Trường ; nay thuộc tỉnh Nam Định.

Kiến Nghiệp : vốn là ấp Kim Lăng nước Sở ; thời Tam quốc Ngô Tôn Quyền đóng đô ở đây ; nay là huyện Giang Ninh, tỉnh Giang Tô, Trung Quốc.

Kim Bảng (huyện) : đời Trần còn có tên là Cổ Bảng, thuộc châu Lý Nhân, lộ Đông Đô ; đời Lê thuộc phủ Lý Nhân, trấn Sơn Nam ; nay thuộc tỉnh Hà Nam.

Kim Động (huyện) : đời Trần là huyện Vĩnh Động, lộ Khoái Châu ; đời Lê thuộc phủ Khoái Châu, trấn Sơn Nam thượng ; nay thuộc tỉnh Hưng Yên.

Kim Hoa (huyện) : đời Lê thuộc trấn Kinh Bắc, đời Nguyễn đổi là huyện Kim Anh, thuộc phủ Bắc Hà, trấn Kinh Bắc ; nay là huyện Đông Anh, Hà Nội.

Kim Lương (huyện) : tức huyện Lương Tài hay Lang Tài ; nay là phần phía Nam huyện Gia Lương, tỉnh Bắc Giang.

Kim Ngưu (làng) : có ở hai nơi :

1. Thuộc huyện Văn Giang. Xem Văn Giang.
2. Thuộc Hà Nội.

Kim Thành (xã) : thuộc huyện An Định. Xem An Định.

Kim Thành (huyện) : đời Trần là huyện Cổ Phí, châu Đông Triều ; từ đời Lê đổi là Kim Thành ; đời Nguyễn thuộc phủ Kim Môn, tỉnh Hải Dương ; nay thuộc tỉnh Hải Dương.

Kim Tung (sông) : sông chảy qua huyện Thiên Bản. Xem thêm Thiên Bản.

Kinh Bắc : đời Trần gọi là lộ ; đời Lê đổi làm thừa tuyên, xứ, trấn, bao gồm các phủ Từ Sơn, Thuận An, Bắc Hà, Lạng Giang, nay là tỉnh Bắc Ninh và Bắc Giang.

Kinh Môn (huyện) : đời Trần về trước là huyện Giáp Sơn, thuộc phủ Tân Hưng ; đời Lê thuộc phủ Kinh Môn, trấn Hải Dương ; nay thuộc tỉnh Hải Dương.

L

La Chàng (xã) : thuộc huyện Thiên Thi. Xem **Thiên Thi**.

La Sơn (huyện) : đời Trần còn gọi là huyện Chi La, La Giang, phủ lộ Nghệ An ; đời Lê thuộc trấn Nghệ An ; nay là huyện Đức Thọ, tỉnh Hà Tĩnh.

Lai Châu (đất) : đời Lê thuộc phủ An Tây, trấn Hưng Hóa ; đời Nguyễn thuộc tỉnh Hưng Hóa ; nay là tỉnh Lai Châu.

Lam Kiều (xã) : thuộc huyện Gia Phúc. Xem **Gia Phúc**.

Lam Sơn : miền đất Lê Lợi dấy nghĩa đánh quân Minh thuộc huyện Nga Lạc, châu Thanh Hóa thời Trần – Hồ ; nay thuộc huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa.

Lâm Hộ (làng) : thuộc huyện Kim Hoa. Xem **Kim Hoa**.

Lâm Thao (huyện) : trước đời Trần còn gọi là huyện Sơn Vi ; đời Trần thuộc lộ Tam Giang ; đời Lê thuộc trấn Sơn Tây ; nay thuộc tỉnh Phú Thọ.

Lâm Thao (phủ) : đời Lê thuộc trấn Sơn Tây, bao gồm các huyện : Sơn Vi (tức huyện Lâm Thao ngày nay), Thanh Ba, Hoa Khê, Hạ Hòa, Tam Nông ; đời Nguyễn thuộc tỉnh Sơn Tây ; thời Pháp thuộc nằm trong tỉnh Phú Thọ, nay thuộc tỉnh Phú Thọ.

Lạng Giang (phủ) : thời Trần – Hồ gồm miền Tây Nam tỉnh Bắc Giang, miền Bắc miền Trung và miền Tây tỉnh Hải Dương và một phần miền Đông bắc tỉnh Hưng Yên ; từ đời Lê đến Nguyễn bao gồm các huyện Phượng Nhãn, Hữu Lũng, Yên Dũng, Bảo Lộc, Yên Thế, Lục Ngạn ; thời Pháp thuộc thêm huyện Bảo Lộc ; nay thuộc tỉnh Bắc Ninh.

Lạng Sơn (xứ) : đời Trần là lộ Lạng Sơn, thời thuộc Minh đổi làm trấn Lạng Sơn ; đời Lê gọi là đạo, thừa tuyên, xứ, đời Nguyễn gọi là tỉnh ; nay là tỉnh Lạng Sơn.

Lạng Sơn (thành) : nay là thị xã Lạng Sơn.

Lê Xá (xã) : đời Nguyễn thuộc huyện Gia Viễn. Xem **Gia Viễn**.

Liên Hồ : có lẽ là hồ Kim Liên, thuộc làng Kim Liên ; nay là hồ Ba Mẫu, thuộc quận Đống Đa, Hà Nội.

Liêu Hạ (xã) : thuộc huyện Đường Hào. Xem **Đường Hào**.

Liễu Cầu (xã) : thuộc huyện Thiên Thi. Xem **Thiên Thi**.

Lĩnh Mục (núi) : chưa rõ ở đâu.

Loa Thành : thuộc Đông Ngàn, Kinh Bắc ; nay thuộc Đông Anh, Hà Nội.

Long Châu (xã) : thuộc huyện An Sơn. Xem **An Sơn**.

Long Hồ (núi) : ở Tây Nam huyện Quý Khê, tỉnh Giang Tây, Trung Quốc.

Lỗ Khê (xã) : đời Nguyễn thuộc huyện Đông Ngàn, phủ Từ Sơn, trấn Kinh Bắc ; nay thuộc tỉnh Bắc Ninh.

Lục Ngạn (huyện) : đời Trần là huyện Na Ngạn, lộ Lang Giang ; đời Lê thuộc phủ Lạng Giang, trấn Kinh Bắc ; nay thuộc tỉnh Bắc Giang.

Luy Lâu (thành) : tức Loa Thành, đời Đường gọi là Luy Lâu thành, trấn lý của Giao Chỉ cũ, cũng gọi là Giao Châu.

Luy Lâu (vùng) : thuộc huyện Thuận Thành, lộ Bắc Giang ; nay là vùng chùa Dầu, tỉnh Bắc Ninh.

Lương (sông) : tức Lương Giang.

Lương Giang : tức sông Chu ; bắt nguồn từ Sầm Nưa (Lào), chảy qua các vùng của tỉnh Thanh Hóa : Bái Thượng, Thọ Xuân, Thiệu Hóa và hợp lưu với sông Mã ở ngã ba Bông.

Lý Nhân (phủ) : đời Trần là châu Ly Nhân, lộ Đông Đô ; thời Lê – Nguyễn thuộc trấn Sơn Nam ; nay thuộc tỉnh Hà Nam.

M

Mã Yên (núi) : đời Nguyễn về trước thuộc xã Mai Sao, châu Ôn, xứ Lạng Sơn ; nay thuộc tỉnh Lạng Sơn.

Man Xá (xã) : thuộc quận Siêu Khê. Xem **Siêu Khê**.

Mạn Trù (bến) : thuộc huyện Khoái Châu ; đời Trần là huyện Đông Kết, lộ Khoái Châu ; đời Lê là huyện Đông Yên, phủ Khoái Châu, trấn Sơn Nam ; nay thuộc huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên.

Minh Luân (xã) : thời Lê – Nguyễn thuộc huyện Đường An, phủ Thượng Hồng, trấn Hải Dương ; nay thuộc tỉnh Hải Dương.

Minh Quả (làng) : sau đổi là Minh Tảo, rồi Xuân Tảo, thuộc huyện Từ Liêm. Xem **Từ Liêm**.

Mỏ Điều (núi) : ở phía Đông huyện Lục Ngạn. Xem **Lục Ngạn**.

Mộ Trạch (xã) : thuộc huyện Đường An, đời Trần thuộc châu Thượng Hồng ; đời Lê thuộc trấn Hải Dương ; nay thuộc tỉnh Hải Dương.

Mộc Châu : đời Trần là hai huyện Mông và Tứ Mang, thuộc trấn Thiên Hưng ; đời Lê bao gồm huyện Mộc Châu ngày nay và một phần huyện Mai Đà, thuộc trấn Hưng Hóa ; đời Nguyễn thuộc tỉnh Hưng Hóa ; nay Mộc Châu là một huyện của tỉnh Sơn La.

Mông Phụ (làng) : có lẽ thuộc vùng Sơn Tây xưa.

Mục Đà : cánh đồng phía Nam đô ấp của vua Trụ nhà Thương ; nay thuộc tỉnh Hà Nam, Trung Quốc.

Mỹ Lộc (huyện) : thời Trần – Lê thuộc phủ Thiên Trường, trấn Sơn Nam hạ ; đời Nguyễn thuộc tỉnh Nam Định ; nay thuộc tỉnh Nam Định.

Mỹ Lương (núi) : thuộc huyện Mỹ Lương. Xem **Mỹ Lương**.

Mỹ Lương (huyện) : đời Trần thuộc trấn Quảng Oai ; đời Lê thuộc phủ Thiên Trường, trấn Sơn Nam ; đời Nguyễn thuộc tỉnh Sơn Tây ; nay là hai huyện Mỹ Đức (Hà Nội) và Lương Sơn (tỉnh Hòa Bình).

N

Na Sơn : tức núi Nưa, thuộc xã Cổ Định, huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa.

Nam Đàn (huyện) : thời Bắc thuộc có tên là Nam Đường, thuộc Hoan Châu, Nhật Nam quận ; đời Trần thuộc châu Hoan ; đời Lê thuộc phủ Đức Quang, trấn Nghệ An ; nay thuộc tỉnh Nghệ An.

Nam Đạo : chỉ trấn Sơn Nam hạ ; đời Lê sơ, đơn vị trấn có lúc gọi là đạo, xứ và thừa tuyên. Xem **Sơn Nam**.

Nam Đường (huyện) : tức huyện Nam Đàn. Xem **Nam Đàn**.

Nam Hải (biển) : vùng biển Quảng Đông, Lôi Châu, còn gọi là biển Chi Na (Trung Quốc).

Nam Mẫu (xã) : thuộc châu Bạch Thông. Xem **Bạch Thông**.

Nam Ninh : tên huyện, vốn thuộc Ung Châu ; nay là thủ phủ tỉnh Quảng Tây, Trung Quốc.

Nam Quan (cửa) : cửa khẩu phía Bắc, thuộc tỉnh Lạng Sơn.

Nam Xương (huyện) : đời Trần thuộc châu Lý Nhân ; đời Lê thuộc phủ Lý Nhân, trấn Sơn Nam ; nay là huyện Lý Nhân, tỉnh Hà Nam.

Ngọc Lặc (thôn) : thuộc huyện Tứ Kỳ. Xem **Tứ Kỳ**.

Ngọc Sơn (huyện) : đời Trần là huyện Cổ Chiến, châu Cửu Chân, trấn Thanh Đô ; đời Lê thuộc phủ Hà Trung, trấn Thanh Hoa ; nay là huyện Tĩnh Gia, tỉnh Thanh Hóa.

Ngọc Trì (xã) : thuộc huyện Kim Lương. Xem **Kim Lương**.

Ngũ (sông) : thuộc xã Tam Kỳ. Xem **Tam Kỳ**.

Ngũ Hồ : tên năm hồ lớn của Trung Quốc có thuyết nói chỉ là Thái Hồ ở vào địa phận hai tỉnh Giang Tô và Chiết Giang.

Nguyệt Áng (xã) : thuộc tổng Vĩnh Ninh, huyện Thanh Trì. Xem **Thanh Trì**.

Nguyệt Viên (xã) : thuộc huyện Hoàng Hóa. Xem **Hoàng Hóa**.

Ngự Thiên (huyện) : đời Trần thuộc phủ lộ Long Hưng ; đời Lê thuộc trấn Sơn Nam ; đời Nguyễn đổi là Hưng Nhân ; nay thuộc tỉnh Thái Bình.

Nhai Sơn : ở giữa biển thuộc phía Nam huyện Tam Hội, tỉnh Quảng Đông, Trung Quốc.

Nghệ An (châu) : đời Trần là phủ lộ ; đời Lê là trấn ; đời Nguyễn đến nay là tỉnh Nghệ An.

Nhất Dạ (đầm) : còn gọi tên là đầm Dạ Trạch. Xem **Dạ Trạch**.

Nhật Cảo (xã) : thuộc huyện Hưng Nhân ; đời Lê là huyện Ngự Thiên, phủ Tiên Hưng, trấn Sơn Nam hạ ; nay thuộc tỉnh Thái Bình.

Nhị (sông) : xem **Nhị Hà**.

Nhị Hà (sông) : cũng gọi là Nhĩ Hà, tức sông Hồng.

Nhị Khê (xã) : thuộc huyện Thượng Phúc. Xem **Thượng Phúc**.

Như Kinh (xã) : đời Nguyễn thuộc huyện Gia Lâm, phủ Thuận An, xứ Kinh Bắc ; nay thuộc Hà Nội.

Nội Nghiệp (xã) : thuộc huyện Yên Phong. Xem **Yên Phong**.

Nóng Cống (huyện) : đời Trần thuộc châu Cửu Chân, trấn Thanh Đô ; đời Lê thuộc phủ Hà Trung, trấn Thanh Hoa ; nay thuộc tỉnh Thanh Hóa.

Nưa (núi) : tức núi Na, Na Sơn. Xem **Na Sơn**.

O

Ôn (châu) : đời Nguyễn thuộc trấn Lạng Sơn ; nay là huyện Ôn Châu, tỉnh Lạng Sơn.

Ông Mạc (làng) : đời Lê thuộc huyện Đông Ngàn. Xem **Đông Ngàn**.

P

Phong (ấp) : thuộc huyện Bái ; đời Hán đặt thành huyện ; nay thuộc tỉnh Giang Tô, Trung Quốc.

Phong Châu : thời Bắc thuộc là quận Phong Châu ; nay thuộc tỉnh Phú Thọ.

Phù Dung (trạm) : trạm đặt ở bên hồ Động Đình, Trung Quốc. Xem thêm **Động Đình**.

Phùng Xá (làng) : thuộc huyện Thạch Thất. Xem **Thạch Thất**.

Phù Hoa (châu) : đời Lê là huyện Phù Dung ; đời Mạc đổi là Phù Hoa, thuộc trấn Sơn Nam ; đời Nguyễn đổi là Phù Cừ ; nay thuộc tỉnh Hưng Yên.

Phù Khê (xã) : thuộc huyện Đông Ngàn. Xem **Đông Ngàn**.

Phù Thạch : có lẽ là khúc sông Lam chảy qua địa phận La Sơn (nay là huyện Đức Thọ), tỉnh Hà Tĩnh. Ở đây có một bến sông cùng tên từng lưu danh trong lịch sử địa lý dân tộc. Xem thêm **La Sơn**.

Phú Lương (sông) : tức sông Nhĩ Hà, cũng gọi là Nhị Hà ; nay là sông Hồng.

Phú Xuân (xã) : huyện Phú Lương ; đời Trần thuộc trấn Thái Nguyên ; từ đời Nguyễn thuộc tỉnh Thái Nguyên ; nay là tỉnh Thái Nguyên.

Phú Xuân (xã) : thuộc tổng Kim Thanh, huyện Tiên Minh, phủ Nam Sách, trấn Hải Dương ; nay thuộc tỉnh Hải Dương.

Phủ Lý (xã) : thuộc huyện Đông Sơn. Xem **Đông Sơn**.

Phùng Xá (làng) : thuộc huyện Thạch Thất. Xem **Thạch Thất**.

Phương Trà (xã) : thuộc huyện Nam Xương. Xem **Nam Xương**.

Phượng Hoàng (núi) : thuộc làng Kiệt Đặc, huyện Phượng Nhãn. Xem **Phượng Nhãn**.

Phượng Nhân (huyện) : đời Trần có tên là Long Nhân ; nay là huyện Chí Linh, tỉnh Hải Dương.

Q

Quảng Đức (huyện) : đời Lê thuộc phủ Trung Đô ; đời Nguyễn thuộc huyện Thọ Xương, trấn Bắc Thành ; nay thuộc Hà Nội.

Quảng Nam : thời Trần – Hồ thuộc đất người Chiêm ; đời Lê được đặt thành thừa tuyên ; đời Nguyễn chia làm 4 trấn : Quảng Nam, Quảng Ngãi, Bình Định, Phú Yên ; sau thành 4 tỉnh.

Quảng Tín : thuộc đất Thương Ngô, Trung Quốc. Xem **Thương Ngô**.

Quảng Xương (huyện) : đời Lê thuộc phủ Tĩnh Gia, trấn Thanh Hoa ; nay thuộc tỉnh Thanh Hóa.

Quảng Yên (trấn) : một tên khác của tỉnh Quảng Ninh ngày nay. Xem **An Quảng**.

Quốc Oai (huyện) : đời Trần thuộc trấn Sơn Tây ; đời Nguyễn thuộc tỉnh Sơn Tây ; nay thuộc Hà Nội.

S

Sa Nam (trại) : thuộc huyện Nam Đường. Xem **Nam Đường**.

Siêu Khê (quận) : tức huyện Siêu Loại ; đời Trần thuộc lộ Bắc Giang ; đời Lê do phủ Thuận An kiêm lý ; đời Nguyễn do phủ Thuận Thành kiêm lý ; nay là huyện Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh.

Sơn La : đời Lê đổi thành châu, thuộc trấn Hưng Hóa, đời Nguyễn đổi là tỉnh Sơn La ; nay là tỉnh Sơn La.

Sơn Nam : gồm Sơn Nam thượng và Sơn Nam hạ ; đời Trần còn gọi là lộ Thiên Trường, bao gồm vùng đất Thái Bình, Nam Định, một phần Hưng Yên và Hà Tây (nay thuộc Hà Nội).

Sơn Tây : đời Trần là các lộ Tam Giang, Tam Đới, Quảng Oai, Quốc Oai ; năm 1466 là thừa tuyên Quốc Oai ; năm 1469 gọi là Sơn Tây ; đầu niên hiệu Gia Long lệ vào Bắc Thành ; năm 1831 đổi làm tỉnh Sơn Tây ; nay thuộc Hà Nội.

Sơn Trang (xã) : thuộc huyện Hoàng Hóa. Xem **Hoàng Hóa**.

Sơn Vi (huyện) : đời Trần thuộc châu Thao Giang, lộ Tam Giang, đời Lê do phủ Lâm Thao kiêm lý, thuộc trấn Sơn Tây ; nay là huyện Lâm Thao, tỉnh Phú Thọ.

Sùng Sơn (núi) : tức vùng núi miền Thanh Hóa ngoại, nơi có đền thờ Liễu Hạnh Công chúa (đền Sòng), nay thuộc huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa.

T

Tam Đảo (núi) : nay thuộc huyện Tam Đảo, tỉnh Vĩnh Phúc

Tam Kỳ (xã) : đời Lê thuộc trấn Thanh Hoa, nay chưa rõ là vùng nào.

Tản Viên (núi) : thuộc Hà Nội.

Tào Sơn (xã) : đời Mạc thuộc huyện Ngọc Sơn. Xem **Ngọc Sơn**.

Tàn Đình : thuộc huyện Giang Ninh, tỉnh Giang Tô, Trung Quốc.

Tây Sơn : nơi phát tích của ba anh em Nguyễn Nhạc, Nguyễn Huệ, Nguyễn Lữ ; nay thuộc huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định.

Tây Vệ (xã) : thuộc huyện Hưng Nhân : Xem thêm **Thái Đường**.

Thạch Thất (huyện) : đời Trần thuộc châu Từ Liêm, lộ Đông Đô ; đời Lê thuộc phủ Quốc Oai, trấn Sơn Tây ; nay thuộc Hà Nội.

Thái Đường (xã) : thuộc huyện Hưng Nhân ; đời Lê là huyện Ngự Thiên, phủ Tiên Hưng, trấn Sơn Nam hạ ; nay thuộc tỉnh Thái Bình.

Thái Nguyên (trấn) : đời Trần là trấn ; đời Lê đổi là thừa tuyên Ninh Sóc ; đời Nguyễn đổi là tỉnh Thái Nguyên.

Thanh Chương (huyện) : đời Trần gọi là huyện Thổ Du, thuộc phủ lộ Nghệ An ; đời Lê thuộc phủ Đức Quang, trấn Nghệ An ; nay thuộc tỉnh Nghệ An .

Thanh Hoa (trấn) : xem Thanh Hóa.

Thanh Hóa (trấn) : thời Bắc thuộc có tên là Cửu Chân, châu Ái ; nhà Đinh vẫn giữ tên ấy ; nhà Lý đặt làm trại, sau đổi là phủ ; đời Trần gọi là Thanh Hoa, Thanh Đô trấn ; đời Lê là thừa tuyên Thanh Hoa, nay phần lớn thuộc tỉnh Thanh Hóa.

Thanh Lăng (xã) : thuộc huyện Thủy Đường. Xem **Thủy Đường**.

Thanh Oai (huyện) : đời Trần thuộc châu Quốc Oai, lộ Đông Đô ; đời Lê thuộc phủ Ứng Thiên, trấn Sơn Nam thượng ; nay thuộc Hà Nội.

Thanh Trì (huyện) : trước đời Trần gọi là châu Long Đàm ; đời Trần là huyện Long Đàm, châu Thượng Phúc, lộ Đông Đô ; đời Lê là huyện Thanh Trì, phủ Thường Tín, trấn Sơn Nam ; nay thuộc Hà Nội.

Thần Phù (cửa biển) : đời Lê thuộc huyện Nga Sơn, phủ Hà Trung, trấn Thanh Hoa, nguyên tên là Thần Đầu ; nay đã bị đất bồi, thuộc địa phận huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hóa.

Thăng Long : kinh đô Việt Nam các đời Lý – Trần – Lê.

Thất (huyện) : theo nguyên chú truyện *Ác báo*, số 57, thuộc xứ Hải Dương ; nay thuộc tỉnh Hải Dương, chưa rõ là huyện nào.

Thất Diệu (núi) : ở làng Lam Cầu, tổng Quỳnh Lâm, huyện Quỳnh Lưu, thuộc tỉnh Nghệ An ngày nay.

Thiên Bản (huyện) : đời Trần thuộc phủ Kiến Hưng, lộ Hoàng Giang ; đời Lê thuộc phủ Nghĩa Hưng, trấn Sơn Nam ; nay là huyện Vụ Bản, tỉnh Nam Định.

Thiên Đức (sông) : tức sông Đuống, chảy qua phủ Thiên Đức, trấn Kinh Bắc ; nay là tỉnh Bắc Ninh.

Thiên Phù (sông) : một nhánh sông chảy qua kinh thành Thăng Long, nay có lẽ đã bị lấp.

Thiên Thi (huyện) : đời Trần thuộc lộ Khoái Châu ; đời Lê thuộc phủ Khoái Châu, trấn Sơn Nam thượng ; nay là huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên.

Thiên Trúc : thuộc Ấn Độ ngày nay.

Thiên Vực (xã) : đời Trần thuộc huyện Vĩnh Lộc, còn gọi là Vĩnh Ninh, trấn Thanh Đô ; nay thuộc huyện Vĩnh Lộc, tỉnh Thanh Hóa.

Thiện Phiến (xã) : đời Lê thuộc huyện Tiên Lữ, phủ Khoái Châu, trấn Sơn Nam thượng ; nay thuộc tỉnh Hải Dương.

Thiết Bình (xã) : đời Trần thuộc huyện Đông Ngàn, lộ Bắc Giang ; đời Lê thuộc phủ Từ Sơn, trấn Kinh Bắc ; nay thuộc tỉnh Bắc Ninh.

Thiệu Thiên (phủ) : từ đời Nguyễn đổi là Thiệu Hóa, thuộc trấn Thanh Hoa ; nay thuộc tỉnh Thanh Hóa.

Thọ Cầu (xã) : thuộc huyện Duy Tiên ; đời Lê thuộc phủ Ly Nhân, trấn Sơn Nam thượng ; nay thuộc tỉnh Hà Nam.

Thọ Triền (xã) : thuộc huyện Đại An. Xem **Đại An**.

Thổ Du (huyện) : đời Trần thuộc phủ lộ Nghệ An ; nay là huyện Thanh Chương, tỉnh Nghệ An.

Thổ Hoàng (làng) : thuộc huyện Thiên Thi. Xem **Thiên Thi**.

Thu Tinh (núi) : có lẽ là núi Kim Nhan, xưa thuộc huyện Thanh Chương, nay thuộc huyện Anh Sơn, tỉnh Nghệ An.

Thuận Châu : đời Trần thuộc lộ Thuận Hóa, gồm các huyện Ba Lãng, Lợi Điều, An Nhơn, Thạch Lan, tức là đất Quảng Trị từ Cửa Việt trở vào ; đời Nguyễn là phủ Triệu Phong ; nay thuộc tỉnh Quảng Trị.

Thuận Hóa : đời Lê là trấn ; nay thuộc vùng Quảng Trị, Thừa Thiên – Huế.

Thụy Hương (xã) : thuộc huyện Yên Sơn, phủ Quốc Oai, trấn Sơn Tây ; nay thuộc huyện Từ Liêm, Hà Nội.

Thủy Đường (huyện) : đời Trần thuộc châu Đông Triều, phủ Tân Hưng ; đời Lê thuộc trấn Hải Dương ; nay là huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng.

Thương Ngô : thuộc tỉnh Quảng Tây, Trung Quốc.

Thương Sơn : thuộc tỉnh Thiểm Tây, Trung Quốc.

Thượng Cát (làng) : thuộc huyện Từ Liêm. Xem **Từ Liêm**.

Thượng Phúc (huyện) : đời Trần là huyện Bảo Phúc, thuộc lộ Đông Đô ; đời Lê thuộc phủ Thường Tín, trấn Sơn Nam ; hiện là huyện Thường Tín, Hà Nội.

Tích Ma (phường) : đời Lê về trước là phường Yên Thái, vùng Bưởi, Hà Nội ngày nay.

Tiên Châu (xã) : thuộc huyện Tiên Lữ. Xem **Tiên Lữ**.

Tiên Du (huyện) : đời Trần thuộc châu Vũ Ninh, lộ Bắc Giang ; đời Lê thuộc phủ Từ Sơn, trấn Kinh Bắc ; nay thuộc tỉnh Bắc Ninh.

Tiên Loan (xã) : thuộc xứ Thái Nguyên, châu Bạch Thông. Xem **Bạch Thông**.

Tiên Lữ (huyện) : đời Trần thuộc lộ Khoái Châu ; đời Lê là huyện Tiên Lữ, đời Mạc đổi là Tiên Hoa ; đời Lê Trung hưng đổi về tên cũ, thuộc trấn Sơn Nam thượng ; nay thuộc tỉnh Hưng Yên.

Tiên Lữ (núi) : thuộc huyện An Sơn. Xem **An Sơn**.

Tiên Phong (huyện) : còn có tên là Tân Phong ; thời Lê – Nguyễn thuộc phủ Quảng Oai, trấn Sơn Nam thượng ; nay là Thị trấn Quảng Oai, huyện Ba Vì, Hà Nội.

Tiên Liệt (xã) : thuộc huyện Vĩnh Lại. Xem **Vĩnh Lại**.

Tiêu Tương : nơi hai nhánh sông Tiêu và sông Tương gặp nhau ở huyện Kim Lăng, tỉnh Hồ Nam, Trung Quốc. Tiêu Tương cũng là biệt danh của sông Tiêu hoặc phiếm chỉ vùng Hồ Nam, Trung Quốc.

Tiêu Viên : tức Lệ Chi Viên thuộc trấn Kinh Bắc ; nay thuộc xã Thái Bảo, huyện Gia Bình, tỉnh Bắc Ninh.

Tô Lịch (sông) : chảy qua nội thành Thăng Long ; nay ở Hà Nội vẫn còn một số đoạn.

Tống Sơn (huyện) : đời Trần gọi là huyện Tống Giang thuộc Châu Ái, trấn Thanh Đô ; đời Lê thuộc phủ Hà Trung, trấn Thanh Hoa ; nay là huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa.

Trà Sơn (xã) : đời Lê Trung hưng thuộc huyện Đông Sơn. Xem **Đông Sơn**.

Tràng An : cũng gọi là Trường An, chỉ kinh thành Thăng Long, nay là Hà Nội.

Trâm Châu : có lẽ là một vùng đất miền thượng Nghệ An, nhưng chưa rõ nay là vùng nào.

Trấn Nam (ải) : có lẽ đây là Trấn Nam Quan. Xem **Nam Quan**.

Trâu Sơn (núi) : thuộc huyện Vũ Ninh ; đời Trần thuộc lộ Bắc Giang ; nay là huyện Võ Giàng, tỉnh Bắc Ninh.

Trung Cản : thuộc huyện Thanh Chương. Xem **Thanh Chương**.

Trường Tân (huyện) : đời Trần thuộc phủ Tân Hưng ; nay là huyện Gia Lộc, tỉnh Hải Dương.

Tụy Động : đời Nguyễn thuộc huyện Mỹ Lương, phủ Quốc Oai, trấn Sơn Tây ; nay thuộc Hà Nội.

Tuyên Quang (xứ) : đời Trần là trấn Tuyên Quang ; Lê đổi làm thừa tuyên ; nay là tỉnh Tuyên Quang.

Tư Long Thành : xem **Loa Thành**.

Từ Liêm (huyện) : đời Lê thuộc phủ Quốc Oai, trấn Sơn Tây ; đời Nguyễn thuộc phủ Hoài Đức, tỉnh Hà Nội ; nay thuộc Hà Nội.

Tứ Kỳ (huyện) : đời Lê thuộc trấn Hải Dương. Xem **Hải Dương**.

Tự Nhiên (bãi) : thuộc huyện Thượng Phúc. Xem **Thượng Phúc**.

Tử Trầm (xã) : sau đổi là Long Châu thuộc huyện An Sơn. Xem **An Sơn**.

Tức Mặc (xã) : thuộc huyện Mỹ Lộc. Xem **Mỹ Lộc**.

Tượng Quận : tên vùng đất đời Tần, trong đó có Việt Nam.

V

Vạn Kiếp : thuộc xã Vạn Yên, huyện Phượng Nhãn. Xem **Phượng Nhãn**.

Vạn Ninh (châu) : thuộc trấn Quảng Yên. Xem **Quảng Yên**.

Vân Giang (huyện) : đời Trần là huyện Tế Giang, châu Gia Lâm, lộ Bắc Giang ; đời Lê thuộc phủ Thuận An, trấn Kinh Bắc ; nay cũng là huyện Văn Giang, tỉnh Hưng Yên.

Vân Lang : quốc hiệu Việt Nam thời Hùng Vương.

Vân Diêm (xã) : thời Lê – Mạc thuộc huyện Đông Ngàn, phủ Từ Sơn, trấn Kinh Bắc ; nay là xã Vân Hà, huyện Đông Anh, Hà Nội.

Vân Mộng (núi) : tên một ngọn núi thuộc huyện Kim Bảng. Xem **Kim Bảng**.

Vân Nam : một tỉnh của Trung Quốc, giáp biên giới Việt Nam.

Vân Sàng (sông) : khúc sông chảy qua núi Non Nước, thị xã Ninh Bình ngày nay.

Viêm Bang : chỉ Việt Nam thời cổ.

Việt Thường : theo *Dư địa chí* của Nguyễn Trãi, Việt Thường là đất từ Quảng Trị tới Quảng Nam, song có khi cũng được dùng để gọi nước Việt Nam thời cổ.

Vĩnh Kiều (xã) : thuộc huyện Đông Ngàn. Xem **Đông Ngàn**.

Vĩnh (sông) : một con sông ở huyện Gia Phúc. Xem **Gia Phúc**.

Vĩnh Dụ (sông) : tên một con sông ở trấn Sơn Tây, không rõ nay là sông nào.

Vĩnh Lại (huyện) : đời Trần là huyện Đồng Lợi thuộc Hồng Châu, đến năm 1838 tách 3 tổng nhập với 5 tổng của huyện Tứ Kỳ đặt thành huyện Vĩnh Bảo thuộc tỉnh Hải Dương, nay là huyện Vĩnh Bảo thuộc thành phố Hải Phòng.

Vĩnh Lâm (núi) : thuộc xã Hữu Vĩnh, huyện Hoài An. Xem **Hoài An**.

Vĩnh Ninh (huyện) : đời Trần thuộc trấn Thanh Đô ; đời Lê Trung hưng đổi là Vĩnh Lộc ; nay thuộc tỉnh Thanh Hóa.

Vĩnh Trị (xã) : thuộc huyện Hoàng Hóa. Xem **Hoàng Hóa**.

Voi (núi) : tức núi Yên Tử. Xem **Yên Tử**.

Vô Ngại (xã) : thuộc huyện Đường Hào, trấn Hải Dương. Xem **Hải Dương**.

X - Y

Xuân Đài (núi) : tức núi Hý Mã. Xem **Hý Mã**.

Xuân Lôi (xã) : có ở nhiều nơi :

1. Thuộc huyện Lập Thạch, trấn Sơn Tây. Xem **Sơn Tây**.
2. Thuộc huyện Võ Giàng, xứ Kinh Bắc. Xem **Kinh Bắc**.
3. Thuộc huyện Yên Phong, xứ Kinh Bắc. Xem **Kinh Bắc**.
4. Thuộc huyện Thu Vật, xứ Tuyên Quang. Xem **Tuyên Quang**.

Y Tịch (xã) : thời Lê – Nguyễn thuộc huyện Hữu Lũng, phủ Lạng Giang, trấn Kinh Bắc ; nay thuộc tỉnh Lạng Sơn.

Yên Kinh : quốc đô của nước Yên thời Chiến quốc, nay là Bắc Kinh, Trung Quốc.

Yên Lãng (xã) : có ở nhiều nơi : huyện Đông Triều, phủ Kinh Môn, trấn Hải Dương (nay thuộc tỉnh Hải Dương) ; huyện Lập Thạch, Yên Lãng, phủ Tam Đới, trấn Sơn Tây (xem thêm Sơn Tây) ; huyện Yên Phong, phủ Từ Sơn (nay thuộc các tỉnh Bắc Giang, Bắc Ninh) ; huyện Vĩnh Thuận, phủ Hoài Đức (nay là Hà Nội) ; châu Bảo Lạc, châu Đại Man, phủ Yên Bình, xứ Tuyên Quang (nay thuộc tỉnh Tuyên Quang).

Yên Phong (huyện) : đời Trần thuộc châu Vũ Ninh, lộ Bắc Giang, đời Lê thuộc phủ Từ Sơn, trấn Kinh Bắc ; nay thuộc tỉnh Bắc Ninh.

Yên Tử (núi) : đời Trần thuộc huyện Đông Triều, phủ lộ Tân Hưng ; đời Lê thuộc đạo Đông Triều ; đời Nguyễn thuộc huyện Đông Triều, tỉnh Hải Dương ; nay thuộc huyện Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh.

CÁC BẢNG TRA CỨU TẬP IV

I

TRA CỨU TÊN TRUYỆN

(Chữ Việt)

A - B

Bảng nhãn họ Hà (Hà Bảng nhãn), 197

Biết chuyện kiếp trước, 152

Bốn con cùng đổ (Tứ tử đăng khoa truyện), 204

C

Cá trắm giòn dưa (Qua bằng hữu lễ), 178

Chân nhân Phạm Viên (Tiên nhân Phạm Viên ký), 200

Chị em đôi con (Tỷ muội dịch nhi), 160

Chim khướu (Tần cát liêu), 198

Chó trắng ba chân (Bạch khuyển tam túc truyện), 188

Chúa sơn lâm đo đếm (Sơn quân quyền đạc), 176

Chuyện lạ đáng ghi (Dị văn khả ký), 209

Chuyện lạ núi Nưa (Nà Sơn kỳ tích), 179

Chuyện người thợ đá (Thạch nhân truyện), 214

Con cây có nghĩa (Nghĩa ly), 180

Cọp dạy (Hổ giáo), 163

Cọp giữ bình hồ (Hổ thủ bồn đầu), 165

Cuộc gặp gỡ kỳ lạ (Việt Nam kỳ phùng sự lục), 153

Cuộc hôn nhân ở Âm phủ (Minh hôn), 192

Cuộc gặp gỡ kỳ thú ở vườn hoa (Hoa viên kỳ ngộ), 155

D - Đ

Đi ghe bị quả báo (Quỷ mầu báo phục truyện), 205

Dòng dõi tiên hươu (Lộc tiên đi truyện), 212

Đại vương Ốc (Loa đại vương truyện ký), 203

Điện Long vương (Long vương điện), 190

Đuôi uoi biết nói (Tinh tinh năng ngôn), 211

G - H

Gái thân (Thần nữ), 177

Giữa đồng ép cuộc mây mưa (Dã chiếm uyên ương), 171

Gọi người khác bằng cha (Vị tha nhân phụ), 175

Hai thân tranh kiện (Luống thân tương tụng), 204

Hài cốt nữ hiệp dưới gốc hồng mai (Hồng mai hiệp cốt), 178

Ham điều nhân rước tai họa (Hiếu nhân tốc cữu), 166

Hổ làm Lý trưởng (Hổ vi Lý trưởng), 186

Hướng đất và luật trời (Địa lý thiên lý), 185

K - L

Khách chôn của (Khách nhân mai kim truyện), 206

Khoán ước chết thuê (Cố tử khoán), 167

Lê Kính (Lê Kính ký), 202

M

Ma thất cổ (ải quỷ), 170

Ma trành (Hổ trành), 159

Mẹ nào con ấy (Thử mầu thử tử), 182

Mèo lửa (Phiến cục), 183

Mình ngọc biển đảo (Ngọc thân huyền hóa), 154

N

Nàng Bích Châu đi chơi cõi tiên (Bích Châu du tiên mạn ký), 149

Ngải trăm ngày (Bách nhật ngải), 156

Người con gái mang lột rùa (Quy nữ), 192

Người đẩy tổ của hổ (Hổ bộc), 193

Người mặc vỏ cây (Mộc y tử), 166

Nguyễn Tả Ao (Nguyễn Tả Ao ký), 187

Nhà giàu tướng hành khát (Phú gia khát tướng), 181

Nhạn biển (Hải nhạn), 194

O - P - Q

Ông tiên Đông Thành, 151

Phùng Phụ đất Việt (Việt Nam Phùng Phụ), 177

Quân tử kết giao (Quân tử chi giao), 213

Quận công Lướt Gió (Phong lậu Quận công), 162

Quý núi (Sơn quý), 196

T

Tay luôn hòng cộp (Thủ thám hổ hầu), 174

Thách thức với thần, 150

Thái thú Diễn Châu (Diễn Châu Thái thú ký), 207

Thầy bói quái dị – Tục gọi là thầy đạo (Cổ quái bốc sư truyện – Tục danh thầy đạo), 208

Thượng thư bán cam (Mại cam Thượng thư), 195

Tiến sĩ Lý Trần Dự (Tiến sĩ Lý Trần Dự ký), 189

Tiến sĩ Trần Danh Tiêu (Tiến sĩ Trần Danh Tiêu ký), 201

Tiết phụ hai chồng (Luỡng phu trình tiết), 158

Tổng đốc họ Nguyễn (Nguyễn Tổng đốc), 199

Treo mo cau bán ba ba (Huyền lang mại miết), 173

Tướng ở xương (Tướng cốt), 168

V - X - Y

Vinh hiển ở cõi âm (Minh quý), 161

Vút dao đồ tể (Phóng đồ đao), 169

Xử tội chuột (Nghỉئن thử), 157

II

TRA CÚU TÊN TRUYỆN

(Chữ Hán)

A - B

Ái quỷ 縊鬼 (Ma thất cổ), 170

Bách nhật ngải 百日艾 (Ngải trăm ngày), 156

Bạch khuyển tam túc truyện 白犬三足傳 (Chó trắng ba chân), 188

Bích Châu du tiên mạn ký 碧珠遊仙漫記 (Nàng Bích Châu đi chơi cõi tiên), 149

C - D - Đ

Cổ tử khoán 雇死券 (Khoán ước chết thuê), 167

Cổ quái bốc sư truyện - Tục danh thầy đạo 古怪卜師傳 [俗名柴道]
(Thầy bói quái dị - Tục gọi là thầy đạo), 208

Dã chiếm uyên ương 野占鴛鴦 (Giữa đồng ép cuộc mây mưa), 171

Dị văn khả ký 異聞可記 (Chuyện lạ đáng ghi), 209

Diễn Châu Thái thú ký 濱州太守記 (Thái thú Diễn Châu), 207

Địa lý thiên lý 地理天理 (Hướng đất và luật trời), 185

H

Hà Bảng nhãn 何榜眼 (Bảng nhãn họ Hà), 197

Hải nhạn 海雁 (Nhạn biển), 194

Hiếu nhân tốc cứu 好仁速咎 (Ham điều nhân rước tai họa), 172

Hoa viên kỳ ngộ 花園奇遇 (Cuộc gặp gỡ kỳ thú ở vườn hoa), 155

Hổ bộc 虎僕 (Người đầy tớ của Hổ), 193

Hổ giáo 虎教 (Cọp dạy), 163

Hổ thủ bồn đầu 虎守盆頭 (Cọp giữ bình hồ), 165

Hổ thành 虎倥 (Ma thành), 159

Hổ vi Lý trưởng 虎爲里長 (Hổ làm Lý trưởng), 186

Hồng mai hiệp cốt 紅梅俠骨 (Hải cốt nữ hiệp dưới gốc hồng mai), 184

Huyền lang mai miết 懸榔賣蜜 (Treo mo cau bán ba ba), 173

K - L

Khách nhân mai kim truyện 客人埋金傳 (Khách chôn của), 206

Lê Kính ký 黎敬記 (Lê Kính), 202

Loa đại vương truyện ký 螺大王傳記 (Đại vương Ốc), 203

Lộc tiên di truyện 鹿仙遺傳 (Dòng dõi tiên hươu), 212

Long vương điện 龍王殿 (Điện Long vương), 190

Lương phu trình tiết 兩夫貞節 (Tiết phụ hai chồng), 158

Lưỡng thần tương tụng 兩神相訟 (Hai thần tranh kiện), 210

M

Mại cam Thượng thư 賣柑尙書 (Thượng thư bán cam), 194

Mình hôn 冥昏 (Cuộc hôn nhân ở Âm phủ), 191

Mình quý 冥貴 (Vinh hiển ở cõi Âm), 161

Mộc y tử 木衣子 (Người mặc vỏ cây), 166

N

Na Sơn kỳ tích 那山奇蹟 (Chuyện lạ núi Nưa), 179

Nghĩa lý 義理 (Con cây có nghĩa), 180

Nghiễn thủ 讞鼠 (Xử tội chuột), 157

Ngọc thân huyền hóa 玉身幻化 (Mình ngọc biến ảo), 154

Nguyễn Tả Ao ký 阮左洵記 (Nguyễn Tả Ao), 187

Nguyễn Tổng đốc 阮總督 (Tổng đốc họ Nguyễn), 199

P

Phiến cục 騙局 (Mẹo lừa), 177

Phong lậu Quận công 風漏郡公 (Quận công Lướt Gió), 162

Phóng đồ đao 放屠刀 (Vứt đao đồ tể), 169

Phú gia khát tướng 富家乞相 (Nhà giàu tướng hành khát), 181

Q - S

Qua bằng hữu lễ 瓜棚有鯉 (Cá trắm giàn dưa), 178

Quân tử chi giao 君子之交 (Quân tử kết giao), 213

Quy nữ 龜女 (Người con gái mang lột rùa), 192

Quỷ mẫu báo phục truyện 鬼母報復傳 (Dì ghẻ bị quả báo), 205

Sơn quân quyền đặc 山君權度 (Chúa sơn lâm đo đếm), 176

Sơn quỷ 山鬼 (Quỷ núi), 196

T

Tân cát liễu 秦吉了 (Chim khướu), 198

Thạch nhân truyện 石人傳 (Chuyện người thợ đá), 214

Thần nữ 神女 (Gái thần), 177

Thủ thám hổ hầu 手探虎喉 (Tay luôn họng cọp), 174

Thử mẫu thử tử 此母此子 (Mẹ nào con ấy), 182

Tiên nhân Phạm Viên ký 仙人范員記 (Chân nhân Phạm Viên), 200

Tiến sĩ Lý Trần Dư ký 進士李陳瀕記 (Tiến sĩ Lý Trần Dư), 189

Tiến sĩ Trần Danh Tiêu ký 進士陳名標記 (Tiến sĩ Trần Danh Tiêu), 201

Tinh tinh năng ngôn 猩猩能言 (Đười ươi biết nói), 211

Tứ tử đăng khoa truyện 四子登科傳 (Bốn con cùng đỗ), 204

Tướng cốt 相骨 (Tướng ở xương), 168

Tỷ muội dịch nhi 娣妹易兒 (Chị em đổi con), 160

V

Vị tha nhân phụ 謂他人父 (Gọi người khác bằng cha), 175

Việt Nam kỳ phùng sự lục 越南奇逢事錄 (Cuộc gặp gỡ kỳ lạ), 153

Việt Nam Phùng Phụ 越南馮婦 (Phùng Phụ đất Việt), 164

III

TRA CỨU NIÊN HIỆU

Bảo Thái (1720 - 1729) : niên hiệu của Lê Dụ Tông (1680 - 1731), vua thứ hai mươi ba nhà Lê.

Cảnh Hưng (1740 - 1786) : niên hiệu của Lê Hiến Tông (1716 - 1786), vua thứ hai mươi bảy nhà Lê.

Gia Long (1802 - 1820) : niên hiệu của Nguyễn Phúc Ánh (1762 - 1820), vua đầu nhà Nguyễn.

Hồng Đức (1470 - 1497) : niên hiệu của Lê Thánh Tông (1442 - 1497), vua thứ năm nhà Lê.

Hưng Long (1293 - 1314) : niên hiệu của Trần Anh Tông (1276 - 1320), vua thứ tư nhà Trần.

Khánh Đức (1649 - 1652) : niên hiệu của Lê Thần Tông (1607 - 1662), vua thứ mười chín nhà Lê.

Long Đức (1732 - 1735) : niên hiệu của Lê Thuần Tông (1699 - 1735), vua thứ hai mươi lăm nhà Lê.

Minh Mạng (1820 - 1840) : niên hiệu của Nguyễn Phúc Đảm (1791 - 1840), vua thứ hai nhà Nguyễn.

Phúc Thái (1643 - 1649) : niên hiệu của Lê Chân Tông (1630 - 1649), vua thứ mười tám nhà Lê.

Quảng Hựu (1085 - 1091) : niên hiệu của Lý Nhân Tông (1072 - 1128), vua thứ tư của nhà Lý.

Thịnh Đức (1653 - 1657) : niên hiệu của Lê Thần Tông (1607 - 1662), vua thứ mười chín nhà Lê.

Thuận Thiên (1428 - 1433) : niên hiệu của Lê Thái Tổ (1385 - 1433), vua sáng nghiệp nhà Lê.

Trùng Quang (1409 - 1414) : niên hiệu của Trần Quý Khoáng (? - 1414), vua thứ hai nhà Hậu Trần.

Tự Đức (1847 - 1883) : niên hiệu của Nguyễn Hồng Nhậm (1829 - 1883), vua thứ tư nhà Nguyễn.

Vĩnh Hựu (1735 - 740) : niên hiệu của Lê Ý Tông (1719 - 1759), vua thứ hai mươi sáu nhà Lê.

Vĩnh Tộ (1619 - 1628) : niên hiệu của Lê Thần Tông (1607 - 1662), vua thứ mười bảy nhà Lê.

IV TRA CỨU TÊN ĐẤT

A

Ái Lao (nước) : nước Lào ngày nay.

An Bài (xã) : thuộc huyện Đông Thành. Xem **Đông Thành**.

An Định (huyện) : còn đọc là Yên Định, đời Lê thuộc phủ Thiệu Thiên, trấn Thanh Hóa ; nay thuộc tỉnh Thanh Hóa.

An Lạc (xã) : ở Bắc Hà nhiều huyện có xã, thôn mang tên An Lạc là : Thanh Lâm, Tứ Kỳ, Vĩnh Lại, Thanh Miện (trấn Hải Đông), Yên Lạc, Mỹ Lương (Sơn Tây) ; Hoài An, Chương Đức, Tiên Lữ, Kim Bảng (Sơn Nam thượng) ; Thiên Bản, Thần Khê, Tiên Hưng (Sơn Nam hạ) ; Văn Giang, Bảo Lộc (Kinh Bắc) ; Vạn Ninh (An Quảng) ; Kỳ Hoa, Nghi Xuân, Đông Thành, Nam Đường (Nghệ An) ; Nga Sơn, Thụy Nguyên, Yên Định, Ngọc Sơn, Quảng Sơn (Thanh Hóa) ; Thiên Quang, Phụng Hóa (Thái Bình) ; nay thuộc các tỉnh và thành phố : Hải Dương, Hưng Yên, Hà Nội, Nam Định, Hà Nam, Thái Bình, Quảng Ninh, Thanh Hóa, Nghệ An.

An Liễu : có lẽ là An Bài. Xem **An Bài**.

An Tây (phủ) : còn đọc là Yên Tây, thuộc trấn Hưng Hóa ; nay thuộc một phần đất tỉnh Vĩnh Yên và Hà Nội.

B

Ba Thục (đất) : xưa vốn là một nước riêng, sau bị nhà Tần diệt rồi đặt thành một quận gọi là Thục quận, gồm các phủ Thành Đô, Long An, Đông Xuyên, Nhã Châu cũ của tỉnh Tứ Xuyên, Trung Quốc

Bàn Sơn : chưa rõ.

Bàn Thành : tức thành Đồ Bàn, một trong những kinh thành của Chiêm thành cũ ; nay thuộc tỉnh Bình Định.

Bảo Lộc (huyện) : đời Lê thuộc phủ Lạng Giang, trấn Kinh Bắc ; nay thuộc tỉnh Lạng Sơn.

Bảo Lục (huyện) : có lẽ là huyện Bảo Lộc viết nhầm. Xem **Bảo Lộc**.

Bát Tràng (xã) : thời Lê – Nguyễn thuộc huyện Gia Lâm, phủ Thuận An, trấn Kinh Bắc ; nay thuộc Hà Nội.

Bắc (tỉnh) : tức Kinh Bắc ; nay là các tỉnh Bắc Ninh, Bắc Giang.

Bắc Hà (phủ) : đời Nguyễn gồm các huyện Tiên Phúc (nay là Đa Phúc), Kim Hoa, Hiệp Hòa, Yên Việt (nay là Việt Yên) ; nay thuộc Bắc Giang, Vĩnh Yên, Phúc Thọ.

Bắc Ninh (tỉnh) : nay là tỉnh Bắc Ninh.

Bắc Thành (thành) : chỉ kinh thành Thăng Long sau khi nhà Lê mất, nhà Nguyễn lên ngôi.

Bình An (xã) : đời Nguyễn thuộc huyện Thư Trì, phủ Kiến Xương, trấn Sơn Nam hạ ; nay thuộc tỉnh Thái Bình.

Bình Giang : tức sông Đuống.

Bình Ngô (xã) : thuộc huyện Gia Bình. Xem **Gia Bình**.

Bồ Đề (bến) : bến bờ Bắc sông Hồng, đời Lê thuộc huyện Gia Lâm, Kinh Bắc ; nay thuộc quận Long Biên, Hà Nội.

Bột Thượng (làng) : thuộc Hoàng Hóa. Xem **Hoàng Hóa**.

Bút Sơn (xã) : thời Lê – Trịnh thuộc huyện Hoàng Hóa. Xem **Hoàng Hóa**.

C

Cách Bi (xã) : đời Nguyễn thuộc huyện Quế Dương, phủ Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh ; nay thuộc tỉnh Bắc Ninh.

Cao Bằng : đời Lê là phủ Bắc Bình, sau đổi là Cao Bình, tức Cao Bằng, có thời kỳ thuộc trấn Thái Nguyên ; đời Lê Trung hưng đổi làm trấn ; đời Nguyễn đổi tên thành phủ Trùng Khánh, sau đổi thành tỉnh Cao Bằng ; nay là tỉnh Cao Bằng.

Cao Hương : đời Trần thuộc huyện Thiên Bản ; nay là huyện Vụ Bản, tỉnh Nam Định.

Cao Mỹ : đời Lê thuộc huyện Thân Khê, phủ Tiên Hưng, trấn Sơn Nam hạ ; nay thuộc tỉnh Thái Bình.

- Cao Lãng** (núi) : thuộc huyện Cao Lãng, phủ Khoái Châu, trấn Sơn Nam ; nay là huyện Tiên Lữ, thuộc tỉnh Hưng Yên.
- Chân Định** (huyện) : đời Trần có tên là Chân Lợi ; đời Lê là Trực Định thuộc phủ Kiến Xương ; nay thuộc tỉnh Thái Bình.
- Chân Phúc** (huyện) : đời Trần có tên là Tân Phúc ; đời Minh đổi là Chân Phúc ; đời Lê thuộc phủ Đức Quang, trấn Nghệ An ; nay là huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An.
- Châu Cầu** (xã) : thời Lê – Nguyễn thuộc huyện Kim Bảng, phủ Lý Nhân, trấn Sơn Nam thượng ; nay là tỉnh Hà Nam.
- Châu Giang** : xem **Châu Cầu**.
- Chiêm Thành** (nước) : về phía Nam nước Đại Việt thời xưa. Từ Hoành Sơn trở vào, về sau được sáp nhập vào lãnh thổ Việt Nam.
- Chung Nam** : chưa rõ.
- Cổ Am** (xã) : đời Lê thuộc huyện Vĩnh Lại. Xem thêm **Vĩnh Lại**.
- Cổ Loa** : thuộc huyện Đông Anh, Hà Nội, nơi xây dựng Loa Thành.
- Cổ Lộng** (thành) : đời Lê thuộc huyện Gia Viễn, phủ Trường Yên ; nay thuộc tỉnh Ninh Bình.

D

- Dạ Sơn** (núi) : tức Huê Tân Sơn, tức núi Mộ Dạ ; đời Lê thuộc huyện Đông Thành, phủ Diễn Châu, trấn Nghệ An ; nay thuộc huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An.
- Di Ái** (xã) : thuộc huyện Đan Phượng, phủ Quốc Oai, trấn Sơn Tây ; nay thuộc Hà Nội.
- Diễn Châu** (châu) : thời Trần – Hồ thuộc trấn Vọng Giang ; nay thuộc tỉnh Nghệ An.
- Doanh Man** (đất) : chưa rõ nay thuộc vùng nào.
- Dương Châu** : một thị thành thuộc tỉnh Giang Tô, Trung Quốc.
- Dương Húc** (xã) : thuộc huyện Đông Ngàn, trấn Kinh Bắc ; nay thuộc huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh.
- Đa Hòa** (xã) : thời Lê – Nguyễn thuộc huyện Đông An (Đông Yên), phủ Khoái Châu, trấn Sơn Nam thượng ; nay thuộc tỉnh Hưng Yên.

Đà (sông) : tức sông Đà.

Đà Giang (đạo) : đời Trần là đạo ; đời Minh là huyện Tứ Mang ; nay là huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La.

Đại Trạch (xã) : đời Lê thuộc huyện Siêu Loại, phủ Thuận An, trấn Kinh Bắc ; nay thuộc tỉnh Bắc Ninh.

Đan Phượng (huyện) : đời Trần thuộc châu Từ Liêm ; đời Lê thuộc trấn Sơn Tây ; đời Nguyễn thuộc tỉnh Sơn Tây ; nay thuộc Hà Nội.

Đào Xá (xã) : đời Trung hưng có nhiều xã mang tên Đào Xá, ở các huyện : Đường Hào, Đường An (trấn Hải Dương) ; Bát Bạt (Sơn Tây) ; Sơn Minh, Kim Động (Sơn Nam thượng) ; Đông An, Hưng Nhân, Đông Quan, Phụ Dực (Sơn Nam hạ) ; Lang Tài (Kinh Bắc) ; Tư Nông (Thái Nguyên) ; nay có ở các tỉnh : Hải Dương, Hưng Yên, Thái Bình, Hà Nội, Thái Nguyên.

Điệp Sơn (núi) : tức núi Tam Điệp, đời Lê thuộc huyện Tống Sơn, trấn Thanh Hoa ; nay thuộc huyện Tam Điệp, tỉnh Ninh Bình.

Đoan Châu : tức châu Đoan Hùng ; đời Trần thuộc lộ Tam Giang ; đời Lê thuộc trấn Sơn Tây ; đời Nguyễn thuộc tỉnh Sơn Tây ; nay thuộc tỉnh Phú Thọ.

Đoan Hùng : xem **Đoan Châu**.

Đoan Môn (cửa) : cửa thành thuộc kinh thành Thăng Long.

Đông Ngạc (xã) : đời Nguyễn thuộc huyện Quốc Oai, trấn Sơn Tây ; nay thuộc huyện Từ Liêm, Hà Nội.

Đông Ngàn (huyện) : đời Lê về trước thuộc Kinh Bắc ; nay thuộc tỉnh Bắc Ninh.

Đông Ngạn (huyện) : tức Đông Ngàn. Xem **Đông Ngàn**.

Đông Quan (thành) : tên kinh đô Thăng Long thời thuộc Minh ; nay là Hà Nội.

Đông Thành (huyện) : đời Trần thuộc châu Hoan, phủ lộ Nghệ An ; đời Lê thuộc phủ Diễn Châu, trấn Nghệ An ; nay thuộc tỉnh Nghệ An.

Đồng Kỵ (làng) : thuộc huyện Diễn Châu. Xem **Diễn Châu**.

Đồng Ngạc : có lẽ thuộc huyện Chân Phúc, nay là huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An.

Cao Lãng (núi) : thuộc huyện Cao Lãng, phủ Khoái Châu, trấn Sơn Nam ; nay là huyện Tiên Lữ, thuộc tỉnh Hưng Yên.

Chân Định (huyện) : đời Trần có tên là Chân Lợi ; đời Lê là Trực Định thuộc phủ Kiến Xương ; nay thuộc tỉnh Thái Bình.

Chân Phúc (huyện) : đời Trần có tên là Tân Phúc ; đời Minh đổi là Chân Phúc ; đời Lê thuộc phủ Đức Quang, trấn Nghệ An ; nay là huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An.

Châu Cầu (xã) : thời Lê – Nguyễn thuộc huyện Kim Bảng, phủ Ly Nhân, trấn Sơn Nam thượng ; nay là tỉnh Hà Nam.

Châu Giang : xem **Châu Cầu**.

Chiêm Thành (nước) : về phía Nam nước Đại Việt thời xưa. Từ Hoành Sơn trở vào, về sau được sáp nhập vào lãnh thổ Việt Nam.

Chung Nam : chưa rõ.

Cổ Am (xã) : đời Lê thuộc huyện Vĩnh Lại. Xem thêm **Vĩnh Lại**.

Cổ Loa : thuộc huyện Đông Anh, Hà Nội, nơi xây dựng Loa Thành.

Cổ Lộng (thành) : đời Lê thuộc huyện Gia Viễn, phủ Trường Yên ; nay thuộc tỉnh Ninh Bình.

D

Dạ Sơn (núi) : tức Huê Tân Sơn, tức núi Mộ Dạ ; đời Lê thuộc huyện Đông Thành, phủ Diễn Châu, trấn Nghệ An ; nay thuộc huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An.

Di Ái (xã) : thuộc huyện Đan Phượng, phủ Quốc Oai, trấn Sơn Tây ; nay thuộc Hà Nội.

Diễn Châu (châu) : thời Trần – Hồ thuộc trấn Vọng Giang ; nay thuộc tỉnh Nghệ An.

Doanh Man (đất) : chưa rõ nay thuộc vùng nào.

Dương Châu : một thị thành thuộc tỉnh Giang Tô, Trung Quốc.

Dương Húc (xã) : thuộc huyện Đông Ngàn, trấn Kinh Bắc ; nay thuộc huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh.

Đa Hòa (xã) : thời Lê – Nguyễn thuộc huyện Đông An (Đông Yên), phủ Khoái Châu, trấn Sơn Nam thượng ; nay thuộc tỉnh Hưng Yên.

Đà (sông) : tức sông Đà.

Đà Giang (đạo) : đời Trần là đạo ; đời Minh là huyện Tứ Mang ; nay là huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La.

Đại Trạch (xã) : đời Lê thuộc huyện Siêu Loại, phủ Thuận An, trấn Kinh Bắc ; nay thuộc tỉnh Bắc Ninh.

Đan Phượng (huyện) : đời Trần thuộc châu Từ Liêm ; đời Lê thuộc trấn Sơn Tây ; đời Nguyễn thuộc tỉnh Sơn Tây ; nay thuộc Hà Nội.

Đào Xá (xã) : đời Trung hưng có nhiều xã mang tên Đào Xá, ở các huyện : Đường Hào, Đường An (trấn Hải Dương) ; Bát Bạt (Sơn Tây) ; Sơn Minh, Kim Động (Sơn Nam thượng) ; Đông An, Hưng Nhân, Đông Quan, Phụ Dực (Sơn Nam hạ) ; Lang Tài (Kinh Bắc) ; Tư Nông (Thái Nguyên) ; nay có ở các tỉnh : Hải Dương, Hưng Yên, Thái Bình, Hà Nội, Thái Nguyên.

Điệp Sơn (núi) : tức núi Tam Điệp, đời Lê thuộc huyện Tống Sơn, trấn Thanh Hoa ; nay thuộc huyện Tam Điệp, tỉnh Ninh Bình.

Đoan Châu : tức châu Đoan Hùng ; đời Trần thuộc lộ Tam Giang ; đời Lê thuộc trấn Sơn Tây ; đời Nguyễn thuộc tỉnh Sơn Tây ; nay thuộc tỉnh Phú Thọ.

Đoan Hùng : xem **Đoan Châu**.

Đoan Môn (cửa) : cửa thành thuộc kinh thành Thăng Long.

Đông Ngạc (xã) : đời Nguyễn thuộc huyện Quốc Oai, trấn Sơn Tây ; nay thuộc huyện Từ Liêm, Hà Nội.

Đông Ngàn (huyện) : đời Lê về trước thuộc Kinh Bắc ; nay thuộc tỉnh Bắc Ninh.

Đông Ngạn (huyện) : tức Đông Ngàn. Xem **Đông Ngàn**.

Đông Quan (thành) : tên kinh đô Thăng Long thời thuộc Minh ; nay là Hà Nội.

Đông Thành (huyện) : đời Trần thuộc châu Hoan, phủ lộ Nghệ An ; đời Lê thuộc phủ Diễn Châu, trấn Nghệ An ; nay thuộc tỉnh Nghệ An.

Đông Kỳ (làng) : thuộc huyện Diễn Châu. Xem **Diễn Châu**.

Đồng Ngạc : có lẽ thuộc huyện Chân Phúc, nay là huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An.

G

Gia Bình (huyện) : đời Lê thuộc phủ Thuận An, trấn Kinh Bắc ; nay thuộc tỉnh Bắc Ninh. Xem thêm **Gia Định**.

Gia Định (huyện) : năm 1820 đổi là Gia Bình, phủ Thuận An, trấn Kinh Bắc nay là huyện Gia Lương, tỉnh Bắc Ninh.

Gia Lâm (huyện) : đời Trần thuộc lộ Bắc Giang ; từ đời Lê thuộc phủ Thuận An, trấn Kinh Bắc ; nay thuộc Hà Nội.

Già Lũng : tên một vùng đất phía Tây bắc đời Lê, chưa rõ nay là vùng nào.

Gia Viễn (huyện) : đời Trần thuộc lộ Trường Yên ; đời Lê thuộc phủ Trường Yên, trấn Sơn Nam ; nay thuộc tỉnh Ninh Bình.

Giang Bắc : tên đất đời Lê, chưa rõ vùng nào.

Giang Nam : tỉnh thuộc Trung Quốc.

Giao Châu (quận) : địa danh thời Bắc thuộc, bao gồm 8 huyện : Tống Bình (phía Nam sông Đuống và sông Hồng), Nam Định (phần đất tỉnh Bắc Ninh, phía Nam sông Đuống), Thái Bình (huyện Quốc Oai ngày nay), Giao Chỉ (giữa Hoài Đức và thị xã Sơn Tây), Chu Diên (vùng Hải Dương, Hưng Yên ngày nay), Long Biên (gồm Tiên Du, Từ Sơn, Quế Võ ngày nay), Bình Đạo (khoảng giữa Đông Anh và Vĩnh Yên ngày nay), Vũ Bình (tức Hà Tây, nay thuộc Hà Nội).

Giao Thủy (huyện) : thời Trần – Lê thuộc phủ Thiên Trường ; nay là hai huyện Xuân Trường và Giao Thủy, tỉnh Nam Định.

Gươm (hồ) : hồ ở trung tâm thành phố Hà Nội ngày nay.

H

Hà Lô : đời Nguyễn thuộc huyện Đông Ngàn. Xem **Đông Ngàn**.

Hà Thành : tức thành Hà Nội.

Hà Tĩnh : thời Đinh – Lê thuộc Hoan Châu ; thời Trần – Hồ thuộc phủ Nghệ An ; đời Nguyễn thuộc Nghệ An ; nay là tỉnh Hà Tĩnh.

Hải Dương (xứ) : thời Lý – Trần là lộ Hồng Châu, cuối đời Trần đổi làm trấn Hải Đông ; đời Lê đổi làm thừa tuyên Hải Dương ; đời Minh Mệnh đổi thành tỉnh Hải Dương ; nay là tỉnh Hải Dương.

Hải Đông (châu) : đời Trần là lộ Hải Dương ; đời Lê gọi là lộ Yên Bang ; đời Nguyễn là phủ Hải Đông, trấn Yên Quảng ; nay là tỉnh Quảng Ninh.

Hàng Châu (thành phố) : nơi đô hội và nhiều cảnh đẹp của tỉnh Chiết Giang, Trung Quốc.

Hàng Đông (phố) : nay thuộc thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định.

Hào Môn : thuộc huyện Ngọc Sơn. Xem **Ngọc Sơn**.

Hoa Châu : chưa rõ.

Hoài : tức sông Hoài Thủy, một trong bốn sông lớn của Trung Quốc, phát nguyên từ núi Đồng Bạch, tỉnh Hà Nam.

Hoan (châu) : thời Bắc thuộc là vùng sông Lam ; đời Trần thuộc phủ lộ Nghệ An, gồm các huyện bên tả ngạn sông Lam ; nay là các tỉnh Nghệ An, Hà Tĩnh.

Hoang Lý (đất) : có lẽ thuộc đạo Đà Giang. Xem **Đà Giang**.

Hoành Sơn (núi) : đời Trần thuộc địa phận châu Bố Chính, phủ Tân Bình, giáp giới giữa Hà Tĩnh và Quảng Bình ngày nay.

Hoàng Hóa (huyện) : đời Trần thuộc trấn Thanh Đô ; đời Lê thuộc phủ Hà Trung ; nay thuộc tỉnh Thanh Hóa.

Hoàng Nghĩa (xã) : có lẽ thuộc huyện Hoàng Hóa ; nay thuộc Thanh Hóa. Xem **Hoàng Hóa**.

Hồ Tôn Tinh : theo *Đại Việt sử ký toàn thư* Chiêm Thành còn gọi là Hồ Tôn, nên có thể Hồ Tôn Tinh cũng chỉ Chiêm Thành.

Hồ Lao : tức Thành Cao, một địa danh thời Xuân thu, Chiến quốc ; nay thuộc huyện Phì Thủy, tỉnh Hà Nam, Trung Quốc.

Hồng Lĩnh (núi) : đời Lê thuộc phủ Đức Quang, trấn Nghệ An ; nay thuộc tỉnh Hà Tĩnh.

Hung Hóa (trấn) : tên trấn có từ đời Lê, nay đã bị bỏ. Gồm một số huyện của Vĩnh Yên, Phú Thọ, Hòa Bình, Nghĩa Lộ, Sơn La ngày nay.

K

Khai Trung (xã) : thuộc huyện Đông Thành. Xem **Đông Thành**.

Khánh Hòa : từ đời chúa Nguyễn sáp nhập vào Việt Nam ; năm 1831 đặt tỉnh Khánh Hòa, nay là tỉnh Khánh Hòa.

Khoa Trường (trạm) : thuộc huyện Ngọc Sơn, phủ Tĩnh Gia, trấn Thanh Hoa ; nay thuộc huyện Tĩnh Gia, tỉnh Thanh Hóa.

Kiểm Châu : tức Quý Châu, một tỉnh của Trung Quốc.

Kiểm Các : thuộc đất Thục, nay là tỉnh Tứ Xuyên, Trung Quốc.

Kim Bảng (huyện) : đời Trần còn có tên là Cổ Bảng, thuộc châu Lý Nhân, lộ Đông Đô ; đời Lê thuộc phủ Lý Nhân, trấn Sơn Nam ; nay thuộc tỉnh Hà Nam.

Kim Động (huyện) : đời Trần là huyện Vĩnh Động, lộ Khoái Châu ; đời Lê thuộc phủ Khoái Châu, trấn Sơn Nam thượng ; nay thuộc tỉnh Hưng Yên.

Kim Hoàng (xã) : đời Lê thuộc huyện Từ Liêm. Xem **Từ Liêm**.

Kim Long (núi) : có lẽ là tên một ngọn núi ở quanh vùng Loa Thành.

Kim Lũ : thuộc huyện Thanh Trì, phủ Thường Tín, trấn Sơn Nam thượng ; nay là huyện Thanh Trì, Hà Nội.

Kim Thành (xã) : thuộc huyện An Định. Xem **An Định**.

Kim Thành (huyện) : đời Trần là huyện Cổ Phí, châu Đông Triều ; từ đời Lê đổi làm Kim Thành ; đời Nguyễn thuộc phủ Kinh Môn, tỉnh Hải Dương ; nay thuộc tỉnh Hải Dương.

Kim Thước : chưa rõ thuộc vùng nào.

Kinh Bắc : đời Trần gọi là lộ ; đời Lê đổi làm thừa tuyên, xứ, trấn, bao gồm các phủ Từ Sơn, Thuận An, Bắc Hà, Lạng Giang ; nay là các tỉnh Bắc Giang, Bắc Ninh.

Kỳ Anh (huyện) : đời Trần là huyện Hà Hoa, phủ lộ Nghệ An ; đời Lê thuộc trấn Nghệ An ; nay thuộc tỉnh Hà Tĩnh.

Kỳ Hoa (cửa biển) : còn gọi là cửa Kỳ La, hay cửa Nhượng, thuộc xã Nhượng Bạt ; nay là Cẩm Long, huyện Cẩm Xuyên, tỉnh Hà Tĩnh.

L

La Sơn (huyện) : đời Trần còn gọi là huyện Chi La, La Giang, phủ lộ Nghệ An ; đời Lê thuộc trấn Nghệ An ; nay là huyện Đức Thọ, tỉnh Hà Tĩnh.

La Thành : tức thành Đại La. Vốn là tên thành do Cao Biền (thời Bắc thuộc) xây quanh phủ đô hộ, sau thành tên chỉ Hà Nội bây giờ.

Lạc Thổ (xã) : có lẽ thuộc trấn Thanh Hoa ; nay là tỉnh Thanh Hóa.

Lai Châu (đất) : đời Lê thuộc phủ An Tây, trấn Hưng Hóa ; đời Nguyễn thuộc tỉnh Hưng Hóa ; nay là tỉnh Lai Châu.

Lai Triều (cửa sông) : thuộc huyện Kim Động ; đời Trần là huyện Vĩnh Động, lộ Khoái Châu ; đời Lê thuộc trấn Sơn Nam ; nay thuộc tỉnh Hưng Yên.

Lam Kiều (xã) : thuộc huyện Gia Phúc. Huyện Gia Phúc đời Lê thuộc phủ Hạ Hồng, trấn Hải Dương ; nay là huyện Ninh Thanh, tỉnh Hải Dương.

Lam Sơn : miền đất Lê Lợi dấy nghĩa đánh quân Minh thuộc huyện Nga Lạc, châu Thanh Hoa thời Trần – Hồ ; nay thuộc huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa.

Lâm Thao (huyện) : trước đời Trần còn gọi là huyện Sơn Vi ; đời Trần thuộc lộ Tam Giang ; đời Lê thuộc trấn Sơn Tây ; nay thuộc tỉnh Phú Thọ.

Lang Tài (huyện) : đời Trần gọi là huyện Thiện Tài, lộ Bắc Giang ; đời Lê và Nguyễn thuộc phủ Thuận An, trấn Kinh Bắc ; nay là phần phía Nam huyện Gia Lương, tỉnh Bắc Ninh.

Lạng Giang (phủ) : thời Trần – Hồ gồm miền Tây Nam tỉnh Bắc Giang, Bắc miền Trung và miền Tây tỉnh Hải Dương và một phần miền Đông Bắc tỉnh Hưng Yên ; từ đời Lê đến Nguyễn bao gồm các huyện Phượng Nhãn, Hữu Lũng, Yên Dũng, Bảo Lộc, Yên Thế, Lục Ngạn ; thời Pháp thuộc thêm huyện Bảo Lộc ; nay thuộc tỉnh Bắc Giang.

Lập Thạch (huyện) : đời Trần thuộc châu Tam Đới ; đời Nguyễn thuộc phủ Tam Đới ; nay thuộc tỉnh Vĩnh Yên.

Lão Qua (nước) : thuộc nước Ai Lao, nay là khu vực Mường Luông – Luang Prabang của Lào.

Linh Phong (núi) : thuộc Bàn Thành. Xem **Bàn Thành**.

Loa Thành : thuộc Đông Ngàn, Kinh Bắc ; nay thuộc Đông Anh, Hà Nội.

Long Biên : đời Hán ở phía Bắc sông Hồng ; đời Tùy, quận Giao Chỉ dời từ Long Biên về Tống Bình (Hà Nội ngày nay) nên Long Biên thành tên gọi của cả vùng Hà Nội.

Long Đệ : tại Mộc Châu. Xem **Mộc Châu**.

Long Thành : chỉ Thăng Long. Xem **Thăng Long**.

Lương Tài (huyện) : xem **Lang Tài**.

Lý Hải (xã) : đời Nguyễn thuộc huyện Yên Lãng, phủ Tam Đới, trấn Sơn Tây ; nay thuộc huyện Yên Lãng, tỉnh Vĩnh Yên.

M

Mã (sông) : còn có tên là Lỗi Giang, một con sông lớn ở tỉnh Thanh Hóa.

Mã Hà : chưa rõ thuộc vùng nào.

Mang Ách : chưa rõ thuộc vùng nào của tỉnh Lai Châu.

Mộc Châu : đời Trần là hai huyện Mống và Tứ Mang, thuộc trấn Thiên Hưng ; đời Lê bao gồm huyện Mộc Châu ngày nay và một phần huyện Mai Đà, thuộc trấn Hưng Hóa ; đời Nguyễn thuộc tỉnh Hưng Hóa ; nay Mộc Châu là một huyện của tỉnh Sơn La.

N

Na Sơn : còn gọi núi Nưa, thuộc xã Cổ Định, huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa.

Nam (châu) : tức tỉnh Nam Định.

Nam Chân (huyện) : đời Trần thuộc phủ Thiên Trường, đời Lê thuộc trấn Sơn Nam ; nay là huyện Nam Trực, tỉnh Nam Định.

Nam Chưởng : một vùng đất thuộc tả ngạn sông Mê Kông, địa phận Lào.

Nam Dư (xã) : thuộc huyện Thanh Trì. Xem **Thanh Trì**.

Nam Hải (biển) : vùng biển Quảng Đông, Lợi Châu, còn gọi là biển Chi Na (Trung Quốc).

Nam Hoa (xã) : có ở hai nơi :

1. Thuộc huyện Nam Đàn, Nghệ An.
2. Thuộc huyện Thanh Chương. Xem **Thanh Chương**.

Nam Khang : một địa danh trong kinh thành Thăng Long.

Nam Xương (huyện) : đời Trần thuộc châu Lý Nhân ; đời Lê thuộc phủ Lý Nhân, trấn Sơn Nam ; nay là huyện Lý Nhân, tỉnh Hà Nam.

Ngọc Kinh :

1. Theo Đạo giáo là nơi ở của Thiên đế.
2. Chỉ đế đô.

Ngọc Sơn (huyện) : đời Trần là huyện Cổ Chiến, châu Cửu Chân, trấn Thanh Đô ; đời Lê thuộc phủ Hà Trung, trấn Thanh Hóa ; nay là huyện Tĩnh Gia, tỉnh Thanh Hóa.

Nghệ An (châu) : đời Trần là phủ lộ ; đời Lê là trấn ; đời Nguyễn đến nay là tỉnh Nghệ An.

Nghi Xuân (huyện) : còn có tên là Nha Nghi, đời Trần thuộc phủ lộ Nghệ An ; đời Lê thuộc phủ Đức Quang, trấn Nghệ An ; nay thuộc tỉnh Hà Tĩnh.

Ngũ Môn (cửa) : cửa thành thuộc kinh thành Thăng Long.

Ngưu Hống : thuộc Hưng Hóa. Xem **Hưng Hóa**.

Nhân (núi) : thuộc Nam Khang. Xem **Nam Khang**.

Nhân Hữu (xã) : đời Nguyễn thuộc huyện Gia Định, phủ Thuận An, trấn Kinh Bắc ; nay thuộc tỉnh Bắc Ninh.

Nhị Hà : tức sông Hồng.

Niệm Hạ (xã) : thuộc huyện Chân Định. Xem **Chân Định**.

Ninh Bình : đời Trần thuộc lộ Trường Yên ; đời Lê Trung hưng thuộc trấn Thanh Hóa ngoại ; nay là tỉnh Ninh Bình.

Ninh Viễn (châu) : thuộc đạo Đà Giang. Xem **Đà Giang**.

Nông Cống (huyện) : đời Trần thuộc châu Cửu Chân, trấn Thanh Đô ; đời Lê thuộc phủ Hà Trung, trấn Thanh Hoa ; nay thuộc Thanh Hóa.

Nưa (núi) : tức núi Na, Na Sơn. Xem **Na Sơn**.

O - P

Ông Mặc : đời Lê thuộc huyện Đông Ngàn, trấn Kinh Bắc ; nay thuộc Hà Nội.

Phật Tích (xã) : thời Lê – Nguyễn thuộc huyện Tiên Du, phủ Từ Sơn, trấn Kinh Bắc ; nay thuộc tỉnh Bắc Ninh.

Phi Long (núi) : một ngọn núi cao thuộc châu Mộc. Xem thêm **Mộc Châu**.

Phì : tức Hợp Phì, tên huyện đặt từ đời Hán, thuộc đạo An Khánh, tỉnh An Huy, Trung Quốc.

Phù Hoa (châu) : đời Lê là huyện Phù Dung ; đời Mạc đổi là Phù Hoa, thuộc trấn Sơn Nam ; đời Nguyễn đổi là Phù Cừ ; nay thuộc tỉnh Hưng Yên.

Phù Đồng (làng) : thuộc huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh ; nay là xã Phù Đồng, huyện Gia Lâm, Hà Nội.

Phù Minh (làng) : có lẽ thuộc huyện Tiên Du. Xem **Tiên Du**.

Phù Ninh (xã) : đời Lê thuộc huyện Đông Ngàn, phủ Từ Sơn, trấn Kinh Bắc ; nay thuộc huyện Gia Lâm, Hà Nội.

Phù Thạch (sông) : có lẽ là khúc sông Lam chảy qua địa phận huyện La Sơn (nay là huyện Đức Thọ), tỉnh Hà Tĩnh. Ở đây có một bến sông cùng tên từng lưu danh trong lịch sử địa lý dân tộc. Xem thêm **La Sơn**.

Phú Xuyên (huyện) : còn có các tên là Phù Vân, Phú Nguyên ; đời Lê thuộc phủ Thường Tín, trấn Sơn Nam thượng ; nay thuộc Hà Nội.

Phụ Thượng : chưa rõ nay thuộc địa phận nào.

Phụng Công (xã) : thuộc huyện Yên Dũng ; đời Lê thuộc trấn Kinh Bắc ; nay thuộc tỉnh Bắc Giang.

Phụng Thành : tức thành Thăng Long, nay là Hà Nội.

Phương Xá (xã) : thuộc Phụ Thượng, chưa rõ nay thuộc địa phận nào.

Q

Quảng Châu (thành phố) : thuộc miền trung tỉnh Quảng Đông, Trung Quốc.

Quảng Đông (tỉnh) : thuộc Trung Quốc.

Quảng Ngãi : đời Lê là Tư Nghĩa ; đời Nguyễn đổi là phủ Quảng Ngãi, sau đổi là tỉnh, nay là tỉnh Quảng Ngãi.

Quảng Tây (tỉnh) : thuộc Trung Quốc.

Quy Hóa (lộ) : đời Trần là châu Quy Hóa thuộc trấn Thiên Hưng ; đời Lê đổi là thừa tuyên, xứ ; đời Nguyễn đổi là tỉnh Hưng Hóa ; nay gồm hai tỉnh Yên Bái và Lào Cai.

Quỳnh Côi (huyện) : đời Trần thuộc lộ Long Hưng, đời Lê thuộc phủ Thái Bình, trấn Sơn Nam ; nay thuộc tỉnh Thái Bình.

Quỳnh Lôi (làng) : nay thuộc Hà Nội.

S

Sài Sơn (núi) : thuộc phủ Quốc Oai, nay là huyện Quốc Oai, Hà Nội.

Siêu Loại (huyện) : đời Trần thuộc lộ Bắc Giang ; đời Lê do phủ Thuận An kiêm lý ; đời Nguyễn do phủ Thuận Thành kiêm lý ; nay là huyện Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh.

Sơn La : đời Lê đổi thành châu, thuộc trấn Hưng Hóa ; đời Nguyễn đổi là tỉnh Sơn La.

Sơn Nam : gồm Sơn Nam thượng và Sơn Nam hạ ; đời Trần còn gọi là lộ Thiên Trường, bao gồm vùng đất Thái Bình, Nam Định, một phần Hưng Yên và Hà Nội ngày nay.

Sơn Tây : đời Trần là các lộ Tam Giang, Tam Đới, Quảng Oai, Quốc Oai ; năm 1466 là thừa tuyên Quốc Oai ; năm 1469 gọi là Sơn Tây, đầu niên hiệu Gia Long lệ vào Bắc Thành ; năm 1831 đổi làm tỉnh Sơn Tây ; nay thuộc Hà Nội.

T

Tả Ao (xã) : đời Trung hưng thuộc huyện Nghi Xuân. Xem **Nghi Xuân**.

Tây (hồ) : còn có tên là Dâm Đàm, Đoái Hồ, nằm ở phía Tây Bắc kinh thành Thăng Long ; nay thuộc Hà Nội.

Thạch Thất (huyện) : đời Trần thuộc châu Từ Liêm, lộ Đông Đô ; đời Lê thuộc phủ Quốc Oai, trấn Sơn Tây ; nay thuộc Hà Nội.

Thái Bình (phủ) : đời Lý là hương ; đời Trần là huyện, thuộc phủ Tân Hưng ; thời Lê – Nguyễn là phủ thuộc trấn Sơn Nam ; nay là tỉnh Thái Bình.

Thái Nguyên (trấn) : đời Trần là trấn ; đời Lê đổi là thừa tuyên Ninh Sóc ; đời Nguyễn đổi là tỉnh Thái Nguyên.

Thái Sơn (núi) : thuộc tỉnh Sơn Đông, Trung Quốc.

Thanh Chương (huyện) : đời Trần gọi là huyện Thổ Du, thuộc phủ lộ Nghệ An ; đời Lê thuộc phủ Đức Quang, trấn Nghệ An ; nay thuộc tỉnh Nghệ An.

Thanh Đàm (huyện) : tức huyện Thanh Chương. Xem **Thanh Chương**.

Thanh Hóa (trấn) : thời Bắc thuộc có tên là Cửu Chân, Châu Ái ; nhà Đinh vẫn giữ tên ấy ; nhà Lý đặt làm trại, sau đổi là phủ ; đời Trần gọi là Thanh Hoa, Thanh Đô trấn ; khoảng đầu đời Lê là thừa tuyên Thanh Hoa, nay phần lớn thuộc tỉnh Thanh Hóa.

Thanh Hóa ngoại (trấn) : tên đời Nguyễn ; nay là một phần tỉnh Ninh Bình.

Thanh Lâm (huyện) : đời Trần thuộc châu Nam Sách, lộ Lạng Giang ; đời Lê thuộc phủ Nam Sách, trấn Hải Dương ; nay là huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương.

Thanh Liêm (huyện) : đời Trần thuộc châu Lý Nhân, lộ Đông Đô ; đời Lê thuộc phủ Lý Nhân, trấn Sơn Nam ; nay thuộc tỉnh Hà Nam.

Thanh Trì (huyện) : trước đời Trần gọi là châu Long Đàm ; đời Trần là huyện Long Đàm, châu Thượng Phúc, lộ Đông Đô ; đời Lê là huyện Thanh Trì, phủ Thường Tín, trấn Sơn Nam ; nay thuộc ngoại thành Hà Nội.

Thành Nam : tức thành phố Nam Định, nay thuộc tỉnh Nam Định.

Thần Châu : chỉ kinh đô.

Thăng Long : kinh đô Việt Nam, nay là Hà Nội.

Thị Nai (cửa biển) : thuộc huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định.

Thiên Bản (huyện) : đời Trần thuộc phủ Kiến Hưng, lộ Hoàng Giang ; đời Lê thuộc phủ Nghĩa Hưng, trấn Sơn Nam ; nay là huyện Vụ Bản, tỉnh Nam Định.

Thiên Đức (sông) : tức sông Đuống, chảy qua phủ Thiên Đức, trấn Kinh Bắc, nay là tỉnh Bắc Ninh.

Thiên Lộc (huyện) : đời Lê thuộc phủ Đức Quang, trấn Nghệ An ; nay là huyện Can Lộc, tỉnh Hà Tĩnh.

Thiên Mỗ (xã) : nay là xã Đại Mỗ thuộc huyện Từ Liêm. Xem thêm **Từ Liêm**.

Thiết Sơn (núi) : ở phủ Lâm Thao. Xem **Lâm Thao**.

Thiệu Lăng : tên đất thời Xuân thu ; nay còn thành cổ ở phía Đông huyện Yên Thành, tỉnh Hà Nam, Trung Quốc.

Thọ Xuân (huyện) : đời Lê thuộc phủ Thanh Đô, trấn Thanh Hoa ; đời Nguyễn thuộc tỉnh Thanh Hóa ; nay thuộc tỉnh Thanh Hóa.

Thuận Mỹ (phường) : thuộc kinh thành Thăng Long, nay là Hà Nội.

Thụy Anh (huyện) : đời Trần thuộc lộ An Tiêm ; đời Lê thuộc phủ Thái Bình, trấn Sơn Nam ; nay thuộc tỉnh Thái Bình.

Thụy Hương (xã) : thuộc huyện Yên Sơn, phủ Quốc Oai, trấn Sơn Tây ; nay thuộc Hà Nội.

Thư Trì (huyện) : đời Trần là hai huyện Bồng Điền và Kiến Xương, thuộc phủ Kiến Xương ; đời Lê thuộc trấn Sơn Nam ; nay thuộc tỉnh Thái Bình.

Thương Sơn (núi) : ở Đông Nam huyện Thương, tỉnh Thiểm Tây, Trung Quốc.

Thượng Phúc (huyện) : đời Trần là huyện Bảo Phúc, thuộc lộ Đông Đô ; đời Lê thuộc phủ Thường Tín, trấn Sơn Nam ; nay là huyện Thường Tín, Hà Nội.

Tiên Du (huyện) : đời Trần thuộc châu Vũ Ninh, lộ Bắc Giang ; đời Lê thuộc phủ Từ Sơn, trấn Kinh Bắc ; nay thuộc tỉnh Bắc Ninh.

Tô Châu (thành phố) : thuộc tỉnh Tô Châu, Trung Quốc.

Tô Lịch (sông) : chảy qua nội thành Thăng Long ; nay ở Hà Nội vẫn còn một số đoạn.

Trác Bút (xã) : thuộc huyện Yên Phong. Xem **Yên Phong**. Huyện Nam Xương, phủ Lý Nhân, trấn Sơn Nam thượng cũng có xã Trác Bút. Xem thêm **Nam Xương**.

Tràng An : cũng gọi là Trường An, chỉ kinh thành Thăng Long ; nay là Hà Nội.

Trần Kiều : tên trạm ; nay là trấn, ở về phía Đông Bắc huyện Khai Phong, tỉnh Hà Nam, Trung Quốc.

Trâu Sơn (núi) : thuộc huyện Vũ Ninh ; đời Trần thuộc lộ Bắc Giang ; nay là huyện Võ Giàng, tỉnh Bắc Ninh.

Trình Phố (xã) : thuộc huyện Chân Định. Xem **Chân Định**.

Trú Cỏ (núi) : chưa rõ nay thuộc vùng nào.

Trường An : xem **Tràng An**.

Tuần Giáo (đất) : đời Lê thuộc trấn Hưng Hóa ; đời Nguyễn thuộc tỉnh Hưng Hóa. Xem **Hưng Hóa**.

Tung Lăng (vùng) : đời Lê thuộc phủ An Tây, trấn Hưng Hóa. Xem thêm **Hưng Hóa**.

Tung Lĩnh (núi) : thuộc đất Tung Lăng, đạo Đà Giang. Xem **Đà Giang**.

Tuyên Quang (xứ) : đời Trần là trấn Tuyên Quang ; đầu đời Lê đổi làm thừa tuyên ; nay là tỉnh Tuyên Quang.

Từ Liêm (huyện) : đời Lê thuộc phủ Quốc Oai, trấn Sơn Tây ; đời Nguyễn thuộc phủ Hoài Đức, tỉnh Hà Nội ; nay thuộc Hà Nội.

V

Vân Canh (xã) : thời Lê – Nguyễn thuộc huyện Từ Liêm, phủ Quốc Oai, trấn Sơn Tây ; nay thuộc Hà Nội.

Vân Giáp (xã) : đời Trần thuộc huyện Thượng Phúc ; thời thuộc Minh đổi là Bảo Phúc ; đời Lê lại là Thượng Phúc, phủ Thường Tín ; nay thuộc huyện Thường Tín, Hà Nội.

Vị Hoàng (sông) : một nhánh sông chảy qua Nam Định.

Việt Thường : theo *Dư địa chí* của Nguyễn Trãi, Việt Thường là đất từ Quảng Trị tới Quảng Nam, song có khi cũng được dùng để gọi nước Việt Nam thời cổ.

Vĩnh Đồng (làng) : thuộc huyện Tĩnh Gia, tỉnh Thanh Hóa.

Vĩnh Lại (huyện) : đời Trần là huyện Đồng Lợi thuộc Hồng Châu, đến năm 1838 tách 3 tổng nhập với 5 tổng của huyện Tứ Kỳ đặt thành huyện Vĩnh Bảo, thuộc tỉnh Hải Dương ; nay là huyện Vĩnh Bảo, thuộc thành phố Hải Phòng.

Vũ Giang (huyện) : còn đọc là Võ Giàng, đời Lê thuộc phủ Từ Sơn, trấn Kinh Bắc, nay thuộc Bắc Giang.

X - Y

Xa Lý : còn gọi là Sằn Lý, đời Hán thuộc quận Giao Chỉ, nay thuộc tỉnh Vân Nam, Trung Quốc.

Xích Man (đất) : chỉ một bộ tộc thiểu số, chưa rõ ở đâu.

Xuân Canh (xã) : thuộc huyện Đông Ngàn. Xem **Đông Ngàn**.

Yên Khoái (xã) : có nhiều xã mang tên Yên Khoái ở các nơi : huyện Phúc Lộc, phủ Quảng Oai, trấn Sơn Tây (nay thuộc Hà Nội) ; châu Lộc Bình, phủ Trường Khánh, xứ Lạng Sơn ; huyện Hoa Phong, huyện Hoành Bồ, phủ Hải Đông, trấn Yên Quảng (nay thuộc Quảng Ninh).

Yên Lãng (xã) : có ở nhiều nơi : huyện Đông Triều, phủ Kinh Môn, trấn Hải Dương (nay thuộc tỉnh Hải Dương) ; huyện Lập Thạch, Yên Lãng, phủ Tam Đới, trấn Sơn Tây (xem thêm Sơn Tây) ; huyện Yên Phong, phủ Từ Sơn (nay thuộc các tỉnh Bắc Giang, Bắc Ninh) ; huyện Vĩnh Thuận, phủ Hoài Đức (nay là Hà Nội) ; châu Bảo Lạc, châu Đại Man, phủ Yên Bình, xứ Tuyên Quang (nay thuộc tỉnh Tuyên Quang).

Yên Phong (huyện) : đời Trần thuộc châu Vũ Ninh, lộ Bắc Giang ; đời Lê thuộc phủ Từ Sơn, trấn Kinh Bắc ; nay thuộc tỉnh Bắc Ninh.

Yên Sở (xã) : thuộc huyện Đan Phượng. Xem **Đan Phượng**.

Yên Thường : vùng đất thuộc huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh cũ ; nay thuộc huyện Gia Lâm, Hà Nội.

MỤC LỤC

TRUYỆN TRUYỀN KỲ VIỆT NAM QUYỂN HAI (TẬP III - TẬP IV)

TẬP III

	Trang
VŨ PHƯƠNG ĐỀ	
Công dư tiếp ký	
50. Tìm đất đền ơn	11
51. Thủ khoa mặt đẹp	16
52. Thương thư Lương Hữu Khánh	21
53. Nhận ra mẹ đẻ	27
54. Dóng ngựa thi thơ	32
55. Tiến sĩ ăn khỏe	38
56. Thám hoa được giáng xuống Phù Khê	44
57. Ác báo	46
58. Họ Trương cao cờ	48
59. Kiếp sau của sư Bất số	51
60. Sư chăn trâu linh thông	55
61. Thần miếu Kim Tung	57
62. Kẻ trộm lừa thần thánh	60
63. Nguyễn Giám sinh làm vua đất Bắc	62
64. Bố già lặn xuống vực tìm con gái	64
65. Chôn xương bụng ngựa	66
66. Dùng nhan sắc nhà Trần lấy thiên hạ	68
67. Nghề mọn nên quan	72
68. Giao long ngủ nhờ	75

69. Ông Hồ	77
70. Chuột dấy mặt, biết điểm lành dữ	79
71. Thám hoa Nguyễn Đăng Cảo	84

VŨ TRINH

Lan Trì kiến văn lục

72. Dốc Lôi Thủ	89
73. Thần cửa Cần Hải	91
74. Con lai rắn	93
75. Tiên ngoài hải đảo	94
76. Nguyễn Quỳnh	96
77. Phạm Viên	99
78. Ông tiên ăn mỳ	102
79. Hai truyện hổ có nghĩa	105
80. Sinh đẻ kỳ lạ	107
81. Sống lại	108
82. Tén ăn trộm	110
83. Cô Đào họ Nguyễn	113
84. Chuyện tình ở Thanh Trì	117
85. Cá thần	120
86. Chuyện khi	121
87. Con hổ nghĩa hiệp	122
88. Bà đồng	124
89. Bà phu nhân Lan Quận công	126
90. Quan Thượng họ Đỗ	129
91. Điểm báo trước	131
92. Nhớ được ba kiếp	133
93. Chuyện quan Quận ở Liên Hồ	134
94. Hổ có lòng nhân	136
95. Ông Nguyễn Trật	137
96. Tháp Báo Ân	140
97. Ông Trạng họ Nguyễn	143
98. Giấc mộng lạ	146
99. Gấu, hổ chọi nhau	147

100. Rắn thần	148
101. Thấy xem tướng	150
102. Thần Chiêu Trưng	151
103. Động Hải Sơn	152
104. Biết chuyện kiếp trước	153
105. Người khổng lồ	154
106. Con giải	155
107. Thần giữ cửa	157
108. Nguyễn Danh Được	158
109. Yêu quái trên cây	160
110. Đánh nhau với quỷ	162

PHẠM QUÝ THÍCH

Tân truyền kỳ lục

111. Con chó nhà nghèo có nghĩa	165
---------------------------------------	-----

KHUYẾT DANH

Sơn cư tạp thuật

112. Thi đồ do tiền định	177
113. Cờ vàng cấm trên lầu thi	180
114. Không được ! Không được !	181
115. Chúa ác tự hại	182
116. Sư chùa núi Yên Tử	184
117. Trạng nguyên Đạo sĩ	187
118. Ông sư tiên núi Nưa	188
119. Động Hồ Công	191
120. Thường dân thi đỗ	193
121. Xử án cốt ở sự thực	195
122. Ngọc Nữ ở Sơn Trang	198

PHẠM ĐÌNH HỒ VÀ NGUYỄN ÁN

Tang thương ngẫu lục

123. Ông Nguyễn Duy Thì	201
124. Ông Nguyễn Văn Giai	203

125. Người nông phu ở Như Kinh và người nông phu ở An Mô.....	207
126. Thành Đạo Tử	209
127. Ông Nguyễn Hoàn	211
128. Ông Nguyễn Trọng Thường	214
129. Tướng quân Đoàn Thượng	216
130. Sông Dừng	218
131. Nội đạo tràng	221
132. Anh kẻ trộm làng Lâm Hộ	223
133. Ông Lê Trãi	224
134. Tượng Già lam ở ngôi chùa ngoài đồng	230
135. Sông Độc	231
136. Mẹ ranh càn sát	233
137. Thánh Tông Hoàng đế	235

PHẠM ĐÌNH HỔ

Vũ trung tùy bút

138. Cá voi	239
139. Thác oan	241
140. Thần hổ Động Đình	243

GIA CÁT THỊ

Tân đính hiệu bình Việt điện u linh tập

141. Đến thờ thần họ Bồ núi Vĩnh Lâm	249
--	-----

Tân đính Lĩnh Nam chích quái

142. Đồng Tử gặp duyên lành	257
143. Xương Cuồng ý thế	263
144. Nhân duyên xấu hóa nhân duyên tốt	266
145. Kim quy hiền kế chém yêu tinh	272
146. Man thị cầu quả phúc	278
147. Liệt nữ giấu kín vết nhơ	284
148. Hàng dầu hưởng lộc trời	287

TẬP IV

NGUYỄN HUY HỒ

Bích Châu du tiên mạn ký

149. Nàng Bích Châu đi chơi cõi tiên	297
--	-----

TRƯƠNG QUỐC DỤNG

Thoái thực ký văn

150. Thách thức với thần	309
151. Ông tiên Đông Thành	311
152. Biết chuyện kiếp trước	315

KHUYẾT DANH

Việt Nam kỳ phùng sự lục

153. Cuộc gặp gỡ kỳ lạ	318
154. Minh ngọc biển đảo	382

KHUYẾT DANH

Hoa viên kỳ ngộ tập

155. Cuộc gặp gỡ kỳ thú ở vườn hoa	413
--	-----

PHẠM ĐÌNH DỤC

Ván nang tiểu sử

156. Ngải trăm ngày	491
157. Xử tội chuột	493
158. Tiết phụ hai chồng	495
159. Ma trành	498
160. Chị em đối con	500
161. Vinh hiển ở cõi âm	502
162. Quận công Lướt Gió	504
163. Cọp dạy	508
164. Phùng phụ đất Việt	510
165. Cọp giữ bình hồ	512
166. Người mặc vỏ cây	514
167. Khoản ước chết thuê	516
168. Tướng ở xương	518
169. Vứt dao đồ tể	520

170. Ma thất cổ.....	522
171. Giữa đồng ép cuộc mây mưa	524
172. Ham điều nhân rước tai họa	527
173. Treo mo cau bán ba ba	530
174. Tay luồn họng cạp	532
175. Gọi người khác bằng cha.....	534
176. Chúa sơn lâm đo đếm	537
177. Gái thần	539
178. Cá trăm giàn dưa	543
179. Chuyện lạ núi Nưa.....	545
180. Con cây có nghĩa	548
181. Nhà giàu tương hành khát.....	549
182. Mẹ nào con ấy	551
183. Mẹo lừa.....	554
184. Hài cốt nữ hiệp dưới gốc hồng mai	557
185. Hướng đất và luật trời.....	561
186. Hồ làm Lý trưởng.....	563

KHUYẾT DANH

Thính văn dị lục

187. Nguyễn Tả Ao	567
188. Chó trắng ba chân	570
189. Tiến sĩ Lý Trần Dự	572

NGUYỄN THUẬN HIỀN

Hát Đồng thư dị

190. Điện Long vương	577
191. Cuộc hôn nhân ở Âm phủ	579
192. Người con gái mang lối rùa	581
193. Người đẩy tở của hổ	583
194. Nhận biển	585
195. Thượng thư bán cam	586
196. Quỷ núi	588
197. Bảng nhãn họ Hà	589
198. Chim khướu	591
199. Tổng đốc họ Nguyễn	592

KHUYẾT DANH

Nam thiên trần dị tập

200. Chân nhân Phạm Viên	595
201. Tiến sĩ Trần Danh Tiêu	600
202. Lê Kính	603
203. Đại Vương Ốc	605
204. Bốn con cùng đồ	607
205. Dì ghẻ bị quả báo	609
206. Khách chôn của	611
207. Thái thú Diên Châu	613
208. Thầy bói quái dị (Tục gọi là thầy đạo)	615

KHUYẾT DANH

Dã sử

209. Chuyện lạ đáng ghi	631
210. Hai thần tranh kiện	633
211. Đuôi uoi biết nói	636
212. Dòng dõi tiên hươu	639
213. Quân tử kết giao	642
214. Chuyện người thợ đá	646

CÁC BẢNG TRA CỨU TẬP III

I. Tra cứu tên truyện (chữ Việt)	651
II. Tra cứu tên truyện (chữ Hán)	656
III. Tra cứu niên hiệu	662
IV. Tra cứu tên đất	664

CÁC BẢNG TRA CỨU TẬP IV

I. Tra cứu tên truyện (chữ Việt)	687
II. Tra cứu tên truyện (chữ Hán)	691
III. Tra cứu niên hiệu	695
IV. Tra cứu tên đất	697
Mục lục	713

Chịu trách nhiệm xuất bản :

Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc NGÔ TRẦN ÁI

Phó Tổng Giám đốc kiêm Tổng biên tập NGUYỄN QUÝ THAO

Tổ chức bán thảo và chịu trách nhiệm nội dung :

Phó Tổng biên tập PHAN XUÂN THÀNH

Giám đốc Công ty CP Dịch vụ xuất bản Giáo dục Hà Nội PHAN KẾ THÁI

Biên tập lần đầu :

ĐINH THÁI HƯƠNG - HOÀNG PHÙNG

Biên tập tái bản và sửa bản in :

NGUYỄN TRÍ SƠN

Trình bày bìa :

VĂN SÁNG

Chế bản :

CÔNG TY CP THIẾT KẾ VÀ PHÁT HÀNH SÁCH GIÁO DỤC

Tổng phát hành:

NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC TẠI TP. ĐÀ NẴNG

TRUYỆN TRUYỀN KỶ VIỆT NAM
QUYỂN HAI (TẬP III - TẬP IV)

Mã số: 8V347h9 - NĐN

In 1.000 cuốn, khổ 16 x 24cm tại Công ty Cổ phần In và Dịch vụ Thừa Thiên Huế,
57 Bà Triệu - Huế. Số XB: 475-2009/CXB/60-901/GD. In xong và nộp lưu chiểu
tháng 10 năm 2009.



VƯƠNG MIỀN KIM CƯƠNG
CHẤT LƯỢNG QUỐC TẾ



NGUYỄN HUỆ CHI
(Chủ biên)

TRUYỀN TRUYỀN KỲ VIỆT NAM

QUYỂN HAI



Giá: 120.000đ